TỔNG CỤC THUẾ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG HỖ TRỢ KÊ KHAI

(Dành cho người nộp thuế)

Phiên bản HTKK 5.x.x

Hà Nội - Năm 2025

MỤC LỤC

1 GIỚI THIỆU 1
1.1 Hướng dẫn sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai 1
1.1.1 Cách sử dụng trợ giúp trong ứng dụng 1
1.1.1.1 Nội dung hướng dẫn 1
1.1.1.2 Danh sách template 1
1.1.2 Yêu cầu về cấu hình hệ thống 1
1.1.3 Hướng dẫn thiết lập thông số màn hình 1
1.1.4 Hướng dẫn cách gõ tiếng Việt có dấu 2
1.1.5 Hướng dẫn kết nối máy in 3
1.1.6 Khởi động ứng dụng 4
1.1.7 Giao diện ứng dụng 5
1.1.8 Sử dụng hệ thống menu 5
1.1.9 Kê khai thông tin doanh nghiệp 6
1.1.10 Điều khiển nhập dữ liệu 7
1.1.11 Nhập mới, mở tờ khai thuế 9
1.1.12 Các chức năng trên màn hình kê khai tờ khai 10
1.1.13 Kiểm tra và thông báo kê khai sai 13
1.1.14 Sao lưu dữ liệu 14
1.1.15 Phục hồi dữ liệu 15
1.1.16 Kết xuất ra file PDF 15
1.1.17 Danh mục 18
1.1.17.1 Đăng ký danh mục thuế tài nguyên và tiêu thụ đặc biệt 18
1.1.17.2 Xem bảng giá tính thuế của địa phương 20
1.1.17.3 Đăng ký danh mục phí bảo vệ môi trường 21
1.1.17.4 Đăng ký danh mục phí, lệ phí 22
1.1.18 Tra cứu tờ khai 23
1.1.19 Cấu hình cập nhật 25
1.1.20 Chuyển đổi dữ liệu từ HTKK 3.8.x sang HTKK 5.x.x 26
2 ĐẢM BẢO CỦA CƠ QUAN THUẾ 27
2.1 Bản quyền 27
2.2 Tính tin cậy 27
2.3 Bạn cần in tờ khai 27
2.4 Bạn cần kết xuất tờ khai theo chuẩn XML 28
2.5 Lưu trữ tờ khai 28
3 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC CHỨC NĂNG KÊ KHAI 28
3.1 Kê khai thông tin chung của doanh nghiệp 28
3.2 Các quy định và tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai chung của ứng dụng: 28
3.3 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế GTGT 29
3.3.1 Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ mẫu 01/GTGT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 29
3.3.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 30
3.3.1.1.1 Phụ lục 01-2/GTGT: Bảng phân bổ thuế giá trị gia tăng phải

nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện 33
3.3.1.1.2 Phụ lục 01-3/GTGT: Bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán 34
3.3.1.1.3 Phụ lục 01-6/GTGT: Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp 35
3.3.1.1.4 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị Quyết số 43/2022/QH15..... 36
3.3.1.1.5 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15) 37
3.3.1.1.6 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 và Nghị quyết số 204/2025/QH15) 37
3.3.1.2 Trường hợp tờ khai bổ sung 38
3.3.2 Tờ khai thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư mẫu 02/GTGT đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 41
3.3.2.1 Trường hợp tờ khai lần đầu..... 42
3.3.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 43
3.3.3 Tờ khai thuế giá trị gia tăng trực tiếp mẫu 03/GTGT đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC..... 45
3.3.3.1 Trường hợp tờ khai lần đầu..... 45
3.3.4 Tờ khai thuế GTGT mẫu 04/GTGT theo lần phát sinh đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP..... 47
3.3.4.1 Trường hợp tờ khai lần đầu..... 49
3.3.4.1.1 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15..... 51
3.3.4.1.2 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15) 52
3.3.4.1.3 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 và Nghị quyết số 204/2025/QH15) 53
3.3.4.2 Trường hợp tờ khai bổ sung 54
3.3.5 Tờ khai thuế GTGT mẫu 05/GTGT theo lần phát sinh đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP..... 56
3.3.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 56
3.3.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 57
3.3.6 Kê khai thông tin dự án đầu tư cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT ... 59
3.4 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế TNDN..... 60
3.4.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 02/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP..... 60

3.4.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 61
3.4.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 62
3.4.2 Tờ khai Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 03/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 64
3.4.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 64
3.4.2.1.1 Phụ lục 03-1A/TNDN 68
3.4.2.1.2 Phụ lục 03-1B/TNDN 69
3.4.2.1.3 Phụ lục 03-1C/TNDN 70
3.4.2.1.4 Phụ lục 03-2/TNDN 71
3.4.2.1.5 Phụ lục 03-3A/TNDN 72
3.4.2.1.6 Phụ lục 03-3B/TNDN 73
3.4.2.1.7 Phụ lục 03-3C/TNDN 75
3.4.2.1.8 Phụ lục 03-3D/TNDN 77
3.4.2.1.9 Phụ lục 03-4/TNDN 78
3.4.2.1.10 Phụ lục 03-5/TNDN 79
3.4.2.1.11 Phụ lục 03-6/TNDN 80
3.4.2.1.12 Phụ lục 03-8/TNDN 81
3.4.2.1.13 Phụ lục 03-8A/TNDN 82
3.4.2.1.14 Phụ lục 03-8B/TNDN: Chỉ cho phép nhập PL này nếu trên tờ khai chọn chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất tương ứng với tiểu mục 1052 84
3.4.2.1.15 Phụ lục 03-8C/TNDN: Chỉ cho phép nhập PL này nếu trên tờ khai chọn chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất tương ứng với tiểu mục 1057 85
3.4.2.1.16 Phụ lục 03-9/TNDN 86
3.4.2.1.17 Phụ lục GDLK2_ND132_01: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 87
3.4.2.1.18 Phụ lục GDLK2_ND132_02: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 15
3.4.2.1.19 Phụ lục GDLK_ND132_03: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ... 16
3.4.2.1.20 Phụ lục GDLK_ND132_04: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 16
3.4.2.1.21 Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15 18
3.4.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 19
3.4.3 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp - 04/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 20
3.4.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 21
3.4.3.1.1 Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15 22
3.4.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 23

3.4.4 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho thu nhập từ chuyển nhượng vốn - 05/TNDN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 24
3.4.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 25
3.4.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 26
3.4.5 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp - 06/TNDN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 28
3.4.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 28
3.4.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 29
3.5 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Thu nhập cá nhân 31
3.5.1 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/KK-TNCN (đáp ứng thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 31
3.5.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 32
3.5.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 33
3.5.2 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (04/CNV-TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP..... 34
3.5.2.1 Trường hợp tờ khai lần đầu..... 35
3.5.2.1.1 Bảng kê 04-1/CNV-TNCN: Bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn 37
3.5.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 38
3.5.3 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân 04/ĐTV-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 40
3.5.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 42
3.5.3.1.1 Bảng kê 04-1/ĐTV-TNCN..... 43
3.5.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 43
3.5.4 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 04/NNG-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 45
3.5.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 46
3.5.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 47
3.5.5 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân áp dụng cho cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản (04/TKQT-TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP..... 48
3.5.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 50
3.5.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 51
3.5.6 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân 05/KK-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 52
3.5.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 53
3.5.6.1.1 Bảng kê 05-1/PBT-KK-TNCN 55
3.5.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 55

3.5.7 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế (06/TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế số 126/2020/NĐ-CP 57
3.5.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 57
3.5.7.1.1 Bảng kê 06-1/BK-TNCN 59
3.5.7.1.2 Bảng kê 05-1/PBT-KK-TNCN 59
3.5.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 60
3.5.8 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/QTT-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 61
3.5.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 63
3.5.8.1.1 Phụ lục 02-1/BK-QTT-TNCN: Phụ lục giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc 65
3.5.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 65
3.5.9 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 05/QTT-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 67
3.5.9.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 67
3.5.9.1.1 Bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN: 69
3.5.9.1.2 Bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN: 71
3.5.9.1.3 Bảng kê 05-3/QTT-TNCN: 72
3.5.9.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 73
3.5.10 Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (mẫu 20-ĐK-TH-TCT) (TT86/2024) 75
3.5.10.1 Trường hợp NNT tích chọn "Đăng ký thuế" 75
3.5.10.2 Trường hợp NNT tích chọn "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" 77
3.5.11 Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền công, tiền lương (mẫu 05-ĐK-TH-TCT) (TT86/2024) 79
3.5.11.1 Trường hợp NNT tích chọn "Đăng ký thuế" 79
3.5.11.2 Trường hợp NNT tích chọn "Thay đổi thông tin đăng ký thuế" 81
3.5.12 Danh sách chi tiết số tiền nộp thuế TNCN đã nộp thay cho từng cá nhân 83
3.6 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế nhà thầu 85
3.6.1 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 01/NTNN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 85
3.6.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 86
3.6.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 86
3.6.2 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 02/NTNN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 87
3.6.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 88
3.6.2.1.1 Phụ lục 02-1/NTNN: Bảng kê các nhà thầu nước ngoài .. 89
3.6.2.1.2 Phụ lục 02-2/NTNN: Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu 89
3.6.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 90
3.6.3 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 03/NTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 90

3.6.3.1 Đối với tờ khai tháng ***91***
3.6.3.2 Đối với tờ khai lần phát sinh ***92***
3.6.3.3 Đối với tờ khai bổ sung ***92***
3.6.4 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 04/NTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 93
3.6.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***93***
3.6.4.1.1 Bảng kê 02-2/NTNN: Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu 95
3.6.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***95***
3.6.5 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu 01/VTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 96
3.6.5.1 Trường hợp tờ khai lần đầu ***97***
3.6.5.1.1 Bảng kê 01-1/VTNN: Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế 98
3.6.5.1.2 Bảng kê 01-2/VTNN: Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế 98
3.6.5.1.3 Bảng kê 01-3/VTNN: Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ 99
3.6.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***99***
3.6.6 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài mẫu 01/HKNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 100
3.6.6.1 Trường hợp tờ khai lần đầu ***100***
3.6.6.1.1 Phụ lục 01-1/HKNN: Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (Dành cho vận tải hàng không quốc tế) 102
3.6.6.1.2 Phụ lục 01-2/HKNN: Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ trong vận tải hàng không quốc tế) 102
3.6.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***103***
3.6.7 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài mẫu 01/TBH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 103
3.6.7.1 Trường hợp tờ khai lần đầu ***104***
3.6.7.1.1 Bảng kê 01-1/TBH: Danh mục hợp đồng tái bảo hiểm 105
3.6.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***105***
3.7 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tài nguyên 106
3.7.1 Tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP). 106
3.7.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***107***
3.7.1.1.1 Bảng kê 01-1/TAIN: Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện 108
3.7.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung ***109***
3.7.2 Tờ khai Quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 110
3.7.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu ***111***
3.7.2.1.1 Bảng kê 01-1/TAIN: Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện 112

3.7.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 113
3.8 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tiêu thụ đặc biệt..... 114
3.8.1 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt trừ hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học mẫu số 01/TTĐB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 114
3.8.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 116
3.8.1.1.1 Bảng kê 01-1/TTĐB: Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế tiêu thụ đặc biệt 117
3.8.1.1.2 Bảng kê 01-3/TTĐB: Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế tiêu thụ đặc biệt 118
3.8.1.1.3 Phụ lục số 01 – Phiếu tổng hợp doanh thu..... 119
3.8.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 119
3.8.2 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học mẫu số 02/TTĐB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP). 120
3.8.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 121
3.8.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 122
3.9 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Phí, lệ phí 122
3.9.1 Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/PBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 122
3.9.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 123
3.9.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 124
3.9.2 Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu số 02/PBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 125
3.9.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 126
3.9.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 127
3.9.3 Tờ khai phí 01/PH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 127
3.9.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 128
3.9.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 129
3.9.4 Tờ khai quyết toán phí, lệ phí mẫu số 02/PH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 130
3.9.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 132
3.9.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 133
3.9.5 Tờ khai lệ phí mẫu số 01/LP (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 134
3.9.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 134
3.9.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 136
3.9.6 Tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 01/PHLPNG (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 137
3.9.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 138
3.9.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 138

3.9.7 Tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 02/PHLPNG (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 139
3.9.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 140
3.9.7.1.1 Phụ lục 02-1/PHLPNG..... 142
3.9.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 142
3.9.8 Tờ khai lệ phí môn bài mẫu 01/LPMB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 143
3.9.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 144
3.9.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 145
3.10 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thuế bảo vệ môi trường..... 146
3.10.1 Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 146
3.10.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 147
3.10.1.1.1 Phụ lục 01-1/TBVMT (Bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với than)..... 149
3.10.1.1.2 Phụ lục 01-2/TBVMT (Bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với xăng dầu)..... 150
3.10.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 151
3.11 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai các mẫu tờ khai thuế đối với đơn vị Dầu khí 153
3.11.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí (01/TNDN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP..... 153
3.11.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 154
3.11.1.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK 155
3.11.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 156
3.11.2 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí (02/TNDN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP..... 157
3.11.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 158
3.11.2.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK 160
3.11.2.1.2 Phụ lục GDLK2_ND132_01: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 160
3.11.2.1.3 Phụ lục GDLK2_ND132_02: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP 184
3.11.2.1.4 Phụ lục GDLK_ND132_03: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP. 185
3.11.2.1.5 Phụ lục GDLK_ND132_04: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP..... 186
3.11.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 187

3.11.3 Tờ khai các khoản thu về hoa hồng dầu khí, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí (01/TNS-DK) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 188
3.11.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 189
3.11.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 189
3.11.4 Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 01/LNCN- PSC (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 190
3.11.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 191
3.11.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 192
3.11.5 Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 02/LNCN- PSC (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 193
3.11.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 193
3.11.5.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK 195
3.11.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 196
3.11.6 Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga "Vietsoypetro" (01/LNCN-VSP) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 196
3.11.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 197
3.11.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 200
3.11.7 Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (02/LNCN-VSP) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 201
3.11.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 202
3.11.7.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK 204
3.11.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 205
3.11.8 Tờ khai thuế tạm tính áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga Vietsoypetro mẫu 01/TK-VSP (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)..... 206
3.11.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 207
3.11.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 209
3.11.9 Tờ khai phụ thu tạm tính áp dụng cho dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại (01-1/PTHU-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 210
3.11.9.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 210
3.11.9.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 211
3.11.10 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính áp dụng cho thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại (01-1/TNDN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP..... 213
3.11.10.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu..... 213
3.11.10.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 214

3.11.11 Tờ khai quyết toán phụ thu (02/PTHU-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 215
3.11.11.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 216
3.11.11.1.1 Phụ lục 02-1/PTHU-VSP 218
3.11.11.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 219
3.11.12 Tờ khai Quyết toán phụ thu (02/PTHU-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 220
3.11.12.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 221
3.11.12.1.1 Phụ lục 04-PTHU-DK 222
3.11.12.1.2 Phụ lục 05-PTHU-DK 223
3.11.12.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 223
3.11.13 Tờ khai Quyết toán phụ thu (03/PTHU-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 224
3.11.13.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 225
3.11.13.1.1 Phụ lục 04-PTHU-DK 229
3.11.13.1.2 Phụ lục 05-PTHU-DK 230
3.11.13.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 230
3.11.14 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài (02/TNDN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 231
3.11.14.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 232
3.11.14.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 234
3.11.15 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dầu khí mẫu 03/TNDN- DK (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 235
3.11.15.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 236
3.11.15.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 237
3.11.16 Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí (01/TAIN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 237
3.11.16.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 239
3.11.16.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK 240
3.11.16.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 240
3.11.17 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 241
3.11.17.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 242
3.11.17.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK 244
3.11.17.1.2 Phụ lục 01/PL-DK 245
3.11.17.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 246
3.11.18 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 247

3.11.18.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 248
3.11.18.1.1 Phụ lục 02-1/TAIN-VSP 249
3.11.18.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 250
3.11.19 Báo cáp dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế (01/BCTL-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 251
3.11.19.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 252
3.11.19.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 253
3.11.20 Tờ khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên (01/ĐCĐB-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 254
3.11.20.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 255
3.11.20.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 256
3.12 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Cổ tức, lợi nhuận được chia 257
3.12.1 Tờ khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên (01/CTLNĐC) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 257
3.12.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 258
3.12.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 259
3.12.2 Tờ khai quyết toán lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (01/QT-LNCL) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 261
3.12.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 262
3.12.2.1.1 Phụ lục 01-1/QT-LNCL 263
3.12.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 263
3.13 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Hoàn thuế 264
3.13.1 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (mẫu 01/HT) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 264
3.13.2 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước đối với xăng sinh học (mẫu 01a/ĐNHT) ban hành theo Nghị định số 14/2019/NĐ-CP đáp ứng quy định hoàn thuế theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC 269
3.13.3 Mẫu biểu Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (01/ĐNXLNT) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP) 272
3.13.3.1 Phụ lục 02-1/HT 274
3.13.4 Mẫu biểu Văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế (01/ĐNHUY) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC) 275
3.14 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai gia hạn nộp thuế 277
3.14.1 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 34/2022/NĐ-CP 277
3.14.2 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 12/2023/NĐ-CP 280

3.14.3 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 64/2024/NĐ-CP 282
3.14.4 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 82/2025/NĐ-CP 285
3.15 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Nhà cung cấp nước ngoài.... 288
3.15.1 Tờ khai thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử tại Việt Nam (Mẫu số 03/NCCNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 288
3.15.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 289
3.15.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 290
3.15.2 Mẫu biểu Danh sách theo dõi số tiền chuyển cho các nhà cung cấp ở nước ngoài (Mẫu số 04/NCCNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 290
3.16 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Danh sách số hiệu tài khoản thanh toán 291
3.16.1 Danh sách số hiệu tài khoản thanh toán đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP 291
3.17 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Đất đai 293
3.17.1 Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng với tổ chức có đất chịu thuế (Mẫu số 01/SDDNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC .. 293
3.17.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 294
3.17.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 295
3.17.2 Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng cho đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần (Mẫu số 03/SDDNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 296
3.17.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 296
3.17.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 298
3.17.3 Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước (01/TMĐN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 299
3.17.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 299
3.17.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 301
3.18 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Tài sản đảm bảo 302
3.18.1 Tờ khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý (01/KTTSBĐ) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 302
3.18.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 302
3.18.1.1.1 Phụ lục 01-1/KTTSBD 304
3.18.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung 304
3.19 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thay đổi kỳ tính thuế GTGT/TNCN từ tháng sang quý 306
3.19.1 Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý (01/DK-TĐKTT) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC 306
3.20 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thương mại điện tử..... 307
3.20.1 Biểu tổng hợp thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch Thương mại điện tử (01/CCTT-TMĐT) .. 307
3.20.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 307

3.20.1.1.1 Bảng kê 01-1/CCTT-TMĐT 309
3.20.1.2 Trường hợp khai tờ khai thay thế..... 313
3.20.2 Tờ khai thuế khấu trừ trên doanh thu đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử (mẫu 01/CNKD-TMĐT) đáp ứng Nghị định số 117/2025/NĐ-CP 313
3.20.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 313
3.20.2.1.1 Phụ lục 01-1/BK-CNKD-TMĐT 315
3.20.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 318
3.20.3 Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử..... 318
3.21 Hướng dẫn thực hiện chức năng Kê khai Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn 320
3.21.1 Tờ khai số thu từ cổ phần hóa (Mẫu 01/CPH) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC..... 320
3.21.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 321
3.21.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 323
3.21.2 Tờ khai quyết toán số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (mẫu 02/QT-CPH) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC.. 323
3.21.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 324
3.21.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 326
3.21.3 Tờ khai số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp (mẫu 01/CNV) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC. 326
3.21.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 327
3.21.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 329
3.21.4 Tờ khai quyết toán số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp (mẫu 02/QT-CNV) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC..... 329
3.21.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 330
3.21.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 332
3.21.5 Tờ khai quyết toán số thu từ các hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác (mẫu 02/QT-SXCDK) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC..... 332
3.21.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 333
3.21.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 334
3.21.6 Tờ khai số thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp (mẫu 01/CLVCSH-VDL) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC 335
3.21.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu 335
3.21.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung..... 336
4 Thông tin hỗ trợ..... 337
4.1 Phụ lục 01: Danh mục tiền tệ..... 337

1 GIỚI THIỆU

Tài liệu này được xây dựng để hỗ trợ người kê khai thuế hiểu rõ các quy định, hướng dẫn về kê khai thuế và cách thức sử dụng chương trình phần mềm hỗ trợ kê khai.

1.1 Hướng dẫn sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai

1.1.1 Cách sử dụng trợ giúp trong ứng dụng

1.1.1.1 Nội dung hướng dẫn

Duyệt qua các nội dung trợ giúp

Di chuyển chuột cho đến khi xuất hiện hình bàn tay, khi đó tương ứng sẽ có một mục trợ giúp liên quan đến thông tin đang hiển thị. Kích chuột trái để chuyển đến màn hình trợ giúp tiếp theo. Thông thường mục này sẽ hiển thị dưới dạng một đoạn chữ màu xanh và có gạch chân.

Người dùng có thể sử dụng tính năng trợ giúp bằng 2 cách sau:

Cách thứ nhất

Ở bất kỳ vị trí nào trên màn hình, khi bấm F1 sẽ xuất hiện màn hình trợ giúp.

Cách thứ hai

Trên menu, kích chuột trái vào mục "Trợ giúp". Có thể truy xuất nội dung hỗ trợ theo từng chủ đề (Contents): Các chủ đề được tổ chức dưới dạng từng chương, giống như cuốn sách giáo khoa.

1.1.1.2 Danh sách template

Hỗ trợ biểu mẫu dạng file excel của toàn bộ các bảng kê theo các tờ khai trên menu kê khai. NSD chọn menu "Trợ giúp" để xem danh sách các bảng kê được sắp xếp theo thứ tự và tải về khi cần sử dụng.

1.1.2 Yêu cầu về cấu hình hệ thống

- ***Yêu cầu thiết bị phần cứng và hệ điều hành:***

+ Hầu hết các máy tính cá nhân sẽ chạy được ứng dụng hỗ trợ kê khai. Tuy nhiên hiện tại ứng dụng hỗ trợ kê khai mới chỉ chạy được trên nền phần cứng được Windows hỗ trợ.

+ Yêu cầu cấu hình tối thiểu của máy tính như sau: Bộ vi xử lý Intel hoặc các thiết bị xử lý tương thích, Tốc độ tối thiểu PII 400 MHz (hoặc Celeron 567 MHz), Hệ điều hành win xp sp2, win 7, 8, 10. Máy in bất kỳ.

- ***Yêu cầu về các phần mềm hỗ trợ gõ tiếng Việt Unicode:***

+ Ứng dụng hỗ trợ kê khai hỗ trợ font chữ Unicode do đó đòi hỏi máy tính phải được cài đặt phần mềm hỗ trợ gõ font Unicode.

+ Hiện tại ứng dụng chỉ nhận được tiếng Việt khi dùng bộ gõ VietKey theo 2 kiểu gõ là TELEX, VNI và bộ gõ Unikey theo kiểu gõ Telex.

1.1.3 Hướng dẫn thiết lập thông số màn hình

- Ứng dụng hỗ trợ kê khai được thiết kế tốt nhất cho màn hình có độ phân giải 1366x768. Nếu bạn thấy màn hình không hiển thị hết giao diện ứng dụng hoặc thấy chữ hiển thị lên quá nhỏ thì cần phải đặt lại về độ phân giải 1366x768.

- Để điều chỉnh lại độ phân giải màn hình bạn làm như sau: Vào START/Control Panel/Display/ Screen Resolution, và chỉnh độ phân giải như hình vẽ dưới đây:

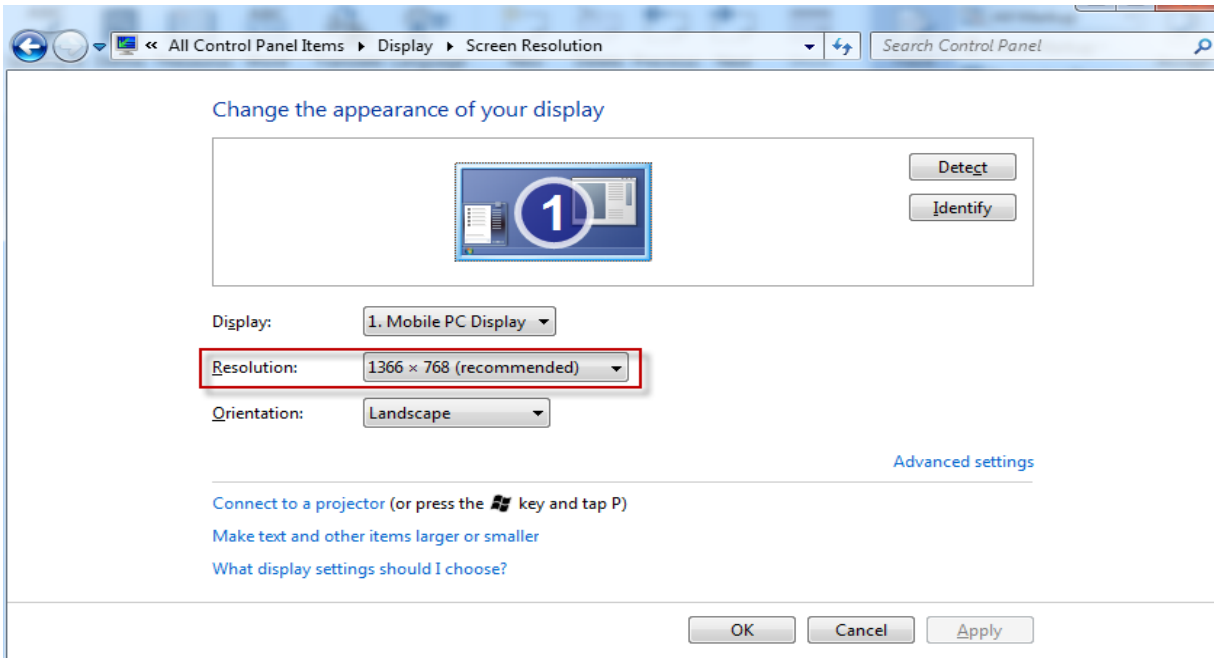

- Chọn OK, màn hình sẽ được điều chỉnh về độ phân giải 1366x768

1.1.4 Hướng dẫn cách gõ tiếng Việt có dấu

- Yêu cầu phải run VietKey hoặc Unikey bằng user quyền admin để gõ tiếng Việt, cho phép sử dụng bằng user thường.
- Thực hiện cấu hình như dưới đây để gõ Unicode bằng bộ gõ VietKey2000:

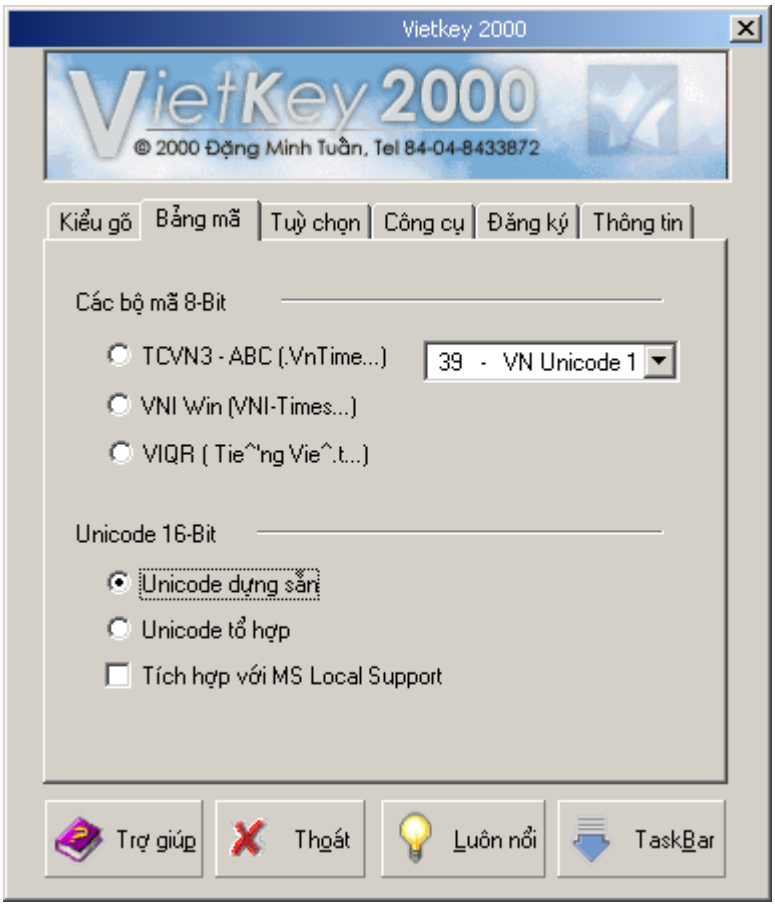

- Để có thể thực hiện nhập dữ liệu vào chương trình HTKK bằng bộ gõ Unikey, Trong cửa sổ làm việc của phần mềm Unikey người sử dụng chọn Bảng mã là: Unicode; Kiểu gõ phím là: Telex

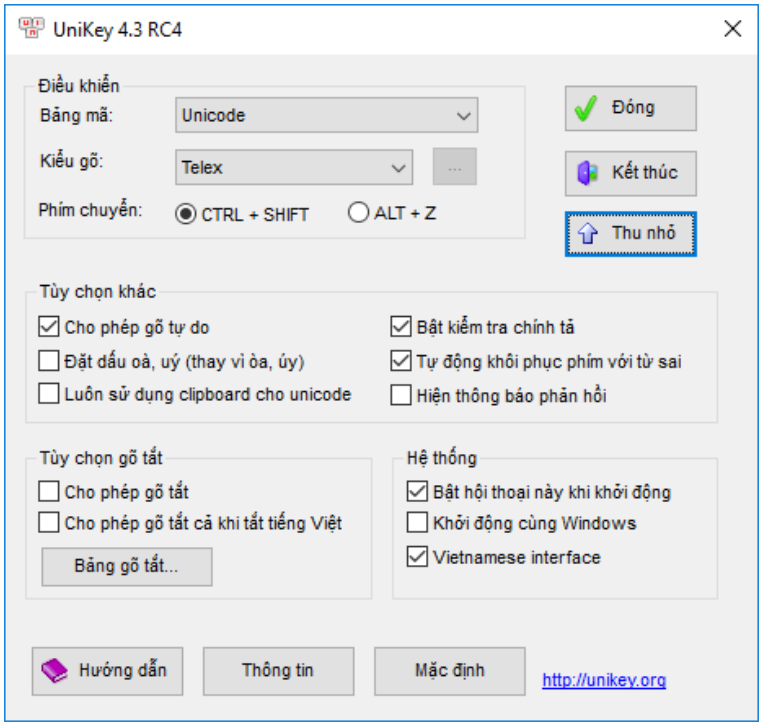

1.1.5 Hướng dẫn kết nối máy in

Trước khi in thì máy in phải được nối với máy tính và máy tính cần phải

được cài đặt phần mềm điều khiển máy in này. Trong windows việc thực hiện như sau: Vào START/Settings/Printers and Faxes. Sau đó thực hiện Add Printer theo hướng dẫn của hệ điều hành Windows

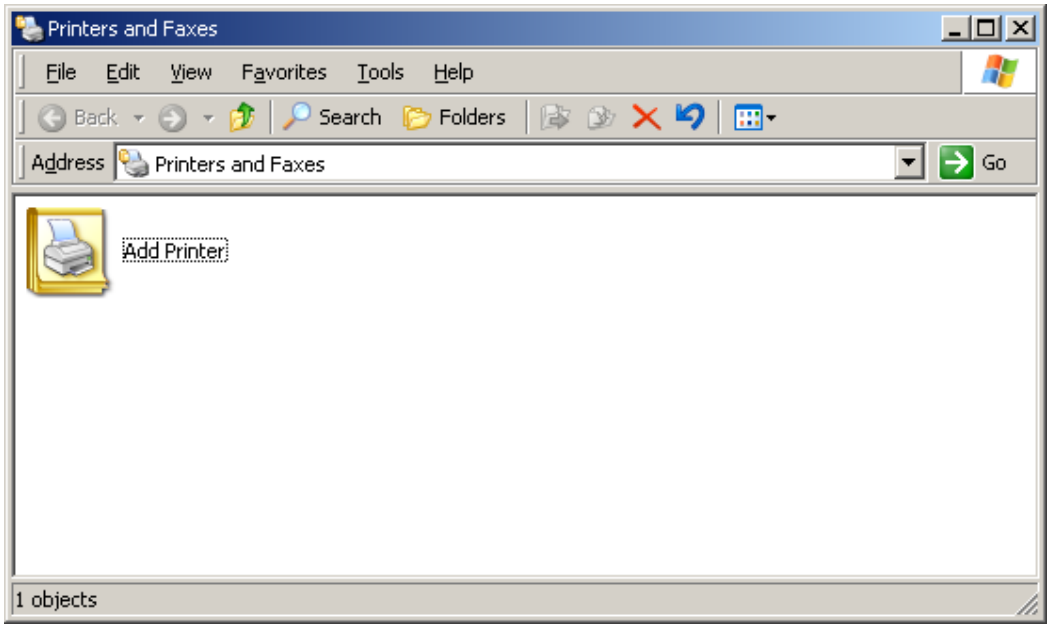

1.1.6 Khởi động ứng dụng

- Yêu cầu phải cài đặt và khởi động ứng dụng lần đầu bằng user có quyền admin. Nếu sử dụng user có quyền admin thì mở ứng dụng lần đầu như bình thường. Nếu sử dụng user không có quyền admin để mở ứng dụng lần đầu tiên thì hiển thị màn hình yêu cầu đăng nhập tài khoản admin cho lần chạy đầu tiên. Từ các lần chạy tiếp theo, user thường chạy ứng dụng như bình thường và không yêu cầu đăng nhập tài khoản admin.
- Khởi động ứng dụng bằng cách kích kép chuột vào biểu tượng HTKK trên màn hình hoặc vào START/Programs/Tong Cuc Thue/Ho tro ke khai/HTKK

- Để bắt đầu sử dụng, cần phải nhập mã số thuế. Nếu là lần khai báo mã số thuế đầu tiên thì hệ thống sẽ hiển thị ngay màn hình để khai báo thông tin về doanh

nghiệp, ngược lại nếu không phải khai báo lần đầu thì sẽ xuất hiện giao diện chính của ứng dụng.

- Nếu người sử dụng thực hiện kê khai cho nhiều mã số thuế thì chọn lần lượt từng mã số để khai báo trong màn hình này. Khi đang kê khai cho một mã số thuế mà muốn chuyển sang mã số khác thì kích vào chức năng chuyển mã số khác… trong menu "Hệ thống".

1.1.7 Giao diện ứng dụng

- Giao diện chính của ứng dụng hỗ trợ kê khai như sau:

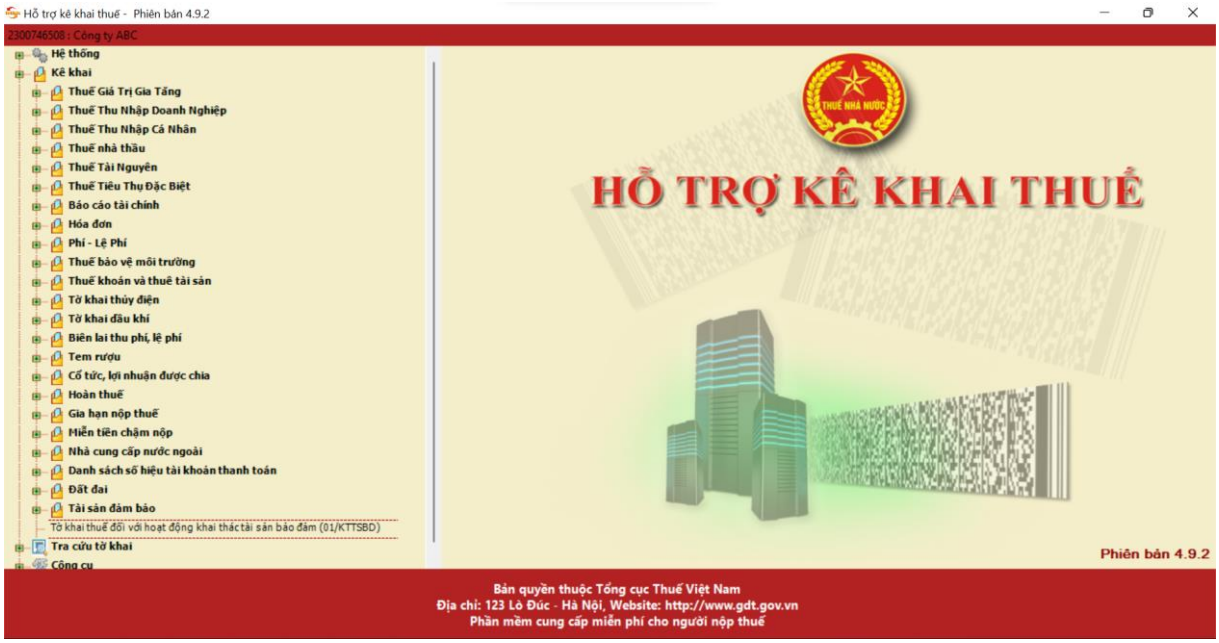

- Trên giao diện chính thể hiện menu điều khiển ở góc trên, bên trái và số hiệu phiên bản ứng dụng.

1.1.8 Sử dụng hệ thống menu

- Menu được đặt phía bên trái trên màn hình. Khi vào màn hình chức năng thì menu sẽ biến mất, và sẽ hiện trở lại khi thoát chức năng.

- Có thể dùng chuột hoặc bàn phím để điều khiển menu. Di chuột trên menu tương ứng với các phím mũi tên lên và xuống, kích chuột trái tương ứng với phím Enter. Mục không có hình kèm theo gắn với một màn hình chức năng, còn mục chữ đậm và có hình thể hiện nhóm các chức năng có cùng ý nghĩa. Bên trái các mục chọn có hình dấu + hoặc –. Khi kích chuột trái lên hình dấu + thì các mục chức năng sẽ hiển thị, ngược lại lên dấu – thì các mục này sẽ được thu gọn và biến mất.

1.1.9 Kê khai thông tin doanh nghiệp

- Có 2 hình thức khởi động chức năng này:
  + Từ menu "Hệ thống", chọn chức năng “Thông tin doanh nghiệp”.
  + Tự khởi động sau khi nhập mã số thuế mới trong bước khởi động ứng dụng
- Các trường đánh dấu * là các trường phải nhập
- Trường ngày bắt đầu năm tài chính phải là ngày đầu quý (01/01, 01/04, 01/07, 01/10). Giá trị này được sử dụng để xác định mẫu tờ khai TNDN tạm nộp quý và quyết toán TNDN năm. Do đó cần phải nhập chính xác giá trị này và không được sửa nếu đã kê khai các tờ khai thuế TNDN trên đây. Nếu thay đổi doanh nghiệp sẽ phải xoá và kê khai lại các tờ khai TNDN đã kê khai.

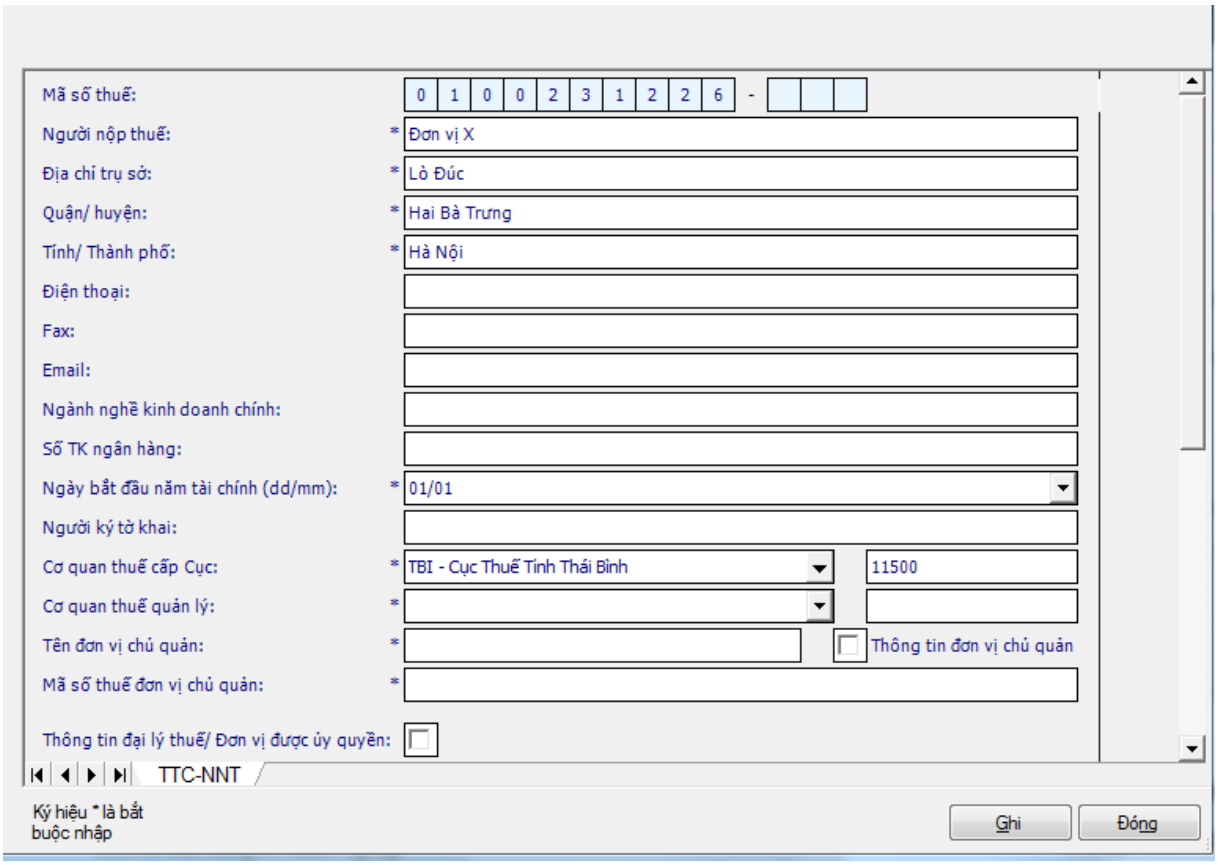

1.1.10 Điều khiển nhập dữ liệu

- ***Nhập theo danh sách:***

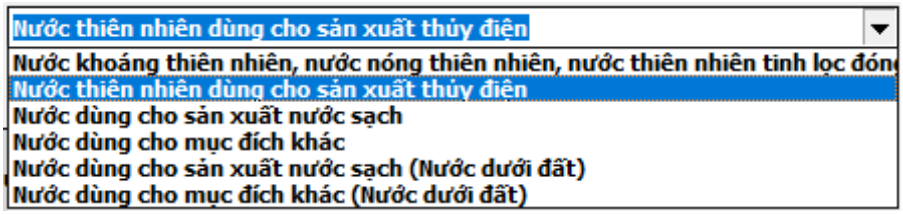

+ Khi bấm chuột trái vào nút "liệt kê danh sách" sẽ thấy xuất hiện các giá trị có thể chọn. Bạn không thể nhập thông tin khác vào đây được. Theo ví dụ hình bên thì chỉ có thể chọn giá trị trong mục chọn này.

- ***Chọn có hoặc không và lựa chọn nhiều phương án theo danh sách***:

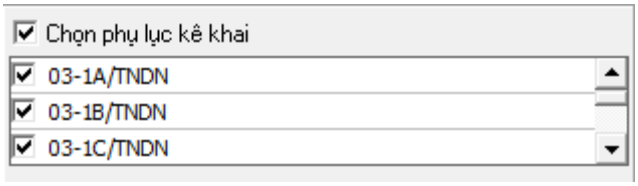

+ Mục chọn là câu trả lời có hoặc không cho câu hỏi đi kèm. Đánh dấu tương ứng với câu trả lời có, khi đó sẽ xuất hiện dấu tích ☑, ngược lại là trả lời không. Kích nút chuột trái hoặc phím <Space> để đặt hoặc bỏ dấu tích ☑. Trong ví dụ hình bên tương ứng với lựa chọn 2 phụ lục dưới và không chọn phụ lục trên cùng. Nếu đánh dấu vào "Chọn phụ lục kê khai" thì cả 3 mục dưới sẽ được đánh dấu và ngược lại.

+ Có thể dùng chuột hoặc bàn phím để di chuyển giữa các lựa chọn. Trong ví dụ hình bên dùng phím mũi tên lên, xuống để dịch chuyển giữa mục PL 03-1A/TNDN và PL 03-1B/TNDN. Hoặc dùng nút chuột trái để lựa chọn.

- ***Nhập dữ liệu theo bảng:***

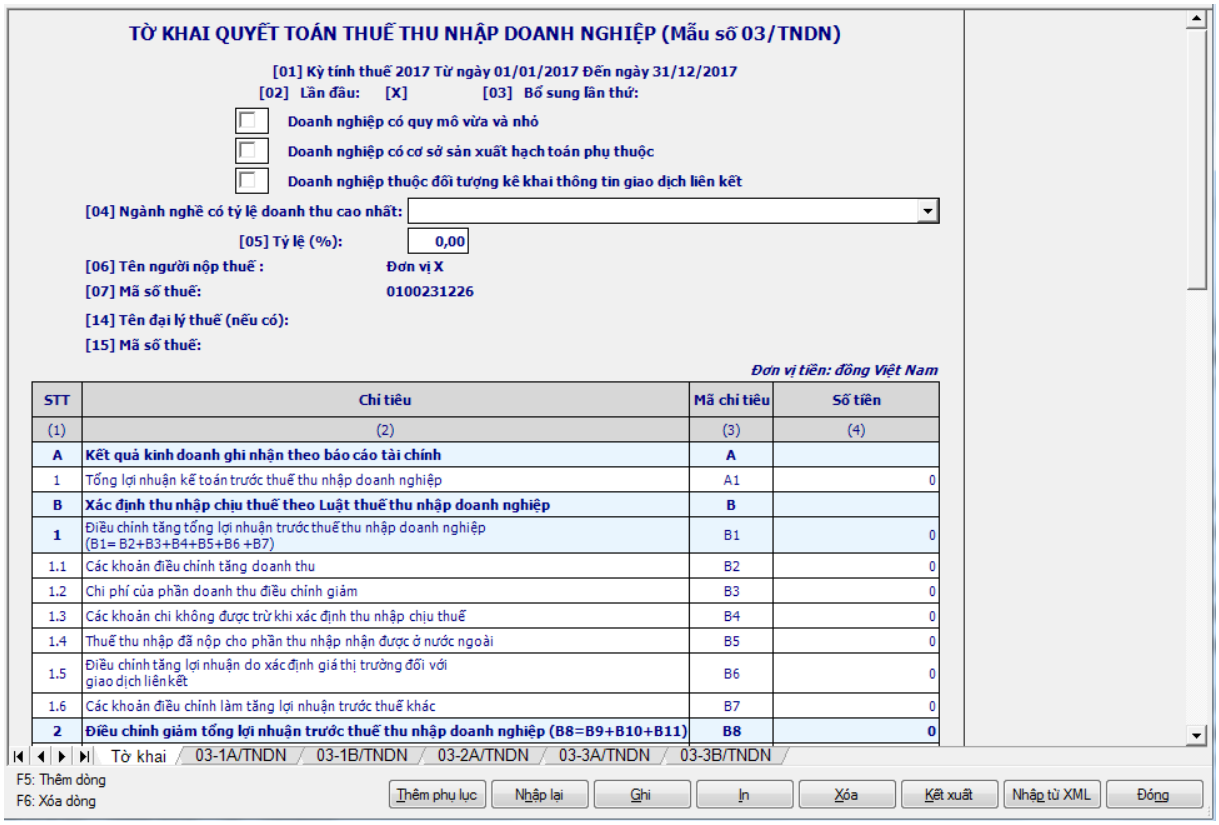

Trên giao diện bảng bạn chỉ nhập được vào các dòng chi tiết màu trắng, các dòng màu xanh sẽ tự động tính giá trị theo công thức tương ứng. Bạn không thể di chuyển đến cũng như không thể sửa thẳng vào các dòng màu xanh này được.

+ Bấm phím <Tab> hoặc <Enter> để di chuyển đến ô tiếp theo, nếu muốn di chuyển ngược về ô phía trước thì nhấn giữ phím <Shift> và bấm phím <Tab>. Có thể sử dụng chuột để thay thế cho tất cả các thao tác này.

+ Bấm phím mũi tên lên hoặc xuống để dịch chuyển lên dòng trên hoặc xuống dưới.

+ Sử dụng thanh cuốn phía bên phải bảng để hiển thị các dòng còn lại. Nếu bạn bấm vào các nút mũi tên thì bảng sẽ dịch lên hoặc xuống từng dòng. Nếu bạn bấm, giữ và kéo hộp cuốn thì sẽ hiển thị nhiều dòng một lúc.

+ Bấm phím F5 để thêm dòng mới trong bảng. Nếu bảng chia thành nhiều mục và mỗi mục được phép thêm dòng thì dòng cuối cùng là dòng cuối của các mục này.

+ Bấm phím F6 để xóa dòng trong bảng. Bạn không thể xóa được dòng đầu tiên. Nếu bảng chia thành nhiều mục và mỗi mục được phép xóa dòng thì dòng đầu tiên là dòng đầu của các mục này.

+ Bấm phím F7 để thêm bảng dữ liệu mới (trường hợp ứng dụng cho phép thêm bảng động trong tờ khai/ phụ lục) hoặc dòng cấp 1 (trường hợp ứng dụng

cho phép thêm dòng cấp 1 như 1,2,3… trong đó tồn tại cả dòng cấp con là 1.1, 2.1, 3.1…)

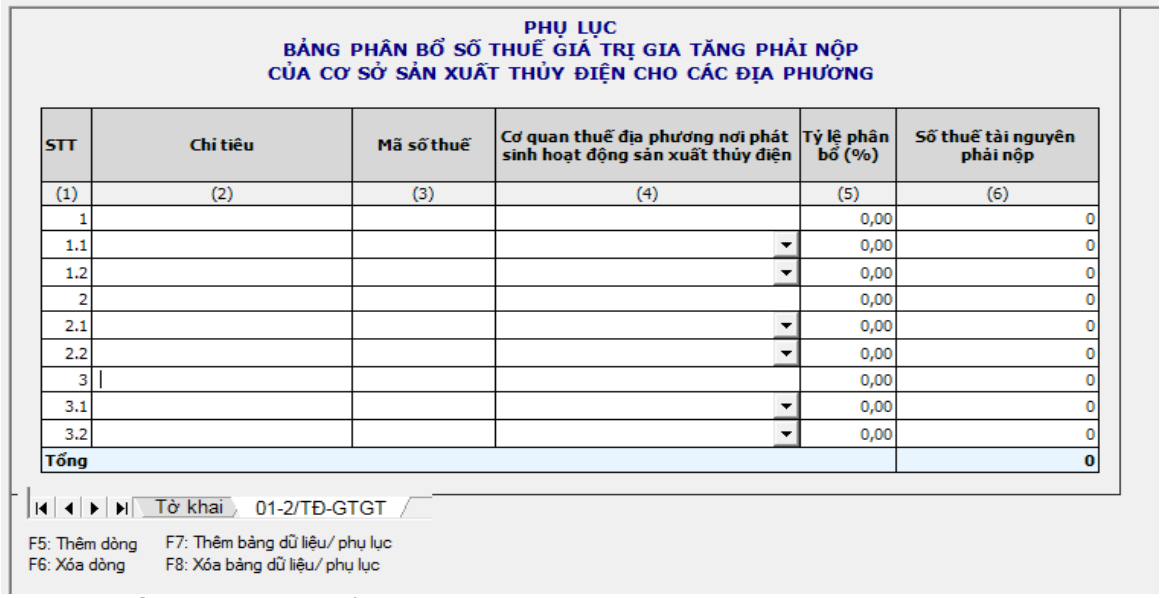

PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Cơ quan thuế địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế tài nguyên phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1				0,00	0
1.1				0,00	0
1.2				0,00	0
2				0,00	0
2.1				0,00	0
2.2				0,00	0
3				0,00	0
3.1				0,00	0
3.2				0,00	0
Tổng					0

Tờ khai | 01-2/TĐ-GTGT

F5: Thêm dòng F7: Thêm bảng dữ liệu/ phụ lục
F6: Xóa dòng F8: Xóa bảng dữ liệu/ phụ lục

+ Bấm phím F8 để xóa bảng dữ liệu động đã tạo thêm. Dùng phím chuột trái hoặc giữ phím <Ctrl> và gõ phím <Page Up>, <Page Down> để chuyển đổi giữa các phụ lục trên màn hình có nhiều sheet (như màn hình tờ 03/TNDN trên).

- ***Kích thước và format dữ liệu:***

+ Dữ liệu kiểu số nhập được tối đa 15 chữ số (không vượt quá 100 nghìn tỷ).

+ Các trường nhập số tiền cho phép nhập chi tiết đến đồng Việt. Dấu phân cách giữa triệu tram nghìn là dấu chấm (.). Ví dụ 123.456.789

+ Các trường nhập tỷ lệ cho phép nhập đến 2 số thập phân. Dấu chấm (.) phân cách 3 số còn dấu phảy (,) để phân biệt phần thập phân. Ví dụ 65.234,25.

+ Trường kiểu ngày (dd/mm/yyyy), bạn phải nhập theo đúng định dạng kể cả dấu /. Nếu không nhập đúng định dạng thì ứng dụng sẽ cảnh báo.

+ Các trường được quy định chỉ cho phép nhập số thì không thể nhập chữ. Hệ thống sẽ không nhận và hiển thị chữ trong các trường hợp này.

1.1.11 Nhập mới, mở tờ khai thuế

- Trong menu "Kê khai" chọn một tờ khai, xuất hiện màn hình nhập kỳ tính thuế. Kỳ tính thuế sẽ hiển thị theo tháng hoặc quý tuỳ thuộc vào mẫu tờ khai.

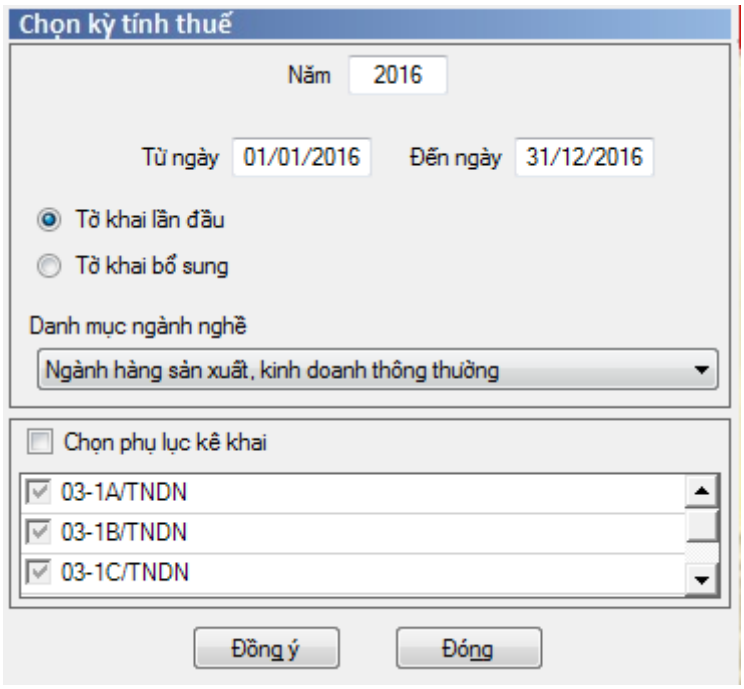

- Nếu tờ khai có phụ lục đi kèm thì hệ thống sẽ hiển thị danh sách các phụ lục để lựa chọn. Chỉ những phụ lục được chọn thì mới xuất hiện trong màn hình tiếp theo.
- Sau khi chọn kỳ, nếu tờ khai của kỳ này đã được kê khai trước đó thì hệ thống sẽ tự đánh dấu những phụ lục đã được kê khai trước đó. Bạn không thể xoá bỏ những phụ lục này được. Nếu muốn xoá bỏ phụ lục thì vào màn hình kê khai, chọ phụ lục muốn xoá và bấm nút "Xoá".

Ví dụ hình trên tương ứng với tờ khai Quyết toán thuế TNDN năm 2016. Tờ khai này đã được khai trước đó, có 3 phụ lục 03-1A/TNDN, 03-1B/TNDN, 03-1C/TNDN đã được kê khai thể hiện bằng dấu check mờ. Bấm vào nút "Đồng ý" thì khi đó màn hình kê khai sẽ xuất hiện giao diện tờ khai và 3 phụ lục. Nếu muốn xoá phụ lục nào thì chuyển đến màn hình của phụ lục đó và bấm nút "Xoá".

1.1.12 Các chức năng trên màn hình kê khai tờ khai

Trên màn hình kê khai tờ khai có tất cả 11 nút chức năng:

- ***Thêm phụ lục:***

+ Sử dụng chức năng này cho phép thêm mới một phụ lục khác vào tờ khai.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Thêm phụ lục" hoặc bấm phím tắt <Alt> + T. Màn hình thêm phụ lục tờ khai xuất hiện như sau:

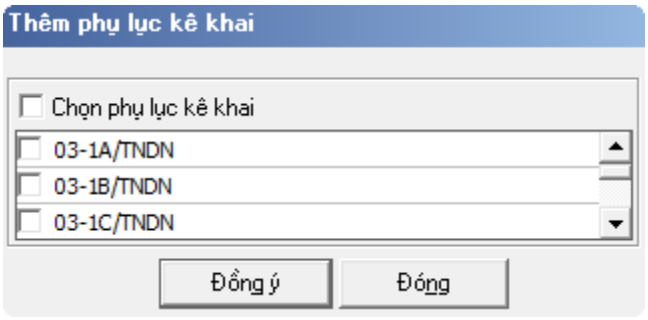

+ Nếu muốn thêm phụ lục nào thì chọn ô check tương ứng sau đó nhấn chuột trái vào nút "Đồng ý" (hoặc bấm phím tắt <Atl> + G) để thêm mới phụ lục. Hoặc có thể nhấn chuột trái vào nút "Đóng" (hoặc ấn phím tắt <Alt> + N) để thoát khỏi màn hình mà không thêm phụ lục nào.

- ***Tải tờ khai:***

+ Sử dụng chức năng này để tải tờ khai định dạng file excel vào form kê khai.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn chuột trái vào nút "Tải tờ khai" hoặc bấm phím tắt <Alt> + A.

- ***Tải bảng kê:***

+ Sử dụng chức năng này để tải bảng kê file excel vào form kê khai, cho phép lựa chọn thêm dữ liệu vào thông tin đã có hoặc thay thế dữ liệu cũ bằng dữ liệu tải vào.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn chuột trái vào nít "Tải bảng kê" hoặc bấm phím tắt <Alt> + B.

- ***Nhập lại thông tin:***

+ Sử dụng chức năng này để xoá bỏ toàn các thông tin đã kê khai trên màn hình để kê khai lại từ đầu.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Nhập lại" hoặc bấm phím tắt <Alt> + H.

- ***Kiểm tra:***

+ Sử dụng chức năng này để kiểm tra tính hợp lệ của tờ khai theo các yêu cầu ràng buộc nghiệp vụ. Nếu thông tin sai thì hệ thống báo thông tin kê khai sai, tờ khai không hợp lệ, nếu thông tin đáp ứng ràng buộc nghiệp vụ thì hệ thống thông báo tờ khai hợp lệ.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Kiểm tra" hoặc bấm phím tắt <Alt> + R.

- ***Ghi thông tin kê khai:***

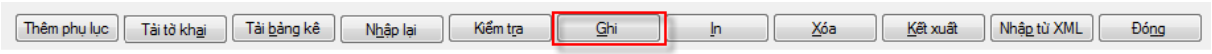

+ Sử dụng chức năng này để ghi lại các thông tin thay đổi trên màn hình tờ khai vào file tờ khai. Ứng dụng kiểm tra dữ liệu kê khai trước khi ghi, nếu thông tin sai hệ thống sẽ báo lỗi nhưng vẫn cho phép ghi.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Ghi" hoặc bấm phím tắt <Alt> + G.

- ***In tờ khai:***

+ Sử dụng chức năng này để in dữ liệu kê khai trên màn hình ra mẫu tờ khai, ứng dụng kiểm tra dữ liệu và chỉ xuất hiện màn hình in khi dữ liệu không còn lỗi.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "In" hoặc bấm phím tắt <Alt> + I. Màn hình in xuất hiện như sau:

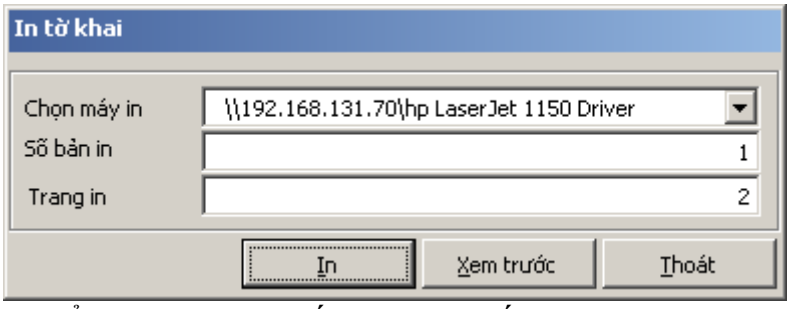

+ Bạn có thể chọn máy in, số bản in và số trang in. Mục "Chọn máy in" sẽ hiển thị tên máy in mặc định được cấu hình trong Windows. Nếu không thấy tên máy in thì tức là máy tính này chưa được cài máy in. Khi đó phải cài máy in trước khi sử dụng ứng dụng.

+ Nếu muốn xem trước màn hình in ra thì bấm chuột trái vào nút "Xem trước". Màn hình xem trước xuất hiện trên đó có các nút để dịch chuyển giữa các trang, phóng to, thu nhỏ, nút in và thoát.

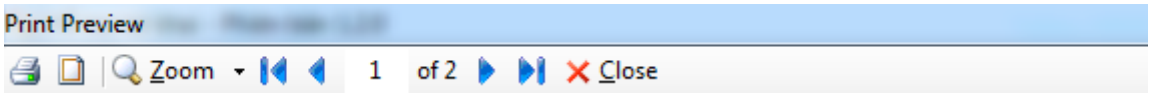

- Nút có hình mũi tên sang bên phải để dịch chuyển sang trang tiếp theo. Nếu là trang cuối cùng thì màu của mũi tên sẽ đổi thành .
- Nút có hình mũi tên sang bên trái để dịch chuyển sang trang trước. Nếu là trang đầu tiên thì màu của mũi tên sẽ đổi thành .
- Nút để phóng to hoặc thu nhỏ màn hình in.
- Nút để in ra máy in đồng thời thoát màn hình xem trước.
- Nút để thoát màn hình xem trước.

- ***Xóa tờ khai:***

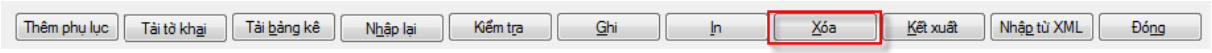

+ Sử dụng chức năng này để xoá tờ khai hoặc phụ lục nếu có. Nếu giao diện là màn hình tờ khai thì ứng dụng sẽ hỏi và cho xoá tờ khai (và các phụ lục

kèm theo nếu có), ngược lại nếu là giao diện phụ lục thì sẽ hỏi có xoá phụ lục này không và cho phép xoá phụ lục hiện tại.

+ Đây là chức năng duy nhất để xoá phụ lục trong trường hợp phụ lục đó không cần thiết nữa.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Xoá" hoặc bấm phím tắt <Alt> + X.

Thông tin liên quan: Thêm mới phụ lục

- ***Kết xuất tờ khai:***

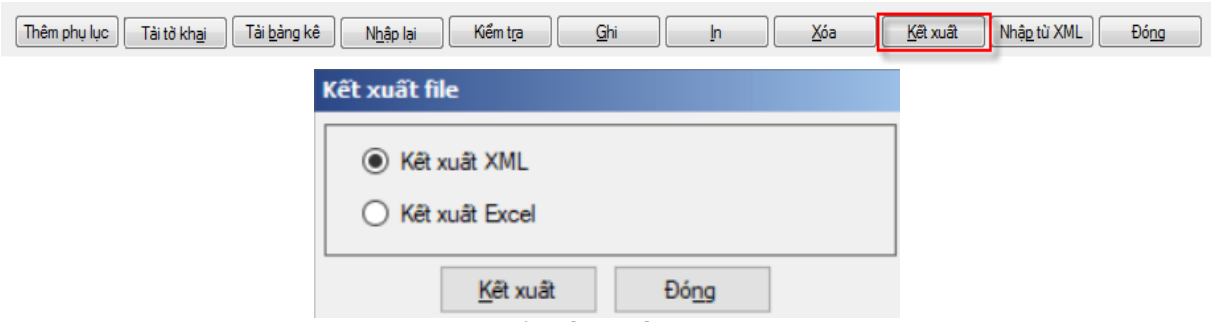

+ Sử dụng chức năng này để kết xuất dữ liệu kê khai trên màn hình ra file excel/ file XML, ứng dụng kiểm tra dữ liệu và chỉ cho phép kết xuất ra file khi dữ liệu không còn lỗi.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Kết xuất" hoặc bấm phím tắt <Alt> + K.

+ Đối với các tờ khai thay đổi chuẩn, khi chuyển đổi dữ liệu từ bản 5.x.x sang bản 5.x.x+1, NSD thực hiện ghi lại dữ liệu tờ sai, sau đó đóng và mở lại tờ khai để thực hiện kết xuất

- VD: Các tờ khai 02/TNDN, 03/TNDN, 04/TNDN kê khai trên bản 4.4.9, khi kết xuất trên bản 4.5.0 trở đi NNT nhấn <Ghi> tờ khai, đóng lại tờ khai và mở lại để kết xuất

- ***Nhập từ XML:***

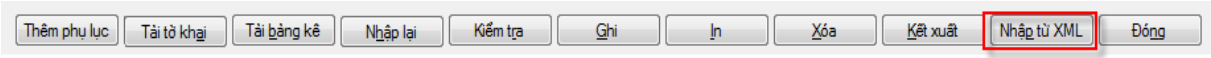

+ Sử dụng chức năng này để nhận dữ liệu tờ khai từ file XML có cấu trúc theo đúng cấu trúc chuẩn quy định.

+ Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Nhập từ XML" hoặc bấm phím tắt <Alt> + P

- ***Thoát màn hình kê khai:***

+ Sử dụng chức năng này để thoát chức năng kê khai. Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Đóng" hoặc bấm phím tắt <Alt> + N.

1.1.13 Kiểm tra và thông báo kê khai sai

- ***Kiểm tra:*** Kiểm tra lỗi là bước được thực hiện đầu tiên trước khi ghi, in hoặc kết xuất tờ khai. Hệ thống sẽ kiểm tra xem tất cả các mục bắt buộc phải nhập đã được điền thông tin chưa? Đồng thời đối chiếu kiểm tra giữa các chỉ tiêu có

đúng theo quy định kê khai không? Nếu có lỗi kê khai thì vẫn được ghi nhưng không thể in hoặc kết xuất tờ khai.

- ***Thông báo sai:*** Nếu kê khai sai hệ thống sẽ thông báo có lỗi kê khai, tất cả các ô kê khai lỗi sẽ hiển thị với nền màu hồng và có một dấu đỏ phía góc trên bên phải . Khi đưa con chuột vào dấu đỏ này hệ thống tự hiển thị nội dung lỗi và hướng dẫn sửa. Hệ thống tự động nhảy về ô bị lỗi đầu tiên. Dưới đây là một ví dụ về thông báo lỗi.

C	**Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh**		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	858.601.472.600.000
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	370.005.000.000
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	350.000.000.000
3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	20.005.000.000
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3a-C3b)	C4	858.231.467.600.000
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	740.000.000
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8+C9)	C6	858.230.727.600.000
6.1	Trong đó: + Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 22% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C7	0
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất 20% (bao gồm cả thu nhập được áp dụng thuế suất ưu đãi)	C8	858.231.462.600.000
6.3	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C9	0
	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C9a	100
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C10 =(C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x C9a))	C10	171.646.292.520.001

Chỉ tiêu C6 phải bằng (C7 + C8 + C9)

+ Thực hiện các bước sau đây để sửa lỗi:

- ***Bước 1:*** Đưa con chuột vào dấu màu đỏ để hệ thống hiển thị nội dung và hướng dẫn sửa lỗi
- ***Bước 2:*** Thực hiện sửa lỗi, hãy bấm F1 nếu cần hướng dẫn chi tiết cho mục kê khai này.
- ***Bước 3:*** Bấm nút "Ghi" hoặc "In" hoặc "Kết xuất" để hệ thống kiểm tra lại dữ liệu sau khi sửa.
- ***Bước 4:*** Lặp lại các bước từ 1 đến 3 cho đến khi hệ thống không xuất hiện thông báo lỗi.

1.1.14 Sao lưu dữ liệu

- Trong trường hợp cần cài đặt lại máy tính hoặc chuyển ứng dụng từ máy này sang máy khác thì sẽ xuất hiện nhu cầu chuyển dữ liệu kê khai từ nơi này sang nơi khác. Việc đó được thực hiện bằng chức năng sao lưu và phục hồi dữ liệu.
- Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Sao lưu dữ liệu”.

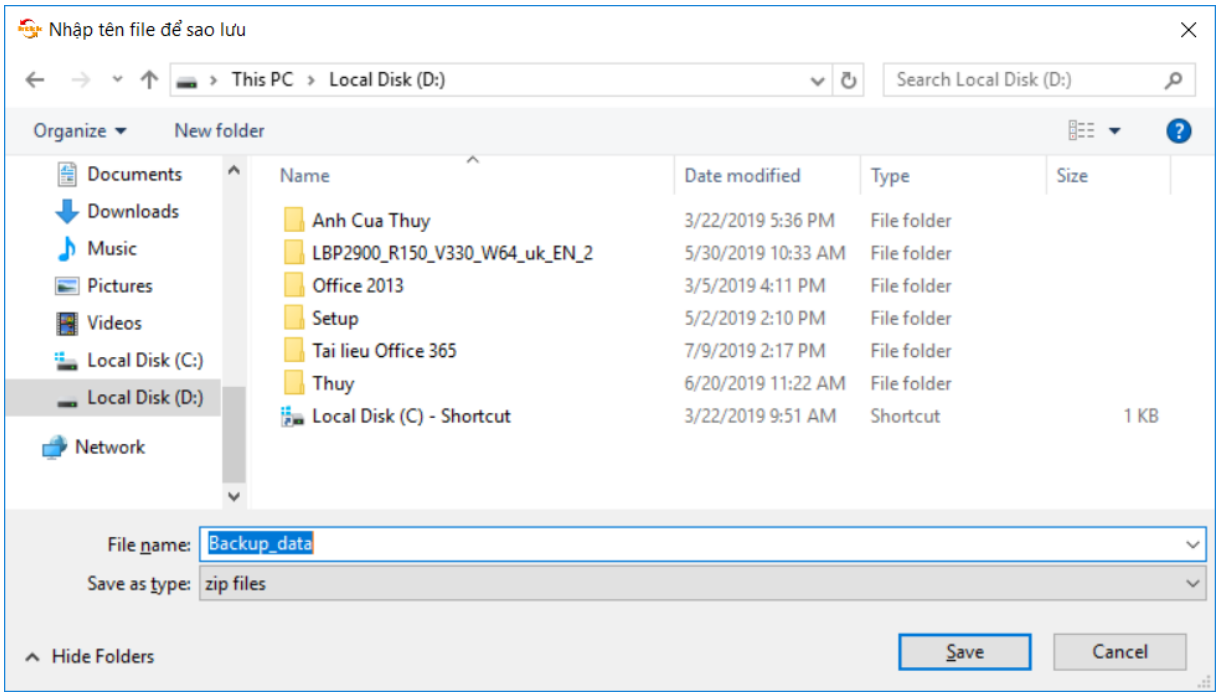

- Nhập tên file sao lưu (ví dụ backup). Bấm nút "Save" để thực hiện sao lưu toàn bộ dữ liệu đã kê khai ra file này.
- Chạy chức năng "Phục hồi" để thực hiện khôi phục lại dữ liệu đã sao lưu.

1.1.15 Phục hồi dữ liệu

- Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Phục hồi dữ liệu”.

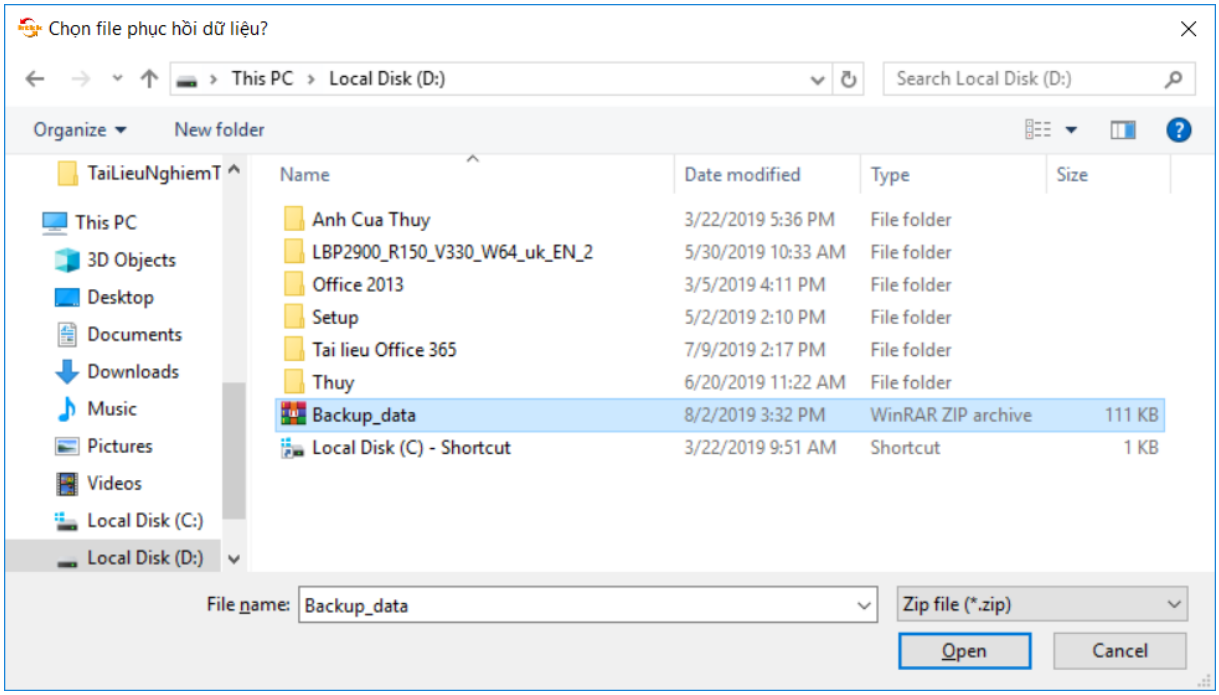

- Nhập vào file chứa dữ liệu đã sao lưu (đường dẫn đầy đủ). Bấm nút "Open" để thực hiện khôi phục lại toàn bộ dữ liệu đã sao lưu vào ứng dụng.

1.1.16 Kết xuất ra file PDF

Trong trường hợp người sử dụng không có máy in laser hoặc có mục đích khác thì có thể kết xuất tờ khai ra file .PDF Để thực hiện điều đó cần làm 3 bước sau:

- ***Cài đặt phần mềm hỗ trợ kết xuất ra file PDF:***

+ Vào thư mục PDF Writer, lần lượt chạy cài đặt 2 file Converter.exe và CuteWriter.exe (theo hướng dẫn trên màn hình).

+ Cài xong trong mục Start -> Setttings -> Printers and Faxes sẽ xuất hiện máy in tên là CutePDF Writer.

+ Cấu hình kiêu giấy A4 cho máy in CutePDF Writer, bằng cách kích phải chuột vào tên máy in, chọn mục Device Settings, tại mục From To Tray Assignment (Onlyone) chọn kiểu A4.

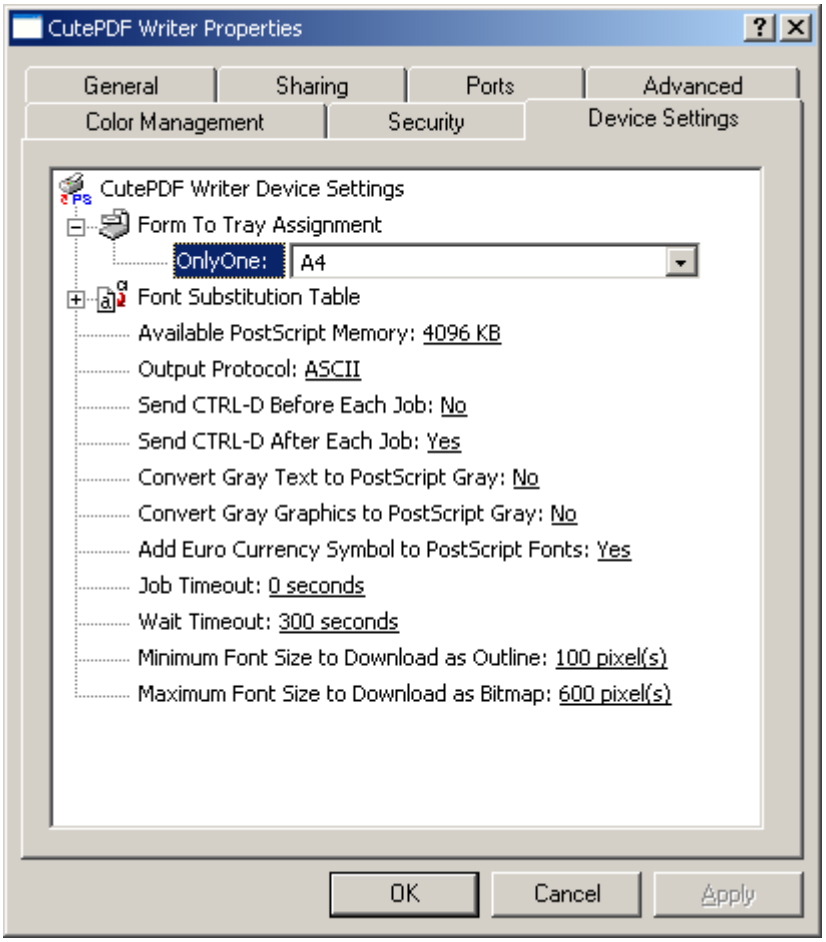

- ***Kết xuất tờ khai ra file PDF:***

+ Từ ứng dụng hỗ trợ kê khai, mở tờ khai cần kết xuất. Chọn nút In sẽ xuất hiện màn hình:

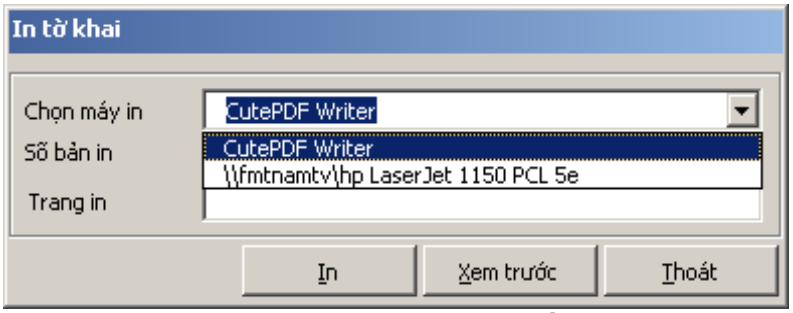

+ Chọn máy in tên là "CutePDF Writer", bấm nút In. Hệ thống sẽ hỏi tên file. Người dùng gõ tên file và bấm Save.

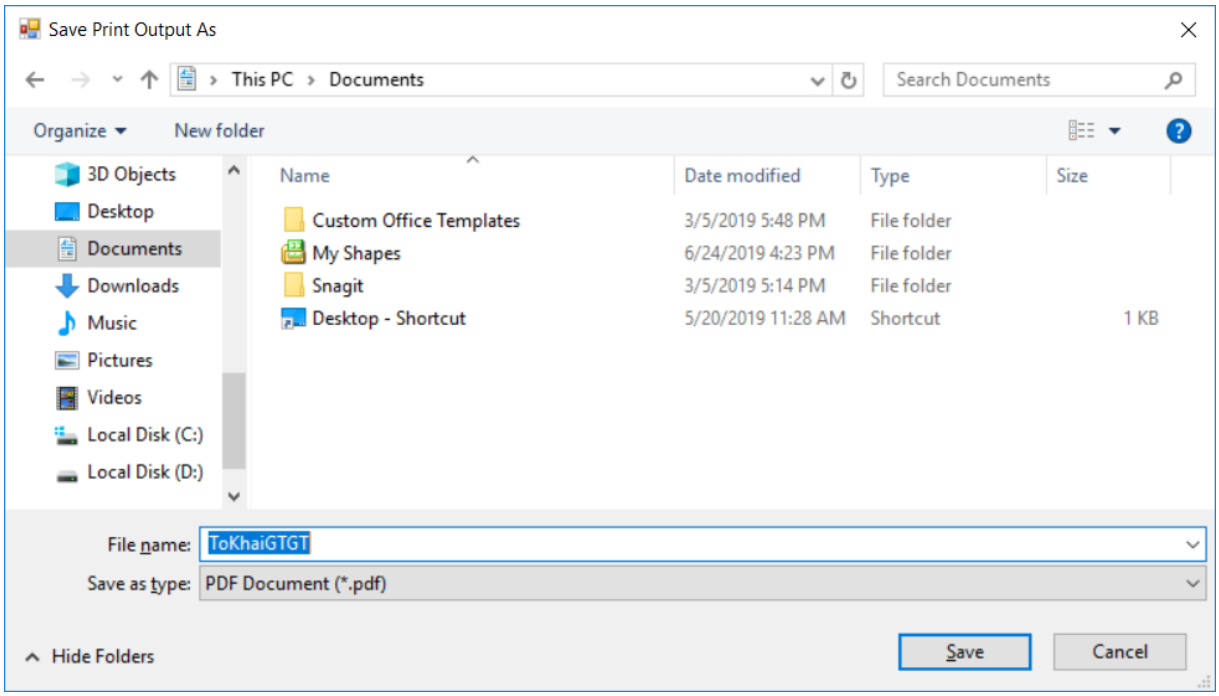

- ***In tờ khai từ file PDF:***

+ Để in tờ khai ra đúng thì cần phải cài đặt và in từ bản Acrobat Reader 5. Cài đặt bằng cách chạy file AcrobatReader5.exe trong đĩa CD. Sau đó mở file tờ khai vừa kết xuất ra và chọn Print.

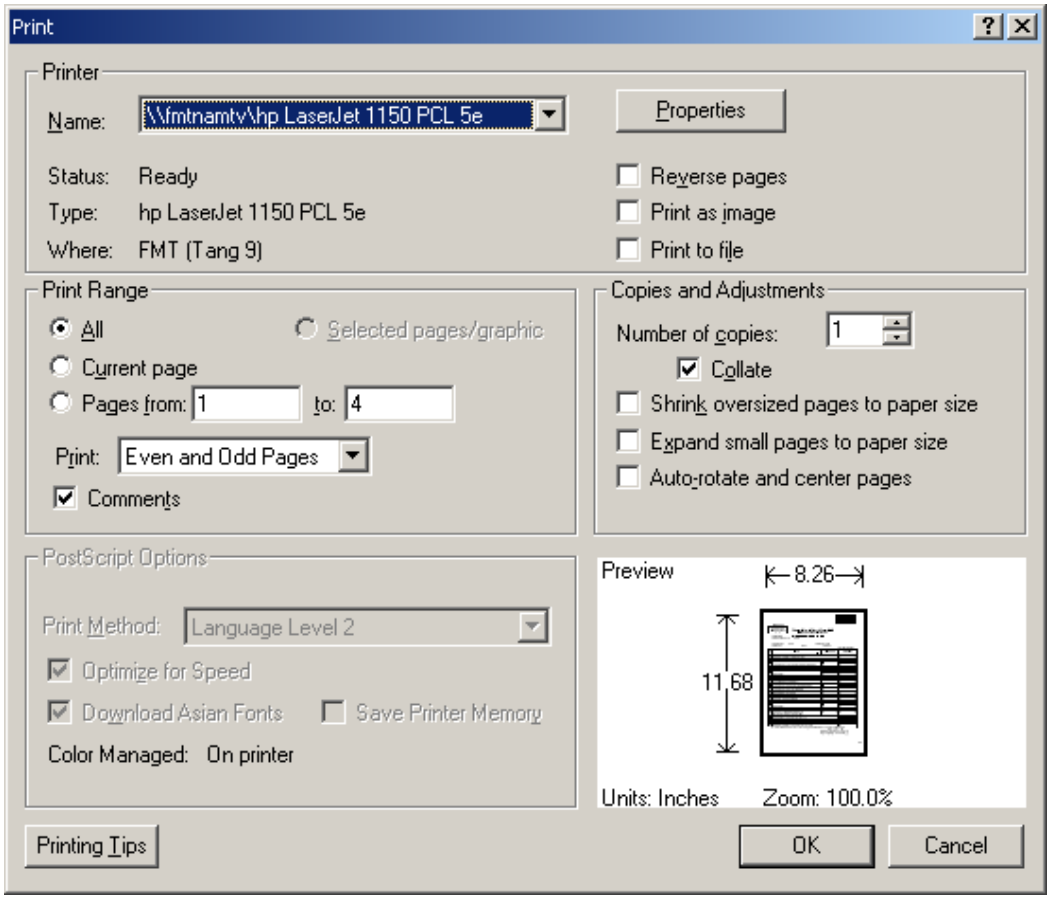

Chú ý: Nếu trong tờ khai bao gồm cả các trang có khổ giấy A4 dọc và A4 ngang thì khi in chỉ được phép chọn In lần lượt các trang. Khi in đến trang có khổ

giấy A4 ngang nhấn vào nút Properties để thiết lập lại thông số trang In như sau:

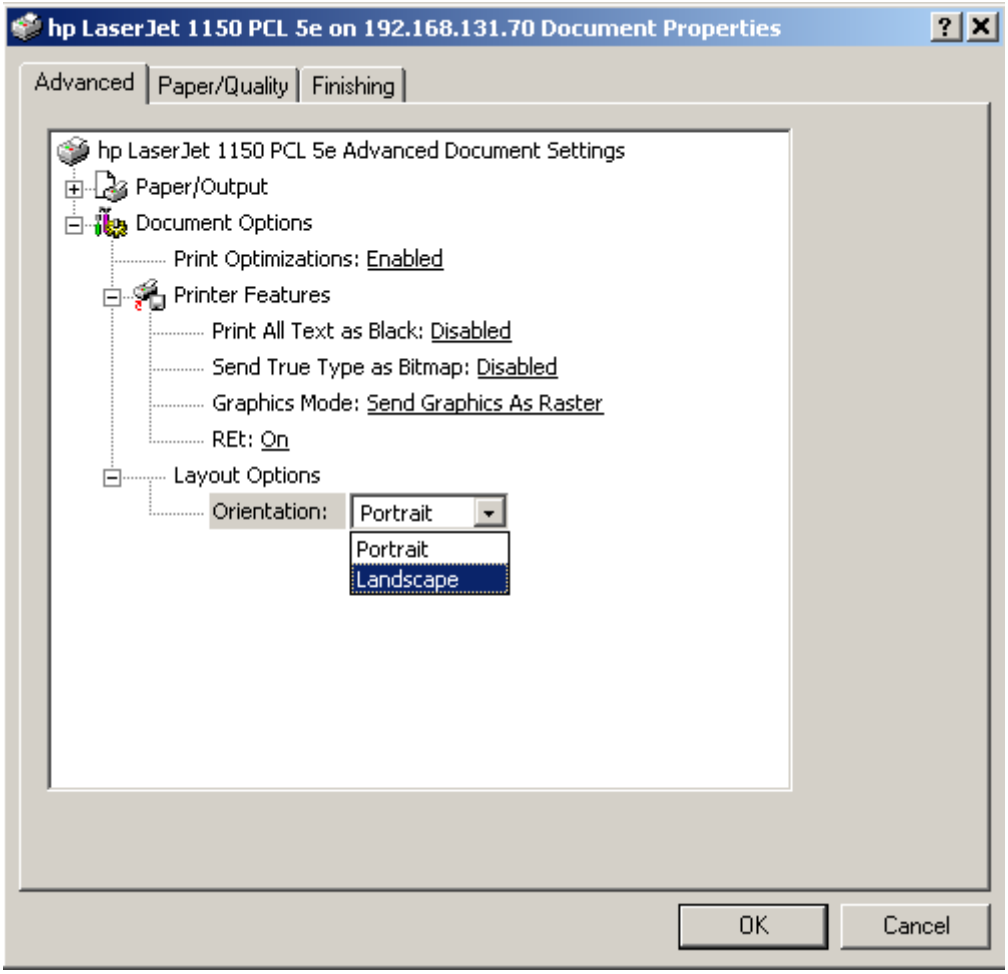

+ Trong cửa sổ làm việc Advanced chọn mục Layout Options\Orientation và thiết lập lại thông số là Landscape (In ngang). Nhấm OK để trở lại màn hình chọn thông số In ban đầu.

+ Sau khi In xong các trang có khổ giấy A4 ngang cần thiết lập thông số Layout Options\Orientation trở lại giá trị Portrait để tiếp tục In các trang có khổ giấy A4 dọc.

+ Bỏ các check trước khi nhấm OK để In:

- Sharink oversized pages to paper size
- Expand small pages to paper size
- Auto-rotate and center pages

1.1.17 Danh mục

1.1.17.1 Đăng ký danh mục thuế tài nguyên và tiêu thụ đặc biệt

- Chức năng đăng ký danh mục dùng để đăng ký các danh mục biểu thuế doanh nghiệp thường sử dụng của hai loại tờ khai thuế tài nguyên và thuế tiêu thụ đặc biệt. Nếu không sử dụng chức năng này thì mặc định tất cả các danh mục sẽ được đưa vào danh sách chọn trong các tờ khai này khi kê khai.

- Ngoài ra, với danh mục biểu thuế tiêu thụ đặc biệt chức năng đăng ký danh mục còn cho phép người dùng thay đổi giá trị bao bì (nếu có) tương ứng với Thông tư (quyết định) của tổng cục thuế phát hành.

- Bảng danh mục thuế dùng để kê khai luôn là hiện hành đối với ngày hệ thống, không thể mở bảng danh mục đã hết thời hạn hiệu lực so với ngày hệ thống.
- Chạy chức năng này như sau:

+ Từ menu "Công cụ", chọn chức năng "Đăng ký danh mục thuế tài nguyên và thuế tiêu thụ đặc biệt". Trên màn hình xuất hiện cửa sổ làm việc như sau:

Mã	Tên tài nguyên	Đơn vị tính	Thuế suất (%)
01	**Khoáng sản kim loại**		
0101	**Khoáng sản kim loại đen**		
010101	Sắt	Tấn	14,00
010102	Măng-gan	Tấn	14,00
010103	Ti-tan (titan)	Tấn	18,00
0102	**Khoáng sản kim loại màu**		
010201	Đất hiếm	Tấn	18,00
010202	Vàng	Tấn	17,00
010212	Bạch kim, bạc, thiếc	Tấn	12,00
010206	Vôn-phờ-ram (wolfram), ăng-ti-moan (antimoan)	Tấn	20,00
010207	Chì, kẽm	Tấn	15,00
010208	Nhôm, bô-xít (bouxite)	Tấn	12,00
010209	Đồng	Tấn	15,00
010210	Ni-ken (niken)	Tấn	10,00
010211	Cô-ban (coban), mô-lip-đen (molipden), thủy ngân, ma-nhê (magie), va-na-đi (vanadi)	Tấn	15,00
0103	Khoáng sản kim loại khác	Tấn	15,00
02	**Khoáng sản không kim loại**		
0201	**Khoáng sản không kim loại dùng làm VLXD thông thường**		
020101	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	M3	7,00
020102	Đá, sỏi	M3	10,00
020103	Đá nung vôi và sản xuất xi măng	M3	10,00
020104	Đá hoa trắng	M3	15,00
020105	Cát	M3	15,00
020106	Cát làm thủy tinh	M3	15,00
020107	Đất làm gạch	M3	15,00
020109	Đá vôi nguyên khai	M3	4,00
020110	Đất sét	M3	2,00
0202	**K.sản không KL dùng làm VLXD cao cấp**		
020201	Gờ-ra-nít (granite)	M3	15,00
020202	Sét chịu lửa	M3	13,00

+ Đây là danh mục "Biểu thuế tài nguyên". Muốn đăng ký biểu thuế nào người sử dụng chọn vào dòng có mặt hàng tương ứng.

+ Sau khi đã đăng ký xong danh mục cho biểu thuế ấn nút "Ghi" để lưu thông tin đã đăng ký vào dữ liệu riêng của doanh nghiệp. Và chọn nút "Đóng" để kết thúc làm việc.

- Tương tự như vậy để đăng ký danh mục biểu thuế tiêu thụ đặc biệt người sử dụng chọn cửa sổ làm việc tiếp theo "Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt" ở cuối cửa sổ làm việc:

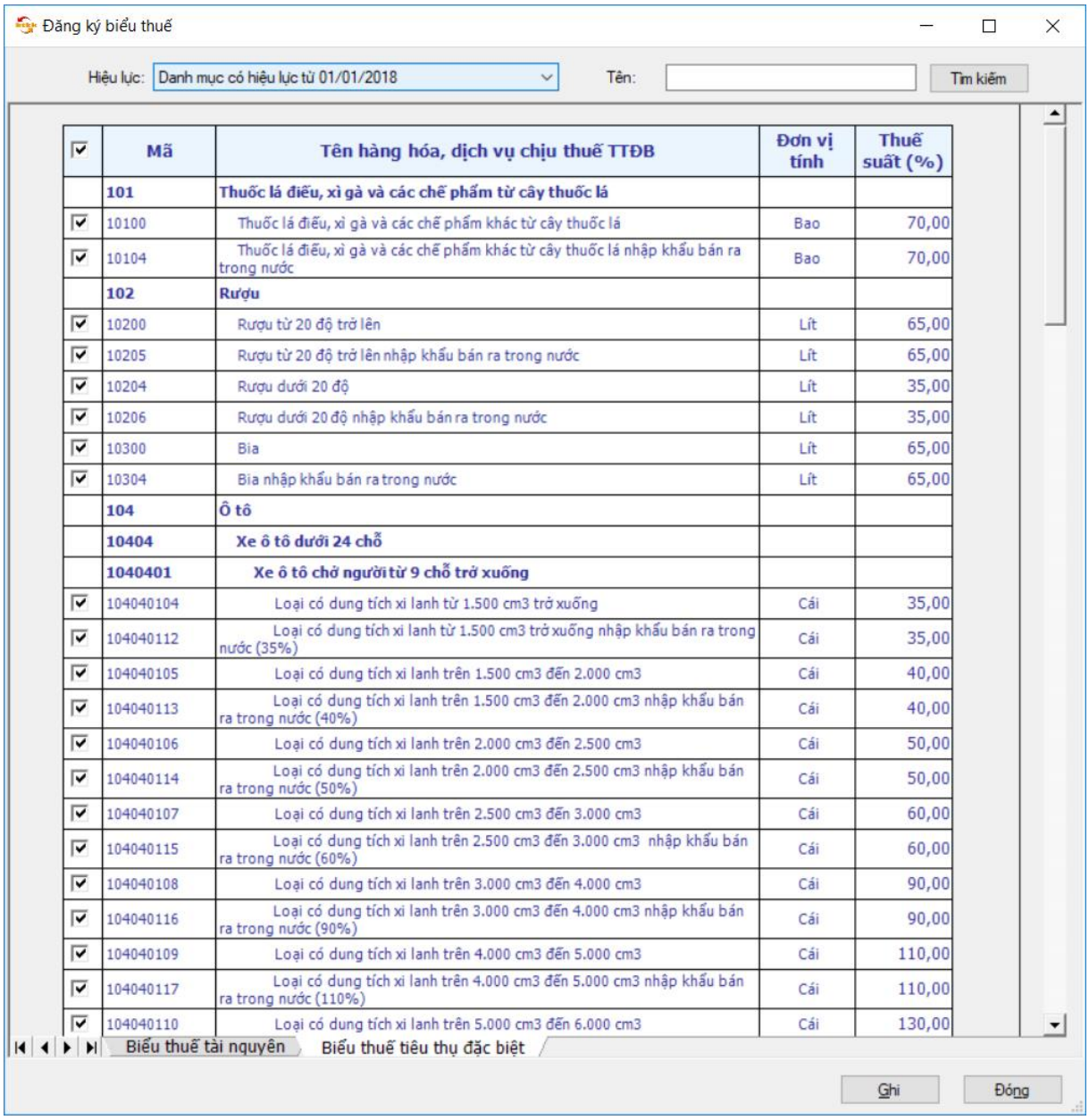

Mã	Tên hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB	Đơn vị tính	Thuế suất (%)
101	**Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm từ cây thuốc lá**		
10100	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	Bao	70,00
10104	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá nhập khẩu bán ra trong nước	Bao	70,00
102	**Rượu**		
10200	Rượu từ 20 độ trở lên	Lít	65,00
10205	Rượu từ 20 độ trở lên nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	65,00
10204	Rượu dưới 20 độ	Lít	35,00
10206	Rượu dưới 20 độ nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	35,00
10300	Bia	Lít	65,00
10304	Bia nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	65,00
104	**Ô tô**		
10404	**Xe ô tô dưới 24 chỗ**		
1040401	**Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống**		
104040104	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống	Cái	35,00
104040112	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (35%)	Cái	35,00
104040105	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3	Cái	40,00
104040113	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (40%)	Cái	40,00
104040106	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3	Cái	50,00
104040114	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (50%)	Cái	50,00
104040107	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	Cái	60,00
104040115	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (60%)	Cái	60,00
104040108	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3	Cái	90,00
104040116	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (90%)	Cái	90,00
104040109	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3	Cái	110,00
104040117	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (110%)	Cái	110,00
104040110	Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm3 đến 6.000 cm3	Cái	130,00

1.1.17.2 Xem bảng giá tính thuế của địa phương

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Công cụ" chọn "Bảng giá tính thuế tài nguyên của địa phương" khi đó màn hình sẽ hiển thị ra như sau:

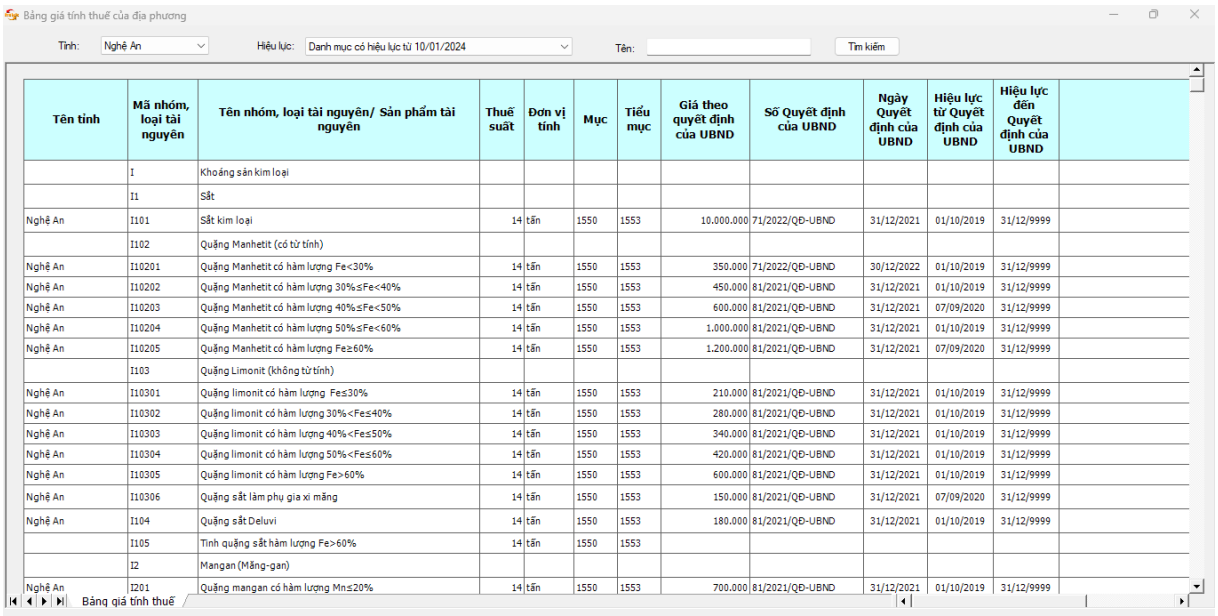

Tên tỉnh	Mã nhóm, loại tài nguyên	Tên nhóm, loại tài nguyên/ Sản phẩm tài nguyên	Thuế suất	Đơn vị tính	Mục	Tiểu mục	Giá theo quyết định của UBND	Số Quyết định của UBND	Ngày Quyết định của UBND	Hiệu lực từ Quyết định của UBND	Hiệu lực đến Quyết định của UBND
	I	Khoáng sản kim loại									
	I1	Sắt									
Nghệ An	I101	Sắt kim loại	14	tấn	1550	1553	10.000.000	71/2022/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
	I102	Quặng Manhetit (có từ tính)									
Nghệ An	I10201	Quặng Manhetit có hàm lượng Fe<30%	14	tấn	1550	1553	350.000	71/2022/QĐ-UBND	30/12/2022	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10202	Quặng Manhetit có hàm lượng 30%≤Fe<40%	14	tấn	1550	1553	450.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10203	Quặng Manhetit có hàm lượng 40%≤Fe<50%	14	tấn	1550	1553	600.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	07/09/2020	31/12/9999
Nghệ An	I10204	Quặng Manhetit có hàm lượng 50%≤Fe<60%	14	tấn	1550	1553	1.000.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10205	Quặng Manhetit có hàm lượng Fe≥60%	14	tấn	1550	1553	1.200.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	07/09/2020	31/12/9999
	I103	Quặng Limonit (không từ tính)									
Nghệ An	I10301	Quặng limonit có hàm lượng Fe≤30%	14	tấn	1550	1553	210.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10302	Quặng limonit có hàm lượng 30%<Fe≤40%	14	tấn	1550	1553	280.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10303	Quặng limonit có hàm lượng 40%<Fe≤50%	14	tấn	1550	1553	340.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10304	Quặng limonit có hàm lượng 50%<Fe≤60%	14	tấn	1550	1553	420.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10305	Quặng limonit có hàm lượng Fe>60%	14	tấn	1550	1553	600.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
Nghệ An	I10306	Quặng sắt làm phụ gia xi măng	14	tấn	1550	1553	150.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	07/09/2020	31/12/9999
Nghệ An	I104	Quặng sắt Deluvi	14	tấn	1550	1553	180.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999
	I105	Tinh quặng sắt hàm lượng Fe>60%	14	tấn	1550	1553					
	I2	Mangan (Măng-gan)									
Nghệ An	I201	Quặng mangan có hàm lượng Mn≤20%	14	tấn	1550	1553	700.000	81/2021/QĐ-UBND	31/12/2021	01/10/2019	31/12/9999

- UD hiển thị mặc định danh mục tài nguyên của Tỉnh/ Thành phố tương ứng với CQT quản lý của MST đăng nhập hệ thống.
- Cho phép tìm kiếm theo tên tỉnh, hiệu lực của bảng giá, tên tài nguyên
- Các chỉ tiêu UD tự động hiển thị, không cho phép sửa:

+ *Mã:* Hiển thị theo bảng giá tính thuế của Tỉnh tương ứng với CQT của MST đăng nhập hệ thống

+ *Tên tài nguyên:* Hiển thị theo mã tài nguyên

+ *Giá tính thuế địa phương:* Hiển thị giá tính thuế của Tỉnh tương ứng với mã tài nguyên

+ *Số quyết định của ủy ban:* Hiển thị số quyết định đưa ra bảng giá cho loại tài nguyên tương ứng

+ *Ngày quyết định của ủy ban:* Hiển thị ngày quyết định đưa ra bảng giá cho loại tài nguyên tương ứng

+ *Hiệu lực từ:* Hiển thị ngày mà quyết định về giá tính thuế tài nguyên của UBND tỉnh bắt đầu có hiệu lực

+ *Hiệu lực đến:* Hiển thị ngày mà quyết định về giá tính thuế tài nguyên của UBND tỉnh hết hiệu lực. Trong trường hợp QĐ còn hiệu lực thì thông tin này để trống.

1.1.17.3 Đăng ký danh mục phí bảo vệ môi trường

- Chức năng đăng ký danh mục phí bảo vệ môi trường dùng để đăng ký các loại phí BVMT mà NSD muốn kê khai trong các tờ khai 01/PBVMT, 02/PBVMT, 01/CNKD. Nếu không sử dụng chức năng này thì mặc định tất cả các danh mục sẽ được đưa vào danh sách chọn trong các tờ khai này khi kê khai.
- Bảng danh mục phí dùng để kê khai luôn là hiện hành đối với ngày hệ thống, không thể mở kê khai danh mục đã hết thời hạn hiệu lực so với ngày hệ thống.
- Chạy chức năng này như sau:

+ Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Đăng ký danh mục phí bảo vệ môi trường”. Trên màn hình xuất hiện cửa sổ làm việc như sau:

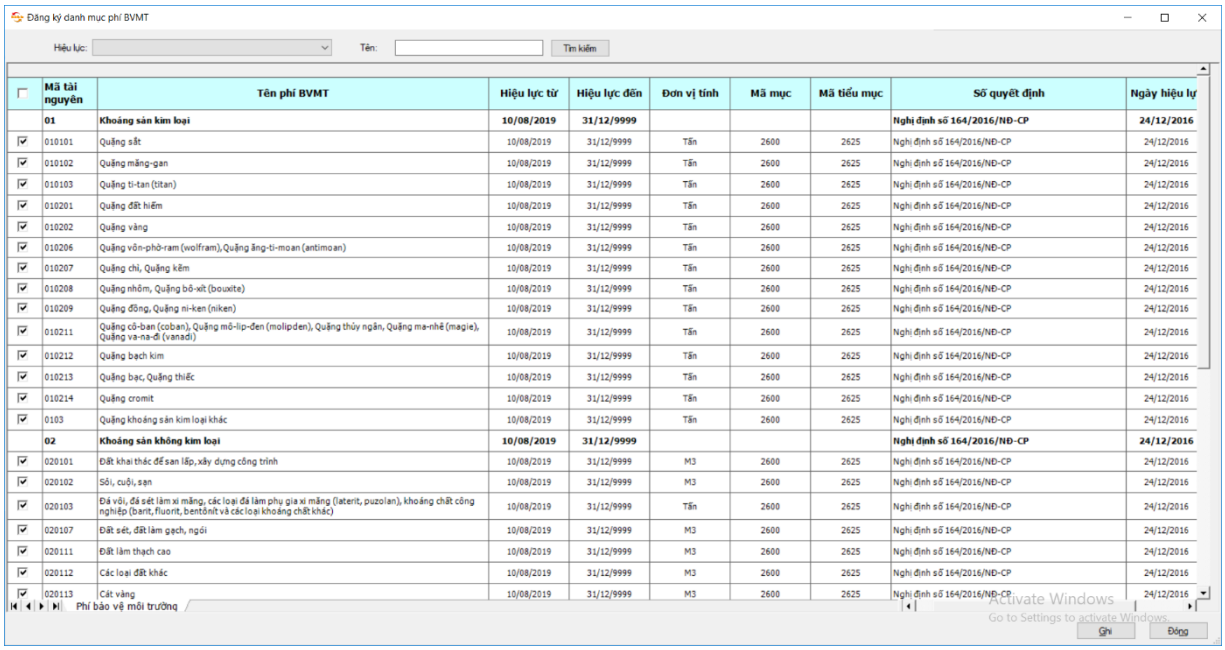

Mã tài nguyên	Tên phí BVMT	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến	Đơn vị tính	Mã mục	Mã tiểu mục	Số quyết định	Ngày hiệu lự
01	**Khoáng sản kim loại**	10/08/2019	31/12/9999				Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010101	Quặng sắt	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010102	Quặng măng-gan	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010103	Quặng ti-tan (titan)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010201	Quặng đất hiếm	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010202	Quặng vàng	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010206	Quặng vôn-phờ-ram (wolfram),Quặng ăng-ti-moan (antimoan)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010207	Quặng chì, Quặng kẽm	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010208	Quặng nhôm, Quặng bô-xít (bouxite)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010209	Quặng đồng, Quặng ni-ken (niken)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010211	Quặng cô-ban (coban), Quặng mô-lip-đen (molipden), Quặng thủy ngân, Quặng ma-nhê (magie), Quặng va-na-đi (vanadi)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010212	Quặng bạch kim	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010213	Quặng bạc, Quặng thiếc	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
010214	Quặng cromit	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
0103	Quặng khoáng sản kim loại khác	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
02	**Khoáng sản không kim loại**	10/08/2019	31/12/9999				Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020101	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020102	Sỏi, cuội, sạn	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020103	Đá vôi, đá sét làm xi măng, các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan), khoáng chất công nghiệp (barit, fluorit, bentônit và các loại khoáng chất khác)	10/08/2019	31/12/9999	Tấn	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020107	Đất sét, đất làm gạch, ngói	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020111	Đất làm thạch cao	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020112	Các loại đất khác	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016
020113	Cát vàng	10/08/2019	31/12/9999	M3	2600	2625	Nghị định số 164/2016/NĐ-CP	24/12/2016

+ Đây là danh mục "Biểu phí bảo vệ môi trường". Muốn đăng ký biểu phí nào người sử dụng chọn vào dòng có mặt hàng tương ứng.

+ Sau khi đã đăng ký xong danh mục cho biểu thuế ấn nút "Ghi" để lưu thông tin đã đăng ký vào dữ liệu riêng của doanh nghiệp. Và chọn nút "Đóng" để kết thúc làm việc.

1.1.17.4 Đăng ký danh mục phí, lệ phí

Sử dụng chức năng này để đăng ký danh mục phí, lệ phí tồn tại trong hệ thống dữ liệu. Chạy chức năng này như sau:

- Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Đăng ký danh mục phí, lệ phí”. Trên màn hình xuất hiện cửa sổ làm việc như sau:

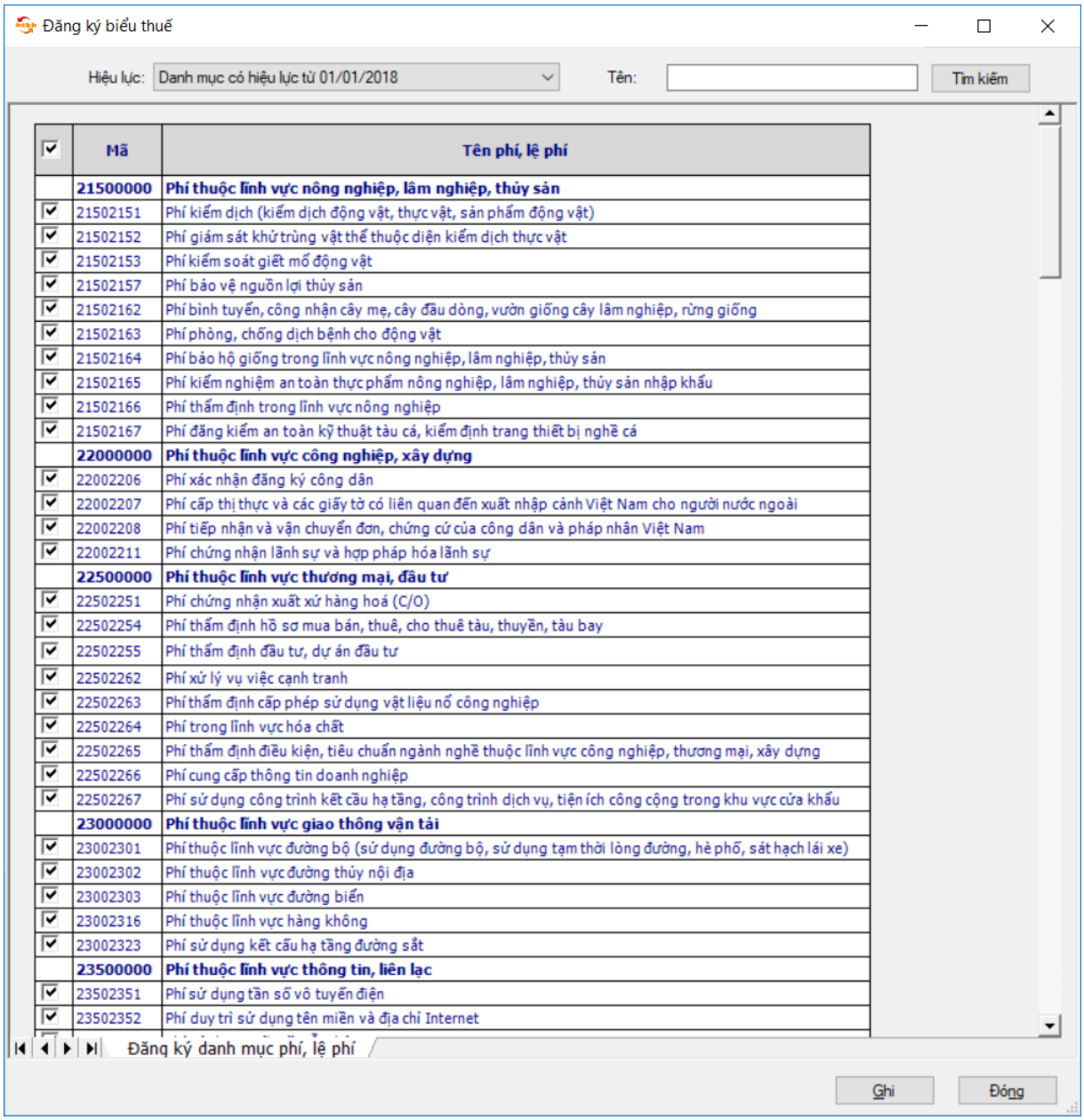

- Đây là danh mục "Biểu phí, lệ phí". Muốn đăng ký biểu phí nào người sử dụng chọn vào dòng có mặt hàng tương ứng.
- Sau khi đã đăng ký xong danh mục cho biểu phí ấn nút "Ghi" để lưu thông tin đã đăng ký vào dữ liệu riêng của doanh nghiệp. Và chọn nút "Đóng" để kết thúc làm việc.

1.1.18 Tra cứu tờ khai

Sử dụng chức năng này để tra cứu tờ khai tồn tại trong hệ thống dữ liệu của doanh nghiệp. Chạy chức năng này như sau:

- Chọn menu “Tra cứu tờ khai”. Trên màn hình xuất hiện cửa sổ làm việc như sau:

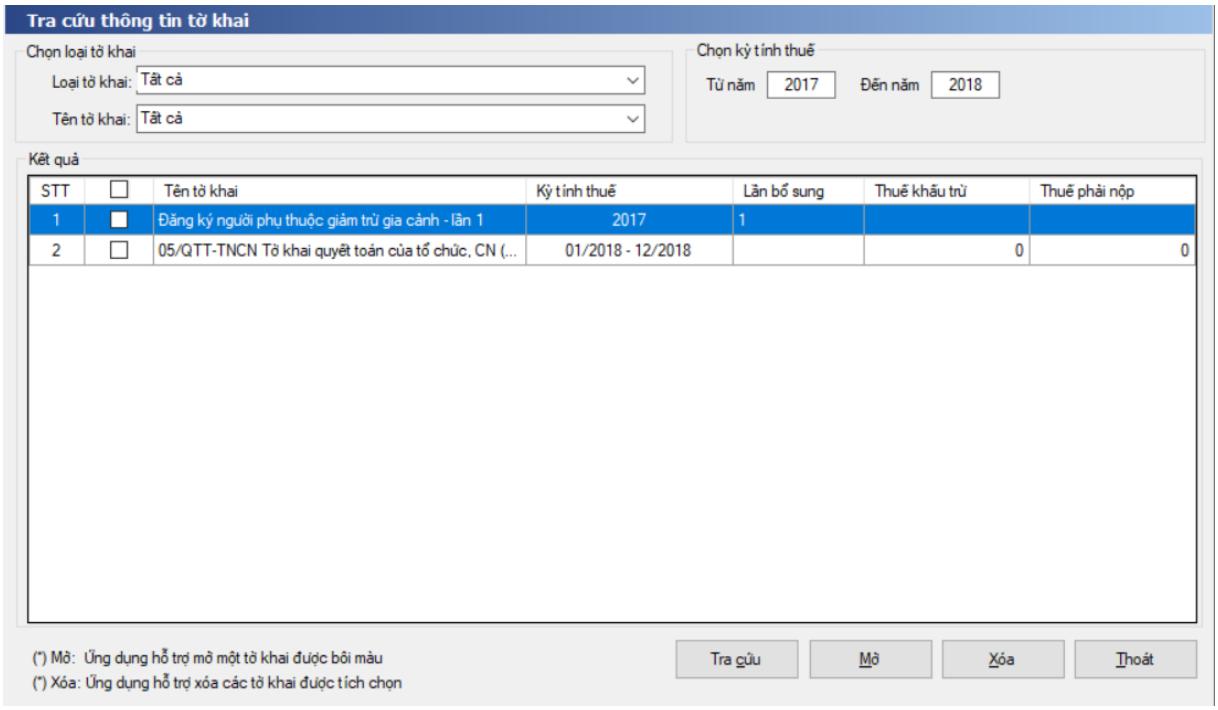

- Khi bắt đầu làm việc hệ thống mặc định chọn loại tờ khai là tất cả và từ kỳ tính thuế, đến kỳ tính thuế là năm hiện tại.

- Trong danh sách thả xuống "Loại tờ khai" chọn loại kê khai, trong danh sách "Tên tờ khai" chọn loại tờ khai để thực hiện tra cứu.

- Sau khi lựa chọn xong loại tờ khai tra cứu hệ thống sẽ tự động thay đổi kiểu nhập kỳ tính thuế cho phù hợp. Người sử dụng có thể thay đổi giá trị từ kỳ, đến kỳ mặc định cho phù hợp với điều kiện tra cứu cụ thể.

+ Ví dụ: Khi chọn "Tờ khai GTGT khấu trừ" hệ thống sẽ tự động điền giá trị là năm và tháng hiện tại và 2 ô nhập từ kỳ đến kỳ (Từ kỳ: 08/2008, Đến kỳ: 08/2008). Tương tự nếu người sử dụng chọn "Tờ khai TNDN tạm nộp quý" 2 ô nhập từ kỳ đến kỳ sẽ có giá trị là quý và năm hiện tại (Từ kỳ: 01/2008, Đến kỳ: 04/2008). Trong trường hợp người sử dụng chọn loại tờ khai là "Tất cả" hoặc "Tờ khai quyết toán năm" thì giá trị 2 ô nhập từ kỳ đến kỳ chỉ là năm hiện tại (2011).

+ **Chú ý**: Nếu 2 ô nhập từ kỳ, đến kỳ được xóa trắng hệ thống sẽ cho phép cho cứu toàn bộ các tờ khai (không phụ thuộc và điều kiện kỳ tính thuế). Nếu một trong 2 ô nhập được xóa trắng hệ thống chỉ tra cứu dựa trên ô nhập có giá trị.

- Sau khi đã lựa chọn xong các điều kiện loại tờ khai và kỳ tính thuế để thực hiện tra cứu người sử dụng có thể ấn phím "Enter", tổ hợp phím "Alt+C" hay nhấn vào nút "Tra cứu" để thực hiện tra cứu.

+ Ví dụ ảnh trên là hiện tra cứu tất cả các tờ khai có kỳ tính thuế từ năm 2017 đến năm 2018.

- Để có thể mở một tờ khai đã hiển thị trên kết quả tra cứu người sử dụng chọn đúng tờ khai cần mở được đánh dấu bằng dòng màu xanh trên màn hình hiển thị kết quả sau đó có thể ấn tổ hợp phím "Alt+M" hoặc nhấn vào nút "Mở" để thực hiện chức năng mở tờ khai.

+ **Chú ý:** Những dòng có màu đỏ tương ứng với những tờ khai có kỳ hiệu lực không đúng. Người sử dụng không thể sử dụng chức năng "Mở" đối với những tờ khai này.

- Để có thể xóa một hay nhiều tờ khai đã hiển thị trên kết quả tra cứu người sử dụng check chọn vào các ô chọn có dòng tương ứng với các tờ khai cần xóa sau đó có thể ấn tổ hợp phím "Alt+X" hoặc nhấn vào nút "Xóa" để thực hiện chức năng xóa tờ khai. Màn hình xuất hiện thông báo như sau:

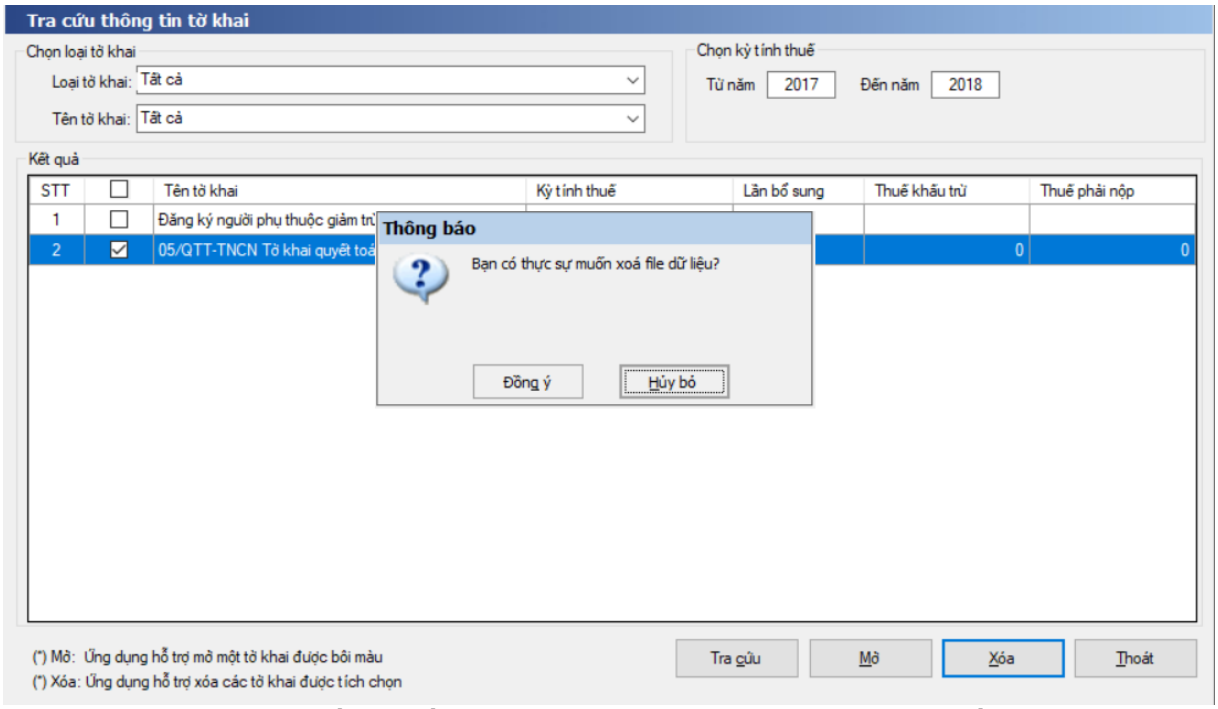

+ Chọn "Có" nếu muốn thực sự xóa dữ liệu và "Không" nếu ngược lại.

+ Chú ý: Để lựa chọn tất cả các tờ khai hiển thị trên cửa sổ làm việc người sử dụng có thể check chọn vào nút chọn trên cùng của cửa sổ hiển thị kết quả tra cứu.

1.1.19 Cấu hình cập nhật

Sử dụng chức năng này để biết Thông tin cập nhật. Kích hoạt chức năng này bằng cách Chọn menu Công cụ/Cấu hình cập nhật, ứng dụng hiển thị như sau:

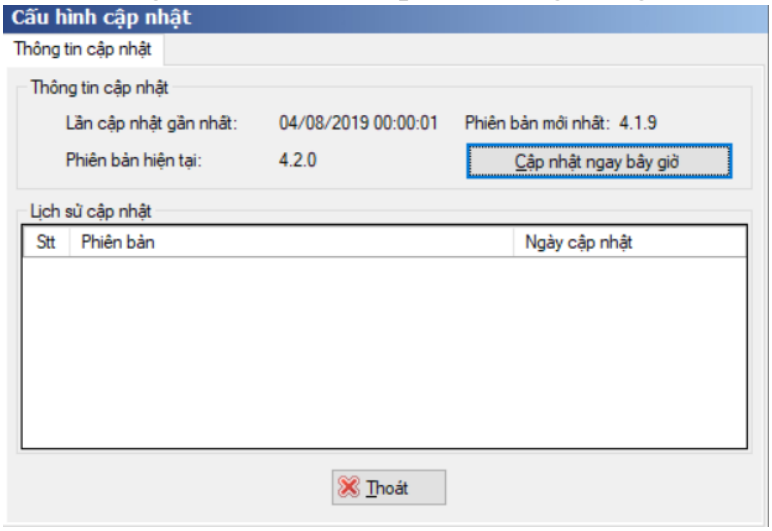

- Lần cập nhật gần nhất: thời gian NSD cập nhật gần nhất
- Phiên bản hiện tại: phiên bản hiện tại mà NSD đang dùng
- Phiên bản mới nhất: hiển thị phiên bản mới nhất đến thời điểm hiện tại
- Lịch sử cập nhật: hiển thị các lần cập nhật tương ứng với số phiên bản và thời gian.

1.1.20 Chuyển đổi dữ liệu từ HTKK 3.8.x sang HTKK 5.x.x

- **B1**: Thực hiện sao lưu dữ liệu trên HTKK phiên bản cũ: Vào phân hệ Công cụ\Sao lưu dữ liệu.

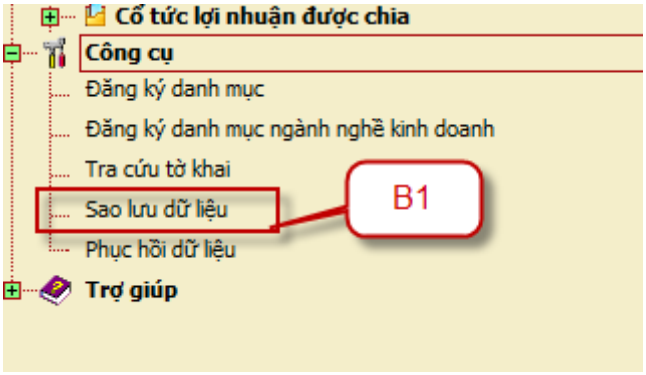

- **B2**: Chọn đường dẫn lưu dữ liệu sao lưu

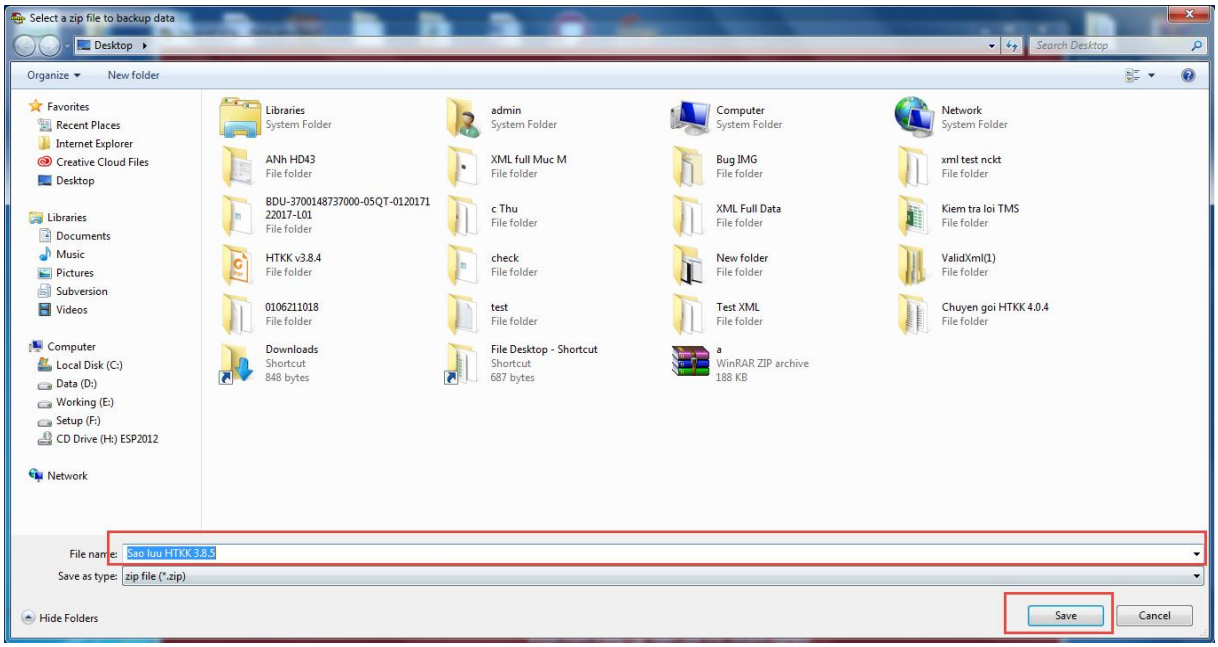

- **B3**: Thực hiện chuyển đổi dữ liệu trên ứng dụng HTKK 4.2.x

  + **B3.1**: Chọn phân hệ Công cụ\Chuyển đổi dữ liệu từ HTKK phiên bản cũ

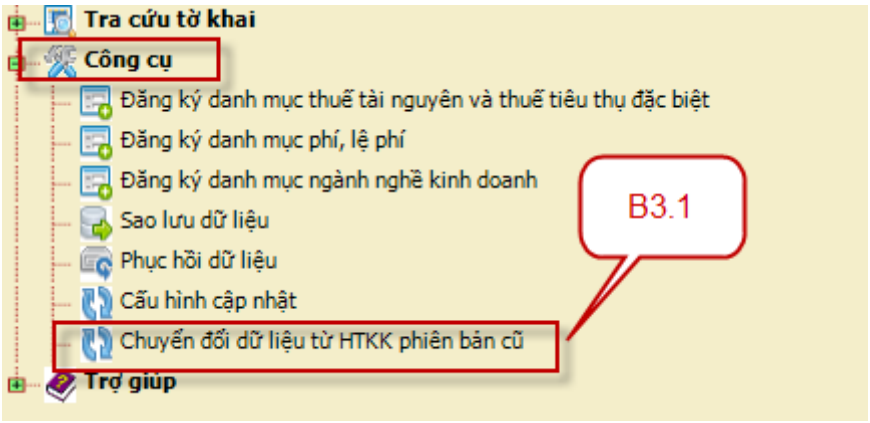

+ **B3.2**: Chọn đường link đến file dữ liệu đã sao lưu

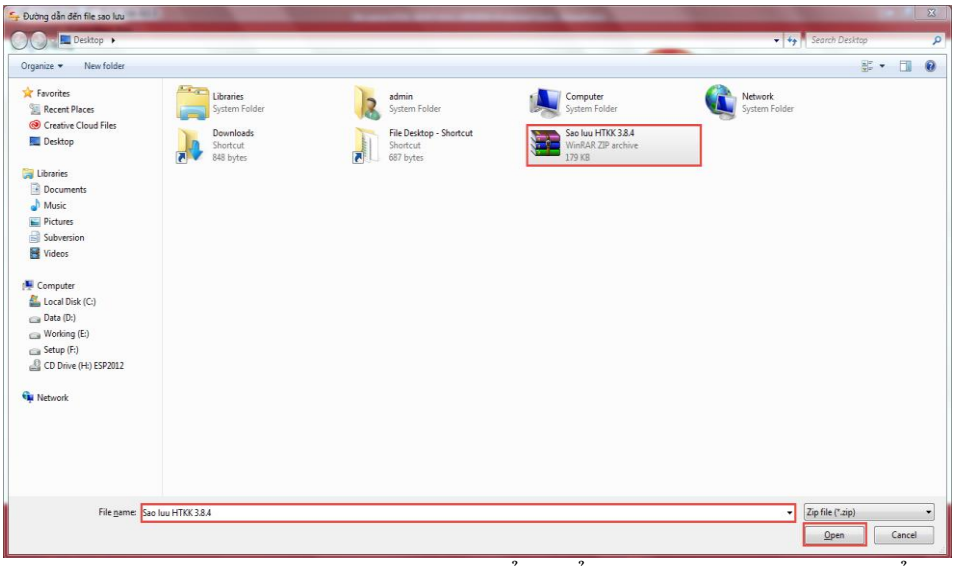

+ Khi đó ứng dụng thực hiện chuyển đổi và thông báo chuyển đổi thành công.

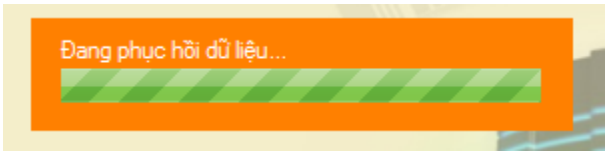

2 ĐẢM BẢO CỦA CƠ QUAN THUẾ

2.1 Bản quyền

Ứng dụng hỗ trợ kê khai thuế thuộc bản quyền của Tổng cục thuế nhà nước Việt Nam. Ứng dụng hỗ trợ kê khai được Tổng cục thuế phát miễn phí cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nhằm hỗ trợ các đơn vị này trong quá trình kê khai thuế. Bản quyền được pháp luật nhà nước Việt Nam bảo hộ.

2.2 Tính tin cậy

Tổng cục thuế Việt Nam đảm bảo chất lượng của ứng dụng hỗ trợ kê khai, mọi thông tin được kê khai và kiểm tra trong ứng dụng này đảm bảo đúng theo pháp luật quy định và được cơ quan thuế chấp nhận. Tuy nhiên khi sử dụng nên kiểm tra cẩn thận các thông tin kê khai để đảm bảo chính xác.

2.3 Bạn cần in tờ khai

Sau khi kê khai bạn cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên, đóng dấu

và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành. Đơn vị kê khai ký tên đóng dấu thể hiện cam kết đảm bảo thông tin kê khai là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này. Mã vạch chỉ có ý nghĩa mã hoá các thông tin kê khai trên tờ khai thành dạng có thể đọc được bằng máy.

2.4 Bạn cần kết xuất tờ khai theo chuẩn XML

Sau khi kê khai bạn cần phải kết xuất tờ khai theo chuẩn XML, ký số và gửi qua mạng cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành. Đơn vị kê khai ký số thể hiện cam kết đảm bảo thông tin kê khai là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này.

2.5 Lưu trữ tờ khai

Mặc dù dữ liệu tờ khai được lưu trong ứng dụng, nhưng cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn phải lưu trữ bản in đã được ký tên đóng dấu để phục vụ cho công tác thanh kiểm tra sau này.

3 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC CHỨC NĂNG KÊ KHAI

3.1 Kê khai thông tin chung của doanh nghiệp

- Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của cơ sở kinh doanh theo đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số trên tờ khai như:
- Mã số thuế: Ghi mã số thuế được cơ quan thuế cấp khi đăng ký nộp thuế.
- Tên Người nộp thuế: Khi ghi tên cơ sở kinh doanh phải ghi chính xác tên như tên đã đăng ký trong tờ khai đăng ký thuế, không sử dụng tên viết tắt hay tên thương mại.
- Địa chỉ trụ sở: Ghi đúng theo địa chỉ nơi đặt văn phòng trụ sở đã đăng ký với cơ quan thuế.
- Số điện thoại, số Fax và địa chỉ E-mail của doanh nghiệp để cơ quan thuế có thể liên lạc khi cần thiết.
- Ngành nghề kinh doanh chính, số tài khoản ngân hàng và ngày bắt đầu năm tài chính đối với tờ khai thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân.
- Cơ quan thuế quản lý: Chọn cơ quan thuế quản lý tương ứng với địa bàn của NNT (sau khi NNT đã nhập đủ thông tin địa chỉ)
- Nếu cơ sở kinh doanh có Đại lý thuế thì ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của Đại lý thuế theo đăng ký với cơ quan thuế vào các mã số trên tờ khai như các thông tin của cơ sở kinh doanh
- Nếu có sự thay đổi các thông tin trên, Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

3.2 Các quy định và tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai chung của ứng dụng:

- **Các quy định chung**: Tờ khai thuế được gửi đến cơ quan thuế được coi là hợp lệ khi:

  + Tờ khai được lập và in đúng mẫu quy định

  + Có ghi đầy đủ các thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại... của người nộp thuế.

+ Được người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế ký tên và đóng dấu vào cuối của tờ khai.

+ Có kèm theo các tài liệu, bảng kê, bảng giải trình theo chế độ quy định.

- **Tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai:**

+ Tài liệu hướng dẫn kê khai là một tài liệu độc lập với tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống HTKK 4.5.x, hưỡng dẫn kê khai cho từng chỉ tiêu, nằm trong menu <Trợ giúp>. Bạn hãy xem tài liệu hướng dẫn kê khai hoặc ấn phím "F1" trên bàn phím khi sử dụng hệ thống HTKK 4.5.x, bạn sẽ được trợ giúp chi tiết về Hướng dẫn kê khai thuế theo từng biểu mẫu thuế tương ứng trên ứng dụng.

+ Người thực hiện các chức năng kê khai là: Kế toán doanh nghiệp.

3.3 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế GTGT

3.3.1 Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ mẫu 01/GTGT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai thuế GTGT khấu trừ (01/GTGT) khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

- Cho phép mỗi ngành nghề được phép kê khai 1 tờ khai 01/GTGT cùng kỳ tính thuế

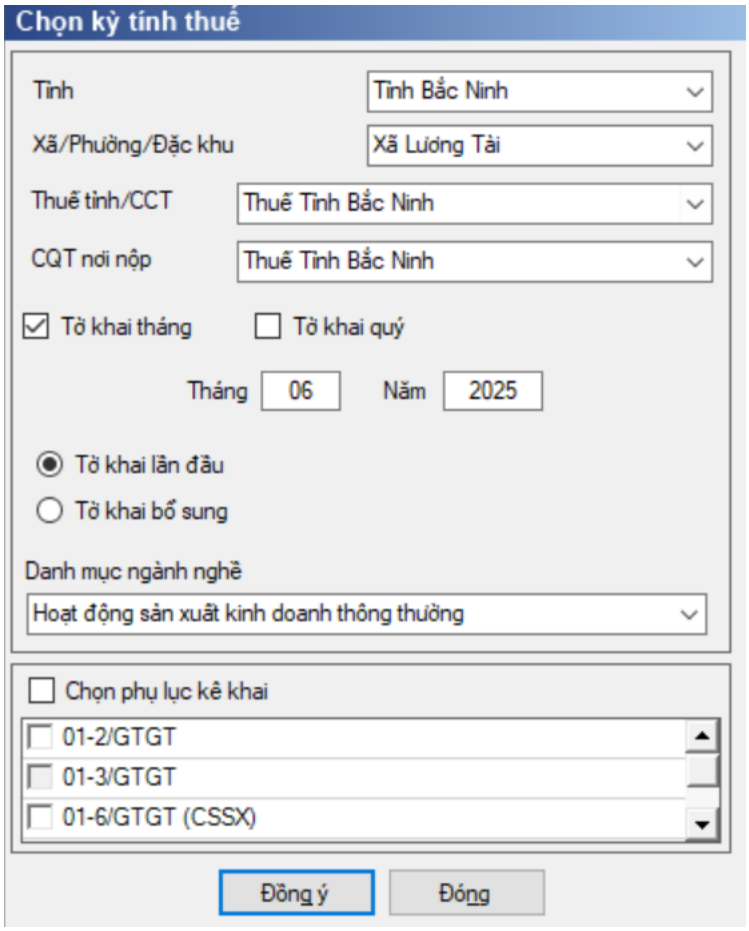

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế bạn cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

+ Tỉnh: Bắt buộc chọn trong danh mục 34 Tỉnh/Thành phố

+ Xã/phường/đặc khu: Bắt buộc chọn trong danh mục

+ Thuế tỉnh/CCT và CQT nơi nộp:

- Cho phép chọn CQT trong danh mục tương ứng với địa bàn đã chọn
- Mặc định là CQT quản lý trực tiếp đối với tờ khai 01/GTGT thông thường, xổ số, dầu khí
- Trường hợp chọn sản xuất thủy điện, dự án chuyển nhượng bất động sản thì chỉ chọn CQT khác tỉnh nơi đóng TSC

+ Kỳ tính thuế:

- Quý: nhập theo định dạng Qx/yyyy
- Tháng: nhập theo định dạng mm/yyyy

+ Trạng thái tờ khai: Chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu hay Tờ khai bổ sung, nếu tích chọn "Tờ khai bổ sung" thì hiển thị màn hình bắt buộc nhập "Lần bổ sung" theo thứ tự liên tiếp và "Ngày lập tờ khai bổ sung"

+ Chọn ngành nghề kinh doanh:

- Đối với tờ khai tháng có kỳ tính thuế từ tháng 01/2021, tờ khai quý có kỳ tính thuế từ quý 1/2021 trở đi, chọn ngành nghề trong danh mục gồm 5 giá trị:
  - Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường
  - Xổ số kiến thiết, xổ số điện toán
  - Xổ số kiến thiết, xổ số điện toán
  - Chuyển nhượng DAĐT CS hạ tầng, nhà khác tỉnh với nơi có trụ sở chính
  - Nhà máy sản xuất điện khác tỉnh với nơi có trụ sở chính
- Đối với tờ khai tháng có kỳ tính thuế từ tháng 12/2020, tờ khai quý có kỳ tính thuế từ quý 4/2020 trở về trước, chọn ngành nghề trong danh mục gồm 3 giá trị:
  - Ngành hàng sản xuất, kinh doanh thông thường
  - Hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên
  - Hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết

+ Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục cần kê khai. NSD có thể chọn các phụ lục cần kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT khấu trừ mẫu 01/GTGT.

3.3.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

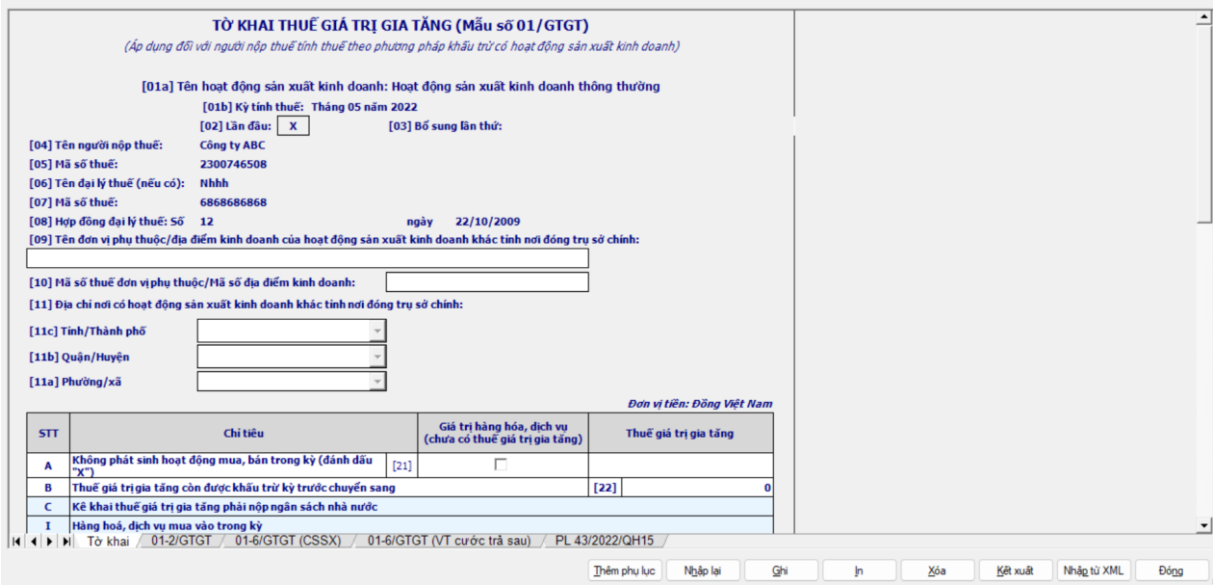

- **Chi tiết chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [21]: Để dưới dạng checkbox, mặc định là không check, cho phép sửa. Nếu NSD đánh dấu (x) vào chỉ tiêu [21] thì ứng dụng sẽ khóa không cho kê khai các chỉ tiêu từ [23] đến [32a]. Nếu các chỉ tiêu này đã kê khai thì ứng dụng đưa ra thông báo "NNT chỉ được kê khai các chỉ tiêu [22], [37], [38], [39a], [40b], [42]. Các chỉ tiêu còn lại khóa không cho kê khai. Bạn có tiếp tục thực hiện không?". Nếu NSD chọn "Có" thì ứng dụng thực hiện khóa các chỉ tiêu này và đặt lại giá trị bằng 0, nếu NSD chọn "Không" thì ứng dụng sẽ quay lại màn hình kê khai.

+ Chỉ tiêu số [22]: Chỉ tiêu Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22] được lấy từ chỉ tiêu [43] của kỳ trước chuyển sang cho phép sửa. Nếu sửa khác với chỉ tiêu [43] của kỳ trước thì ứng dụng đưa câu cảnh báo vàng "Giá trị của chỉ tiêu này khác với giá trị của chỉ tiêu [43] của tờ khai lần đầu kỳ trước liền kề." và vẫn cho phép in tờ khai.

+ Chỉ tiêu [23]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [23a]: Cho phép nhập dạng số không âm.

+ Chỉ tiêu [24]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0, kiểm tra [24] < [23], nếu vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [24a]: Cho phép nhập dạng số không âm, mặc định là 0, kiểm tra [24a] <= [23a], nếu vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [25]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0, kiểm tra [25] <= [24] (không kiểm tra đối với tờ khai tháng 12, quý 4), nếu vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [26]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [29]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [30]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

+ Chỉ tiêu [32]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

- Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì [32] = Tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT trên PL_GiamThue_GTGT_23_24, cho phép sửa.
- Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì [32] = Chỉ tiêu [07] trên PL NQ 142/2024/QH1. Cho phép sửa định dạng số âm, dương

+ Chỉ tiêu [32a]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm.

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính, công thức kiểm tra:**

+ Chỉ tiêu [27] = Chỉ tiêu [29] + Chỉ tiêu [30] + Chỉ tiêu [32] + [32a]

+ Chỉ tiêu [28] = Chỉ tiêu [31] + Chỉ tiêu [33]

+ Chỉ tiêu [31]: UD hỗ trợ tính [31] = [30]*5%, cho phép sửa định dạng số âm, dương. Nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng.

+ Chỉ tiêu [33]: UD hỗ trợ tính [33] = [32] * 10%

- Nếu không đính kèm Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 43/2022/QH15 và nhập [32] >=0 thì kiểm tra [33] <= [32], vi phạm cảnh báo đỏ
- Nếu đính kèm Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 43/2022/QH15 thì kiểm tra ràng buộc Chỉ tiêu [33] = [32] *10% - (Tổng cột 6 trên phụ lục với các dòng thuế suất 10%), sai khác cảnh báo vàng.
- Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì [33] = [32] * 10% - (Tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24)
- Nếu đính kèm Phụ lục giảm thuế GTGT theo Nghị quyết 142/2024/Qh15 thì 33] = [32] * 10% - chỉ tiêu [08] trên PL NQ 142/2024/QH15
- Cho phép sửa định dạng số âm, dương. Nếu sửa khác giá trị UD tính thì cảnh báo vàng.

+ Chỉ tiêu [34] = [26] + [27], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [35] = [28], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [36] = [35] - [25], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [37]: Cho phép nhập dạng số không âm

+ Chỉ tiêu [38]: Cho phép nhập dạng số không âm

+ Chỉ tiêu [39a]: Cho phép nhập dạng số không âm

+ Chỉ tiêu [40a]

- Nếu [36]-[22]+[37]-[38]-[39a] ≥ 0 thì [40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]
- Nếu [36]-[22]+[37]-[38]-[39a] <0 thì [40a] = 0

+ Chỉ tiêu [40b]: Cho phép NSD nhập, kiểm tra [40b] <= [40a], nếu không thỏa mãn thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [40]: Ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức [40] = [40a] – [40b], không cho sửa. Kiểm tra chỉ tiêu [40] trên tờ khai 01/GTGT phải >= Tổng số thuế trên các bảng kê phân bổ (01-2/GTGT, 01-6/GTGT (CSSX), 01-6/GTGT (VTCTS))

+ Chỉ tiêu [41]:

- Nếu [36] - [22] + [37] - [38] -[39a] < 0 thì [41] = trị tuyệt đối của ([36] - [22] + [37] - [38] -[39])
- Nếu [36] - [22] + [37] - [38] -[39] >=0 thì [41] = 0

+ Chỉ tiêu [42]: Cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, kiểm tra điều kiện [42]<[41] nếu không thỏa mãn thì hiển thị cảnh báo đỏ "Thuế GTGT đề nghị hoàn phải nhỏ hơn hoặc bằng số thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này".

+ Chỉ tiêu [43] = [41] –[42], Không cho sửa chỉ tiêu [43].

3.3.1.1.1 Phụ lục 01-2/GTGT: Bảng phân bổ thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện

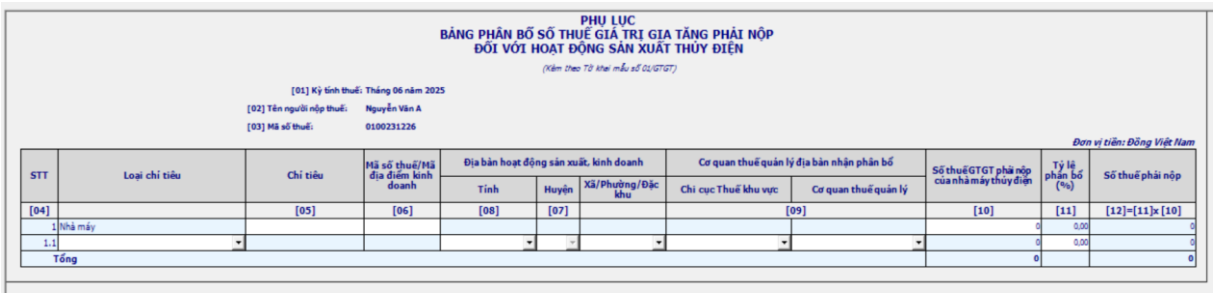

PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN
(Kèm theo Tờ khai mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025
[02] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A
[03] Mã số thuế: 0100231226

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số thuế GTGT phải nộp của nhà máy thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp
				Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Đặc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế quản lý			
[04]		[05]	[06]	[08]	[07]		[09]		[10]	[11]	[12]=[11]x[10]
1	Nhà máy								0	0,00	0
1.1									0	0,00	0
Tổng									0		0

- ***Các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Chỉ tiêu [05]: Cho phép NSD nhập, dạng text

+ Chỉ tiêu [06]: cho phép NSD nhập, kiểm tra cấu trúc của MST, nếu kê khai phụ lục phân bổ thì bắt buộc nhập chỉ tiêu này.

+ Chỉ tiêu [07] ở mục 1.1: Nếu tờ khai kê khai tại trụ sở chính: Chọn trong danh mục Xã/phường/đặc khu; Nếu tờ khai nộp tại CQT khác tỉnh nơi trụ sở chính = Xã/phường/đặc khu của chỉ tiêu (11b) trên tờ khai.

+ Chỉ tiêu [07] ở mục 1.2: NSD chọn từ danh mục tương ứng với Tỉnh tại chỉ tiêu (8)

+ Chỉ tiêu [08] ở mục 1.1: Nếu tờ khai kê khai tại trụ sở chính: Chọn trong danh mục Tỉnh, kiểm tra phải tương ứng với CQT quản lý; Nếu tờ khai nộp tại CQT khác tỉnh nơi trụ sở chính = Tỉnh của chỉ tiêu (11c) trên tờ khai.

+ Chỉ tiêu [08] ở mục 1.2: NSD chọn từ danh mục. Hệ thống kiểm tra Tỉnh của chỉ tiêu 1.2 phải khác tỉnh của chỉ tiêu 1.1

+ Chỉ tiêu [09] ở mục 1.1: Là CQT quản lý nhà máy

+ Chỉ tiêu [09] ở mục 1.2: Chọn trong danh mục cơ quan thuế tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn; xét trong phạm vi 1 nhà máy thì chỉ tiêu này không trùng nhau.

+ Chỉ tiêu [10a] cho phép NSD nhập dạng số không âm, kiểm tra Tổng cột [10] trên 01-2 phải <= chỉ tiêu [40] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ.

- ***Các chỉ tiêu tự tính, điều kiện kiểm tra công thức:***

+ Chỉ tiêu [11] = tổng % của 1.1 + 1.2, định dạng sau dấu phẩy 2 số thập phân, không cho sửa, kiểm tra tổng tỷ lệ của 1 nhà máy phải bằng 100%, nếu < 100 thì cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [12] = [11]x[10a], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [13] = tổng cột [10], kiểm tra chỉ tiêu [13] phải <= chỉ tiêu [40] trên tờ khai

+ Chỉ tiêu [14] = tổng cột [12], kiểm tra [14] = [13]

3.3.1.1.2 Phụ lục 01-3/GTGT: Bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán

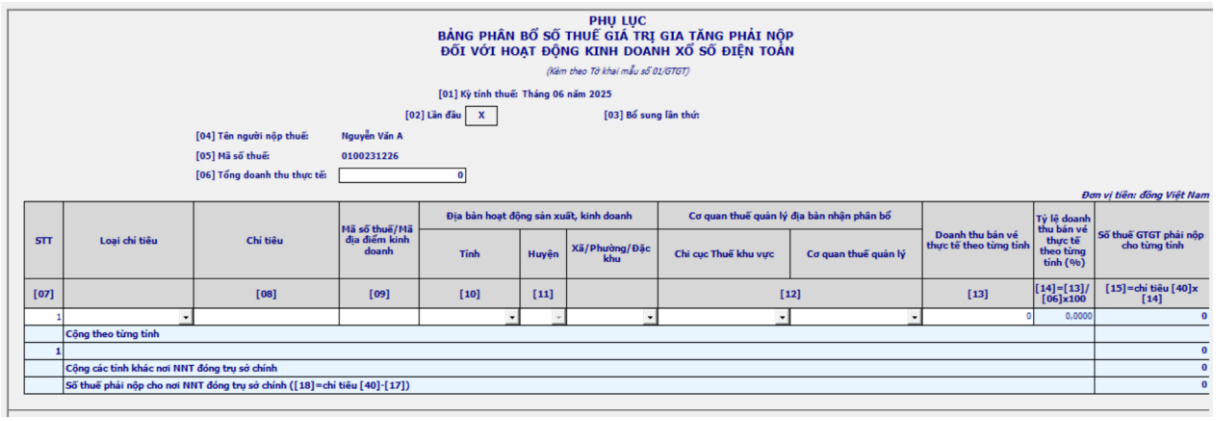

PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN
(Kèm theo Tờ khai mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A
[05] Mã số thuế: 0100231226
[06] Tổng doanh thu thực tế: 0

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh (%)	Số thuế GTGT phải nộp cho từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Đặc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế quản lý			
[07]		[08]	[09]	[10]	[11]		[12]		[13]	[14]=[13]/[06]x100	[15]=chỉ tiêu [40]x[14]
1									0	0.0000	0
	Cộng theo từng tỉnh										
1											0
	Cộng các tỉnh khác nơi NNT đóng trụ sở chính										0
	Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính ([18]=chỉ tiêu [40]-[17])										0

- ***Các chỉ tiêu nhập với đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:***

+ Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu số >0, kiểm tra >= tổng chỉ tiêu [13]

+ Chỉ tiêu [08]: Nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [09]: Nhập đúng cấu trúc MST 13 số, không được trùng

+ Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục, kiểm tra Tỉnh phải khác so với tỉnh tương ứng với CQT đang nộp tờ khai; 1 tỉnh tối đa được kê khai 3 chỉ tiêu cột (8) trên bảng kê

+ Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục CQT tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn

+ Chỉ tiêu [13]: NSD nhập số >=0. Hệ thống kiểm tra tổng (13) <= (6)

- ***Các chỉ tiêu nhập với địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính:***

+ Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu số >0, kiểm tra >= tổng chỉ tiêu [13]

+ Chỉ tiêu [08]: Nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [09]: Nhập đúng cấu trúc MST 13 số hoặc cấu trúc mã địa điểm kinh doanh 5 số

+ Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục, kiểm tra Tỉnh phải khác so với tỉnh tương ứng với CQT đang nộp tờ khai

+ Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục CQT tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn

+ Chỉ tiêu [13]: NSD nhập số >=0

- ***Các chỉ tiêu nhập với nơi không có đơn vị phụ thuộc/ địa điểm kinh doanh:***

+ Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu số >0, kiểm tra >= tổng chỉ tiêu [13]

+ Chỉ tiêu [08]: Nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục, kiểm tra Tỉnh phải khác so với tỉnh tương ứng với CQT đang nộp tờ khai

+ Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục CQT tương ứng với địa bàn hoạt động, sản xuất kinh doanh đã chọn

+ Chỉ tiêu [13]: NSD nhập số >=0

- ***Các chỉ tiêu tự tính, điều kiện kiểm tra công thức:***

+ Chỉ tiêu [14]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [14] = [13]/[06]x100%, kiểm tra Tổng (14) <= 100%, định dạng sau dấu phẩy 2 số thập phân

+ Chỉ tiêu [15]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [15] = [40]x[14]

+ Chỉ tiêu [16]: UD tính tổng theo từng tỉnh, chỉ cộng khi 1 tỉnh khai nhiều dòng

+ Cộng các tỉnh khác nơi NNT đóng trụ sở chính: [17] = ∑[16]

+ Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính: [18] = [40] – [17], kiểm tra [17] + [18] = [40] trên Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT, sai khác cảnh báo đỏ.

3.3.1.1.3 Phụ lục 01-6/GTGT: Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp

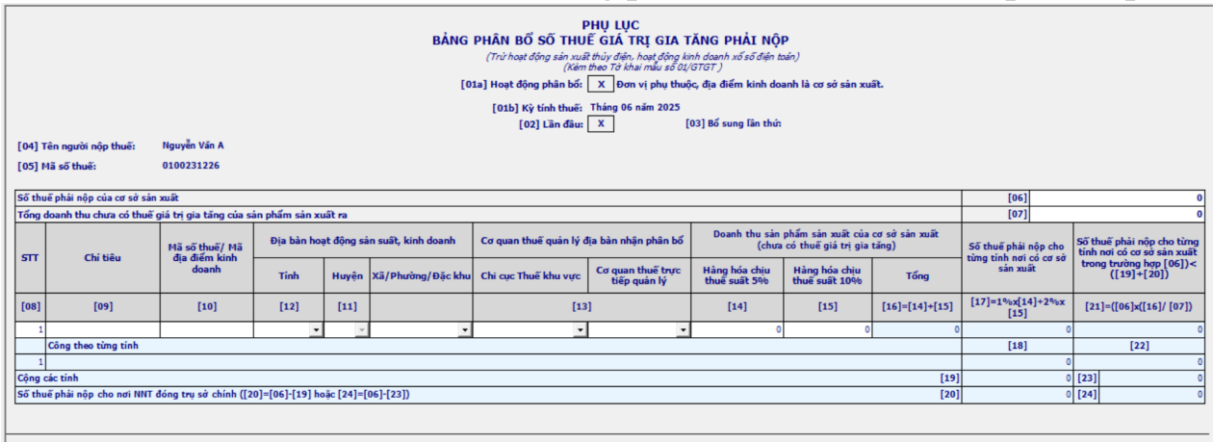

PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP
(Trừ hoạt động sản xuất thủy điện, hoạt động kinh doanh xổ số điện toán)
(Kèm theo Tờ khai mẫu số 01/GTGT)

[01a] Hoạt động phân bổ: X Đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh là cơ sở sản xuất.

[01b] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A
[05] Mã số thuế: 0100231226

Số thuế phải nộp của cơ sở sản xuất											[06]	0
Tổng doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng của sản phẩm sản xuất ra											[07]	0
STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Doanh thu sản phẩm sản xuất của cơ sở sản xuất (chưa có thuế giá trị gia tăng)			Số thuế phải nộp cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất	Số thuế phải nộp cho từng tỉnh nơi có cơ sở sản xuất trong trường hợp [06])< ([19]+[20])
			Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Đặc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý	Hàng hóa chịu thuế suất 5%	Hàng hóa chịu thuế suất 10%	Tổng		
[08]	[09]	[10]	[12]	[11]		[13]		[14]	[15]	[16]=[14]+[15]	[17]=1%x[14]+2%x[15]	[21]=([06]x[16]/ [07])
1								0	0	0	0	0
	Cộng theo từng tỉnh										[18]	[22]
1											0	0
Cộng các tỉnh										[19]	0	[23] 0
Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính ([20]=[06]-[19] hoặc [24]=[06]-[23])										[20]	0	[24] 0

- ***Các chỉ tiêu nhập:***

+ Chỉ tiêu [06]: NSD tự nhập, kiểu số không âm, kiểm tra (Chỉ tiêu [06] trên 01-6 (CSSX) + Chỉ tiêu [06] trên 01-6 (VT) + tổng cột [10] trên 01-2) <= [40] trên tờ khai, vi phạm cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [07]: Nếu chọn phân bổ cho cơ sở sản xuất: NSD tự nhập. Hệ thống kiểm tra (7) <= (27) trên tờ khai. Bắt buộc nhập nếu kê khai phụ lục; Nếu chọn phân bổ cho kinh doanh dịch vụ viễn thông cước trả sau: Không hiển thị dòng này.

+ Chỉ tiêu [09]: Cho phép NNT nhập text

+ Chỉ tiêu [10]: Tại dòng đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính: Nhập MST 13 số, kiểm tra đúng cấu trúc, không cho phép nhập trùng;

Tại dòng địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính: Cho phép nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã địa điểm kinh doanh 5 số.

+ Chỉ tiêu [11]: NSD chọn từ danh mục

+ Chỉ tiêu [12]: NSD nhập, kiểm tra tỉnh khác tỉnh với CQT nộp tờ khai, không bắt trùng

+ Chỉ tiêu [13]: Mặc định là Cục thuế và cho phép chọn lại là CCT

+ Chỉ tiêu [14]: NSD nhập số không âm, kiểm tra tổng [14] <= [30] trên tờ khai, bắt buộc có kê khai [14] hoặc [15]

+ Chỉ tiêu [15]: NSD nhập số không âm, kiểm tra [15] <= [32] trên tờ khai

- ***Các chỉ tiêu tự tính, điều kiện kiểm tra công thức:***

+ Chỉ tiêu [16]: UD tính theo công thức: [16] = [14] + [15]

+ Chỉ tiêu [17]: UD tính theo công thức [17] = 1%x[14]+2%x[15], nếu [20] >=0 thì hiển thị cột [17], nếu chỉ tiêu [20] <0 thì không hiển thị cột [17], hiển thị cột [21]

+ Chỉ tiêu [18]: UD tính tổng cộng các dòng chỉ tiêu [17] theo từng tỉnh, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [19]: UD tính tổng cộng các dòng chỉ tiêu [18] theo từng tỉnh, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [20]: UD tính = [06] – [19], không cho sửa; Đối với CSSX: Nếu [20] dương thì không có giá trị tại cột [21], nếu [20] âm thì tính theo công thức cột [21], không tính theo công thức cột [17]; Đối với VT: Nếu [20] < 0 thì cảnh báo đỏ.

+ Chỉ tiêu [21]: Nếu là dịch vụ viễn thông cước trả sau thì không có chỉ tiêu (21), Nếu là cơ sở sản xuất thì tính theo công thức.

+ Chỉ tiêu [22]: UD tính tổng cộng cột [21] theo từng tỉnh, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [23]: UD tính tổng cộng cột [22] theo từng tỉnh, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [24]: Đối với CSSX: UD tính [24] = [06] – [23], không cho sửa; Đối với VT: Không hiển thị chỉ tiêu này

3.3.1.1.4 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị Quyết số 43/2022/QH15

- Cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022, quý 1/2022 đến quý 4/2022 và chỉ áp dụng cho ngành nghề "Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường" hoặc "Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí" hoặc "dành cho nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi có trụ sở chính"

- **Các chỉ tiêu NNT nhập:**

+ (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text

+ (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập

+ (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Bắt buộc chọn trong danh mục (5% hoặc 10%)

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:**

+ (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: UD tính theo công thức (5)=(4)x80%

+ (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.3.1.1.5 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15)

- Cho phép đính kèm Phụ lục PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với ngành nghề "Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường" hoặc "Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí" hoặc "dành cho nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi có trụ sở chính" có các kỳ tính thuế như sau:

+ Kỳ tháng: Từ tháng 06/2023 đến tháng 06/2024

+ Kỳ quý: Từ quý 2/2023 đến quý 2/2024

- **Các chỉ tiêu NNT nhập:**

+ (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text

+ (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:**

+ (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%

+ (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%

+ (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.3.1.1.6 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 và Nghị quyết số 204/2025/QH15)

- Cho phép đính kèm Phụ lục PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 đối với ngành nghề "Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường" hoặc "Hoạt động thăm dò khai thác dầu khí" hoặc "dành cho nhà máy sản xuất điện khác địa bàn tỉnh nơi có trụ sở chính" có các kỳ tính thuế như sau:

+ Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2026

+ Kỳ quý: Từ quý 3/2024 đến quý 4/2026

- **Mục I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%** ***(áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế)***

+ Các chỉ tiêu NNT nhập:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa có thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ: Nhập số >=0

+ Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:

- (4) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ: UD tính theo công thức (4) = (3) x 8%, cho phép sửa
- [05] Tổng cộng Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa có thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ: UD tính = tổng cột (3)

- [06] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ trong kỳ: UD tính = tổng cột (4)

- **Mục II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ**

+ Các chỉ tiêu NNT nhập:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập

+ Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:

- (4) Thuế suất thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%
- (5) Thuế suất thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%
- (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]
- [07] Tổng cộng Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT: UD tính = tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT
- [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm

- **Mục III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%**

+ [09]: UD tính theo công thức [09] = [08] - [06]

3.3.1.2 Trường hợp tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung và cho phép đính kèm các phụ lục
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục nào thì ở Tờ khai bổ sung/ Tờ khai bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó và cho phép NNT đính kèm thêm cả các phụ lục khác chưa được kê khai.

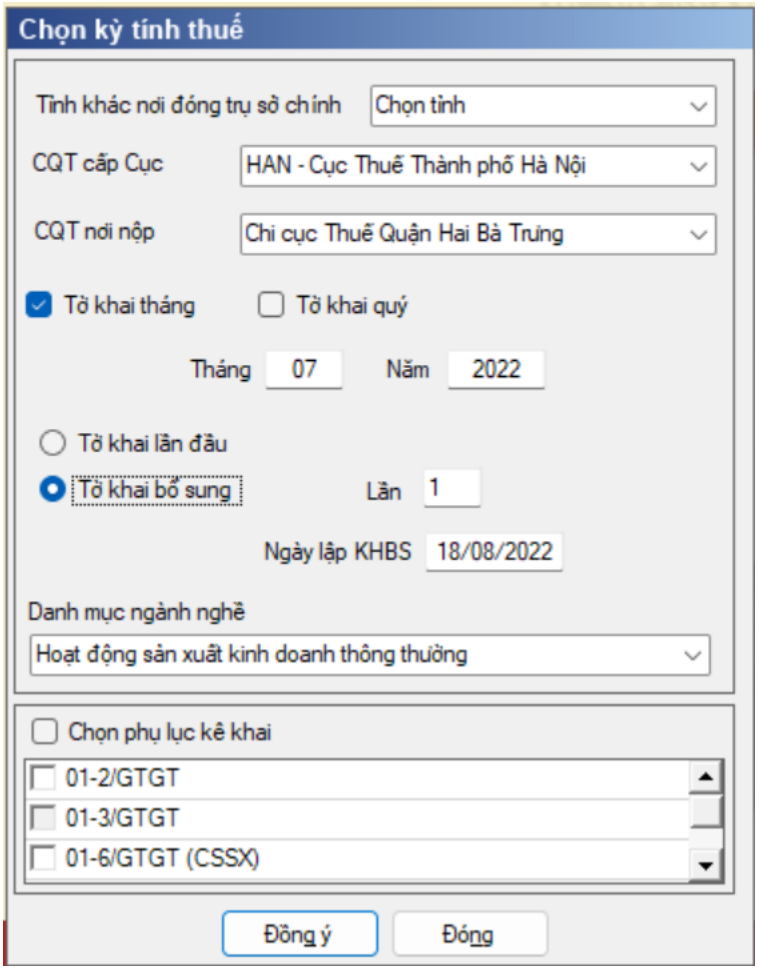

- Chọn nút "Đồng ý" khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", các phụ lục đã tích chọn (trong danh sách: 01-2/GTGT, 01-3/GTGT, 01-6/GTGT…) và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

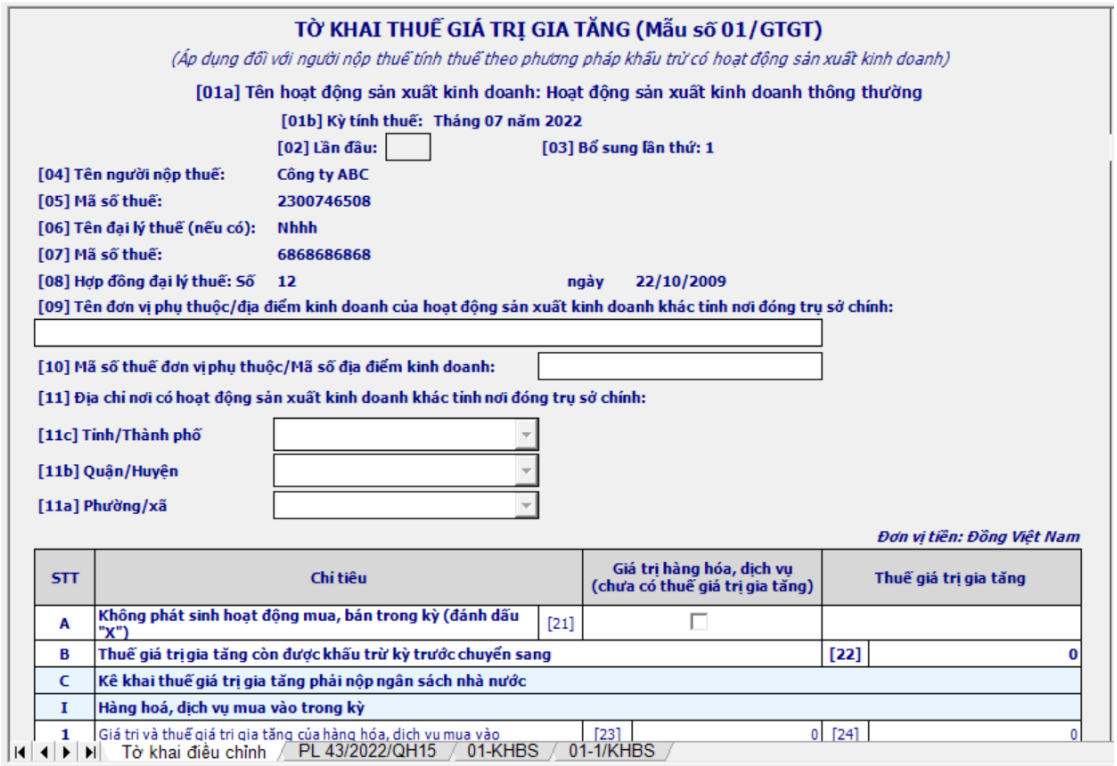

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS.
- Ấn nút "Tổng hợp KHBS"

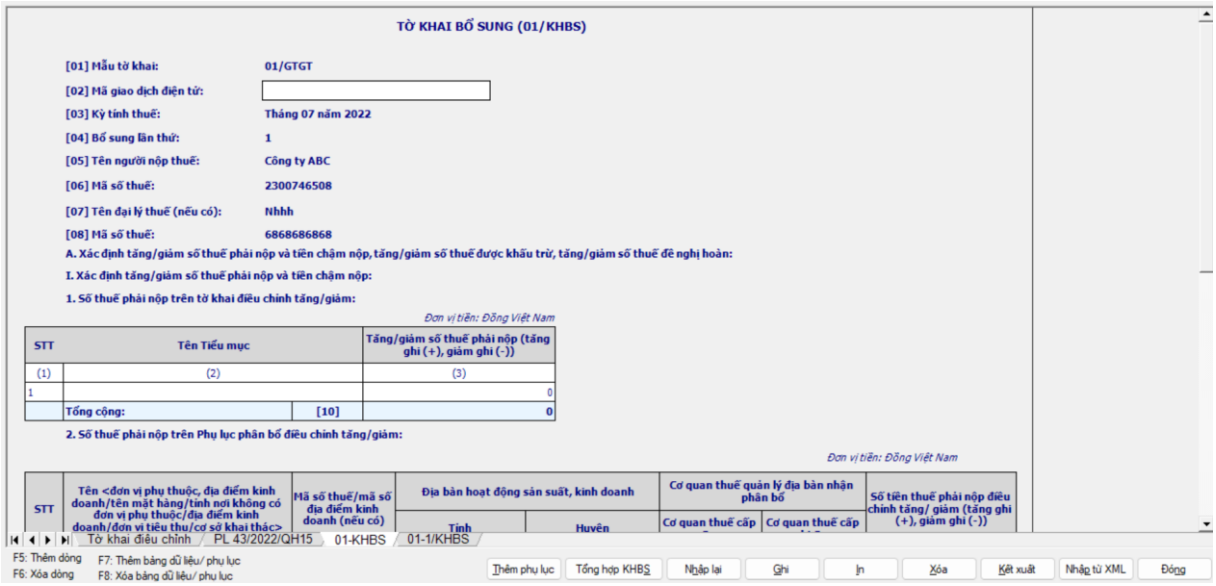

- **A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:**

+ (2) Tên tiểu mục: UD hiển thị tên tiểu mục điều chỉnh được tổng hợp từ chỉ tiêu điều chỉnh trên phụ lục 01-1/KHBS; Nếu phụ lục 01-1/KHBS không có các chỉ tiêu điều chỉnh là chỉ tiêu hạch toán thì cột này không có giá trị.

+ (3) Tăng/ giảm số thuế phải nộp: UD tự động hiển thụ = chỉ tiêu [07] Tổng cộng (tang +, giảm -) phải nộp trên 01-1/KHBS, không cho sửa

+ [10] Tổng cộng Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-)): UD tính bằng tổng cột (3), không cho sửa

+ Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm: hiển thị các dữ liệu thay đổi trên PL phân bổ 01-2/GTGT, 01-3/GTGT, 01-6/GTGT (CSSX), 01-6/GTGT (VT cước trả sau). PL nào có thay đổi số phải nộp của trụ sở chính trên 01-1/KHBS thì phải tổng hợp lên 01/KHBS:

- Tại PL 01-3/GTGT: UD thực hiện hỗ trợ tổng hợp chênh lệch chỉ tiêu [18] tại trụ sở chính lên 01/KHBS
- Tại PL 01-6/GTGT (CSSX): UD thực hiện hỗ trợ tổng hợp chênh lệch chỉ tiêu [20], [24] tại trụ sở chính lên 01/KHBS
- Tại PL 01-6/GTGT (VT cước trả sau): UD thực hiện hỗ trợ tổng hợp chênh lệch chỉ tiêu [20] tại trụ sở chính lên 01/KHBS

+ Số ngày chậm nộp tính đến ngày: UD hiển thị đến ngày lập tờ khai KHBS

+ Số ngày chậm nộp: UD hỗ trợ tính số ngày chậm nộp = ngày lập KHBS – hạn nộp tờ khai, cho phép sửa

+ Số tiền chậm nộp tăng/giảm: UD hỗ trợ tính theo công thức = 0,03%*số tiền chậm nộp*số ngày

+ [12] Tổng cộng Tăng/giảm số thuế khấu trừ (tăng ghi (+), giảm ghi (-)): UD tính bằng tổng cột (3), không cho sửa

+ [13] Tổng cộng Tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn (tăng ghi (+), giảm ghi (-)): UD tính bằng tổng cột (3), không cho sửa

- **B: Số thuế thu hồi hoàn và tiền chậm nộp:**

+ Số tiền thu hồi hoàn: NNT nhập dạng số, không âm

+ Quyết định hoàn thuế: Số…ngày…cơ quan thuế ban hành quyết định…: Số: nhập dạng text, Ngày: nhập dạng dd/mm/yyyy, Cơ quan thuế ban hành quyết định: Cho phép chọn trong danh mục

+ Lệnh hoàn thuế: Số … ngày …

+ Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: cho phép nhập

+ Số tiền chậm nộp (= số tiền đã được hoàn phải nộp trả NSNN x số ngày nhận được tiền hoàn thuế x mức chậm nộp): NNT nhập dạng số, không âm

3.3.2 Tờ khai thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư mẫu 02/GTGT đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai thuế giá trị gia tăng (02/GTGT)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

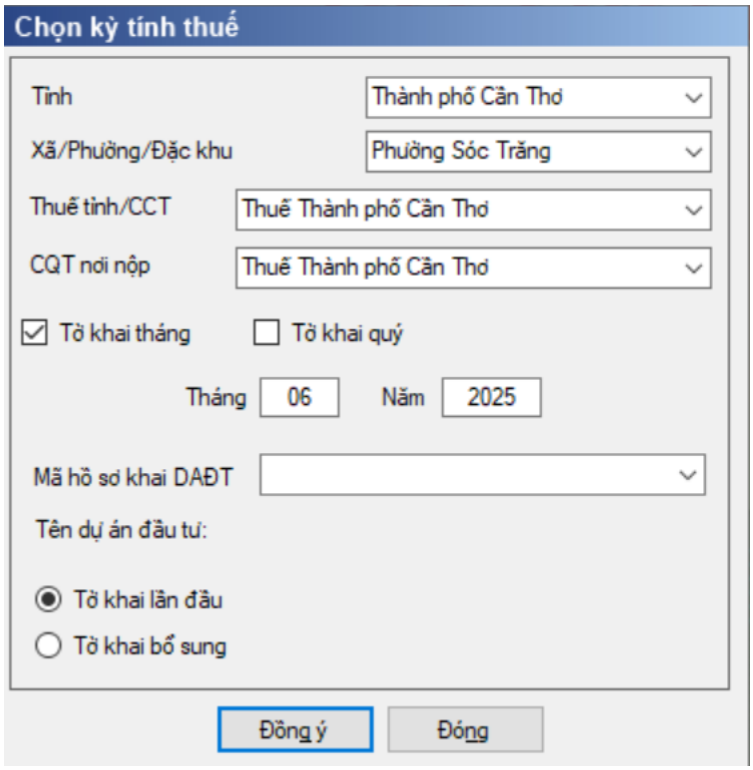

- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế

- Kiểm tra trong cùng 1 kỳ đã kê khai tháng thì không cho kê khai quý và ngược lại. VD đã kê khai tờ khai tháng 11/2021 thì không cho phép kê khai tờ khai quý 4/2021
- Cho phép có nhiều tờ khai 02/GTGT trong cùng 1 kỳ tính thuế với Mã dự án đầu tư khác nhau
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai quý có hiệu lực từ Qúy 1/2022
- Hạn nộp tờ khai:

+ Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Tờ khai quý: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

- Mã hồ sơ khai dự án đầu tư: Chọn trong danh mục các mã dự án đầu tư đã kê khai tại chức năng "Kê khai thông tin DAĐT cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT (có tích cột "Chọn" để hiển thị lên tờ khai 02/GTGT)

3.3.2.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

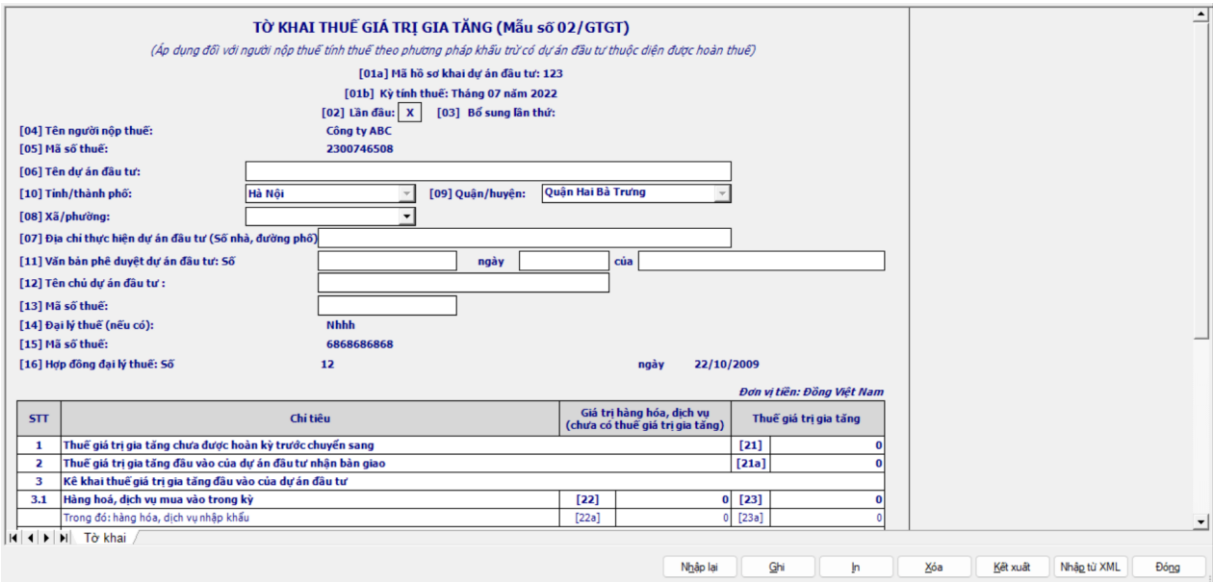

- ***Thông tin dự án đầu tư:*** *Hiển thị theo thông tin mã dự án đầu tư đã chọn, không cho sửa*
- ***Các chỉ tiêu tự nhập trong bảng:***

+ Các chỉ tiêu [21a], [22], [24], [25] , [26], [27] kiểu số, không âm.

+ Chỉ tiêu [23]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [23] <= [22], sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [22a]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [22a] <= [22], sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [23a]: Nhập dạng số, kiểm tra [23a] <= [23] và [23a] <= [22]

+ Chỉ tiêu [28a]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [28a] <= [28], sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [28b]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra ([28b]<[28]-[28a]), sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [30]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [30]<[29], nếu chỉ tiêu [30] = 0, thì không kiểm tra ràng buộc [30] <= [29], nếu nhập chỉ tiêu [30] kiểm tra phải >= 300 triệu

+ Chỉ tiêu [31]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [31] < [29] – [30], nếu chỉ tiêu [31] = 0 thì không kiểm tra ràng buộc

- ***Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính, kiểm tra công thức trong bảng:***

+ Chỉ tiêu [21]: tự động chuyển từ chỉ tiêu [32] kỳ trước sang, cho phép sửa, nếu sửa khác thì cảnh báo vàng và vẫn cho in tờ khai.

+ Chỉ tiêu [28] = [21] + [21a] + [23] + [25] – [27], nếu chỉ tiêu [28] < 0 thì cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [29] = [28] - [28a] - [28b], nếu chỉ tiêu [29] < 0 thì cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [32]= [29] – [30] – [31], nếu chỉ tiêu [32] < 0 thì cảnh báo đỏ

3.3.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

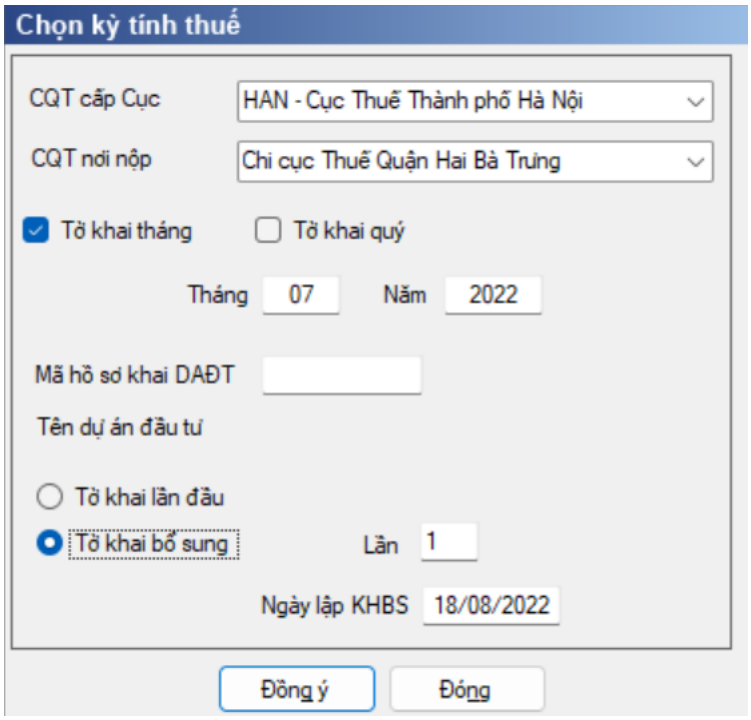

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

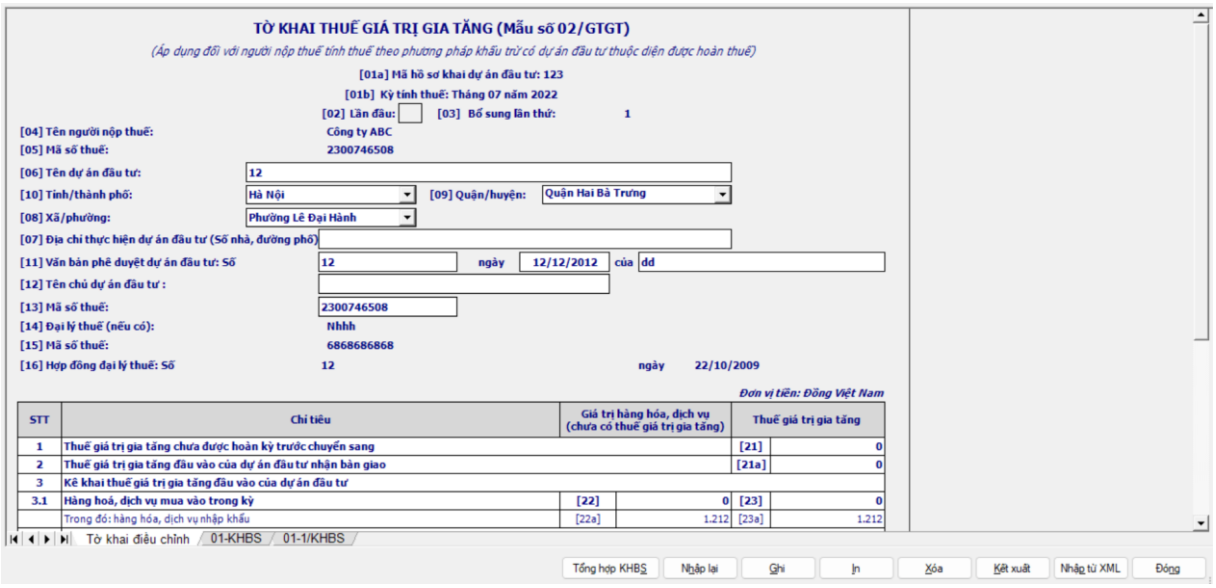

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

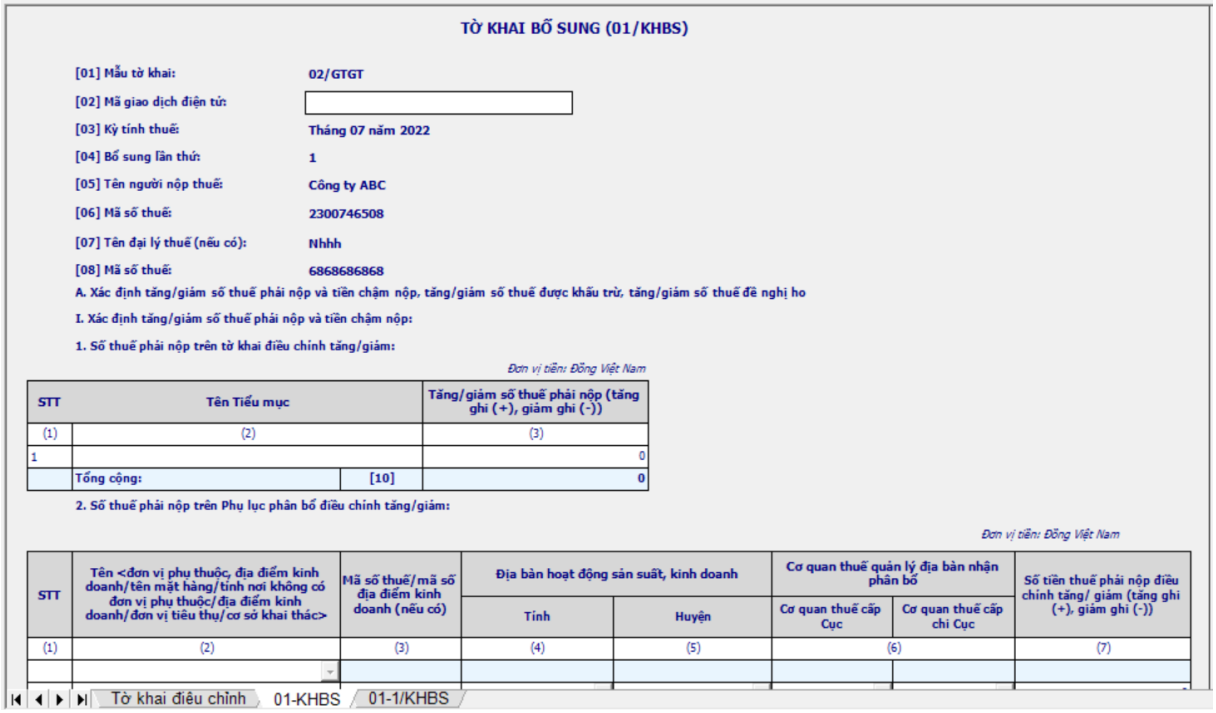

- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.3 Tờ khai thuế giá trị gia tăng trực tiếp mẫu 03/GTGT đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai GTGT trực tiếp trên GTGT (03/GTGT) (TT80)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

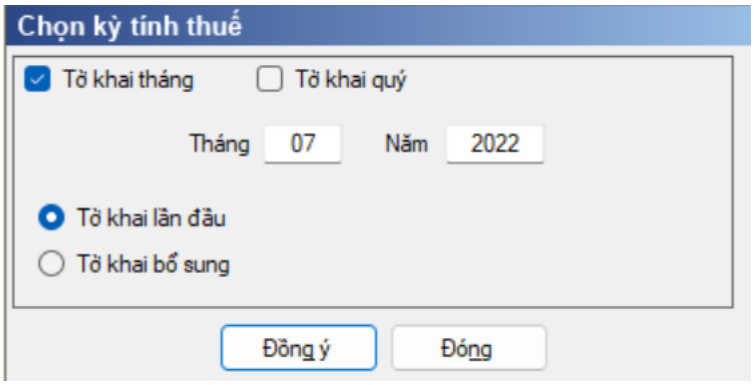

- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế
- Kiểm tra trong cùng 1 kỳ đã kê khai tháng thì không cho kê khai quý và ngược lại. VD đã kê khai tờ khai tháng 11/2021 thì không cho phép kê khai tờ khai quý 4/2021
- Cho phép có nhiều tờ khai 02/GTGT trong cùng 1 kỳ tính thuế với Mã dự án đầu tư khác nhau
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai quý có hiệu lực từ Qúy 1/2022
- Hạn nộp tờ khai:

  + Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

  + Tờ khai quý: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) theo tháng hoặc quý, và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT trực tiếp mẫu 03/GTGT.

3.3.3.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

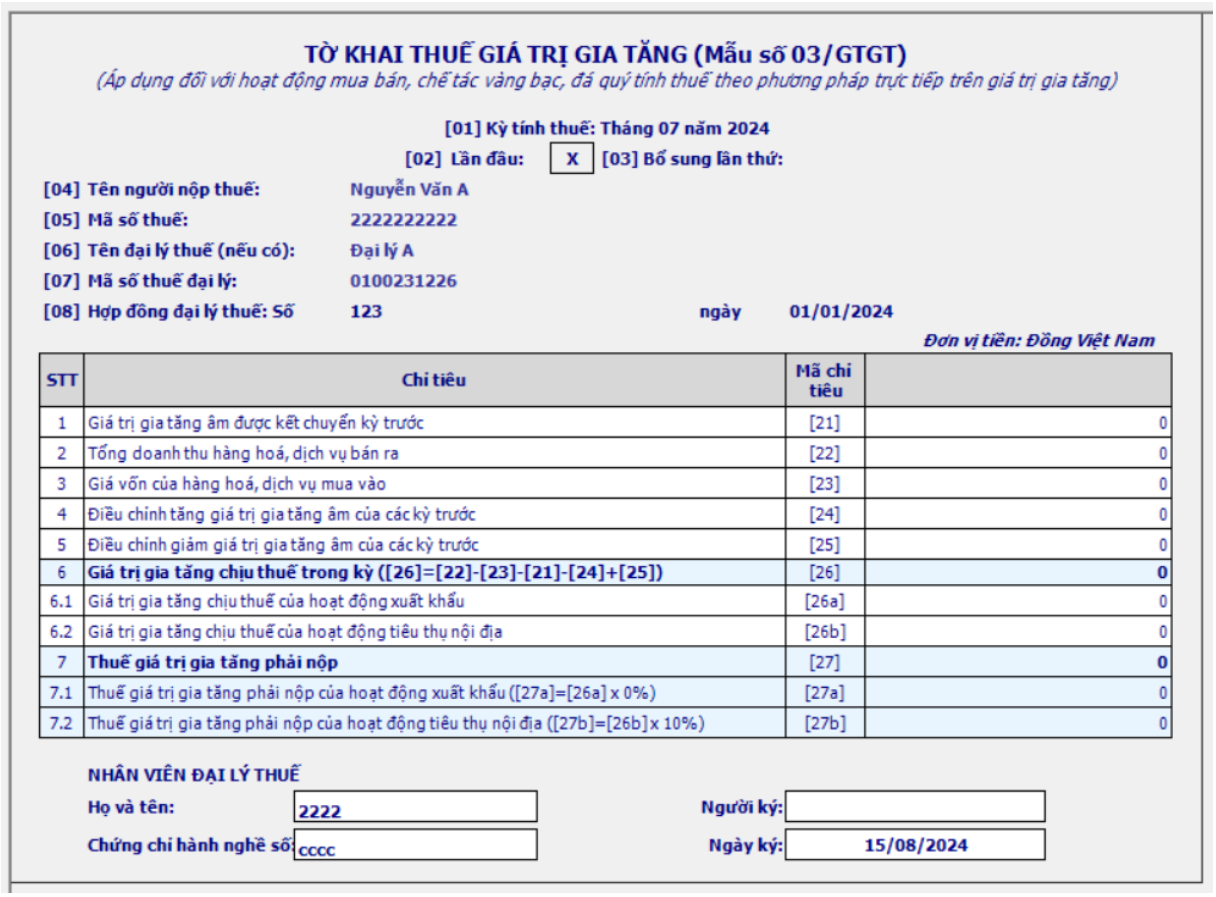

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 03/GTGT)

(Áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2024

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế đại lý: 0100231226

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 123 ngày 01/01/2024

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	
1	Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước	[21]	0
2	Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra	[22]	0
3	Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	0
4	Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[24]	0
5	Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[25]	0
6	**Giá trị gia tăng chịu thuế trong kỳ ([26]=[22]-[23]-[21]-[24]+[25])**	[26]	**0**
6.1	Giá trị gia tăng chịu thuế của hoạt động xuất khẩu	[26a]	0
6.2	Giá trị gia tăng chịu thuế của hoạt động tiêu thụ nội địa	[26b]	0
7	**Thuế giá trị gia tăng phải nộp**	[27]	**0**
7.1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động xuất khẩu ([27a]=[26a] x 0%)	[27a]	0
7.2	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động tiêu thụ nội địa ([27b]=[26b] x 10%)	[27b]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: 2222 Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: cccc Ngày ký: 15/08/2024

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***
  + Chỉ tiêu [22], [23], [26a], [26b]: NSD tự nhập, kiểu số âm, dương
  + Chỉ tiêu [24], [25]: NSD tự nhập, kiểu số, không âm
- ***Các chỉ tiêu tự tính, kiểm tra công thức:***

+ Chỉ tiêu [21]: hỗ trợ lấy giá trị âm từ chỉ tiêu [26] của kỳ trước sang, cho phép sửa, không âm, nếu sửa khác thì cảnh báo vàng: "Chỉ tiêu [21] khác với chỉ tiêu [26] kỳ trước chuyển sang". Không kê khai chỉ tiêu [21] đối với tờ khai tháng 1, quý 1

+ Chỉ tiêu [26]= [22] - [23] - [21] - [24] + [25]. Kiểm tra [26] phải = [26a] + [26b]

+ Chỉ tiêu [27]= [27a] + [27b]

+ Chỉ tiêu [27a] = [26a] x 0% = 0

+ Chỉ tiêu [27b] = [26b] x 10%, nếu [26b] < 0 thì [27b] =0

- Trường hợp khai tờ khai bổ sung
- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

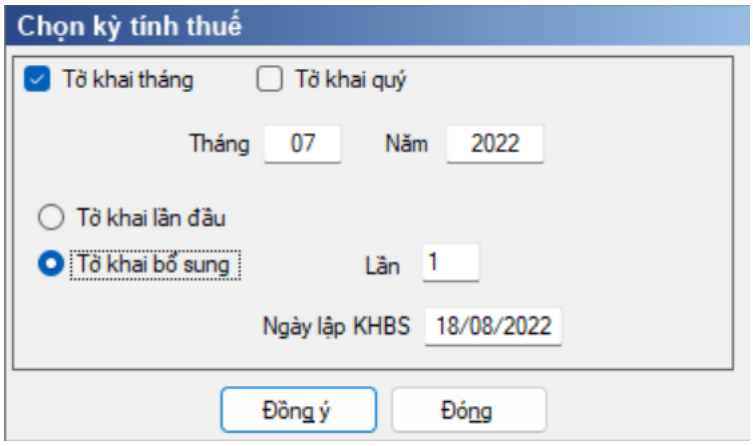

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:

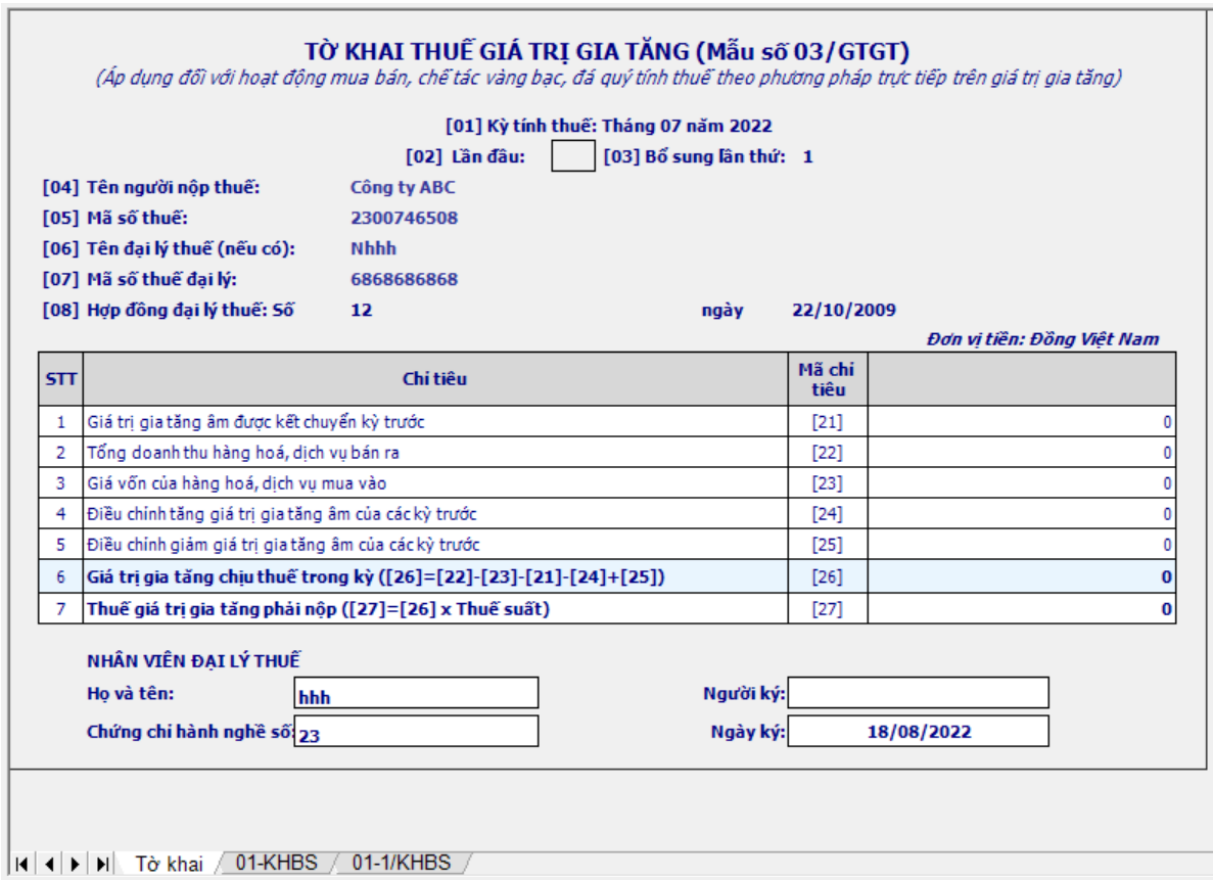

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 03/GTGT)

(Áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [ ] [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	
1	Giá trị gia tăng âm được kết chuyển kỳ trước	[21]	0
2	Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra	[22]	0
3	Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	0
4	Điều chỉnh tăng giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[24]	0
5	Điều chỉnh giảm giá trị gia tăng âm của các kỳ trước	[25]	0
6	**Giá trị gia tăng chịu thuế trong kỳ ([26]=[22]-[23]-[21]-[24]+[25])**	[26]	**0**
7	**Thuế giá trị gia tăng phải nộp ([27]=[26] x Thuế suất)**	[27]	**0**

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 18/08/2022

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.4 Tờ khai thuế GTGT mẫu 04/GTGT theo lần phát sinh đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai thuế GTGT (04/GTGT) (TT80)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

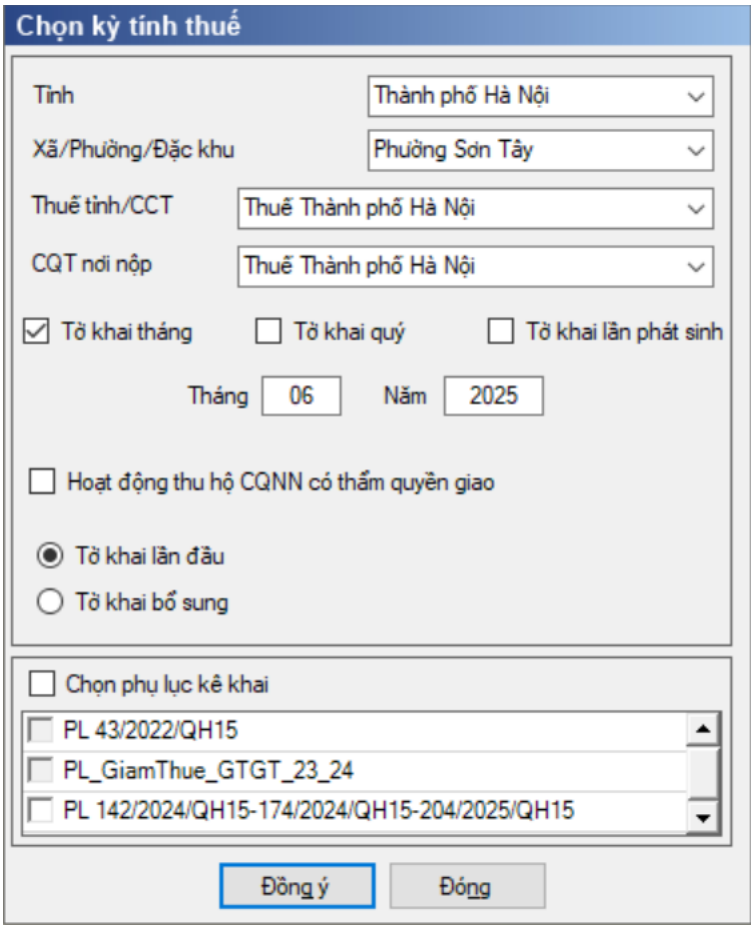

- CQT nộp tờ khai: Cho phép nộp tờ khai vãng lai
- Trong cùng 1 kỳ và 1 CQT nộp tờ khai có thể khai 1 tờ khai 04/GTGT tương ứng với "Khai thuế trực tiếp" theo tháng/quý và nhiều tờ khai 04/GTGT theo từng lần phát sinh, 01 tờ khai 04/GTGT "Khai riêng đối với khoản thu hộ" theo tháng/quý
- Loại kỳ tính thuế:
  + Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022
  + Tờ khai tháng: hiệu lực từ tháng 01/2022
  + Tờ khai quý: Qúy 1/2022
- Hạn nộp tờ khai:

+ + Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ + Tờ khai tháng: ngày thứ 20 của tháng tiếp theo. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ + Tờ khai quý: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) theo tháng hoặc quý, và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT trực tiếp trên doanh thu mẫu 04/GTGT.

3.3.4.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

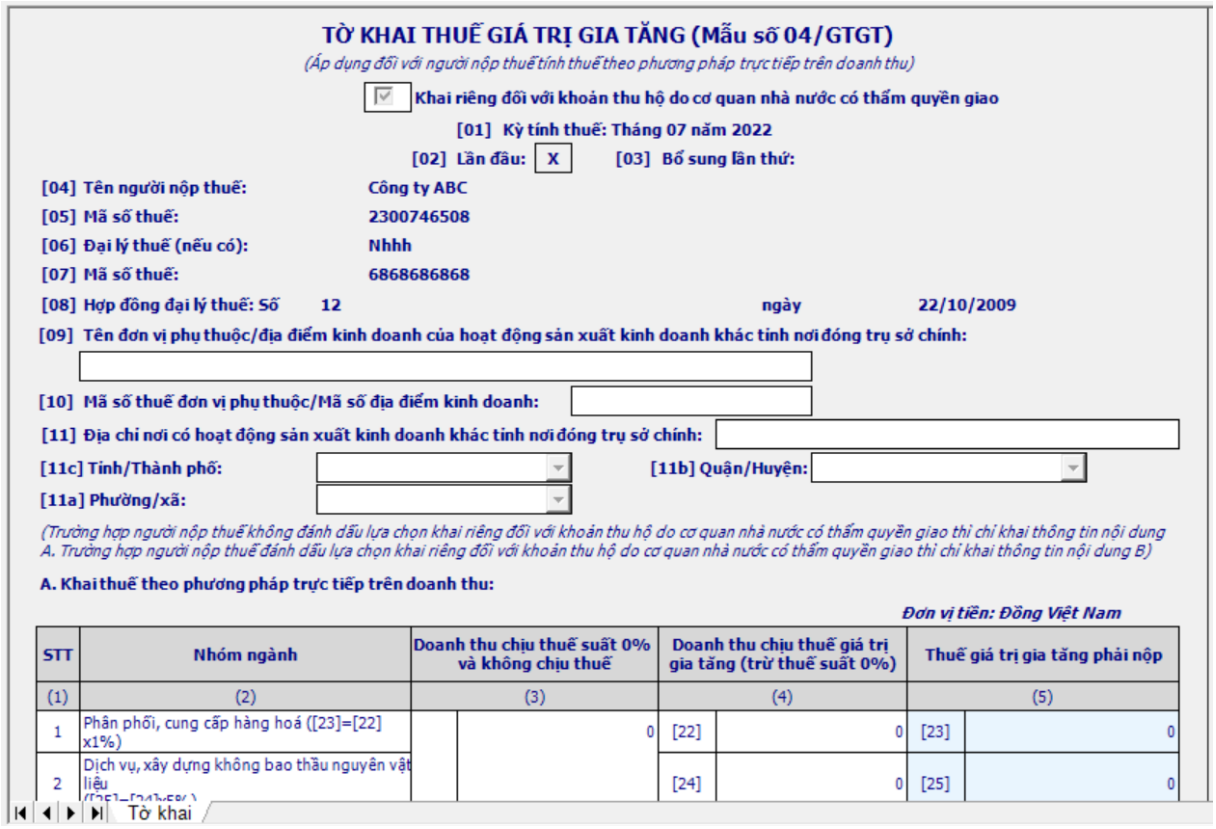

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 04/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu)

☐ Khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11c] Tỉnh/Thành phố: [11b] Quận/Huyện:

[11a] Phường/xã:

(Trường hợp người nộp thuế không đánh dấu lựa chọn khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì chỉ khai thông tin nội dung A. Trường hợp người nộp thuế đánh dấu lựa chọn khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì chỉ khai thông tin nội dung B)

A. Khai thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành	Doanh thu chịu thuế suất 0% và không chịu thuế		Doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng (trừ thuế suất 0%)		Thuế giá trị gia tăng phải nộp	
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	
1	Phân phối, cung cấp hàng hoá ([23]=[22] x1%)		0	[22]	0	[23]	0
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu			[24]	0	[25]	0

Tờ khai

- ***Các chỉ tiêu thông tin chung cần nhập:*** Cụm chỉ tiêu [09] -> [11]: Cho phép nhập nếu CQT nộp tờ khai khác với tỉnh nơi đóng trụ sở chính

+ Chỉ tiêu [09]: Nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [10]: Phải kê khai là MST 13 số hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số, kiểm tra định dạng đúng cấu trúc MST 13 số hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số

+ Chỉ tiêu [11a], [11b], [11c]: Chọn trong danh mục

- ***Các chỉ tiêu chi tiết:***

+ Trường hợp 1: Nếu không tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"

- **Chỉ tiêu [21]**: Cho phép nhập số âm, dương
- **Chỉ tiêu [22]**: Cho phép nhập số âm, dương

o Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu [22] = tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 1%. Cho phép sửa, kiểm tra [22] phải lớn hơn tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 1%.

o Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [22] = tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 1% ở cột (4). Cho phép sửa [22] phải >= tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 1% ở cột (4)

- Chỉ tiêu [23]:
  - Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì [23] = [22] *1%
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [23] = [22] *1% - tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 1% ở cột (4)
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: [23] = [22] *1% - tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 1% ở cột 4
  - Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: [23] = [22] *1% - tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ 1% ở cột 4
- **Chỉ tiêu [24]**: Cho phép nhập số âm, dương
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [24] = tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 5% ở cột (4). Cho phép sửa [24] phải >= tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 5% ở cột (4)
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu [24] = tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 5%, cho phép sửa
- **Chỉ tiêu [25]:**
  - Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì [25] = [24] * 5%
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [25] = [24]*5% - tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 5% ở cột (4)
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: [25] = [24]*5% - tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 5% ở cột 4
  - Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: [25] = [24]*5% - tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ 5% ở cột 4
- **Chỉ tiêu [26]**: Cho phép nhập số âm, dương
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [26] = tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 3% ở cột (4). Cho phép sửa [26] phải >= tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 3% ở cột (4)
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu [26] = tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 3%, cho phép sửa [26] phải >= tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 3%,
- **Chỉ tiêu [27]:**
  - Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì [27] = [26] * 3%
  - Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [27] = [26]*3% - tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 3% ở cột (4)
  - Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: [27] = [26]*3% - tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 3% ở cột 4
  - Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: [27] = [26]*3% - tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ 3% ở cột 4
- **Chỉ tiêu [28]**: Cho phép nhập số âm, dương

o Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [28] = tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 2% ở cột (4). Cho phép sửa [28] phải >= tổng cột (3) mục II trên PL 142/2024/QH15 tương ứng với tỷ lệ 2% ở cột (4)

o Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì Chỉ tiêu [22] = tổng cột (3) trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng thuế suất 2%, cho phép sửa

- **Chỉ tiêu [29]:**
  - o Nếu không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì [29] = [28] * 2%
  - o Nếu đính kèm PL 142/2024/QH15 thì: [29] = [28]*2% - tổng cột (6) mục II trên PL NQ 142/2024/QH15 tương ứng tỷ lệ 2 % ở cột (4)
  - o Nếu đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 thì: [29] = [28] * 2% - tổng cột 6 trên PL_GiamThue_GTGT_23_24 tương ứng tỷ lệ 2% ở cột 4
  - o Nếu đính kèm PL 43/2022/QH15 thì: [29] = [28] * 2% - tổng cột 6 trên PL 43/2022/QH15 tương ứng tỷ lệ 2% ở cột 4
- **Chỉ tiêu [30]**: [30] = [22] + [24] + [26] + [28]
- **Chỉ tiêu [31]**: [31] = [23] + [25] + [27] + [29]
- **Chỉ tiêu [32]**: [32]= [21] + [30]

+ Trường hợp 2: Nếu có tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao" thì:

- **(2) Khoản thu hộ**: Chọn trong danh mục bao gồm:
  - o Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 5%
  - o Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 10%
- **Chỉ tiêu [33]**: Nhập dạng số, có thể âm
- **Chỉ tiêu [34]:**
  - o Nếu chọn "Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 5% thì [34] = 5%
  - o Nếu chọn "Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 10% và không đính kèm PL giảm thuế GTGT thì [34] = 10%
  - o Nếu chọn "Khoản thu hộ chịu thuế GTGT 10% và đính kèm PL PL_GiamThue_GTGT_23_24 hoặc PL 142/2/204/QH15 thì [34] = 8%
- **Chỉ tiêu [35]**: [35]=[33]x[34], có thể âm
- **Chỉ tiêu [36]**: [36] = Tổng chỉ tiêu [33]
- **Chỉ tiêu [37]:** [37] = Tổng chỉ tiêu [35]

3.3.4.1.1 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 43/2022/QH15

- Trường hợp 1: Không tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"

+ Cho phép đính kèm PL 43/2022/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022
- Kỳ quý: Từ quý 1/2022 đến quý 4/2022
- Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022

+ Các chỉ tiêu trên phụ lục:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
- (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1%, 2%, 3%, 5%
- (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%
- (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

- Trường hợp 2: Tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"

+ Cho phép đính kèm PL 43/2022/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 02/2022 đến tháng 12/2022
- Kỳ quý: Từ quý 1/2022 đến quý 4/2022
- Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022

+ Các chỉ tiêu trên phụ lục:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
- (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%
- (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%
- (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.3.4.1.2 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL_GiamThue_GTGT_23_24 (đáp ứng Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15)

- Trường hợp 1: Không tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"

+ Cho phép đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 06/2023 đến tháng 06/2024
- Kỳ quý: Từ quý 2/2023 đến quý 2/2024
- Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/07/2023 đến ngày 30/06/2024

+ Các chỉ tiêu trên phụ lục:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
- (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1%, 2%, 3%, 5%
- (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%
- (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

- **Trường hợp 2: Tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"**

+ Cho phép đính kèm PL_GiamThue_GTGT_23_24 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2023 đến tháng 06/2024
- Kỳ quý: Từ quý 3/2023 đến quý 2/2024

+ Các chỉ tiêu trên phụ lục:

- (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Cho phép nhập text
- (3) Giá trị HHDV chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
- (4) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Mặc định là 10%
- (5) Thuế suất/Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: Mặc định là 8%
- (6) Thuế GTGT được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]

3.3.4.1.3 Phụ lục giảm thuế giá trị gia tăng PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 (đáp ứng Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 174/2024/QH15 và Nghị quyết số 204/2025/QH15)

- **Trường hợp 1: Không tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"**

+ Cho phép đính kèm Phụ lục PL 142/2024/QH15-174/2024/QH15-204/2025/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2026
- Kỳ quý: Từ quý 3/2024 đến quý 4/2026
- Kỳ lần phát sinh: Từ ngày 01/07/2024 đến ngày 31/12/2026

+ **Mục I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%** ***(áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế):*** **Không nhập mục này**

+ **Mục II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ**

- Các chỉ tiêu NNT nhập:
  - (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
  - (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
  - (4) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: Chọn trong danh mục 1, 2, 3, 5 (%)
- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
  - (5) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80%
  - (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]
  - [07] Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: UD tính = tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT

o [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm

+ **Mục III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%**

- [09]: UD tính theo công thức [09] = [08] - [06]

- **Trường hợp 2: Tích chọn "Hoạt động thu hộ CQNN có thẩm quyền giao"**

+ Cho phép đính kèm PL 142/2024/QH15 - 174/2024/QH15 đối với các kỳ tính thuế như sau:

- Kỳ tháng: Từ tháng 07/2024 đến tháng 06/2025
- Kỳ quý: Từ quý 3/2024 đến quý 2/2025

+ **Mục I. Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%** ***(áp dụng cho người nộp thuế kê khai theo phương pháp khấu trừ thuế):*** **Không nhập mục này**

+ **Mục II. Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ**

- Các chỉ tiêu NNT nhập:
  - o (2) Tên hàng hóa, dịch vụ: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
  - o (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: Nhập kiểu số >0, bắt buộc nhập
  - o (4) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT theo quy định: = 10%
- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
  - o (5) Thuế suất/ Tỷ lệ tính thuế GTGT sau giảm: (5)=(4)x80% = 8%
  - o (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính theo công thức (6)=(3)x[(4)-(5)]
  - o [07] Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT/ Doanh thu hàng hoá, dịch vụ chịu thuế: UD tính = tổng cột (3) Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT
  - o [08] Tổng cộng Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm: UD tính = tổng cột (6) Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được giảm

+ **Mục III. Chênh lệch thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra và mua vào trong kỳ được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%**

- [09]: UD tính theo công thức [09] = [08] - [06]

3.3.4.2 Trường hợp tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

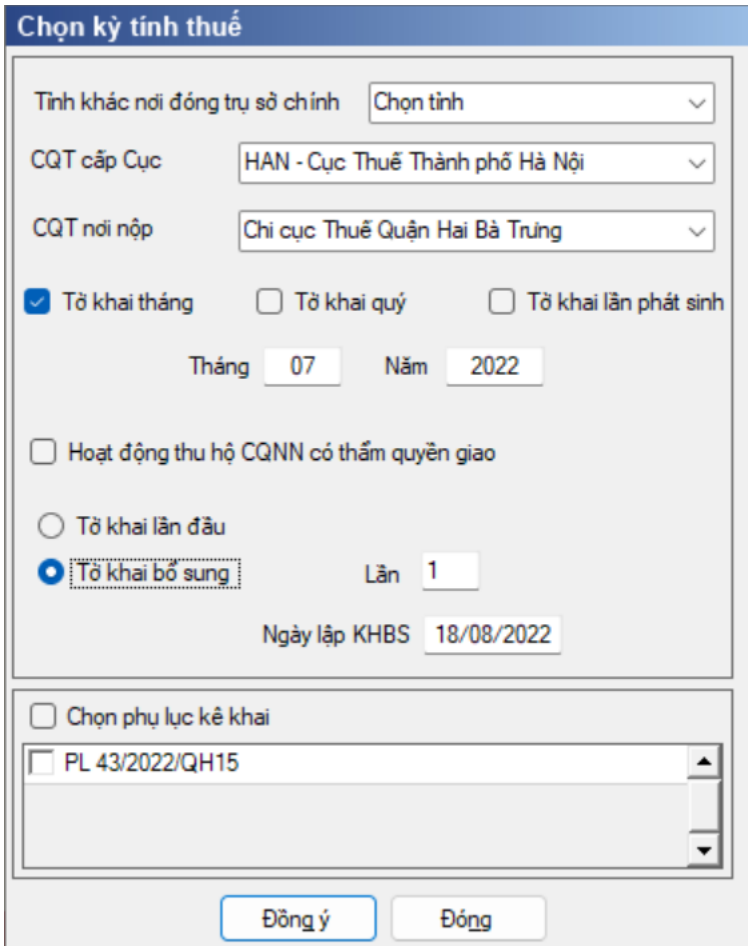

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

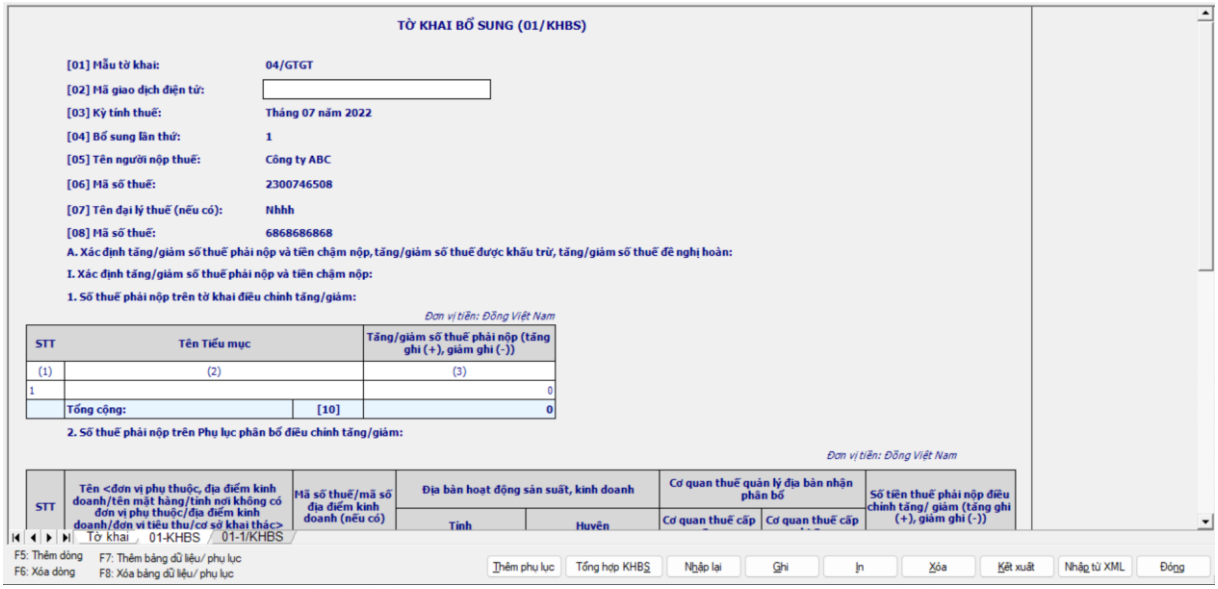

- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.5 Tờ khai thuế GTGT mẫu 05/GTGT theo lần phát sinh đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai thuế GTGT KD ngoại tỉnh (05/GTGT) (TT80)" để hiển thị ra tờ khai GTGT mẫu 05/GTGT.

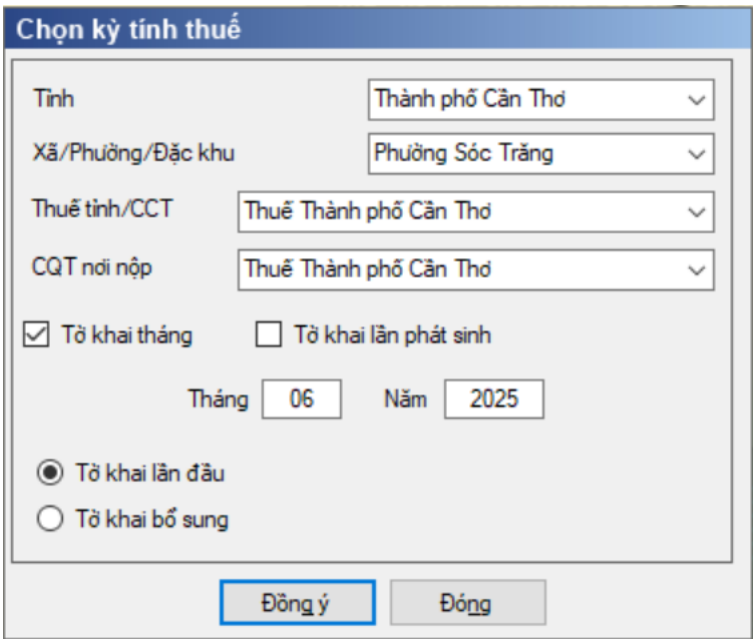

- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Thuế tỉnh
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai lần phát sinh có hiệu lực từ ngày 01/01/2022
- Hạn nộp tờ khai:

+ Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

3.3.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

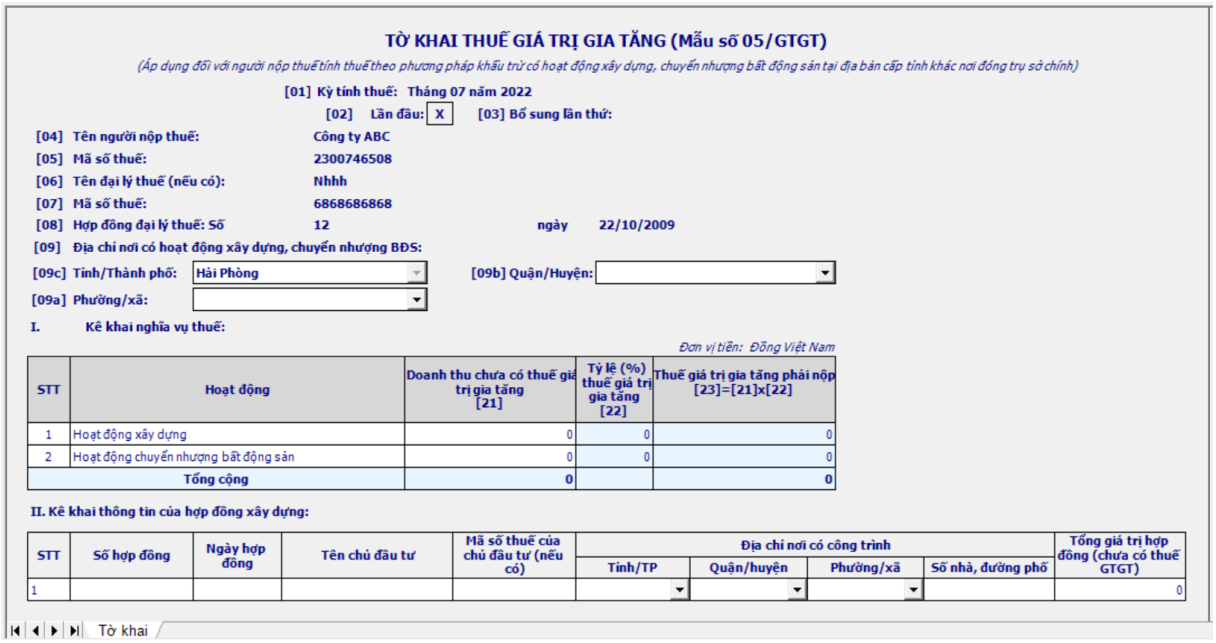

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 05/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi đóng trụ sở chính)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Địa chỉ nơi có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng BĐS:

[09c] Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng [09b] Quận/Huyện:

[09a] Phường/xã:

I. Kê khai nghĩa vụ thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hoạt động	Doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng [21]	Tỷ lệ (%) thuế giá trị gia tăng [22]	Thuế giá trị gia tăng phải nộp [23]=[21]x[22]
1	Hoạt động xây dựng	0	0	0
2	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	0	0	0
Tổng cộng		0		0

II. Kê khai thông tin của hợp đồng xây dựng:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Mã số thuế của chủ đầu tư (nếu có)	Địa chỉ nơi có công trình				Tổng giá trị hợp đồng (chưa có thuế GTGT)
					Tỉnh/TP	Quận/huyện	Phường/xã	Số nhà, đường phố	
1									0

Tờ khai

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***
  + Chỉ tiêu [09a], [09b], [09c]: chọn trong danh mục
  + Chỉ tiêu [21]: tự nhập, dạng số, không âm
  + Chỉ tiêu [22]: Mặc định là 1%, không cho sửa
- ***Các chỉ tiêu tự tính:***
  + Chỉ tiêu [23] = [21]x[22]
  + Chỉ tiêu [24] = tổng [21]
  + Chỉ tiêu [25]= tổng [23]

3.3.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

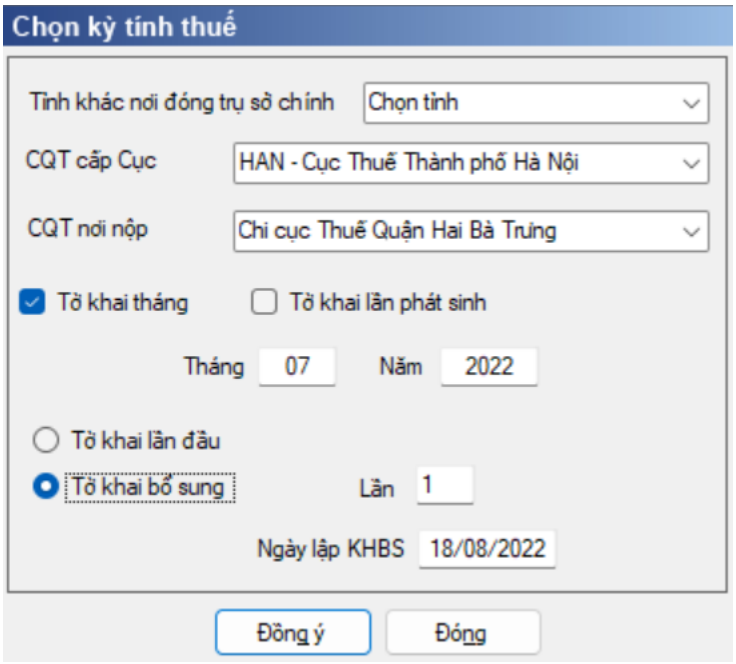

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

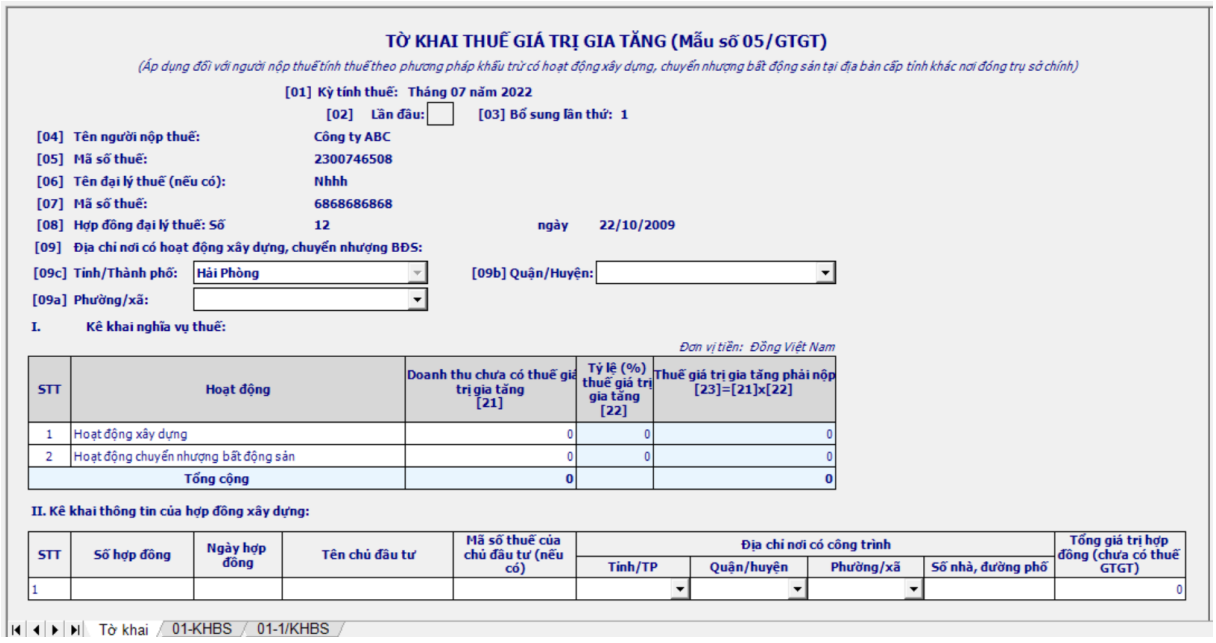

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 05/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi đóng trụ sở chính)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Địa chỉ nơi có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng BĐS:

[09c] Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng [09b] Quận/Huyện:

[09a] Phường/xã:

I. Kê khai nghĩa vụ thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Hoạt động	Doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng [21]	Tỷ lệ (%) thuế giá trị gia tăng [22]	Thuế giá trị gia tăng phải nộp [23]=[21]x[22]
1	Hoạt động xây dựng	0	0	0
2	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	0	0	0
Tổng cộng		0		0

II. Kê khai thông tin của hợp đồng xây dựng:

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Tên chủ đầu tư	Mã số thuế của chủ đầu tư (nếu có)	Địa chỉ nơi có công trình				Tổng giá trị hợp đồng (chưa có thuế GTGT)
					Tỉnh/TP	Quận/huyện	Phường/xã	Số nhà, đường phố	
1									0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

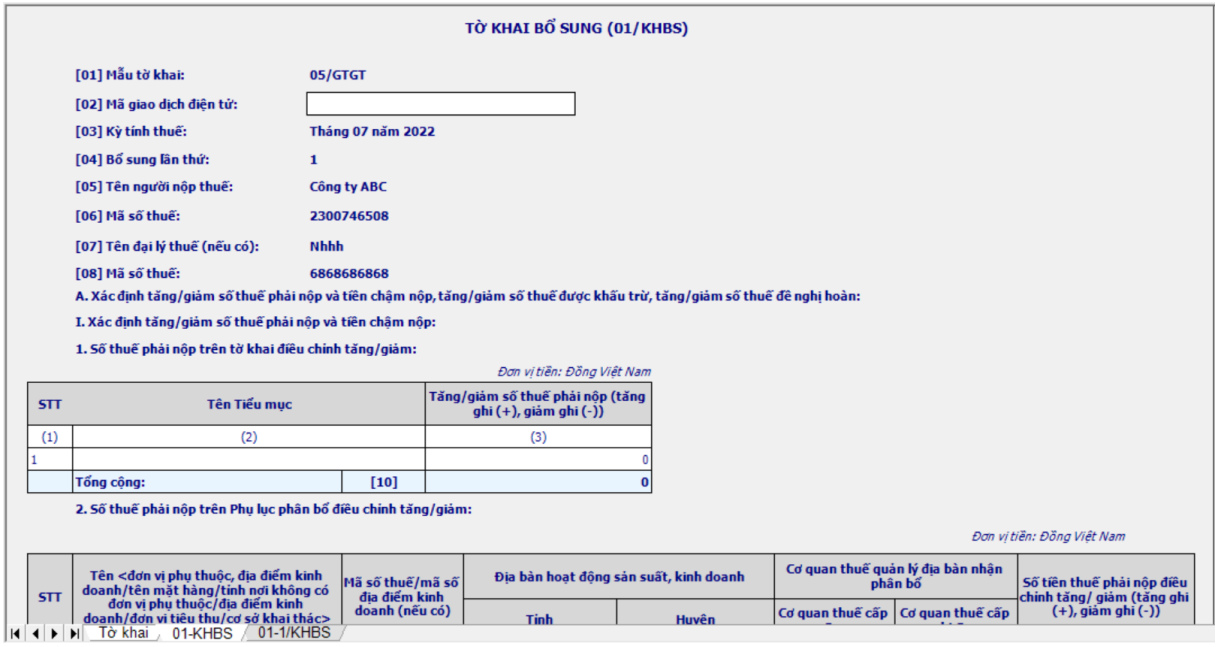
TỜ KHAI BỔ SUNG (01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 05/GTGT
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868
A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế đề nghị hoàn:
I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp:
1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục		Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)		(3)
1			0
	Tổng cộng:	[10]	0

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên <đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác>	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp	Cơ quan thuế cấp	

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.6 Kê khai thông tin dự án đầu tư cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Giá trị gia tăng" chọn "Kê khai thông tin DAĐT cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT" khi đó màn hình nhập sẽ hiển thị như sau:

CQT cấp Cục | CQT cấp chi Cục | Mã DAĐT | Tìm kiếm

DANH SÁCH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên người nộp thuế : Nguyễn Văn A
Mã số thuế: 0100231226

STT	Chọn	Mã hồ sơ khai DAĐT	Dự án cùng tỉnh	Thông tin dự án đầu tư						
				Tên dự án đầu tư	Địa chỉ thực hiện dự án	Tỉnh/thành phố	Quận/huyện	Xã/ phường/ đặc khu	Tên chủ dự án đầu tư	MST chủ dự án đầu tư
1	☑	100	☐	Dự án A	aaa	Tỉnh Ninh Bình		Phường Duy Tiên	Nguyễn Văn B	2222222222
2	☑	101	☐	Dự án B	bbb	Tỉnh Đồng Tháp		Phường Mỹ Ngãi	Nguyễn Văn B	2222222222

- **Nhập thông tin dự án đầu tư:**
  + Mã hồ sơ khai DAĐT:
    - Bắt buộc nhập kiểu số tự nhiên, tối đa 12 chữ số (không cho phép nhập mã DADT = "0")
    - Không cho phép trùng Mã hồ sơ khai DAĐT
  + Dự án cùng tỉnh: Cho phép tích chọn
  + Thông tin dự án đầu tư
    - Tên dự án đầu tư: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
    - Địa chỉ thực hiện dự án: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
    - Tỉnh/Thành phố:
      - Bắt buộc chọn trong danh mục tỉnh của Việt Nam.

o Nếu tích chọn <Dự án cùng tỉnh> thì kiểm tra địa chỉ Tỉnh của DAĐT với cùng tỉnh với địa chỉ của chủ DAĐT

- Quận/Huyện: Bắt buộc chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh đã chọn
- Phường/Xã: Bắt buộc chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc Quận/Huyện đã chọn
- Tên chủ dự án đầu tư: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
- MST chủ dự án đầu tư: Bắt buộc nhập
- Tỉnh nơi chủ dự án đóng trụ sở: Tỉnh nơi chủ dự án đóng trụ sở

+ Cơ quan thuế quản lý nơi có DAĐT:

- Nếu có tích <Dự án cùng tỉnh thì>: kiểm tra CQT quản lý DADT = CQT quản lý MST kê khai tờ khai
- Nếu không tích chọn "Dự án cùng tỉnh": Kiểm tra CQT QL DADT là Cục Thuế nơi tỉnh có dự án

+ **Văn bản phê duyệt DAĐT:**

- Số: Bắt buộc nhập kiểu ký tự
- Ngày: Bắt buộc nhập, định dạng dd/mm/yyyy, không được lớn hơn ngày hiện tại
- Cơ quan ban hành: Bắt buộc nhập kiểu ký tự

- Sau khi nhập xong thông tin dự án đầu tư, NNT tích các mã dự án đầu tư để đưa lên tờ khai 02/GTGT (TT80) và 01/HT bằng cách check vào cột "Chọn" tương ứng với thông tin DAĐT

3.4 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế TNDN

3.4.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp 02/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK TNDN cho chuyển nhượng BĐS (02/TNDN) (TT80)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:

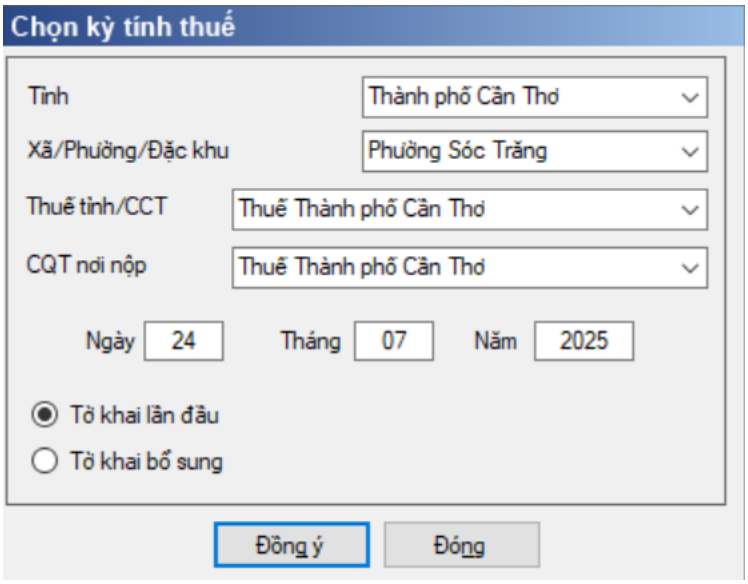

3.4.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, loại tờ khai. Sau đó nhấn nút "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai TNDN chuyển nhượng BĐS mẫu 02/TNDN.

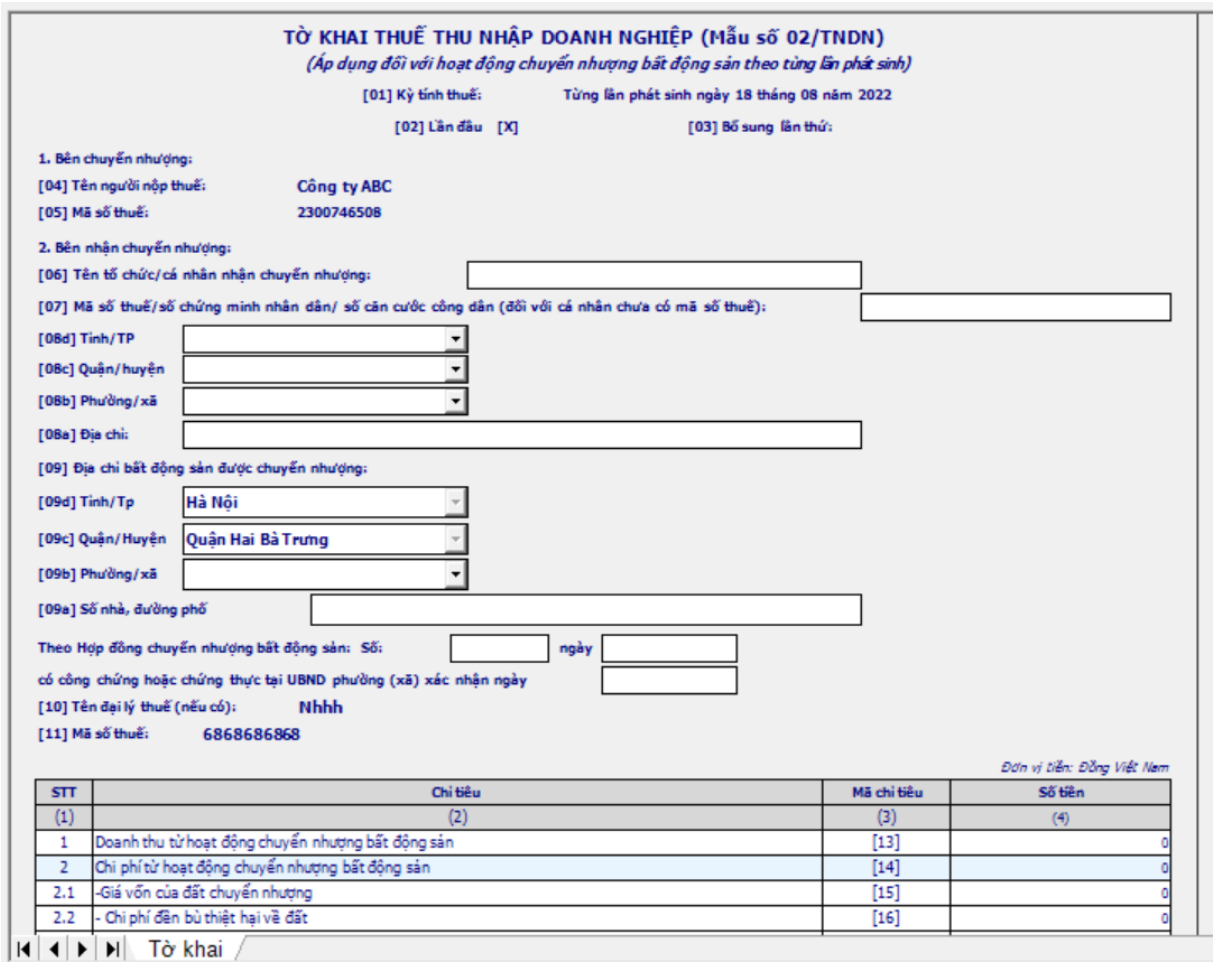

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 02/TNDN)

(Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 18 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

1. Bên chuyển nhượng:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

2. Bên nhận chuyển nhượng:

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:

[07] Mã số thuế/số chứng minh nhân dân/ số căn cước công dân (đối với cá nhân chưa có mã số thuế):

[08d] Tỉnh/TP

[08c] Quận/huyện

[08b] Phường/xã

[08a] Địa chỉ:

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng:

[09d] Tỉnh/Tp: Hà Nội

[09c] Quận/Huyện: Quận Hai Bà Trưng

[09b] Phường/xã

[09a] Số nhà, đường phố

Theo Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày

có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày

[10] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[11] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[13]	0
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[14]	0
2.1	-Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	0
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[16]	0

Tờ khai

- ***Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Chỉ tiêu [13], [15], [16], [17], [18], [19], [20] cho phép NSD tự nhập số không âm, kiểu số mặc định là 0

- ***Các chỉ tiêu tính toán, kiểm tra công thức:***

  + Chỉ tiêu [14] = [15] + [16] + [17] + [18] + [19] + [20]
  + Chỉ tiêu [21]= [13] - [14]
  + Chỉ tiêu [22] mặc định là 20%
  + Chỉ tiêu [23]: Nếu [21] > 0 thì UD tính theo CT: [23] = [21]x[22]; Nếu [21] <= 0 thì [23] = 0

3.4.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung, ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

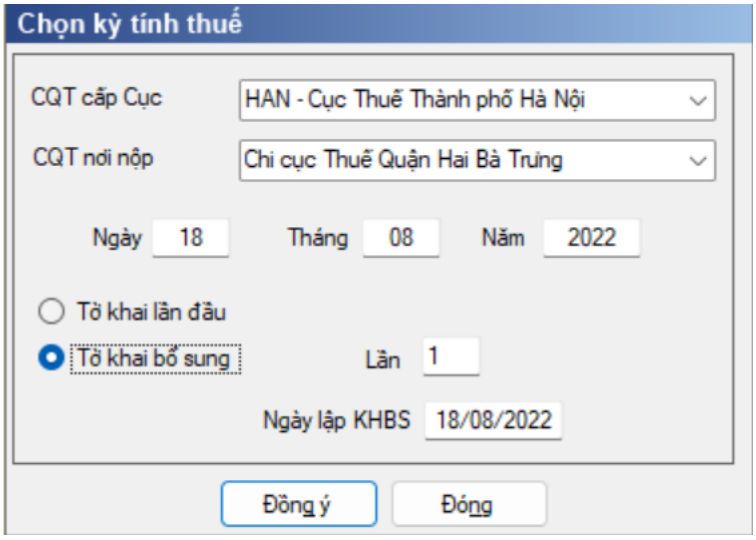

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

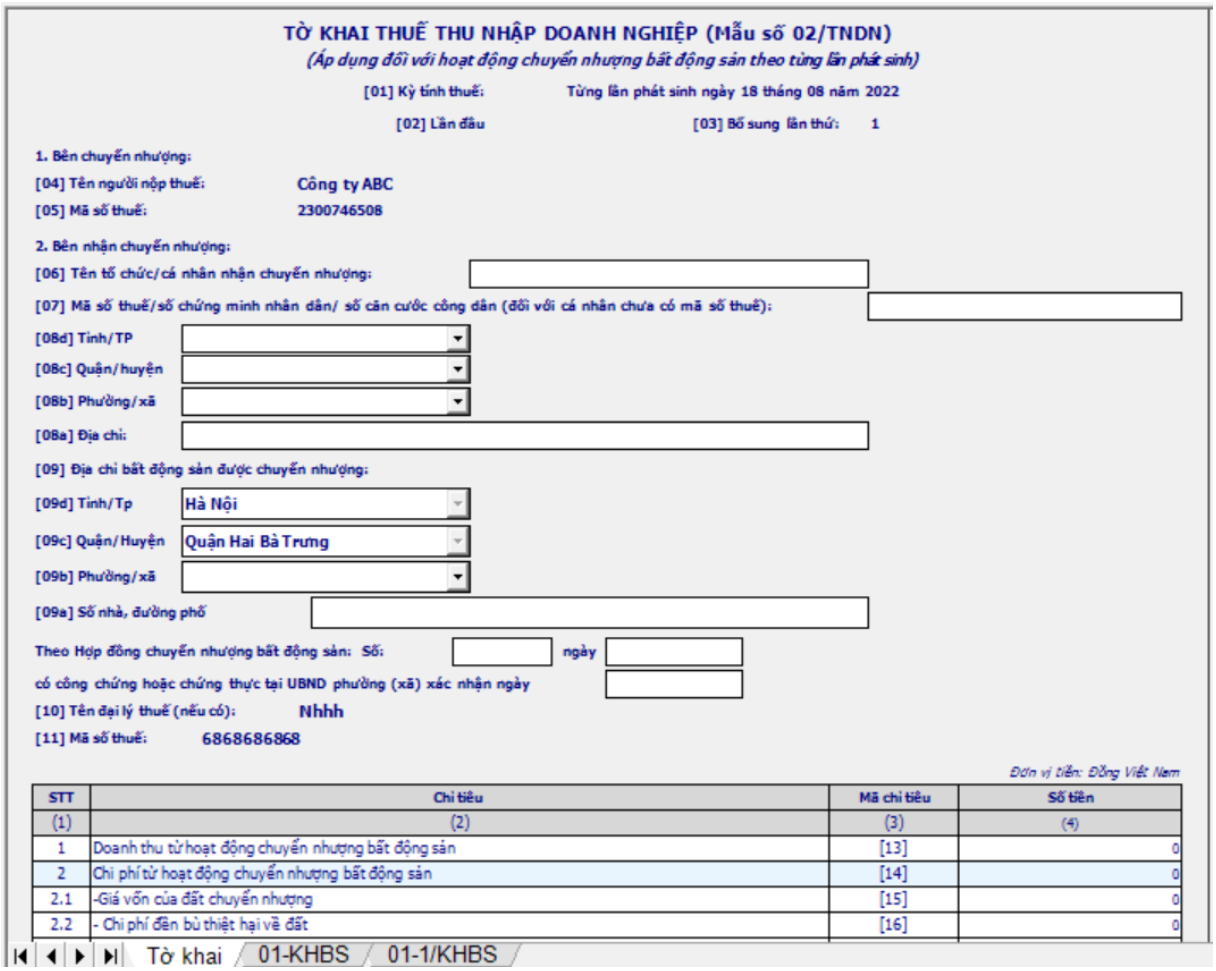

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 02/TNDN)

(Áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh)

[01] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 18 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

1. Bên chuyển nhượng:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

2. Bên nhận chuyển nhượng:

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:

[07] Mã số thuế/số chứng minh nhân dân/ số căn cước công dân (đối với cá nhân chưa có mã số thuế):

[08d] Tỉnh/TP

[08c] Quận/huyện

[08b] Phường/xã

[08a] Địa chỉ:

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng:

[09d] Tỉnh/Tp: Hà Nội

[09c] Quận/Huyện: Quận Hai Bà Trưng

[09b] Phường/xã

[09a] Số nhà, đường phố

Theo Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày

có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày

[10] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[11] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[13]	0
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[14]	0
2.1	-Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	0
2.2	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[16]	0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

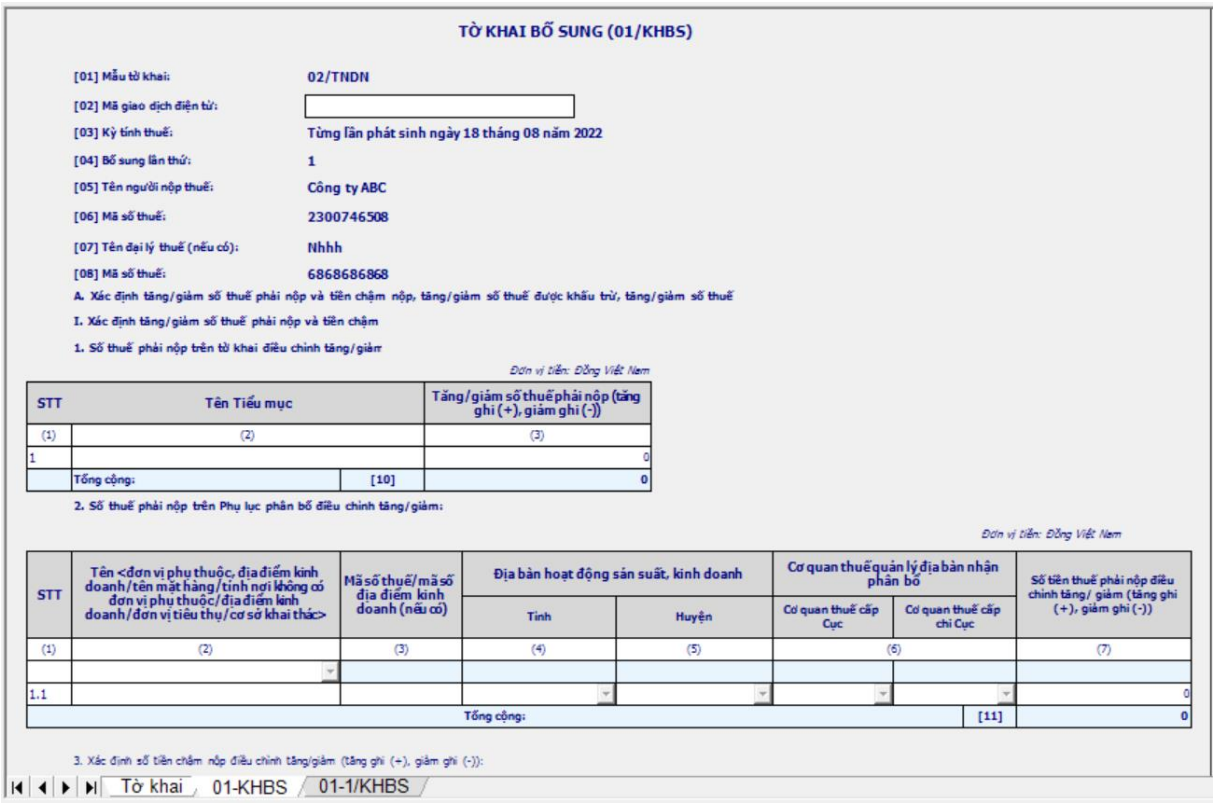

TỜ KHAI BỔ SUNG (01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/TNDN

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 18 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

[07] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[08] Mã số thuế: 6868686868

A. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm nộp, tăng/giảm số thuế được khấu trừ, tăng/giảm số thuế

I. Xác định tăng/giảm số thuế phải nộp và tiền chậm

1. Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Tiểu mục		Tăng/giảm số thuế phải nộp (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
(1)	(2)		(3)
1			0
	Tổng cộng:	[10]	0

2. Số thuế phải nộp trên Phụ lục phân bổ điều chỉnh tăng/giảm:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên <đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh/tên mặt hàng/tỉnh nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh/đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác>	Mã số thuế/mã số địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số tiền thuế phải nộp điều chỉnh tăng/ giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-))
			Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp Cục	Cơ quan thuế cấp chi Cục	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)
1.1							0
Tổng cộng:						[11]	0

3. Xác định số tiền chậm nộp điều chỉnh tăng/giảm (tăng ghi (+), giảm ghi (-)):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.4.2 Tờ khai Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 03/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

3.4.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "Tờ khai Quyết toán TNDN năm (03/TNDN) (TT80)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị. Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, ngành nghề kinh doanh, phụ lục tương tự như tờ 01/GTGT.

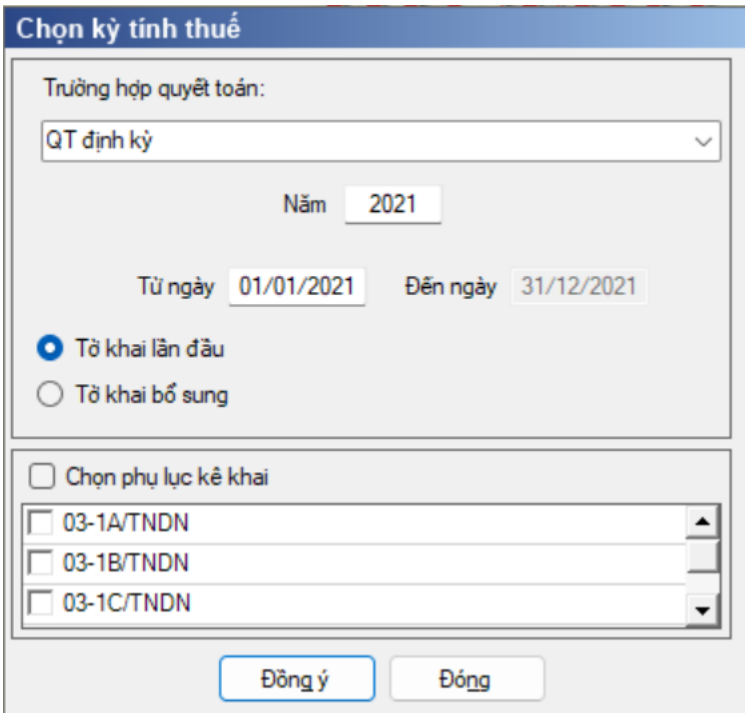

- Kỳ kê khai <Năm> phải nằm trong khoảng kỳ kê khai từ ngày hoặc đến ngày
- Kiểm tra Kỳ tính thuế <Từ ngày> không được lớn hơn ngày hiện tại
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNDN mẫu 03/TNDN.

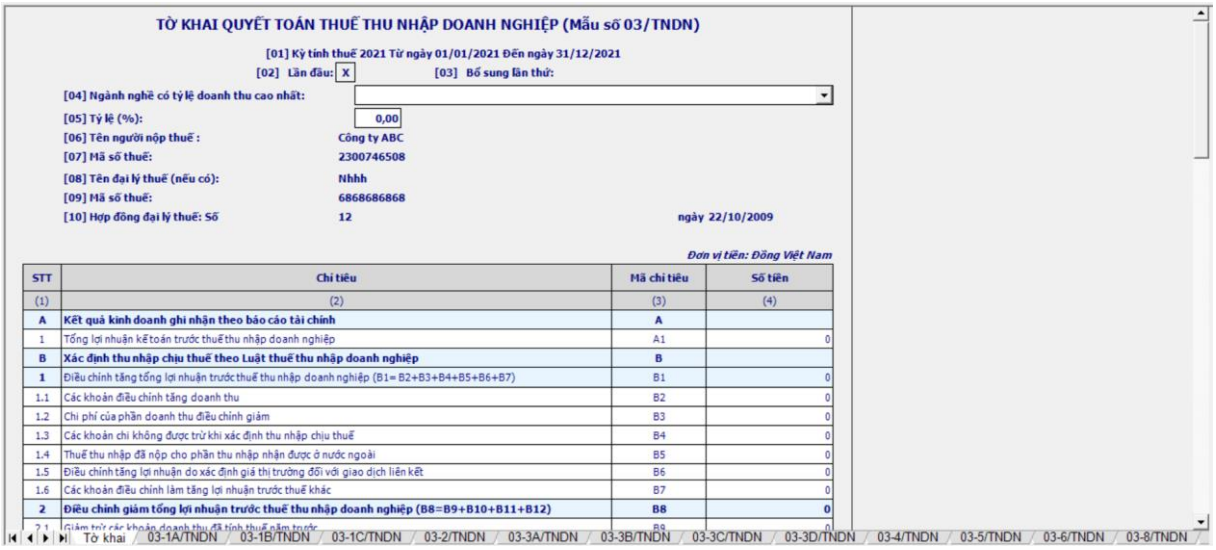

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%): 0,00

[06] Tên người nộp thuế : Công ty ABC

[07] Mã số thuế: 2300746508

[08] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[09] Mã số thuế: 6868686868

[10] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	0
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6+B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11+B12)	B8	0
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0

Tờ khai | 03-1A/TNDN | 03-1B/TNDN | 03-1C/TNDN | 03-2/TNDN | 03-3A/TNDN | 03-3B/TNDN | 03-3C/TNDN | 03-3D/TNDN | 03-4/TNDN | 03-5/TNDN | 03-6/TNDN | 03-8/TNDN

- ***Các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: Cho phép NSD chọn danh mục ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất

+ Chỉ tiêu [05] Tỷ lệ (%): Cho phép NSD nhập theo đúng dạng xx,xx%; Nếu chọn chỉ tiêu [04] khác giá trị "Không phát sinh doanh thu" thì [05] phải thỏa mãn: 0<[05]<=100%; Nếu chọn chỉ tiêu [04] là: "Không phát sinh doanh thu" thì [05] cho phép = 0.

+ Các chỉ tiêu B2, B3, B4, B6, B7, B9, B10, B11, B12, C7, C8, C14, D6: cho phép NSD tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu B14: Cho phép nhập số âm, dương, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu C2: Cho phép NSD nhập số âm, dương, Nếu cột 2 là Loại thu nhập miễn thuế => Nếu nhập số tiền C2 khác 0 thì bắt buộc chọn 1 giá trị trong danh mục (Tham chiếu phụ lục 03)

+ Chỉ tiêu C3b: Cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, nếu B15 < 0 thì C3b <= Trị tuyệt đối của B15

+ Chỉ tiêu C5: Cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, kiểm tra C5 <= C4*10%, nếu C4 <=0 thì C5 = 0

+ Chỉ tiêu C8a: Cho phép NSD nhập số thập phân dạng xxx,xx, kiểm tra 0<= xxx,xx <=100%, nếu C8 > 0 thì C8a > 0

+ Chỉ tiêu D4: Cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, kiểm tra D4 <= D3 * 10%, kiểm tra C5 + D4 = Chỉ tiêu [05] PL 03-6/TNDN

- ***Các chỉ tiêu tính toán: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:***

+ Chỉ tiêu A1: tự động hiển thị bằng tổng [22] trên phụ lục 03-1A/TNDN cộng chỉ tiêu [19] trên phụ lục 03-1B/TNDN cộng chỉ tiêu [90] trên phụ lục 03-1C/TNDN, cho phép sửa, định dạng số âm, nếu khác tổng thì cảnh báo vàng.

+ Chỉ tiêu B1= B2 + B3 + B4 + B5 + B6 + B7

+ Chỉ tiêu B5: UD hỗ trợ tự động lấy từ tổng cột (4) của PL 03-4/TNDN, cho phép sửa.

+ Chỉ tiêu B8= B9 + B10 + B11 + B12

+ Chỉ tiêu B13= A1 + B1 – B8, có thể âm, kiểm tra B13 = B14 + B15, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu B15 = chỉ tiêu [12] trên phụ lục 03-5/TNDN, cho phép sửa

+ Chỉ tiêu C1 = B14

+ Chỉ tiêu C3= C3a + C3b, Nếu C1 - C2 > 0 thì kiểm tra C3 phải <= C1 - C2

+ Chỉ tiêu C3a = tổng cột 5 phụ lục 03-2A/TNDN

+ Chỉ tiêu C4= C1 –C2 –C3

+ Chỉ tiêu C6 = C4 –C5, nếu C6 > 0 thì kiểm tra C6 = (C7 + C8), nếu C6 <= 0 thì C7 =0, C8 =0

+ Chỉ tiêu C9 = (C7 x 20%) + (C8 x C8a)

+ Chỉ tiêu C10 = C11 + C12 + C13

+ Chỉ tiêu C11 = tổng (chỉ tiêu [12] trên phụ lục 03_3A/TNDN + chỉ tiêu [12] trên phụ lục 03_3B/TNDN)

+ Chỉ tiêu C12 = tổng (chỉ tiêu [13] trên phụ lục 03_3A/TNDN + chỉ tiêu [13] trên phụ lục 03_3B/TNDN + chỉ tiêu [20] trên phụ lục 03_3D/TNDN

+ Chỉ tiêu C13 = Chỉ tiêu [14] trên phụ lục PL 03-3A/TNDN không phải nhà ở xã hội + Chỉ tiêu [14] trên PL 03-3B/TNDN + Chỉ tiêu [16] trên PL 03-3C/TNDN + Chỉ tiêu [14] + [21] trên PL 03-4D/TNDN

+ Chỉ tiêu C15: Với kỳ kê khai năm 2021 thì UD hiển thị = Chỉ tiêu [15] "Thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất, kinh doanh" trên phụ lục NĐ92. Cho sửa >=0, cảnh báo vàng.

+ Chỉ tiêu C16 = Chỉ tiêu [04] trên PL 03-4/TNDN

+ Chỉ tiêu C17 = C9 – C10 – C14 – C15 – C16, nếu C17 < 0 thì set = 0

+ Chỉ tiêu D1 = B15, nếu D1 <=0 thì D2, D4 =0

+ Chỉ tiêu D2 = Chỉ tiêu [05] của PL 03-2/TNDN, kiểm tra D2 <=D1

+ Chỉ tiêu D3 = D1 – D2

+ Chỉ tiêu D5 = D3 – D4, không cho sửa

+ Chỉ tiêu D7 = Số liệu chỉ tiêu [12] của PL 03-3A nhà ở xã hội

+ Chỉ tiêu D8 = D6 – D7, nếu D8 < 0 thì hiển thị D8 = 0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu E= E1 + E2 + E5

+ Chỉ tiêu E1 = C17 - [16] của 03-3A (không phải DADT nhà ở XH) - [16] của 03-3B - [21] của 03-3C - [23] của 03-3D, trường hợp âm thì set = 0, cho sửa >=0 nếu có PL ưu đãi khác tỉnh

+ Chỉ tiêu E2 = E3+E4, kiểm tra E2 = D8 - [16] của 03-3A (DADT nhà ở XH) - [16] trên PL Nghị định 92/2021, báo vàng nếu sai: "NNT kiểm tra lại số liệu E2 = D8 - [16] trên 03-3A của DAĐT nhà ở XH - [16] trên PL NĐ 92/2021"

+ Chỉ tiêu E3 = D8 – [16] trên phụ lục 03-3A có tích chọn nhà ở XH, cho phép sửa

+ Chỉ tiêu E4 = D8 – E3, cho sửa

+ Chỉ tiêu E5 = E6 và cho sửa số >=0, kiểm tra E5 >=E6

+ Chỉ tiêu E6 = Chỉ tiêu [06] PL 03-6/TNDN (nếu có Phụ lục)

+ G = G1 + G2 + G3 + G4 + G5, không cho sửa

+ Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh = G1 +G2

+ Chỉ tiêu G1 = tổng cột (10) PL03-8 + tổng cột [15] PL 03-8C. Cho sửa số >=0

+ Chỉ tiêu G2 = D2 – E2, có thể âm

+ Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS = G3 + G4 + G5, không cho sửa

+ Chỉ tiêu G3 = tổng cột (9) PL03-8A, cho sửa

+ Chỉ tiêu G4 = tổng cột (10) PL03-8A. Cho sửa số >=0, cảnh báo vàng nếu sửa

+ Chỉ tiêu G5 = chỉ tiêu [09] Phụ lục 03-9, cho sửa.

+ Chỉ tiêu H1 = E1 + E5 – G2

+ Chỉ tiêu H2 = E3 – G4

+ Chỉ tiêu H3 = E4 – G5

+ Chỉ tiêu I = I1+I2, kiểm tra I=E-G, sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu I1 = E1+E5-G1-G2

+ Chỉ tiêu I2 = E2-G3-G4-G5

- ***Bổ sung bảng nhập thông tin nghĩa vụ thuế:***

+ Chỉ tiêu E1:

- E1 = E1 trên tờ khai nếu [04] khác B06 và R920, hạch toán vào tiểu mục 1052
- E1 = E1 trên tờ khai nếu [04] là B06, hạch toán vào tiểu mục 1056
- E1 = E1 trên tờ khai nếu [04] là R9201, hạch toán vào tiểu mục 1057

+ Chỉ tiêu E2: Mặc định toàn bộ vào mục 1053

+ Chỉ tiêu E5 = Tổng cột [13] mục III trên bảng kê 03-6 - Tổng cột [14] mục III trên bảng kê 03-6

- E5 = E5 - Tổng cột [13] mục III trên bảng kê 03-6 - Tổng cột [14] mục III trên bảng kê 03-6, hạch toán vào tiểu mục 1052

- Trên mẫu in hỗ trợ in ra ghi chú về tiểu mục hạch toán ở cuối tờ khai như sau:

+ Nếu NSD chọn ngành nghề: “Hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên (mã ngành cấp 2 B06)”: Hạch toán chỉ tiêu [E1] vào tiểu mục 1056

+ Nếu NSD chọn ngành nghề: “Hoạt động xổ số (mã ngành cấp 2 R92)”: Hạch toán chỉ tiêu [E1] vào tiểu mục 1057

+ Nếu NSD chọn ngành nghề: “Khác”: Hạch toán chỉ tiêu E1 vào tiểu mục 1052

+ Chỉ tiêu E2 hạch toán vào tiểu mục 1053

+ Chỉ tiêu E5 hạch toán vào tiểu mục 1052

3.4.2.1.1 Phụ lục 03-1A/TNDN

PHỤ LỤC 03-1A
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	[04]	0
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])**	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	[10]	0
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	*[11]*	*0*
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])**	[12]	0
a	Giá vốn hàng bán	[13]	0
b	Chi phí bán hàng	[14]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	0
5	**Chi phí tài chính**	[16]	0
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])**	[18]	0
7	**Thu nhập khác**	[19]	0
8	**Chi phí khác**	[20]	0

- ***Các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Các thông tin trong phần định danh lấy từ thông tin định danh chung của Người nộp thuế.

+ Các chỉ tiêu [04], [07], [08], [09], [10], [19], [20]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [05]: NNT tự nhập dạng số, không âm, kiểm tra <= [04]

+ Chỉ tiêu [11]: NNT tự nhập dạng số, không âm, kiểm tra <= [10]

+ Chỉ tiêu [13], [14], [15], [16] : Nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [17]: NNT nhập dạng số, không âm, Kiểm tra nếu 17 > 16 thì hiển thị cảnh báo vàng "Chi phí lãi vay lớn hơn chi phí tài chính. Đề nghị NNT kiểm tra lại"

- ***Các công thức tính toán: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:***

+ Chỉ tiêu [06] = [07] + [08] + [09] + [10]

+ Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [15]

+ Chỉ tiêu [18] = [04] – [06] + [10] – [12] – [16]

+ Chỉ tiêu [21] = [19] – [20]

+ Chỉ tiêu [22] = [18] + [21]

3.4.2.1.2 Phụ lục 03-1B/TNDN

PHỤ LỤC 03-1B
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với ngành ngân hàng, tín dụng

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	[04]	0
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	[05]	0
3	**Thu nhập lãi thuần ([06]=[04]-[05])**	**[06]**	**0**
4	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	[07]	0
5	Chi phí hoạt động dịch vụ	[08]	0
6	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ ([09]=[07]-[08])**	**[09]**	**0**
7	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**[10]**	**0**
8	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**[11]**	**0**
9	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**[12]**	**0**
10	Thu nhập từ hoạt động khác	[13]	0
11	Chi phí hoạt động khác	[14]	0
12	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động khác ([15]=[13]-[14])**	**[15]**	0
13	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**[16]**	**0**
14	**Chi phí hoạt động**	**[17]**	**0**
15	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**[18]**	**0**
16	**Tổng lợi nhuận trước thuế ([19]=[06]+[09]+[10]+[11]+[12]+[15]+[16]-[17]-[18])**	**[19]**	**0**

- ***Các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Các chỉ tiêu [04], [05], [07], [08], [13], [14], [16], [17]: NNT tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [10], [11], [12]: cho phép NSD nhập, có thể nhập số âm, tối đa 16 chữ số

- ***Các công thức tính toán:***

+ Chỉ tiêu [06] = [04] - [05], có thể âm

+ Chỉ tiêu [09] = [07] – [08], có thể âm

+ Chỉ tiêu [15] = [13] - [14]

+ Chỉ tiêu [19] = [06]+[09]+[10]+[11]+[12]+[15]+[16]-[17]-[18]), có thể âm

3.4.2.1.3 Phụ lục 03-1C/TNDN

PHỤ LỤC 03-1C
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
Áp dụng đối với Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
I.	**Doanh thu hoạt động**		
1.1.	**Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**	**1**	**0**
a	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	0
b	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	01.2	0
c	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	0
1.2.	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	2	0
1.3.	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3	0
1.4.	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	4	0
1.5.	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	5	0
1.6.	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6	0
1.7.	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	7	0
1.8.	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	8	0
1.9.	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9	0
1.10.	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	0
1.11.	Thu nhập hoạt động khác	11	0
	Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)	**20**	**0**
II.	**Chi phí hoạt động**		
2.1.	**Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**	**21**	**0**
a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	0

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***

+ Chỉ tiêu 01.1, 01.2, 01.3, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 21.1, 21.2, 21.3, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 41, 42, 43, 44, 51, 52, 53, 54, 55, 61, 62, 71, 72: NNT tự nhập kiểu số, có thể âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

- ***Các công thức tính toán:***

+ Chỉ tiêu 1 = 01.1 + 01.2 + 01.3
+ Chỉ tiêu 20 = 01→11
+ Chỉ tiêu 21 = 21.1 + 21.2+ 21.3
+ Chỉ tiêu 40 = 21→32
+ Chỉ tiêu 50 = 41→44
+ Chỉ tiêu 60 = 51→55
+ Chỉ tiêu 70 = 20+50-40-60-61-62
+ Chỉ tiêu 80 = 71 – 72
+ Chỉ tiêu 90 = 70 + 80

3.4.2.1.4 Phụ lục 03-2/TNDN

PHỤ LỤC 03-2/TNDN
CHUYỂN LỖ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Lỗ của hoạt động sản xuất kinh doanh được chuyển trong kỳ				
1	2016	0	0	0	0
2	2017	0	0	0	0
3	2018	0	0	0	0
4	2019	0	0	0	0
5	2020	0	0	0	0
Tổng cộng				0	
II	Lỗ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản được chuyển trong kỳ				
1	2016	0	0	0	0
2	2017	0	0	0	0
3	2018	0	0	0	0
4	2019	0	0	0	0
5	2020	0	0	0	0
Tổng cộng				0	

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***

+ Chỉ tiêu Năm phát sinh lỗ (cột 2): Ứng dụng hỗ trợ tự động sinh ra 5 dòng tướng ứng với 5 năm trước năm của kỳ quyết toán.

+ Chỉ tiêu Số lỗ phát sinh (cột 3): cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra (3) >= [(4) + (5)], bắt buộc nhập

+ Chỉ tiêu Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước (cột 4): cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này (cột 5): cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

- ***Các công thức tính toán: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:***

+ Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau:cột (6) = cột(3) - cột(4) - cột(5)

+ Dòng tổng cộng được tính bằng Chỉ tiêu [04] = Tổng cột (5) mục I, Chỉ tiêu [05] = Tổng cột (5) mục II

- ***Các chỉ tiêu kiểm tra logic bắt buộc đúng:***

+ Giá trị năm phát sinh lỗ (cột 2) phải nhỏ hơn năm quyết toán thuế TNDN.

+ Số lỗ phát sinh (cột 3) >= (“Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước (cột 4)” + “Số lỗ chuyển trong kỳ tính thuế này (cột 5)”), nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng và vẫn cho in

+ Tổng cột (5) được đưa lên chỉ tiêu [C3] của tờ khai 03/TNDN.

+ Kiểm tra nếu (Tổng cột (5) + Tổng cột (6)) >= ([C1] – [C2]) và C3 < C1 –C2 thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ tại chỉ tiêu Tổng cột (6) “Không được chuyển lỗ sang các kỳ tính thuế sau khi còn phát sinh thu nhập tính thuế trong kỳ này [C4]”

3.4.2.1.5 Phụ lục 03-3A/TNDN

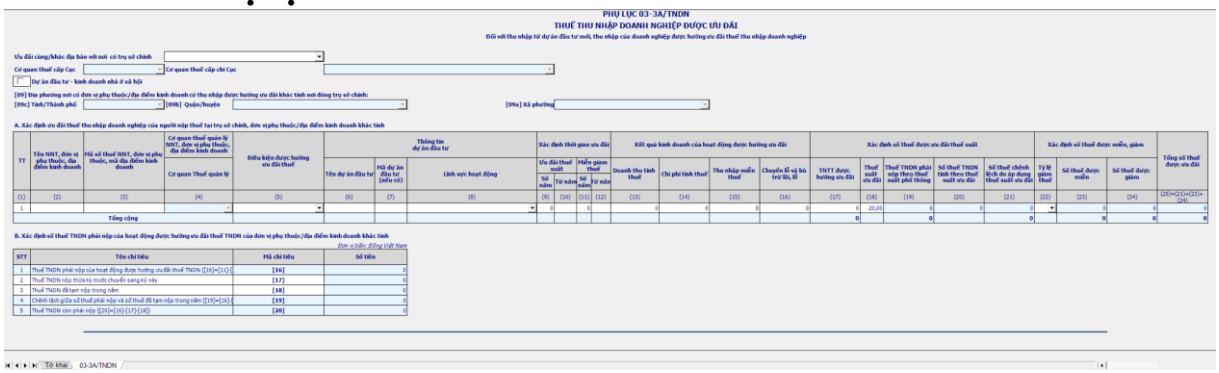
PHỤ LỤC 03-3A/TNDN
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI
Đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới, thu nhập của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

- ***Các chỉ tiêu cần phải nhập:***

+ Mục A: Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

- Chỉ tiêu Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh: NNT tự nhập dạng text
- Chỉ tiêu Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh:
  - Nếu là ưu đãi khác tỉnh: Kiểm tra đúng cấu trúc MST 13 số (10 ký tự đầu phải giống với MST kê khai tờ khai) hoặc mã ĐĐKD 5 số
  - Nếu là ưu đã cùng tỉnh: Cho kê khai MST 10 số (MST sử dụng để nộp tờ khai)
- Chỉ tiêu Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh:
  - Nếu chọn ưu đãi cùng tỉnh thì mặc định là CQT nhập/nhận tờ khai (CQT quản lý NNT), không cho sửa
  - Nếu chọn ưu đãi khác tỉnh thì mặc định là CQT nộp PL 03-3A
- Chỉ tiêu Điều kiện được hưởng ưu đãi thuế: Cho phép chọn 1 giá trị trong danh sách
  - Nếu tích nút tích "Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội" chỉ được chọn: Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội
  - Nếu không tích nút tích "Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội", không cho chọn: Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội
- Chỉ tiêu Tên dự án đầu tư: NNT tự nhập
- Chỉ tiêu Mã dự án đầu tư (nếu có): NNT tự nhập
- Chỉ tiêu Lĩnh vực hoạt động: Chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu Ưu đãi thuế suất - Số năm: NNT nhập dạng số, không âm
- Chỉ tiêu Ưu đãi thuế suất – Từ năm: NNT tự nhập. Kiểm tra năm <= năm hiện tại
- Chỉ tiêu Miễn giảm thuế - Số năm: NNT nhập dạng số, không âm
- Chỉ tiêu Miễn giảm thuế – Từ năm: NNT tự nhập. Kiểm tra năm <= năm hiện tại

- Chỉ tiêu Doanh thu tính thuế, Chi phí tính thuế, Thu nhập miễn thuế, Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ: NNT nhập số, có thể âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu Thuế suất ưu đãi: Cho phép nhập >0 và <= 20%
- Chỉ tiêu Tỷ lệ giảm thuế: Chọn 1 trong 2 giá trị 50%, 100% hoặc để trống

+ Mục B: Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh:

- Chỉ tiêu [17], [18]: NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

- ***Các chỉ tiêu tự tính: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:***

+ Mục A:

- Chỉ tiêu (17) = (13) – (14) –(15) – (16), Nếu (17) < 0 thì 19, 20, 21, 23, 24, 25 = 0
- Chỉ tiêu (19) = (17) * 20%
- Chỉ tiêu (20) = (17) * (18)
- Chỉ tiêu (21) = (19) - (20), nếu (21) âm thì hiển thị = 0
- Chỉ tiêu (23): Nếu (22) = 100% thì (23) = (20) * 100%, nếu (22) khác 100% thì (23) = 0
- Chỉ tiêu (24): Nếu (22) = 50% thì (24) = (20) * 50%, nếu (22) khác 50% thì (24) = 0
- Chỉ tiêu (25) = (21) + (23) + (24)

+ Mục B

- Chỉ tiêu [16] = [11] – [15], nếu âm thì hiển thị = 0, nếu tờ khai có đính kèm Phụ lục giảm thuế theo NĐ92 thì cho phép sửa, kiểu số không âm
- Chỉ tiêu [19] = [16] – [18], có thể âm
- Chỉ tiêu [20] = [16] – [17] – [18], có thể âm

3.4.2.1.6 Phụ lục 03-3B/TNDN

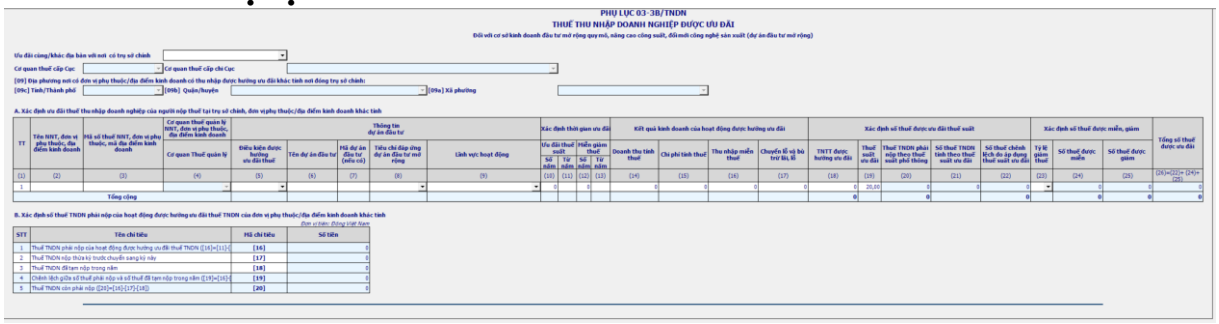
PHỤ LỤC 03-3B/TNDN

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Đối với cơ sở kinh doanh đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (dự án đầu tư mở rộng)

Ưu đãi cùng/khác địa bàn với nơi có trụ sở chính

Cơ quan thuế cấp Cục

Cơ quan thuế cấp chi Cục

[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[09a] Tỉnh/Thành phố [09b] Quận/Huyện [09c] Xã phường

A. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

TT	Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh	Cơ quan Thuế quản lý	Thông tin dự án đầu tư					Xác định thời gian ưu đãi				Kết quả kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi				Xác định số thuế được ưu đãi thuế suất					Xác định số thuế được miễn, giảm			Tổng số thuế được ưu đãi
				Điều kiện được hưởng ưu đãi thuế	Tên dự án đầu tư	Mã dự án đầu tư (nếu có)	Tiêu chí đáp ứng dự án đầu tư mở rộng	Lĩnh vực hoạt động	Ưu đãi thuế suất		Miễn giảm thuế		Doanh thu tính thuế	Chi phí tính thuế	Thu nhập miễn thuế	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	TNTT được hưởng ưu đãi	Thuế suất ưu đãi	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	Số thuế TNDN tính theo thuế suất ưu đãi	Số thuế chênh lệch do áp dụng thuế suất ưu đãi	Tỷ lệ giảm thuế	Số thuế được miễn	Số thuế được giảm	
									Số năm	Từ năm	Số năm	Từ năm													
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	[26]=[22]+[24]+[25]
1																									
Tổng cộng																									

B. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([14]=[11]x[13])	[16]	
2	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[17]	
3	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[18]	
4	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([19]=[16]-[18])	[19]	
5	Thuế TNDN còn phải nộp ([20]=[16]-[17]-[18])	[20]	

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***

+ Mục A: Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh:

- Chỉ tiêu Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh: NNT tự nhập dạng text
- Chỉ tiêu Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh:

o Nếu là ưu đãi khác tỉnh: Kiểm tra đúng cấu trúc MST 13 số (10 ký tự đầu phải giống với MST kê khai tờ khai) hoặc mã ĐĐKD 5 số

o Nếu là ưu đã cùng tỉnh: Cho kê khai MST 10 số (MST sử dụng để nộp tờ khai)

- Chỉ tiêu Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh:

o Nếu chọn ưu đãi cùng tỉnh thì mặc định là CQT nhập/nhận tờ khai (CQT quản lý NNT), không cho sửa

o Nếu chọn ưu đãi khác tỉnh thì mặc định là CQT nộp PL 03-3B

- Chỉ tiêu Điều kiện được hưởng ưu đãi thuế: Cho phép chọn 1 giá trị trong danh sách, không cho chọn: Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội
- Chỉ tiêu Tên dự án đầu tư: NNT tự nhập
- Chỉ tiêu Mã dự án đầu tư (nếu có): NNT tự nhập
- Chỉ tiêu Lĩnh vực hoạt động: Chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu Ưu đãi thuế suất - Số năm: NNT nhập dạng số, không âm
- Chỉ tiêu Ưu đãi thuế suất – Từ năm: NNT tự nhập. Kiểm tra năm <= năm hiện tại
- Chỉ tiêu Miễn giảm thuế - Số năm: NNT nhập dạng số, không âm
- Chỉ tiêu Miễn giảm thuế – Từ năm: NNT tự nhập. Kiểm tra năm <= năm hiện tại
- Chỉ tiêu Doanh thu tính thuế, Chi phí tính thuế, Thu nhập miễn thuế, Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ: NNT nhập số, có thể âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu Thuế suất ưu đãi: Cho phép nhập >0 và <= 20%
- Chỉ tiêu Tỷ lệ giảm thuế: Chọn 1 trong 2 giá trị 50%, 100% hoặc để trống

+ Mục B: Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh:

- Chỉ tiêu [17], [18]: NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

- ***Các chỉ tiêu tự tính: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:***

+ Mục A:

- Chỉ tiêu (18) = (14) –(15) – (16) – (17), Nếu (18) < 0 thì 20, 21, 23, 24, 25, 26 = 0
- Chỉ tiêu (20) = (18) * 20%
- Chỉ tiêu (21) = (18) * (19)
- Chỉ tiêu (22) = (20) - (21), nếu (22) âm thì hiển thị = 0
- Chỉ tiêu (24): Nếu (23) = 100% thì (24) = (21) * (23), nếu (23) khác 100% thì (24) = 0
- Chỉ tiêu (25): Nếu (23) = 50% thì (25) = (21) * (23), nếu (23) khác 50% thì (25) = 0

- Chỉ tiêu (26) = (22) + (24) + (25)

+ Mục B

- Chỉ tiêu [16] = [11] – [15], nếu âm thì hiển thị = 0, nếu tờ khai có đính kèm Phụ lục giảm thuế theo NĐ92 thì cho phép sửa, kiểu số không âm
- Chỉ tiêu [19] = [16] – [18], có thể âm
- Chỉ tiêu [20] = [16] – [17] – [18], có thể âm

3.4.2.1.7 Phụ lục 03-3C/TNDN

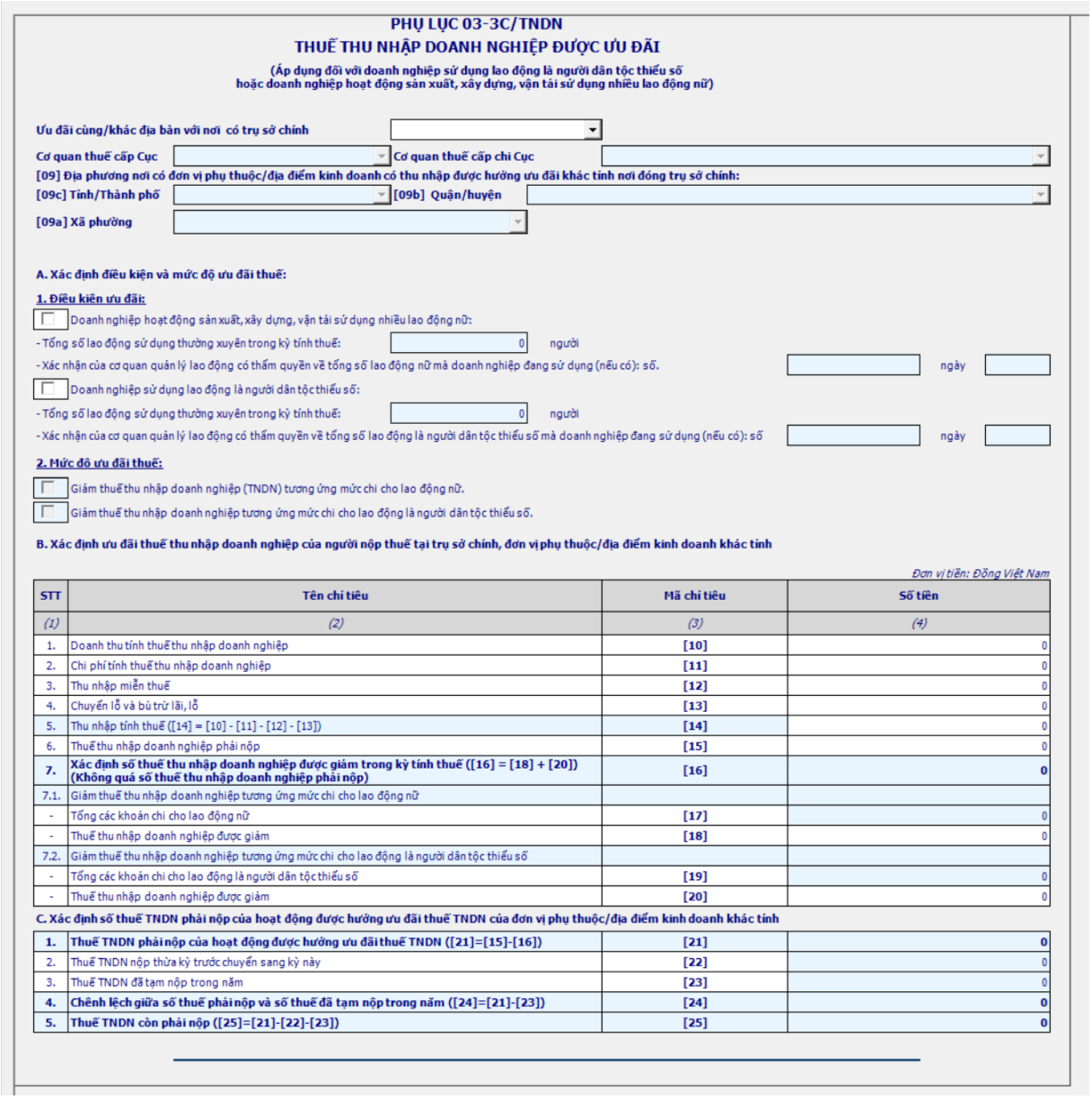

PHỤ LỤC 03-3C/TNDN

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

(Áp dụng đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ)

Ưu đãi cùng/khác địa bàn với nơi có trụ sở chính

Cơ quan thuế cấp Cục | Cơ quan thuế cấp chi Cục

[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/Thành phố | [09b] Quận/huyện

[09a] Xã phường

A. Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

1. Điều kiện ưu đãi:

☐ Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế: 0 người
- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động nữ mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số. ngày

☐ Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số:

- Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế: 0 người
- Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động là người dân tộc thiểu số mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số ngày

2. Mức độ ưu đãi thuế:

☐ Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tương ứng mức chi cho lao động nữ.

☐ Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động là người dân tộc thiểu số.

B. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp	[10]	0
2.	Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	[11]	0
3.	Thu nhập miễn thuế	[12]	0
4.	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	[13]	0
5.	Thu nhập tính thuế ([14] = [10] - [11] - [12] - [13])	[14]	0
6.	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	[15]	0
7.	**Xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm trong kỳ tính thuế ([16] = [18] + [20]) (Không quá số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)**	**[16]**	**0**
7.1.	Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động nữ		
-	Tổng các khoản chi cho lao động nữ	[17]	0
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	[18]	0
7.2.	Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng mức chi cho lao động là người dân tộc thiểu số		
-	Tổng các khoản chi cho lao động là người dân tộc thiểu số	[19]	0
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	[20]	0

C. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

1.	**Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([21]=[15]-[16])**	**[21]**	**0**
2.	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[22]	0
3.	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[23]	0
4.	**Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([24]=[21]-[23])**	**[24]**	**0**
5.	**Thuế TNDN còn phải nộp ([25]=[21]-[22]-[23])**	**[25]**	**0**

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***

+ Mục A: Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

- Chỉ tiêu Điều kiện ưu đãi (1): NNT chọn trong danh sách điều kiện có sẵn bằng cách tích vào checkbox;
- Chỉ tiêu Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ (1): Cho phép NNT chọn

- Chỉ tiêu Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:..... người: Nhập giá trị >0 nếu tích chọn "Doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ"
- Chỉ tiêu Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động nữ mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số.....ngày....: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số: Cho phép NNT chọn
- Chỉ tiêu Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế:.....người: Nhập giá trị >0 nếu tích chọn "Doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số"
- Chỉ tiêu Xác nhận của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động là người dân tộc thiểu số mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có): số…ngày…: Cho phép NNT nhập

+ Mục B: Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh:

- Chỉ tiêu [10], [11], [12], [13]: NNT tự nhập, dạng số, không âm mặc định là 0.
- Chỉ tiêu [17]: NNT nhập số >=0, nếu chọn Điều kiện ưu đãi 1 mới được nhập chỉ tiêu này
- Chỉ tiêu [19]: NNT nhập số >=0, nếu chọn Điều kiện ưu đãi 2 mới được nhập chỉ tiêu này

+ Mục C: Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh (nếu chọn ưu đãi cùng tỉnh thì khóa mục này)

- Chỉ tiêu [22], [23]: NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

- ***Các chỉ tiêu tự tính: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:***

+ Mục B:

- Chỉ tiêu [14] = [10] - [11] - [12] - [13], nếu [14] < 0 thì set = 0, cho phép sửa kiểu số >=0
- Chỉ tiêu [15] = [14] * 20%, cho phép sửa kiểu số >=0, nếu [15] < 0 thì set =0
- Chỉ tiêu [16] = [18] + [20], kiểm tra phải <= [15]

+ Mục C:

- Chỉ tiêu [21] = [15] – [16], nếu âm thì hiển thị = 0, nếu Tờ khai có đính kèm Phụ lục giảm thuế theo NĐ92 thì cho phép sửa, kiểu số >=0
- Chỉ tiêu [24] = [21] – [23], có thể âm
- Chỉ tiêu [25] = [21] – [22] – [23], có thể âm

3.4.2.1.8 Phụ lục 03-3D/TNDN

- Có thể nhập nhiều Phụ lục 03-3D tương ứng với các bộ chỉ tiêu [09] khác nhau
- Trong trường hợp không có bộ chỉ tiêu [09] thì chỉ có 1 phụ lục 03-3D

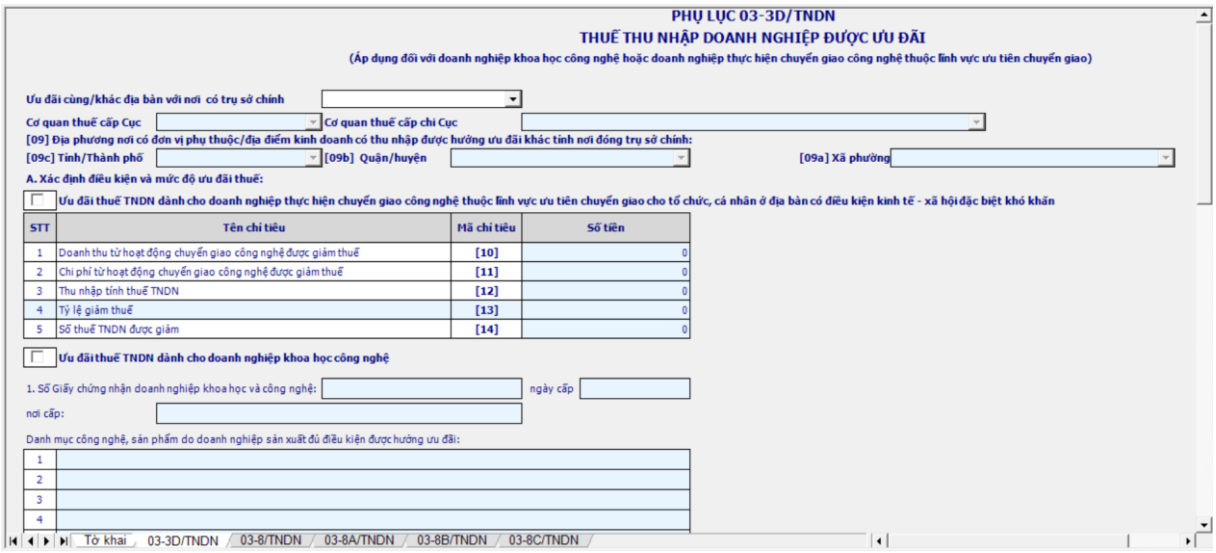

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***

+ Mục A: Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

- Chỉ tiêu Điều kiện ưu đãi (1): NNT chọn trong danh sách điều kiện có sẵn bằng cách tích vào checkbox;
- Chỉ tiêu [10], [11], [15], [16]: Cho phép NNT nhập số, không âm
- Chỉ tiêu [13]: Mặc định là 50%, không cho sửa
- Chỉ tiêu Ưu đãi thuế TNDN dành cho doanh nghiệp khoa học công nghệ: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu Số Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Cho phép NNT nhập
- Chỉ tiêu Số Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ/ ngày cấp: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu Số Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ/ nơi cấp: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu Danh mục công nghệ, sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất đủ điều kiện được hưởng ưu đãi: Cho phép nhập nhiều dòng
- Chỉ tiêu [18]: Cho phép nhập. Kiểm tra <= năm hiện tại của kỳ tính thuế

+ Mục B: Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh:

- Chỉ tiêu (2): Cho phép nhập text
- Chỉ tiêu (3): Cho phép nhập
  - Nếu là ưu đãi khác tỉnh: Kiểm tra đúng cấu trúc MST 13 số (10 ký tự đầu phải giống với MST kê khai tờ khai) hoặc mã ĐĐKD 5 số

o Nếu là ưu đã cùng tỉnh: Cho kê khai MST 10 số (MST sử dụng để nộp tờ khai)

- Chỉ tiêu (4): Nếu chọn ưu đãi cùng tỉnh thì mặc định là CQT nhập/nhận tờ khai (CQT quản lý NNT), không cho sửa; Nếu chọn ưu đãi khác tỉnh thì mặc định là CQT nộp PL 03-3D
- Chỉ tiêu (5): Nhập số không âm
- Chỉ tiêu (7), (8), (9), (10): Nhập số âm, dương, mặc định là 0, tối đa 16 số
- Chỉ tiêu (13): chọn trong danh mục 50%, 100%

+ Mục C: Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh (nếu chọn ưu đãi cùng tỉnh thì khóa mục này)

- Chỉ tiêu [24], [25]: NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

- ***Các chỉ tiêu tự tính: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:***

+ Mục A:

- Chỉ tiêu [12] = [10] - [11], nếu [12] <0 thì hiển thị = 0, cho sửa kiểu số >=0
- Chỉ tiêu [14] = [12] x [13], cho sửa số >=0, kiểm tra chỉ tiêu [14] < [12]
- Chỉ tiêu [17] = [15]/[16] * 100, cho phép sửa, [17] <= 100%

+ Mục B:

- Chỉ tiêu (14) = (12) * (13), không cho phép sửa
- Chỉ tiêu (15) = (12) * (13), không cho phép sửa
- Chỉ tiêu (16)= (14) + (15), kiểm tra phải <= (12)

+ Mục C:

- Chỉ tiêu [23] = [19] – [22], nếu âm thì hiển thị = 0, nếu Tờ khai có đính kèm Phụ lục giảm thuế theo NĐ92 thì cho phép sửa, kiểu số >=0
- Chỉ tiêu [26] = [23] – [25], có thể âm
- Chỉ tiêu [27] = [23] – [24] – [25], có thể âm

3.4.2.1.9 Phụ lục 03-4/TNDN

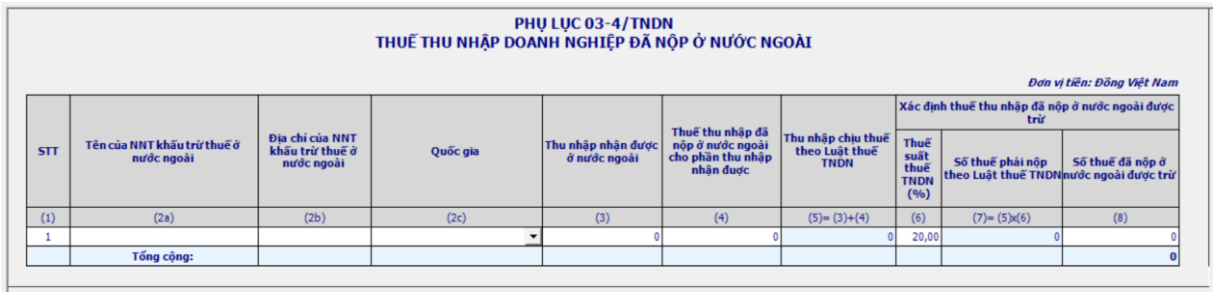

PHỤ LỤC 03-4/TNDN
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐÃ NỘP Ở NƯỚC NGOÀI

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên của NNT khấu trừ thuế ở nước ngoài	Địa chỉ của NNT khấu trừ thuế ở nước ngoài	Quốc gia	Thu nhập nhận được ở nước ngoài	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài cho phần thu nhập nhận được	Thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN	Xác định thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ		
							Thuế suất thuế TNDN (%)	Số thuế phải nộp theo Luật thuế TNDN	Số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ
(1)	(2a)	(2b)	(2c)	(3)	(4)	(5)= (3)+(4)	(6)	(7)= (5)x(6)	(8)
1				0	0	0	20,00	0	0
	Tổng cộng:								0

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***

+ Cột (2a), (2b): NNT tự nhập,dạng text

+ Cột (2c): chọn trong danh mục quốc gia

+ Cột (3), cột (4): NNT tự nhập, dạng số, không âm
+ Cột (8): NNT nhập số, không âm, kiểm tra <= min(cột 4 và cột 7)

- ***Các chỉ tiêu tính toán: UD hỗ trợ tính toán theo công thức:***

+ Cột (5) = cột(3) + cột (4)
+ Cột (7) = cột(5) * cột (6)
+ Dòng tổng cộng UD tính chỉ tiêu [04] = Tổng cộng cột (8)

3.4.2.1.10 Phụ lục 03-5/TNDN

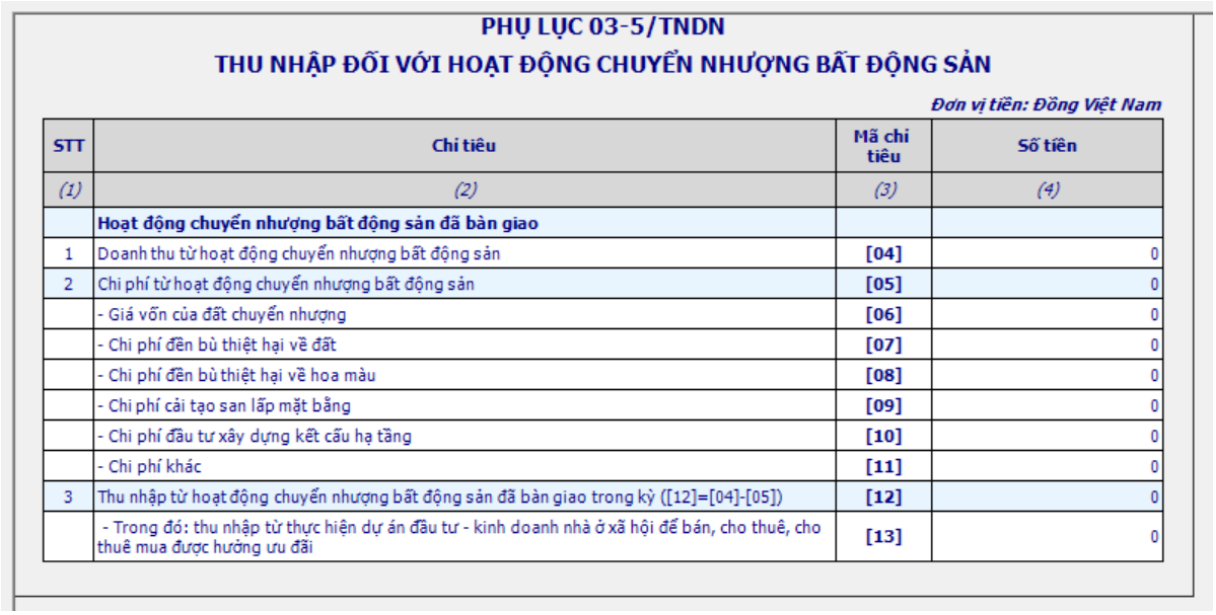

PHỤ LỤC 03-5/TNDN

THU NHẬP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã bàn giao		
1	Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[04]	0
2	Chi phí từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[05]	0
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[06]	0
	- Chi phí đền bù thiệt hại về đất	[07]	0
	- Chi phí đền bù thiệt hại về hoa màu	[08]	0
	- Chi phí cải tạo san lấp mặt bằng	[09]	0
	- Chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng	[10]	0
	- Chi phí khác	[11]	0
3	Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản đã bàn giao trong kỳ ([12]=[04]-[05])	[12]	0
	- Trong đó: thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua được hưởng ưu đãi	[13]	0

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***

+ Các chỉ tiêu [04], [06], [07], [08], [09], [10], [11]: cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
+ Chỉ tiêu [13]: Cho phép NSD nhập dạng số, âm dương, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

- ***Các chỉ tiêu tự tính:*** UD hỗ trợ tính theo công thức:

+ Chỉ tiêu [05] = [06] + [07] + [08] + [09] + [10] + [11]
+ Chỉ tiêu [12] = chỉ tiêu [04] – chỉ tiêu [05], có thể âm

3.4.2.1.11 Phụ lục 03-6/TNDN

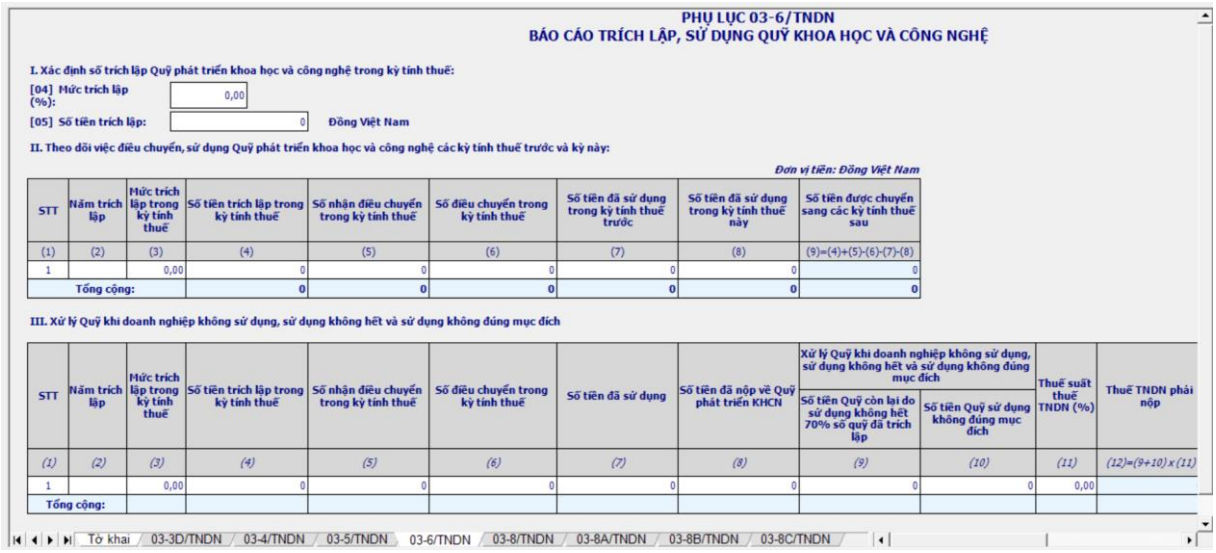

PHỤ LỤC 03-6/TNDN
BÁO CÁO TRÍCH LẬP, SỬ DỤNG QUỸ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Xác định số trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ tính thuế:

[04] Mức trích lập (%): 0,00

[05] Số tiền trích lập: 0 Đồng Việt Nam

II. Theo dõi việc điều chuyển, sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ các kỳ tính thuế trước và kỳ này:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Năm trích lập	Mức trích lập trong kỳ tính thuế	Số tiền trích lập trong kỳ tính thuế	Số nhận điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số tiền đã sử dụng trong kỳ tính thuế trước	Số tiền đã sử dụng trong kỳ tính thuế này	Số tiền được chuyển sang các kỳ tính thuế sau
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(4)+(5)-(6)-(7)-(8)
1		0,00	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng:			0	0	0	0	0	0

III. Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

STT	Năm trích lập	Mức trích lập trong kỳ tính thuế	Số tiền trích lập trong kỳ tính thuế	Số nhận điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số điều chuyển trong kỳ tính thuế	Số tiền đã sử dụng	Số tiền đã nộp về Quỹ phát triển KHCN	Xử lý Quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích		Thuế suất thuế TNDN (%)	Thuế TNDN phải nộp
								Số tiền Quỹ còn lại do sử dụng không hết 70% số quỹ đã trích lập	Số tiền Quỹ sử dụng không đúng mục đích		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(9+10)x(11)
1		0,00	0	0	0	0	0	0	0	0,00	
Tổng cộng:											

Tờ khai | 03-3D/TNDN | 03-4/TNDN | 03-5/TNDN | 03-6/TNDN | 03-8/TNDN | 03-8A/TNDN | 03-8B/TNDN | 03-8C/TNDN

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***

+ I. Xác định số trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ tính thuế:

- Mức trích lập [04]: tự nhập giá trị >=0, <= 10%
- Số tiền trích lập [05]: tự nhập dạng số, không âm

+ II. Theo dõi việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ các kỳ tính thuế trước và kỳ này:

- Cột (1): UD tự tăng giảm dòng
- Cột (2): Cho phép nhập, năm <= năm tính thuế. Năm quyết toán – 5 <= Năm trích lập <= Năm tính thuế, 1 năm chỉ được nhập trên 1 dòng
- Cột (3): NNT tự nhập theo dạng xx,xx%, >=0 và <= 10%
- Các cột (4), (5), (6), (7), (8): NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ III. Xử lý quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

+ Cột (2): NNT nhập năm <= Kỳ tính thuế

+ Cột (3): tự nhập giá trị >=0, <= 10%

+ Cột (4), (5), (6), (7), (8), (9), (13), (14): NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Cột (10): NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, (9+10) <= (4+5-6-7-8), báo đỏ kiểm tra các chỉ tiêu liên quan

+ Cột (11): NNT nhập dạng số, không âm, không lớn hơn 100

- ***Các chỉ tiêu tự tính: UD hỗ trợ tính theo công thức:***

+ II. Theo dõi việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ các kỳ tính thuế trước và kỳ này:

- Cột (9) = (4)+ (5) – (6) – (7) – (8), (9) >= 0 nếu sai thì cảnh báo đỏ

- Dòng Tổng cộng: hiển thi giá trị tổng cộng của các cột từ (4) đến (9) theo công thức

+ III. Xử lý quỹ khi doanh nghiệp không sử dụng, sử dụng không hết và sử dụng không đúng mục đích

- Cột (12): UD tính theo công thức: (12)=(9+10) x (11)
- Cột (15): UD tính theo công thức: (15)=(12) + (13) + (14)
- Cột [06]: Hệ thống tính bằng tổng cột 15, không cho phép sửa

3.4.2.1.12 Phụ lục 03-8/TNDN

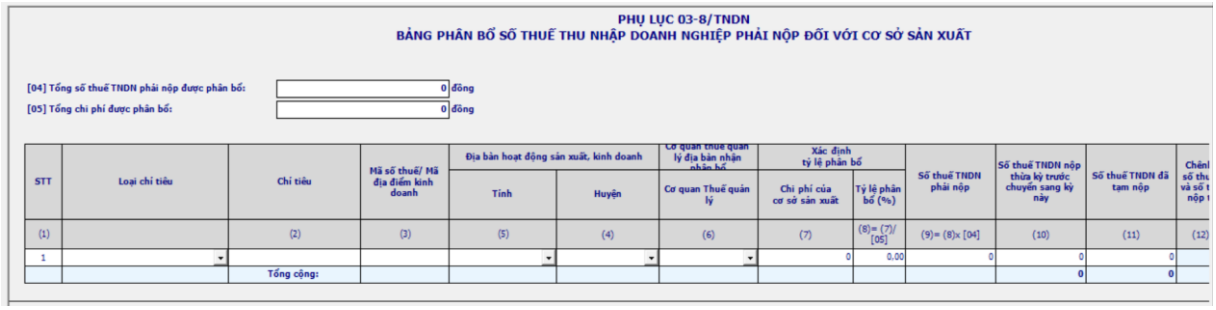

PHỤ LỤC 03-8/TNDN

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP ĐỐI VỚI CƠ SỞ SẢN XUẤT

[04] Tổng số thuế TNDN phải nộp được phân bổ: 0 đồng

[05] Tổng chi phí được phân bổ: 0 đồng

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Xác định tỷ lệ phân bổ		Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp	Chênl số thu và số t nộp t
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan Thuế quản lý	Chi phí của cơ sở sản xuất	Tỷ lệ phân bổ (%)				
(1)		(2)	(3)	(5)	(4)	(6)	(7)	(8)= (7)/ [05]	(9)= (8)x [04]	(10)	(11)	(12)
1							0	0,00	0	0	0	
		Tổng cộng:								0	0	

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***

+ Chỉ tiêu [04]: NNT nhập số, không âm, kiểm tra phải <= E1 + E5 trên tờ khai

+ Chỉ tiêu [05]: NNT nhập số, không âm, kiểm tra chỉ tiêu [05] = tổng cột (7)

+ 1. Tỉnh nơi đóng trụ sở chính: chỉ được nhập 1 dòng

- Chỉ tiêu (7), (10), (11): NNT nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0

+ **2. Cơ sở sản xuất khác tỉnh (trừ nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh):** Được nhập 1 hoặc nhiều dòng – Nếu có dòng chi tiết thì bắt buộc nhập tên CSSX (cột 2)

- Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập
- Chỉ tiêu (3): Phải là MST 13 số hoặc mã ĐĐKD 5 số, kiểm tra MST NSD nhập không được trùng giữa các dòng
- Chỉ tiêu (4), (5): Cho phép chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu (7), (10), (11): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

+ **3. Cơ sở sản xuất khác tỉnh là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh:** Được nhập 1 hoặc nhiều dòng – Nếu có dòng chi tiết thì bắt buộc nhập tên CSSX (cột 2)

- Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập
- Chỉ tiêu (3): Phải là MST 13 số hoặc mã ĐĐKD 5 số, kiểm tra MST NSD nhập không được trùng giữa các dòng
- Chỉ tiêu (4), (5): Cho phép chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu (7), (10), (11): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

- ***Các chỉ tiêu tính toán:***

+ 1. Tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

- Chỉ tiêu (8) = (7)/ [05], cho phép sửa, kiểm tra tổng cột (8) phải = 100%
- Chỉ tiêu (9) = (8)x [04], kiểm tra tổng cột (9) phải = chỉ tiêu [04]
- Chỉ tiêu (12) = (9) - (11), không cho phép sửa.
- Chỉ tiêu (13) = (9) - (10) – (11), có thể âm, không cho sửa

+ **2. Cơ sở sản xuất khác tỉnh (trừ nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh):** Được nhập 1 hoặc nhiều dòng – Nếu có dòng chi tiết thì bắt buộc nhập tên CSSX (cột 2)

- Chỉ tiêu (8) = (7)/ [05], cho phép sửa, kiểm tra tổng cột (8) phải = 100%
- Chỉ tiêu (9) = (8)x [04], kiểm tra tổng cột (9) phải = chỉ tiêu [04]
- Chỉ tiêu (12) = (9) - (11), không cho phép sửa.
- Chỉ tiêu (13) = (9) - (10) – (11), có thể âm, không cho sửa

+ **3. Cơ sở sản xuất khác tỉnh là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh:** Được nhập 1 hoặc nhiều dòng – Nếu có dòng chi tiết thì bắt buộc nhập tên CSSX (cột 2)

- Chỉ tiêu (8) = (7)/ [05], cho phép sửa, kiểm tra tổng cột (8) phải = 100%
- Chỉ tiêu (9) = (8)x [04], kiểm tra tổng cột (9) phải = chỉ tiêu [04]
- Chỉ tiêu (12) = (9) - (11), không cho phép sửa.
- Chỉ tiêu (13) = (9) - (10) – (11), có thể âm, không cho sửa
- Dòng tổng cộng: [06] = tổng cột (10), [07] = tổng cột (11)

3.4.2.1.13 Phụ lục 03-8A/TNDN

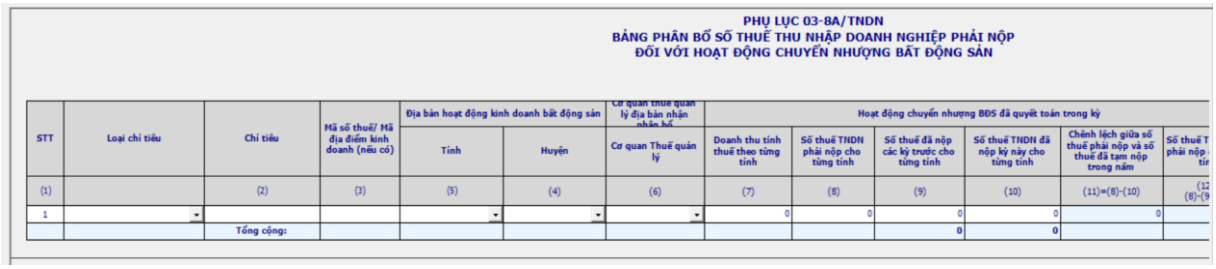

PHỤ LỤC 03-8A/TNDN
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động kinh doanh bất động sản		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận hồ	Hoạt động chuyển nhượng BĐS đã quyết toán trong kỳ					
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan Thuế quản lý	Doanh thu tính thuế theo từng tỉnh	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế đã nộp các kỳ trước cho từng tỉnh	Số thuế TNDN đã nộp kỳ này cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm	Số thuế T phải nộp tr
(1)		(2)	(3)	(5)	(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(8)-(10)	(12) (8)-(9
1							0	0	0	0	0	
		Tổng cộng:							0	0		

- ***Các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Loại chỉ tiêu: NSD lựa chọn 1 giá trị từ danh mục. Bao gồm các giá trị

- 01: Trụ sở chính => chỉ được kê khai 1 dòng Cột (2), (3): NNT tự nhập dạng text
- 02: Đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính => có thể kê khai 1 hoặc nhiều dòng
- 03: Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính => có thể kê khai 1 hoặc nhiều dòng
- 04: Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh => có thể kê khai 1 hoặc nhiều dòng

+ Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu (3):

- Dòng <Nơi đóng trụ sở chính>: Hiển thị theo MST kê khai tờ khai
- Dòng <Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>: bắt buộc nhập MST 13 số
- Dòng <Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>: bắt buộc nhập mã DDKD 5 số
- Dòng < Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh >: Khóa

+ Chỉ tiêu (4)

- Dòng <Nơi đóng trụ sở chính>:
  - Nếu NNT thuộc chi cục Thuế quản lý thì hiển thị Huyện tương ứng với Chi cục Thuế
  - Nếu NNT thuộc Cục Thuế quản lý thì cho phép chọn Huyện trong danh mục
- Dòng <Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>, <Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>, <Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>: Bắt buộc chọn trong danh mục huyện thuộc tỉnh đã chọn

+ Chỉ tiêu (5)

- Dòng <Nơi đóng trụ sở chính>: Hiển thị mặc định là tỉnh đóng trụ sở chính chính của NNT (tỉnh tương ứng với CQT ở cột (6)
- Dòng <Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>, <Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>, <Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>: Bắt buộc chọn trong danh mục. Kiểm tra tỉnh phải khác tỉnh đóng trụ sở chính

+ Chỉ tiêu (6):

- Dòng <Nơi đóng trụ sở chính>: Hiển thị mặc định là CQT quản lý của NNT. Không cho sửa
- Dòng <Tên đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>, <Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>: Mặc định là cục thuế tương ứng với (5), cho phép chọn lại chi cục thuế. Cho phép trùng
- Dòng *<Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>*: Mặc định là cục thuế tương ứng với (5), cho phép chọn lại chi cục thuế. Không trùng CQT giữa các dòng *<Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh>*

+ Chỉ tiêu (7), (8), (9), (10), (13), (15): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

- ***Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tính toán:***

+ Chỉ tiêu (11) = (8) – (10), có thể âm
+ Chỉ tiêu (12) = (8) – (9) – (10), có thể âm
+ Chỉ tiêu (14) = (13)x1%
+ Chỉ tiêu (16) = (14) – (15), có thể âm

3.4.2.1.14 Phụ lục 03-8B/TNDN: Chỉ cho phép nhập PL này nếu trên tờ khai chọn chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất tương ứng với tiểu mục 1052

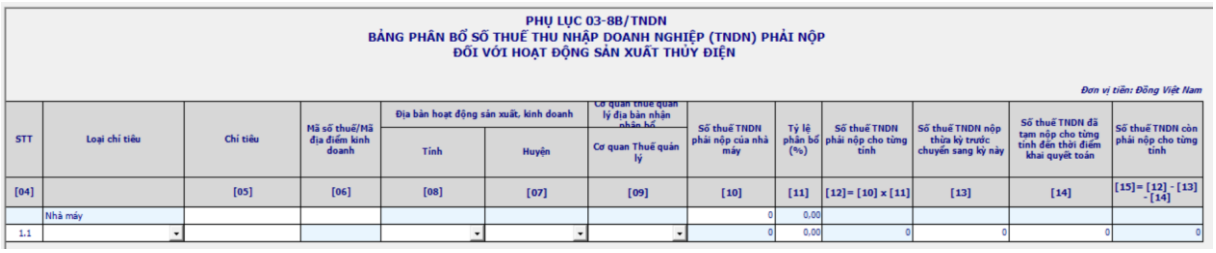

PHỤ LỤC 03-8B/TNDN
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận bổ	Số thuế TNDN phải nộp của nhà máy	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế TNDN phải nộp cho từng tỉnh	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp cho từng tỉnh đến thời điểm khai quyết toán	Số thuế TNDN còn phải nộp cho từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan Thuế quản lý						
[04]		[05]	[06]	[08]	[07]	[09]	[10]	[11]	[12]= [10] x [11]	[13]	[14]	[15]= [12] - [13] - [14]
	Nhà máy						0	0,00				
1.1							0	0.00	0	0	0	0

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***
- ***Có thể nhập thông tin của nhiều nhà máy.*** 1 nhà máy bắt buộc phải có đủ thông tin của <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>

+ Chỉ tiêu [05]: NNT nhập dạng text
+ Chỉ tiêu [06]:
  - Dòng nhà máy: Nhập MST 13 số
  - Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Khóa không cho nhập
+ Chỉ tiêu [07]:
  - Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
  - Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Bắt buộc chọn trong danh mục Huyện thuộc tỉnh đã chọn
+ Chỉ tiêu [08]:
  - Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
  - Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Bắt buộc chọn trong danh mục 63 tỉnh
+ Chỉ tiêu [09]:
  - Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
  - Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Cục thuế tương ứng với chỉ tiêu [08] trên bảng kê. Cho phép NSD chọn lại thành CCT
+ Chỉ tiêu [10]:
  - Dòng <Nhà máy>: Cho nhập số >=0
  - Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Khóa không cho nhập
  - Kiểm tra tổng cột [10] trên PL 03-8B phải = tổng cột [9] của các dòng có Loại chỉ tiêu "03 - Cơ sở sản xuất khác tỉnh là nhà máy thủy điện nằm trên nhiều tỉnh" trên PL 03-8/TNDN
+ Chỉ tiêu [11]:

- Dòng <Nhà máy>: UD tính bằng tổng các dòng con, không cho sửa. Kiểm tra tổng tỷ lệ của 1 nhà máy phải = 100%
- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Cho phép nhập số >0 và <100

+ Chỉ tiêu [12]:

- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập

+ Chỉ tiêu [13]:

- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Nhập số >=0

+ Chỉ tiêu [14]:

- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Nhập số >=0

+ Chỉ tiêu [15]:

- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập

- ***Các chỉ tiêu tính toán:***

+ Chỉ tiêu [12]: Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: UD tính theo công thức: [12] = [10] x [11] (Chỉ tiêu [10] là chỉ tiêu tại dòng nhà máy). Cho phép sửa. Kiểm tra tổng cột [12] = chỉ tiêu [10] của từng nhà máy

+ Chỉ tiêu [15]: Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: UD tính theo công thức: [15]= [12] - [13] - [14]. Không cho sửa

3.4.2.1.15 Phụ lục 03-8C/TNDN: Chỉ cho phép nhập PL này nếu trên tờ khai chọn chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất tương ứng với tiểu mục 1057

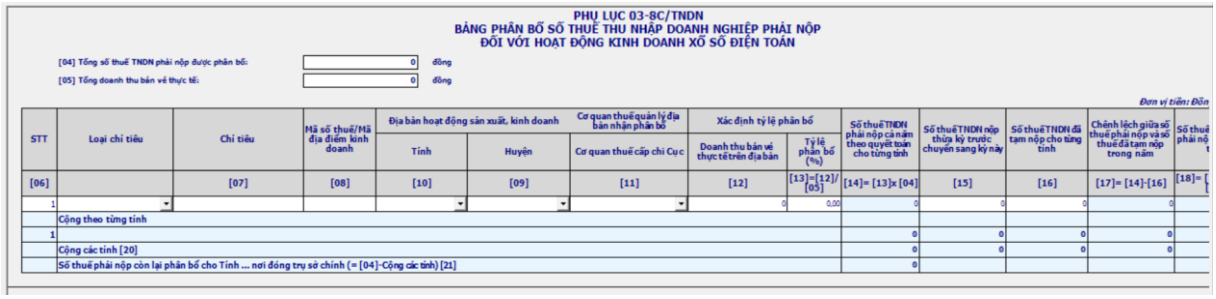

PHỤ LỤC 03-8C/TNDN
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

[04] Tổng số thuế TNDN phải nộp được phân bổ: 0 đồng
[05] Tổng doanh thu bán vé thực tế: 0 đồng

Đơn vị tiền: Đồn

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ	Xác định tỷ lệ phân bổ		Số thuế TNDN phải nộp cả năm theo quyết toán cho từng tỉnh	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	Số thuế TNDN đã tạm nộp cho từng tỉnh	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm	Số thuế
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp chi Cục	Doanh thu bán vé thực tế trên địa bàn	Tỷ lệ phân bổ (%)					
[06]		[07]	[08]	[10]	[09]	[11]	[12]	[13]=[12]/[05]	[14]= [13]x [04]	[15]	[16]	[17]= [14]-[16]	[18]= [
1							0	0,00	0	0	0	0	
	Cộng theo từng tỉnh												
1									0	0	0	0	
	Cộng các tỉnh [20]								0	0	0	0	
	Số thuế phải nộp còn lại phân bổ cho Tỉnh ... nơi đóng trụ sở chính (= [04]-Cộng các tỉnh) [21]								0				

- ***Các chỉ tiêu tự nhập:***

+ Chỉ tiêu [04]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số, kiểm tra chỉ tiêu [04] phải = [E1] trên tờ khai

+ Chỉ tiêu [05]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, kiểm tra [05]>[04]

+ Loại chỉ tiêu: NSD lựa chọn 1 trong 3 Loại chỉ tiêu gồm các giá trị:

- 01: Đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính

- 02: Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính
- 03: Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh

+ Chỉ tiêu [07]: NNT nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [08]:

- Dòng <Đơn vị phụ thuộc khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>: bắt buộc nhập MST 13 số (Có 10 số đầu = MST kê khai tờ khai)
- Dòng <Địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi NNT đóng trụ sở chính>: Bắt buộc nhập mã 5 số
- Dòng <Nơi không có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh: Khóa không cho nhập

+ Chỉ tiêu [09]: Chọn trong danh mục huyện thuộc tỉnh đã chọn

+ Chỉ tiêu [10]: Chọn trong danh mục, mỗi tỉnh chỉ được kê khai trên 1 dòng

+ Chỉ tiêu [11]: Mặc định là Cục thuế tương ứng chỉ tiêu [10], cho phép chọn lại chi cục

+ Chỉ tiêu [12]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, ràng buộc tổng cột (12) <= chỉ tiêu [05]

+ Chỉ tiêu [13]:

- Dòng <Nhà máy>: Khóa không cho nhập
- Dòng: <Nơi có văn phòng điều hành nhà máy> và <Nơi có nhà máy thủy điện (khác nơi có văn phòng điều hành)>: Nhập số >=0

+ Chỉ tiêu [15], [16]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số

- ***Các chỉ tiêu tính toán:***

+ Chỉ tiêu [13]: UD tính theo công thức: [13]=[12]/[05], Cho phép sửa, tổng cột (13) <= 100%

+ Chỉ tiêu [14]: UD tính theo công thức: [14]= [13]x [04], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [17]: UD tính theo công thức: [17]= [14]-[16], có thể âm

+ Chỉ tiêu [18]: UD tính theo công thức: [18]= [14]- [15]- [16], có thể âm

+ Chỉ tiêu [19]: hỗ trợ tính tổng cột [18] theo từng tỉnh

+ Chỉ tiêu [20]: hỗ trợ tính tổng cột [20] = Tổng [19]

+ Chỉ tiêu [21]: UD hỗ trợ tính = [04] – [20], không được âm

3.4.2.1.16 Phụ lục 03-9/TNDN

PHỤ LỤC 03-9/TNDN

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP TIỀN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM NỘP CỦA HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên dự án bất động sản	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Địa bàn hoạt động kinh doanh bất động sản		Tên cơ quan thu		Số tiền thu theo tiến độ	Số thuế TNDN đã tạm nộp	Số thuế TNDN đã tạm nộp bù trừ với số thuế phải nộp theo quyết toán kỳ này	Số tiền thuế đã tạm nộp chưa quyết toán chuyển kỳ sau
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp Cục	Cơ quan thuế cấp chi Cục				
(1)	(2)	(3)		(5)	(4)	(6)		(7)	(8)	(09)	(10)
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán trong các kỳ trước								0	0	0
								0	0	0	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ trong kỳ này								0	0	0
1								0	0	0	0
3	Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán chuyển các kỳ sau								0	0	0
								0	0	0	0

- ***Các chỉ tiêu cần nhập:***

+ 1. Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán trong các kỳ trước

- Chỉ tiêu (8): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu (9): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, cột (09) phải <= (8), sai khác cảnh báo đỏ

+ 2. Thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ trong kỳ này: Cho phép thêm nhiều dòng con

- Chỉ tiêu (2), (3) – Số chứng từ: NNT nhập định dạng text
- Chỉ tiêu (3) – Ngày chứng từ: NNT nhập định dạng DD/MM/YYYY
- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu (7), (8): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu (9): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, cột (09) phải <= (8), sai khác cảnh báo đỏ

+ 3. Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán chuyển các kỳ sau

- Chỉ tiêu (8): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

- ***Các chỉ tiêu tính toán:***

+ 1. Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán trong các kỳ trước

- Chỉ tiêu (10) = (8) – (9)

+ 2. Thuế TNDN đã tạm nộp theo tiến độ trong kỳ này: Cho phép thêm nhiều dòng con

- Chỉ tiêu (10) = (8) – (9)
- Chỉ tiêu [06] = Tổng cột (8) của các dòng con
- Chỉ tiêu [07] = Tổng cột (9) của các dòng con
- Chỉ tiêu [08] =[06]-[07], không cho sửa

+ 3. Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS chưa quyết toán chuyển các kỳ sau

- Chỉ tiêu (9): Tính theo công thức = cột (9) mục 1 + tổng cột (9) mục 2
- Chỉ tiêu (10): Tính theo công thức = cột (10) mục 1 + tổng cột (10) mục 2

3.4.2.1.17 Phụ lục GDLK2_ND132_01: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Ứng dụng cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế >= 2019

MỤC I: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT VÀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT (Mẫu số 01)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

STT	Tên bên liên kết	Quốc gia	Mã số thuế	Hình thức quan hệ liên kết										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)										
				A	B	C	D	Đ	E	G	H	I	K	L
1				☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

- Chỉ tiêu (1) – STT: UD hỗ trợ tự tăng khi thêm dòng
- Chỉ tiêu (2) – Tên bên liên kết: Bắt buộc nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
- Chỉ tiêu (3) – Quốc gia: Bắt buộc nhập, chọn trong danh mục quốc gia.
- Chỉ tiêu (4) – Mã số thuế: bắt buộc nhập
  + Nếu là VN: Kiểm tra cấu trúc mã số thuế
  + Khác VN: không kiểm tra cấu trúc mã số thuế (cho nhập tối đa 200 ký tự)
- Chỉ tiêu (5) – Hình thức quan hệ liên kết: (A,B,C,D,Đ,E,G,H,I,K,L): cho phép NNT tích chọn, chỉ bắt buộc chọn ít nhất 1 loại hình thức quan hệ liên kết và cho phép tích chọn nhiều loại hình thức.

MỤC II: CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

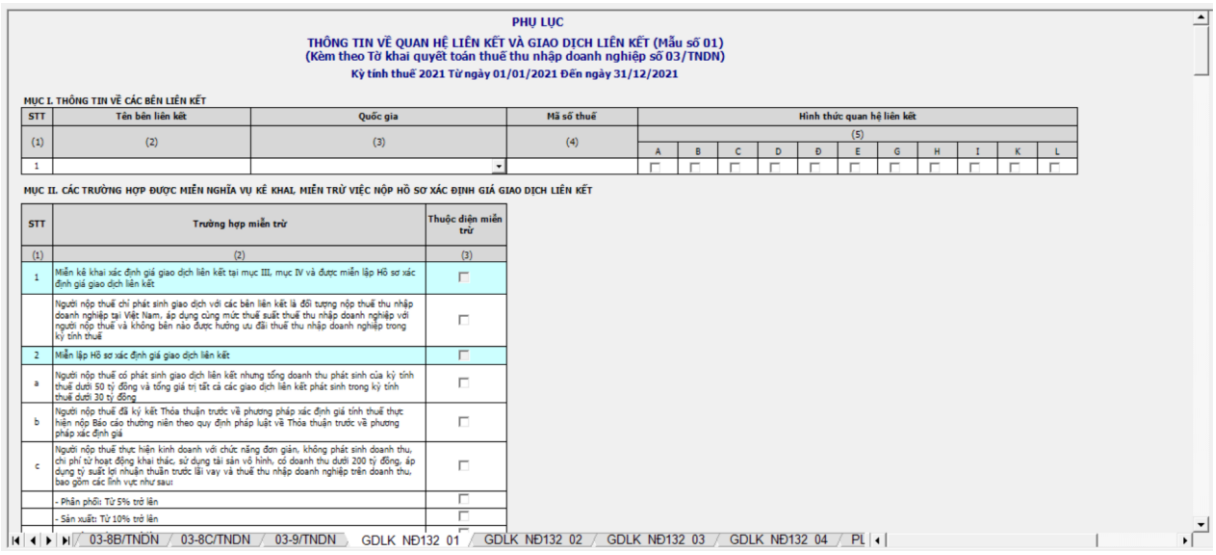
PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT VÀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT (Mẫu số 01)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

STT	Tên bên liên kết	Quốc gia	Mã số thuế	Hình thức quan hệ liên kết										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)										
				A	B	C	D	Đ	E	G	H	I	K	L
1				☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

MỤC II. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

STT	Trường hợp miễn trừ	Thuộc diện miễn trừ
(1)	(2)	(3)
1	Miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III. mục IV và được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	☐
	Người nộp thuế chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế	☐
2	Miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	☐
a	Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng	☐
b	Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá	☐
c	Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau:	☐
	- Phân phối: Từ 5% trở lên	☐
	- Sản xuất: Từ 10% trở lên	☐

03-8B/TNDN | 03-8C/TNDN | 03-9/TNDN | GDLK NĐ132 01 | GDLK NĐ132 02 | GDLK NĐ132 03 | GDLK NĐ132 04 | PL

- Có thể bỏ qua không tích chọn trường hợp miễn trừ nào, nếu chọn chỉ được chọn 1 hoặc 2a hoặc 2b hoặc 2c. Trường hợp tích chọn 2c thì bắt buộc phải chọn ít nhất 1 trong 3 loại, được phép tích chọn nhiều loại:
  + Phân phối: Từ 5% trở lên
  + Sản xuất: Từ 10% trở lên
  + Gia công: Từ 15% trở

MỤC III: THÔNG TIN XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Nếu 2a hoặc 2c ở mục II được check chọn thì:
  + Cột (3), (7), (12): Cho phép nhập >=0.
  + Cột (13): cho phép check chọn
- Cột (4), (5), (6), (8), (9), (10) và (11): Khoá, không cho kê khai. Nếu 2a và 2c ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
I	**Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động kinh doanh**	Nhập >=0	Để trống	Để trống	Để trống	Nhập >=0	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
II	**Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động liên kết**	Tổng 1+2	Tổng 1+2	(5)=(4)-(3), nếu cột (5) >= 0 thì ghi thành công, nếu cột (5) <0 thì cảnh báo đỏ "Cột 5 = cột (4) – cột (3) phải >= 0	Để trống	Tổng 1+2	Tổng 1+2	(9)=(8)-(7), nếu cột (9) <= 0 thì ghi thành công, nếu cột (9) > 0 thì cảnh báo đỏ "Cột 9 = cột (8) – cột (7) phải <= 0	Để trống	(11)=(5)+(9) (11) = trị tuyệt đối của cột (5)+ trị tuyệt đối của cột (9)	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các cột (3), (4), (7),	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các cột (3), (4), (7),	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
											như các cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa	(8)…, cho sửa		(8)…, cho sửa	
1	Hàng hóa	Tổng 1.1 + 1.2	Tổng 1.1 + 1.2	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 1.1 + 1.2	Tổng 1.1 + 1.2	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
1.1	Hàng hóa hình thành tài sản cố định	Tổng a+b+…	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục. Cột (6) bắt buộc chọn nếu cột (3) >0, nếu không cảnh báo đỏ	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục. Cột (10) bắt buộc chọn nếu cột (7) > 0, nếu không cảnh	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Checkbox

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
					"Dữ liệu bắt buộc"				báo đỏ "Dữ liệu bắt buộc"						
b															
	...														
1.2	Hàng hóa không hình thành tài sản cố định	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
b															
	…														
2	**Dịch vụ**	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
2.1	Nghiên cứu, phát triển	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
b															

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
	…														
2.2	Quảng cáo, tiếp thị	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
b															
	…														
2.3	Quản lý kinh doanh và tư vấn, đào tạo	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
b															
	...														
2.4	Hoạt động tài chính	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
2.4.1	Phí bản quyền và các khoản tương tự	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B										....					
	…														

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
2.4.2	Lãi vay	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B															
	…														
2.5	Dịch vụ khác	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B															
	…														

MỤC IV. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Nếu check 2b tại Mục II thì bắt buộc chọn Có/ Không tại mục "Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)" tại 1 trong 3 bảng.
- Cột (6) đang bắt buộc nhập tại bảng 1 và bảng 3 khi tích chọn 2a tại Mục II → Chỉ kiểm tra đã nhập cột (6) tại một trong các bảng là được.

1. Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ

- Nếu 2a ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 12:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự, bắt buộc nhập một trong các dòng sau > 0 (dòng 1, 4, 6, 7, 9). Riêng cột (6) dòng 5 cho phép nhập số âm, dương.
  + Dòng từ (13) đến (16): NNT kê khai
  + Dòng (17): Để trống, không cho kê khai
- Nếu 2c ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 12:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự, bắt buộc nhập một trong các dòng sau > 0 (dòng 1, 4, 6, 7, 9). Riêng cột (6) dòng 5 cho phép nhập số âm, dương.
  + Dòng từ (13) đến (16) : NNT kê khai
  + Dòng (17):
    - Cột (2): Bắt buộc nhập, cho phép nhập text và UD cho nhập text, tối đa 200 ký tự, UD cho phép thêm nhiều dòng
    - Cột 6: Nhập dạng x,xxx >= 0 (tối đa 3 số phần nguyên)
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
- Nếu 2a và 2c ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau:

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=1-2	=1-2	=1-2	=1-2
4	Giá vốn hàng bán	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=3-4	=3-4	=3-4	=3-4
6	Chi phí bán hàng	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
8	Doanh thu hoạt động tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
8.1	Trong đó: Lãi tiền gửi và lãi cho vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 8.1 phải < dòng 8, nếu không cảnh báo đỏ
9	Chi phí tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Cho phép nhập số âm, dương

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
9.1	Trong đó: - Chi phí lãi tiền vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
9.1.a	Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 9.1.a phải < dòng 9.1, nếu không cảnh báo đỏ
9.1.b	Phần chi phí lãi vay trong kỳ không được trừ chuyển sang kỳ sau theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 9.1.b phải < dòng 9.1, nếu không cảnh báo đỏ
10	Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (11)=(5)-(6)-(7)+(8)-(9)	Khoá	Khoá	Khoá	=5-6-7+8-9
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính (12)=(11)-(8)+(9)	=11-8+9	=11-8+9	=11-8+9	=11-8+9
13	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (13)=(11)+(9.1)-(8.1)+10)	Khoá	Khoá	Khoá	=11+9.1-8.1+10

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (14)=[(9.1)-(8.1)]/(13)	Khoá	Khoá	Khoá	(9.1-8.1)/13 * 100 (dạng x,xxx)
15	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang, trong đó: (15)=(15.1)+(15.2)+(15.3)+(15.4)+(15.5)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (15)=(15.1)+(15.2)+(15.3)+(15.4)+(15.5)
15.1	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-1) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.2	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-2) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.3	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-3) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.4	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-4) chuyển sang kỳ tính thuế (n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
15.5	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-5) chuyển sang kỳ tính thuế (n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
16	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh cộng chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay(sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (16) =[(9.1)-(8.1)+(15)]/(13)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	(16) =[(9.1)-(8.1)+(15)]/(13) (dạng x,xxx)
17	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
17.1	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khóa
….	……	…	…	…	…

2. Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành ngân hàng, tín dụng

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
2	Chi trả lãi và các chi phí tương tự	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
3	Thu nhập lãi thuần (3)= (1)-(2)	=1-2	=1-2	=1-2	=1-2
4	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
5	Chi phí hoạt động dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
6	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (6)=(4)-(5)	=4-5	=4-5	=4-5	=4-5
7	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
8	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
9	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
10	Thu nhập từ hoạt động khác	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
11	Chi phí hoạt động khác	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
12	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (12) = (10)-(11)	=10-11	=10-11	=10-11	=10-11
13	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
14	Chi phí hoạt động	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
15	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
16	Tổng lợi nhuận trước thuế (16) = (3)+(6)+(7)+(8)+(9)+(12)+(13)-(14)-(15)	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15
17	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (17=16-12)	=16-12	=16-12	=16-12	=16-12
18	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết (%)	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
a	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khoá
…	……	…	..	…	…

3. Dành cho người nộp thuế là các công ty chứng khoán

- Nếu 2a ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 14:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Bắt buộc nhập một trong các dòng sau >0 (dòng 1,2), tối đa 15 ký tự (nhập >= 0)
  + Dòng 15: Khoá, không cho kê khai
- Nếu 2a ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau:

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Doanh thu hoạt động (1)= (1.1)+(1.2)+(1.3)+(1.4)+(1.5)+(1.6)+(1.7)+(1.8)+(1.9)+(1.10)+(1.11)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (1)=(1.1)+(1.2)+(1.3)+(1.4)+(1.5)+(1.6)+(1.7)+(1.8)+(1.9)+(1.10)+(1.11)
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) (1.1)= (1.1.a)+(1.1.b)+(1.1.c)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (1.1)= (1.1.a)+(1.1.b)+(1.1.c)
1.1.a	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.1.b	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.1.c	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.5	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh , đại lý phát hành chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.8	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.11	Thu nhập hoạt động khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2	Chi phí hoạt động (2)= (2.1)+(2.2)+(2.3)+(2.4)+(2.5)+(2.6)+(2.7)+(2.8)+(2.9)+(2.10)+(2.11) +(2.12)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (2)= (2.1)+(2.2)+(2.3)+(2.4)+(2.5)+(2.6)+(2.7)+(2.8)+(2.9)+(2.10)+(2.11) +(2.12)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) (2.1) = (2.1.a)+(2.1.b) +(2.1.c)	Khoá	Khoá	Khoá	Công thức (2.1) = (2.1.a)+(2.1.b) +(2.1.c)
2.1.a	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.1.b	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.1.c	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.2	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.3	Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.5	Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.9	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.12	Chi phí các dịch vụ khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3	Doanh thu hoạt động tài chính (3) = (3.1)+(3.2)+(3.3)+(3.4)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (3) = (3.1)+(3.2)+(3.3)+(3.4)
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.3	Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.4	Doanh thu khác về đầu tư	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4	Chi phí tài chính (4) = (4.1)+(4.2)+(4.3)+(4.4)+(4.5)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (4) = (4.1)+(4.2)+(4.3)+(4.4)+(4.5)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.2	Chi phí lãi vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.3	Lỗi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.4	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.5	Chi phí tài chính khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
5	Chi phí bán hàng	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
6	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
7	Kết quả hoạt động (7)= (1)-(2)+(3)-(4)-(5)-(6)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (7)= (1)-(2)+(3)-(4)-(5)-(6)
8	Tổng lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9	Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9.1	Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9.2	Phần chi phí lãi vay trong kỳ không được trừ chuyển sang kỳ sau theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
10	Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
11	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ (11)= (7)+(9)-(8)+(10)	Khoá	Khoá	Khoá	11= 7+9-8+10
12	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ (12) =[(9)-(8)]/(11)	Khoá	Khoá	Khoá	12= ((9-8)/ 11)*100 (dạng x,xxx)
13	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang (13)=(13.1)+(13.2)+(13.3)+(13.4)+(13.5) Trong đó:	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (13)=(13.1)+(13.2)+(13.3)+(13.4)+(13.5)
13.1	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-1) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
13.2	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-2) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.3	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-3) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.4	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-4) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.5	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-5) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh được trừ trong kỳ cộng chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang kỳ tính thuế(n) trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế (14) = [(9)-(8)+(13)]/(11)	Khoá	Khoá	Khoá	14 = ((9-8+13)/11)*100 (dạng x,xxx)
15	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
15.1	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khoá
	.....				

3.4.2.1.18 Phụ lục GDLK2_ND132_02: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Cột "Đã lập và lưu": cho phép NNT tích chọn, được phép tích chọn nhiều tài liệu
- Ghi chú: cho phép NNT nhập text, tối đa 200 ký tự.

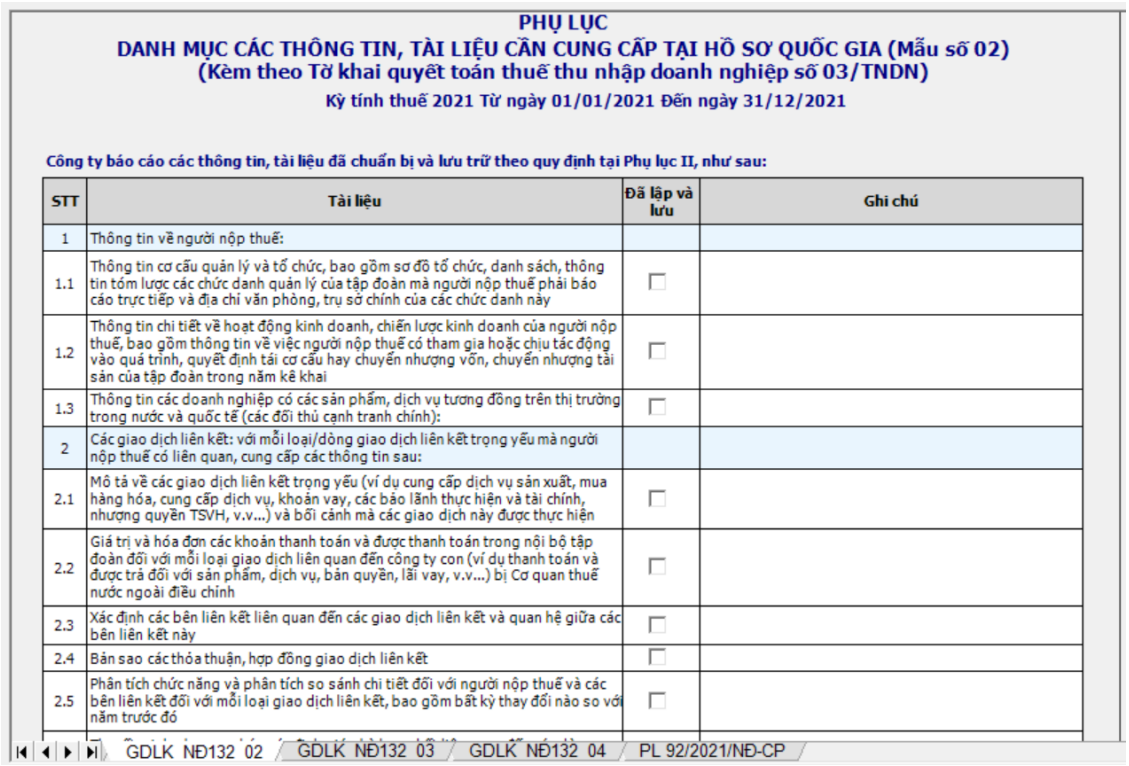

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP TẠI HỒ SƠ QUỐC GIA (Mẫu số 02)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

Công ty báo cáo các thông tin, tài liệu đã chuẩn bị và lưu trữ theo quy định tại Phụ lục II, như sau:

STT	Tài liệu	Đã lập và lưu	Ghi chú
1	Thông tin về người nộp thuế:		
1.1	Thông tin cơ cấu quản lý và tổ chức, bao gồm sơ đồ tổ chức, danh sách, thông tin tóm lược các chức danh quản lý của tập đoàn mà người nộp thuế phải báo cáo trực tiếp và địa chỉ văn phòng, trụ sở chính của các chức danh này	☐	
1.2	Thông tin chi tiết về hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của người nộp thuế, bao gồm thông tin về việc người nộp thuế có tham gia hoặc chịu tác động vào quá trình, quyết định tái cơ cấu hay chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng tài sản của tập đoàn trong năm kê khai	☐	
1.3	Thông tin các doanh nghiệp có các sản phẩm, dịch vụ tương đồng trên thị trường trong nước và quốc tế (các đối thủ cạnh tranh chính):	☐	
2	Các giao dịch liên kết: với mỗi loại/dòng giao dịch liên kết trọng yếu mà người nộp thuế có liên quan, cung cấp các thông tin sau:		
2.1	Mô tả về các giao dịch liên kết trọng yếu (ví dụ cung cấp dịch vụ sản xuất, mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ, khoản vay, các bảo lãnh thực hiện và tài chính, nhượng quyền TSVH, v.v...) và bối cảnh mà các giao dịch này được thực hiện	☐	
2.2	Giá trị và hóa đơn các khoản thanh toán và được thanh toán trong nội bộ tập đoàn đối với mỗi loại giao dịch liên quan đến công ty con (ví dụ thanh toán và được trả đối với sản phẩm, dịch vụ, bản quyền, lãi vay, v.v...) bị Cơ quan thuế nước ngoài điều chỉnh	☐	
2.3	Xác định các bên liên kết liên quan đến các giao dịch liên kết và quan hệ giữa các bên liên kết này	☐	
2.4	Bản sao các thỏa thuận, hợp đồng giao dịch liên kết	☐	
2.5	Phân tích chức năng và phân tích so sánh chi tiết đối với người nộp thuế và các bên liên kết đối với mỗi loại giao dịch liên kết, bao gồm bất kỳ thay đổi nào so với năm trước đó	☐	

GDLK NĐ132 02 | GDLK NĐ132 03 | GDLK NĐ132 04 | PL 92/2021/NĐ-CP

3.4.2.1.19 Phụ lục GDLK_ND132_03: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Cột "Đã lập và lưu": cho phép NNT tích chọn, được phép tích chọn nhiều tài liệu
- Ghi chú: cho phép NNT nhập text, tối đa 200 ký tự.

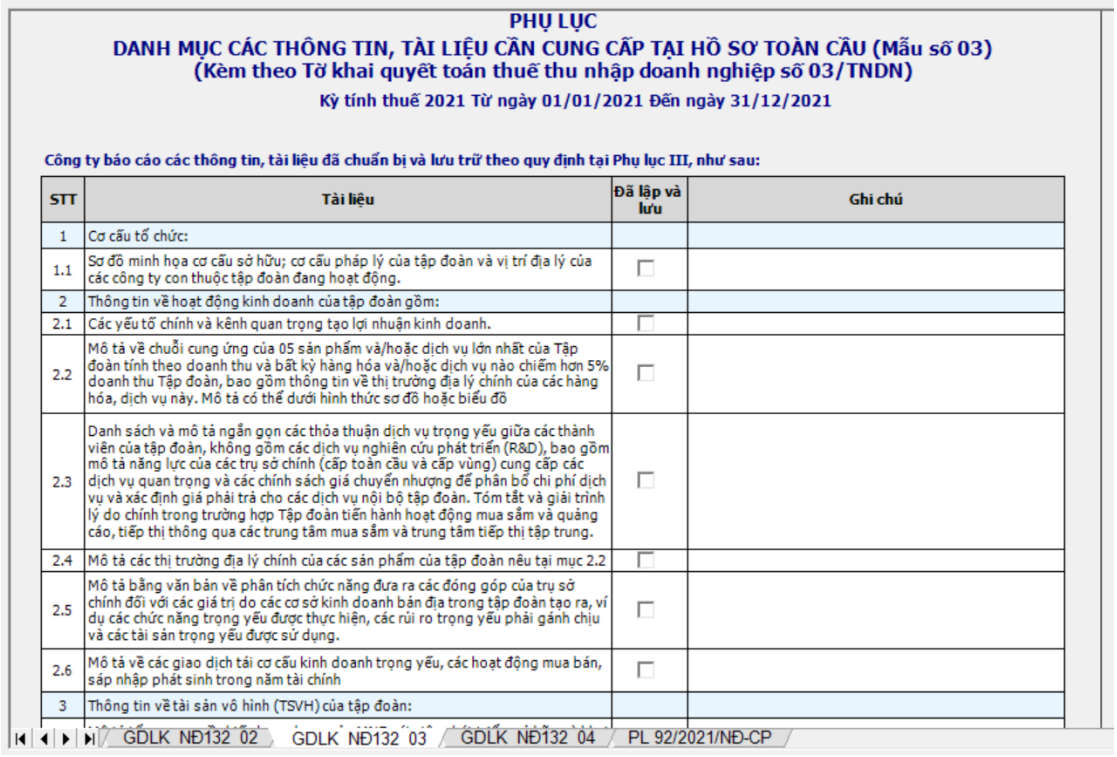

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP TẠI HỒ SƠ TOÀN CẦU (Mẫu số 03)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

Công ty báo cáo các thông tin, tài liệu đã chuẩn bị và lưu trữ theo quy định tại Phụ lục III, như sau:

STT	Tài liệu	Đã lập và lưu	Ghi chú
1	Cơ cấu tổ chức:		
1.1	Sơ đồ minh họa cơ cấu sở hữu; cơ cấu pháp lý của tập đoàn và vị trí địa lý của các công ty con thuộc tập đoàn đang hoạt động.	☐	
2	Thông tin về hoạt động kinh doanh của tập đoàn gồm:		
2.1	Các yếu tố chính và kênh quan trọng tạo lợi nhuận kinh doanh.	☐	
2.2	Mô tả về chuỗi cung ứng của 05 sản phẩm và/hoặc dịch vụ lớn nhất của Tập đoàn tính theo doanh thu và bất kỳ hàng hóa và/hoặc dịch vụ nào chiếm hơn 5% doanh thu Tập đoàn, bao gồm thông tin về thị trường địa lý chính của các hàng hóa, dịch vụ này. Mô tả có thể dưới hình thức sơ đồ hoặc biểu đồ	☐	
2.3	Danh sách và mô tả ngắn gọn các thỏa thuận dịch vụ trọng yếu giữa các thành viên của tập đoàn, không gồm các dịch vụ nghiên cứu phát triển (R&D), bao gồm mô tả năng lực của các trụ sở chính (cấp toàn cầu và cấp vùng) cung cấp các dịch vụ quan trọng và các chính sách giá chuyển nhượng để phân bổ chi phí dịch vụ và xác định giá phải trả cho các dịch vụ nội bộ tập đoàn. Tóm tắt và giải trình lý do chính trong trường hợp Tập đoàn tiến hành hoạt động mua sắm và quảng cáo, tiếp thị thông qua các trung tâm mua sắm và trung tâm tiếp thị tập trung.	☐	
2.4	Mô tả các thị trường địa lý chính của các sản phẩm của tập đoàn nêu tại mục 2.2	☐	
2.5	Mô tả bằng văn bản về phân tích chức năng đưa ra các đóng góp của trụ sở chính đối với các giá trị do các cơ sở kinh doanh bản địa trong tập đoàn tạo ra, ví dụ các chức năng trọng yếu được thực hiện, các rủi ro trọng yếu phải gánh chịu và các tài sản trọng yếu được sử dụng.	☐	
2.6	Mô tả về các giao dịch tái cơ cấu kinh doanh trọng yếu, các hoạt động mua bán, sáp nhập phát sinh trong năm tài chính	☐	
3	Thông tin về tài sản vô hình (TSVH) của tập đoàn:		

GDLK_NĐ132_02 | GDLK_NĐ132_03 | GDLK_NĐ132_04 | PL 92/2021/NĐ-CP

3.4.2.1.20 Phụ lục GDLK_ND132_04: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

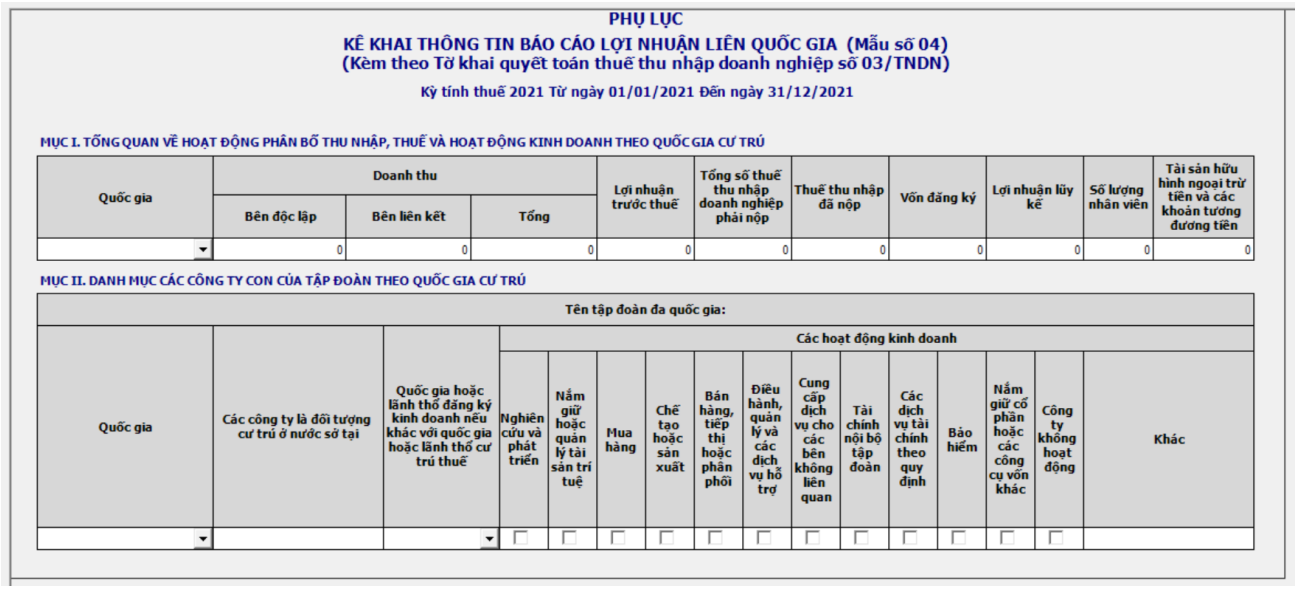

PHỤ LỤC

KÊ KHAI THÔNG TIN BÁO CÁO LỢI NHUẬN LIÊN QUỐC GIA (Mẫu số 04)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÂN BỔ THU NHẬP, THUẾ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

Quốc gia	Doanh thu			Lợi nhuận trước thuế	Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Thuế thu nhập đã nộp	Vốn đăng ký	Lợi nhuận lũy kế	Số lượng nhân viên	Tài sản hữu hình ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền
	Bên độc lập	Bên liên kết	Tổng							
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

MỤC II. DANH MỤC CÁC CÔNG TY CON CỦA TẬP ĐOÀN THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

Tên tập đoàn đa quốc gia:																
Quốc gia	Các công ty là đối tượng cư trú ở nước sở tại	Quốc gia hoặc lãnh thổ đăng ký kinh doanh nếu khác với quốc gia hoặc lãnh thổ cư trú thuế	Các hoạt động kinh doanh													
			Nghiên cứu và phát triển	Nắm giữ hoặc quản lý tài sản trí tuệ	Mua hàng	Chế tạo hoặc sản xuất	Bán hàng, tiếp thị hoặc phân phối	Điều hành, quản lý và các dịch vụ hỗ trợ	Cung cấp dịch vụ cho các bên không liên quan	Tài chính nội bộ tập đoàn	Các dịch vụ tài chính theo quy định	Bảo hiểm	Nắm giữ cổ phần hoặc các công cụ vốn khác	Công ty không hoạt động	Khác
			☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	

MỤC I: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÂN BỔ THU NHẬP, THUẾ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

- UD cho phép thêm dòng (F5) và xóa dòng (F6)
- Các chỉ tiêu NSD tự nhập:
  + Quốc gia: cho phép chọn trong danh mục quốc gia
  + Doanh thu "Bên độc lập", "Bên liên kết": Nhập số >= 0
  + Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận lũy kế: Nhập âm dương, tối đa 15 ký tự
  + Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Thuế thu nhập đã nộp, Vốn đăng ký, Số lượng nhân viên, Tài sản hữu hình ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền: Nhập >=0, tối đa 15 ký tự
- Các chi tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
  + Doanh thu "Tổng" = bên độc lập + bên liên kết

MỤC II: DANH MỤC CÁC CÔNG TY CON CỦA TẬP ĐOÀN THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

- UD cho phép thêm dòng (F5) và xóa dòng (F6)
- Cho phép check chọn nhiều hoạt động kinh doanh
- Nhập chi tiết:
  + Quốc gia: cho phép chọn trong danh mục
  + Các công ty là đối tượng cư trú ở nước sở tại: Nhập text, tối đa 200 ký tự
  + Quốc gia hoặc lãnh thổ đăng ký kinh doanh nếu khác với quốc gia hoặc lãnh thổ cư trú thuế: cho phép chọn trong danh mục
  + Các hoạt động kinh doanh: cho phép check chọn nhiều hoạt động kinh doanh dưới đây:
    - Nghiên cứu và phát triển
    - Nắm giữ hoặc quản lý tài sản trí tuệ
    - Mua hàng: checkbox
    - Chế tạo hoặc sản xuất
    - Bán hàng, tiếp thị hoặc phân phối
    - Điều hành, quản lý và các dịch vụ hỗ trợ
    - Cung cấp dịch vụ cho các bên không liên quan
    - Tài chính nội bộ tập đoàn
    - Các dịch vụ tài chính theo quy định
    - Bảo hiểm: checkbox
    - Nắm giữ cổ phần hoặc các công cụ vốn khác
    - Công ty không hoạt động
  + Khác: Nhập text, tối đa 200 ký tự

3.4.2.1.21 Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15

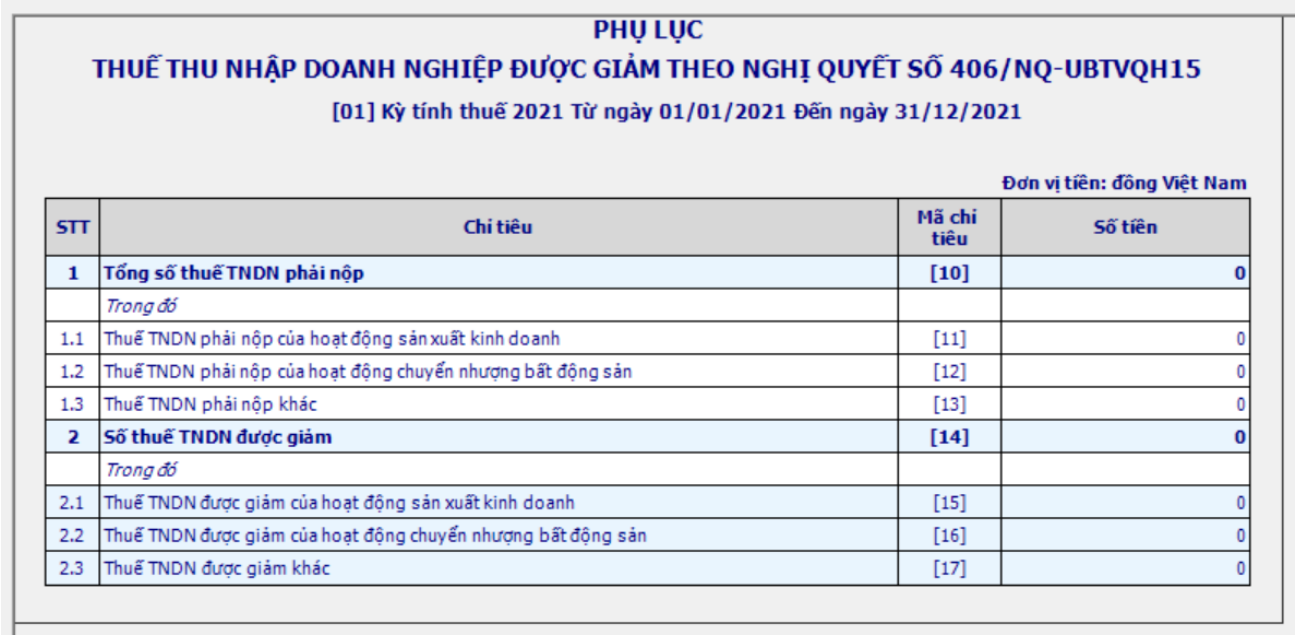

PHỤ LỤC

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC GIẢM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 406/NQ-UBTVQH15

[01] Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	**Tổng số thuế TNDN phải nộp**	**[10]**	**0**
	Trong đó		
1.1	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh	[11]	0
1.2	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[12]	0
1.3	Thuế TNDN phải nộp khác	[13]	0
2	**Số thuế TNDN được giảm**	**[14]**	**0**
	Trong đó		
2.1	Thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất kinh doanh	[15]	0
2.2	Thuế TNDN được giảm của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	[16]	0
2.3	Thuế TNDN được giảm khác	[17]	0

- Ứng dụng cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế = 2021
- Nếu số tháng Quyết toán <= 12 tháng: Kiểm tra chỉ tiêu [04] trên 03-1A - chỉ tiêu [06] trên 03-1A + chỉ tiêu [04] trên 03-1B + chỉ tiêu [20] trên 03-1C >200 tỷ thì không cho phép kê khai phụ lục giảm thuế theo NĐ 92, báo đỏ "NNT có doanh thu > 200 tỷ không thuộc đối tượng giảm thuế"
- Nếu số tháng Quyết toán > 12 tháng: Kiểm tra (Chỉ tiêu [04] trên 03-1A - chỉ tiêu [06] trên 03-1A + chỉ tiêu [04] trên 03-1B + chỉ tiêu [20] trên 03-1C)/số tháng quyết toán *12 >200 tỷ thì không cho phép kê khai phụ lục giảm thuế theo NĐ 92, báo đỏ "NNT có doanh thu > 200 tỷ không thuộc đối tượng giảm thuế"
- ***Các chỉ tiêu cho phép nhập:***
  + Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh [11]: Nhập số nguyên >=0
  + Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản [12]: Nhập số nguyên >=0
  + Thuế TNDN phải nộp khác [13]: Nhập số nguyên >=0
- ***Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính, không cho sửa:***
  + Tổng số thuế TNDN phải nộp [10] = [11] + [12] + [13]
  + Số thuế TNDN được giảm [14] = [15]+[16]+[17]
  + Thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất, kinh doanh [15] = chỉ tiêu [11] *30%
  + Thuế TNDN được giảm của hoạt động chuyển nhượng bất động sản [16] = chỉ tiêu [12] *30%
  + Thuế TNDN được giảm khác [17] = [13] *30%

3.4.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

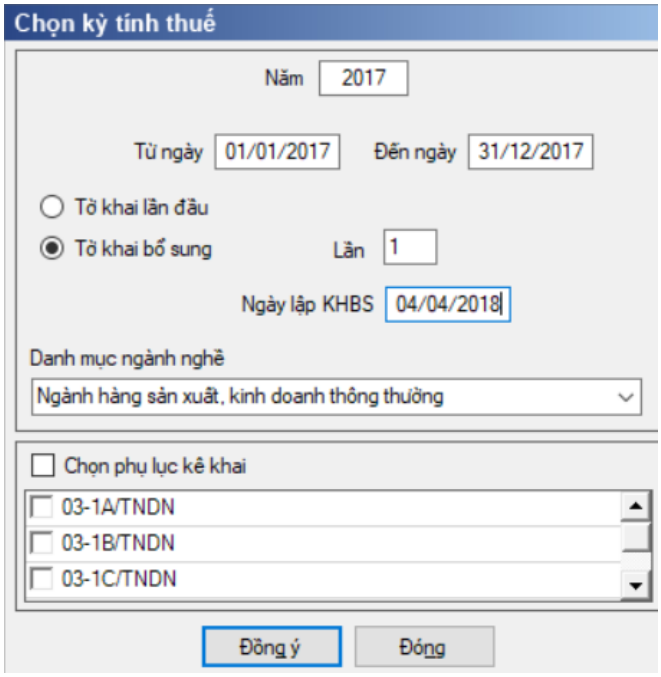

- Việc kê khai tờ khai bổ sung của mẫu 03/TNDN tương tự như tờ 01/GTGT

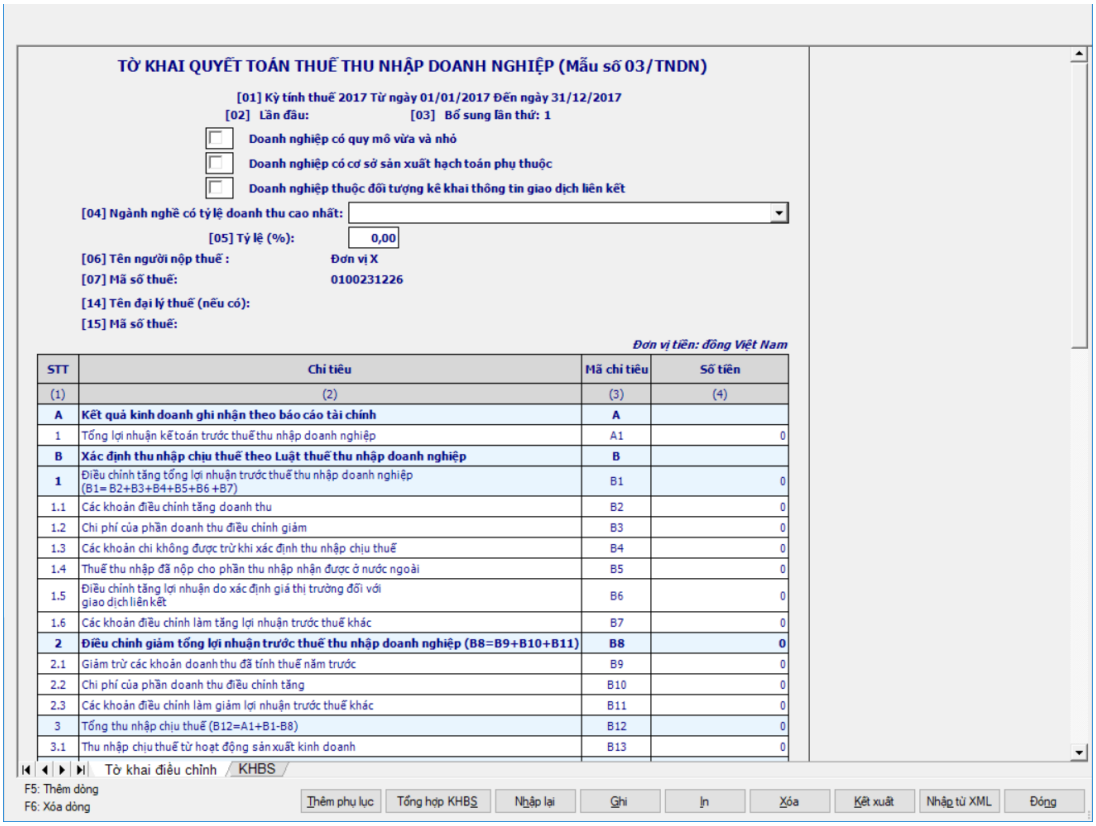

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế 2017 Từ ngày 01/01/2017 Đến ngày 31/12/2017
[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ
Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc
Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:
[05] Tỷ lệ (%): 0,00
[06] Tên người nộp thuế : Đơn vị X
[07] Mã số thuế: 0100231226
[14] Tên đại lý thuế (nếu có):
[15] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính**	**A**	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	0
B	**Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**	**B**	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6 +B7)	B1	0
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	0
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	0
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	0
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	0
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	0
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	0
2	**Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11)**	**B8**	**0**
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	0
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12=A1+B1-B8)	B12	0
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	0

Tờ khai điều chỉnh | KHBS
F5: Thêm dòng
F6: Xóa dòng
Thêm phụ lục | Tổng hợp KHBS | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Nhập từ XML | Đóng

3.4.3 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp - 04/TNDN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK thuế thu nhập doanh nghiệp (04/TNDN)(TT80/2021)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:

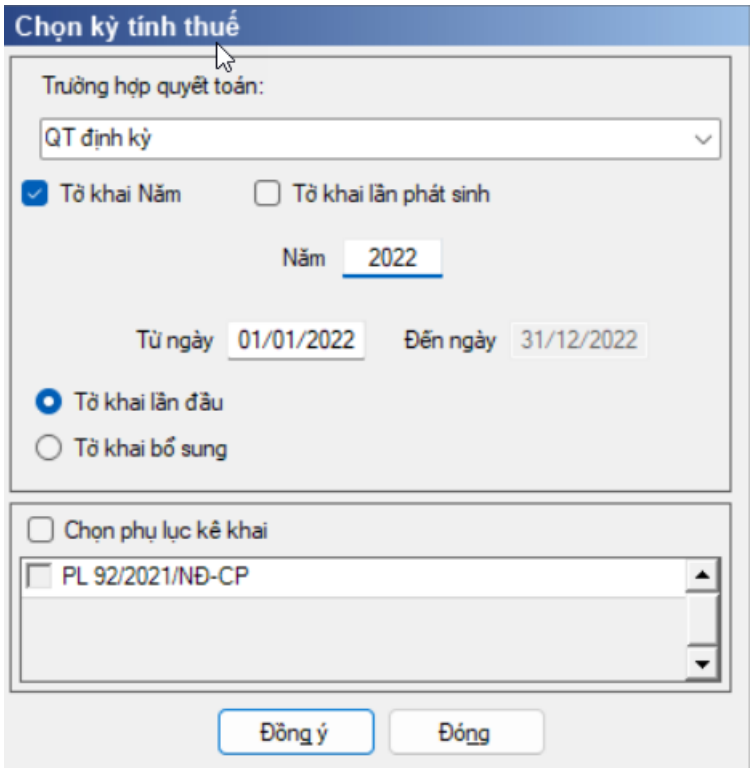

- Trường hợp quyết toán: Chọn 1 trong các trường hợp quyết toán
  + QT định kỳ (Mã 01)
  + Tổ chức lại doanh nghiệp (mã 02)
  + Chuyển đổi loại hình (đối với trường hợp CPH DNNN) (mã 03)
  + Chuyển đổi kỳ tài chính (mã 04)
  + Giải thể, phá sản (mã 05)
  + Chấm dứt hoạt động (mã 06)
- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm

+ Kỳ tính thuế theo năm: Mặc định năm hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn năm hiện tại.

+ Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến: Kỳ quyết toán từ mặc định là ngày bắt đầu năm tài chính của năm quyết toán. Kỳ quyết toán đến mặc định là ngày kết thúc năm tài chính của năm quyết toán. NSD có thể thay đổi thông tin về kỳ quyết toán theo nguyên tắc sau:

- Cho phép sửa Kỳ quyết toán đến trừ trường hợp "QT định kỳ"
- Kỳ quyết toán từ hoặc kỳ quyết toán đến phải thuộc Kỳ tính thuế

- Khoảng cách từ ngày và đến ngày không vượt quá 15 tháng.
- Trường năm phải lớn hơn năm 2021.
- Kiểm tra Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến không được lớn hơn kỳ tính thuế có ngày hiện tại
- Không giao ngày với Kỳ quyết toán từ/ đến của TK quyết toán kỳ trước

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 04/TNDN
- Hạn nộp tờ khai:

+ Nếu trường hợp quyết toán là "QT định kỳ" hoặc " Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là Ngày cuối cùng của Quý sau Tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

+ Nếu trường hợp quyết toán khác "QT định kỳ" và 'Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là (Kỳ quyết toán đến + 45 ngày – 1), dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

3.4.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 04/TNDN)

(Áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu)

[01] Kỳ tính thuế: [X] Năm: 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ

Trường hợp quyết toán: QT định kỳ

[04] Tên người nộp thuế: Dữ liệu Demo

[05] Mã số thuế : 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): AAAA

[07] Mã số thuế: 2300125123

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp	[11]	0
1.1	Hoạt động dịch vụ	[12]	0
1.2	Hoạt động kinh doanh hàng hóa	[13]	0
1.3	Hoạt động khác	[14]	0
2	Tỷ lệ tính thuế TNDN	[15]	0
2.1	Hoạt động dịch vụ (%)	[16]	
2.2	Hoạt động kinh doanh hàng hóa (%)	[17]	1
2.3	Hoạt động khác (%)	[18]	2
3	Số thuế TNDN phải nộp [19]=[12]x[16]+[13]x[17]+[14]x[18])	[19]	0
4	Số thuế TNDN được miễn, giảm	[20]	0
5	Số thuế TNDN phải nộp sau miễn, giảm ([21]=[19]-[20])	[21]	0
6	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này (nếu có)	[22]	0
7	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm đến thời điểm quyết toán	[23]	0
8	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([24]=[21]-[23])	[24]	0
9	Số thuế TNDN còn phải nộp sau quyết toán ([25]=[21]-[22]-[23])	[25]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: BBB

Chứng chỉ hành nghề số: 1111

Người ký:

Ngày ký: 25/04/2023

- ***Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Chỉ tiêu [12], [13], [14]: Nhập dạng số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [16]: Cho chọn trong danh mục 2% hoặc 5%

+ Chỉ tiêu [17]: mặc định là 1%

+ Chỉ tiêu [18]: mặc định là 2%

+ Chỉ tiêu [20]: Nhập giá trị >=0, tối đa 13 chữ số. Chỉ tiêu [20] <=[19]. Nếu có đính kèm PL NĐ 92 thì chỉ tiêu [20] = chỉ tiêu [14] trên PL NĐ 92

+ Chỉ tiêu [22], [23]: Khóa không kê khai chỉ tiêu này đối với tờ khai lần phát sinh, Đối với tờ khai năm cho nhập số >=0

- ***Các chỉ tiêu tính toán:***

+ Chỉ tiêu [11] = [12]+[13]+[14].

+ Chỉ tiêu [19] = [12]x[16] + [13]x [17] + [14] x [18]

+ Chỉ tiêu [21] = [19]-[20]

+ Chỉ tiêu [24]: Khóa không kê khai chỉ tiêu này đối với tờ khai lần phát sinh, đối với tờ khai năm: UD tính theo công thức ([24]=[21]-[23]), có thể âm.

+ Chỉ tiêu [25]: Khóa không kê khai chỉ tiêu này đối với tờ khai lần phát sinh, đối với tờ khai năm: UD tính theo công thức ([25]=[21]-[22]-[23]), có thể âm.

3.4.3.1.1 Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15

- Ứng dụng cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế = 2021
- Kiểm tra: Chỉ tiêu [14] "Số thuế TNDN được giảm" trên phụ lục = chỉ tiêu [20] "Số thuế TNDN được miễn, giảm" trên tờ khai. Cảnh báo vàng nếu không thỏa mãn
- Nếu số tháng Quyết toán <= 12 tháng: Kiểm tra Tổng (chỉ tiêu [12] Doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động dịch vụ + chỉ tiêu [13] Doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa) trên TK 04/TNDN >200 tỷ thì không cho phép kê khai phụ lục giảm thuế theo Luật số 38/2019/QH14, báo đỏ "NNT có doanh thu > 200 tỷ không thuộc đối tượng giảm thuế"
- Nếu số tháng Quyết toán > 12 tháng: Kiểm tra [Tổng chỉ tiêu [12] Doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động dịch vụ + chỉ tiêu [13] Doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa trên tờ khai/số tháng] * 12 >200 tỷ thì không cho phép kê khai phụ lục giảm thuế theo Luật số 38/2019/QH14, báo đỏ "NNT có doanh thu > 200 tỷ không thuộc đối tượng giảm thuế"
- ***Các chỉ tiêu cho phép nhập:***

+ Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh [11]: Nhập số nguyên >=0

+ Thuế TNDN phải nộp khác [13]: Nhập số nguyên >=0

- ***Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính, không cho sửa:***

+ Tổng số thuế TNDN phải nộp [10] = [11] + [12] + [13] trên tờ khai 04/TNDN

+ Số thuế TNDN được giảm [14] = [15]+[16]+[17]

+ Thuế TNDN được giảm của hoạt động sản xuất, kinh doanh [15] = chỉ tiêu [11] *30%

+ Thuế TNDN được giảm của hoạt động chuyển nhượng bất động sản [16] = chỉ tiêu [12] *30%

+ Thuế TNDN được giảm khác [17] = [13] *30%

3.4.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

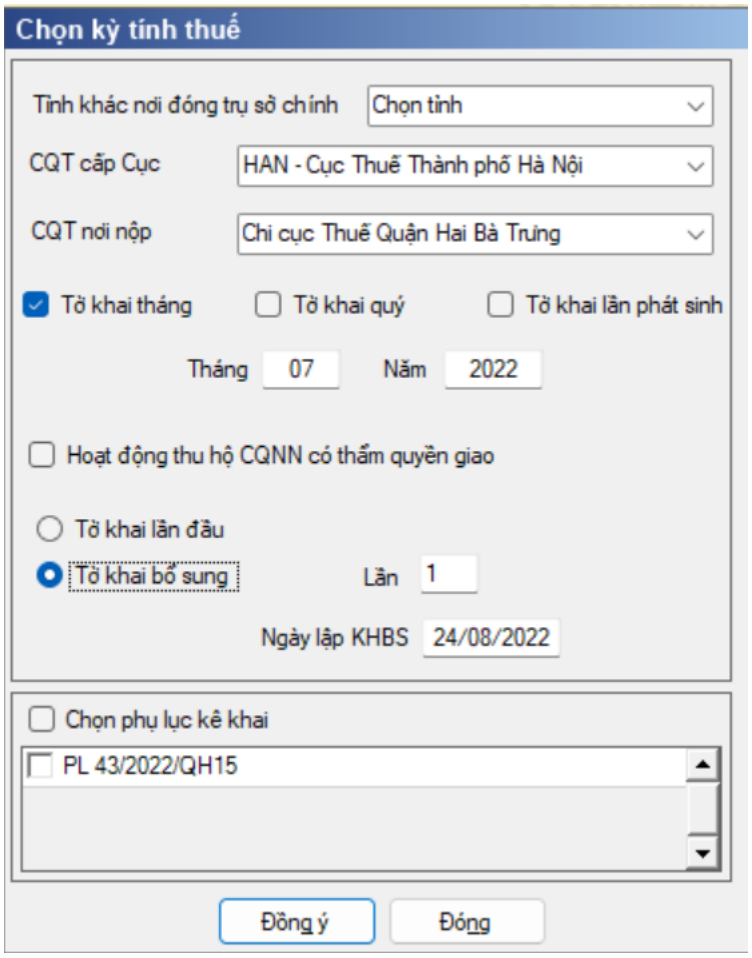

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

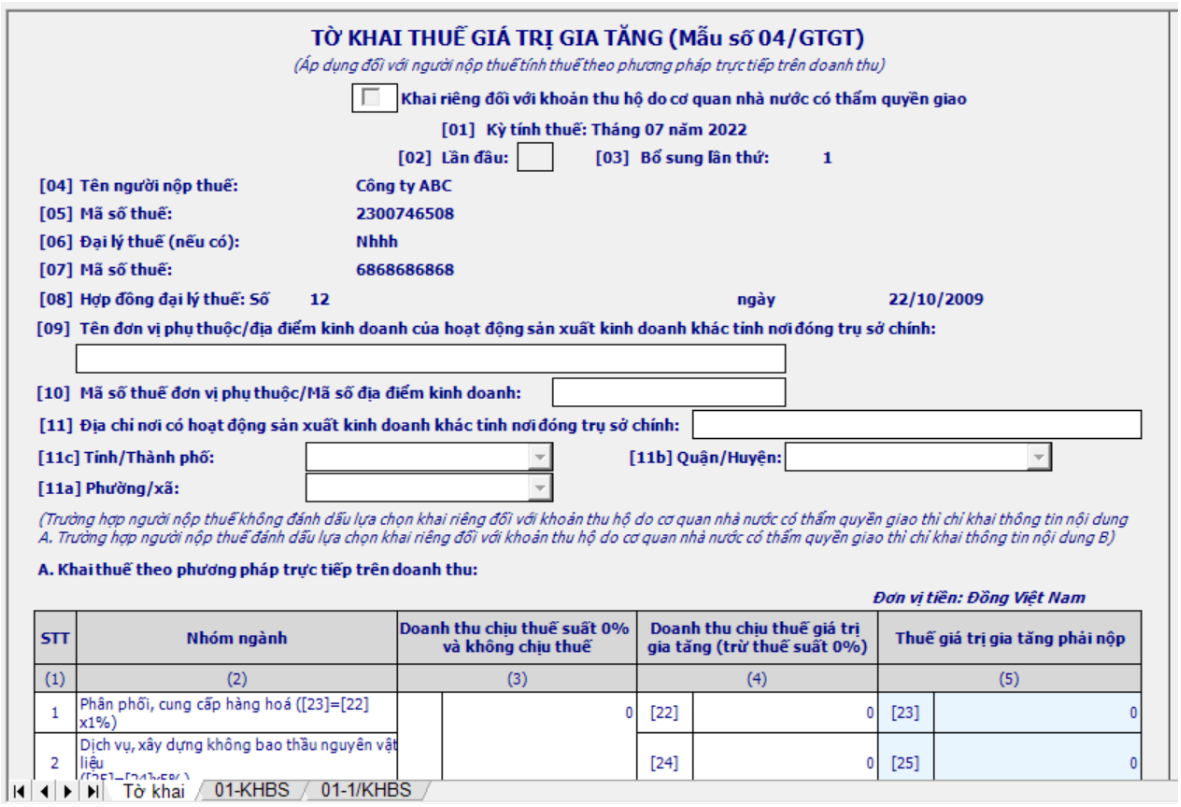

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 04/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu)

☐ Khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11c] Tỉnh/Thành phố: [11b] Quận/Huyện:

[11a] Phường/xã:

(Trường hợp người nộp thuế không đánh dấu lựa chọn khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì chỉ khai thông tin nội dung A. Trường hợp người nộp thuế đánh dấu lựa chọn khai riêng đối với khoản thu hộ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thì chỉ khai thông tin nội dung B)

A. Khai thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành	Doanh thu chịu thuế suất 0% và không chịu thuế		Doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng (trừ thuế suất 0%)		Thuế giá trị gia tăng phải nộp	
(1)	(2)	(3)		(4)		(5)	
1	Phân phối, cung cấp hàng hoá ([23]=[22] x1%)		0	[22]	0	[23]	0
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu			[24]	0	[25]	0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.4.4 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho thu nhập từ chuyển nhượng vốn - 05/TNDN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK thuế thu nhập doanh nghiệp (05/TNDN)(TT80/2021)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:

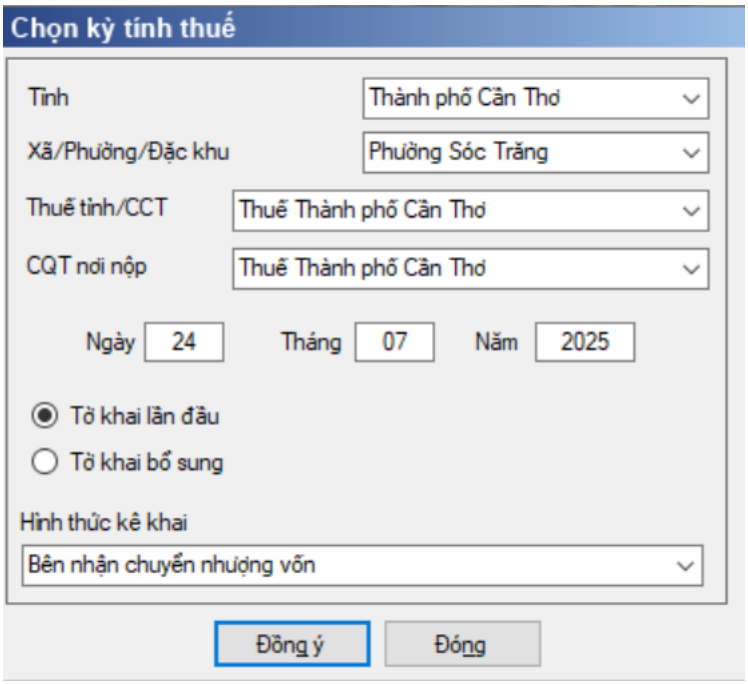

3.4.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, loại tờ khai. Sau đó nhấn nút "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 05/TNDN.

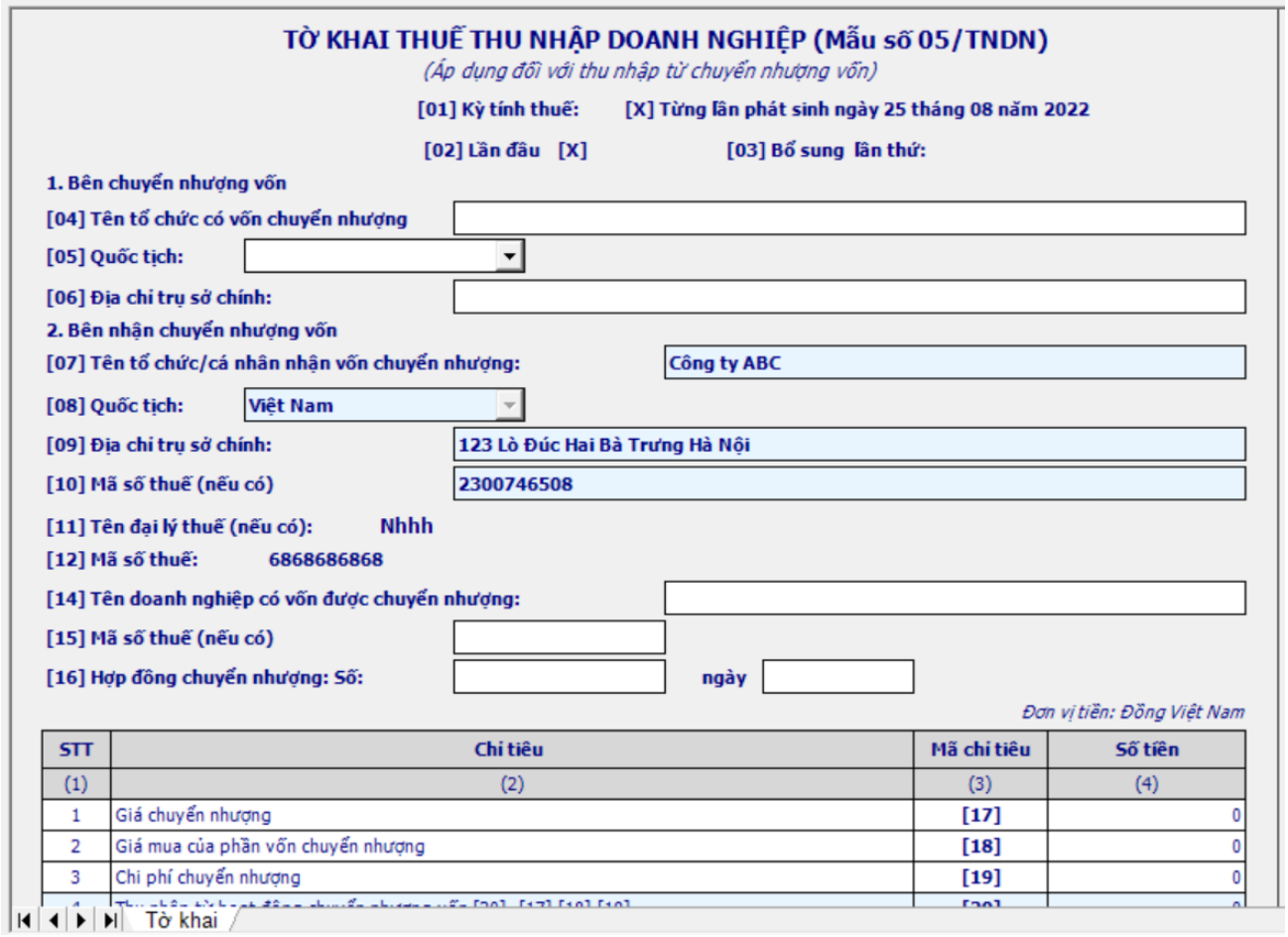

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 05/TNDN)

(Áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn)

[01] Kỳ tính thuế: [X] Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên tổ chức có vốn chuyển nhượng

[05] Quốc tịch:

[06] Địa chỉ trụ sở chính:

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[07] Tên tổ chức/cá nhân nhận vốn chuyển nhượng: Công ty ABC

[08] Quốc tịch: Việt Nam

[09] Địa chỉ trụ sở chính: 123 Lò Đúc Hai Bà Trưng Hà Nội

[10] Mã số thuế (nếu có) 2300746508

[11] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[12] Mã số thuế: 6868686868

[14] Tên doanh nghiệp có vốn được chuyển nhượng:

[15] Mã số thuế (nếu có)

[16] Hợp đồng chuyển nhượng: Số: ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giá chuyển nhượng	[17]	0
2	Giá mua của phần vốn chuyển nhượng	[18]	0
3	Chi phí chuyển nhượng	[19]	0

Tờ khai

– ***Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Chỉ tiêu [17], [18], [19]: Nhập dạng số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [21]: mặc định là 20%

+ Chỉ tiêu [23]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, 0 <= [23] <= [22]

– ***Các chỉ tiêu tính toán:***

+ Chỉ tiêu [20] = [17]-[18]-[19], có thể âm, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [22] = [20]x[21], có giá trị nếu [20] >= 0, nếu [20] < 0 thì [22] = 0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [24] = [22]-[23], không cho sửa

3.4.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

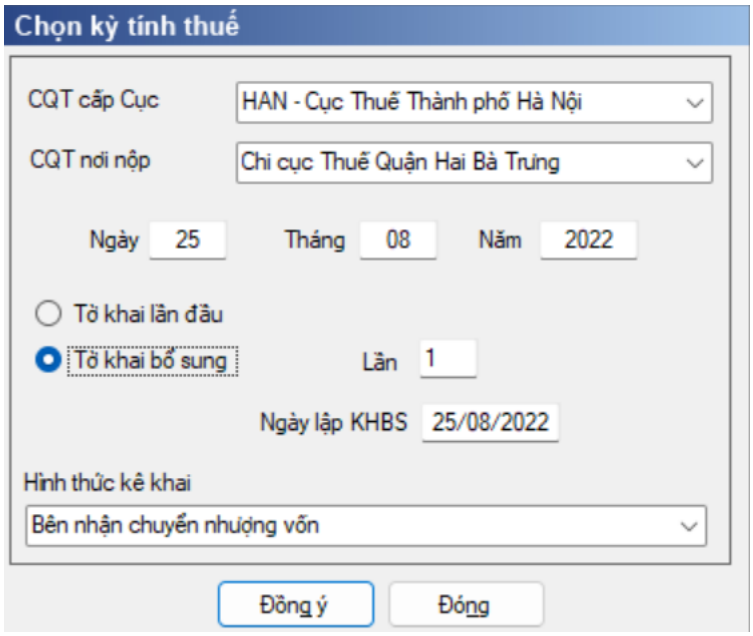

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

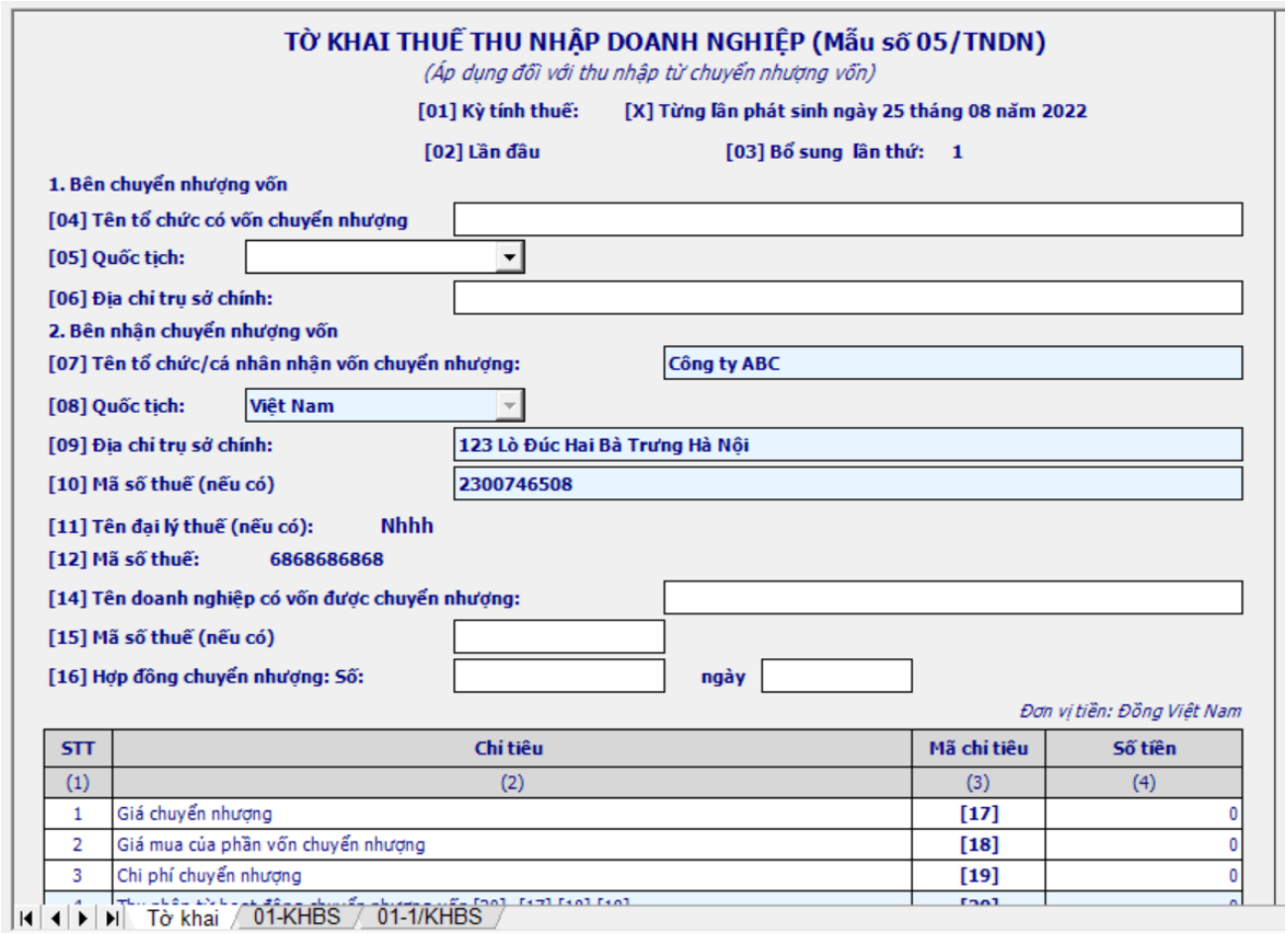

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai

như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.4.5 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp - 06/TNDN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK thuế thu nhập doanh nghiệp (06/TNDN) (TT80/2021)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:

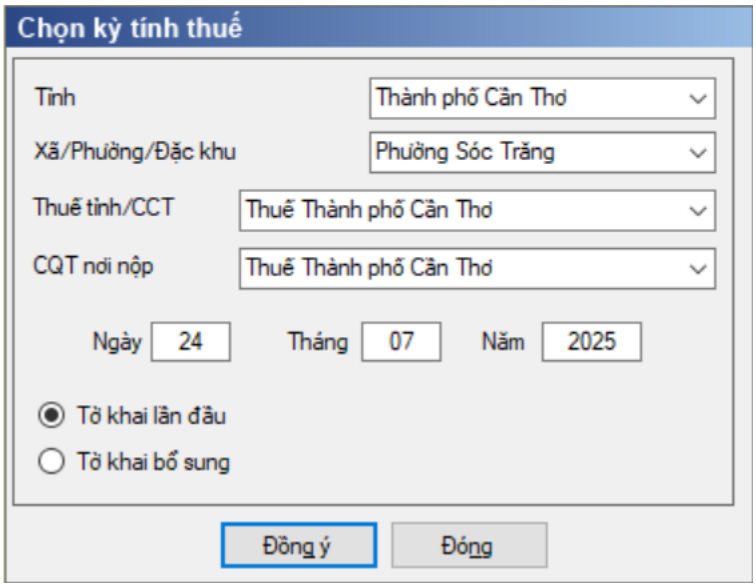

3.4.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, loại tờ khai. Sau đó nhấn nút "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 06/TNDN.

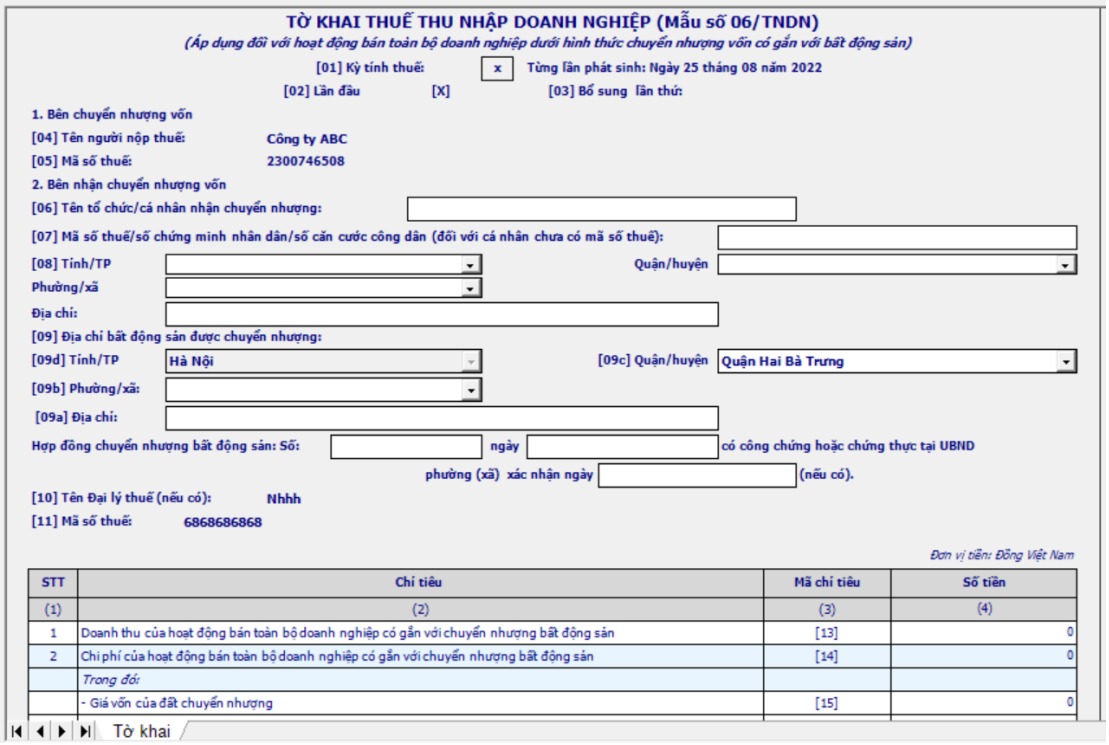

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 06/TNDN)

(Áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: [x] Từng lần phát sinh: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:

[07] Mã số thuế/số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân (đối với cá nhân chưa có mã số thuế):

[08] Tỉnh/TP Quận/huyện

Phường/xã

Địa chỉ:

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng:

[09d] Tỉnh/TP Hà Nội [09c] Quận/huyện Quận Hai Bà Trưng

[09b] Phường/xã:

[09a] Địa chỉ:

Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày (nếu có).

[10] Tên Đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[11] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[13]	0
2	Chi phí của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[14]	0
	Trong đó:		
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	0

Tờ khai

- ***Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Chỉ tiêu [13], [15], [16], [17], [18], [19], [20]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu [22]: khóa không cho nhập

+ Chỉ tiêu [23]: mặc định [23] = [21], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [24]: mặc định là 20%, không cho sửa

- ***Các chỉ tiêu tính toán:***

+ Chỉ tiêu [14] = [15] + [16] + [17] + [18] + [19] + [20]

+ Chỉ tiêu [21]= [13] - [14] , có thể âm, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [25]= [23] x [24], nếu [25] < 0 thì set = 0, không cho sửa

3.4.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

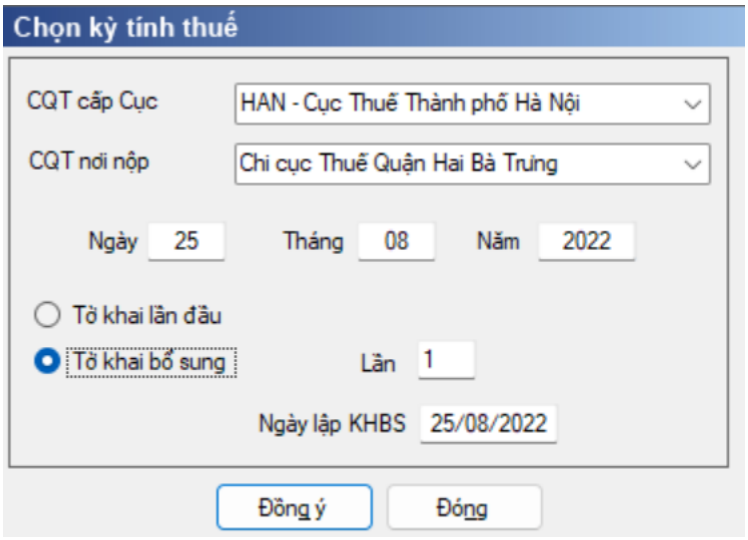

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

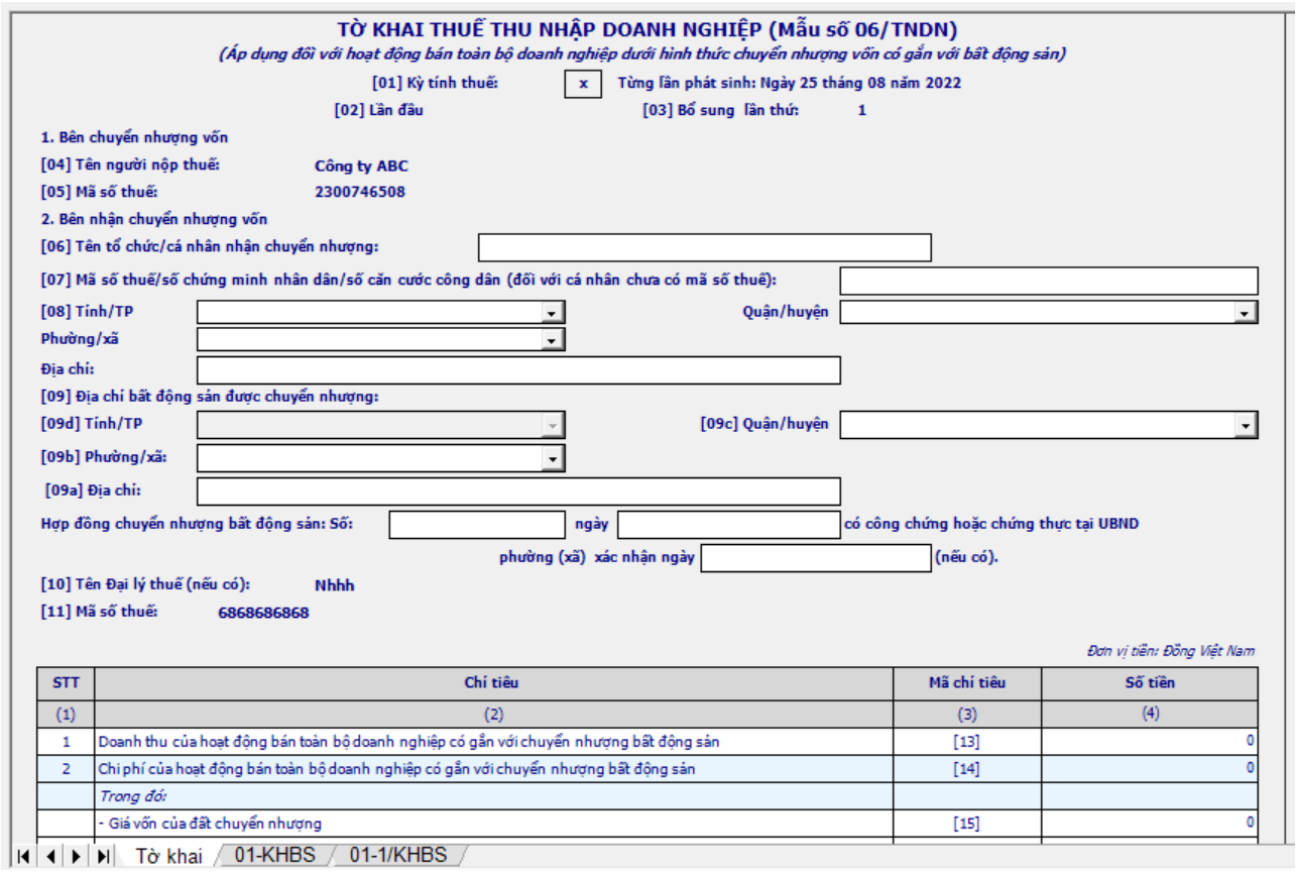

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 06/TNDN)

(Áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: x Từng lần phát sinh: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

1. Bên chuyển nhượng vốn

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

2. Bên nhận chuyển nhượng vốn

[06] Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng:

[07] Mã số thuế/số chứng minh nhân dân/số căn cước công dân (đối với cá nhân chưa có mã số thuế):

[08] Tỉnh/TP Quận/huyện

Phường/xã

Địa chỉ:

[09] Địa chỉ bất động sản được chuyển nhượng:

[09d] Tỉnh/TP [09c] Quận/huyện

[09b] Phường/xã:

[09a] Địa chỉ:

Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số: ngày có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày (nếu có).

[10] Tên Đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[11] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[13]	0
2	Chi phí của hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp có gắn với chuyển nhượng bất động sản	[14]	0
	Trong đó:		
	- Giá vốn của đất chuyển nhượng	[15]	0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Thu nhập cá nhân

3.5.1 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/KK-TNCN (đáp ứng thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "02/KK-TNCN Tờ khai cho cá nhân khai trực tiếp (TT80/2021).

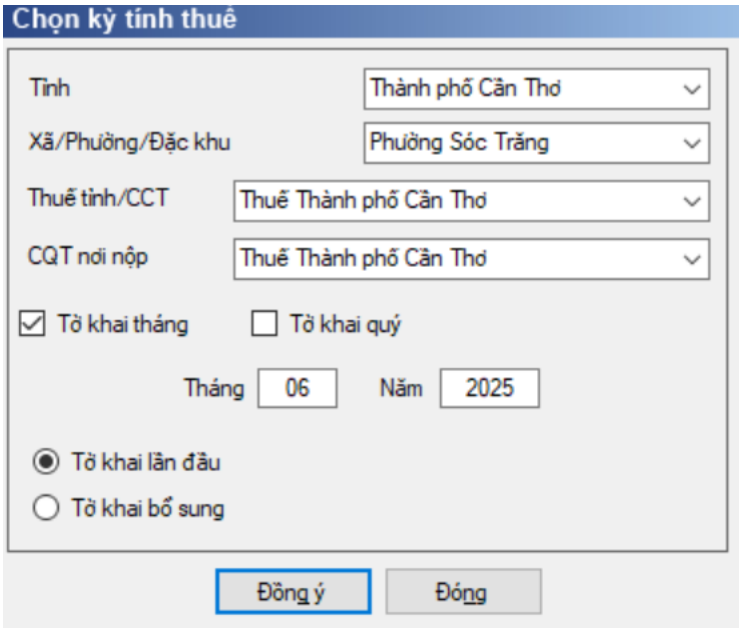

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Hiệu lực tờ khai: Tờ khai kỳ tính thuế tháng từ tháng 1/2022, tờ khai kỳ tính thuế quý từ quý 1/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai:

- Tờ khai NNT kê khai tổ chức trả thu nhập chỉ tiêu [13] => CQT nộp tờ khai là CQT quản lý trực tiếp của tổ chức trả thu nhập chỉ tiêu [13]
- Tờ khai NNT không kê khai tổ chức trả thu nhập chỉ tiêu [13] => CQT NNT cư trú (bao gồm cả văn phòng cục và Chi cục Thuế - cho phép NNT chọn CQT nộp tờ khai)

=> Ứng dụng HTKK không có thông tin kiểm tra CQT quản lý của chỉ tiêu [13] nên sẽ cho chọn CQT nộp tờ khai => Tờ khai vào TMS sẽ kiểm tra

+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai tháng: Ngày 20 tháng tiếp theo, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
- Tờ khai quý: Ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

+ Các ứng dụng hỗ trợ kê khai đưa cảnh báo trong trường hợp NNT đang kê khai Quý sau đó chuyển sang kê khai kỳ tháng (tháng sau quý đã kê khai) hoặc

ngược lại. Cảnh báo: "Kỳ kê khai khác kiểu kì kê khai của tờ khai gần nhất đã kê khai trong năm"

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 02/KK-TNCN như sau:

3.5.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

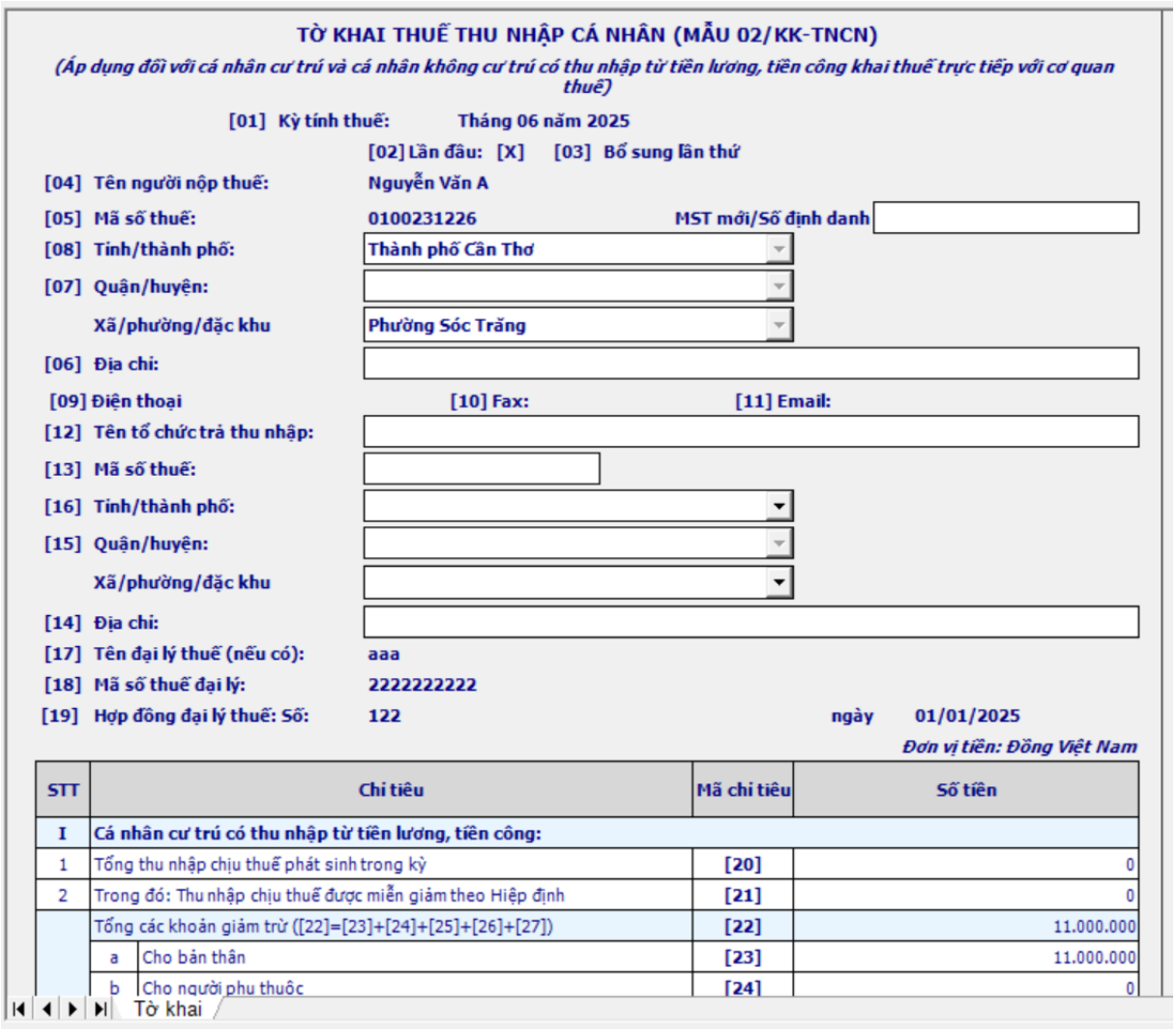

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (MẪU 02/KK-TNCN)

(Áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 06 năm 2025

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 0100231226 MST mới/Số định danh

[08] Tỉnh/thành phố: Thành phố Cần Thơ

[07] Quận/huyện:

Xã/phường/đặc khu: Phường Sóc Trăng

[06] Địa chỉ:

[09] Điện thoại [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên tổ chức trả thu nhập:

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/thành phố:

[15] Quận/huyện:

Xã/phường/đặc khu

[14] Địa chỉ:

[17] Tên đại lý thuế (nếu có): aaa

[18] Mã số thuế đại lý: 2222222222

[19] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 122 ngày 01/01/2025

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:		
1	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	[20]	0
2	Trong đó: Thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Hiệp định	[21]	0
	Tổng các khoản giảm trừ ([22]=[23]+[24]+[25]+[26]+[27])	[22]	11.000.000
	a Cho bản thân	[23]	11.000.000
	b Cho người phụ thuộc	[24]	0

Tờ khai

Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- MST mới/số định danh:

+ Nếu cá nhân là người Việt Nam thì bắt buộc nhập mã định danh 12 số

+ Nếu cá nhân là người nước ngoài thì nhập MST 10, 13 số (nhập MST đăng nhập hệ thống)

- **I. Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:**

+ Chỉ tiêu [20]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số

+ Chỉ tiêu [21]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [20]

+ Chỉ tiêu [22]] = [23] + [24] + [25] + [26] + [27], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [23] = 11.000.000* [Đến tháng – Từ tháng + 1], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [24]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, Từ Kỳ tính thuế quý 03/2020: Kiểm tra số nhập là bội của 4.400.000

+ Chỉ tiêu [25], [26], [27]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [28] = [20]-[21]-[22] nếu [20]-[21]-[22] >=0, [28] = 0 nếu [20]-[21]-[22] < 0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [29] = (([28]/[Đến tháng – Từ tháng +1]) * thuế suất lũy tiến theo tháng) * [Đến tháng – Từ tháng +1], không cho sửa

- **II. Cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:**

+ Chỉ tiêu [30]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [31]: không cho sửa, mặc định là 20%

+ Chỉ tiêu [32] = [30]x[31], không cho sửa

3.5.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

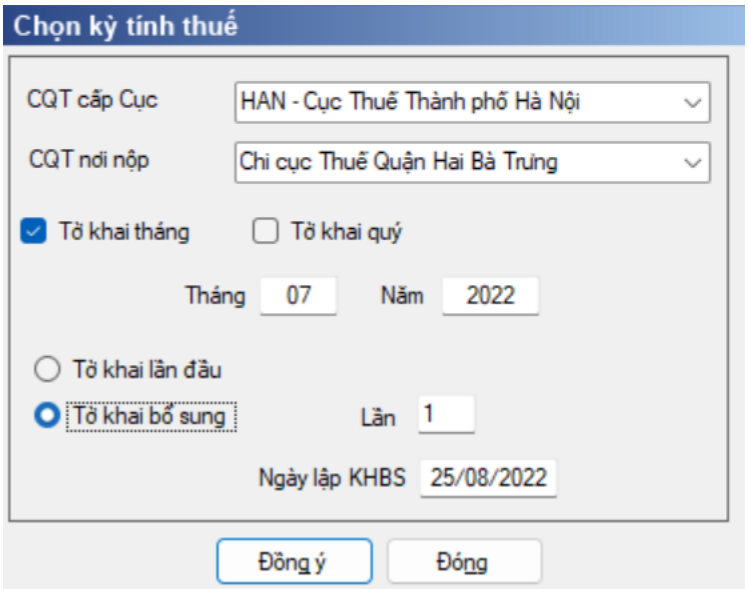

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

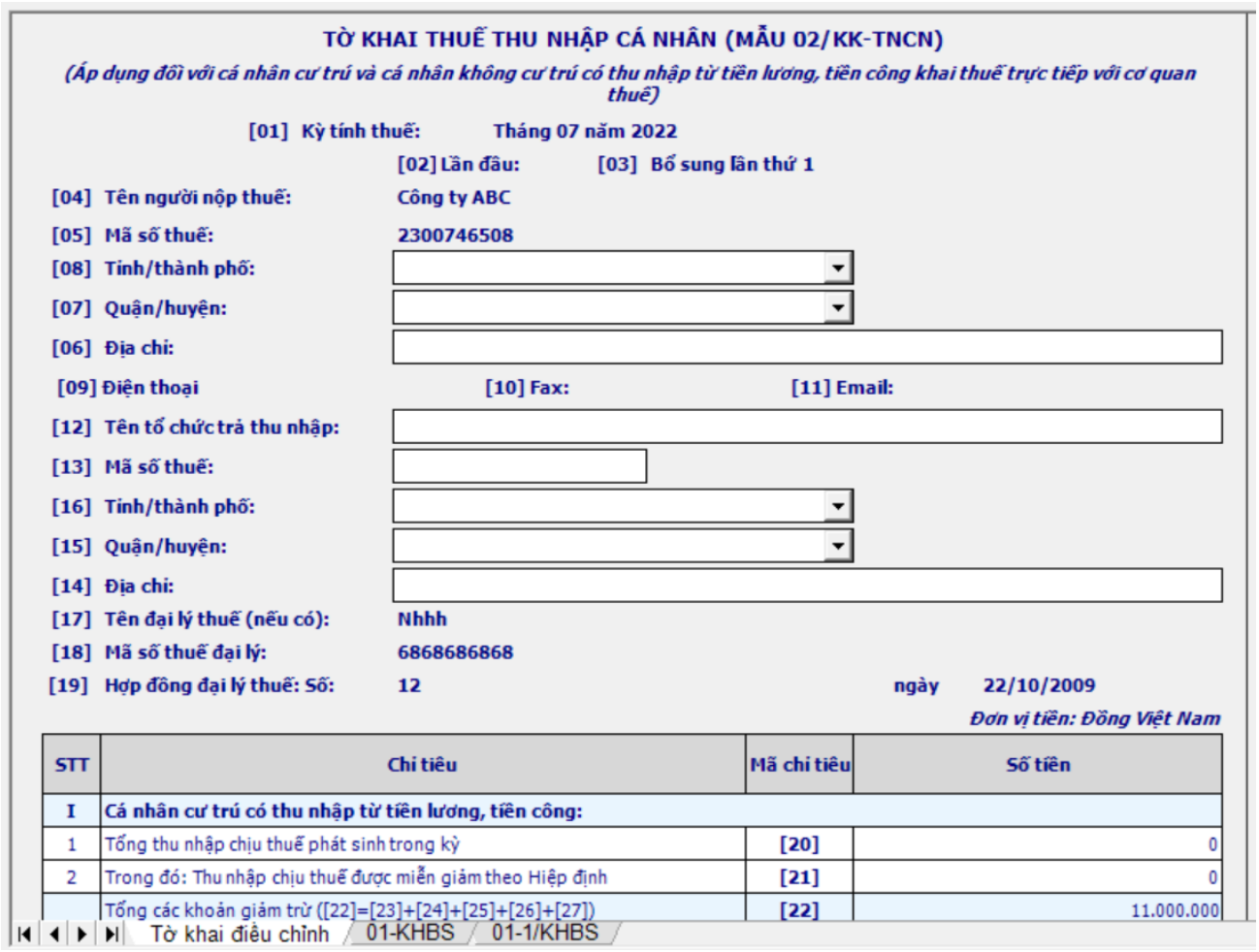

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (MẪU 02/KK-TNCN)

(Áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[08] Tỉnh/thành phố:

[07] Quận/huyện:

[06] Địa chỉ:

[09] Điện thoại [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên tổ chức trả thu nhập:

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/thành phố:

[15] Quận/huyện:

[14] Địa chỉ:

[17] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[18] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[19] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công:		
1	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	[20]	0
2	Trong đó: Thu nhập chịu thuế được miễn giảm theo Hiệp định	[21]	0
	Tổng các khoản giảm trừ ([22]=[23]+[24]+[25]+[26]+[27])	[22]	11.000.000

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.2 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (04/CNV-TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "04/CNV-TNCN Tờ khai cho cá nhân chuyển nhượng vốn (TT80/2021).

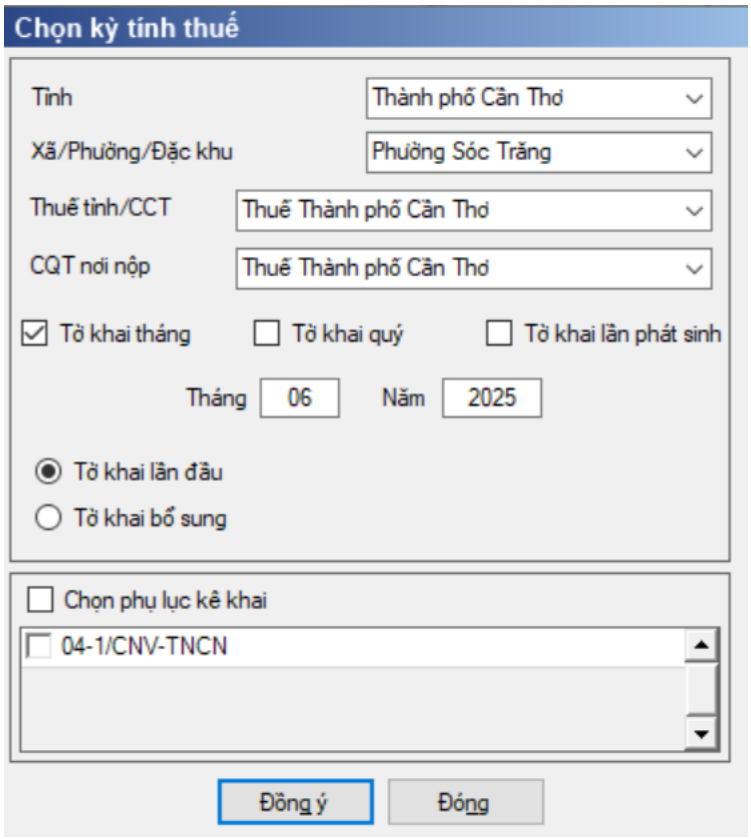

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Hiệu lực tờ khai: Tờ khai lần phát sinh từ ngày 01/01/2022, tờ khai kỳ tính thuế tháng từ tháng 01/2022, tờ khai kỳ tính thuế quý từ quý 1/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai: Ứng dụng HTKK cho phép chọn CQT nộp tờ khai (Tờ khai vào TMS sẽ kiểm tra CQT nộp tờ khai CQT quản lý của MST tổ chức phát hành – MST kê khai tại chỉ tiêu [30])

+ Điều kiện nhập tờ khai:

- Cá nhân kê khai trực tiếp: khai theo lần phát sinh
- Khai thay cho 1 cá nhân: khai theo lần phát sinh
- MST khai thay cho nhiều NNT: khai theo tháng/quý/lần phát sinh

+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
- Tờ khai tháng: ngày thứ 20 của tháng tiếp theo
- Tờ khai quý: ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 04/CNV-TNCN như sau:

3.5.2.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

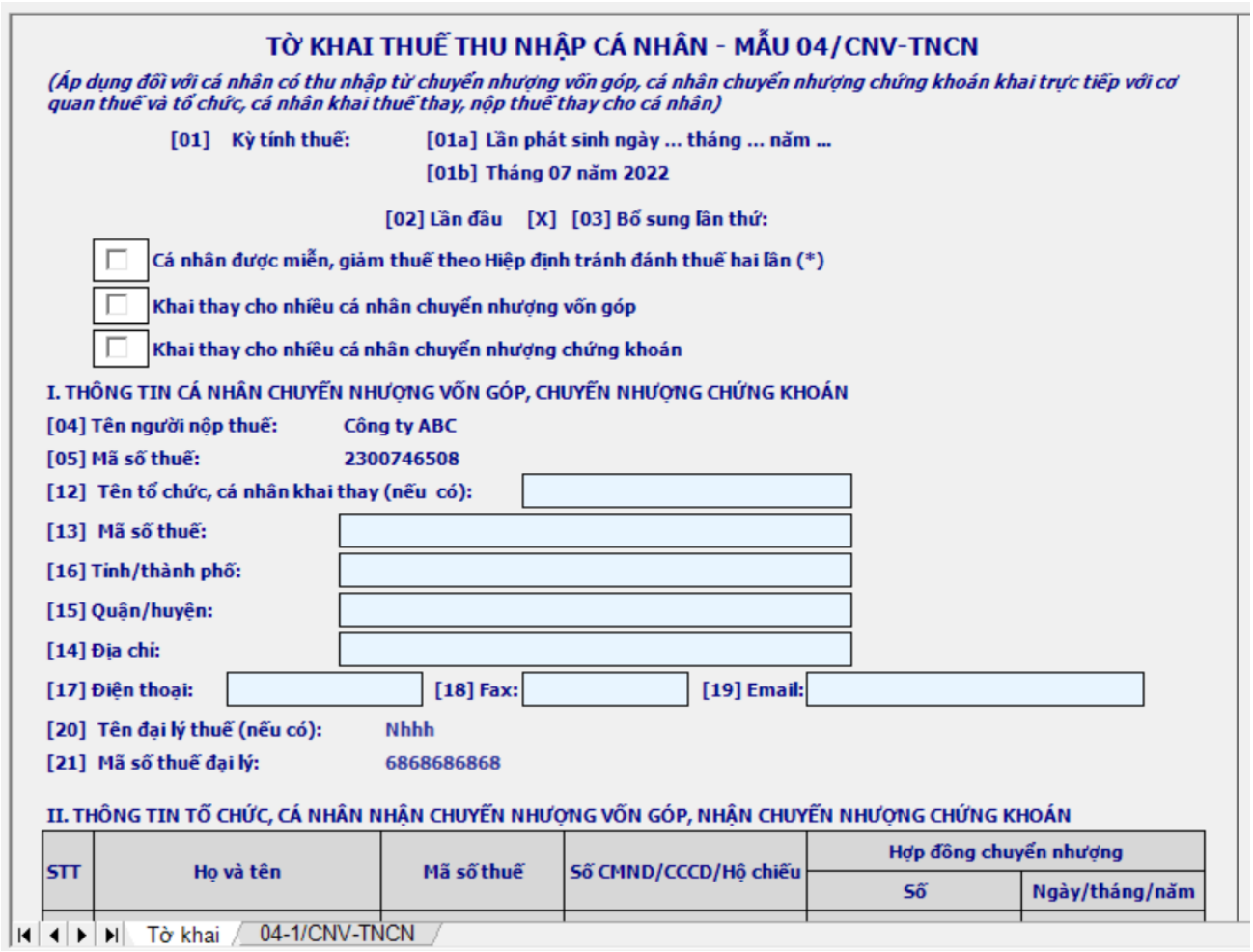

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 04/CNV-TNCN

(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[01b] Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

☐ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp

☐ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/thành phố:

[15] Quận/huyện:

[14] Địa chỉ:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[21] Mã số thuế đại lý: 6868686868

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Hợp đồng chuyển nhượng	
				Số	Ngày/tháng/năm

Tờ khai | 04-1/CNV-TNCN

Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- **II: Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn góp, nhận chuyển nhượng chứng khoán:** Nếu tích chọn "Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp" hoặc "Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán" thì khóa không cho nhập mục này

+ [24] Họ và tên: Nhập họ tên của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn góp, nhận chuyển nhượng chứng khoán

+ [25] Mã số thuế: Nhập MST của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn góp, nhận chuyển nhượng chứng khoán, bắt buộc nhập [25] hoặc [26]

+ [26] Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu: Nhập Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu, bắt buộc nhập [25] hoặc [26]

+ [27] Hợp đồng chuyển nhượng: Số: Nhập kiểu ký tự

+ [28] Hợp đồng chuyển nhượng: Ngày/tháng/năm: Nhập theo đúng định dạng dd/mm/yyyy

- **III: Thông tin tổ chức phát hành chứng khoán hoặc tổ chức nơi cá nhân có vốn góp**

- **IV: Chi tiết tính thuế: Mục I. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp**

+ Chỉ tiêu [37], [38], [39]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [40]= [37]-[38]-[39] nếu [37]-[38]-[39] >0, ngược lại [40] =0

+ Chỉ tiêu [41]= [40] *20%, kiểm tra phải = tổng [19] trên PL, sai khác cảnh báo đỏ, cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [42]: Nhập giá trị >=0, tối đa 13 chữ số, không được lớn hơn chỉ tiêu [41]. Chỉ cho phép kê khai nếu có tích "Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần".

+ Chỉ tiêu [43]= [41] – [42], không cho sửa

- **IV: Chi tiết tính thuế: Mục II. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**

+ Chỉ tiêu [44]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [45] = [44] * 0.1%, cho phép sửa, kiểm tra phải = tổng [40] trên PL, sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [46]: Cho phép nhập số >=0, tối đa 13 chữ số, không được lớn hơn chỉ tiêu [45]. Chỉ cho phép kê khai nếu có tích "Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần".

+ Chỉ tiêu [47] = [45]-[46], không cho sửa

3.5.2.1.1 Bảng kê 04-1/CNV-TNCN: Bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn

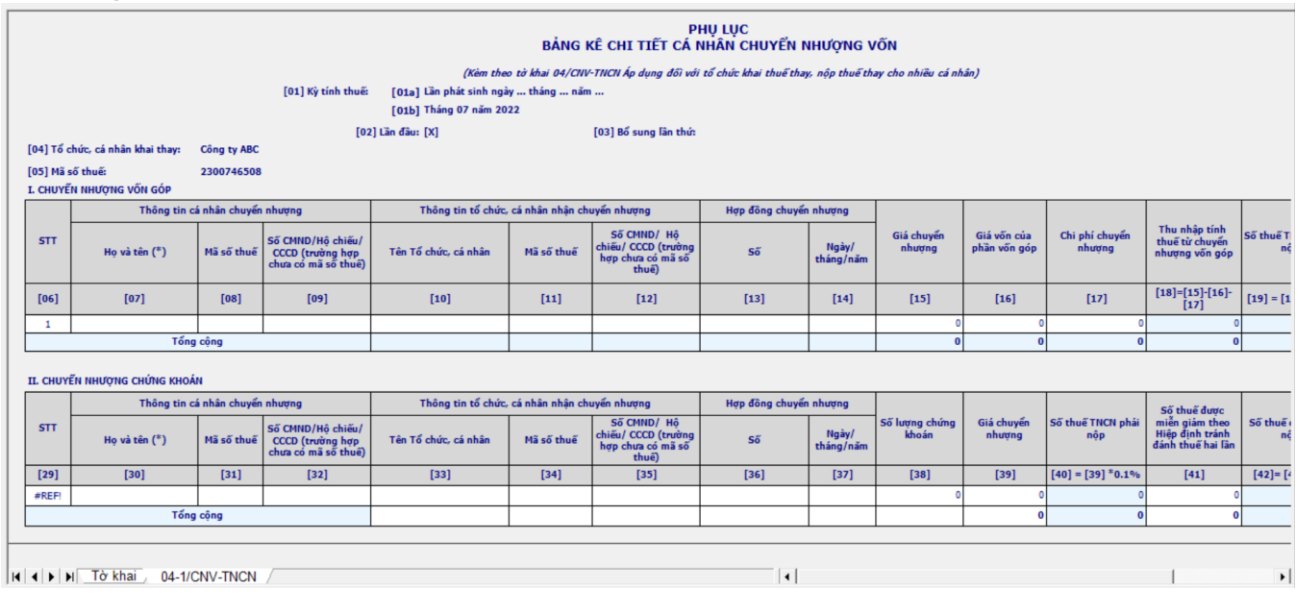

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

(Kèm theo tờ khai 04/CNV-TNCN Áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...
[01b] Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tổ chức, cá nhân khai thay: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508

I. CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP

STT	Thông tin cá nhân chuyển nhượng			Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng			Hợp đồng chuyển nhượng		Giá chuyển nhượng	Giá vốn của phần vốn góp	Chi phí chuyển nhượng	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn góp	Số thuế T nộ
	Họ và tên (*)	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu/ CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tên Tổ chức, cá nhân	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu/ CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Số	Ngày/ tháng/năm					
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]=[15]-[16]-[17]	[19] = [1
1									0	0	0	0	
Tổng cộng									0	0	0	0	

II. CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

STT	Thông tin cá nhân chuyển nhượng			Thông tin tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng			Hợp đồng chuyển nhượng		Số lượng chứng khoán	Giá chuyển nhượng	Số thuế TNCN phải nộp	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	Số thuế nộ
	Họ và tên (*)	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu/ CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tên Tổ chức, cá nhân	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu/ CCCD (trường hợp chưa có mã số thuế)	Số	Ngày/ tháng/năm					
[29]	[30]	[31]	[32]	[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40] = [39] *0.1%	[41]	[42]= [4
#REF!									0	0	0	0	
Tổng cộng										0	0	0	

Tờ khai 04-1/CNV-TNCN

Chi tiết các chỉ tiêu:

I. Chuyển nhượng vốn góp:

- Chỉ tiêu [06]: UD tự động tăng/giảm khi thêm bớt dòng, bắt đầu từ 1
- Chỉ tiêu [07]: NNT tự nhập dạng text
- Chỉ tiêu [08]: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế, bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [09] trống
- Chỉ tiêu [09]: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [08] trống
- Chỉ tiêu [10]: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [11]: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế, bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [12] trống

- Chỉ tiêu [12]: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [08] trống
- Chỉ tiêu [13], [14]: NNT tự nhập
- Chỉ tiêu [15], [16], [17]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu [18] = [15]-[16]-[17] nếu [15]-[16]-[17] >0; ngược lại [18]=0, không cho sửa
- Chỉ tiêu [19] = [18]*20%
- Chỉ tiêu [20]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [19]
- Chỉ tiêu [21] = [19] – [20]
- Dòng Tổng cộng: UD tính tổng các cột: [15] -> [21], không cho sửa

II. Chuyển nhượng chứng khoán:

- Chỉ tiêu [29]: UD tự động tăng/giảm khi thêm bớt dòng, bắt đầu từ 1
- Chỉ tiêu [30]: NNT tự nhập dạng text
- Chỉ tiêu [31]: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế, bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [32] trống
- Chỉ tiêu [32]: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [08] trống
- Chỉ tiêu [33]: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [34]: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế, bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [35] trống
- Chỉ tiêu [35]: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [34] trống
- Chỉ tiêu [36], [37]: NNT tự nhập
- Chỉ tiêu [38], [39]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu [40] = [39]*0.1%
- Chỉ tiêu [42] = [40] – [41], không cho sửa

Ràng buộc thông tin giữa tờ khai và bảng kê:

- Chỉ tiêu [26] (Tổng chỉ tiêu [19] trên bảng kê) = chỉ tiêu [41] trên tờ khai
- Chỉ tiêu [27] (Tổng chỉ tiêu [20] trên bảng kê) = chỉ tiêu [42] trên tờ khai
- Chỉ tiêu [28] (Tổng chỉ tiêu [21] trên bảng kê) = chỉ tiêu [43] trên tờ khai
- Chỉ tiêu [44] (Tổng chỉ tiêu [40] trên bảng kê) = chỉ tiêu [45] trên tờ khai
- Chỉ tiêu [45] (Tổng chỉ tiêu [41] trên bảng kê) = chỉ tiêu [46] trên tờ khai
- Chỉ tiêu [46] (Tổng chỉ tiêu [42] trên bảng kê) = chỉ tiêu [47] trên tờ khai

3.5.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

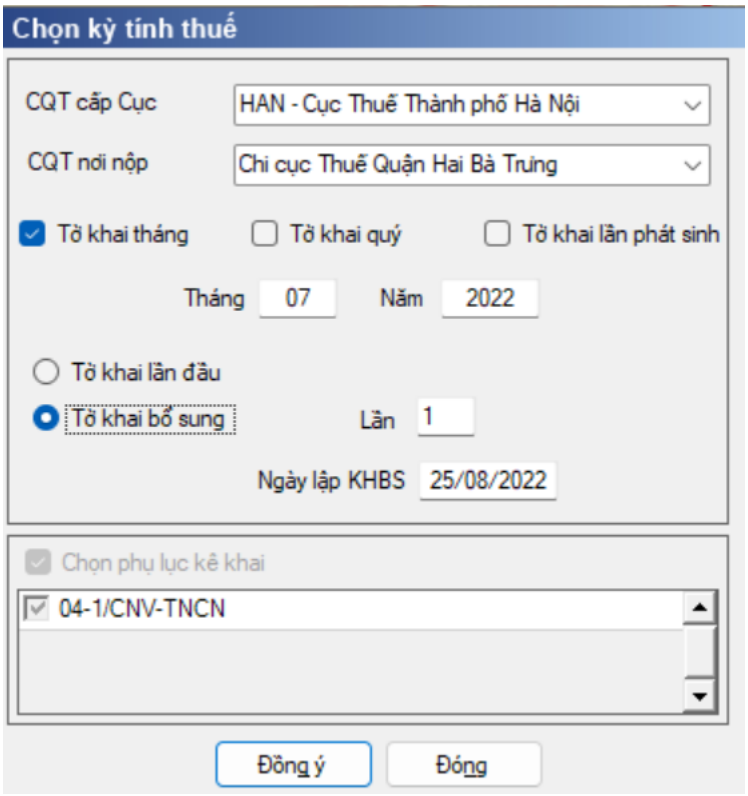

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

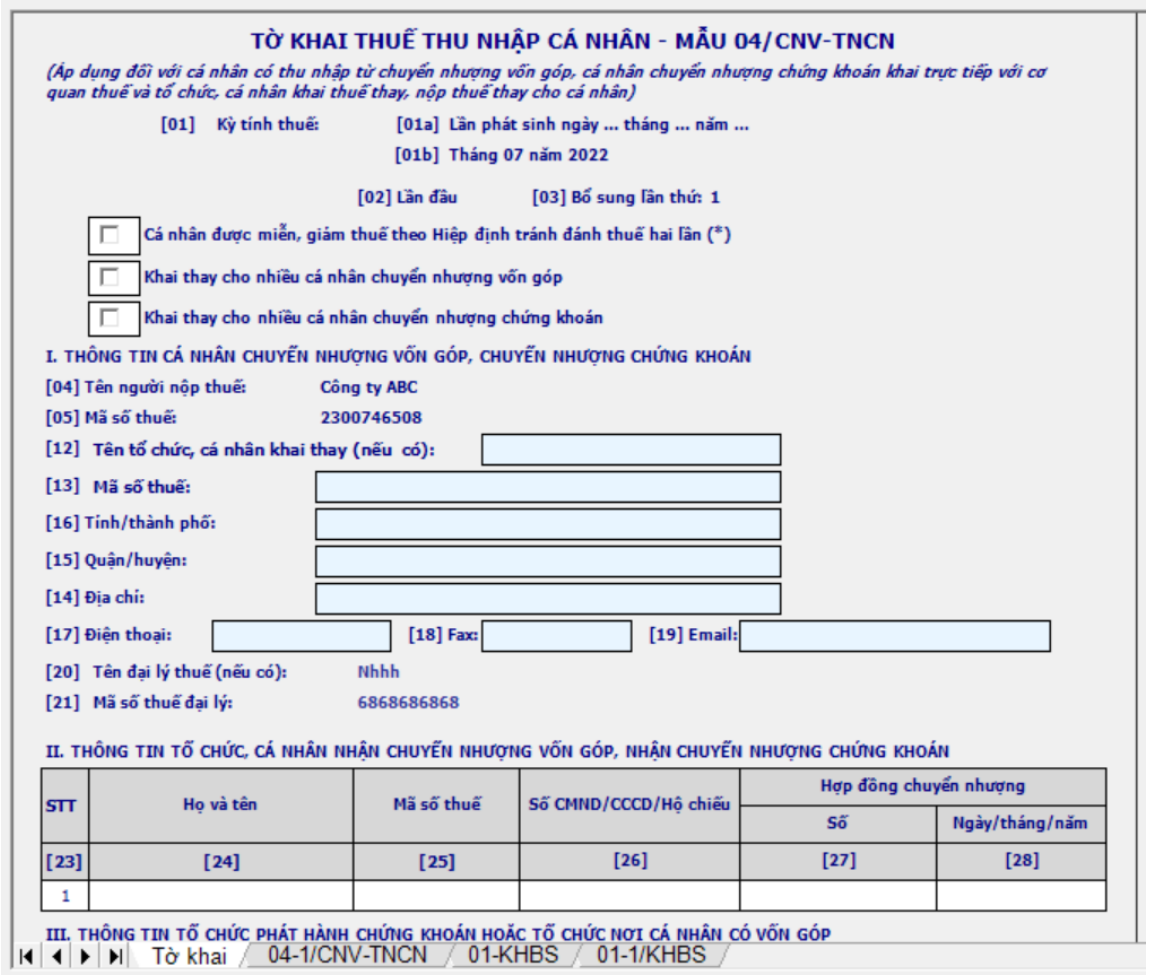

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 04/CNV-TNCN

(Áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[01b] Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

☐ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng vốn góp

☐ Khai thay cho nhiều cá nhân chuyển nhượng chứng khoán

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/thành phố:

[15] Quận/huyện:

[14] Địa chỉ:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[21] Mã số thuế đại lý: 6868686868

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN GÓP, NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Hợp đồng chuyển nhượng	
				Số	Ngày/tháng/năm
[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]
1					

III. THÔNG TIN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN HOẶC TỔ CHỨC NƠI CÁ NHÂN CÓ VỐN GÓP

Tờ khai | 04-1/CNV-TNCN | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.3 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân 04/ĐTV-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "04/DTV-TNCN Tờ khai cho cá nhân đầu tư vốn (TT80/2021).

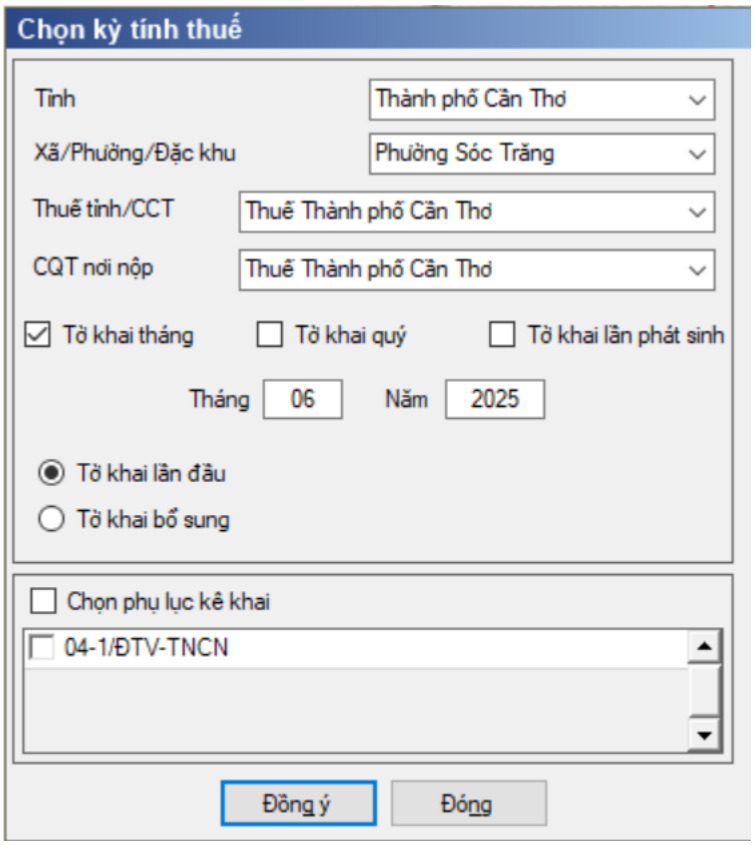

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Hiệu lực:

- Tờ khai lần phát sinh: có hiệu lực từ ngày 01/01/2022
- Tờ khai tháng: có hiệu lực từ tháng 01/2022
- Tờ khai quý: có hiệu lực từ quý 1/2022

+ CQT nộp tờ khai: Ứng dụng HTKK cho phép chọn CQT nộp tờ khai. Tờ khai nộp qua eTax sẽ kiểm tra:

- Đối với trường hợp kê khai thay: CQT nhận tờ khai là CQT quản lý của MST khai thay
- Đối với trường hợp khai trực tiếp: CQT quản lý của tổ chức phát hành

+ Điều kiện nhập tờ khai: có 3 trường hợp cho phép kê khai tờ khai

- Cá nhân kê khai trực tiếp: khai theo lần phát sinh
- Khai thay cho 1 cá nhân: khai theo lần phát sinh
- MST khai thay cho nhiều NNT: khai theo tháng/quý/lần phát sinh

+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
- Tờ khai tháng: ngày thứ 20 của tháng tiếp theo
- Tờ khai quý: ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 04/ĐTV-TNCN như sau:

3.5.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

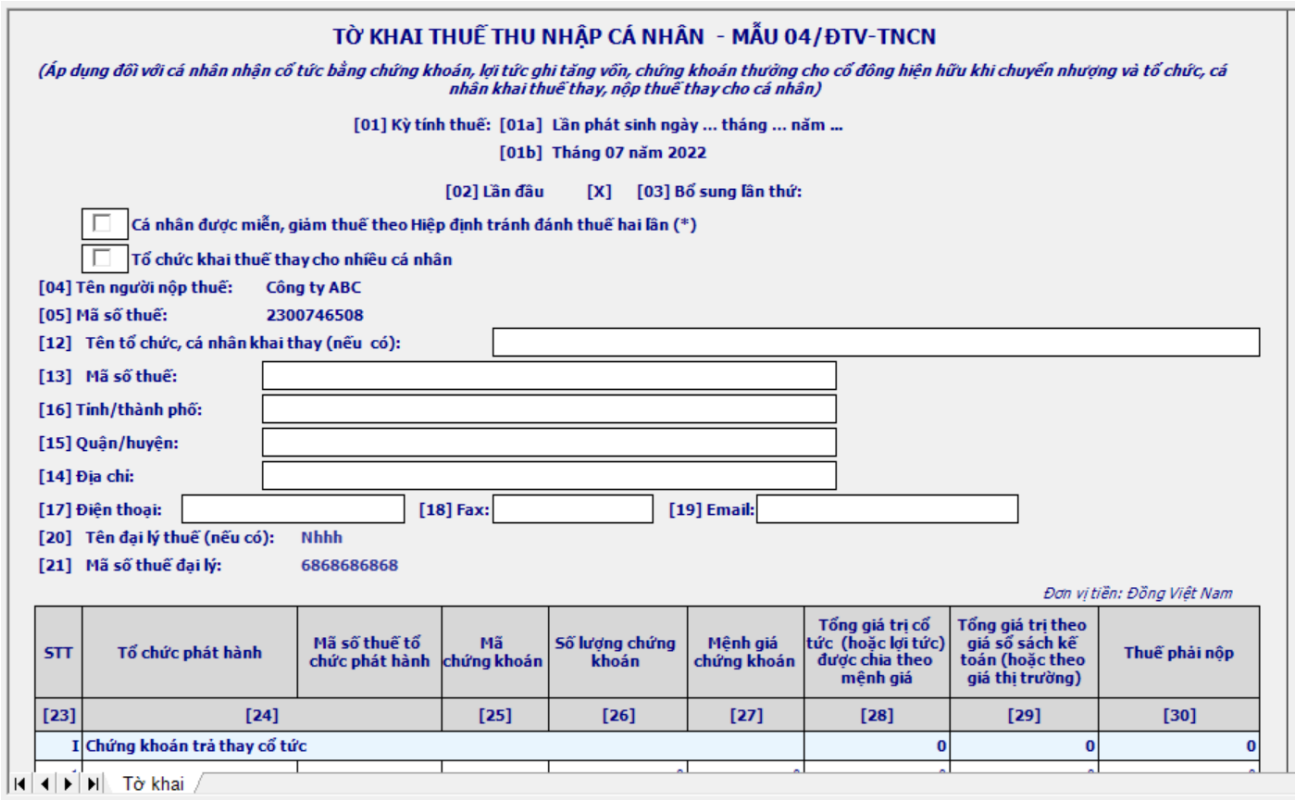

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 04/ĐTV-TNCN

(Áp dụng đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...
[01b] Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)
☐ Tổ chức khai thuế thay cho nhiều cá nhân

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):
[13] Mã số thuế:
[16] Tỉnh/thành phố:
[15] Quận/huyện:
[14] Địa chỉ:
[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:
[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[21] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tổ chức phát hành	Mã số thuế tổ chức phát hành	Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức) được chia theo mệnh giá	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp
[23]	[24]		[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]
I	Chứng khoán trả thay cổ tức					0	0	0

Tờ khai

- ***Chi tiết các chỉ tiêu như sau***:

+ Chỉ tiêu [23] UD tự động tăng/giảm khi thêm bớt dòng, bắt đầu từ 1

+ Chỉ tiêu [24] – Tên tổ chức phát hành: NNT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [24] – Mã số thuế tổ chức phát hành: Trên tờ khai cá nhân kê khai trực tiếp (không có kê khai MST khai thay) chỉ được kê khai một MST tổ chức phát hành duy nhất. Nếu kê khai nhiều hơn 1 tổ chức, hệ thống báo lỗi.

+ Chỉ tiêu [25]: NNT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [26], [27]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số. Bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [26] hoặc [27]

+ Chỉ tiêu [28]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số. Bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [28] hoặc [29]

+ Chỉ tiêu [30]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số.

+ Chỉ tiêu [31], [32], [33], [34], [35], [36], [37], [38], [39], [40], [41], [42]: Hệ thống hỗ trợ tính tổng, không cho phép sửa

3.5.3.1.1 Bảng kê 04-1/ĐTV-TNCN

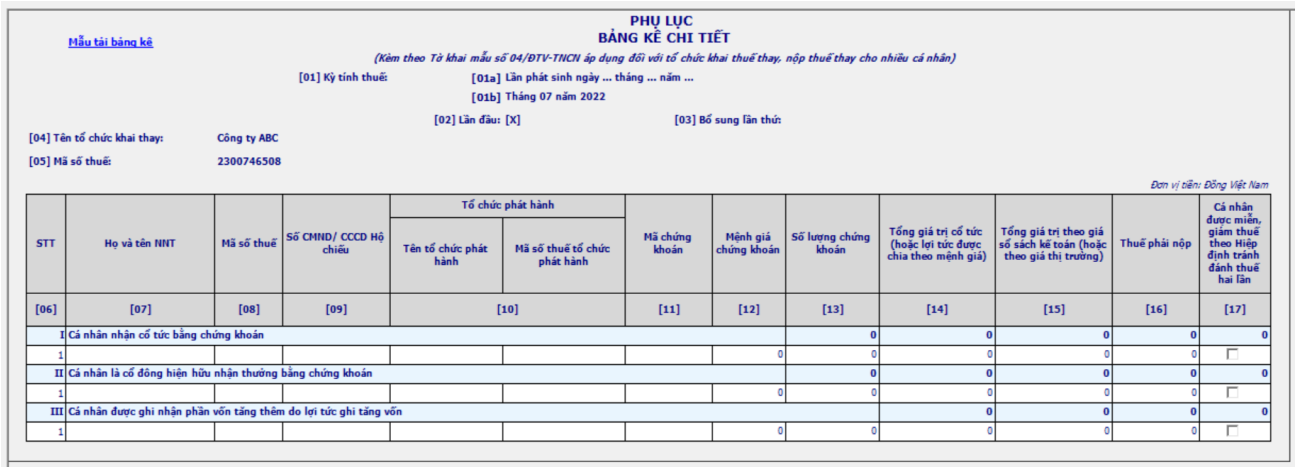

Mẫu tài bảng kê

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT

(Kèm theo Tờ khai mẫu số 04/ĐTV-TNCN áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...
[01b] Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên tổ chức khai thay: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số CMND/ CCCD Hộ chiếu	Tổ chức phát hành		Mã chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức được chia theo mệnh giá)	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp	Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần
				Tên tổ chức phát hành	Mã số thuế tổ chức phát hành							
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]		[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
I	Cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán							0	0	0	0	0
1							0	0	0	0	0	☐
II	Cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng chứng khoán							0	0	0	0	0
1							0	0	0	0	0	☐
III	Cá nhân được ghi nhận phần vốn tăng thêm do lợi tức ghi tăng vốn								0	0	0	0
1							0	0	0	0	0	☐

Chi tiết các chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu [06]: UD tự động tăng/giảm khi thêm bớt dòng, bắt đầu từ 1
- Chỉ tiêu [07]: NNT tự nhập dạng text
- Chỉ tiêu [08]: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế, bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [09] trống
- Chỉ tiêu [09]: Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [08] trống
- Chỉ tiêu [10] – Tên tổ chức phát hành: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [10] – Mã tổ chức phát hành: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [11]: Cho phép nhập tại mục I, II, mục III khóa không cho nhập
- Chỉ tiêu [12], [13]: NNT tự nhập dạng số, không âm, nhập tại mục I, II, mục III khóa không cho nhập
- Chỉ tiêu [14]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [14] hoặc [15]
- Chỉ tiêu [15]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [14] hoặc [15]
- Chỉ tiêu [16]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số
- Chỉ tiêu [17]: Cho phép tích chọn
- UD hỗ trợ tính tổng cột [13] -> [16] tương ứng với từng mục I, II, III trên bảng kê. Chỉ tiêu tổng của cá nhân được miễn giảm theo hiệp định: hệ thống tính tổng số cá nhân được tích chọn là cá nhân được miễn, giảm thuế theo hiệp định tránh đánh thuế 2 lần
- ***Kiểm tra ràng buộc:***
  + Chỉ tiêu tổng số phải nộp trên bảng kê = số trên tờ khai:
    - Chỉ tiêu [21] trên bảng kê = chỉ tiêu [33] trên tờ khai
    - Chỉ tiêu [26] trên bảng kê = chỉ tiêu [36] trên tờ khai
    - Chỉ tiêu [30] trên bảng kê = chỉ tiêu [39] trên tờ khai

3.5.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

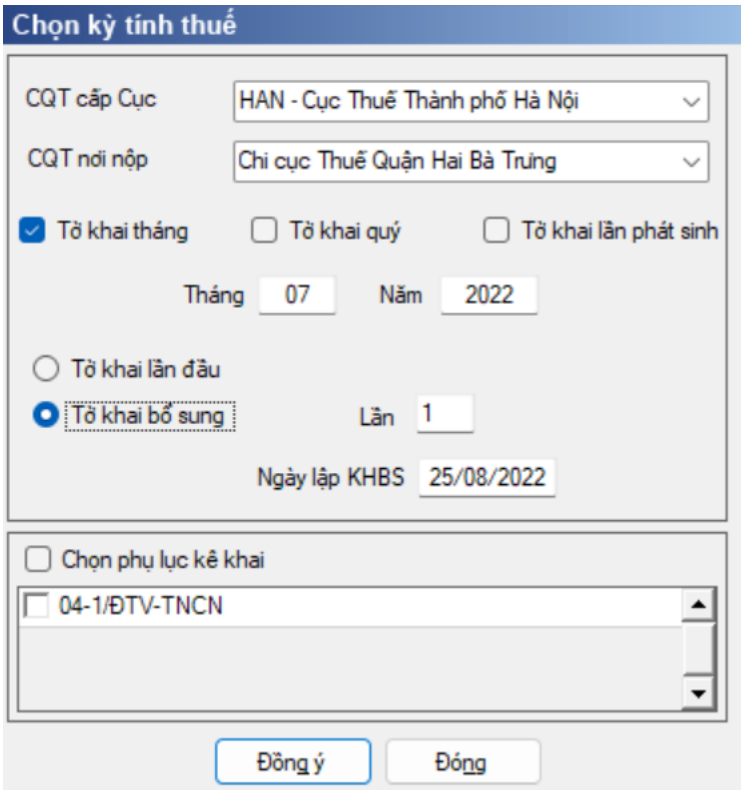

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

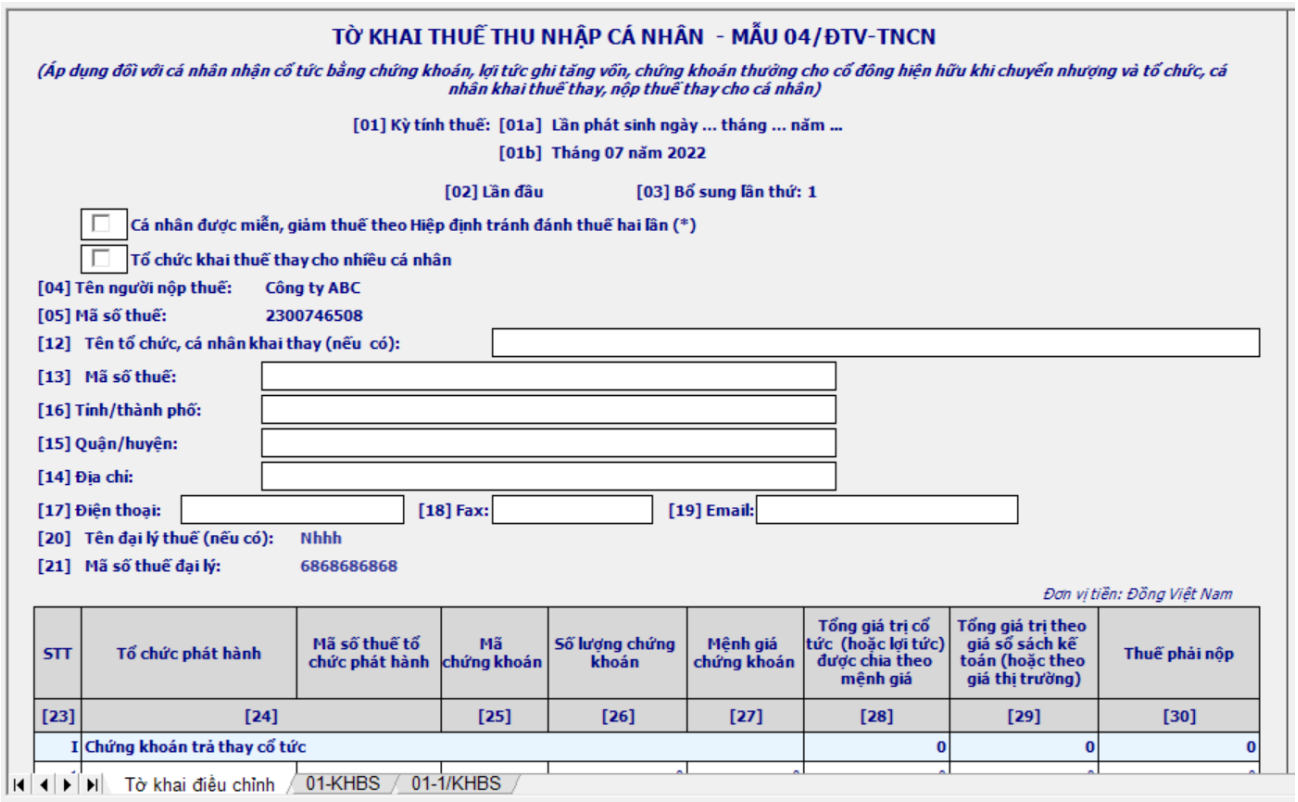

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 04/ĐTV-TNCN

(Áp dụng đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: [01a] Lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[01b] Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

☐ Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*)

☐ Tổ chức khai thuế thay cho nhiều cá nhân

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/thành phố:

[15] Quận/huyện:

[14] Địa chỉ:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[21] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tổ chức phát hành	Mã số thuế tổ chức phát hành	Mã chứng khoán	Số lượng chứng khoán	Mệnh giá chứng khoán	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức) được chia theo mệnh giá	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp
[23]	[24]		[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]
I	Chứng khoán trả thay cổ tức					0	0	0

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.4 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 04/NNG-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "04/NNG-TNCN Tờ khai cho cá nhân trúng thưởng từ nước ngoài (TT80/2021).

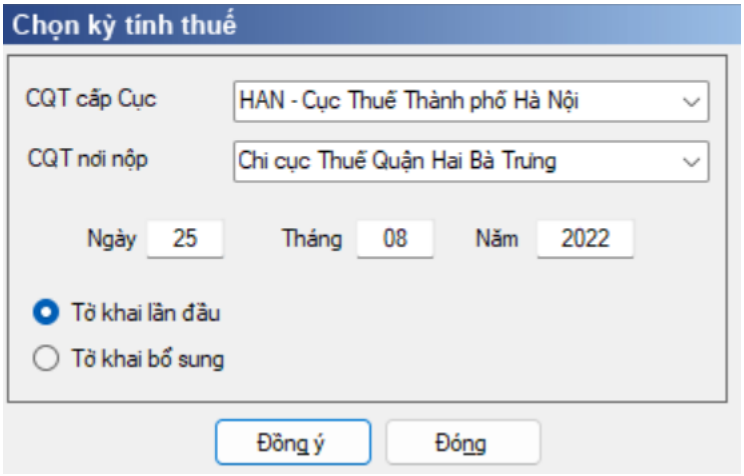

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế bạn cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

• Hiệu lực: Tờ khai lần phát sinh: có hiệu lực từ ngày 01/01/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai: Cho phép NNT lựa chọn nộp tờ khai về Cục Thuế hoặc Chi cục Thuế

+ Hạn nộp tờ khai:

• Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 04/NNG-TNCN như sau:

3.5.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

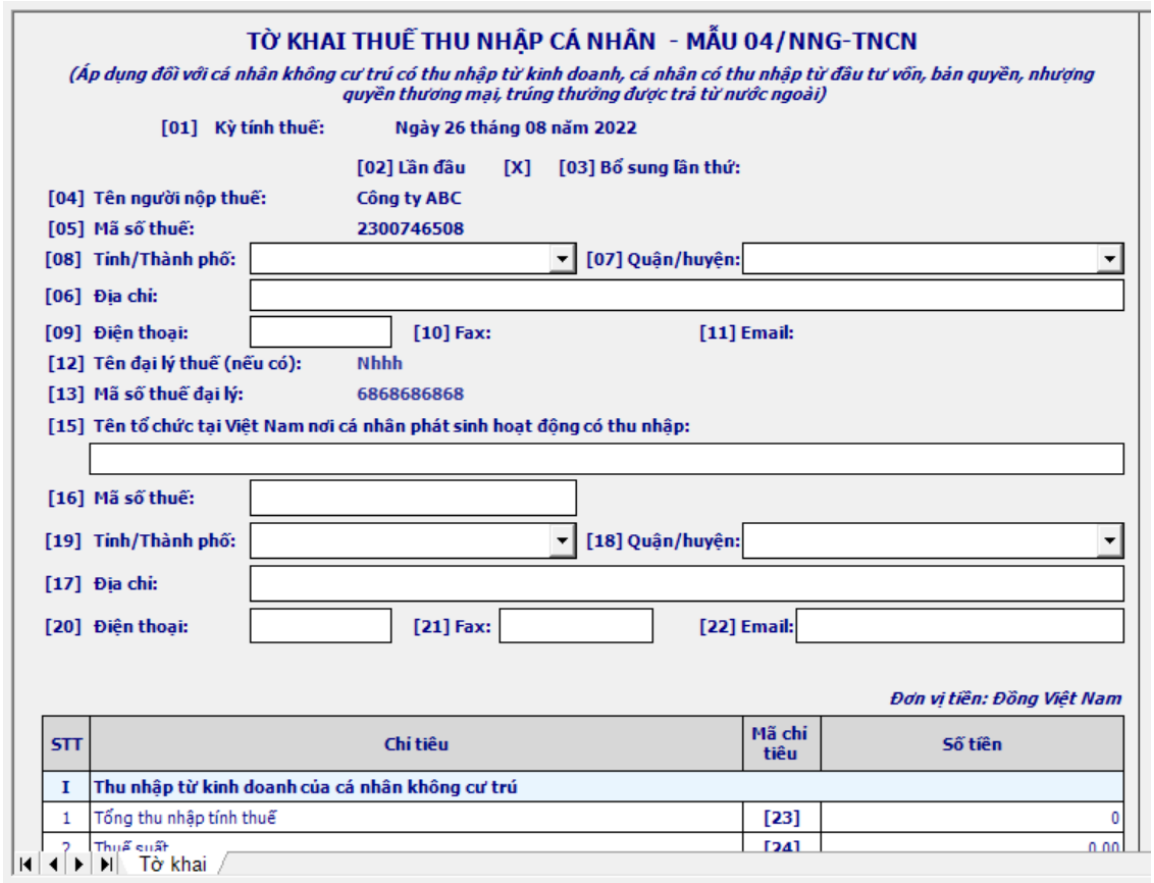

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 04/NNG-TNCN

(Áp dụng đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng được trả từ nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày 26 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[08] Tỉnh/Thành phố: [07] Quận/huyện:

[06] Địa chỉ:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[15] Tên tổ chức tại Việt Nam nơi cá nhân phát sinh hoạt động có thu nhập:

[16] Mã số thuế:

[19] Tỉnh/Thành phố: [18] Quận/huyện:

[17] Địa chỉ:

[20] Điện thoại: [21] Fax: [22] Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú		
1	Tổng thu nhập tính thuế	[23]	0
2	Thuế suất	[24]	0.00

Tờ khai

- ***Chi tiết các chỉ tiêu như sau:***

+ I. Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú

• Chỉ tiêu [23]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

• Chỉ tiêu [24]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, cho phép nhập giá trị thập phân

• Chỉ tiêu [25] = [23]*[24], không cho sửa

+ II. Thu nhập từ đầu tư vốn

• Chỉ tiêu [26]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

- Chỉ tiêu [27], [28]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [29]= [27]-[28] nếu [27]-[28] >0; ngược lại [29] =0, không cho sửa

+ III. Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại

- Chỉ tiêu [30]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu [31], [32]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [33]= [31]-[32] nếu [31]-[32] >0; ngược lại [33] =0, không cho sửa

+ IV. Thu nhập từ trúng thưởng

- Chỉ tiêu [34]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu [35], [36]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [37]= [35]-[36] nếu [35]-[36] >0; ngược lại [37] =0, không cho sửa

3.5.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

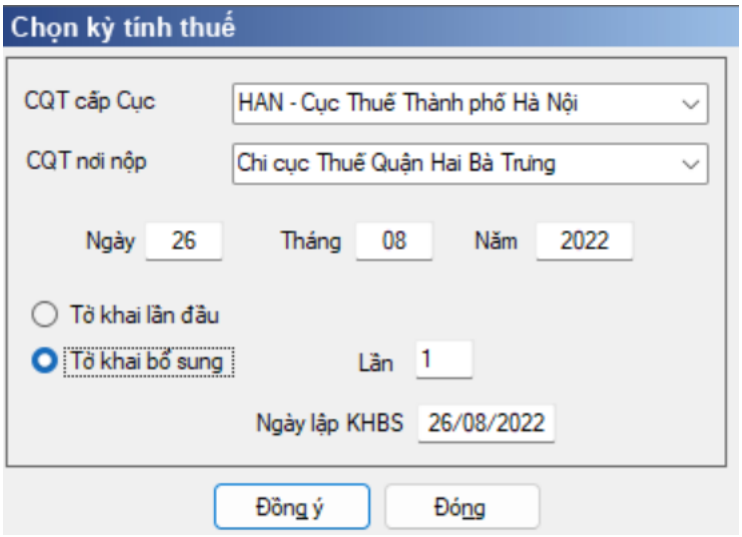

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

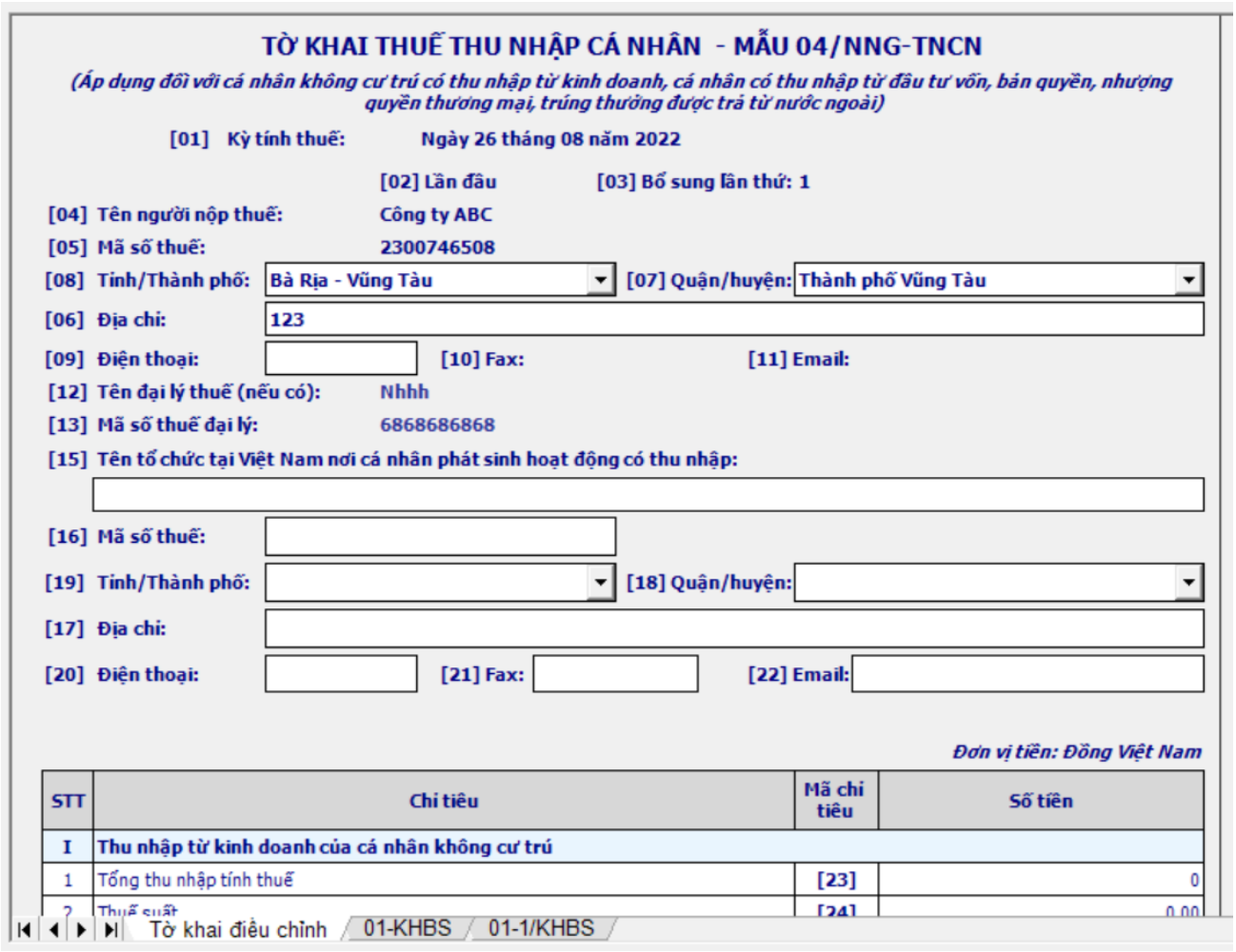

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.5 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân áp dụng cho cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản (04/TKQT-TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "04/TKQT-TNCN Tờ khai cho cá nhân thừa kế, quà tặng (04/TKQT-TNCN)(TT80/2021)

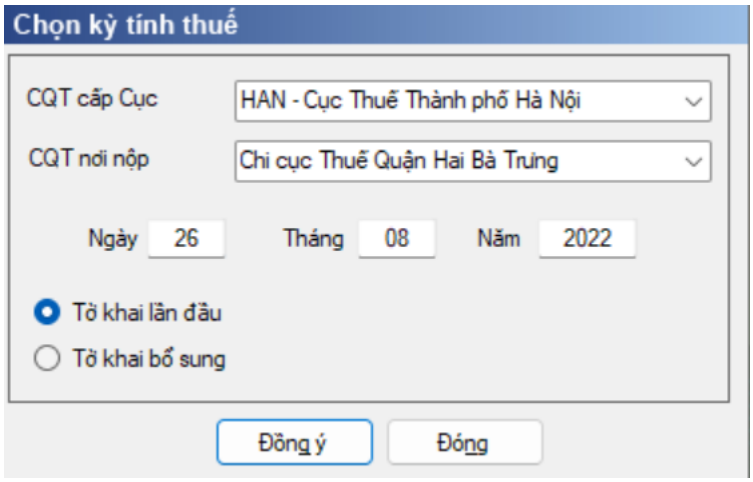

– Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

+ Hiệu lực tờ khai:

- Tờ khai lần phát sinh: có hiệu lực từ ngày 01/01/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai:

- Trường hợp chỉ có 1 tổ chức phát hành: NNT lựa chọn loại tài sản được thừa kế là vốn góp hoặc chuyển nhượng chứng khoán (tích chỉ tiêu [26] hoặc [27]) và thực hiện kê khai thông tin tổ chức phát hành mục V(b) => CQT nhận tờ khai là CQT quản lý tổ chức phát hành => ứng dụng HTKK không có thông tin CQT tổ chức phát hành nên sẽ ko kiểm tra CQT nộp tờ khai trong trường hợp này, tờ khai vào TMS sẽ check

- Trường hợp loại tài sản được thừa kế là vốn vóp hoặc chứng khoán (tích chỉ tiêu [26] hoặc [27]) có nhiều tổ chức phát hành (không kê khai chỉ tiêu mục V(b)) => CQT nhận tờ khai CCT nơi cá nhân cư trú, dựa vào địa chỉ NNT chỉ tiêu [09] trên tờ khai => ứng dụng HTKK kiểm tra chỉ tiêu [09] phải tương ứng với CQT nộp tờ khai

- Trường hợp loại tài sản được thừa kế là "Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng" (tích chỉ tiêu [28]): nộp tờ khai về CQT lệ phí trước bạ: hướng dẫn NNT kê khai chỉ tiêu [09] là địa chỉ trên hộ khẩu của NNT => CQT nhận tờ khai là CCT tương ứng với thông tin quận/huyện NNT kê khai tại chỉ tiêu [09]

+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngày phát sinh, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra Tờ khai cho cá nhân thừa kế, quà tặng (04/TKQT-TNCN)(TT80/2021) như sau:

3.5.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

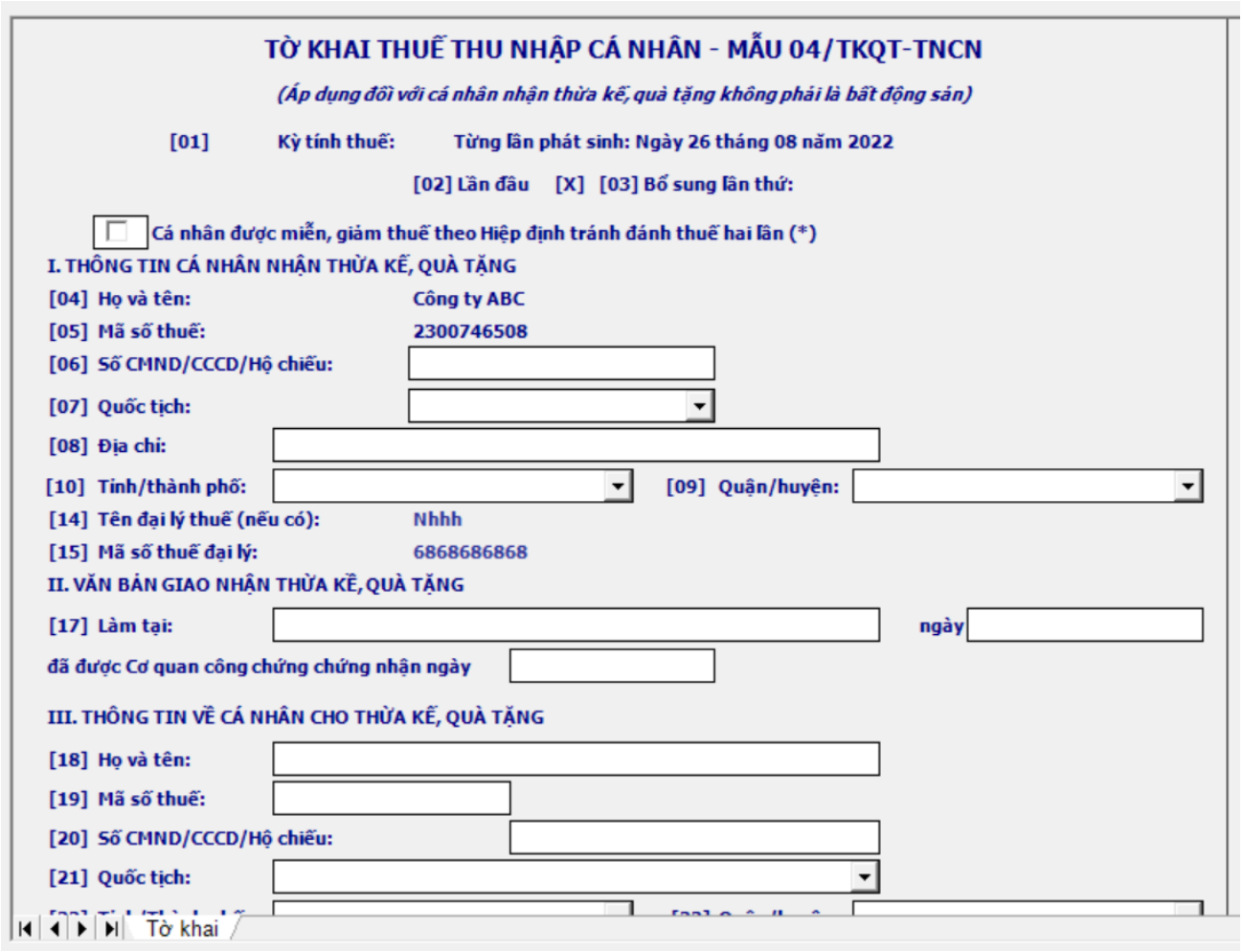

- ***Chi tiết các chỉ tiêu như sau:***

+ Chỉ tiêu [04], [05], [11], [12], [13], [14], [15], [16]: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống

+ Chỉ tiêu [06], [08], [17], [18], [20], [22], [23], [24], [25], [29], [30], [32], [35], [36], [37]: Cho phép nhập

+ Chỉ tiêu [07], [10], [21], [33], [34]: Cho phép chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [09]: Cho phép chọn trong danh mục

- Trường hợp tích chọn ([26] hoặc [27]) và không kê khai V(b) thì kiểm tra chỉ tiêu [09] phải tương ứng với Chi cục Thuế nộp tờ khai
- Trường hợp tích chọn [28] thì kiểm tra chỉ tiêu [09] phải tương ứng với Chi cục Thuế nộp tờ khai

+ Chỉ tiêu [19], [31]: Nhập dạng text, kiểm tra cấu trúc MST

+ Chỉ tiêu [26], [27], [28]: Cho phép tích chọn. Bắt buộc chọn ít nhất một trong 3 chỉ tiêu [26], [27], [28]

+ Chỉ tiêu [38]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu [39]: NNT nhập dạng số, mặc định là 0

3.5.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

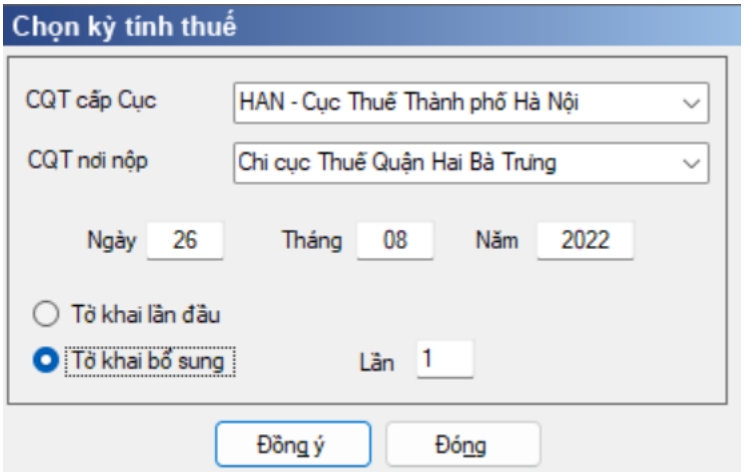

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

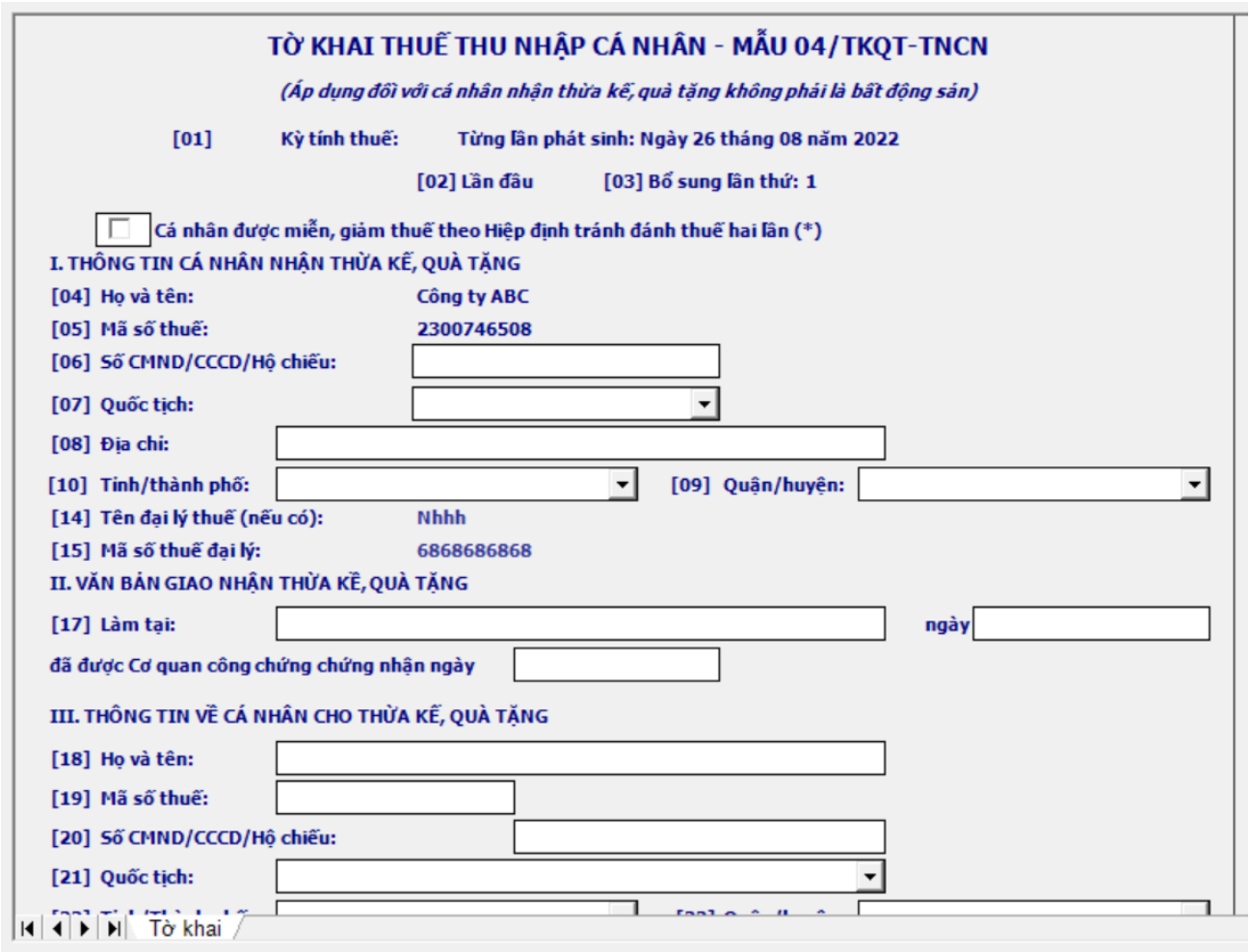

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.6 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân 05/KK-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "05/KK-TNCN Tờ khai khấu trừ thuế TNCN (TT80/2021).

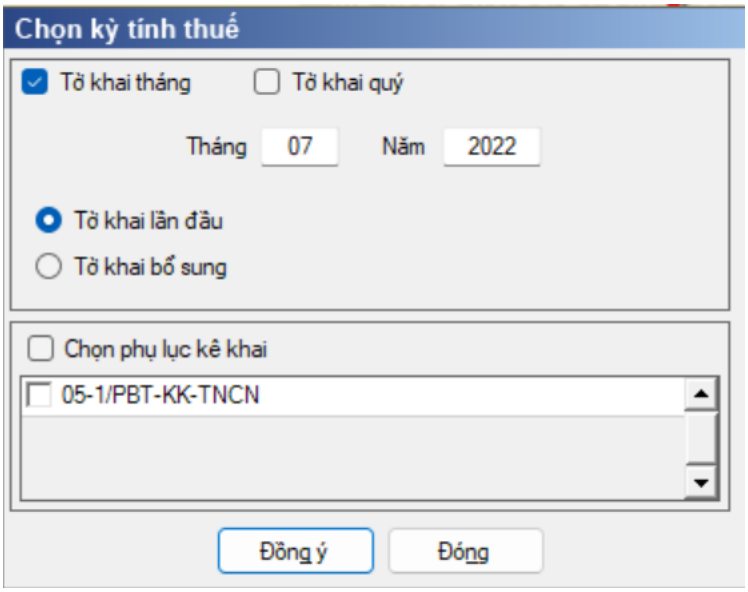

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Hiệu lực:

- Tờ khai tháng: có hiệu lực từ tháng 01/2022
- Tờ khai quý: có hiệu lực từ quý 1/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai: CQT quản lý của NNT

+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai tháng: Ngày 20 tháng tiếp theo, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
- Tờ khai quý: Ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân 05/KK-TNCN như sau:

3.5.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

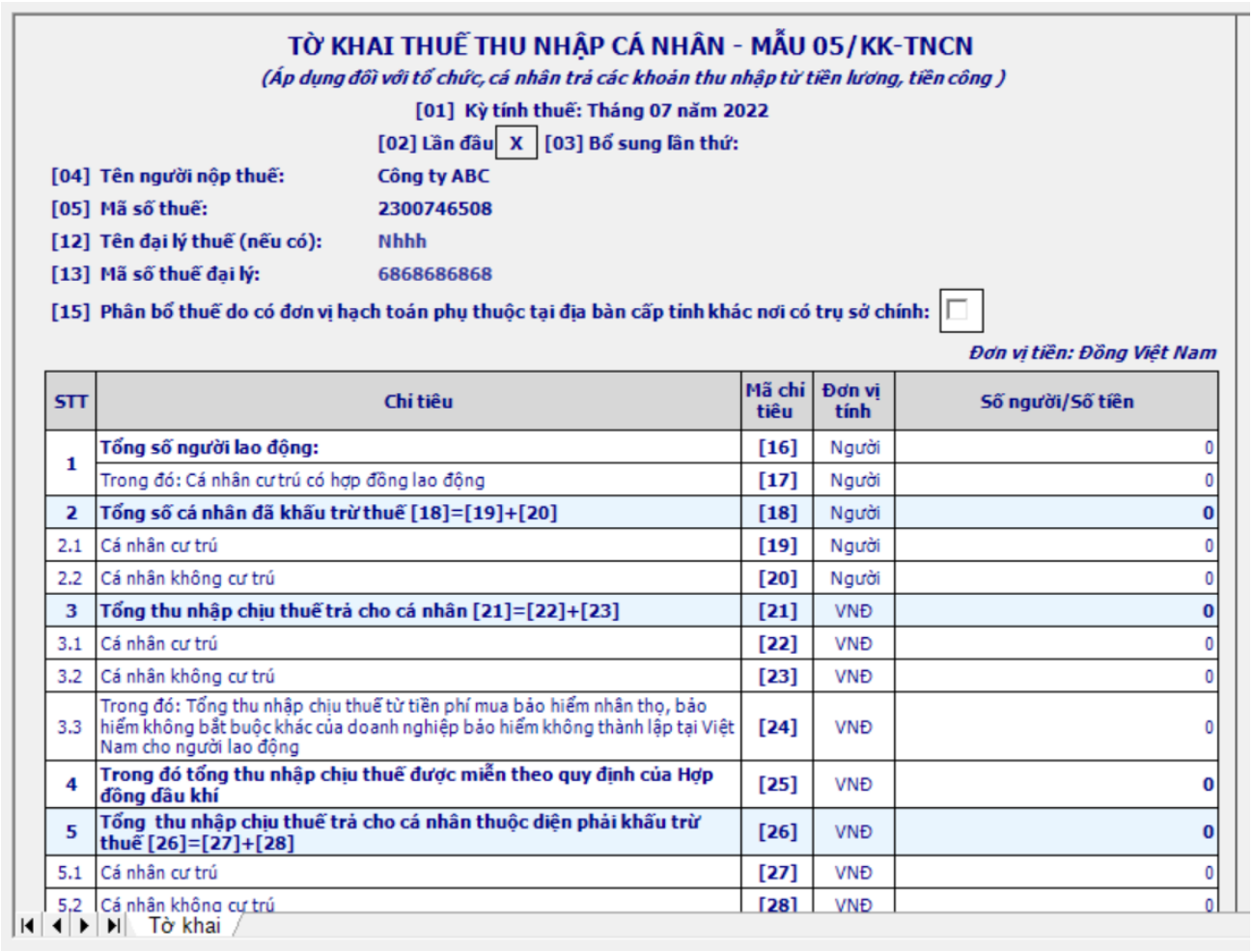

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 05/KK-TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[15] Phân bổ thuế do có đơn vị hạch toán phụ thuộc tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính: [ ]

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	[16]	Người	0
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	0
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]**	[18]	Người	**0**
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	0
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [21]=[22]+[23]**	[21]	VNĐ	**0**
3.1	Cá nhân cư trú	[22]	VNĐ	0
3.2	Cá nhân không cư trú	[23]	VNĐ	0
3.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[24]	VNĐ	0
4	**Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí**	[25]	VNĐ	**0**
5	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [26]=[27]+[28]**	[26]	VNĐ	**0**
5.1	Cá nhân cư trú	[27]	VNĐ	0
5.2	Cá nhân không cư trú	[28]	VNĐ	0

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Chỉ tiêu [16]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 9 chữ số

+ Chỉ tiêu [17]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 9 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [16]

+ Chỉ tiêu [18]: UD tính theo công thức [18]=[19]+[20], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [19], [20]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 9 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [18]

+ Chỉ tiêu [21]: UD tính theo công thức [21]=[22]+[23], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [22], [23]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [21]

+ Chỉ tiêu [24]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [21]

+ Chỉ tiêu [25]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [26]: UD tính theo công thức [26]=[27]+[28], không cho sửa, không lớn hơn chỉ tiêu [21]

+ Chỉ tiêu [27], [28]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [26]

+ Chỉ tiêu [29]: UD tính theo công thức [29]=[30]+[31], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [30], [31]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, không lớn hơn chỉ tiêu [29]

+ Chỉ tiêu [32]: UD tính theo công thức: Chỉ tiêu [32] = [24] *10%, không cho sửa, không lớn hơn [29]

3.5.6.1.1 Bảng kê 05-1/PBT-KK-TNCN

- Chỉ cho phép nhập mục "I. Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công", khóa mục II

Các chỉ tiêu chi tiết:

- **I. Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công**

+ Chỉ tiêu [06]: UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [07]: NNT tự nhập

+ Chỉ tiêu [08]: Cho phép nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số, trong trường hợp trụ sở chính không cho nhập thông tin.

+ Chỉ tiêu [08a], [08b]: Cho phép chọn trong danh mục. Kiểm tra tỉnh của Chi nhánh phải khác tỉnh của trụ sở chính

+ Chỉ tiêu [09]: Cho phép chọn trong danh mục, kiểm tra ràng buộc CQT quản lý địa bàn nhận phân bổ trên bảng kê không được trùng nhau

+ Chỉ tiêu [10], [11], [12], [13]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số

+ Chỉ tiêu [14]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số

+ Chỉ tiêu [15], [16], [17], [18]: Hệ thống tự tính tổng, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [19]: Hệ thống tự tính tổng, không cho sửa, kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [29] trên tờ khai

3.5.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

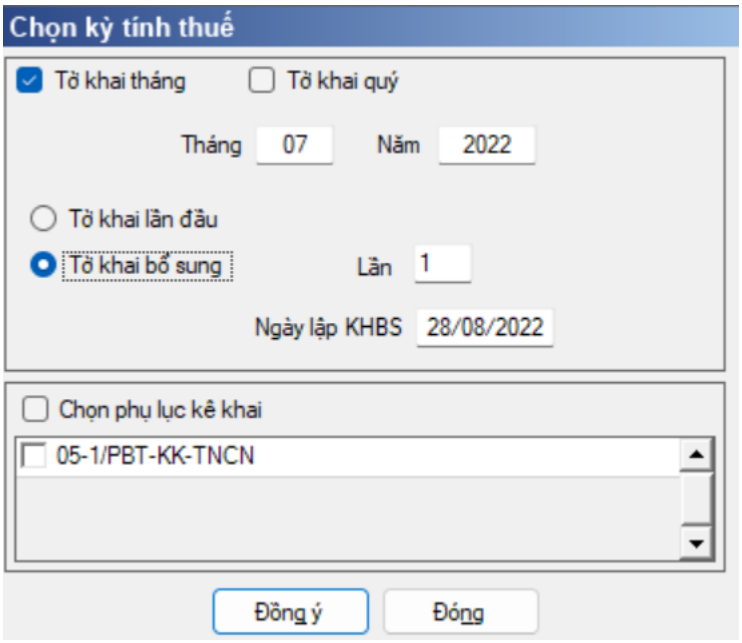

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

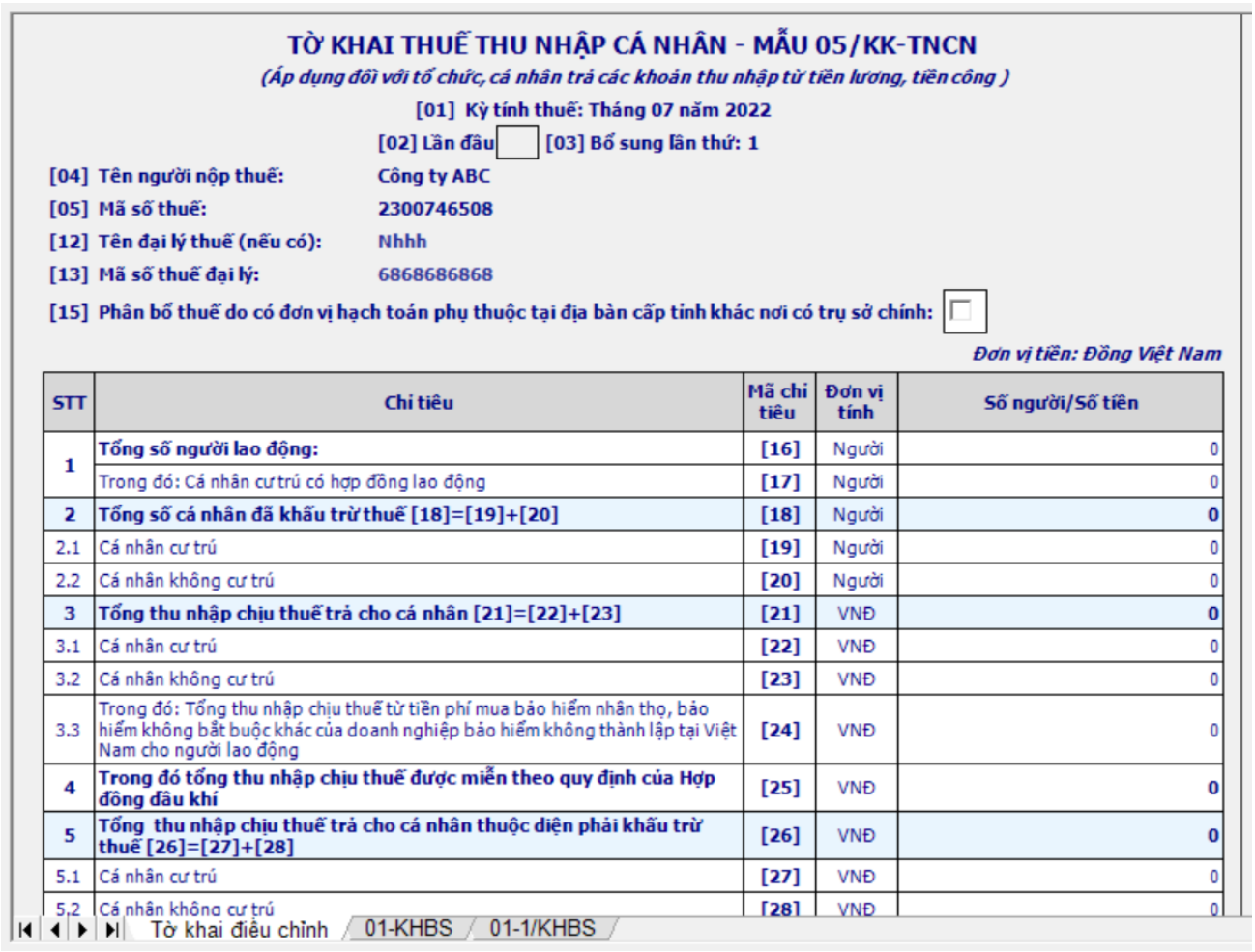

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 05/KK-TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[15] Phân bổ thuế do có đơn vị hạch toán phụ thuộc tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính: ☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	[16]	Người	0
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	0
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]**	[18]	Người	**0**
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	0
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	0
3	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [21]=[22]+[23]**	[21]	VNĐ	**0**
3.1	Cá nhân cư trú	[22]	VNĐ	0
3.2	Cá nhân không cư trú	[23]	VNĐ	0
3.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[24]	VNĐ	0
4	**Trong đó tổng thu nhập chịu thuế được miễn theo quy định của Hợp đồng dầu khí**	[25]	VNĐ	**0**
5	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [26]=[27]+[28]**	[26]	VNĐ	**0**
5.1	Cá nhân cư trú	[27]	VNĐ	0
5.2	Cá nhân không cư trú	[28]	VNĐ	0

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-

1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.7 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân áp dụng cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế (06/TNCN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/ Thuế thu nhập cá nhân" chọn "06/TNCN Tờ khai khấu trừ từ CNV, CK,… (TT80/2021)

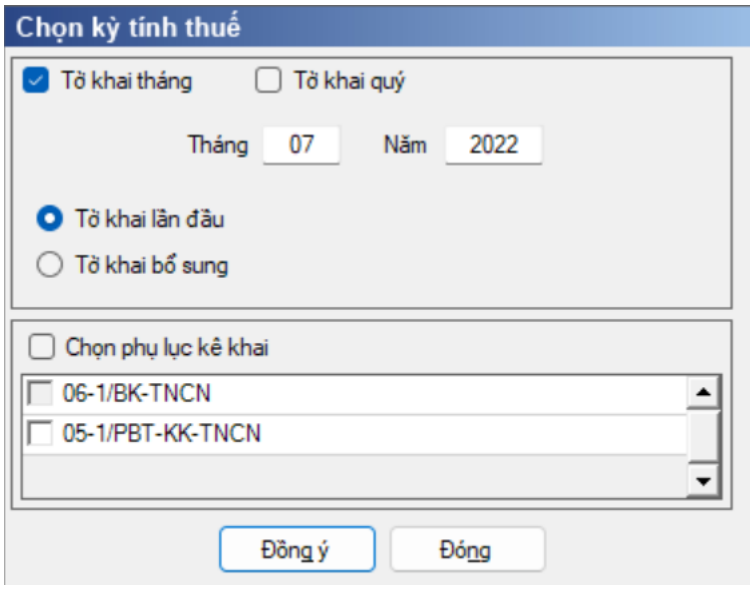

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

+ Hiệu lực:
  - Tờ khai tháng: có hiệu lực từ tháng 01/2022
  - Tờ khai quý: có hiệu lực từ quý 1/2022

+ Cơ quan thuế nộp tờ khai: CQT quản lý của NNT kê khai tờ khai
  - Hạn nộp tờ khai:
  - Tờ khai tháng: Ngày 20 tháng tiếp theo, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
  - Tờ khai quý: Ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

3.5.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

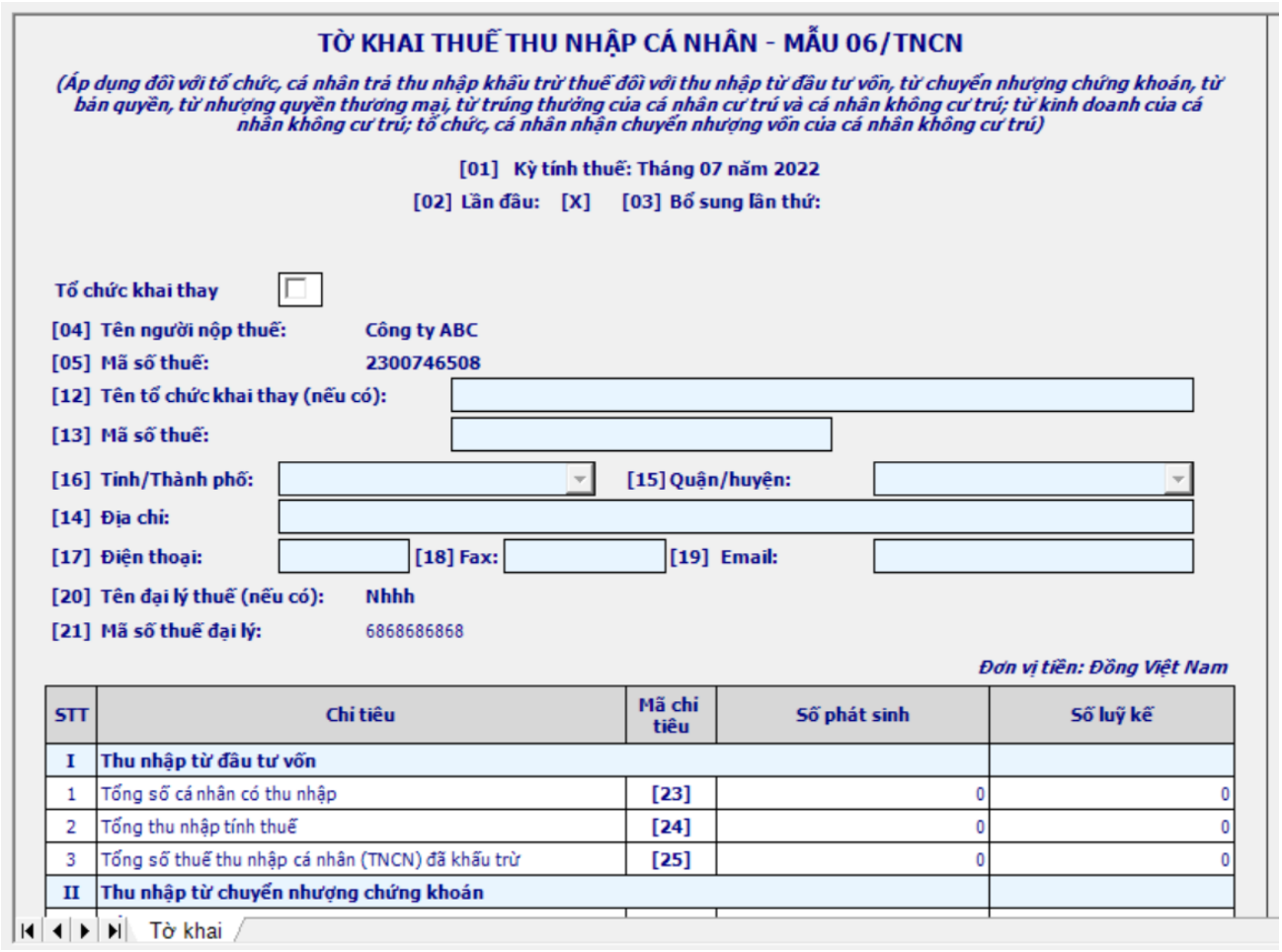

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 06/TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

Tổ chức khai thay

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên tổ chức khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/Thành phố: [15] Quận/huyện:

[14] Địa chỉ:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[21] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh	Số luỹ kế
I	**Thu nhập từ đầu tư vốn**			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[23]	0	0
2	Tổng thu nhập tính thuế	[24]	0	0
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	[25]	0	0
II	**Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**			

Tờ khai

- ***Chi tiết các chỉ tiêu như sau:***

+ Cột STT: UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng. Bắt đầu từ 1, không cho sửa

+ Cột chỉ tiêu: Hiển thị cố định theo mẫu biểu Thông tư, không cho nhập

+ Cột mã chỉ tiêu: Hiển thị cố định theo mẫu biểu Thông tư, không cho nhập

+ Cột số phát sinh, số lũy kế: NNT nhập số, không âm

+ Chỉ tiêu [23], [25], [26], [28], [29], [31], [32], [34], [35], [37], [38], [40] : NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số

+ Chỉ tiêu [24], [27], [30], [33], [36], [39]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

- ***Các điều kiện kiểm tra ràng buộc:***

+ Chỉ tiêu [24] cột Lũy kế = tổng cột [25] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [25] cột Lũy kế = tổng cột [28] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [30] cột Lũy kế = tổng cột [25] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [31] cột Lũy kế = tổng cột [28] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [33] cột Lũy kế = tổng cột [25] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [34] cột Lũy kế = tổng cột [28] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [36] cột Lũy kế = tổng cột [25] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [37] cột Lũy kế = tổng cột [28] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [39] cột Lũy kế = tổng cột [25] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN
+ Chỉ tiêu [40] cột Lũy kế = tổng cột [28] mục I trên PL 06-1/BK-TNCN
+ Chỉ tiêu [27] cột Lũy kế = tổng cột [12] trên PL 06-1/BK-TNCN
+ Chỉ tiêu [28] cột Lũy kế = tổng cột [15] trên PL 06-1/BK-TNCN

3.5.7.1.1 Bảng kê 06-1/BK-TNCN

- Chỉ cho phép kê khai đối với tháng/quý cuối cùng trong năm
- ***Chi tiết các chỉ tiêu như sau:***

+ Chỉ tiêu [06]: UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng. Bắt đầu từ 1, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [07], [10]: NNT tự nhập, dạng text
+ Chỉ tiêu [08]: Cho phép nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST. Bắt buộc nhập một trong 2 chỉ tiêu [08] hoặc [09]
+ Chỉ tiêu [09]: Cho phép nhập. Bắt buộc nhập một trong 2 chỉ tiêu [08] hoặc [09]
+ Chỉ tiêu [10], [11], [12], [13], [14]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
+ Chỉ tiêu [15] = [13] – [14], không cho sửa
+ Chỉ tiêu [16], [17] ,[18], [19], [20]: Hệ thống tính tổng. Không cho sửa
+ Chỉ tiêu [21]: UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng. Bắt đầu từ 1, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [22]: NNT tự nhập, dạng text
+ Chỉ tiêu [23]: Cho phép nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST. Bắt buộc nhập một trong 2 chỉ tiêu [23] hoặc [24]
+ Chỉ tiêu [24]: Cho phép nhập. Bắt buộc nhập một trong 2 chỉ tiêu [23] hoặc [24]
+ Chỉ tiêu [25]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
+ Chỉ tiêu [26], [27]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số. Chỉ tiêu [27] phải <= [26]
+ Chỉ tiêu [28] = [26] – [27], không cho sửa

3.5.7.1.2 Bảng kê 05-1/PBT-KK-TNCN

- ***Chi tiết các chỉ tiêu như sau:***

+ Đối với tờ khai 06/TNCN chỉ cho phép nhập phần II – Phân bổ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ trúng thưởng của cá nhân trúng thưởng xổ số điện toán
+ Chỉ tiêu [20]: UD tự tăng/giảm khi thêm/bớt dòng
+ Chỉ tiêu [21]: NNT tự nhập
+ Chỉ tiêu [21a], [21b], [22]: Cho phép chọn trong danh mục
+ Chỉ tiêu [23]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [24]: UD tính theo công thức: Chỉ tiêu [24] = [23] *10%, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [25], [26]: Hệ thống tính tổng, không cho phép sửa.

3.5.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

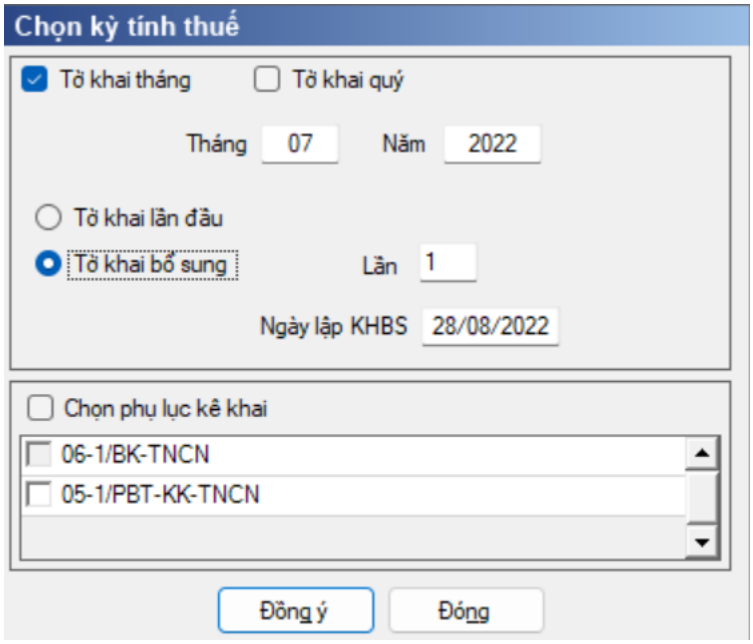

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

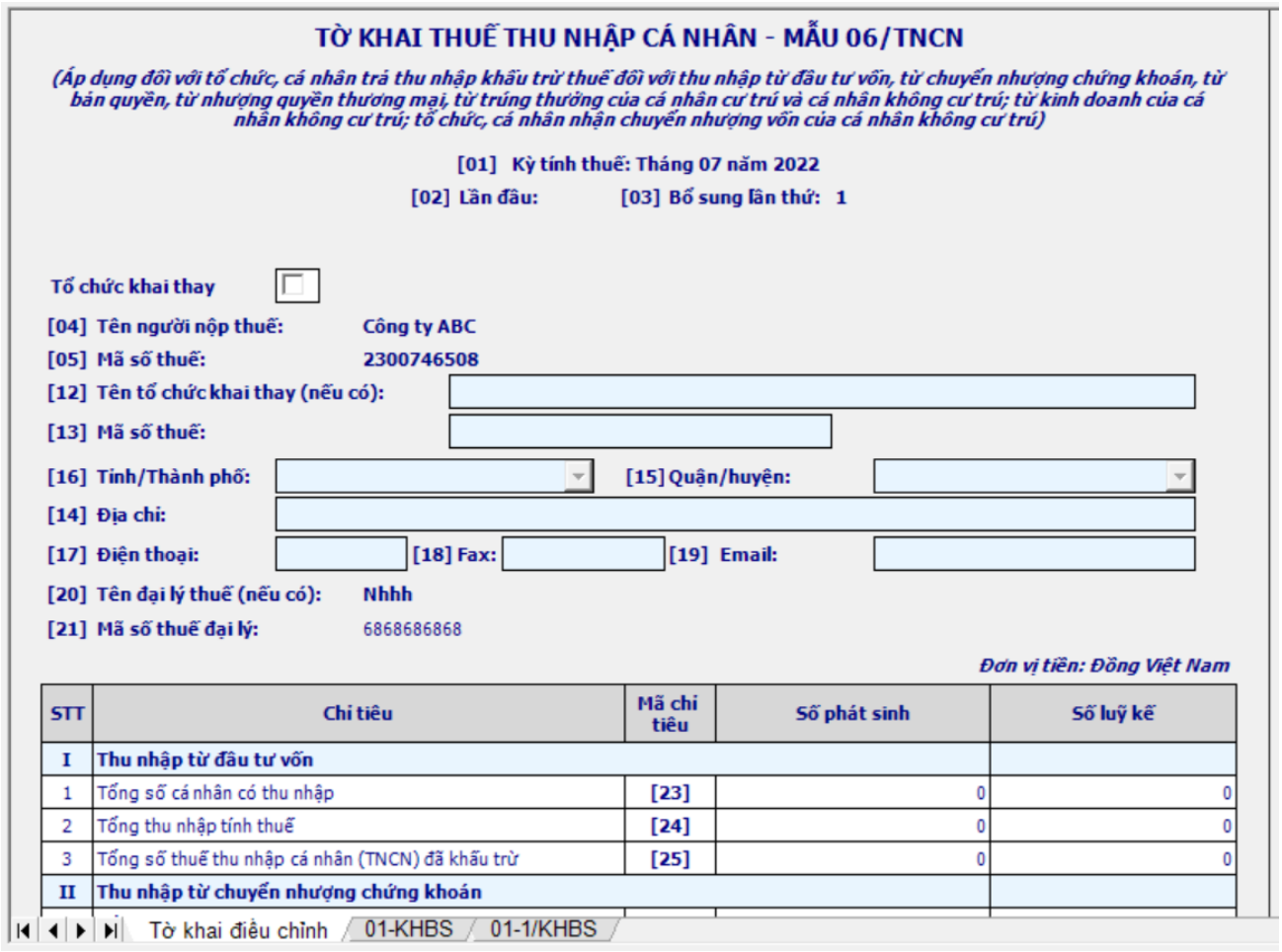

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 06/TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

Tổ chức khai thay

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Tên tổ chức khai thay (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[16] Tỉnh/Thành phố: [15] Quận/huyện:

[14] Địa chỉ:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[21] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh	Số luỹ kế
I	Thu nhập từ đầu tư vốn			
1	Tổng số cá nhân có thu nhập	[23]	0	0
2	Tổng thu nhập tính thuế	[24]	0	0
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	[25]	0	0
II	Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán			

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.8 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/QTT-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "02/QTT-TNCN Tờ khai quyết toán của cá nhân (TT80/2021).

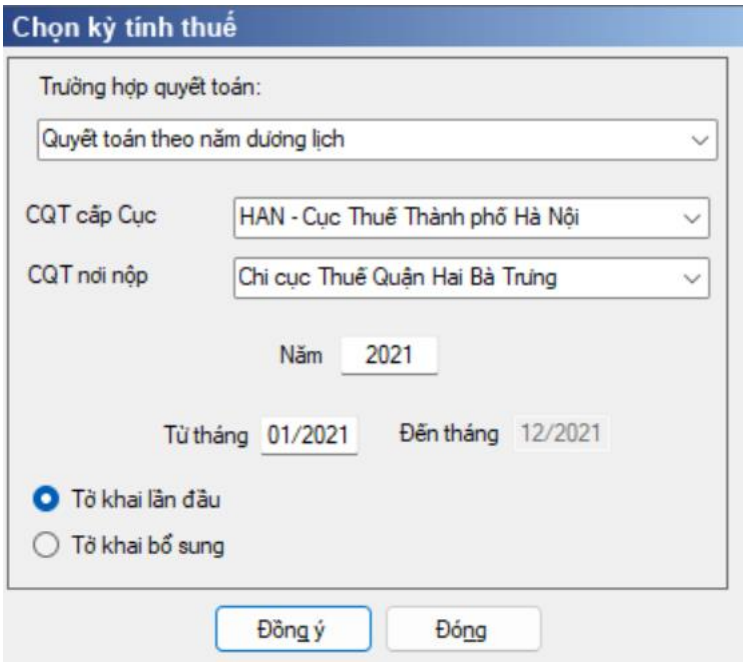

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

+ Hiệu lực: Hiệu lực theo kỳ tính thuế, áp dụng đối với kỳ tính thuế từ năm 2021

+ Các trường hợp quyết toán bao gồm:

- TH1: Quyết toán theo năm dương lịch
- TH2: Quyết toán 12 tháng liên tục khác năm dương lịch
- TH3: Quyết toán không đủ 12 tháng

+ Hạn nộp tờ khai:

- Nếu "Quyết toán theo năm dương lịch": hạn nộp = Ngày 30/4 của Năm sau Kỳ tính thuế. Nếu hạn nộp rơi vào ngày nghỉ, lễ thì dịch sang ngay tiếp theo
- Nếu "Quyết toán 12 tháng liên tục khác năm dương lịch": hạn nộp = Ngày cuối Tháng quyết toán đến + 90 ngày hoặc Ngày 30/4 của Năm tiếp theo Năm Kỳ tính thuế. Nếu hạn nộp rơi vào ngày nghỉ, lễ thì dịch sang ngay tiếp theo (Vụ DNNCN chốt lại phương án xác định hạn nộp)
- Nếu "Quyết toán không đủ 12 tháng": hạn nộp = Ngày cuối của Đến tháng, nếu hạn nộp rơi vào ngày nghỉ, lễ thì dịch sang ngay tiếp theo

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 02/QTT-TNCN như sau:

3.5.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

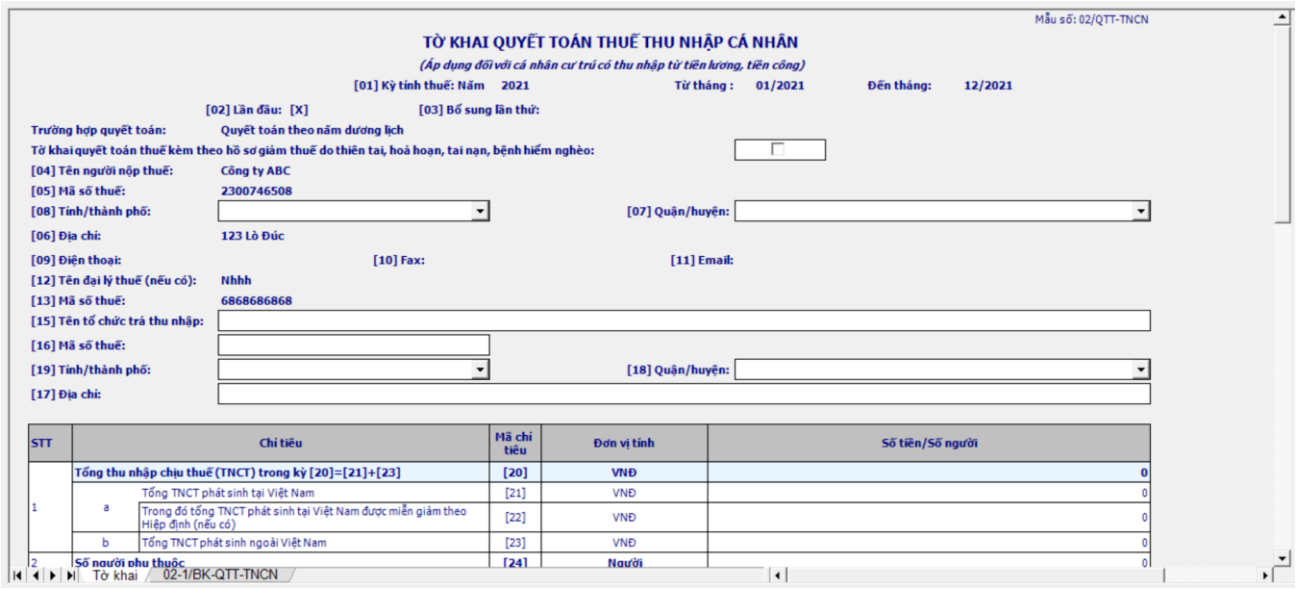
Mẫu số: 02/QTT-TNCN

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Áp dụng đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021 Từ tháng : 01/2021 Đến tháng: 12/2021

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

Trường hợp quyết toán: Quyết toán theo năm dương lịch

Tờ khai quyết toán thuế kèm theo hồ sơ giảm thuế do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[08] Tỉnh/thành phố: [07] Quận/huyện:

[06] Địa chỉ: 123 Lò Đúc

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

[15] Tên tổ chức trả thu nhập:

[16] Mã số thuế:

[19] Tỉnh/thành phố: [18] Quận/huyện:

[17] Địa chỉ:

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền/Số người
	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ [20]=[21]+[23]	[20]	VNĐ	0
1	a Tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam	[21]	VNĐ	0
	Trong đó tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam được miễn giảm theo Hiệp định (nếu có)	[22]	VNĐ	0
	b Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam	[23]	VNĐ	0
2	Số người phụ thuộc	[24]	Người	0

Tờ khai 02-1/BK-QTT-TNCN

Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- Chỉ tiêu [20] = [21] + [23], không sửa.
- Chỉ tiêu [21], [23], [28], [29]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu [22]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra <= [21]
- Chỉ tiêu [24]: UD hỗ trợ hiển thị = số dòng trên bảng kê 01-2
- Chỉ tiêu [25]: UD hỗ trợ tính theo công thức: ([25] = [26] + [27] + [28] + [29] + [30]), không cho sửa
- Chỉ tiêu [26]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [26] = [(Đến tháng quyết toán -Từ tháng quyết toán +1)*11.000.000], không cho sửa
- Chỉ tiêu [27]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [27] = Tổng (Đến tháng giảm trừ - Từ tháng giảm trừ + 1)*4.400.000 của tất cả các dòng trong bảng kê 02-1/BK-QTT-TNCN
- Chỉ tiêu [30]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, Kiểm tra [30] <= [(Đến tháng QT- Từ tháng QT +1)*1.000.000]
- Chỉ tiêu [31]: UD hỗ trợ tính theo công thức: ([31]=[20]-[22]-[25]), nếu [31] <0 thì hiển thị =0
- Chỉ tiêu [32]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [32] = [31]/ (Đến tháng – Từ tháng+1) * Biểu thuế lũy tiến tháng * (Đến tháng – Từ tháng+1)
- Chỉ tiêu [33]: UD hỗ trợ tính theo công thức: ([33]=[34]+[35]+[36]-[37]-[38]). Nếu âm thì cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [34], [35]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [36]: Nhập số >=0. Kiểm tra [36] <=[32] x {[23]/([20] –[22])}x 100%
- Chỉ tiêu [37]: Nhập số >=0. Kiểm tra [37] <= [34] + [36]
- Chỉ tiêu [38]: Nhập số >=0. Kiểm tra [38] <= [35]

- Chỉ tiêu [39]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [39]=[40]+[41]. Nếu âm thì cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [40]: Nhập số >=0. Kiểm tra [40] <= [32]
- Chỉ tiêu [41]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [42]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [42]=([32]-[33]-[39]). Nếu [42] < 0 thì hiển thị = 0
- Chỉ tiêu [43]: Nhập số >=0. Kiểm tra (0<[42]<=50.000 đồng), nếu vi phạm cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [44]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [44]= trị tuyệt đối của ([32]-[33]-[39]) nếu ([32]-[33]-[39]) <0
- Chỉ tiêu [45]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [45]=[46]+[47], Kiểm tra phải <= [44]
- Chỉ tiêu [46], [47]: Nhập số >=0, cho nhập khi [44] >0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [48]: UD hỗ trợ tính theo công thức: [48]=[44]-[45], không cho sửa

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn trả vào tài khoản của người nộp thuế tại chỉ tiêu [46] thì ghi thêm các thông tin sau:>

- Số tiền hoàn trả: Hiển thị = chỉ tiêu [46]
- Hình thức hoàn trả: Nếu [46] Số thuế hoàn trả cho NNT > 5.000.000 thì bắt buộc tích chọn "Chuyển khoản", nếu [46] Số thuế hoàn trả cho NNT <= 5.000.000 thì cho phép tích chọn "Chuyển khoản" hoặc "Tiền mặt". Bắt buộc nhập tất cả các thông tin tương ứng với từng hình thức
- Tên chủ tài khoản, tài khoản số: Hiển thị theo tên NNT đăng nhập hệ thống, định dạng chữ in hoa không dấu, không cho sửa
- Tại Ngân hàng/KBNN: Chọn trong danh mục
  + Hỗ trợ tìm kiếm nhanh theo tỉnh. Chọn tỉnh trước thì UD hỗ trợ hiển thị danh sách các ngân hàng thuộc tỉnh đã chọn
  + Hỗ trợ tìm kiếm nhanh tỉnh và ngân hàng/KBNN: Gõ text cần tìm kiếm và nhấn phím F3
- CMND/CCCD/HC số, Ngày cấp, Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước: Cho phép nhập

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước khác tại chỉ tiêu [47] thì ghi thêm các thông tin sau:>

- Chỉ tiêu (2): Cho phép nhập. Kiểm tra đúng cấu trúc MST
- Chỉ tiêu (3), (4), (10): NNT tự nhập
- Chỉ tiêu (5): Hiển thị tên tiểu mục tương ứng với cột (7). Không cho sửa
- Chỉ tiêu (6), (7), (8): Chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu (9): Hiển thị tỉnh tương ứng với cột (8), Nếu cột (8) chọn cục Thuế DNL thì cột (9) cho chọn trong danh mục 63 tỉnh
- Chỉ tiêu (11): NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số

- Chỉ tiêu (12): NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, Kiểm tra tổng cột (12) = chỉ tiêu [47]
- Chỉ tiêu (13): UD tính theo công thức: (13) = (11) – (12), không cho sửa

3.5.8.1.1 Phụ lục 02-1/BK-QTT-TNCN: Phụ lục giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc

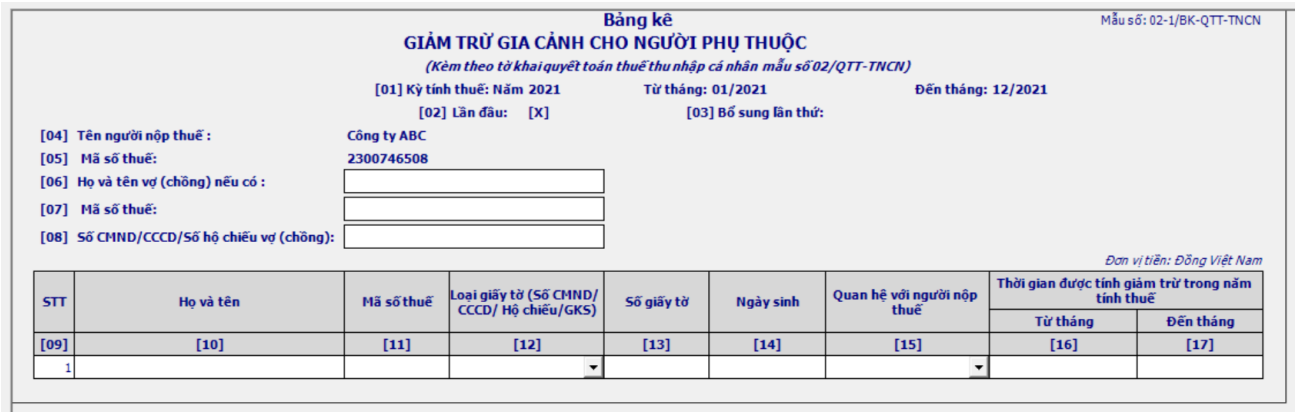

Bảng kê
GIẢM TRỪ GIA CẢNH CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC
Mẫu số: 02-1/BK-QTT-TNCN
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 02/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021 Từ tháng: 01/2021 Đến tháng: 12/2021
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế : Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Họ và tên vợ (chồng) nếu có :
[07] Mã số thuế:
[08] Số CMND/CCCD/Số hộ chiếu vợ (chồng):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Loại giấy tờ (Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/GKS)	Số giấy tờ	Ngày sinh	Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian được tính giảm trừ trong năm tính thuế	
							Từ tháng	Đến tháng
[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]
1								

- Chỉ tiêu [04]: Hiển thị theo thông tin tờ khai
- Chỉ tiêu [05]: Hiển thị theo thông tin tờ khai
- Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu text
- Chỉ tiêu [07]: Cho phép nhập. Kiểm tra đúng cấu trúc MST
- Chỉ tiêu [08]: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu [09]: UD tự tăng/giảm khi thêm/bớt dòng
- Chỉ tiêu [10]: Họ và tên: Bắt buộc nhập kiểu text
- Chỉ tiêu [11]: Cho phép nhập. Kiểm tra đúng cấu trúc MST
- Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu [13]: Bắt buộc nhập nếu không có MST
- Chỉ tiêu [14]: Nhập định dạng ngày <= ngày hiện tại
- Chỉ tiêu [15]: Chọn trong danh mục
- Chỉ tiêu [16]: Phải thuộc khoảng thời gian quyết toán
- Chỉ tiêu [17]: Phải thuộc thời gian quyết toán, kiểm tra Đến tháng >= Từ tháng

3.5.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

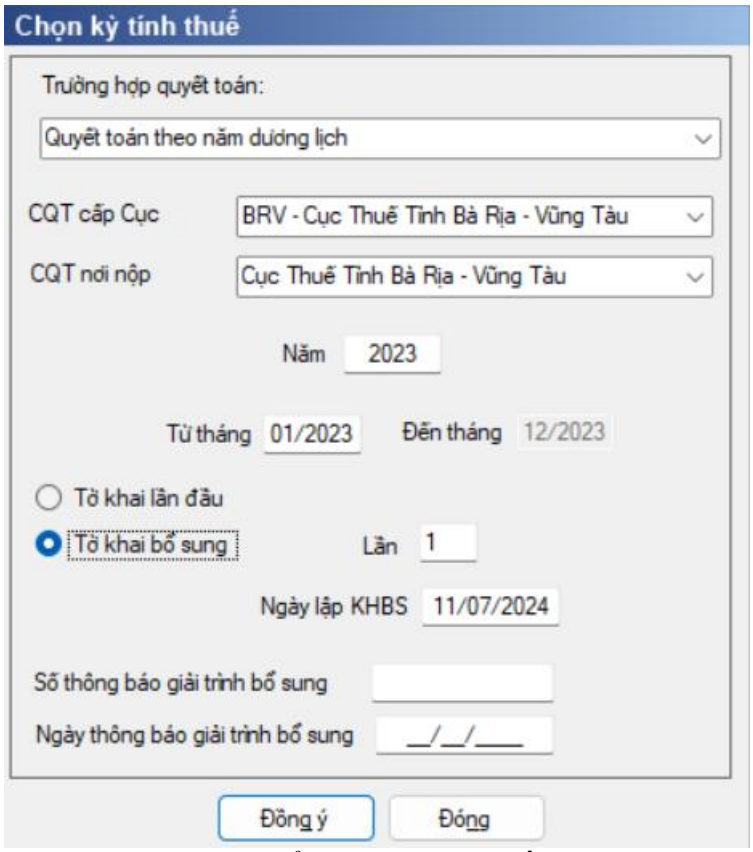

+ Số thông báo giải trình bổ sung: Nhập số thông báo CQT yêu cầu giải trình bổ sung (nếu có)

+ Ngày thông báo giải trình bổ sung: Nhập ngày CQT thông báo yêu cầu giải trình bổ sung (nếu có)

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

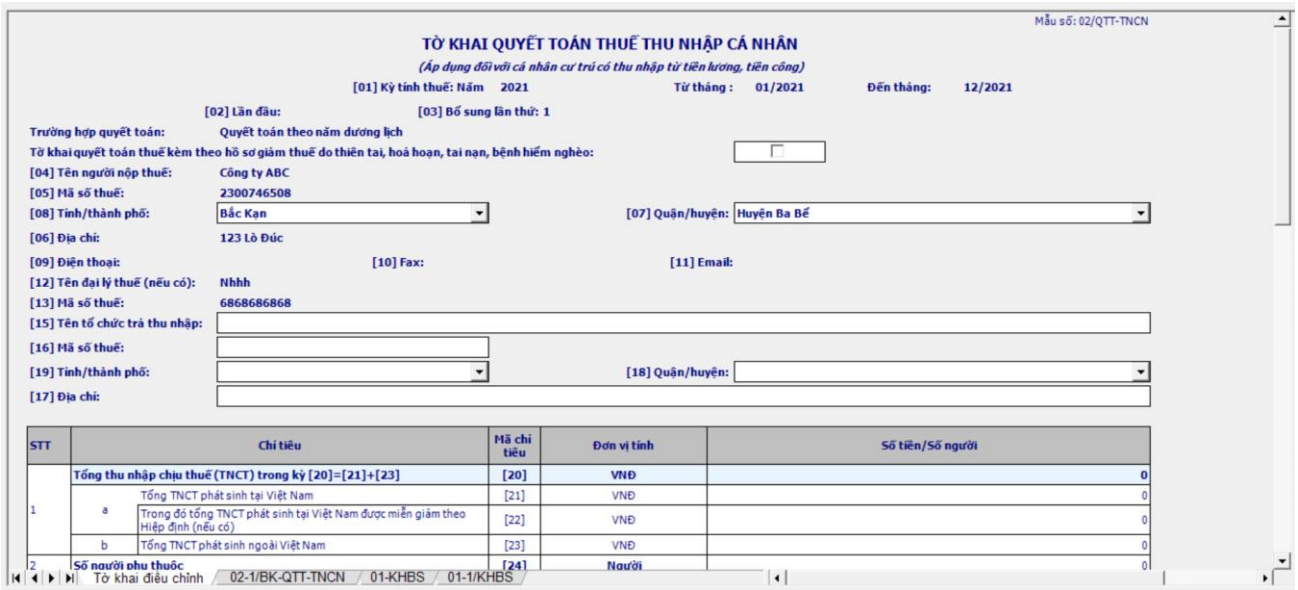

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-

1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.9 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 05/QTT-TNCN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "05/QTT-TNCN Tờ khai quyết toán thuế TNCN (TT80/2021).

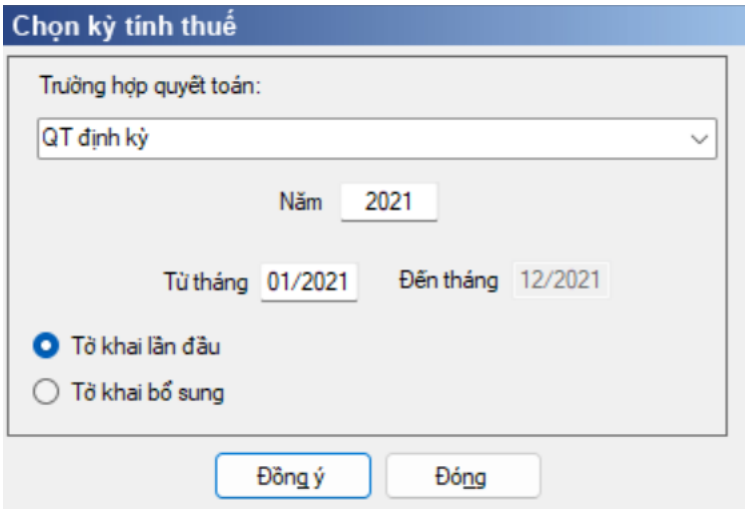

- Trường hợp quyết toán bao gồm:
  + QT định kỳ
  + Giải thể, phá sản
  + Chuyển đổi loại hình (đối với trường hợp CPH)
  + Chấm dứt hoạt động
  + Tổ chức lại doanh nghiệp
- Hiệu lực: Hiệu lực theo kỳ tính thuế, áp dụng đối với kỳ tính thuế từ năm 2021.
- CQT nộp tờ khai: CQT quản lý NNT
- Chọn "Tờ khai lần đầu", sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công (05/QTT-TNCN) với hộp chọn "Chính thức" được đánh dấu "X" .

3.5.9.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

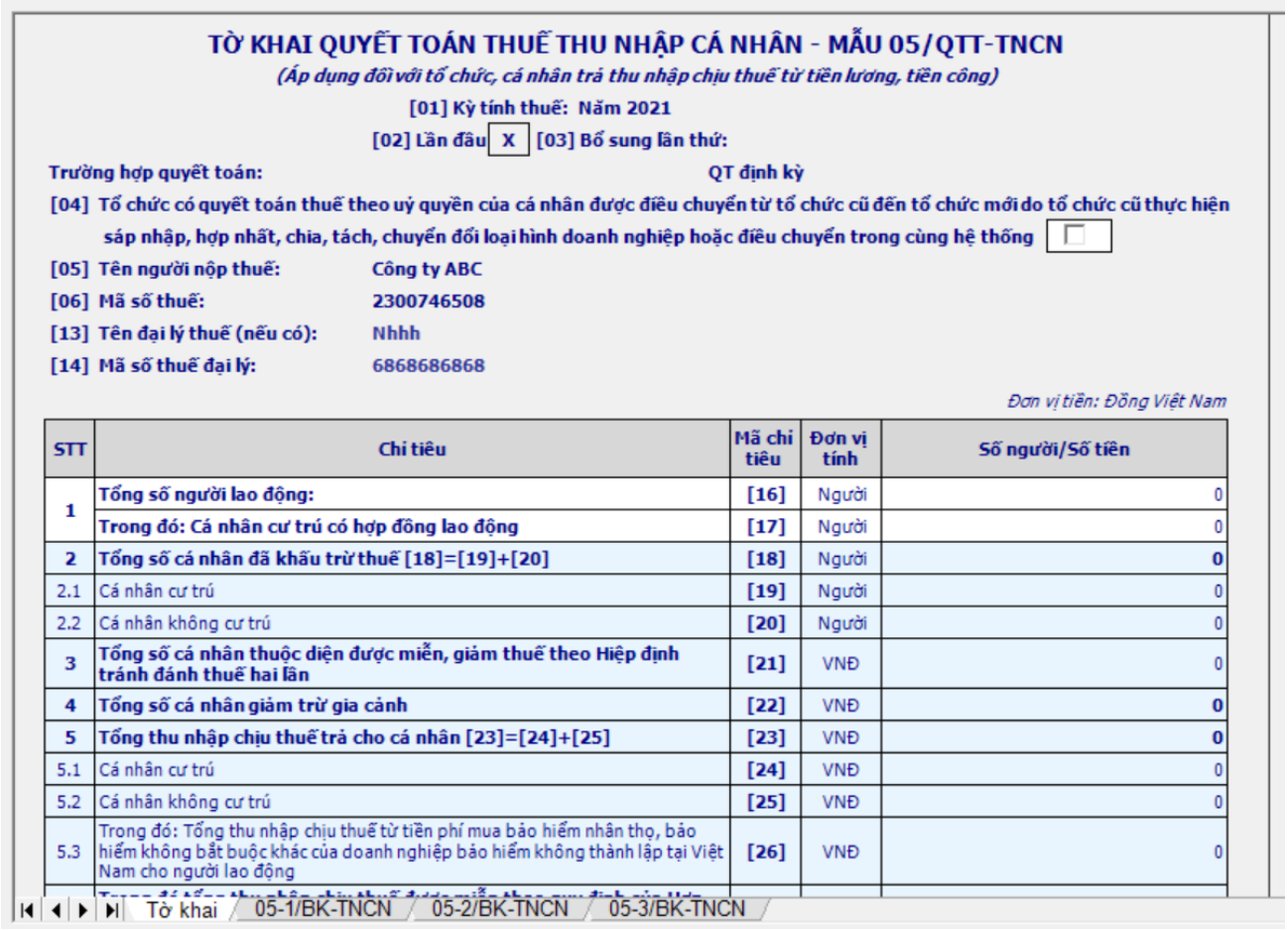

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 05/QTT-TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

Trường hợp quyết toán: QT định kỳ

[04] Tổ chức có quyết toán thuế theo uỷ quyền của cá nhân được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc điều chuyển trong cùng hệ thống [ ]

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

[13] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[14] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	[16]	Người	0
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	0
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]**	[18]	Người	0
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	0
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	0
3	**Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần**	[21]	VNĐ	0
4	**Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh**	[22]	VNĐ	0
5	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [23]=[24]+[25]**	[23]	VNĐ	0
5.1	Cá nhân cư trú	[24]	VNĐ	0
5.2	Cá nhân không cư trú	[25]	VNĐ	0
5.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[26]	VNĐ	0

Tờ khai | 05-1/BK-TNCN | 05-2/BK-TNCN | 05-3/BK-TNCN

- ***Chi tiết các chỉ tiêu:***

+ Chỉ tiêu [16]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số

+ Chỉ tiêu [17]: UD hiển thị [17] = Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-1 (tổng số dòng trên 05-1), cho phép sửa, kiểm tra [17] <= [16]

+ Chỉ tiêu [18]: UD tính theo công thức: [18]=[19]+[20], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [19]: UD tính theo công thức: [19] = Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-1 có [22] >0 + Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-2 có [15] >0 không đánh dấu ở [10], cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [20]: UD tính theo công thức: [20] = Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-2 có [15] >0 có đánh dấu ở [10], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [21]: UD tính theo công thức: [21] = Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-1 có [14] >0 + Tổng số lượng cá nhân trên BK 05-2 có [13] >0, kiểm tra [21] <= [18]

+ Chỉ tiêu [22]: UD tính theo công thức: [22] = Tổng cột [16] trên BK 05-1, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [23]: UD tính theo công thức: [23]=[24]+[25], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [24]: UD tính theo công thức: [24] = Tổng cột ([12] – [13] trên BK 05-1 + Tổng cột ([11]) trên BK 05-2 không đánh dấu ở [10], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [25]: UD tính theo công thức: [25] = Tổng cột ([11]) trên BK 05-2 có đánh dấu ở [10], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [26]: UD tính theo công thức: [26] = Tổng cột [12] trên BK 05-2, không cho sửa, kiểm tra [26] <= [23]

+ Chỉ tiêu [27]: UD tính theo công thức: [27] = Tổng cột [15] trên BK 05-1 + tổng cột [14] trên BK 05-2, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [28]: UD tính theo công thức: [28]=[29]+[30], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [29]: UD tính theo công thức: [29] = Tổng cột [12] của dòng có [22]>0 trên BK 05-1 + Tổng cột ([11]) trên BK 05-2 không đánh dấu ở [10] và có [15]>0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [30]: UD tính theo công thức: [30] = Tổng cột ([11]) trên BK 05-2 có đánh dấu ở [10] và có [15]>0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [31]: UD tính theo công thức: [31]=[32]+[33], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [32]: UD tính theo công thức: [32] = Tổng cột ([22] – [23]) trên BK 05-1 + Tổng cột [15] trên BK 05-2 không đánh dấu ở [10], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [33]: UD tính theo công thức: [33] = Tổng cột [15] trên BK 05-2 có đánh dấu ở [10], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [34]: UD tính theo công thức: [34] = Tông cột [16] trên BK 05-2, Kiểm tra [34] = [26] * 10% và [34] <= [31], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [35]: UD tính theo công thức: [35] = Tổng số dòng trên BK 05-1 đánh dấu ở [10] hoặc [11], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [36]: UD tính theo công thức: [36] = Tổng [22] của những dòng có đánh dấu ở [10] hoặc [11] trên BK 05-1, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [37]: UD tính theo công thức: [37] = Tổng [23] của những dòng có đánh dấu ở ([10] hoặc [11]) trên BK 05-1. Kiểm tra [37] <= [36], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [38]: UD tính theo công thức: [38] =Tổng [24] của những dòng có đánh dấu ở [10] hoặc [11] trên BK 05-1, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [39]: UD tính theo công thức: [39] = Tổng cột [26] những dòng có đánh dấu ở [27] trên BK 05-1, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [40]: UD tính theo công thức: [40] = ([38] – [36] – [39]) nếu ([38] – [36] – [39]) >=0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [41]: UD tính theo công thức: [40] = trị tuyệt đối ([38] – [36] – [39]) nếu ([38] – [36] – [39]) < 0, không cho sửa

3.5.9.1.1 Bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN:

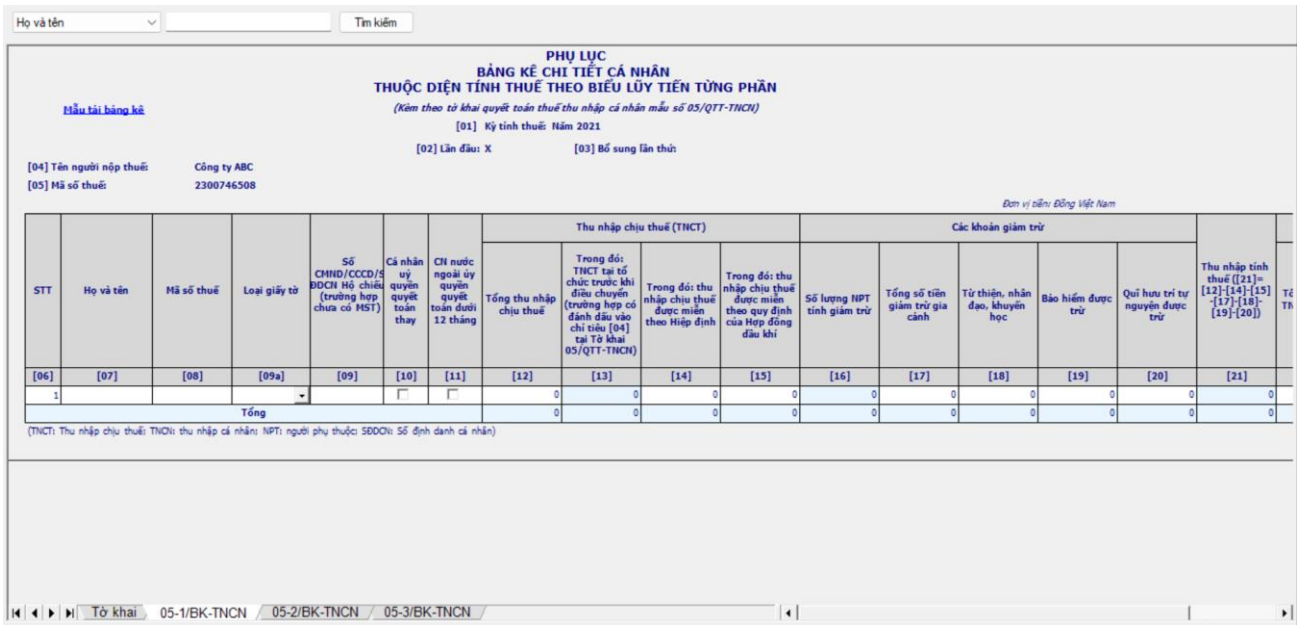

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [06] tự động tăng giảm

+ Chỉ tiêu [07]: Cho phép NNT tự nhập

+ Chỉ tiêu [08]: Bắt buộc nhập nếu có đánh dấu ở [10] hoặc [11]

• Nếu không tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST phải là mã định danh 12 số

• Nếu tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST là mã 10 số

+ Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh: Cho phép tích chọn

• Trường hợp tích chọn: Nếu chọn "Loại giấy tờ" thì phải là là "Hộ chiếu"

• Trường hợp không tích chọn: Nếu chọn "Loại giấy tờ" thì phải là "Thẻ CCCD/số định danh cá nhân"

+ Chỉ tiêu [09]: Bắt buộc nhập nếu không có [08]

+ Chỉ tiêu [10], [11]: Cho phép tích chọn

+ Chỉ tiêu [12], [13]: NNT nhập số, không âm, <= [12], Cho phép nhập giá trị <> 0 nếu có dánh dấu chỉ tiêu [04] tại Tờ khai

+ Chỉ tiêu [14], [15]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, <=[12]

+ Chỉ tiêu [16]: NNT nhập số, không âm, Đếm số lượng NPT ở Bảng kê 05-3 theo từng MST

+ Chỉ tiêu [17]: Mặc định = số giảm trừ bản thân + giảm trừ NPT, cho phép sửa nhưng không > số UD đã tính mặc định

+ Chỉ tiêu [18], [19]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số

+ Chỉ tiêu [20]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 số, <=12.000.000

+ Chỉ tiêu [21]: UD tính theo công thức: ([21]= [12]-[14]-[15]-[17] –[18] –[19]-[20]), nếu [21] < 0 thì hiển thị =0, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [22]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 số

+ Chỉ tiêu [23]: NNT nhập số, không âm, <= [22], Cho phép nhập giá trị <> 0 nếu có đánh dấu chỉ tiêu [04] tại Tờ khai

+ Chỉ tiêu [24]:

- Tích ct [10]: UD tính theo biểu lũy tiến của số tháng quyết toán của DN, không sửa Nhập kiểu số
- Tích ct [11]: UD tính theo biểu lũy tiến của số tháng quyết toán của DN, cho sửa

+ Chỉ tiêu [25]:

- Nếu tích 10 UD tính theo công thức: [25] = trị tuyệt đối ([24] – [22]) nếu ([24] – [22]) < 0, không cho sửa
- Nếu tích [11] UD tính theo công thức: 25] = trị tuyệt đối ([24] – [22]) nếu ([24] – [22]) < 0, cho sửa

+ Chỉ tiêu [26]: UD tính theo công thức: [26] = [24] – [22] > 0

+ Chỉ tiêu [27]: Nếu chọn thì [26] phải <50.000

3.5.9.1.2 Bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN:

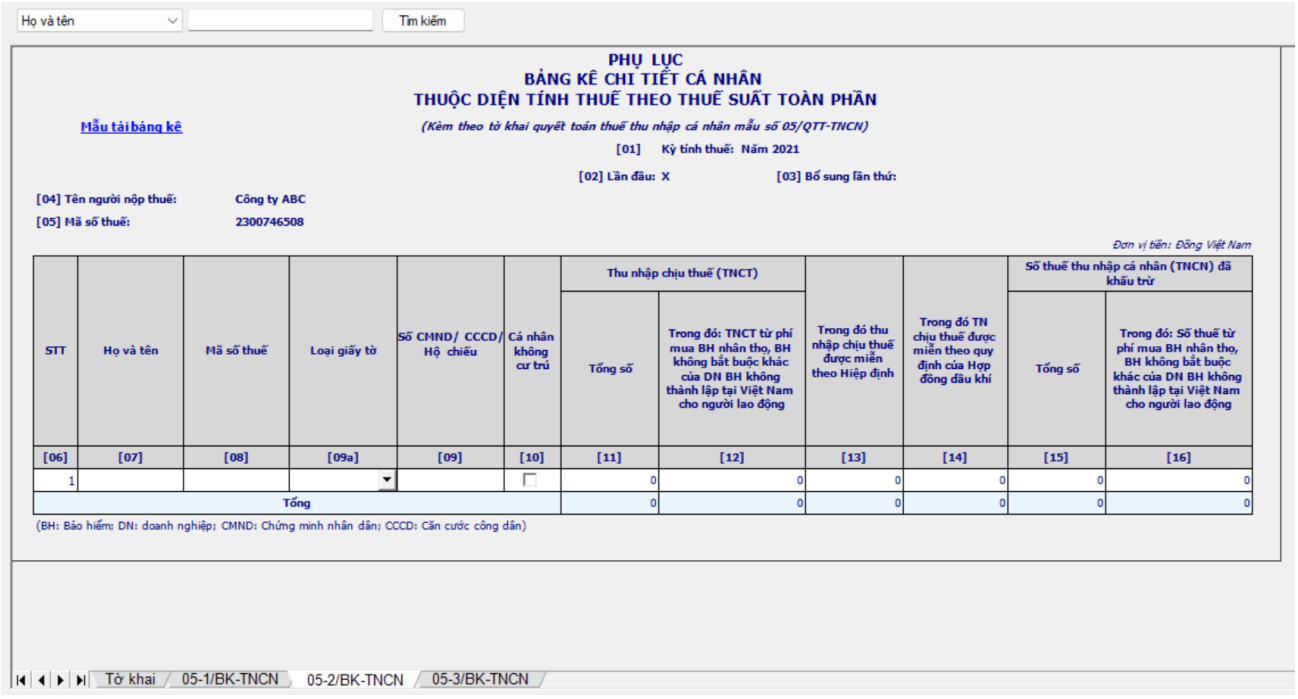

Chi tiết các chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu [06] tự tăng khi thêm dòng
- Chỉ tiêu [07]: Cho phép nhập
- Chỉ tiêu [08]: Bắt buộc nhập nếu có đánh dấu ở [10] hoặc [11]

+ Nếu không tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST phải là mã định danh 12 số

+ Nếu tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST là mã 10 số

- Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh: Cho phép tích chọn

+ Trường hợp tích chọn: Nếu chọn "Loại giấy tờ" thì phải là là "Hộ chiếu"

+ Trường hợp không tích chọn: Nếu chọn "Loại giấy tờ" thì phải là "Thẻ CCCD/số định danh cá nhân"

- Chỉ tiêu [09a]: Bắt buộc nhập nếu không có [08], Cho phép lựa chọn 1 trong các loại giấy tờ: Thẻ CCCD/số định danh cá nhân, Hộ chiếu
- Chỉ tiêu [09]: Bắt buộc nhập nếu không có [08]
- Chỉ tiêu [10]: Cho phép NNT tích chọn
- Chỉ tiêu [11]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số
- Chỉ tiêu [12], [13], [14]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 16 chữ số, <= [11]
- Chỉ tiêu [15]: NNT nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số
- Chỉ tiêu [16]: UD tính [16] = [12] * 10%, cho phép sửa kiểu số >=0 và kiểm tra <= [15]

3.5.9.1.3 Bảng kê 05-3/QTT-TNCN:

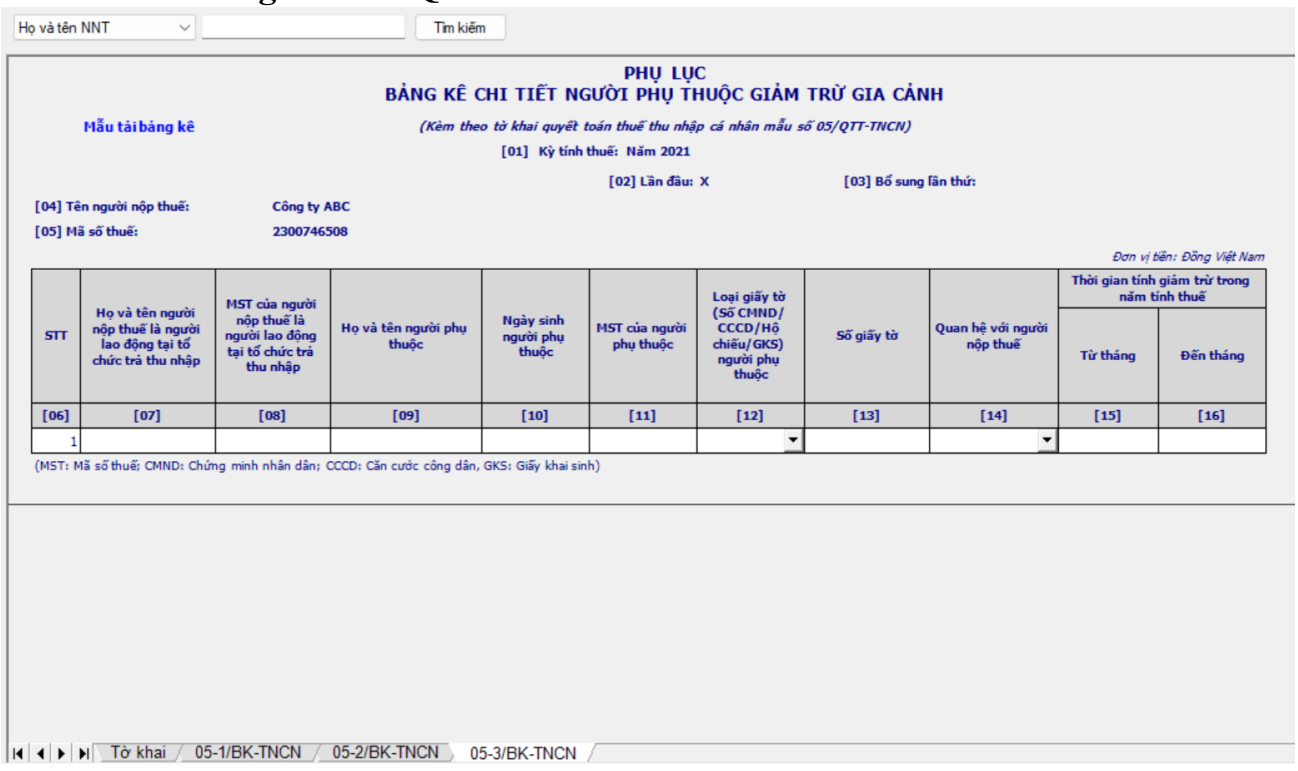

- ***Các chỉ tiêu cần nhập:*** Kiểm tra không được trùng các cột [8], [11], [12], [13]

+ Chỉ tiêu [06] tự động thêm dòng.

+ Chỉ tiêu [07]: cho phép NSD tự nhập kiểu text, bắt buộc nhập, nhập tối đa 100 kí tự.

+ Chỉ tiêu [08]: Bắt buộc nhập MST 10, 12 số; kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế

+ Chỉ tiêu [09]: cho phép NSD tự nhập kiểu text, bắt buộc nhập, nhập tối đa 100 kí tự.

+ Chỉ tiêu [10]: NSD nhập kiểu dd/mm/yyyy. Kiểm tra ngày sinh không được lớn hơn ngày hiện tại và phải nhỏ hơn hoặc bằng từ tháng giảm trừ

+ Chỉ tiêu [11]: Kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế và không được trùng với MST của người nộp thuế, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng

- Nếu không tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST phải là mã định danh 12 số
- Nếu tích chọn "Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh" thì MST là mã 10 số

+ Người nước ngoài hoặc người Việt Nam sống ở nước ngoài không có mã định danh: Cho phép tích chọn

- Trường hợp tích chọn: Kiểm tra "Loại giấy tờ" thì phải là là "Hộ chiếu hoặc Giấy khai sinh hoặc Khác"
- Trường hợp không tích chọn: Kiểm tra "Loại giấy tờ" thì phải là "Thẻ CCCD/số định danh cá nhân"

+ Chỉ tiêu [12]: Bắt buộc nhập nếu không có MST, chọn trong danh mục gồm "Thẻ CCCD/số định danh cá nhân, Hộ chiếu"

+ Chỉ tiêu [13]: Bắt buộc nhập nếu không có MST

+ Chỉ tiêu [14]: Bắt buộc nhập Cho phép NSD chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [15]: NNT nhập dạng MM/YYYY, phải thuộc khoảng thời gian quyết toán

+ Chỉ tiêu [16]: NNT nhập dạng MM/YYYY, phải thuộc khoảng thời gian quyết toán, kiểm tra Đến tháng >= Từ tháng

3.5.9.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

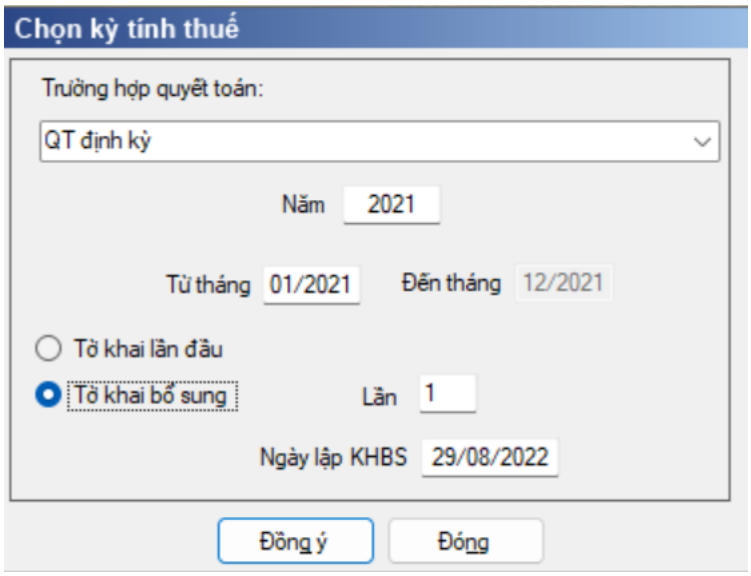

- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS" như sau:

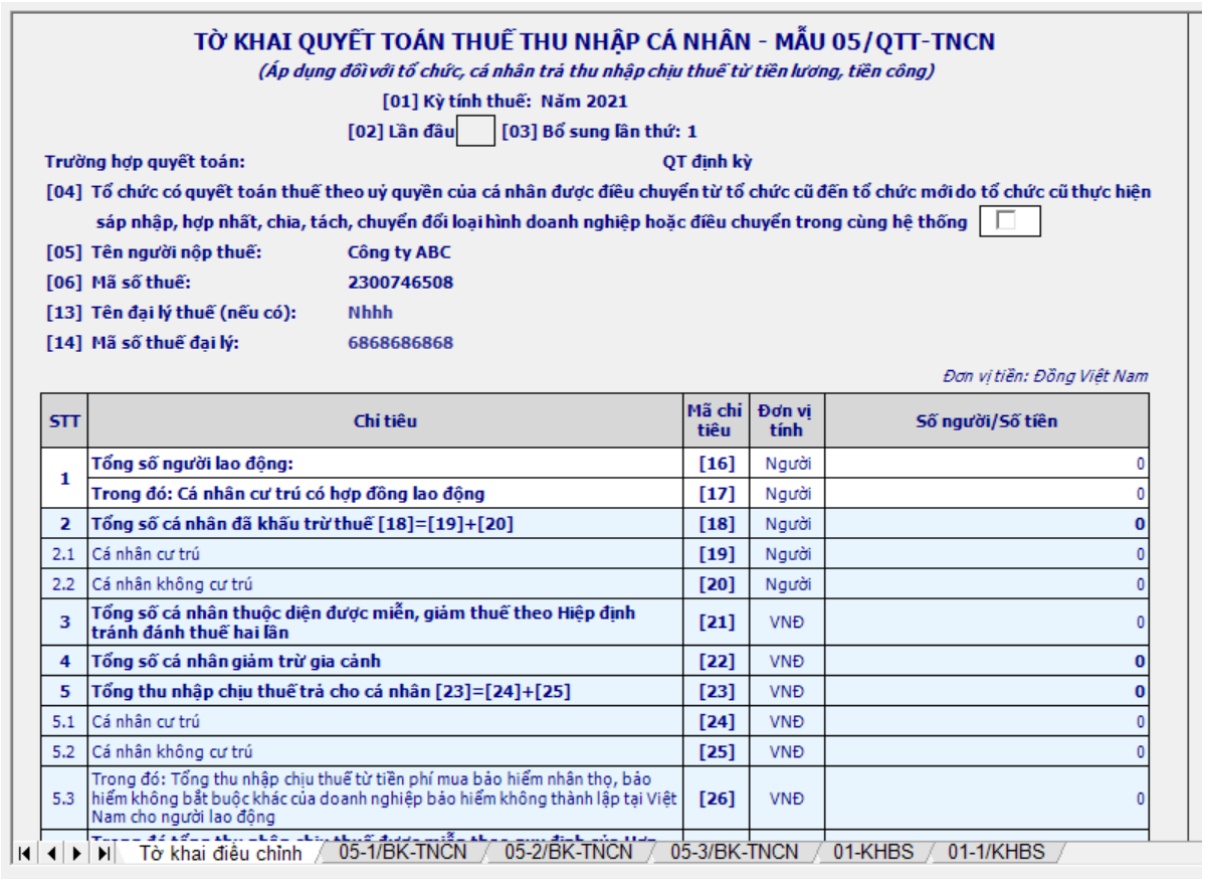

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN - MẪU 05/QTT-TNCN

(Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

Trường hợp quyết toán: QT định kỳ

[04] Tổ chức có quyết toán thuế theo uỷ quyền của cá nhân được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc điều chuyển trong cùng hệ thống ☐

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

[13] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[14] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	[16]	Người	0
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[17]	Người	0
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế [18]=[19]+[20]**	[18]	Người	**0**
2.1	Cá nhân cư trú	[19]	Người	0
2.2	Cá nhân không cư trú	[20]	Người	0
3	**Tổng số cá nhân thuộc diện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần**	[21]	VNĐ	0
4	**Tổng số cá nhân giảm trừ gia cảnh**	[22]	VNĐ	**0**
5	**Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân [23]=[24]+[25]**	[23]	VNĐ	**0**
5.1	Cá nhân cư trú	[24]	VNĐ	0
5.2	Cá nhân không cư trú	[25]	VNĐ	0
5.3	Trong đó: Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền phí mua bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập tại Việt Nam cho người lao động	[26]	VNĐ	0

Tờ khai điều chỉnh | 05-1/BK-TNCN | 05-2/BK-TNCN | 05-3/BK-TNCN | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

3.5.10 Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công (mẫu 20-ĐK-TH-TCT) (TT86/2024)

Cách gọi:

– Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu nhập Cá nhân" chọn "20-ĐK-TH-TCT đăng ký thuế tổng hợp NPT của CN có thu nhập từ TL,TC (TT86/2024)".

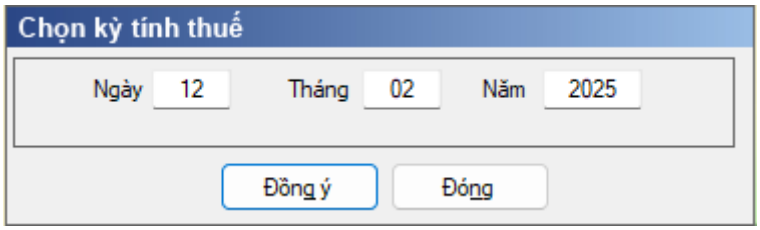

– Nhập ngày kê khai, nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai

3.5.10.1 Trường hợp NNT tích chọn "Đăng ký thuế"

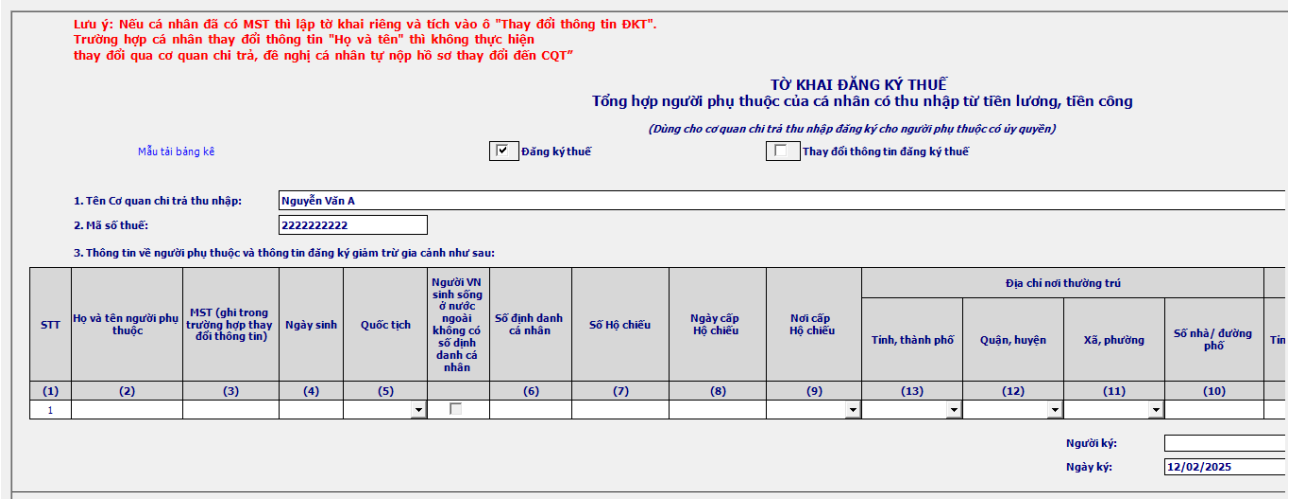
Lưu ý: Nếu cá nhân đã có MST thì lập tờ khai riêng và tích vào ô "Thay đổi thông tin ĐKT".
Trường hợp cá nhân thay đổi thông tin "Họ và tên" thì không thực hiện
thay đổi qua cơ quan chi trả, đề nghị cá nhân tự nộp hồ sơ thay đổi đến CQT"

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công

(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)

Mẫu tải bảng kê | ☑ Đăng ký thuế | ☐ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên Cơ quan chi trả thu nhập: Nguyễn Văn A
2. Mã số thuế: 2222222222
3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Quốc tịch	Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân	Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Địa chỉ nơi thường trú				
										Tỉnh, thành phố	Quận, huyện	Xã, phường	Số nhà/ đường phố	Tin
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(13)	(12)	(11)	(10)	
1					☐									

Người ký:
Ngày ký: 12/02/2025

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ (1) STT: Ứng dụng tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng

+ (2) Họ và tên người phụ thuộc: Nhập dạng text, tối đa 100 ký tự. UD bắt buộc nhập.

+ (3) Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin): UD không cho phép nhập chỉ tiêu này.

+ (4) Ngày sinh: Nhập dạng DD/MM/YYYY. UD bắt buộc nhập và kiểm tra ngày sinh <= ngày hiện tại

+ (5) Quốc tịch: UD bắt buộc chọn trong danh mục quốc gia.

+ Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân: Cho phép tích chọn nếu chỉ tiêu (5) là Việt Nam

+ (6) Số định danh cá nhân:

- Bắt buộc nhập nếu chọn Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Phải đúng số định danh 12 số

+ (7) Số Hộ chiếu:

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

+ (8) Ngày cấp Hộ chiếu: Nhập dạng DD/MM/YYYY.

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Nhập dạng DD/MM/YYYY, ngày cấp <= ngày hiện tại và ngày cấp > ngày sinh

+ (9) Nơi cấp Hộ chiếu:

- Bắt buộc chọn trong danh mục nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

+ **Địa chỉ nơi thường trú**: Nhập theo thứ tự Tỉnh/thành phố -> Quận/Huyện -> Xã/phường

- (10) Số nhà/ đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự. UD bắt buộc nhập
- (13) Tỉnh/Thành phố: Bắt buộc chọn trong danh mục 63 tỉnh
- (12) Quận/ Huyện: Bắt buộc chọn trong danh mục Quận, huyện thuộc Tỉnh, thành phố đã chọn ở chỉ tiêu (13)
- (11) Phường/ Xã: Bắt buộc chọn trong danh mục Xã, phường thuộc Quận, huyện đã chọn ở chỉ tiêu (12).

+ Địa chỉ hiện tại:

- (14) Số nhà/đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự. UD bắt buộc nhập
- (17) Tỉnh/Thành phố: UD bắt buộc chọn trong danh mục Tỉnh/ Thành phố thuộc Việt Nam.
- (16) Quận/ Huyện: UD bắt buộc chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh/thành phố đã chọn.
- (15) Phường/ Xã: UD bắt buộc chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc quận/huyện đã chọn.

+ (18) Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ: Bắt buộc chọn trong danh mục

+ (19) Tên cá nhân có thu nhập: UD bắt buộc nhập

+ (20) MST cá nhân có thu nhập: UD bắt buộc nhập

+ (21) Thời gian bắt đầu tính giảm trừ: Bắt buộc nhập theo đúng định dạng mm/yyyy

+ (22) Thời gian kết thúc tính giảm trừ: Nhập theo đúng định dạng mm/yyyy. Chỉ tiêu (22) phải >= chỉ tiêu (21)

3.5.10.2 Trường hợp NNT tích chọn "Thay đổi thông tin đăng ký thuế"

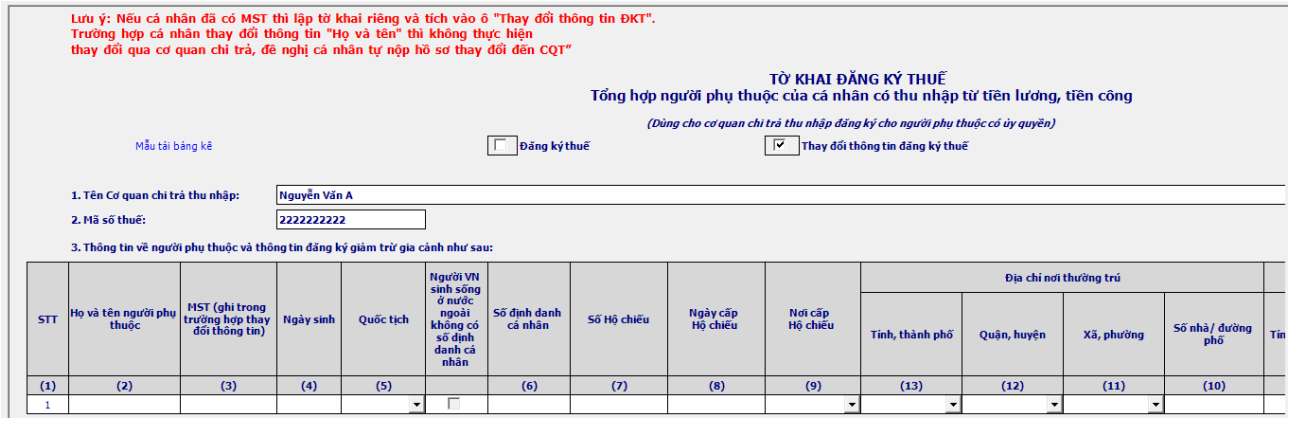

Lưu ý: Nếu cá nhân đã có MST thì lập tờ khai riêng và tích vào ô "Thay đổi thông tin ĐKT".
Trường hợp cá nhân thay đổi thông tin "Họ và tên" thì không thực hiện thay đổi qua cơ quan chi trả, đề nghị cá nhân tự nộp hồ sơ thay đổi đến CQT"

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp người phụ thuộc của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho người phụ thuộc có ủy quyền)

Mẫu tài bảng kê | Đăng ký thuế | Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên Cơ quan chi trả thu nhập: Nguyễn Văn A
2. Mã số thuế: 2222222222
3. Thông tin về người phụ thuộc và thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh như sau:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	MST (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Quốc tịch	Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân	Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Địa chỉ nơi thường trú				
										Tỉnh, thành phố	Quận, huyện	Xã, phường	Số nhà/ đường phố	Tin
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)		(6)	(7)	(8)	(9)	(13)	(12)	(11)	(10)	
1														

– Các chỉ tiêu cần nhập:

+ (1) STT: Ứng dụng tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng

+ (2) Họ và tên người nộp thuế: Khóa không cho phép nhập

+ (3) Mã số thuế-nếu có (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin): Bắt buộc nhập thông tin

+ (4) Ngày sinh: Nhập dạng DD/MM/YYYY. UD bắt buộc nhập và kiểm tra ngày sinh <= ngày hiện tại

+ (5) Quốc tịch: UD bắt buộc chọn trong danh mục quốc gia.

+ Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân: Cho phép tích chọn nếu chỉ tiêu (5) là Việt Nam

+ (6) Số định danh cá nhân:

- Bắt buộc nhập nếu chọn Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Phải đúng số định danh 12 số

+ (7) Số Hộ chiếu:

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số dịnh danh cá nhân

+ (8) Ngày cấp Hộ chiếu: Nhập dạng DD/MM/YYYY.

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Nhập dạng DD/MM/YYYY, ngày cấp <= ngày hiện tại và ngày cấp > ngày sinh

+ (9) Nơi cấp Hộ chiếu:

- Bắt buộc chọn trong danh mục nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (5) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (5) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (5) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

+ **Địa chỉ nơi thường trú**: Cho phép để trống, nếu nhập thì phải nhập đủ các chỉ tiêu (10), (11), (12), (13)

- (10) Số nhà/ đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự.
- (13) Tỉnh/Thành phố: chọn trong danh mục 63 tỉnh
- (12) Quận/ Huyện: chọn trong danh mục Quận, huyện thuộc Tỉnh, thành phố đã chọn ở chỉ tiêu (13).
- (11) Phường/ Xã: chọn trong danh mục Xã, phường thuộc Quận, huyện đã chọn ở chỉ tiêu (12).

+ **Địa chỉ hiện tại**: UD không bắt buộc nhập. Nếu sửa 1 giá trị trong địa chỉ hiện tại thì bắt buộc nhập các địa chỉ còn lại

- (14) Số nhà/đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự
- (17) Tỉnh/Thành phố: Chọn trong danh mục Tỉnh/ Thành phố thuộc Việt Nam.
- (16) Quận/ Huyện: Chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh/thành phố đã chọn.
- (15) Phường/ Xã: Chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc quận/huyện đã chọn.

+ (18) Quan hệ với cá nhân có thu nhập được giảm trừ: chọn trong danh mục

+ (19) Tên cá nhân có thu nhập: Nhập text

+ (20) MST cá nhân có thu nhập: UD bắt buộc nhập

+ (21) Thời gian bắt đầu tính giảm trừ: nhập theo đúng định dạng mm/yyyy

+ (22) Thời gian kết thúc tính giảm trừ: Nhập theo đúng định dạng mm/yyyy. Chỉ tiêu (22) phải >= chỉ tiêu (21)

3.5.11 Tờ khai đăng ký thuế tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền công, tiền lương (mẫu 05-ĐK-TH-TCT) (TT86/2024)

Cách gọi:

– Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu nhập Cá nhân" chọn "05-ĐK-TH-TCT Tờ khai đăng ký thuế qua cơ quan chi trả (TT86/2024)".

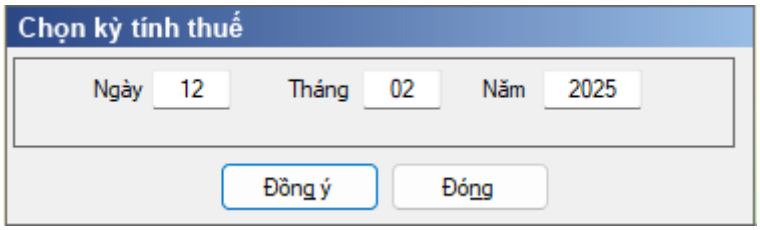

– Nhập ngày kê khai, nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai

3.5.11.1 Trường hợp NNT tích chọn "Đăng ký thuế"

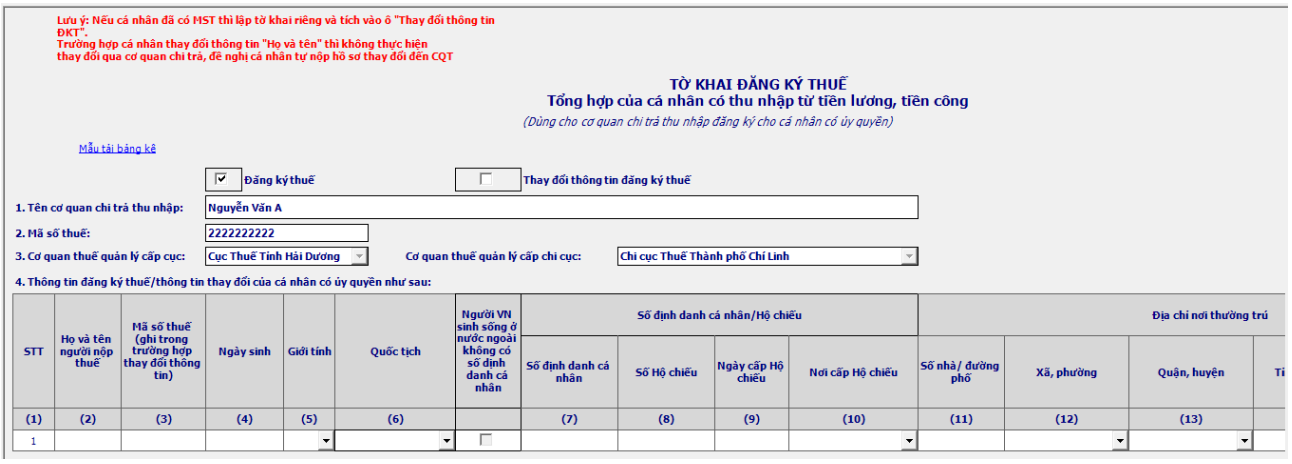
Lưu ý: Nếu cá nhân đã có MST thì lập tờ khai riêng và tích vào ô "Thay đổi thông tin ĐKT".
Trường hợp cá nhân thay đổi thông tin "Họ và tên" thì không thực hiện thay đổi qua cơ quan chi trả, đề nghị cá nhân tự nộp hồ sơ thay đổi đến CQT

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền)

Mẫu tài bảng kê

Đăng ký thuế ☐ Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập: Nguyễn Văn A
2. Mã số thuế: 2222222222
3. Cơ quan thuế quản lý cấp cục: Cục Thuế Tỉnh Hải Dương — Cơ quan thuế quản lý cấp chi cục: Chi cục Thuế Thành phố Chí Linh
4. Thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân có ủy quyền như sau:

STT	Họ và tên người nộp thuế	Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu				Địa chỉ nơi thường trú			
							Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Tỉ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1						☐								

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ (1) STT: Ứng dụng tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng

+ (2) Họ và tên người nộp thuế: Nhập dạng text, tối đa 100 ký tự. UD bắt buộc nhập.

+ (3) Mã số thuế-nếu có (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin): UD không cho phép nhập chỉ tiêu này.

+ (4) Ngày sinh: Nhập dạng DD/MM/YYYY. UD bắt buộc nhập và kiểm tra ngày sinh <= ngày hiện tại

+ (5) Giới tính: UD bắt buộc chọn trong Danh mục : Nam/Nữ.

+ (6) Quốc tịch: UD bắt buộc chọn trong danh mục quốc gia.

+ Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân: Cho phép tích chọn nếu chỉ tiêu (6) là Việt Nam

+ (7) Số định danh cá nhân:

- Bắt buộc nhập nếu chọn Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Phải đúng số định danh 12 số

+ (8) Số Hộ chiếu:

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

+ (9) Ngày cấp Hộ chiếu: Nhập dạng DD/MM/YYYY.

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Nhập dạng DD/MM/YYYY, ngày cấp <= ngày hiện tại và ngày cấp > ngày sinh

+ (10) Nơi cấp Hộ chiếu:

- Bắt buộc chọn trong danh mục nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

+ **Địa chỉ nơi thường trú**: Nhập theo thứ tự Quốc gia -> Tỉnh/thành phố -> Quận/Huyện -> Xã/phường

- Đối với địa chỉ tại Việt Nam: Phải đủ các thông tin Số nhà/ đường phố; tỉnh/ thành phố; quận/ huyện; phường/ xã.
- Đối với địa chỉ tại nước ngoài: Phải đủ các thông tin Số nhà/ đường phố; Quốc gia.
  - (11) Số nhà/ đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự. UD bắt buộc nhập
  - (15) Quốc gia: Bắt buộc chọn trong danh mục
  - (14) Tỉnh/Thành phố: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: Bắt buộc chọn trong danh mục 63 tỉnh. Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống
  - (13) Quận/ Huyện: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: Bắt buộc chọn trong danh mục Quận, huyện thuộc Tỉnh, thành phố đã chọn ở chỉ tiêu (14). Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống
  - (12) Phường/ Xã: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: Bắt buộc chọn trong danh mục Xã, phường thuộc Quận, huyện đã chọn ở chỉ tiêu (13). Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống

+ Địa chỉ hiện tại:

- (16) Số nhà/đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự. UD bắt buộc nhập
- (19) Tỉnh/Thành phố: UD bắt buộc chọn trong danh mục Tỉnh/ Thành phố thuộc Việt Nam.
- (18) Quận/ Huyện: UD bắt buộc chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh/thành phố đã chọn.
- (17) Phường/ Xã: UD bắt buộc chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc quận/huyện đã chọn.

+ (20) Điện thoại liên hệ: Nhập dạng text, tối đa 30 ký tự. UD không bắt buộc nhập.

+ (21) Email: Nhập dạng text, tối đa 241 ký tự. UD không bắt buộc nhập.

3.5.11.2 Trường hợp NNT tích chọn "Thay đổi thông tin đăng ký thuế"

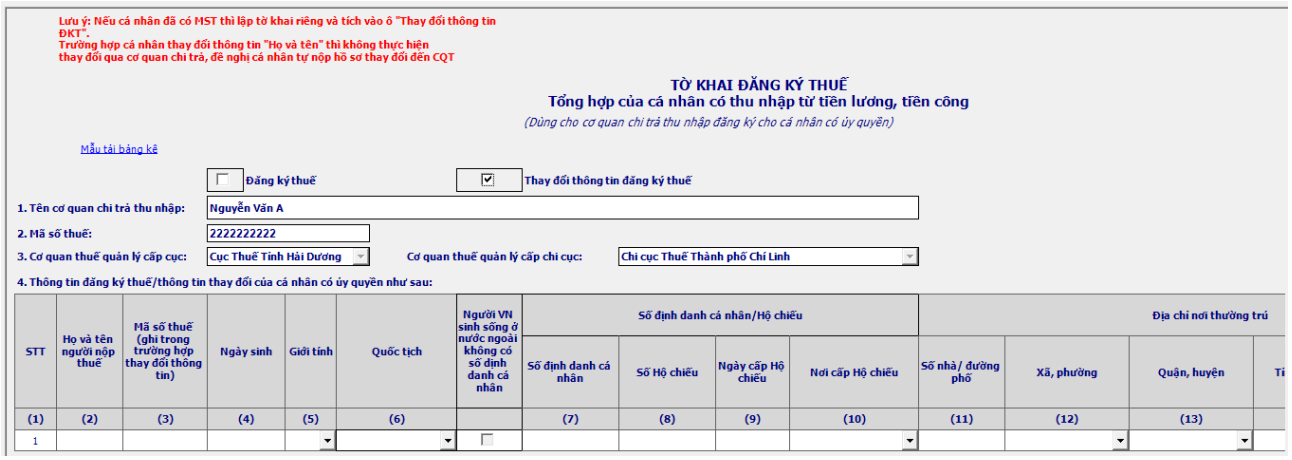
Lưu ý: Nếu cá nhân đã có MST thì lập tờ khai riêng và tích vào ô "Thay đổi thông tin ĐKT".
Trường hợp cá nhân thay đổi thông tin "Họ và tên" thì không thực hiện thay đổi qua cơ quan chi trả, đề nghị cá nhân tự nộp hồ sơ thay đổi đến CQT

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ
Tổng hợp của cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công
(Dùng cho cơ quan chi trả thu nhập đăng ký cho cá nhân có ủy quyền)

Mẫu tải bảng kê

Đăng ký thuế ☐ Thay đổi thông tin đăng ký thuế ☑

1. Tên cơ quan chi trả thu nhập: Nguyễn Văn A
2. Mã số thuế: 2222222222
3. Cơ quan thuế quản lý cấp cục: Cục Thuế Tỉnh Hải Dương — Cơ quan thuế quản lý cấp chi cục: Chi cục Thuế Thành phố Chí Linh
4. Thông tin đăng ký thuế/thông tin thay đổi của cá nhân có ủy quyền như sau:

STT	Họ và tên người nộp thuế	Mã số thuế (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin)	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân	Số định danh cá nhân/Hộ chiếu				Địa chỉ nơi thường trú			
							Số định danh cá nhân	Số Hộ chiếu	Ngày cấp Hộ chiếu	Nơi cấp Hộ chiếu	Số nhà/ đường phố	Xã, phường	Quận, huyện	Ti
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1						☐								

– Các chỉ tiêu cần nhập:

+ (1) STT: Ứng dụng tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng

+ (2) Họ và tên người nộp thuế: Khóa không cho phép nhập

+ (3) Mã số thuế-nếu có (ghi trong trường hợp thay đổi thông tin): Bắt buộc nhập thông tin

+ (4) Ngày sinh: Nhập dạng DD/MM/YYYY. UD bắt buộc nhập và kiểm tra ngày sinh <= ngày hiện tại

+ (5) Giới tính: UD bắt buộc chọn trong Danh mục : Nam/Nữ.

+ (6) Quốc tịch: UD bắt buộc chọn trong danh mục quốc gia.

+ Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân: Cho phép tích chọn nếu chỉ tiêu (6) là Việt Nam

+ (7) Số định danh cá nhân:

- Bắt buộc nhập nếu chọn Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Phải đúng số định danh 12 số

+ (8) Số Hộ chiếu:

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:

- TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
- TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

+ (9) Ngày cấp Hộ chiếu: Nhập dạng DD/MM/YYYY.

- Bắt buộc nhập nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Nhập dạng DD/MM/YYYY, ngày cấp <= ngày hiện tại và ngày cấp > ngày sinh

+ (10) Nơi cấp Hộ chiếu:

- Bắt buộc chọn trong danh mục nếu thỏa mãn 1 trong 2 trường hợp sau:
  - TH1: Chọn (6) Quốc tịch khác "Việt Nam"
  - TH2: Chọn (6) Quốc tịch "Việt Nam" và tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân
- Không cho nhập nếu chọn (6) Quốc tịch là "Việt Nam" và không tích chọn cột Người VN sinh sống ở nước ngoài không có số định danh cá nhân

+ **Địa chỉ nơi thường trú**: UD không bắt buộc nhập, nếu nhập thì:

- Đối với địa chỉ tại Việt Nam: Phải đủ các thông tin Số nhà/ đường phố; tỉnh/ thành phố; quận/ huyện; phường/ xã.
- Đối với địa chỉ tại nước ngoài: Phải đủ các thông tin Số nhà/ đường phố; Quốc gia.
  - (11) Số nhà/ đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự.
  - (15) Quốc gia: Chọn trong danh mục
  - (14) Tỉnh/Thành phố: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: chọn trong danh mục 63 tỉnh. Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống
  - (13) Quận/ Huyện: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: Bắt buộc chọn trong danh mục Quận, huyện thuộc Tỉnh, thành phố đã chọn ở chỉ tiêu (14). Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống
  - (12) Phường/ Xã: Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia là Việt Nam thì: chọn trong danh mục Xã, phường thuộc Quận, huyện đã chọn ở chỉ tiêu (13). Nếu chỉ tiêu (15) Quốc Gia khác Việt Nam thì cho phép để trống

+ Địa chỉ hiện tại: UD không bắt buộc nhập. Nếu sửa 1 giá trị trong địa chỉ hiện tại thì bắt buộc nhập các địa chỉ còn lại

- (16) Số nhà/đường phố: Nhập dạng text, tối đa 60 ký tự

- (19) Tỉnh/Thành phố: Chọn trong danh mục Tỉnh/ Thành phố thuộc Việt Nam.
- (18) Quận/ Huyện: Chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc tỉnh/thành phố đã chọn.
- (17) Phường/ Xã: Chọn trong danh mục Phường/Xã thuộc quận/huyện đã chọn.

+ (20) Điện thoại liên hệ: Nhập dạng text, tối đa 30 ký tự. UD không bắt buộc nhập.

+ (21) Email: Nhập dạng text, tối đa 241 ký tự. UD không bắt buộc nhập.

3.5.12 Danh sách chi tiết số tiền nộp thuế TNCN đã nộp thay cho từng cá nhân

Cách gọi

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "DS chi tiết số tiền nộp thuế TNCN đã nộp thay".

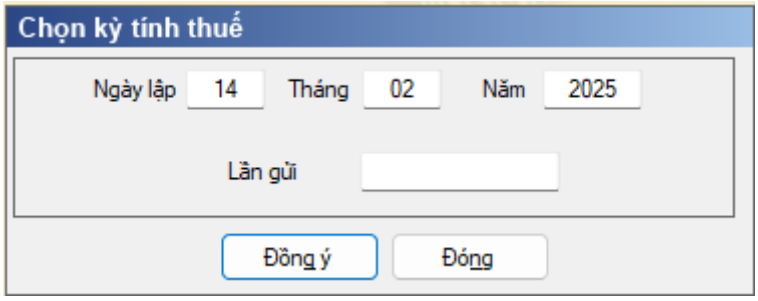

- Để bắt đầu thực hiện kê khai, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Ngày lập: Bắt buộc nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, ngày lập <= Ngày hiện tại

+ Lần gửi: Bắt buộc nhập dạng số tự nhiên >0

- Sau đó nhấn <Đồng ý> thì UD hiển thị màn hình kê khai chi tiết như sau:

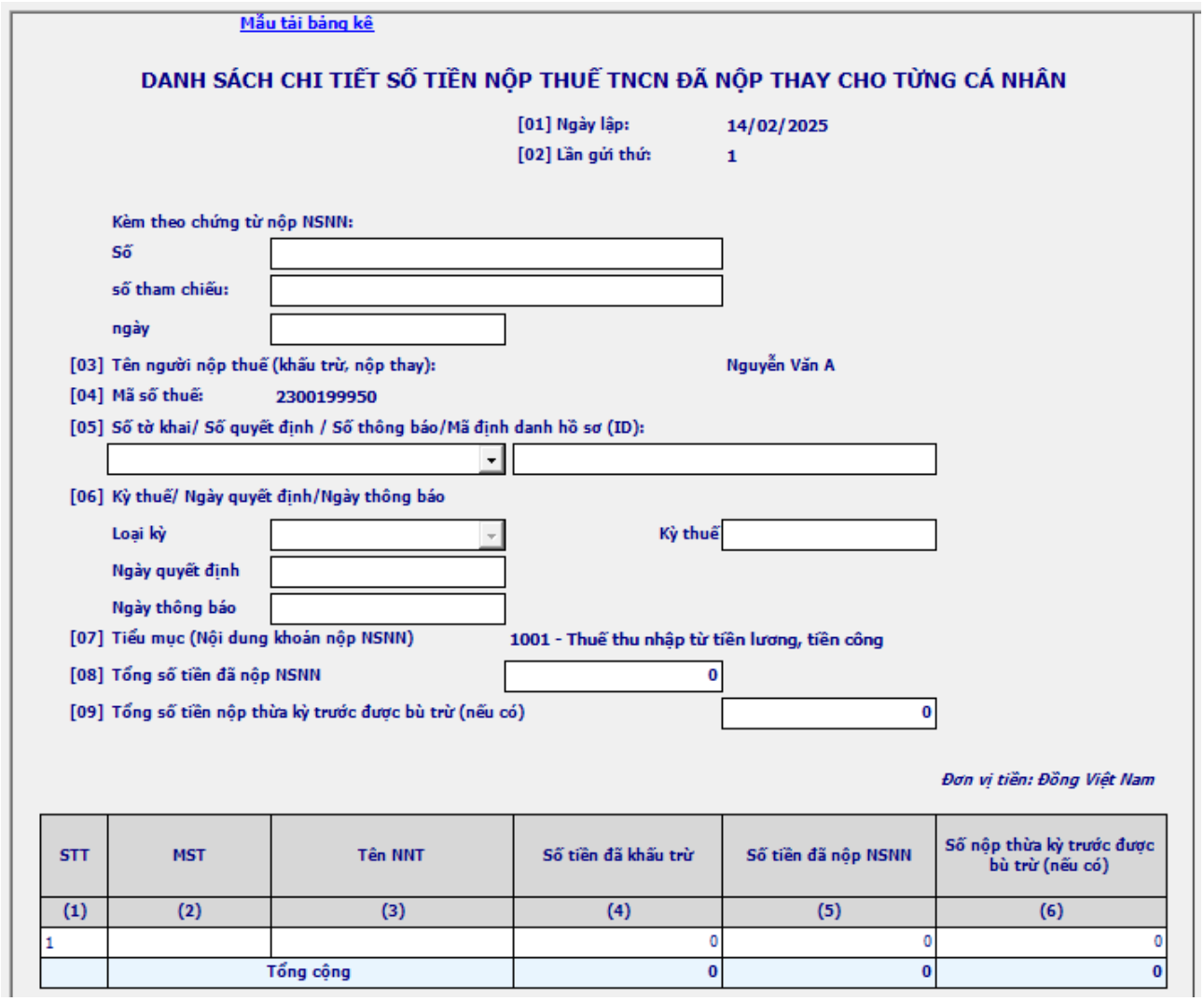

Mẫu tải bảng kê

DANH SÁCH CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ TNCN ĐÃ NỘP THAY CHO TỪNG CÁ NHÂN

[01] Ngày lập: 14/02/2025

[02] Lần gửi thứ: 1

Kèm theo chứng từ nộp NSNN:

Số

số tham chiếu:

ngày

[03] Tên người nộp thuế (khấu trừ, nộp thay): Nguyễn Văn A

[04] Mã số thuế: 2300199950

[05] Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):

[06] Kỳ thuế/ Ngày quyết định/Ngày thông báo

Loại kỳ

Kỳ thuế

Ngày quyết định

Ngày thông báo

[07] Tiểu mục (Nội dung khoản nộp NSNN) 1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công

[08] Tổng số tiền đã nộp NSNN 0

[09] Tổng số tiền nộp thừa kỳ trước được bù trừ (nếu có) 0

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	MST	Tên NNT	Số tiền đã khấu trừ	Số tiền đã nộp NSNN	Số nộp thừa kỳ trước được bù trừ (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1			0	0	0
	Tổng cộng		0	0	0

+ Các chỉ tiêu cần nhập:

- *Kèm theo chứng từ nộp NSNN:*
  - *Số:* Bắt buộc nhập số chứng từ, định dạng text
  - *Số tham chiếu:* Bắt buộc nhập số tham chiếu, định dạng text
  - *Ngày:* Bắt buộc nhập ngày, định dạng dd/mm/yyyy và ngày phải <= ngày hiện tại
- Chỉ tiêu [05] Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):
  - Bắt buộc chọn 1 trong 4 giá trị sau đó nhập thông tin chi tiết
- Chỉ tiêu [06] Kỳ thuế/ Ngày quyết định/Ngày thông báo:
  - Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số tờ khai" thì bắt buộc chọn 1 trong các loại kỳ thuế (Năm/ quý/ tháng/ lần phát sinh) sau đó nhập thông tin kỳ thuế
    - ➢ Nếu chọn Loại kỳ là "Năm" thì nhập theo kỳ thuế theo định dạng yyyy
    - ➢ Nếu chọn Loại kỳ là "Quý" thì nhập kỳ thuế theo định dạng Q/yyyy
    - ➢ Nếu chọn Loại kỳ là "Tháng" thì nhập kỳ thuế theo định dạng mm/yyyy

➢ Nếu chọn Loại kỳ là "Lần phát sinh" thì nhập kỳ thuế theo định dạng dd/mm/yyyy

o Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số quyết định" thì bắt buộc nhập "Ngày quyết định" theo định dạng dd/mm/yyyy

o Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số thông báo" thì bắt buộc nhập "Ngày thông báo" theo định dạng dd/mm/yyyy

- Chỉ tiêu [07] Tiểu mục (Nội dung khoản nộp NSNN): Mặc định là "1001 - Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công"
- Chỉ tiêu [08] Tổng số tiền đã nộp NSNN: Bắt buộc nhập số nguyên >0
- Chỉ tiêu [09] Tổng số tiền nộp thừa kỳ trước được bù trừ (nếu có): Nhập số nguyên >=0
- Cột (2) MST: Bắt buộc nhập, không được nhập trùng MST giữa các dòng
- Cột (3) Tên NNT: Bắt nhập nhập, định dạng text
- Cột (4) Số tiền đã khấu trừ: bắt buộc nhập số nguyên >0
- Cột (5) Số tiền đã nộp NSNN: Hiển thị mặc định = cột (4), cho phép sửa định dạng số nguyên >=0. Tổng cột (5) phải = chỉ tiêu [08]
- Cột (6) Số nộp thừa kỳ trước được bù trừ (nếu có): Nhập số nguyên >=0. Tổng cột (6) phải = chỉ tiêu [09]

3.6 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế nhà thầu

3.6.1 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 01/NTNN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế nhà thầu" chọn "Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (01/NTNN) (TT80/2021)".
- Đối với Tờ khai thuế 01/NTNN, UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"

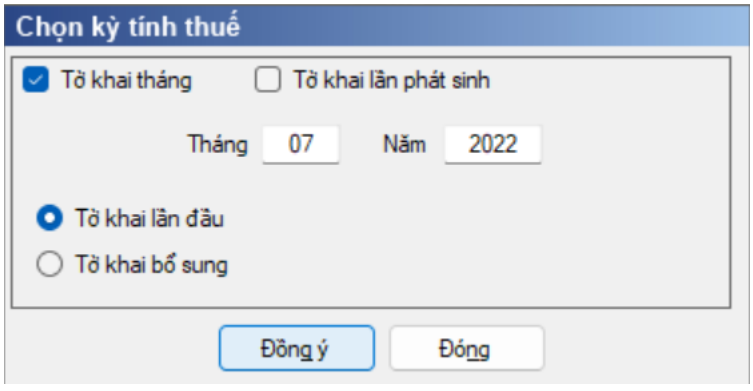

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai lần phát sinh có hiệu lực từ ngày 01/01/2022

- Hạn nộp tờ khai:

+ Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngàu phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

3.6.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

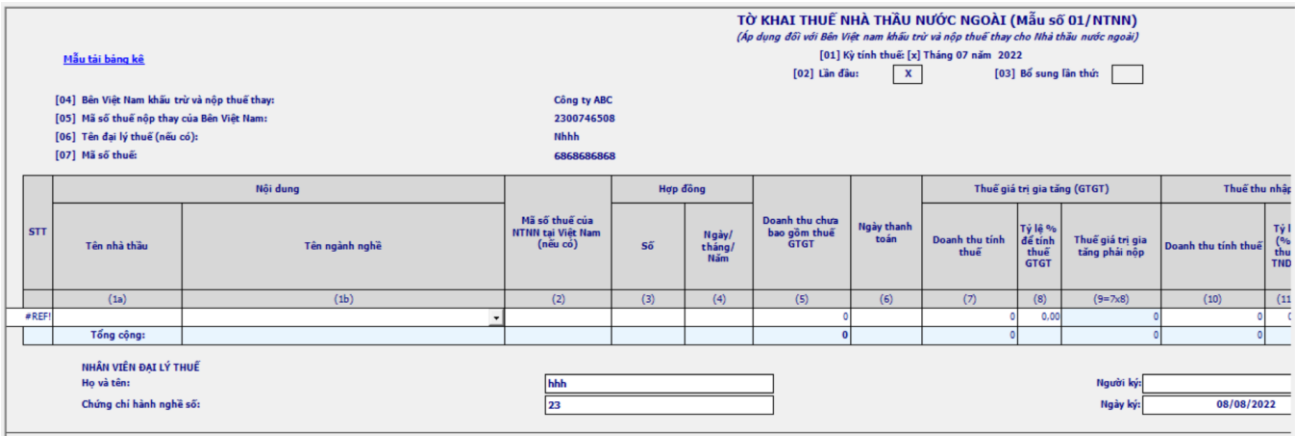

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI (Mẫu số 01/NTNN)

(Áp dụng đối với Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

Mẫu tài bảng kê

[01] Kỳ tính thuế: [x] Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Nội dung		Mã số thuế của NTNN tại Việt Nam (nếu có)	Hợp đồng		Doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT	Ngày thanh toán	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập	
	Tên nhà thầu	Tên ngành nghề		Số	Ngày/ tháng/ Năm			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ l (% thu TND
	(1a)	(1b)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=7x8)	(10)	(11
#REF!						0		0	0,00	0	0	
	Tổng cộng:					0		0		0	0	

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh

Chứng chỉ hành nghề số: 23

Người ký:

Ngày ký: 08/08/2022

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột (1a): Cho phép NSD tự nhập, kiểu text

+ Cột (1b): Bắt buộc chọn trong danh mục

+ Cột (2): Cho phép NSD tự nhập, có thể nhập mã 10 hoặc mã 13

+ Cột (3): NSD tự nhập kiểu text

+ Cột (4), (6): NSD tự nhập, dạng dd/mm/yyyy

+ Cột (5), (7), (10): NSD tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0

+ Cột (8): Chọn trong danh mục 2%, 3%, 5%

+ Cột (11): Chọn trong danh mục 0.1%, 1%, 2%, 5%, 10%

+ Cột (12): NSD tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra chỉ tiêu [12] phải nhỏ hơn [10]*[11]

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính theo công thức và các ràng buộc trên tờ khai:**

+ Cột (9) = (7) * (8), không cho sửa.

+ Cột (13) = (10) * (11) – (12), không cho sửa

+ Cột (14) = (9) + (13)

+ Tại dòng "Tổng cộng" = (5) + (7) + (9) + (10) + (12) + (13) + (14)

3.6.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"

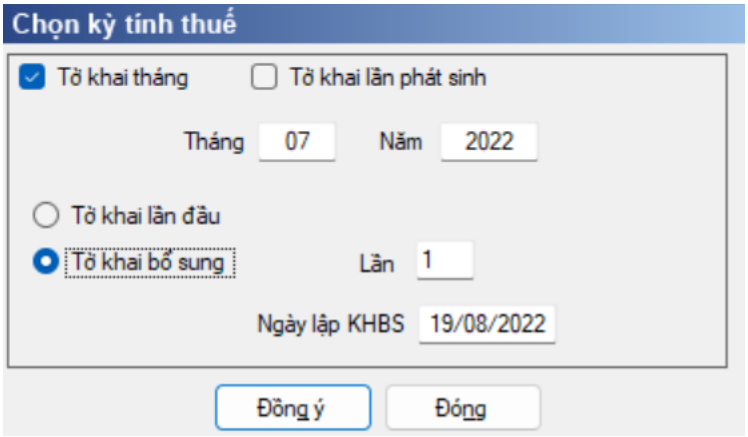

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho các chỉ tiêu có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.6.2 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 02/NTNN đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số (02/NTNN)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

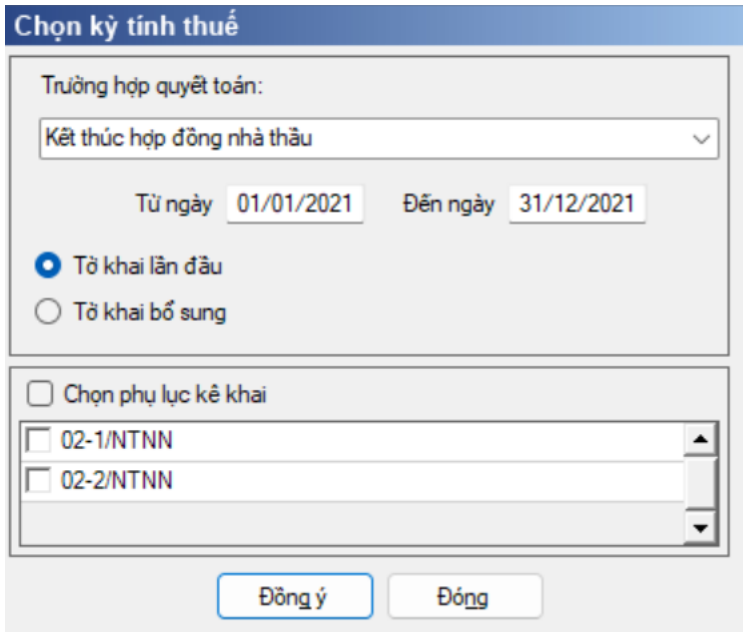

- Nhập từ ngày, đến ngày trên form kỳ tính thuế.
  + Nhập từ ngày <= đến ngày
  + Đến ngày <= tháng hiện tại
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 02/NTNN.

3.6.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

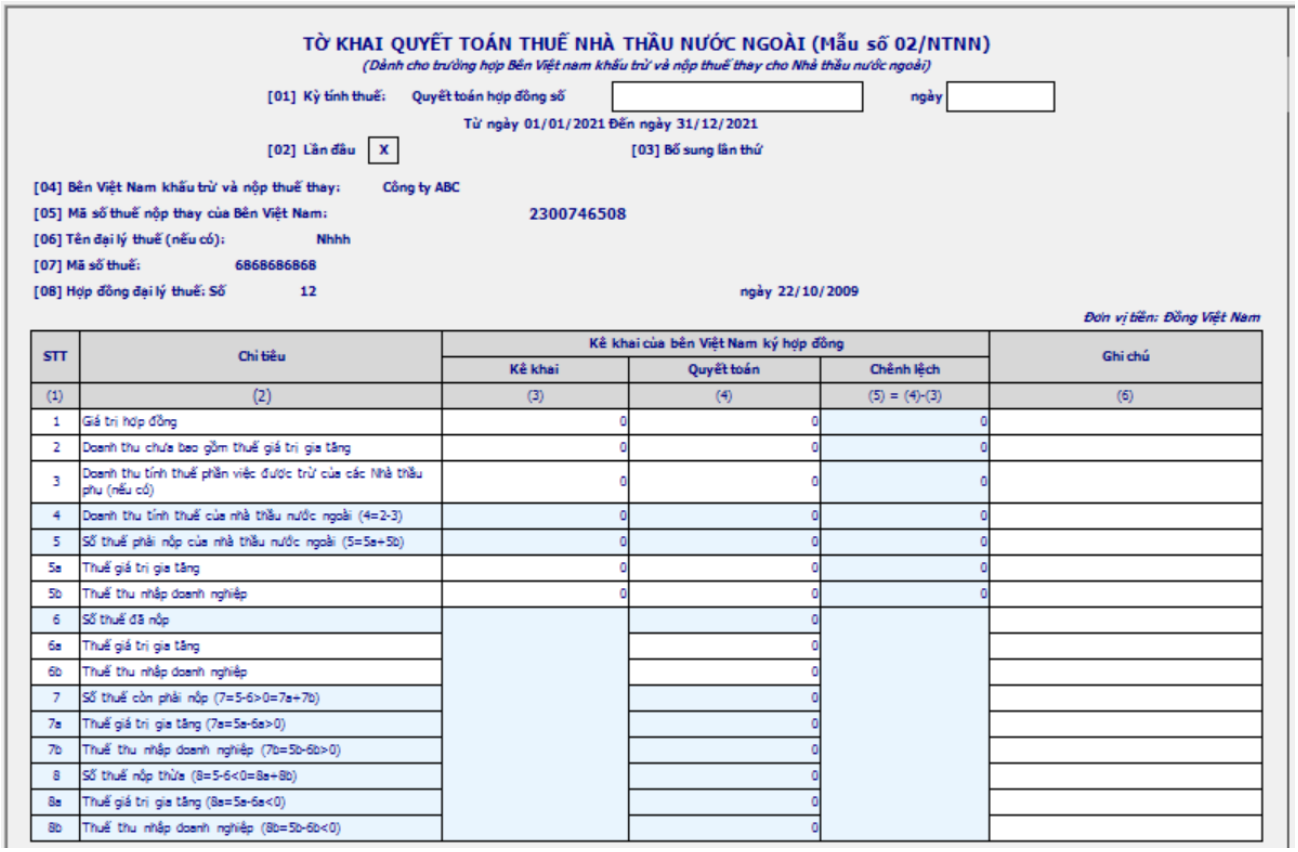

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI (Mẫu số 02/NTNN)

(Dành cho trường hợp Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Quyết toán hợp đồng số ngày

Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Kê khai của bên Việt Nam ký hợp đồng			Ghi chú
		Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng	0	0	0	
2	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng	0	0	0	
3	Doanh thu tính thuế phần việc được trừ của các Nhà thầu phụ (nếu có)	0	0	0	
4	Doanh thu tính thuế của nhà thầu nước ngoài (4=2-3)	0	0	0	
5	Số thuế phải nộp của nhà thầu nước ngoài (5=5a+5b)	0	0	0	
5a	Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	
5b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	
6	Số thuế đã nộp		0		
6a	Thuế giá trị gia tăng		0		
6b	Thuế thu nhập doanh nghiệp		0		
7	Số thuế còn phải nộp (7=5-6>0=7a+7b)		0		
7a	Thuế giá trị gia tăng (7a=5a-6a>0)		0		
7b	Thuế thu nhập doanh nghiệp (7b=5b-6b>0)		0		
8	Số thuế nộp thừa (8=5-6<0=8a+8b)		0		
8a	Thuế giá trị gia tăng (8a=5a-6a<0)		0		
8b	Thuế thu nhập doanh nghiệp (8b=5b-6b<0)		0		

- Các chỉ tiêu trên tờ khai:
  + ***Cột [2] - Chỉ tiêu***: Ứng dụng hiển thị danh sách các nội dung công việc
  + Cột [3] - Kê khai:
    - Chỉ tiêu [1]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [2]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [3]: Cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], nếu [4] < 0 thì set = 0
    - Chỉ tiêu [5a], [5b]- NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [5] = [5a] + [5b]
    - Chỉ tiêu [6a], [6b]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
  + Cột [4] – Quyết toán:
    - Chỉ tiêu [1]: UD hỗ trợ tự động lấy từ tổng cột (8) trên PL 02-1/NTNN + tổng cột (9) trên PL 02-2/NTNN, cho phép sửa, nếu khác thì cảnh báo vàng
    - Chỉ tiêu [2]: Tự động lấy tổng cột (9) trên PL 02-1/NTNN cộng tổng cột (10) trên PL 02_2/NTNN, cho phép sửa, nếu khác thì UD cảnh báo vàng.
    - Chỉ tiêu [3]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], nếu [4] < 0 thì set = 0

- Chỉ tiêu [5a], [5b]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [5] = [5a] + [5b]
- Chỉ tiêu [6a], [6b]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [6] = [6a] + [6b]
- Chỉ tiêu [7] = trị tuyệt đối của [5] - [6]
- Chỉ tiêu [7a] = trị tuyệt đối của [5a] - [6a]
- Chỉ tiêu [7b] = trị tuyệt đối của [5b] - [6b]
- Chỉ tiêu [8] = trị tuyệt đối của [5] – [6]
- Chỉ tiêu [8a] = trị tuyệt đối của [5a] - [6a]
- Chỉ tiêu [8b] = trị tuyệt đối của [5b] - [6b]

+ ***Cột [5] – Chênh lệch***: Cột [5] = cột [4] – cột [3], kết quả có thể âm
+ ***Cột [6] – Ghi chú***: NSD tự nhập, dạng text

3.6.2.1.1 Phụ lục 02-1/NTNN: Bảng kê các nhà thầu nước ngoài

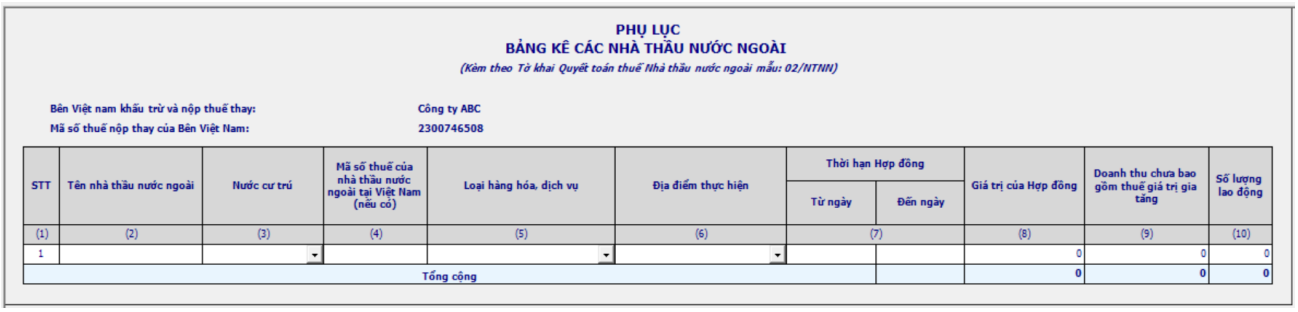

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 02/NTNN)

Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC
Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

STT	Tên nhà thầu nước ngoài	Nước cư trú	Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)	Loại hàng hóa, dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Thời hạn Hợp đồng		Giá trị của Hợp đồng	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng	Số lượng lao động
						Từ ngày	Đến ngày			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)		(8)	(9)	(10)
1								0	0	0
Tổng cộng								0	0	0

- ***Các thông tin cần nhập:***

+ Cột (1): Ứng dụng tự hỗ trợ tăng.
+ Cột (2): NNT nhập text, tối đa 200 ký tự
+ Cột (3): UD hỗ trợ NSD chọn trong danh mục
+ Cột (4): cho phép NNT tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
+ Cột (5): Cho phép NTT chọn trong danh mục ngành nghề (giống tờ 01/NTNN, 03/NTNN)
+ Cột (6): UD hỗ trợ NSD chọn trong danh mục 63 tỉnh
+ Cột (7): NNT nhập theo định dạng dd/mm/yyyy
+ Cột (8), (9), (10): Nhập số, không âm, tối đa 15 số

3.6.2.1.2 Phụ lục 02-2/NTNN: Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu

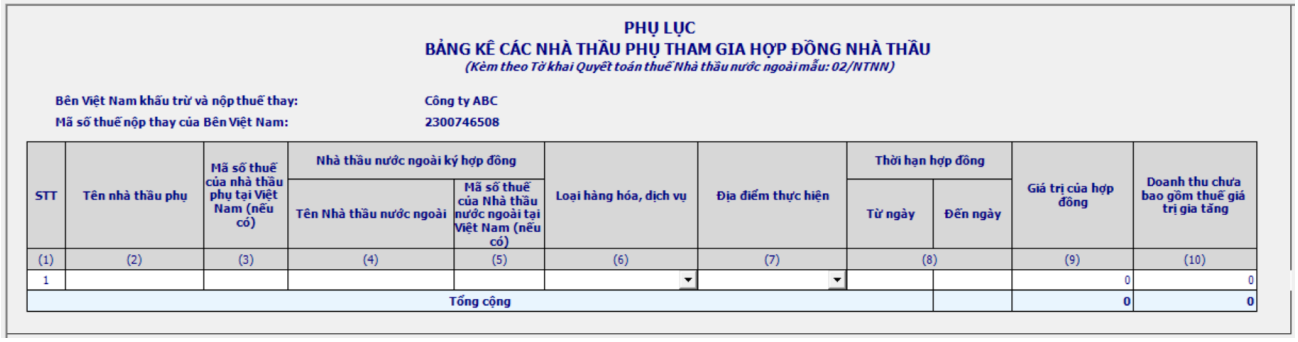

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU PHỤ THAM GIA HỢP ĐỒNG NHÀ THẦU
(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 02/NTNN)

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC
Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

STT	Tên nhà thầu phụ	Mã số thuế của nhà thầu phụ tại Việt Nam (nếu có)	Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng		Loại hàng hóa, dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Thời hạn hợp đồng		Giá trị của hợp đồng	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng
			Tên Nhà thầu nước ngoài	Mã số thuế của Nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)			Từ ngày	Đến ngày		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		(9)	(10)
1									0	0
Tổng cộng									0	0

- **Các thông tin cần nhập:**

+ Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tăng

+ Cột (2), (4): cho phép NNT tự nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự

+ Cột (3), (5): Bắt buộc NNT tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST

+ Cột (6): NNT chọn trong danh mục ngành nghề (giống tờ 01/NTNN, 03/NTNN)

+ Cột (7): NNT chọn trong danh mục 63 tỉnh

+ Cột (8): NNT nhập theo định dạng dd/mm/yyyy

+ Cột (9), (10): NNT nhập số, không âm, tối đa 15 số

3.6.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh", "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

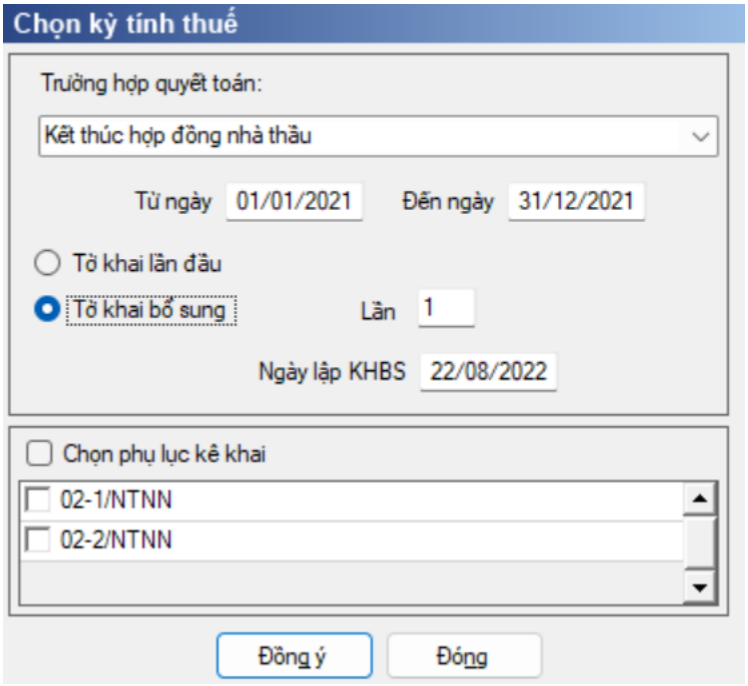

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.6.3 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 03/NTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC).

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế nhà thầu" chọn "Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (03/NTNN) (TT80/2021)".

- Đối với Tờ khai thuế 03/NTNN, cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"

3.6.3.1 Đối với tờ khai tháng

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn Tờ khai tháng. Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

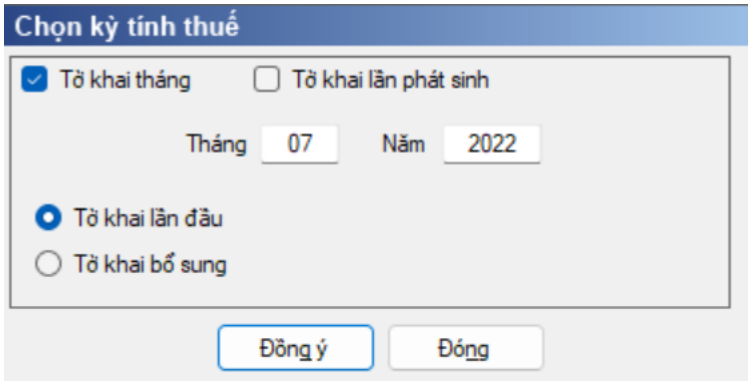

+ Kỳ tính thuế: UD sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hiện tại -1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hiện tại.

+ Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hay Tờ khai bổ sung.

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 03/NTNN.

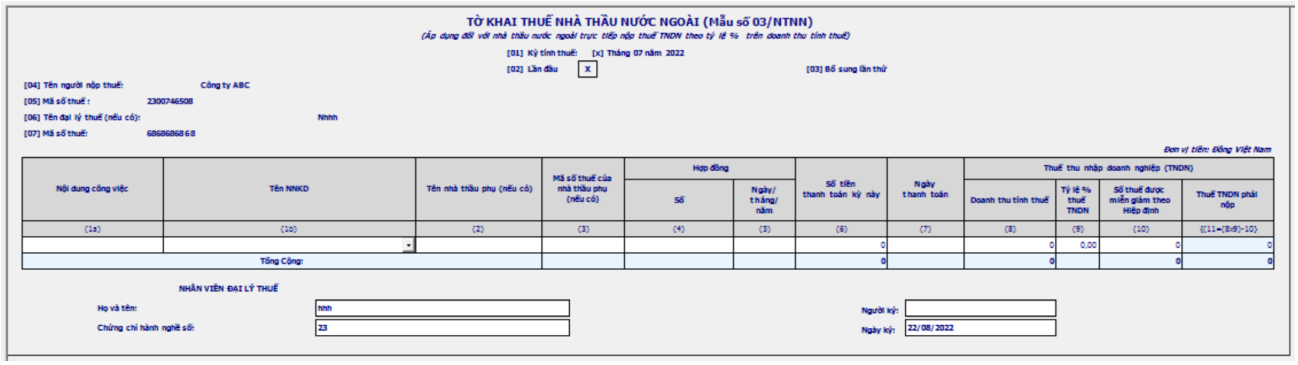

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột (1a): Cho phép NSD nhập text.

+ Cột (1b): Cho phép NSD chọn trong danh mục

+ Cột (2): Cho phép NSD nhập dạng text

+ Cột (3): NSD tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST

+ Cột (4): Cho phép NNT nhập dạng text

+ Cột (5): Cho phép NNT nhập dạng dd/mm/yyyy

+ Cột (6), (8) : NSD tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0

+ Cột (7): NSD tự nhập dạng DD/MM/YYYY

- Đối với tờ khai theo tháng: NSD tự nhập dạng ngày tháng, kiểm tra ngày thanh toán phải nằm trong kỳ tính thuế, nếu không thỏa mãn thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ, bắt buộc nhập.

• Đối với tờ khai theo lần phát sinh: UD hỗ trợ lấy theo ngày trên kỳ tính thuế, không cho phép sửa.

+ Cột (9): NSD chọn trong danh mục gồm: 0.1%, 1%, 2%, 5%

+ Cột (10): Cho phép nhập số nguyên >=0, tối đa 15 số, kiểm tra chỉ tiêu [10] phải nhỏ hơn [8] * [9]

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự động tính theo công thức và các điều kiện kiểm tra:**

+ Cột (11) = (8) * (9) -(10), kiểm tra nếu kết quả âm thì (9) = 0, không cho sửa

+ Dòng tổng cột (6), (8), (10), (11) = tổng các dòng của các cột (6), (8), (10), (11)

+ Cảnh báo vàng trong trường hợp để trống cột (8), (9) trong trường hợp có kê khai cột (4), (5), (7).

3.6.3.2 Đối với tờ khai lần phát sinh

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn Tờ khai lần phát sinh như sau:

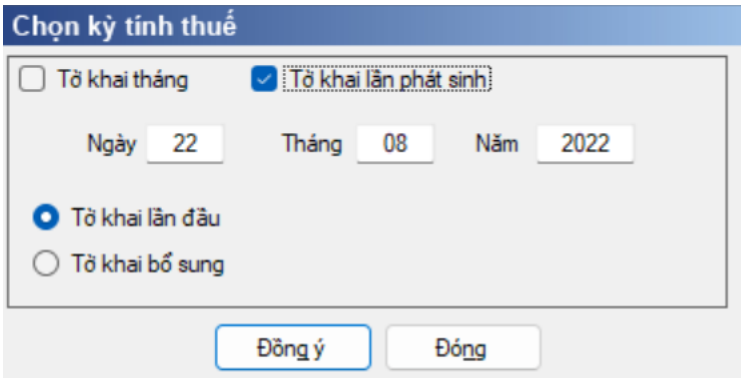

- Để bắt đầu kê khai tờ khai, chọn thông tin về kỳ kê khai sau đó nhấn nút "Đồng ý" để vào màn hình kê khai chính và kê khai các chỉ tiêu như tờ khai tháng.

3.6.3.3 Đối với tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

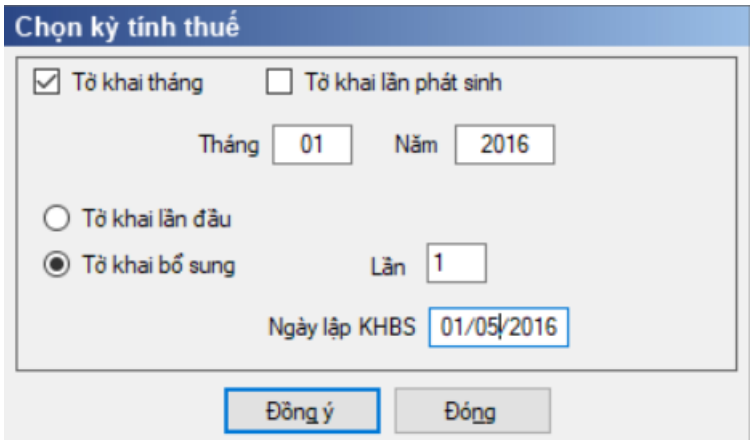

- Đối với trường hợp kê khai bổ sung thì kê khai tương tự như tờ 01/GTGT

3.6.4 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 04/NTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số 04/NTNN (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

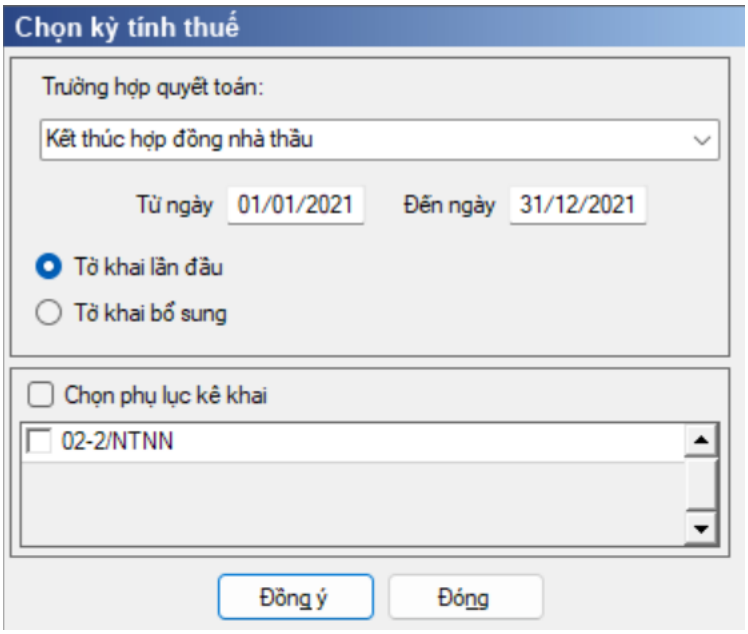

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 04/NTNN.

3.6.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

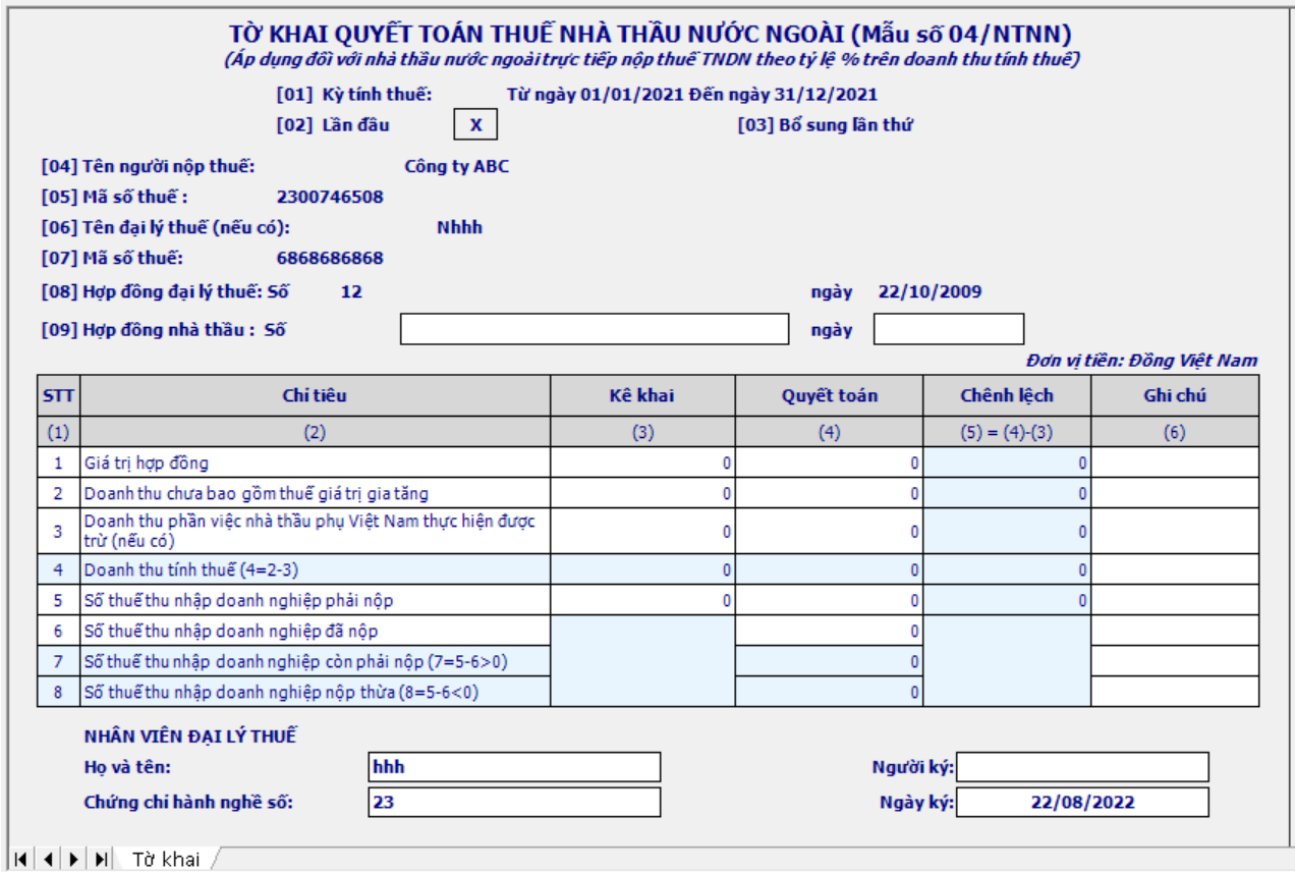

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI (Mẫu số 04/NTNN)

(Áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế : 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 ngày 22/10/2009

[09] Hợp đồng nhà thầu : Số ngày

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng	0	0	0	
2	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng	0	0	0	
3	Doanh thu phần việc nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện được trừ (nếu có)	0	0	0	
4	Doanh thu tính thuế (4=2-3)	0	0	0	
5	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	0	0	
6	Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		0		
7	Số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp (7=5-6>0)		0		
8	Số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (8=5-6<0)		0		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 22/08/2022

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột [2] - Chỉ tiêu: Ứng dụng hiển thị danh sách các nội dung công việc

+ Cột (3) - Kê khai:

- Chỉ tiêu [1]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [2]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [3]: Cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], nếu [4] < 0 thì thiết lập = 0
- Chỉ tiêu [5]- Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Cột (4) - Quyết toán:

- Chỉ tiêu [1]: UD hỗ trợ tự động lấy từ tổng cột (9) trên PL 02-2/NTNN, cho phép sửa
- Chỉ tiêu [2]: Tự động lấy từ tổng cột (10) trên PL 02_2/NTNN, cho phép sửa, nếu khác thì UD cảnh báo vàng.
- Chỉ tiêu [3]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], nếu kết quả âm thì thiết lập = 0
- Chỉ tiêu [5]- Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

- Chỉ tiêu [6]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [7] = [5] - [6], nếu kết quả âm thì thiết lập =0
- Chỉ tiêu [8] = [5] – [6], nếu kết quả âm thì thiết lập =0

+ Cột [5] = cột (4) – cột (3), kết quả có thể âm
+ Cột [6]: NSD tự nhập, dạng text, tối đa 300 ký tự

3.6.4.1.1 Bảng kê 02-2/NTNN: Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu

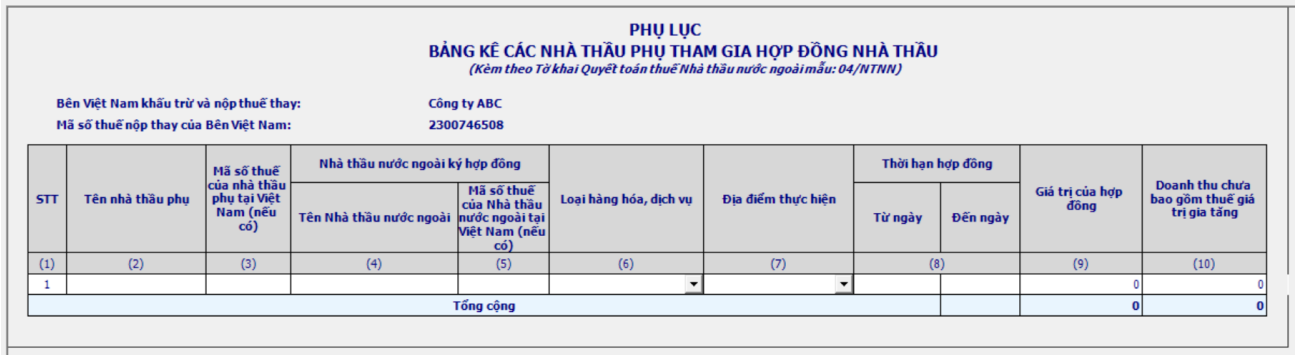

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU PHỤ THAM GIA HỢP ĐỒNG NHÀ THẦU
(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 04/NTNN)

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC
Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

STT	Tên nhà thầu phụ	Mã số thuế của nhà thầu phụ tại Việt Nam (nếu có)	Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng		Loại hàng hóa, dịch vụ	Địa điểm thực hiện	Thời hạn hợp đồng		Giá trị của hợp đồng	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng
			Tên Nhà thầu nước ngoài	Mã số thuế của Nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)			Từ ngày	Đến ngày		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		(9)	(10)
1									0	0
Tổng cộng									0	0

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tăng
+ Cột (2), (4): cho phép NNT tự nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
+ Cột (3), (5): Bắt buộc NNT tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
+ Cột (6): NNT chọn trong danh mục ngành nghề (giống tờ 01/NTNN, 03/NTNN)
+ Cột (7): NNT chọn trong danh mục 63 tỉnh
+ Cột (8): NNT nhập theo định dạng dd/mm/yyyy
+ Cột (9), (10): NNT nhập số, không âm, tối đa 15 số

3.6.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

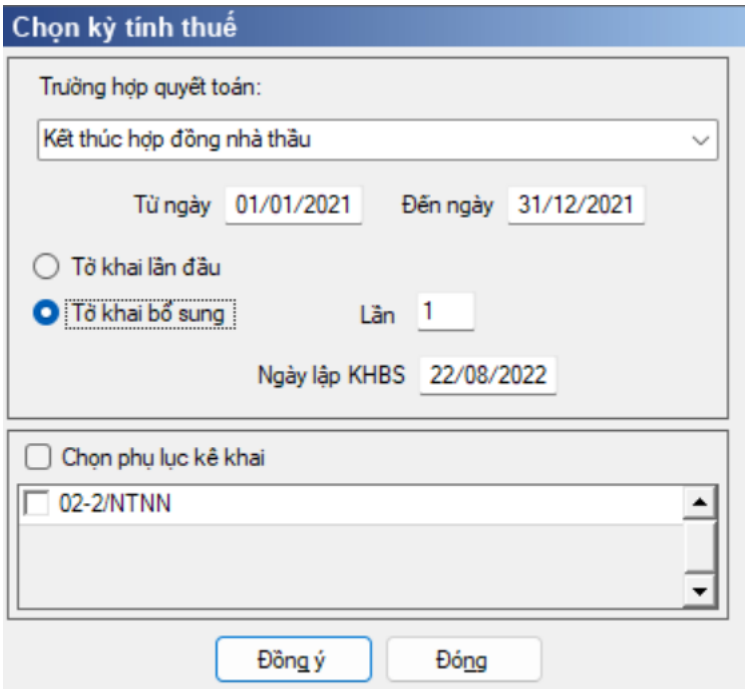

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.6.5 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu 01/VTNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hang vận tải nước ngoài (01/VTNN)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

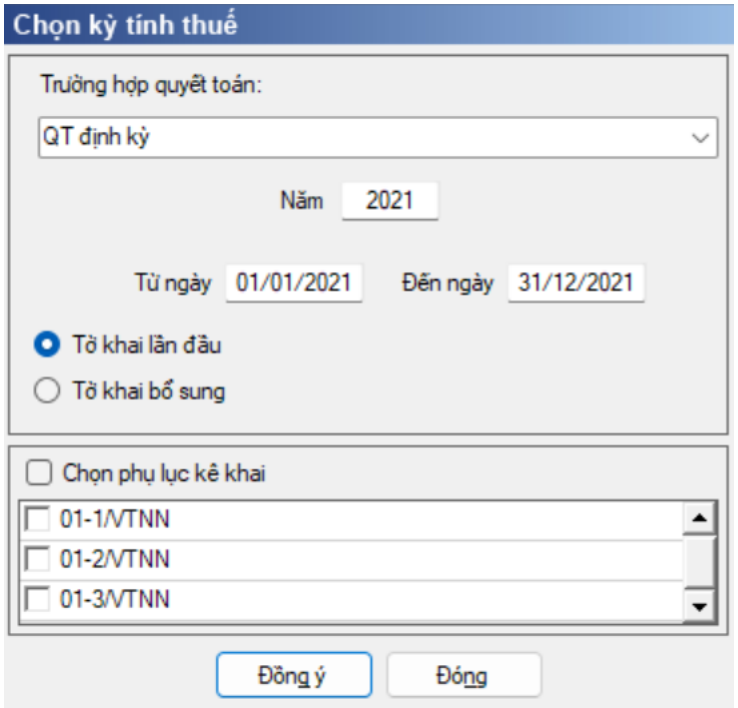

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu 01/VTNN.

3.6.5.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

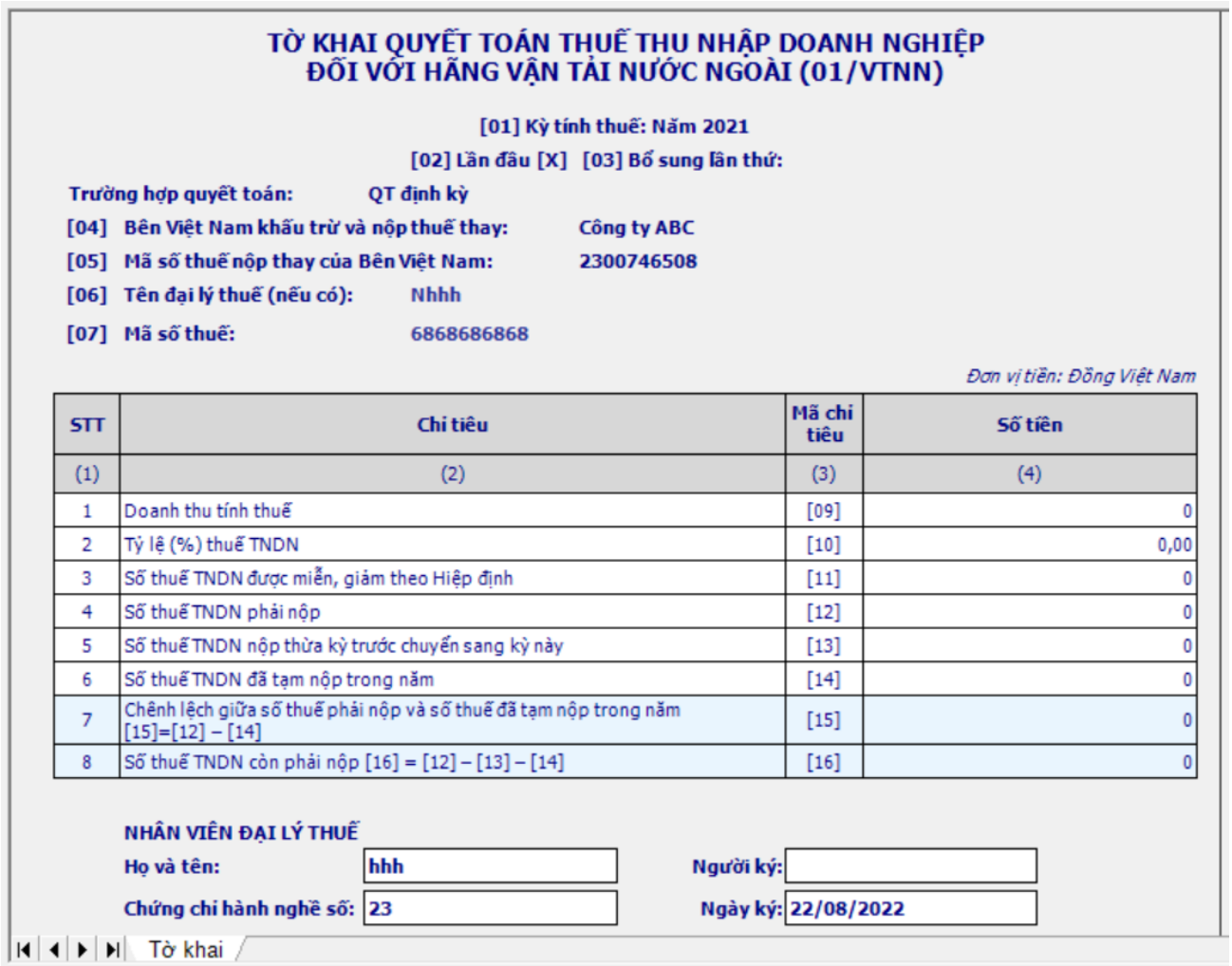

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI HÃNG VẬN TẢI NƯỚC NGOÀI (01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

Trường hợp quyết toán: QT định kỳ

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Doanh thu tính thuế	[09]	0
2	Tỷ lệ (%) thuế TNDN	[10]	0,00
3	Số thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định	[11]	0
4	Số thuế TNDN phải nộp	[12]	0
5	Số thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[13]	0
6	Số thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[14]	0
7	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm [15]=[12] – [14]	[15]	0
8	Số thuế TNDN còn phải nộp [16] = [12] – [13] – [14]	[16]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 22/08/2022

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [9]: NSD nhập số, không âm, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [10]: NSD nhập số, không âm và <= 100, định dạng x,xx

+ Chỉ tiêu [11]: NSD nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, ràng buộc [11] = [10] trên 01-1/VTNN + [12] trên 01-2/VTNN + [9] trên 01-3/VTNN tương ứng với tổng các hãng vận tải, vi phạm cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [12]: NSD nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, ràng buộc [12] = [9] trên 01-1/VTNN + [11] trên 01-2/VTNN + [8] trên 01-3/VTNN tương ứng với tổng các hãng vận tải

+ Chỉ tiêu [13], [14]: Cho phép NSD nhập số, không âm, tối đa 13 chữ số

3.6.5.1.1 Bảng kê 01-1/VTNN: Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế

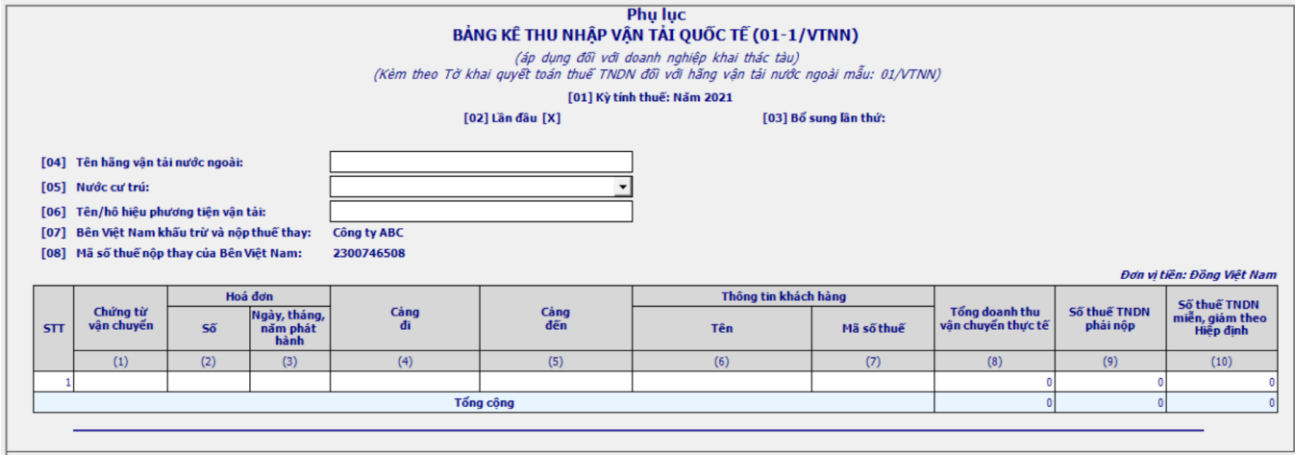

Phụ lục

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ (01-1/VTNN)

(áp dụng đối với doanh nghiệp khai thác tàu)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu: 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:

[05] Nước cư trú:

[06] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:

[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chứng từ vận chuyển	Hoá đơn		Cảng đi	Cảng đến	Thông tin khách hàng		Tổng doanh thu vận chuyển thực tế	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
		Số	Ngày, tháng, năm phát hành			Tên	Mã số thuế			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1								0	0	0
Tổng cộng								0	0	0

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Chỉ tiêu (1), (2), (4), (5), (6): cho phép NNT tự nhập, dạng text
  + Chỉ tiêu (3): Cho phép NNT nhập ngày, định dạng dd/mm/yyyy
  + Chỉ tiêu (7): Bắt buộc NNT tự nhập, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu (8): Cho phép NSD nhập số > 0, tối đa 16 chữ số
  + Chỉ tiêu (9), (10): Cho phép NSD nhập số >0, tối đa 13 chữ số

3.6.5.1.2 Bảng kê 01-2/VTNN: Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế

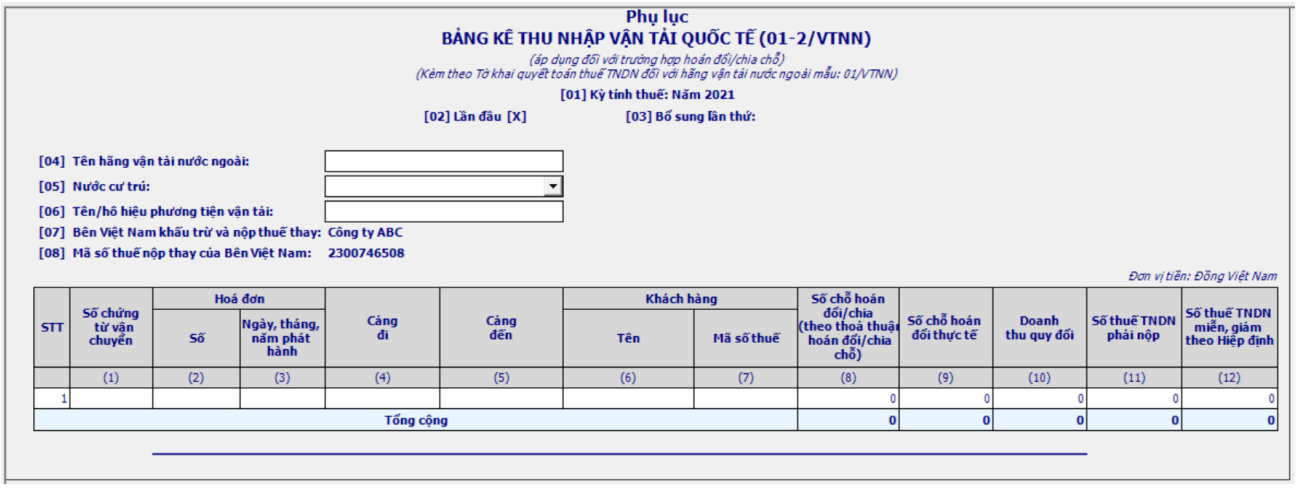

Phụ lục

BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ (01-2/VTNN)

(áp dụng đối với trường hợp hoán đổi/chia chỗ)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu: 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:

[05] Nước cư trú:

[06] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:

[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Số chứng từ vận chuyển	Hoá đơn		Cảng đi	Cảng đến	Khách hàng		Số chỗ hoán đổi/chia (theo thoả thuận hoán đổi/chia chỗ)	Số chỗ hoán đổi thực tế	Doanh thu quy đổi	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
		Số	Ngày, tháng, năm phát hành			Tên	Mã số thuế					
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1								0	0	0	0	0
Tổng cộng								0	0	0	0	0

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Chỉ tiêu (1), (2), (4), (5), (6): cho phép NNT tự nhập, dạng text
  + Chỉ tiêu (3): Cho phép NNT nhập ngày, định dạng dd/mm/yyyy
  + Chỉ tiêu (7): Bắt buộc NNT tự nhập, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu (8), (9), (10): Cho phép NSD nhập số >0, tối đa 16 chữ số
  + Chỉ tiêu (11), (12): Cho phép NSD nhập số >0, tối đa 13 chữ số

3.6.5.1.3 Bảng kê 01-3/VTNN: Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ

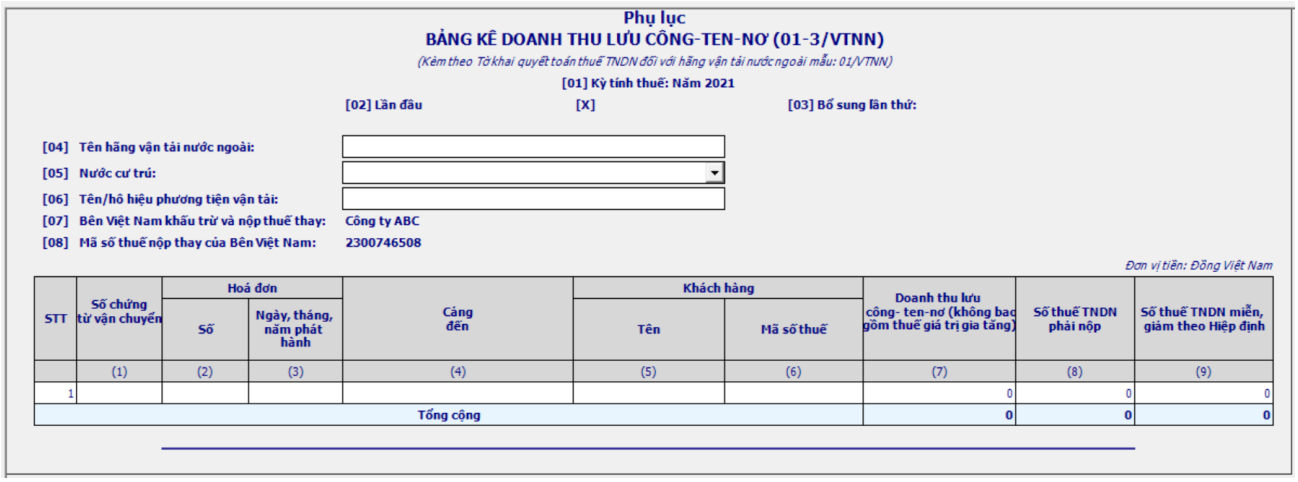

Phụ lục

BẢNG KÊ DOANH THU LƯU CÔNG-TEN-NƠ (01-3/VTNN)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với hãng vận tải nước ngoài mẫu: 01/VTNN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên hãng vận tải nước ngoài:

[05] Nước cư trú:

[06] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:

[07] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC

[08] Mã số thuế nộp thay của Bên Việt Nam: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Số chứng từ vận chuyển	Hoá đơn		Cảng đến	Khách hàng		Doanh thu lưu công- ten-nơ (không bao gồm thuế giá trị gia tăng)	Số thuế TNDN phải nộp	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định
		Số	Ngày, tháng, năm phát hành		Tên	Mã số thuế			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1							0	0	0
Tổng cộng							0	0	0

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Chỉ tiêu (1), (2), (4), (5): cho phép NNT tự nhập, dạng text
  + Chỉ tiêu (3): Cho phép NNT nhập ngày, định dạng dd/mm/yyyy
  + Chỉ tiêu (6): Bắt buộc NNT tự nhập, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu (7): Cho phép NSD nhập số >0, tối đa 16 chữ số
  + Chỉ tiêu (8), (9): Cho phép NSD nhập số >0, tối đa 13 chữ số

3.6.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

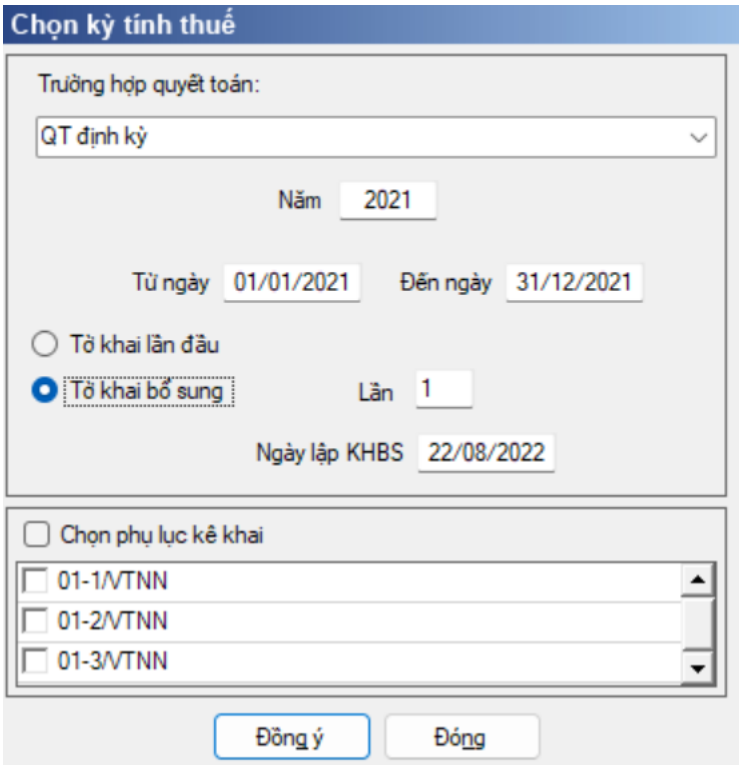

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.6.6 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài mẫu 01/HKNN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài (01/HKNN)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

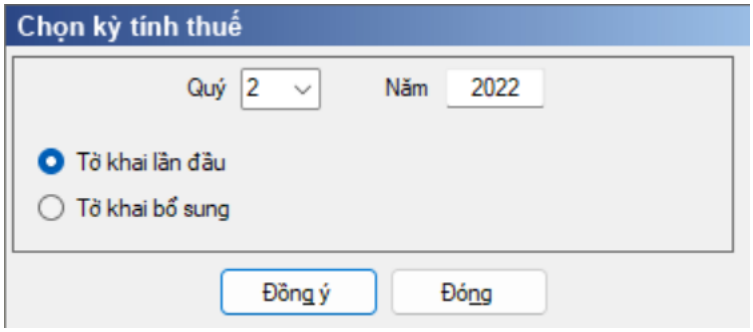

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài mẫu 01/HKNN

3.6.6.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

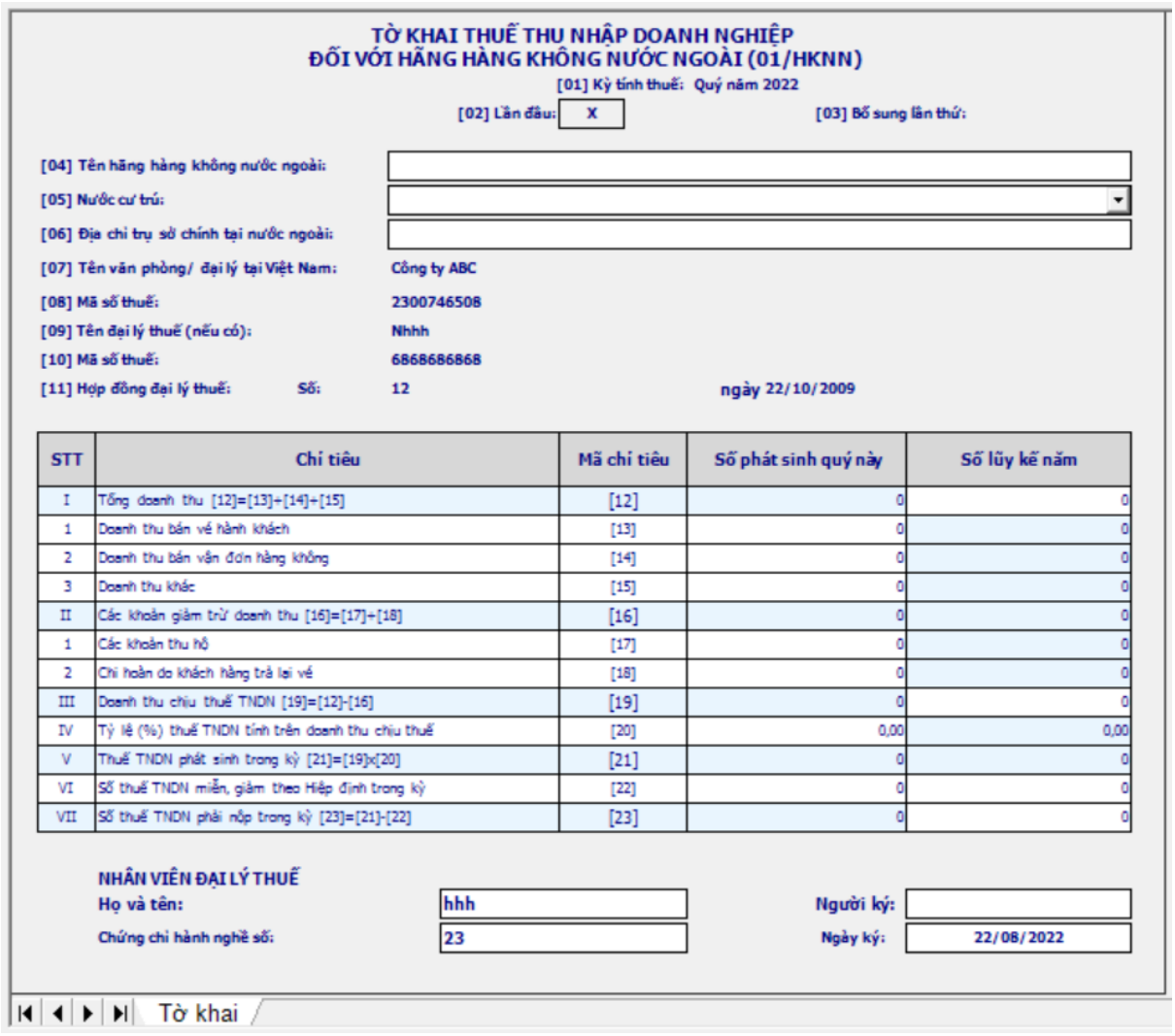

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI (01/HKNN)

[01] Kỳ tính thuế: Quý năm 2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên hãng hàng không nước ngoài:

[05] Nước cư trú:

[06] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:

[07] Tên văn phòng/ đại lý tại Việt Nam: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[09] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[10] Mã số thuế: 6868686868

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu [12]=[13]+[14]+[15]	[12]	0	0
1	Doanh thu bán vé hành khách	[13]	0	0
2	Doanh thu bán vận đơn hàng không	[14]	0	0
3	Doanh thu khác	[15]	0	0
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [16]=[17]+[18]	[16]	0	0
1	Các khoản thu hộ	[17]	0	0
2	Chi hoàn do khách hàng trả lại vé	[18]	0	0
III	Doanh thu chịu thuế TNDN [19]=[12]-[16]	[19]	0	0
IV	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu chịu thuế	[20]	0,00	0,00
V	Thuế TNDN phát sinh trong kỳ [21]=[19]x[20]	[21]	0	0
VI	Số thuế TNDN miễn, giảm theo Hiệp định trong kỳ	[22]	0	0
VII	Số thuế TNDN phải nộp trong kỳ [23]=[21]-[22]	[23]	0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 22/08/2022

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [13], [14], [15], [17], [18]: NSD nhập số, không âm, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [20]: Cho phép NSD chọn trong danh mục các tỷ lệ: 0,1; 1; 2; 5; 10

+ Chỉ tiêu [22]: NSD nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự tính:**

+ Chỉ tiêu [12]: UD tự tính theo công thức [12] = [13] + [14] + [15]

+ Chỉ tiêu [16]: UD tự tính theo công thức [16] = [17] + [18]

+ Chỉ tiêu [19]: Tự tính theo công thức [19]=[12]-[17] nếu ([12] – [17] >0), ngược lại thì [19] = 0

+ Chỉ tiêu [21]: Tự tính theo công thức [21]=[19]x[20]

+ Chỉ tiêu [23]: Tự tính theo công thức [23]=[21]-[22]

- **Các điều kiện kiểm tra:**

+ [22] = tổng cột (6) trên 01-1/HKNN + tổng cộng cột (8) trên 01-2/HKNN, sai khác báo vàng

+ [23] = tổng cột (5) trên 01-1/HKNN + tổng cột (7) trên 01-2/HKNN, sai khác báo vàng

3.6.6.1.1 Phụ lục 01-1/HKNN: Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (Dành cho vận tải hàng không quốc tế)

- Trong cùng 1 tờ khai, cho phép nhập nhiều PL 01-1/HKNN cho các Hãng hàng không nước ngoài khác nhau (Nhấn F7 để thêm 1 PL 01-1/HKNN, nhấn F8 để xóa 1 PL 01-1/HKNN).
- ***Thông tin chung của PL:***

+ [01] Kỳ tính thuế - Từ: Mặc định là ngày đầu của quý kê khai tờ khai, cho phép sửa ngày phải thuộc quý kê khai

+ [01] Kỳ tính thuế - Đến: Mặc định là ngày cuối của quý kê khai tờ khai, cho phép sửa ngày phải thuộc quý kê khai

+ [02] Tên Hãng hàng không nước ngoài: Bắt buộc nhập

+ [03] Nước cư trú: Bắt buộc chọn trong danh mục

+ [04] Tên/hô hiệu phương tiện vân tải: Bắt buộc nhập

+ [05] -> [08]: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập

- ***Thông tin chi tiết của PL:***

+ (1) Kỳ vận chuyển: Bắt buộc nhập, kiểu tháng/năm, phải thuộc kỳ tính thuế [01]

+ (2) Cảng đi: Bắt buộc nhập

+ (3) Cảng đến: Bắt buộc nhập

+ (4) Tổng doanh thu bán vé tại thị trường Việt Nam: Nhập số nguyên >=0

+ (5) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: Nhập số nguyên >=0

+ (6) Thuế thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm: Nhập số nguyên >=0

3.6.6.1.2 Phụ lục 01-2/HKNN: Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ trong vận tải hàng không quốc tế)

- Trong cùng 1 tờ khai, cho phép nhập nhiều PL 01-2/HKNN cho các Hãng hàng không nước ngoài khác nhau (Nhấn F7 để thêm 1 PL 01-2/HKNN, nhấn F8 để xóa 1 PL 01-2/HKNN).
- ***Thông tin chung của PL:***

+ [01] Kỳ tính thuế - Từ: Mặc định là ngày đầu của quý kê khai tờ khai, cho phép sửa ngày phải thuộc quý kê khai

+ [01] Kỳ tính thuế - Đến: Mặc định là ngày cuối của quý kê khai tờ khai, cho phép sửa ngày phải thuộc quý kê khai

+ [02] Tên Hãng hàng không nước ngoài: Bắt buộc nhập

+ [03] Nước cư trú: Bắt buộc chọn trong danh mục

+ [04] Tên/hô hiệu phương tiện vân tải: Bắt buộc nhập

+ [05] -> [08]: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập

- ***Thông tin chi tiết của PL:***

+ (1) Kỳ vận chuyển: Bắt buộc nhập, kiểu tháng/năm, phải thuộc kỳ tính thuế [01]

+ (2) Cảng đi: Bắt buộc nhập

+ (3) Cảng đến: Bắt buộc nhập

+ (4) Số chỗ hoán đổi/chia (theo thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ): Nhập số nguyên >=0

+ (5) Số chỗ hoán đổi thực tế: Nhập số nguyên >=0

+ (6) Doanh thu quy đổi: Nhập số nguyên >=0

+ (7) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: Nhập số nguyên >=0

+ (8) Thuế thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm: Nhập số nguyên >=0, (8) phải <= (5)

3.6.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

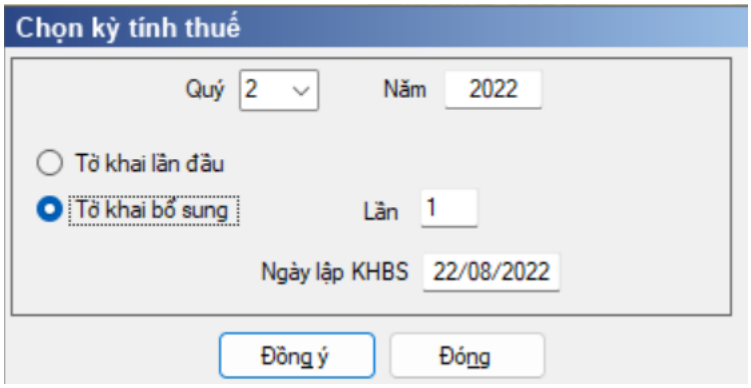

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.6.7 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài mẫu 01/TBH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài (01/TBH)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

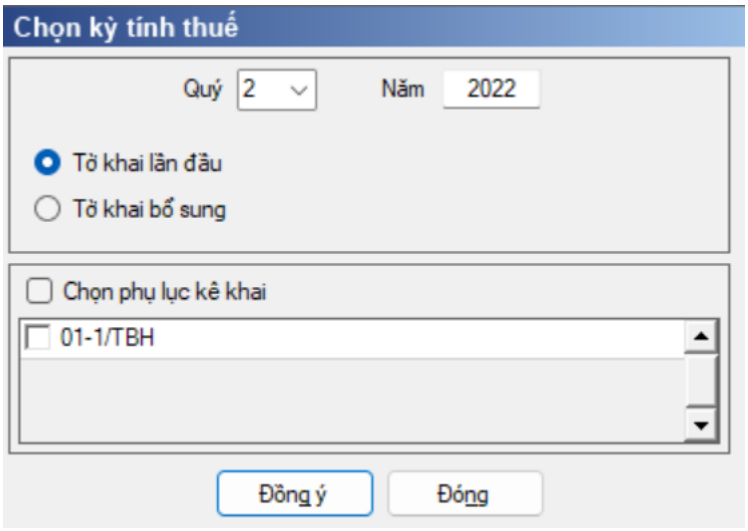

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài mẫu 01/TBH.

3.6.7.1 Trường hợp tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

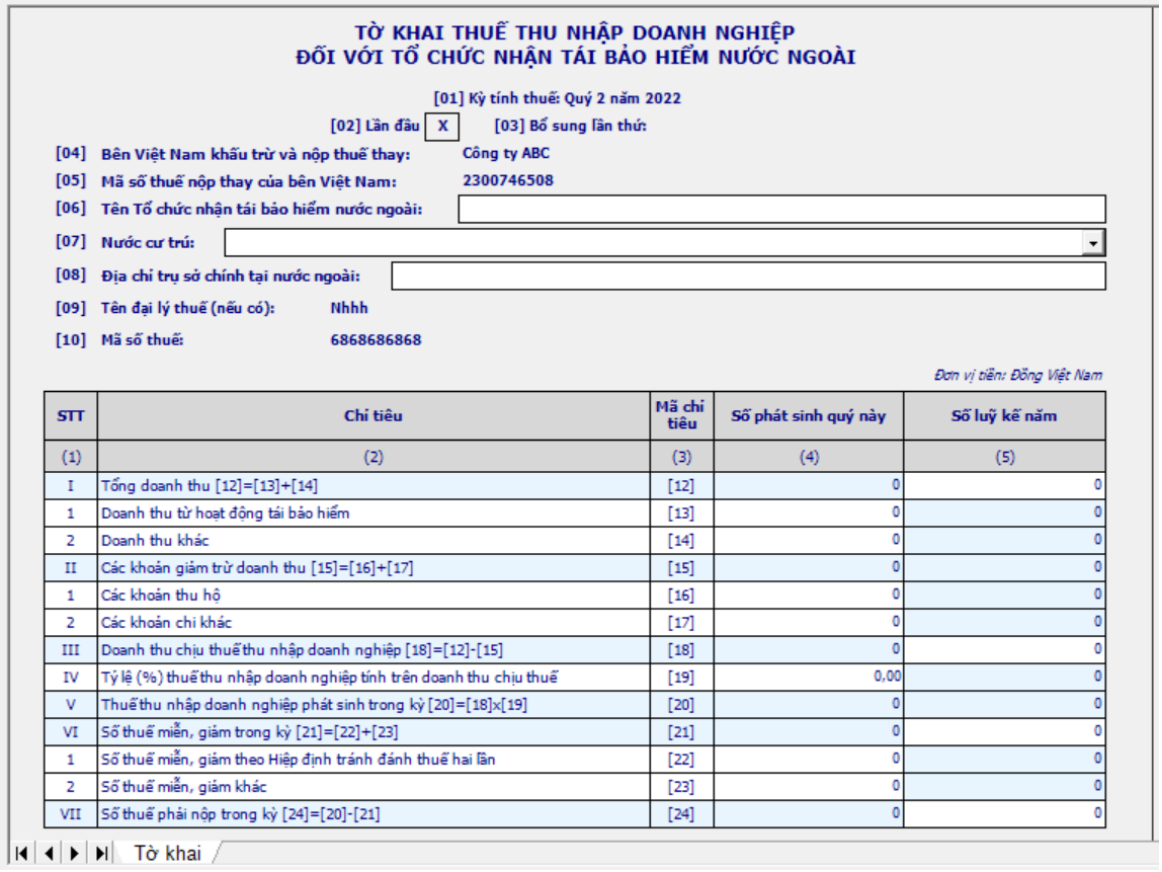

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NHẬN TÁI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022
[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: Công ty ABC
[05] Mã số thuế nộp thay của bên Việt Nam: 2300746508
[06] Tên Tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài:
[07] Nước cư trú:
[08] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:
[09] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[10] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Số luỹ kế năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tổng doanh thu [12]=[13]+[14]	[12]	0	0
1	Doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm	[13]	0	0
2	Doanh thu khác	[14]	0	0
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [15]=[16]+[17]	[15]	0	0
1	Các khoản thu hộ	[16]	0	0
2	Các khoản chi khác	[17]	0	0
III	Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp [18]=[12]-[15]	[18]	0	0
IV	Tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu chịu thuế	[19]	0,00	0
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ [20]=[18]x[19]	[20]	0	0
VI	Số thuế miễn, giảm trong kỳ [21]=[22]+[23]	[21]	0	0
1	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[22]	0	0
2	Số thuế miễn, giảm khác	[23]	0	0
VII	Số thuế phải nộp trong kỳ [24]=[20]-[21]	[24]	0	0

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [13], [14]: NSD nhập số, không âm, tối đa 16 chữ số, kiểm tra không lớn hơn chỉ tiêu [12]

+ Chỉ tiêu [16], [17]: NSD nhập số, không âm, tối đa 16 chữ số, kiểm tra không lớn hơn chỉ tiêu [15]

+ Chỉ tiêu [19]: Cho phép NSD chọn trong danh mục các tỷ lệ: 0,1; 1; 2; 5; 10

+ Chỉ tiêu [22], [23]: NSD nhập số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 chữ số, kiểm tra không lớn hơn chỉ tiêu [21]

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự tính:**

+ Chỉ tiêu [12]: UD tự tính theo công thức [12] = [13] + [14]

+ Chỉ tiêu [15]: UD tự tính theo công thức [15] = [16] + [17]

+ Chỉ tiêu [18]: Tự tính theo công thức [18]=[12]-[15] nếu ([12] – [18] <=0) thì [18] = 0

+ Chỉ tiêu [20]: Tự tính theo công thức [20]=[18]x[19]

+ Chỉ tiêu [21]: Tự tính theo công thức [21]=[22]+[23]

+ Chỉ tiêu [24]: UD tính theo công thức: [24]=[20]-[21], nếu ([20]-[21]) <0 thì [24] = 0

3.6.7.1.1 Bảng kê 01-1/TBH: Danh mục hợp đồng tái bảo hiểm

PHỤ LỤC
DANH MỤC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM (01-1/TBH)

(Kèm theo Tờ khai thuế mẫu: 01/TBH)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được uỷ quyền: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508

STT	Loại Hợp đồng	Đại diện ký kết				Hợp đồng		Thời gian thực hiện hợp đồng		Trách nhiệm pháp lý và cam kết của các bên	Đối tượng có thẩm quyền kết hợp đồng	Các nội dung liên quan đến thuế trong hợp đồng
		Bên Việt Nam		Bên nước ngoài		Số	Ngày	Từ ngày	Đến ngày			
		Tên	Mã số thuế	Tên	Mã số thuế (nếu có)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	A: Hợp đồng TBH P&I											
1												
	B: Hợp đồng TBH kỹ thuật											
1												

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Nhóm: cho phép NNT chọn trong danh sách: A: Hợp đồng TBH P&I, B: Hợp đồng TBH kỹ thuật

+ Chỉ tiêu (2): bao gồm 2 loại hợp đồng TBH P&I và hợp đồng TBH kỹ thuật

+ Chỉ tiêu (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13): Cho phép NNT nhập

3.6.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

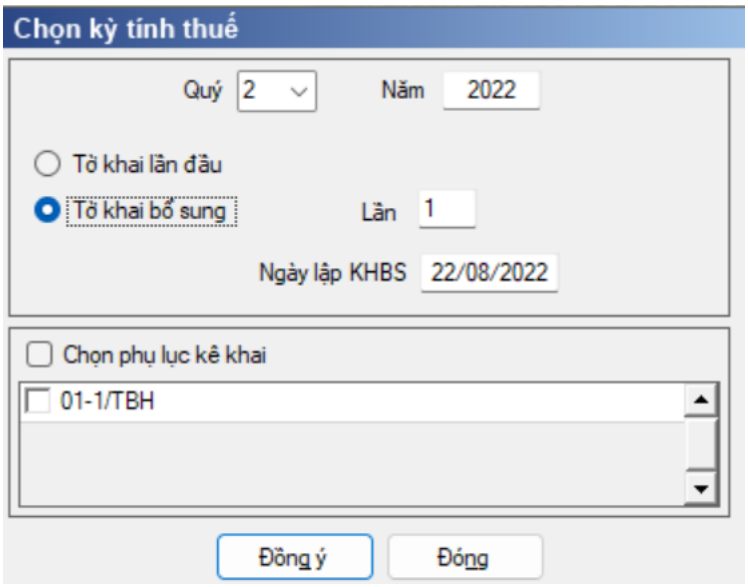

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.7 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tài nguyên

3.7.1 Tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tài Nguyên" chọn "Tờ khai thuế tài nguyên mẫu số (01/TAIN)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

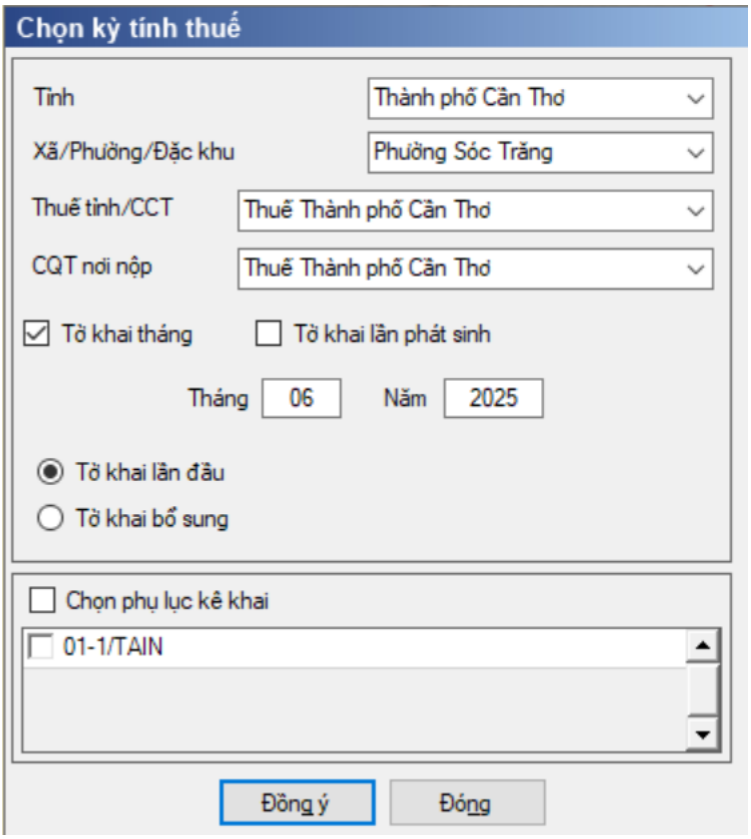

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
- CQT nộp tờ khai: Chỉ được nộp tại Cục Thuế
- Kỳ tính thuế: Với tờ khai tháng có hiệu lực từ tháng 01/2022, tờ khai lần phát sinh có hiệu lực từ ngày 01/01/2022
- Hạn nộp tờ khai:

+ Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Tờ khai lần phát sinh: 10 ngày kể từ ngàu phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

3.7.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

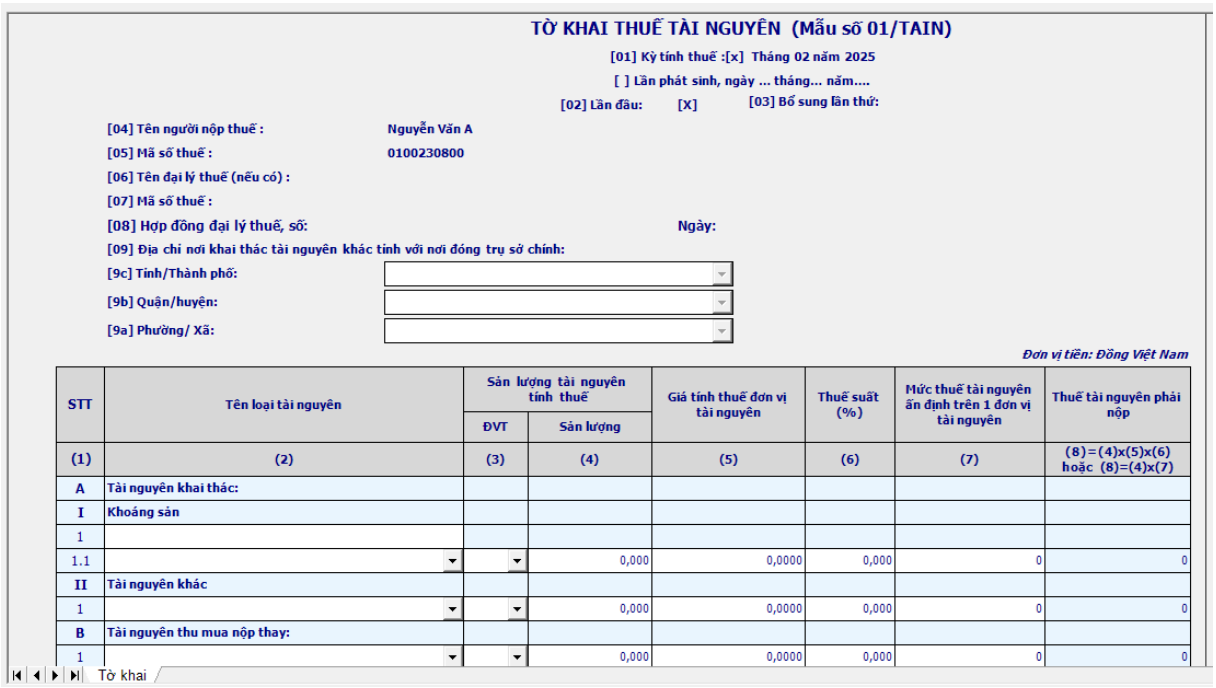

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN (Mẫu số 01/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế :[x] Tháng 02 năm 2025

[ ] Lần phát sinh, ngày ... tháng... năm....

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế : Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế : 0100230800

[06] Tên đại lý thuế (nếu có) :

[07] Mã số thuế :

[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: Ngày:

[09] Địa chỉ nơi khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[9c] Tỉnh/Thành phố:

[9b] Quận/huyện:

[9a] Phường/ Xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp
		ĐVT	Sản lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6) hoặc (8)=(4)x(7)
A	Tài nguyên khai thác:						
I	Khoáng sản						
1							
1.1			0,000	0,0000	0,000	0	0
II	Tài nguyên khác						
1			0,000	0,0000	0,000	0	0
B	Tài nguyên thu mua nộp thay:						
1			0,000	0,0000	0,000	0	0

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Mỏ khoáng sản:

+ Chỉ tiêu (2): Cho phép NNT nhập text

+ Khoáng sản/ Tài nguyên:

- Chỉ tiêu (2): Cho phép chọn trong danh mục tài nguyên theo khung giá của BTC và tài nguyên riêng của Tỉnh đó thêm mới vào (CQT nộp tờ khai thuộc Tỉnh nào thì cho phép chọn các tài nguyên do Tỉnh đó thêm mới)
- Chỉ tiêu (3): Tự động hiển thị theo cột (2). Cho phép chọn lại trong danh mục
- Chỉ tiêu (4): Nhập số >0, Cột (4) bắt buộc nhập nếu có nhập cột (2), nếu không cảnh báo vàng tại cột (4) "Dữ liệu bắt buộc nhập?"

- Chỉ tiêu (5): Cho phép nhập định dạng số thập phân 4 số sau dấu phẩy. Nhập giá tài nguyên phải >= (Giá tối thiểu của BTC – 20%)
- Chỉ tiêu (6): Thuế suất tự động hiển thị theo cột [2] và chỉ cho phép sửa với ba loại tài nguyên là Tài nguyên khác, Dầu mỏ và Khí đốt, khi nhập cột [5] thì đặt cột [7] = 0, giữ nguyên cột [6] và ngược lại nếu nhập cột [7] thì đặt cột [5] = 0 và cột [6] = 0.
- Chỉ tiêu (7): NNT nhập kiểu số nguyên dương, khi nhập cột [5] thì đặt cột [7] = 0, giữ nguyên cột [6] và ngược lại nếu nhập cột [7] thì đặt cột [5] = 0 và cột [6] = 0

- **Các điều kiện kiểm tra công thức:**
  + Cột [8] = Cột [4] * Cột [5] * Cột [6], hoặc Cột [8] = Cột [4] * Cột [7].
  + Tổng cộng: UD tự động tính cột (4) và cột (8)

3.7.1.1.1 Bảng kê 01-1/TAIN: Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện

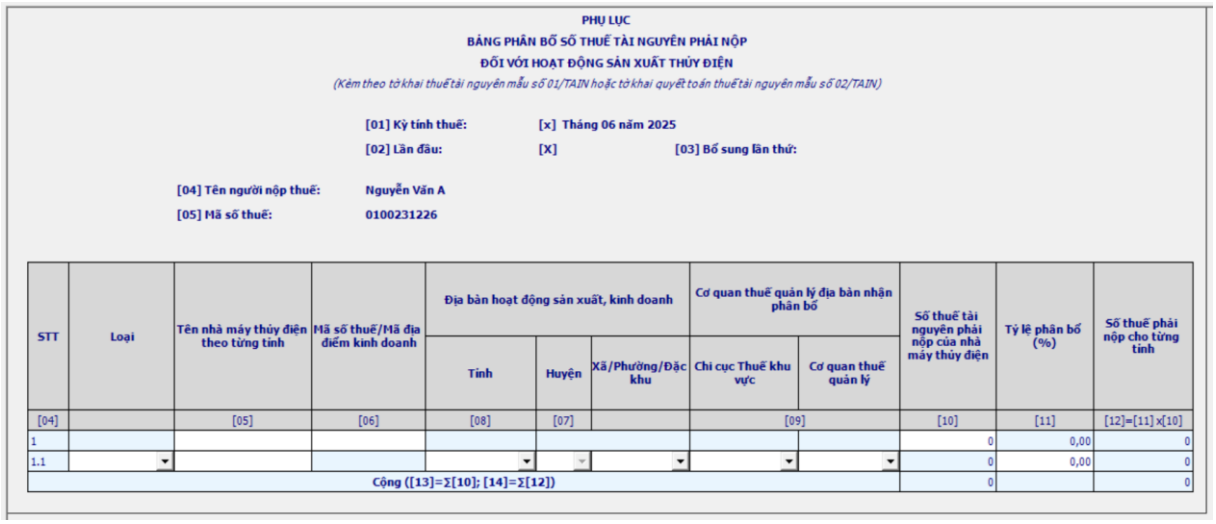

PHỤ LỤC

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ TÀI NGUYÊN PHẢI NỘP

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN

(Kèm theo tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN hoặc tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: [x] Tháng 06 năm 2025

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 0100231226

STT	Loại	Tên nhà máy thủy điện theo từng tỉnh	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh			Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số thuế tài nguyên phải nộp của nhà máy thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp cho từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Xã/Phường/Đặc khu	Chi cục Thuế khu vực	Cơ quan thuế quản lý			
[04]		[05]	[06]	[08]	[07]		[09]		[10]	[11]	[12]=[11]x[10]
1									0	0,00	0
1.1									0	0,00	0
Cộng ([13]=Σ[10]; [14]=Σ[12])									0		0

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Nhà máy:
    - Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
    - Chỉ tiêu [6]: NNT nhập MST 13 số hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số, kiểm tra đúng cấu trúc MST, nếu kê khai phụ lục phân bổ thì bắt buộc nhập chỉ tiêu này
    - Chỉ tiêu [10]: NSD nhập số tiền >=0
  + Nơi có văn phòng điều hành nhà máy:
    - Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
    - Chỉ tiêu [7] Huyện: Khóa
    - Xã/phường/đặc khu: Chọn trong DM
    - Chỉ tiêu [8]: Nếu tờ khai kê khai tại trụ sở chính: Chọn trong danh mục Tỉnh, kiểm tra phải tương ứng với CQT quản lý; Nếu tờ khai nộp tại CQT khác tỉnh nơi trụ sở chính = Tỉnh của chỉ tiêu (11c) trên tờ khai

- Chỉ tiêu [11]: NNT nhập dạng x,xx khoảng từ 1 - 100

+ Nơi được nhận khoản thu phân bổ:

- Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [7]: NSD chọn từ danh mục tương ứng với Tỉnh tại chỉ tiêu (9)
- Chỉ tiêu [8]: NSD chọn từ danh mục. Hệ thống kiểm tra Tỉnh của chỉ tiêu 1.2 phải khác tỉnh của chỉ tiêu 1.1
- Chỉ tiêu [11]: NNT nhập dạng x,xx khoảng từ 1 - 100

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự tính:**

+ Nhà máy:

- Chỉ tiêu [11]: UD tự động tính tổng tỷ lệ phân bổ của từng nhà máy, kiểm tra phải = 100%

+ Nơi có văn phòng điều hành nhà máy:

- Chỉ tiêu [12]: UD tự động tính theo công thức [12] = [11]x[10a]

+ Nơi được nhận khoản thu phân bổ

- Chỉ tiêu [12]: UD tự động tính theo công thức [12] = [11]x[10a]

3.7.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

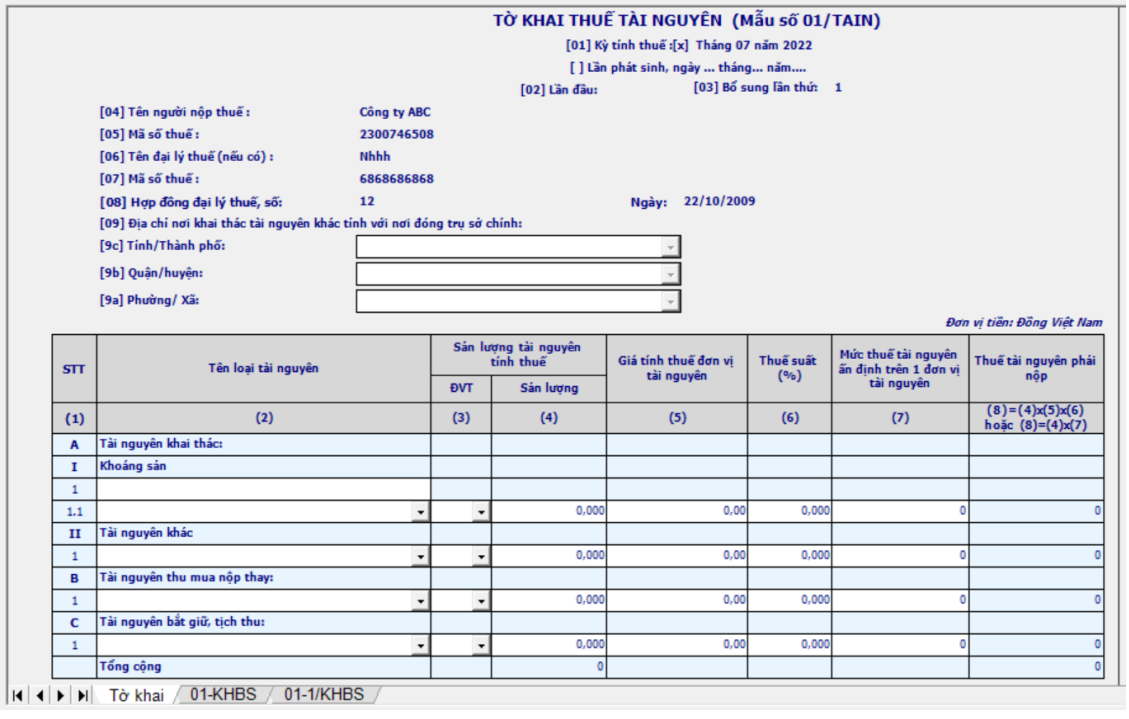

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN (Mẫu số 01/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế :[x] Tháng 07 năm 2022

[ ] Lần phát sinh, ngày ... tháng... năm....

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế : Công ty ABC

[05] Mã số thuế : 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có) : Nhhh

[07] Mã số thuế : 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: 12 Ngày: 22/10/2009

[09] Địa chỉ nơi khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[9c] Tỉnh/Thành phố:

[9b] Quận/huyện:

[9a] Phường/ Xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp
		ĐVT	Sản lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6) hoặc (8)=(4)x(7)
A	Tài nguyên khai thác:						
I	Khoáng sản						
1							
1.1			0,000	0,00	0,000	0	0
II	Tài nguyên khác						
1			0,000	0,00	0,000	0	0
B	Tài nguyên thu mua nộp thay:						
1			0,000	0,00	0,000	0	0
C	Tài nguyên bắt giữ, tịch thu:						
1			0,000	0,00	0,000	0	0
	Tổng cộng		0				0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.7.2 Tờ khai Quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tài Nguyên" chọn "Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số (02/TAIN)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

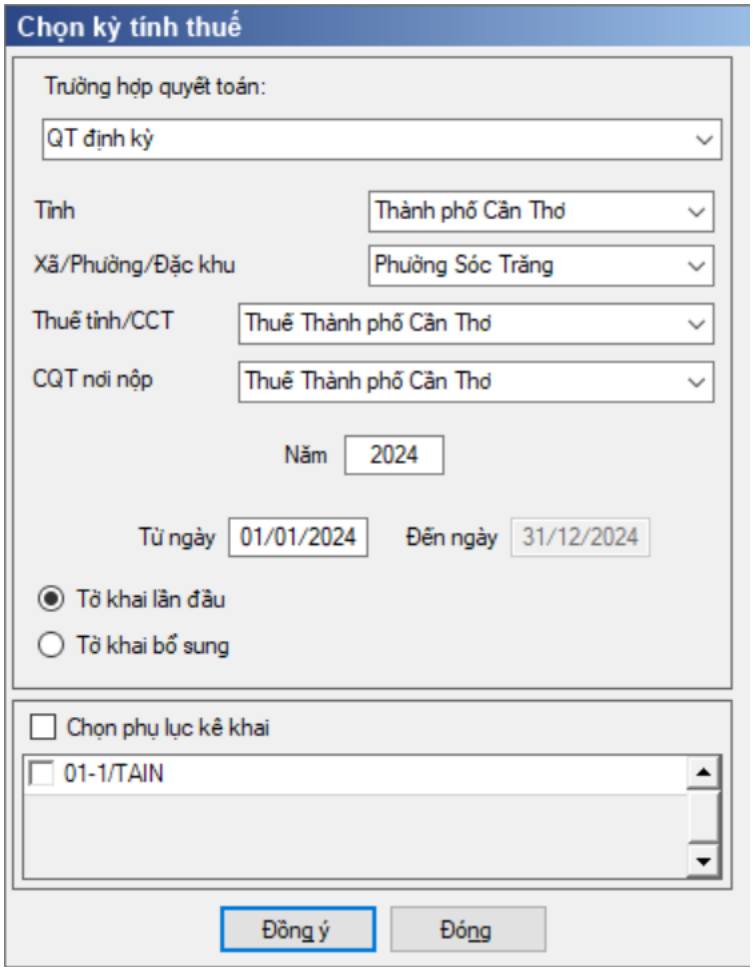

- Trường hợp quyết toán: Chọn 1 trong các trường hợp quyết toán
  + QT định kỳ (Mã 01)
  + Tổ chức lại doanh nghiệp (mã 02)
  + Chuyển đổi loại hình (đối với trường hợp CPH DNNN) (mã 03)
  + Chuyển đổi kỳ tài chính (mã 04)
  + Giải thể, phá sản (mã 05)
  + Chấm dứt hoạt động (mã 06)
- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm

+ Kỳ tính thuế theo năm: Mặc định năm hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn năm hiện tại.

+ Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến: Kỳ quyết toán từ mặc định là ngày bắt đầu năm tài chính của năm quyết toán. Kỳ quyết toán đến mặc định là

ngày kết thúc năm tài chính của năm quyết toán. NSD có thể thay đổi thông tin về kỳ quyết toán theo nguyên tắc sau:

- Cho phép sửa Kỳ quyết toán đến trừ trường hợp "QT định kỳ"
- Kỳ quyết toán từ hoặc kỳ quyết toán đến phải thuộc Kỳ tính thuế
- Khoảng cách từ ngày và đến ngày không vượt quá 15 tháng.
- Trường năm phải lớn hơn năm 2021.
- Kiểm tra Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến không được lớn hơn kỳ tính thuế có ngày hiện tại
- Không giao ngày với Kỳ quyết toán từ/ đến của TK quyết toán kỳ trước

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 04/TNDN

- Hạn nộp tờ khai:

+ Nếu trường hợp quyết toán là "QT định kỳ" hoặc " Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là Ngày cuối cùng của Quý sau Tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

+ Nếu trường hợp quyết toán khác "QT định kỳ" và 'Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là (Kỳ quyết toán đến + 45 ngày – 1), dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

3.7.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

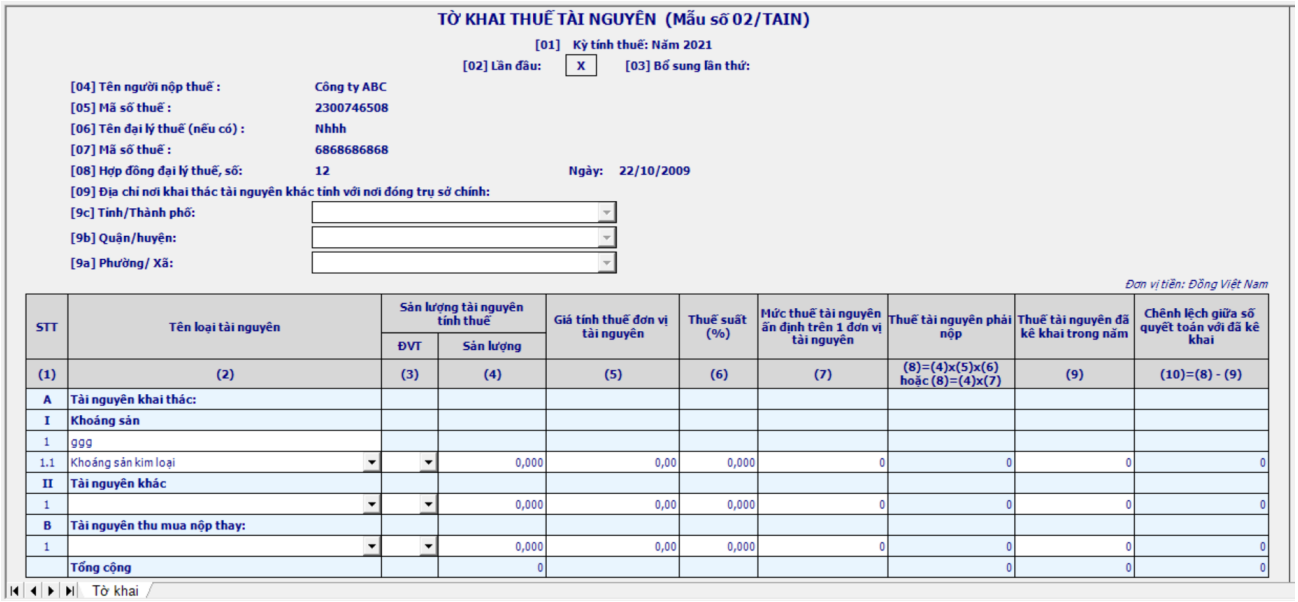

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN (Mẫu số 02/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế : Công ty ABC
[05] Mã số thuế : 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có) : Nhhh
[07] Mã số thuế : 6868686868
[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: 12 Ngày: 22/10/2009
[09] Địa chỉ nơi khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:
[9c] Tỉnh/Thành phố:
[9b] Quận/huyện:
[9a] Phường/ Xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp	Thuế tài nguyên đã kê khai trong năm	Chênh lệch giữa số quyết toán với đã kê khai
		ĐVT	Sản lượng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6) hoặc (8)=(4)x(7)	(9)	(10)=(8) - (9)
A	Tài nguyên khai thác:								
I	Khoáng sản								
1	ggg								
1.1	Khoáng sản kim loại		0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
II	Tài nguyên khác								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
B	Tài nguyên thu mua nộp thay:								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
	Tổng cộng		0				0	0	0

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột [2a] NSD lựa chọn loại tài nguyên từ danh mục. Bao gồm các giá trị:

- A.I: Tài nguyên khai thác khoáng sản
- A.II: Tài nguyên khai thác tài nguyên khác

- B. Tài nguyên thu mua nộp thay
- C. Tài nguyên bắt giữ, tịch thu

+ Cột (2): Cho phép chọn trong danh mục tài nguyên theo khung giá của BTC và tài nguyên riêng của Tỉnh đó thêm mới vào (CQT nộp tờ khai thuộc Tỉnh nào thì cho phép chọn các tài nguyên do Tỉnh đó thêm mới)

+ Cột (3) Đơn vị tính tự động hiển thị theo chỉ tiêu được chọn trên cột (2) và cho phép chọn lại đơn vị tính.

+ Các cột (4), (7), (9) nhập kiểu số, không âm, cho phép nhập sau phần thập phân 3 chữ số, nhận giá trị mặc định là số 0.

+ Cột (5) Giá tính thuế đơn vị tài nguyên: Cho phép nhập định dạng số thập phân 4 số sau dấu phẩy. Nhập giá tài nguyên phải >= (Giá tối thiểu của BTC – 20%)

+ Cột (6) tự động hiển thị theo cột (2) và chỉ cho phép sửa với ba loại tài nguyên là Tài nguyên khác, Dầu mỏ và Khí đốt. Cột (6) được hỗ trợ theo định dạng xx,xxxx%.

- **Các chỉ tiêu tính toán:**

+ Cột (8) = Cột (4) * Cột (5) * Cột (6)/100 nếu không nhập cột (7), hoặc Cột (8) = Cột (4) * Cột (7) nếu nhập cột (7).

+ Cột (10) = Cột (8) - Cột (9).

+ Chương trình hỗ trợ tính tự động hàng Tổng cộng của các cột (4), (8), (9), (10)

3.7.2.1.1 Bảng kê 01-1/TAIN: Bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện

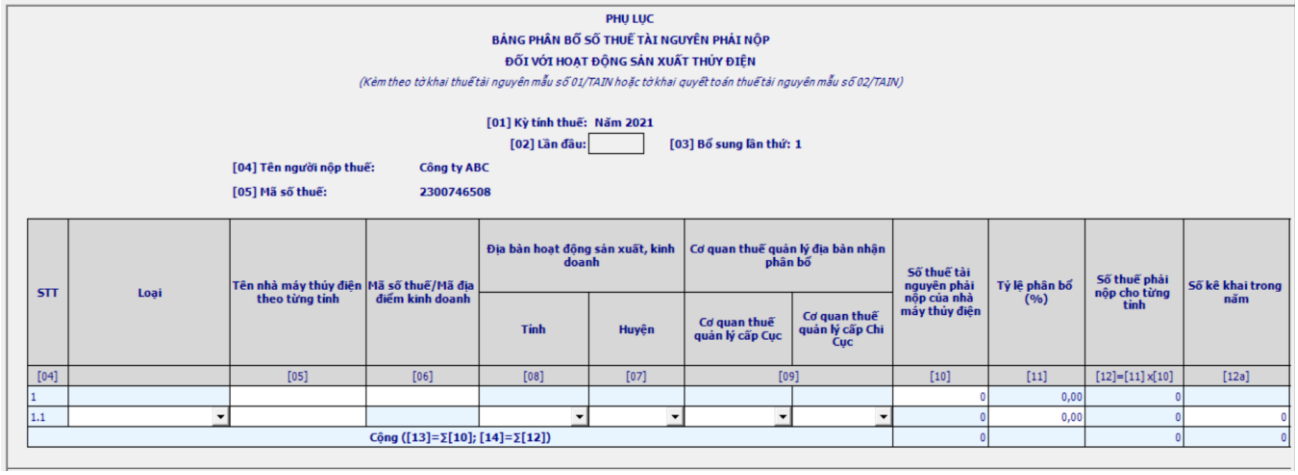

PHỤ LỤC

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ TÀI NGUYÊN PHẢI NỘP

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN

(Kèm theo tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN hoặc tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

STT	Loại	Tên nhà máy thủy điện theo từng tỉnh	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Số thuế tài nguyên phải nộp của nhà máy thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế phải nộp cho từng tỉnh	Số kê khai trong năm
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế quản lý cấp Cục	Cơ quan thuế quản lý cấp Chi Cục				
[04]		[05]	[06]	[08]	[07]	[09]		[10]	[11]	[12]=[11] x[10]	[12a]
1								0	0,00	0	
1.1								0	0,00	0	0
Cộng ([13]=Σ[10]; [14]=Σ[12])								0		0	0

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Nhà máy:

- Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
- Chỉ tiêu [6]: NNT nhập MST 13 số hoặc mã địa điểm kinh doanh 5 số, kiểm tra đúng cấu trúc MST, nếu kê khai phụ lục phân bổ thì bắt buộc nhập chỉ tiêu này
- Chỉ tiêu [10a]: NSD nhập số tiền >=0

+ Nơi có văn phòng điều hành nhà máy:
  - Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
  - Chỉ tiêu [7]: NSD chọn từ danh mục tương ứng với Tỉnh đã chọn
  - Chỉ tiêu [8]: Cho phép chọn trong danh mục 64 tỉnh, bắt ràng buộc mục 1.1 và 1.2 là 2 tỉnh khác nhau
  - Chỉ tiêu [11]: NNT nhập dạng x,xx khoảng từ 1 – 100
  - Chỉ tiêu [13], [14]: NNT nhập dạng số >= 0
+ Nơi được nhận khoản thu phân bổ:
  - Chỉ tiêu [5]: Cho phép NNT nhập dạng text
  - Chỉ tiêu [7]: NSD chọn từ danh mục tương ứng với Tỉnh tại chỉ tiêu (9)
  - Chỉ tiêu [8]: NSD chọn từ danh mục. Hệ thống kiểm tra Tỉnh của chỉ tiêu 1.2 phải khác tỉnh của chỉ tiêu 1.1
  - Chỉ tiêu [11]: NNT nhập dạng x,xx khoảng từ 1 – 100
  - Chỉ tiêu [13], [14]: NNT nhập số >=0

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự tính:**

+ Nhà máy:
  - Chỉ tiêu [11]: UD tự động tính tổng tỷ lệ phân bổ 1.1 + 1.2, kiểm tra phải = 100%
+ Nơi có văn phòng điều hành nhà máy:
  - Chỉ tiêu [12]: UD tự động tính theo công thức [12] = [11]x[10a]
+ Nơi được nhận khoản thu phân bổ
  - Chỉ tiêu [12]: UD tự động tính theo công thức [12] = [11]x[10a]
+ Tổng cộng: Kiểm tra tổng cột (10) <= chỉ tiêu (40) trên tờ khai, kiểm tra tổng cột (12) = (13).

3.7.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

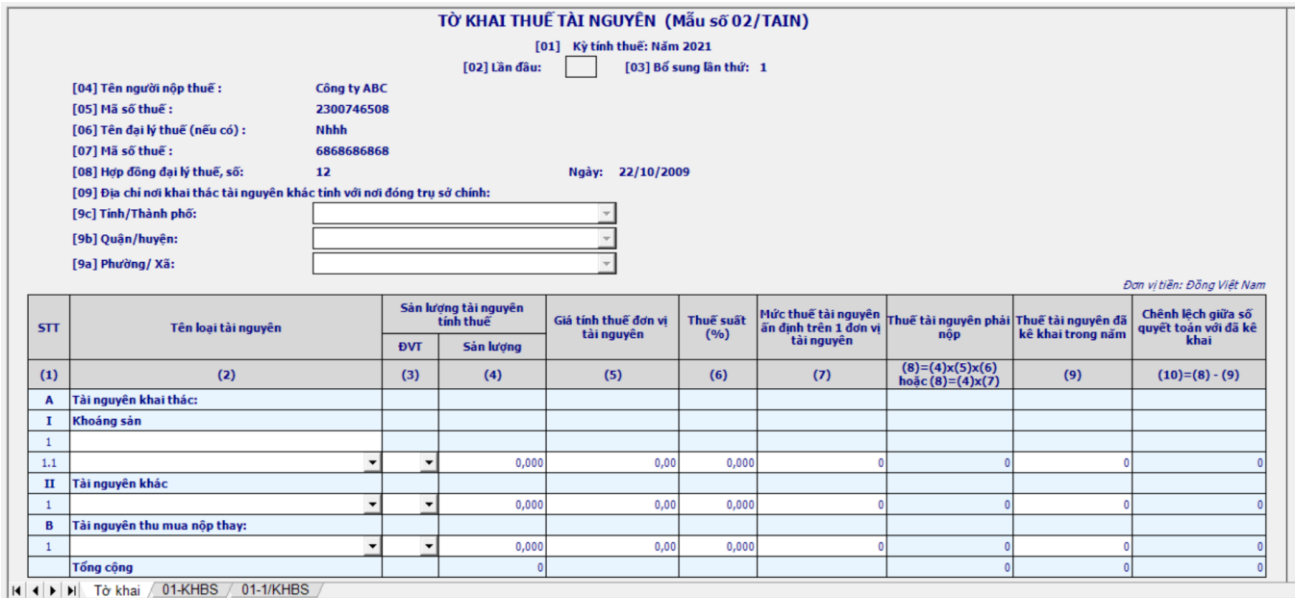

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN (Mẫu số 02/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: [ ] [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế : Công ty ABC

[05] Mã số thuế : 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có) : Nhhh

[07] Mã số thuế : 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: 12 Ngày: 22/10/2009

[09] Địa chỉ nơi khai thác tài nguyên khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[9c] Tỉnh/Thành phố:

[9b] Quận/huyện:

[9a] Phường/ Xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phải nộp	Thuế tài nguyên đã kê khai trong năm	Chênh lệch giữa số quyết toán với đã kê khai
		ĐVT	Sản lượng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6) hoặc (8)=(4)x(7)	(9)	(10)=(8) - (9)
A	Tài nguyên khai thác:								
I	Khoáng sản								
1									
1.1			0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
II	Tài nguyên khác								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
B	Tài nguyên thu mua nộp thay:								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0	0
	Tổng cộng		0				0	0	0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.8 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tiêu thụ đặc biệt

3.8.1 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt trừ hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học mẫu số 01/TTĐB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt" chọn "01/TTĐB Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (TT80/2021)".
- Đối với Tờ khai thuế 01/TTĐB UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"
- Trên form "Chọn kỳ kê khai" chọn Tờ khai tháng khi đó màn hình kê khai hiển thị:

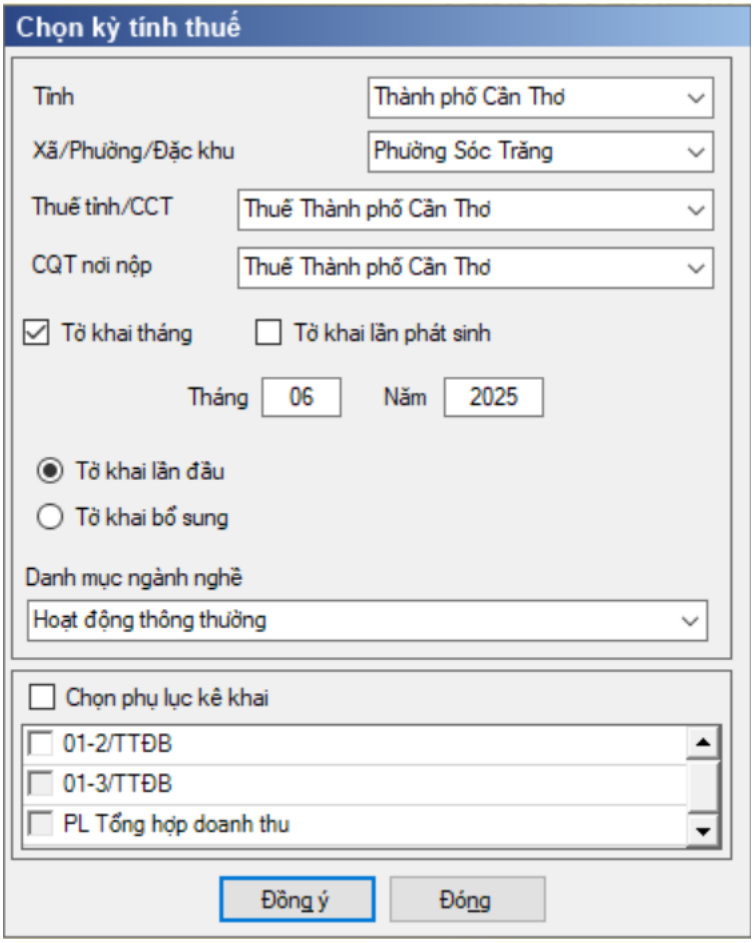

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hiện tại -1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hiện tại

+ Đối với tờ khai theo Lần phát sinh thì không cần kê khai phụ lục đính kèm

+ Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.

+ Chọn ngành nghề kinh doanh: Chọn ngành nghề kinh doanh của đơn vị mình trong Danh mục ngành nghề kinh doanh gồm có 4 loại ngành nghề:

- Hoạt động thông thường
- Hoạt động xổ số kiến thiết
- Hoạt động xổ số điện toán
- Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường bao gồm Casino

+ Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn thêm phụ lục để khai trong trường hợp cần kê khai. Trừ trường hợp nếu chọn "Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường bao gồm Casino" thì sẽ bắt buộc đính kèm phụ lục 01 – Phiếu tổng hợp doanh thu. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu 01/TTĐB.

- Việc kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tương tự như tờ 01/GTGT, màn hình giao diện tờ khai 01/TTĐB như sau:

3.8.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

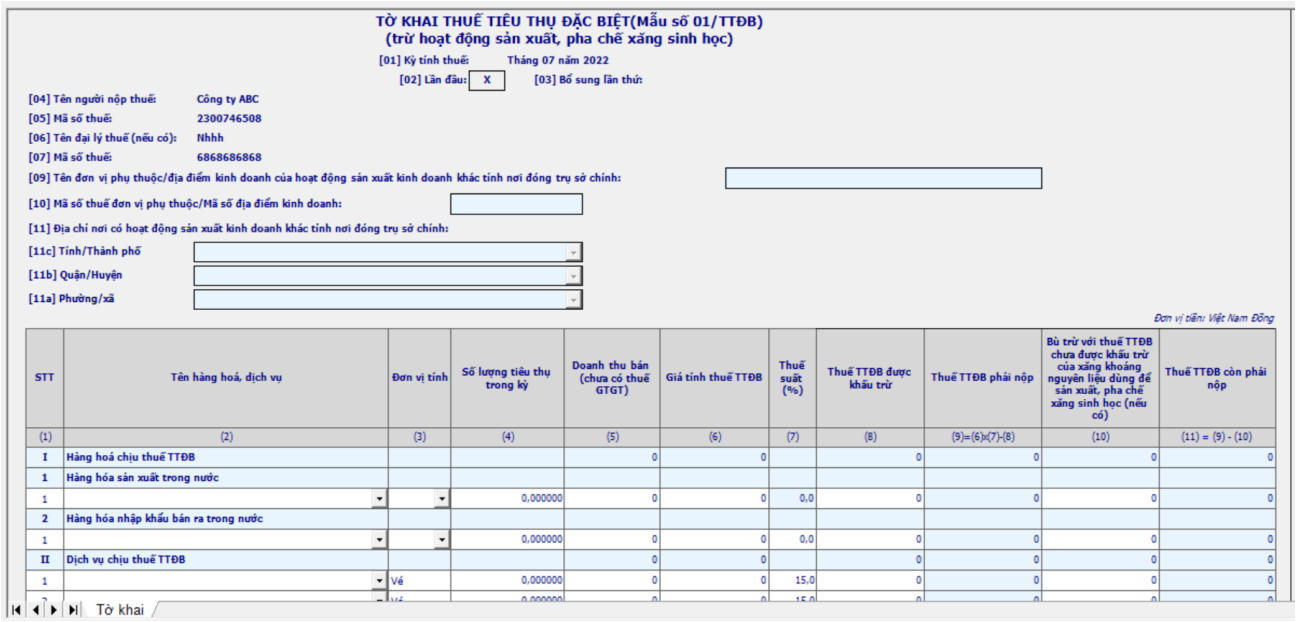

TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT(Mẫu số 01/TTĐB)
(trừ hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế: 6868686868
[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:
[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[11c] Tỉnh/Thành phố
[11b] Quận/Huyện
[11a] Phường/xã

Đơn vị tiền: Việt Nam Đồng

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thuế TTĐB được khấu trừ	Thuế TTĐB phải nộp	Bù trừ với thuế TTĐB chưa được khấu trừ của xăng khoáng nguyên liệu dùng để sản xuất, pha chế xăng sinh học (nếu có)	Thuế TTĐB còn phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)=(6)x(7)-(8)	(10)	(11) = (9) - (10)
I	Hàng hoá chịu thuế TTĐB			0	0		0	0	0	0
1	Hàng hóa sản xuất trong nước									
1			0,000000	0	0	0,0	0	0	0	0
2	Hàng hóa nhập khẩu bán ra trong nước									
1			0,000000	0	0	0,0	0	0	0	0
II	Dịch vụ chịu thuế TTĐB			0	0		0	0	0	0
1		Vé	0,000000	0	0	15,0	0	0	0	0

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột [2] Tên hàng hóa dịch vụ không nhập trực tiếp trên bàn phím mà được chọn trong danh mục các mặt hàng có sẵn đã được đăng ký từ trước trong chức năng "Đăng ký danh mục Thuế tài nguyên và Thuế tiêu thụ đặc biệt".

- Các mặt hàng trong danh mục luôn hiển thị trong khoảng thời gian hiệu lực. Và mặc định nếu theo ngày mặc định của hệ thống thì sẽ là bộ danh mục mới nhất, được áp dụng trong kỳ hiệu lực hiện tại.
- Không được phép nhập trùng cùng một loại dịch vụ, nếu nhập trùng sẽ hiện thông báo lỗi "Tên hàng hoá dịch vụ đã được chọn".

+ Cột [3] Đơn vị tính hiện ra theo cột [2]

+ Cột [4] : NNT nhập số không âm, định dạng x,xxxxxx

+ Các cột [5], [8], [10] nhập số >0, dạng số nguyên

+ Cột [6]: Ứng dụng hỗ trợ tự tính theo công thức Cột [6] = Cột [5]/(1 + Cột [7]), cho phép sửa nhưng không được lớn hơn Doanh số bán (chưa có thuế GTGT)

+ Cột [7] Hiển thị theo Tên hàng hóa, dịch vụ đã chọn

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức:**

+ Giá trị trên cột [6] < Giá trị trên cột [5].

+ Cột [9] tính toán theo công thức ([9] = [6] * [7] – [8]), nếu (9) < 0 thì hiển thị = 0

+ Cột [11] = [9] – [10]

+ Dòng Tổng cộng = (Chỉ tiêu I + Chỉ tiêu II + Chỉ tiêu III) tại các cột (5), (6), (8), (9), (10), (11); hệ thống kiểm tra: Tổng cộng cột (8) = Tổng cộng cột (13) Bảng I và cột (12) Bảng II trên bảng kê 01-2/TTĐB

3.8.1.1.1 Bảng kê 01-1/TTĐB: Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

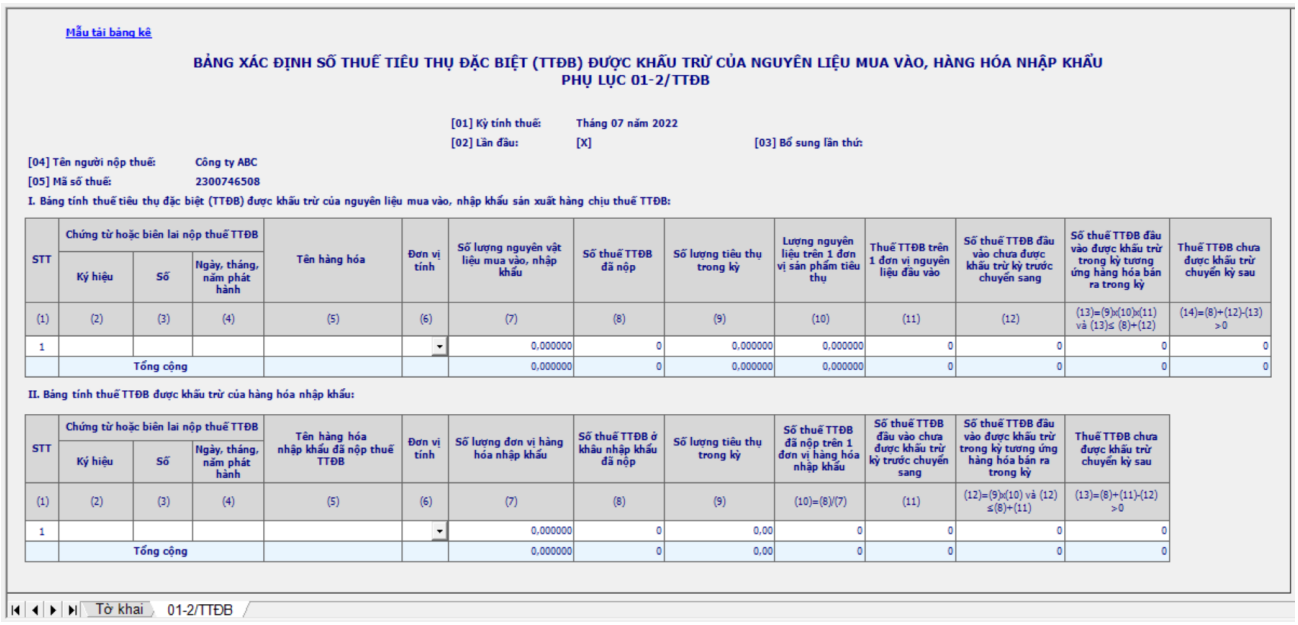

Mẫu tài bảng kê

BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB) ĐƯỢC KHẤU TRỪ CỦA NGUYÊN LIỆU MUA VÀO, HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
PHỤ LỤC 01-2/TTĐB

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508

I. Bảng tính thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) được khấu trừ của nguyên liệu mua vào, nhập khẩu sản xuất hàng chịu thuế TTĐB:

STT	Chứng từ hoặc biên lai nộp thuế TTĐB			Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng nguyên vật liệu mua vào, nhập khẩu	Số thuế TTĐB đã nộp	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Lượng nguyên liệu trên 1 đơn vị sản phẩm tiêu thụ	Thuế TTĐB trên 1 đơn vị nguyên liệu đầu vào	Số thuế TTĐB đầu vào chưa được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	Số thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ trong kỳ tương ứng hàng hóa bán ra trong kỳ	Thuế TTĐB chưa được khấu trừ chuyển kỳ sau
	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm phát hành										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(9)x(10)x(11) và (13)≤ (8)+(12)	(14)=(8)+(12)-(13) >0
1						0,000000	0	0,000000	0,000000	0	0	0	0
Tổng cộng						0,000000	0	0,000000	0,000000	0	0	0	0

II. Bảng tính thuế TTĐB được khấu trừ của hàng hóa nhập khẩu:

STT	Chứng từ hoặc biên lai nộp thuế TTĐB			Tên hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế TTĐB	Đơn vị tính	Số lượng đơn vị hàng hóa nhập khẩu	Số thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu đã nộp	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Số thuế TTĐB đã nộp trên 1 đơn vị hàng hóa nhập khẩu	Số thuế TTĐB đầu vào chưa được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	Số thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ trong kỳ tương ứng hàng hóa bán ra trong kỳ	Thuế TTĐB chưa được khấu trừ chuyển kỳ sau
	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm phát hành									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(8)/(7)	(11)	(12)=(9)x(10) và (12) ≤(8)+(11)	(13)=(8)+(11)-(12) >0
1						0,000000	0	0,00	0	0	0	0
Tổng cộng						0,000000	0	0,00	0	0	0	0

Tờ khai 01-2/TTĐB

<u>I. Bảng tính thuế TTĐB được khấu trừ của nguyên liệu mua vào, nhập khẩu sản xuất hàng hóa chịu thuế TNĐB:</u>

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Nhập chi tiết các cột [2], [5] dạng text

+ Cột [3] cho phép NNT nhập kiểu số

+ Nhập cột [4] dạng DD/MM/YYYY, kiểm tra đúng theo định dạng dd/mm/yyyy, Và ngày tháng năm phải nhỏ hơn hoặc bằng kỳ tính thuế.

+ Nhập chi tiết cột [6] NSD chọn từ danh mục

+ Nhập chi tiết các cột [7], [8], [9], [10], [12] dạng số, mặc định ban đầu là số 0, không âm

- **Các chỉ tiêu tính toán: UD hỗ trợ tự động tính theo công thức:**

+ Cột [11] = cột [8] / cột [7]

+ Cột (13) = Cột (9) x cột (10) x cột (11), cho phép sửa, kiểm tra nếu (13) > (8) + (12) thì cảnh báo vàng

+ Cột (14) = (8) + (12) – (13), nếu giá trị (14) < 0 thì hiển thị = 0

+ Tự tính dòng tổng cộng các cột (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14)

<u>II. Bảng tính thuế TTĐB được khấu trừ của hàng hóa nhập khẩu:</u>

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Nhập chi tiết các cột [2], [5] dạng text

+ Cột [3] cho phép NNT nhập kiểu số

+ Nhập cột [4] dạng DD/MM/YYYY, kiểm tra đúng theo định dạng dd/mm/yyyy, Và ngày tháng năm phải nhỏ hơn hoặc bằng kỳ tính thuế

+ Nhập chi tiết cột [6] NSD chọn từ danh mục

+ Nhập chi tiết các cột [7], [8], [9], [11] dạng số, mặc định ban đầu là số 0, không âm

- **Các chỉ tiêu tính toán:**
  + Cột [10] = [8]/[7]
  + Cột [12] = [9]x [10], kiểm tra [12] > [8] + [11] thì cảnh báo vàng
  + Cột [13] = [8] + [11] – [12]
  + Tự tính dòng tổng cộng các cột (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13)

3.8.1.1.2 Bảng kê 01-3/TTĐB: Bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế tiêu thụ đặc biệt

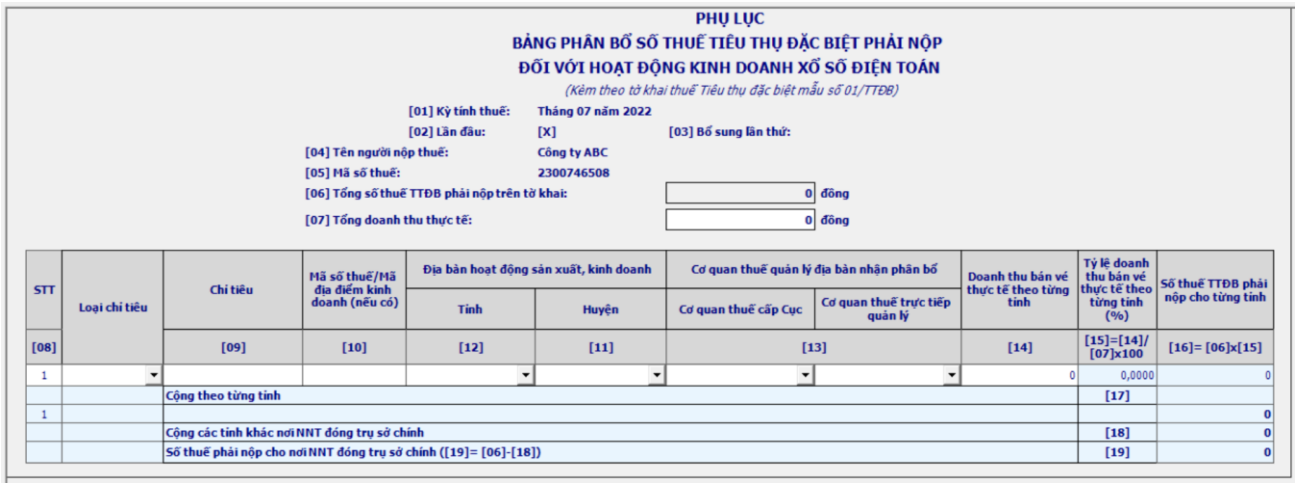

PHỤ LỤC

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

(Kèm theo tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tổng số thuế TTĐB phải nộp trên tờ khai: 0 đồng
[07] Tổng doanh thu thực tế: 0 đồng

STT	Loại chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Mã số thuế/Mã địa điểm kinh doanh (nếu có)	Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo từng tỉnh (%)	Số thuế TTĐB phải nộp cho từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp Cục	Cơ quan thuế trực tiếp quản lý			
[08]		[09]	[10]	[12]	[11]	[13]		[14]	[15]=[14]/[07]x100	[16]= [06]x[15]
1								0	0,0000	0
		Cộng theo từng tỉnh							[17]	
1										0
		Cộng các tỉnh khác nơi NNT đóng trụ sở chính							[18]	0
		Số thuế phải nộp cho nơi NNT đóng trụ sở chính ([19]= [06]-[18])							[19]	0

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Chỉ tiêu [11]: Chọn trong danh mục Huyện thuộc Tỉnh
  + Chỉ tiêu [12]: Chọn trong danh mục, hệ thống kiểm tra tỉnh phải là duy nhất và phải khác với tỉnh nơi đóng trụ sở chính của NNT
  + Chỉ tiêu [13]: NNT không do Cục Thuế DNL quản lý thì để trống, NNT do Cục Thuế DNL quản lý thì cho chọn văn phòng Cục Thuế
  + Chỉ tiêu [14]: NNT nhập số
- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức:**
  + Chỉ tiêu [15] = [14]/[07] x 100%
  + Chỉ tiêu [16] = [06] x [15]
  + Chỉ tiêu [17]: UD tính tổng cột (16) theo từng tỉnh
  + Chỉ tiêu [18] = tổng cột [17]
  + Chỉ tiêu [19] = [06] – [18]

3.8.1.1.3 Phụ lục số 01 – Phiếu tổng hợp doanh thu

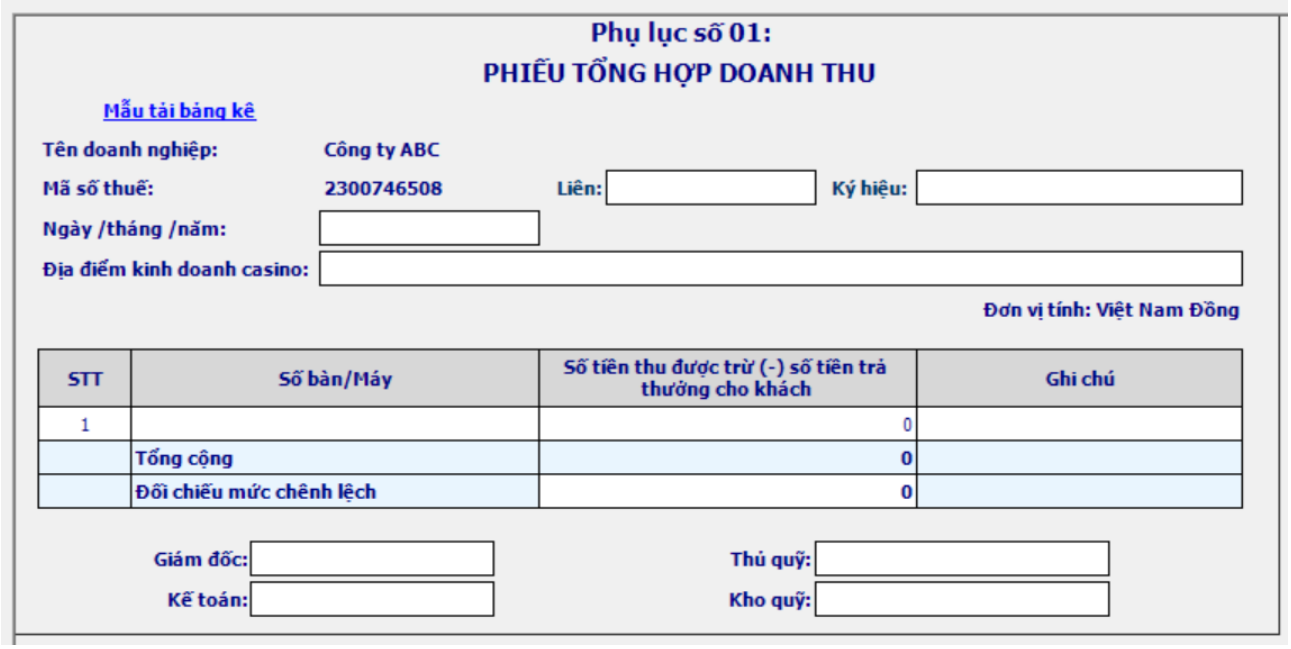

Phụ lục số 01:

PHIẾU TỔNG HỢP DOANH THU

Mẫu tải bảng kê

Tên doanh nghiệp: Công ty ABC

Mã số thuế: 2300746508 Liên: Ký hiệu:

Ngày /tháng /năm:

Địa điểm kinh doanh casino:

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

STT	Số bàn/Máy	Số tiền thu được trừ (-) số tiền trả thưởng cho khách	Ghi chú
1		0	
	Tổng cộng	0	
	Đối chiếu mức chênh lệch	0	

Giám đốc: Thủ quỹ:

Kế toán: Kho quỹ:

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Liên: NNT tự nhập dạng text

+ Ký hiệu: NNT tự nhập dạng text

+ Ngày/tháng/năm: NNT tự nhập định dạng dd/mm/yyyy

+ Địa điểm kinh doanh Casino: NNT tự nhập dạng text

+ Số bàn/Máy: NNT tự nhập

+ Số tiền thu được trừ (-) số tiền trả thưởng cho khách: NNT tự nhập dạng số nguyên âm, dương

+ Ghi chú: NNT tự nhập

+ Đối chiếu mức chênh lệch: NNT tự nhập dạng số nguyên âm, dương

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức:**

+ Tổng cộng: Kiểm tra Tổng cộng/1.1= với giá trị cột (5) Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT) tại mục II trên tờ khai với tên hàng hóa "Kinh doanh Casino, trò chơi điện tử có thưởng (thuế suất 35%)", sai khác cảnh báo vàng

3.8.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

+ Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục 01-1/TTDB thì ở Tờ khai bổ sung/ bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó. Trường hợp ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1 chưa kê khai phụ lục 01-1/TTDB, cho phép NNT đính kèm thêm phụ lục khi khai bổ sung.

- Nhấn nút [Đồng ý]:

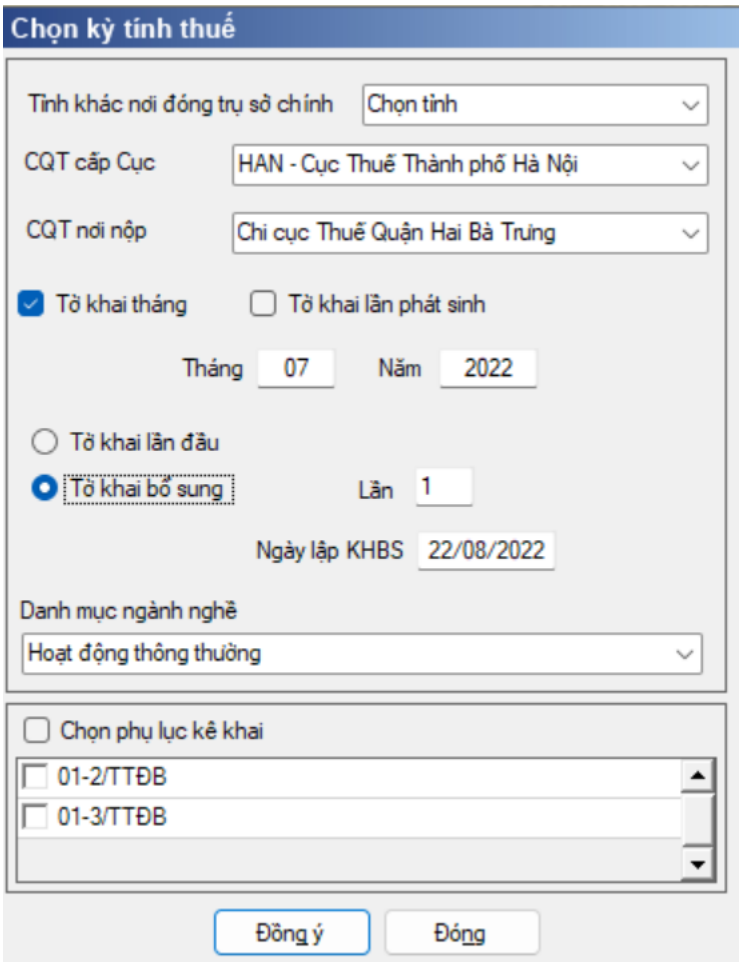

- Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", "01-KHBS" và "01-1/KHBS"
- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.8.2 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt áp dụng cho cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học mẫu số 02/TTĐB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP).

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt" chọn "02/TTĐB Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (TT80/2021)".
- Đối với Tờ khai thuế 02/TTĐB UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"
- Trên form "Chọn kỳ kê khai" chọn Tờ khai tháng khi đó màn hình kê khai hiển thị:

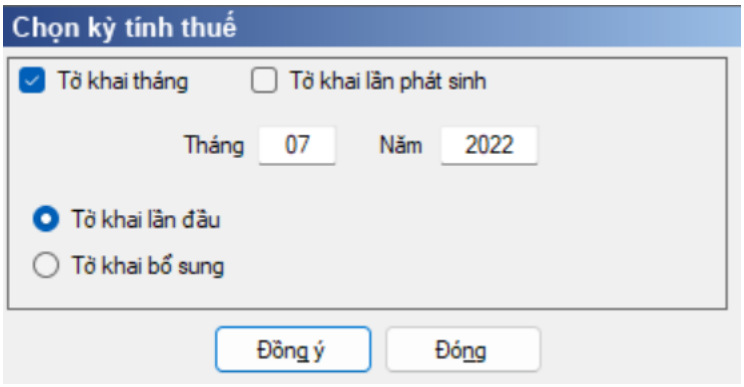

- Việc kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tương tự như tờ 01/GTGT, màn hình giao diện tờ khai 02/TTĐB như sau:

3.8.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

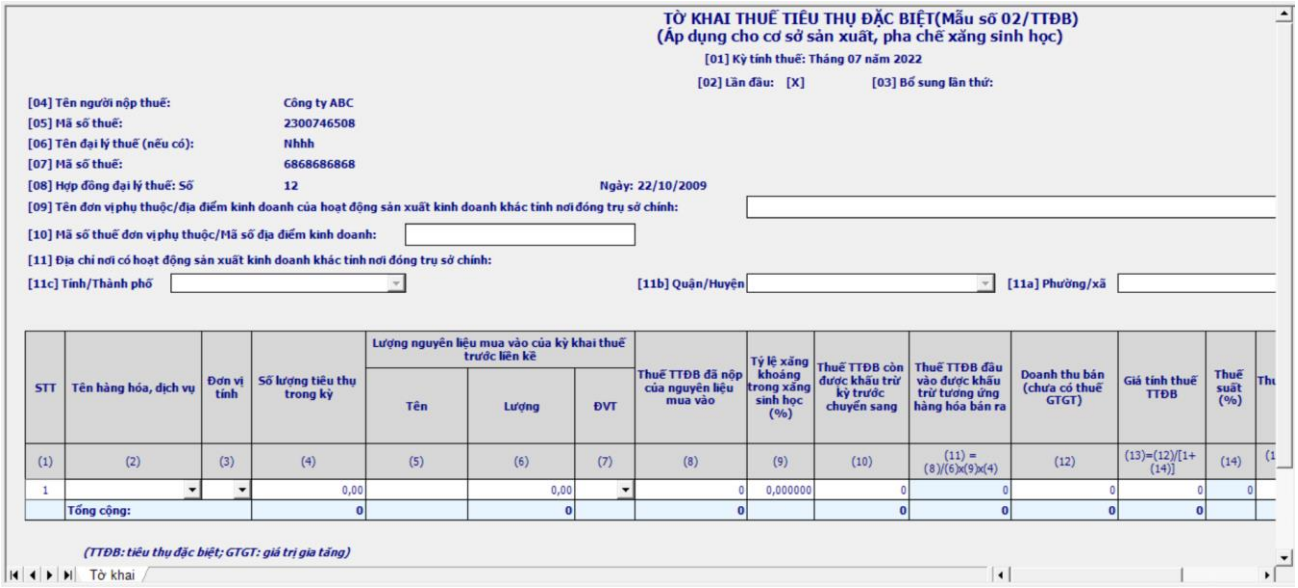

TỜ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT(Mẫu số 02/TTĐB)
(Áp dụng cho cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế: 6868686868
[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 Ngày: 22/10/2009
[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:
[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[11c] Tỉnh/Thành phố [11b] Quận/Huyện [11a] Phường/xã

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng tiêu thụ trong kỳ	Lượng nguyên liệu mua vào của kỳ khai thuế trước liền kề			Thuế TTĐB đã nộp của nguyên liệu mua vào	Tỷ lệ xăng khoáng trong xăng sinh học (%)	Thuế TTĐB còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	Thuế TTĐB đầu vào được khấu trừ tương ứng hàng hóa bán ra	Doanh thu bán (chưa có thuế GTGT)	Giá tính thuế TTĐB	Thuế suất (%)	Thu
				Tên	Lượng	ĐVT								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (8)/(6)x(9)x(4)	(12)	(13)=(12)/[1+(14)]	(14)	(1
1			0,00		0,00		0	0,000000	0	0	0	0	0	
	Tổng cộng:		0		0		0		0	0	0	0		

(TTĐB: tiêu thụ đặc biệt; GTGT: giá trị gia tăng)

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột [2] Tên hàng hóa dịch vụ không nhập trực tiếp trên bàn phím mà được chọn trong danh mục các mặt hàng có sẵn đã được đăng ký từ trước trong chức năng "Đăng ký danh mục Thuế tài nguyên và Thuế tiêu thụ đặc biệt".

+ Cột [3] Đơn vị tính hiện ra theo cột [2]

+ Cột [4] : NNT nhập số không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, tối đa 16 số

+ Cột [5]: Cho phép chọn từ danh mục, nếu không có trong danh mục thì cho nhập

+ Các cột [6], [8], [10], [12], [17], [18] nhập số >0, dạng số nguyên

+ Cột [7]: Cho phép chọn trong danh mục

+ Cột [9]: NNT nhập kiểu số, định dạng x,xxxxxx

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức:**

+ Cột [11] = [8]/[6]*[9]*[4]

+ Cột [13] = [12]/[1+[14]], cho phép sửa

+ Cột [15] = [13]*[14] – [10] – [11], cho phép sửa định dạng >= 0, nếu [15] < 0 thì hiển thị = 0

+ Cột [16] = trị tuyệt đối của [13]*[14] – [10] – [11] nếu [(14) * (13) – (11) – (10)] <0, cho phép sửa, định dạng số >=0

+ Cột [19] = [16] – [17] – [18], nếu [19] < 0 thì hiển thị = 0

3.8.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

+ Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục 01-1/TTDB thì ở Tờ khai bổ sung/ bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó. Trường hợp ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1 chưa kê khai phụ lục 01-1/TTDB, cho phép NNT đính kèm thêm phụ lục khi khai bổ sung.

- Nhấn nút [Đồng ý]

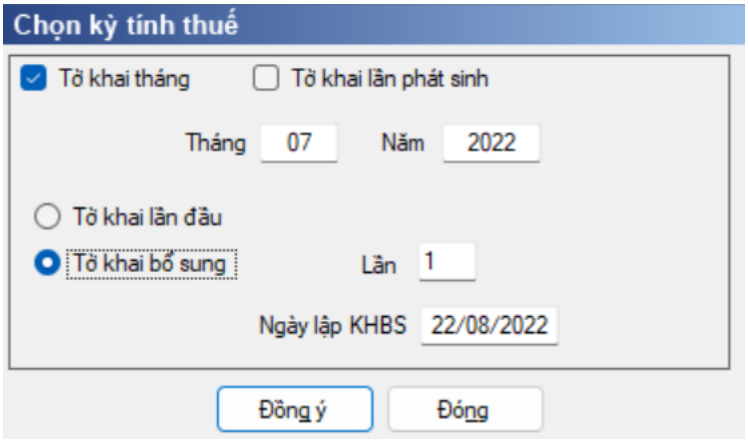

- Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", "01-KHBS" và "01-1/KHBS"
- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.9 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Phí, lệ phí

3.9.1 Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/PBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/PBVMT (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

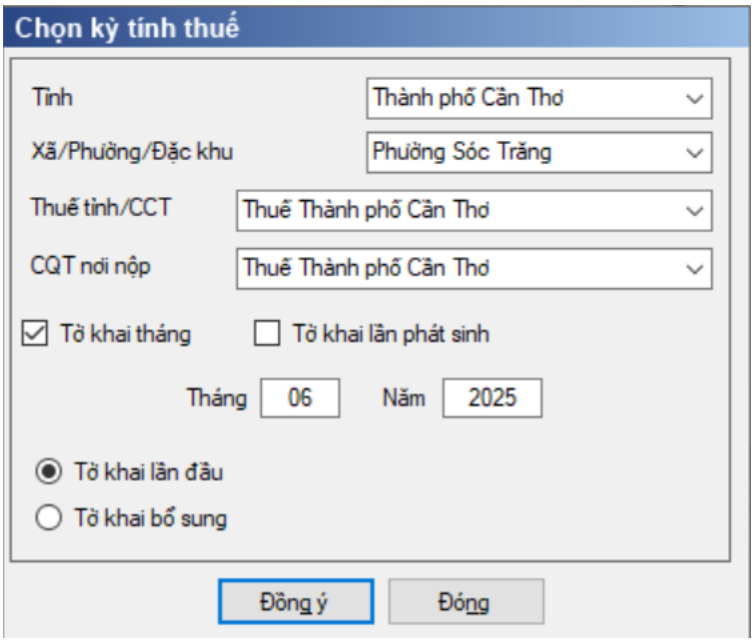

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu 01/PBVMT

3.9.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

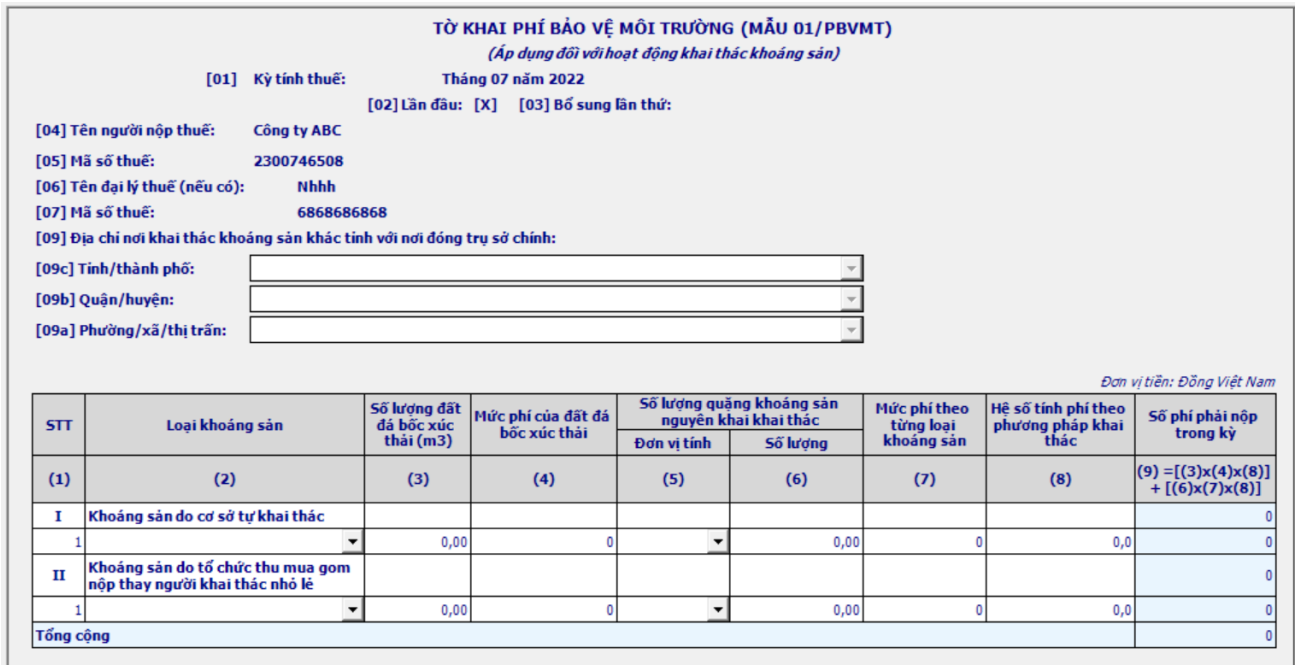

TỜ KHAI PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (MẪU 01/PBVMT)

(Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[09] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/thành phố:

[09b] Quận/huyện:

[09a] Phường/xã/thị trấn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng đất đá bốc xúc thải (m3)	Mức phí của đất đá bốc xúc thải	Số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác		Mức phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp trong kỳ
				Đơn vị tính	Số lượng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) =[(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác							0
1		0,00	0		0,00	0	0,0	0
II	Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ							0
1		0,00	0		0,00	0	0,0	0
Tổng cộng								0

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập**

+ Cột (2) Loại khoáng sản: Chọn trong danh mục các loại khoáng sản.

+ Cột (3), (6), (8): Cho phép nhập số >=0, định dạng x,xx

+ Cột (4): Nhập số >= 0

+ Cột (5): Đơn vị tính tự động hiển thị theo cột [2] và cho phép chọn lại trong danh mục.

+ Cột (7): Nhập số >=0. Kiểm tra Mức thu tối thiểu <= Mức phí theo từng loại khoáng sản <= Mức thu tối đa, sai khác cảnh báo vàng.

- **Chi tiết chỉ tiêu tính toán:**

+ Cột (9) = [(3) x (4) x (8)] + [(6) x (7) x (8)]

3.9.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

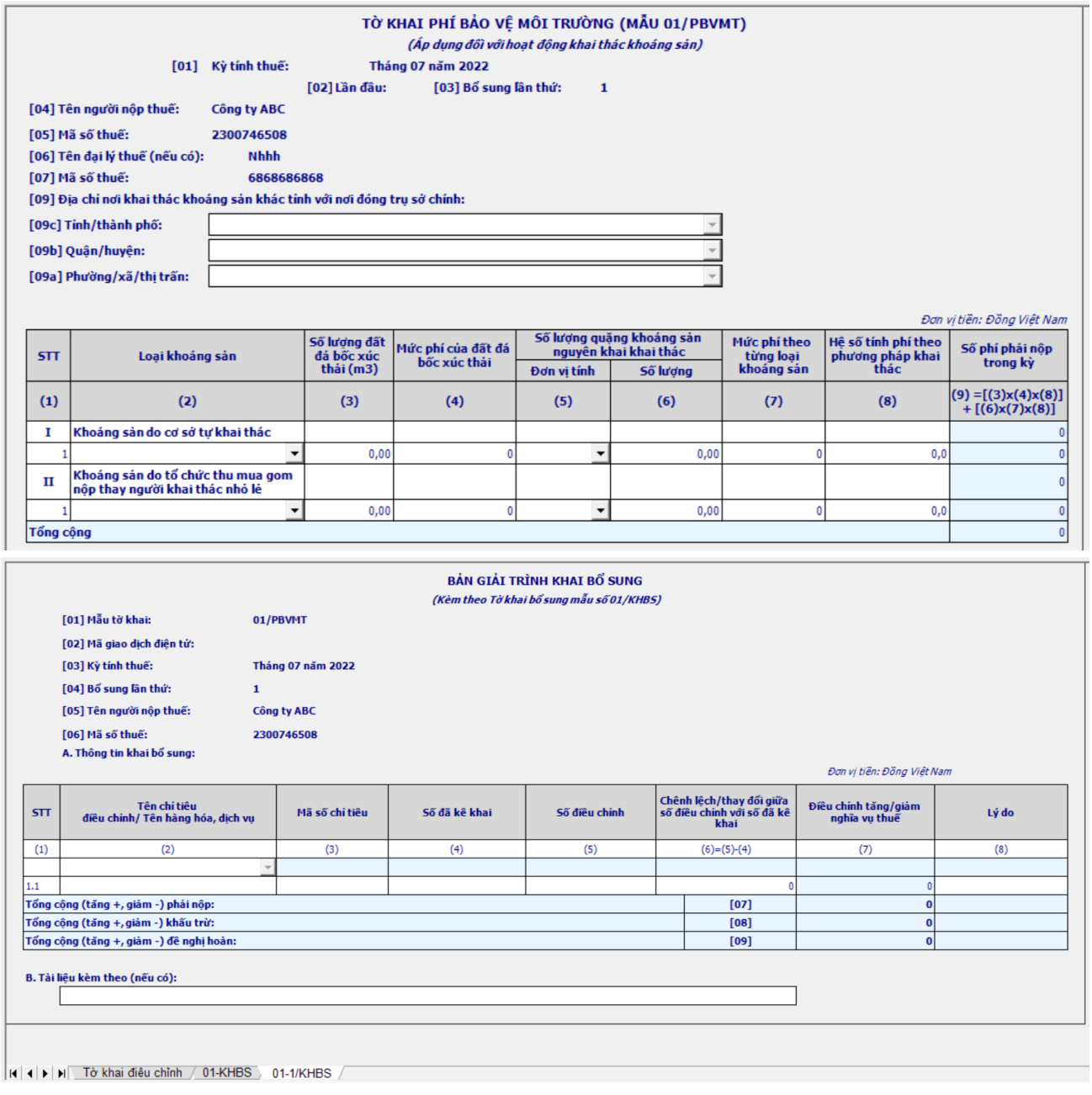

TỜ KHAI PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (MẪU 01/PBVMT)

(Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[09] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/thành phố:

[09b] Quận/huyện:

[09a] Phường/xã/thị trấn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng đất đá bốc xúc thải (m3)	Mức phí của đất đá bốc xúc thải	Số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác		Mức phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp trong kỳ
				Đơn vị tính	Số lượng			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) =[(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác							0
1		0,00	0		0,00	0	0,0	0
II	Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ							0
1		0,00	0		0,00	0	0,0	0
Tổng cộng								0

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/PBVMT

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:		[07]				0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:		[08]				0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:		[09]				0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.9.2 Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu số 02/PBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu số (02/PBVMT) (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

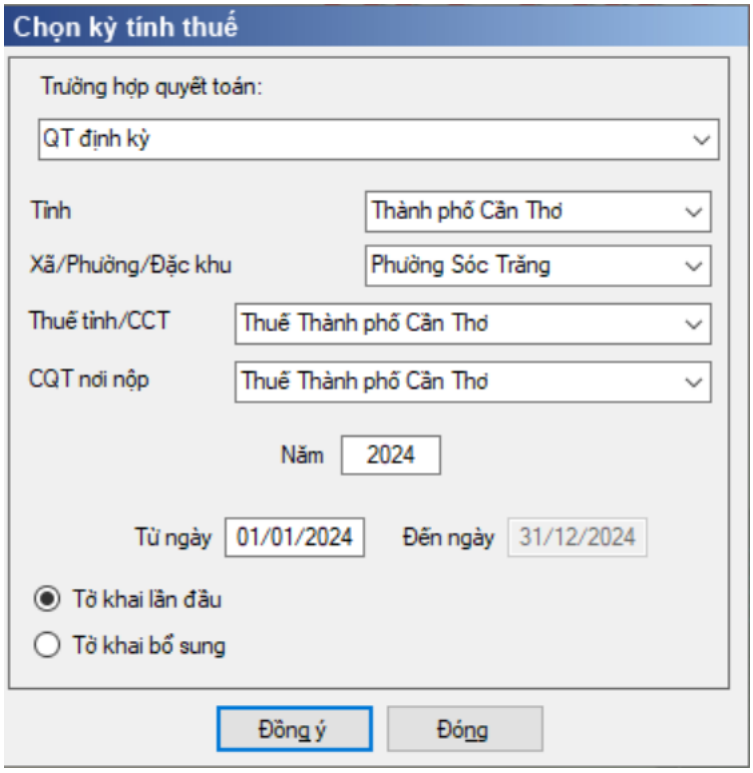

- Trường hợp quyết toán: Chọn 1 trong các trường hợp quyết toán
  + QT định kỳ (Mã 01)
  + Tổ chức lại doanh nghiệp (mã 02)
  + Chuyển đổi loại hình (đối với trường hợp CPH DNNN) (mã 03)
  + Chuyển đổi kỳ tài chính (mã 04)
  + Giải thể, phá sản (mã 05)
  + Chấm dứt hoạt động (mã 06)
- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm

+ Kỳ tính thuế theo năm: Mặc định năm hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn năm hiện tại.

+ Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến: Kỳ quyết toán từ mặc định là ngày bắt đầu năm tài chính của năm quyết toán. Kỳ quyết toán đến mặc định là ngày kết thúc năm tài chính của năm quyết toán. NSD có thể thay đổi thông tin về kỳ quyết toán theo nguyên tắc sau:

- Cho phép sửa Kỳ quyết toán đến trừ trường hợp "QT định kỳ"
- Kỳ quyết toán từ hoặc kỳ quyết toán đến phải thuộc Kỳ tính thuế

- Khoảng cách từ ngày và đến ngày không vượt quá 15 tháng.
- Trường năm phải lớn hơn năm 2021.
- Kiểm tra Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến không được lớn hơn kỳ tính thuế có ngày hiện tại
- Không giao ngày với Kỳ quyết toán từ/ đến của TK quyết toán kỳ trước

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu 02/PBVMT
- Hạn nộp tờ khai:

+ Nếu trường hợp quyết toán là "QT định kỳ" hoặc " Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là Ngày cuối cùng của Quý sau Tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

+ Nếu trường hợp quyết toán khác "QT định kỳ" và 'Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là (Kỳ quyết toán đến + 45 ngày – 1), dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

3.9.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

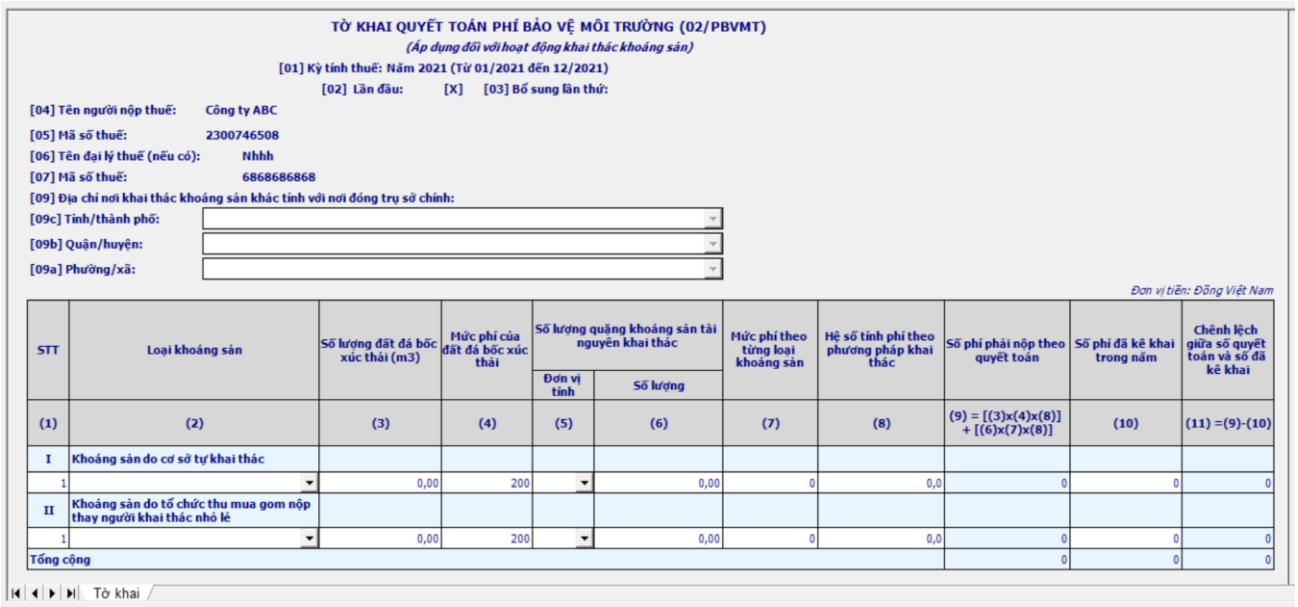

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (02/PBVMT)

(Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ 01/2021 đến 12/2021)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[09] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/thành phố:

[09b] Quận/huyện:

[09a] Phường/xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng đất đá bốc xúc thải (m3)	Mức phí của đất đá bốc xúc thải	Số lượng quặng khoáng sản tài nguyên khai thác		Mức phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp theo quyết toán	Số phí đã kê khai trong năm	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
				Đơn vị tính	Số lượng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = [(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]	(10)	(11) =(9)-(10)
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác									
1		0,00	200		0,00	0	0,0	0	0	0
II	Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ									
1		0,00	200		0,00	0	0,0	0	0	0
Tổng cộng								0	0	0

Tờ khai

- ***Các chỉ tiêu cần nhập:***

+ Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2) Loại khoáng sản: Chọn trong danh mục mã tài nguyên khoáng sản.

- Mục I - Khoáng sản do cơ sở tự khai thác: Cho phép chọn trong danh mục Loại khoáng sản, không cho phép chọn trùng Loại khoáng sản trong cùng 1 mục I hoặc trong cùng 1 mục II

- Mục II - Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ:
  - Trường hợp có kê khai thì ràng buộc chỉ tiêu giống mục I
  - Trường hợp nộp tại CQT khác CQT quản lý thì khóa không cho nhập mục II

+ Cột (3), (6): Cho phép nhập số >= 0, định dạng x,xx
+ Cột (4), (8), (10): Cho phép nhập số >= 0
+ Cột (5): Đơn vị tính tự động hiển thị theo cột [2] và cho phép sửa.
+ Cột (7): Nhập số >=0. Kiểm tra Mức thu tối thiểu <= Mức phí theo từng loại khoáng sản <= Mức thu tối đa, sai khác cảnh báo vàng.

- ***Các chỉ tiêu tính toán:***

+ Cột (9) = [(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]
+ Cột (11) = (9) – (10)

3.9.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

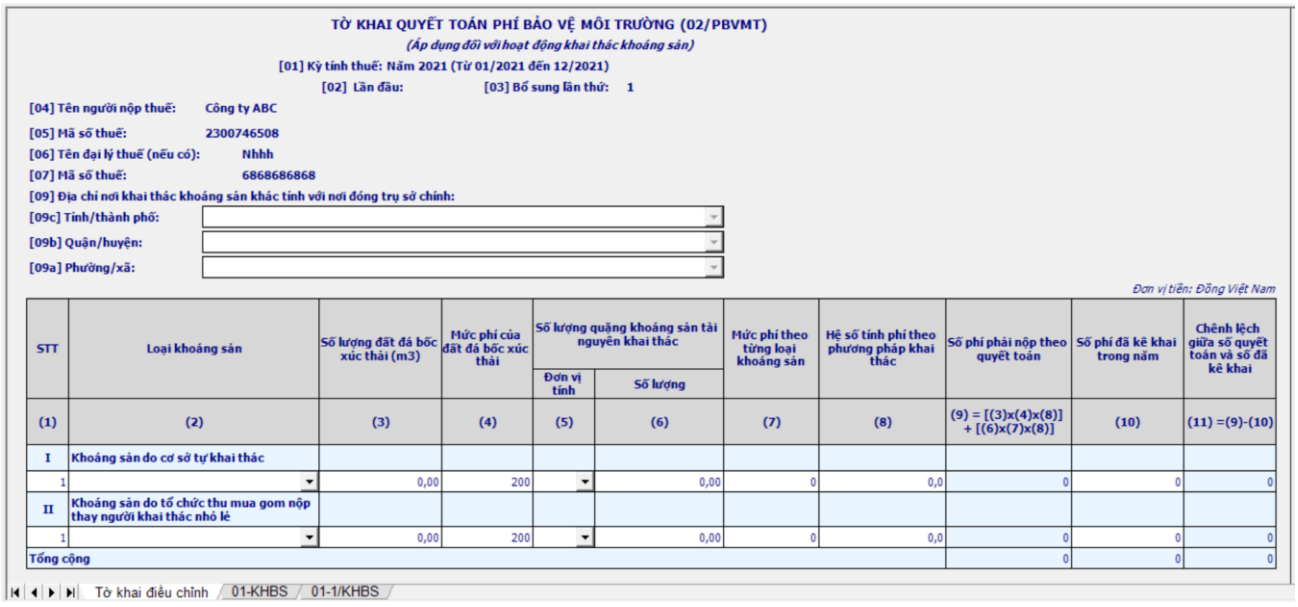

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (02/PBVMT)

(Áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ 01/2021 đến 12/2021)

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[09] Địa chỉ nơi khai thác khoáng sản khác tỉnh với nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/thành phố:

[09b] Quận/huyện:

[09a] Phường/xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng đất đá bốc xúc thải (m3)	Mức phí của đất đá bốc xúc thải	Số lượng quặng khoáng sản tài nguyên khai thác		Mức phí theo từng loại khoáng sản	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác	Số phí phải nộp theo quyết toán	Số phí đã kê khai trong năm	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
				Đơn vị tính	Số lượng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = [(3)x(4)x(8)] + [(6)x(7)x(8)]	(10)	(11) =(9)-(10)
I	Khoáng sản do cơ sở tự khai thác									
1		0,00	200		0,00	0	0,0	0	0	0
II	Khoáng sản do tổ chức thu mua gom nộp thay người khai thác nhỏ lẻ									
1		0,00	200		0,00	0	0,0	0	0	0
Tổng cộng								0	0	0

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.9.3 Tờ khai phí 01/PH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai phí (01/PH)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

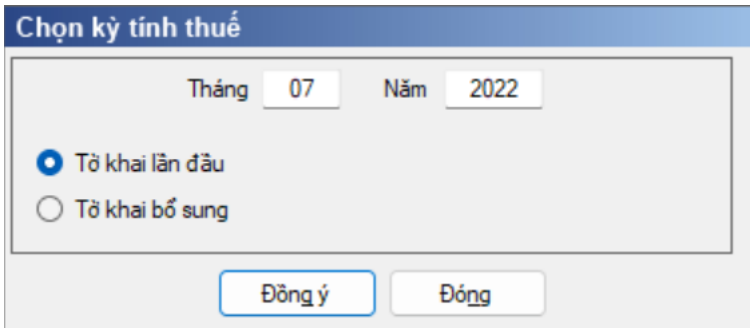

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phí mẫu 01/PH

3.9.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình "Chọn kỳ tính thuế" hiển thị ra như sau:

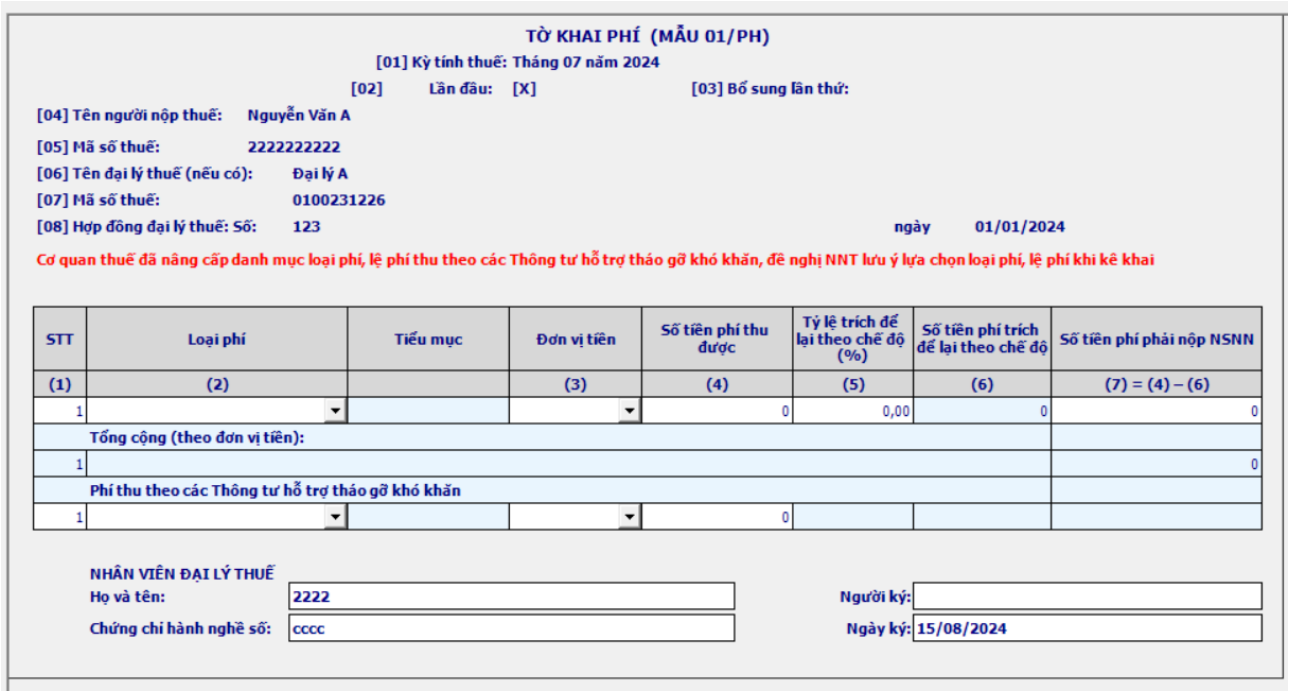

TỜ KHAI PHÍ (MẪU 01/PH)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2024

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế: 0100231226

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 123 ngày 01/01/2024

Cơ quan thuế đã nâng cấp danh mục loại phí, lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, đề nghị NNT lưu ý lựa chọn loại phí, lệ phí khi kê khai

STT	Loại phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp NSNN
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) – (6)
1				0	0,00	0	0
Tổng cộng (theo đơn vị tiền):							
1							0
Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn							
1				0			

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: 2222 Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: cccc Ngày ký: 15/08/2024

- Chi tiết các chỉ tiêu:

+ Cột (1) STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2) Loại phí, lệ phí: Chọn trong danh mục các loại phí, lệ phí; Tiểu mục: tự động hiển thị theo cột [2] và không sửa

+ Tiểu mục: Tự động hiển thị khi chọn (2) Loại phí

+ Cột (3) Đơn vị tiền: Chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền phí thu được: NNT tự nhập dạng số không âm, mặc định là 0

+ Cột (5) - Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%): Cho phép nhập dạng xx,xx%, >=0 và <=100

+ Cột (6) - Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ: Hỗ trợ tính = (4) * (5)

+ Cột (7) = cột (4) - cột (6), cho sửa

+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (7) theo đơn vị tiền

- **Mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn": Cho phép nhập đối với kỳ tính thuế từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2025, chi tiết như sau:**

+ Cột (2) Loại phí: Chọn trong danh mục

+ Cột Tiểu mục: Tự động hiển thị khi chọn (2) Loại phí. Kiểm tra các mã kê khai tại mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" thì phải được kê khai tại mục không theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn

+ Cột (3) Đơn vị tiền: Chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền phí thu được:

- Nếu chọn đơn vị tiền là "VND" thì nhập số >=0, định dạng số nguyên
- Nếu chọn đơn vị tiền khác "VND" thì cho phép nhập số >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) tại mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" phải <= tổng chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) không thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn.

+ Cột (5), (6), (7): Không nhập dữ liệu

3.9.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

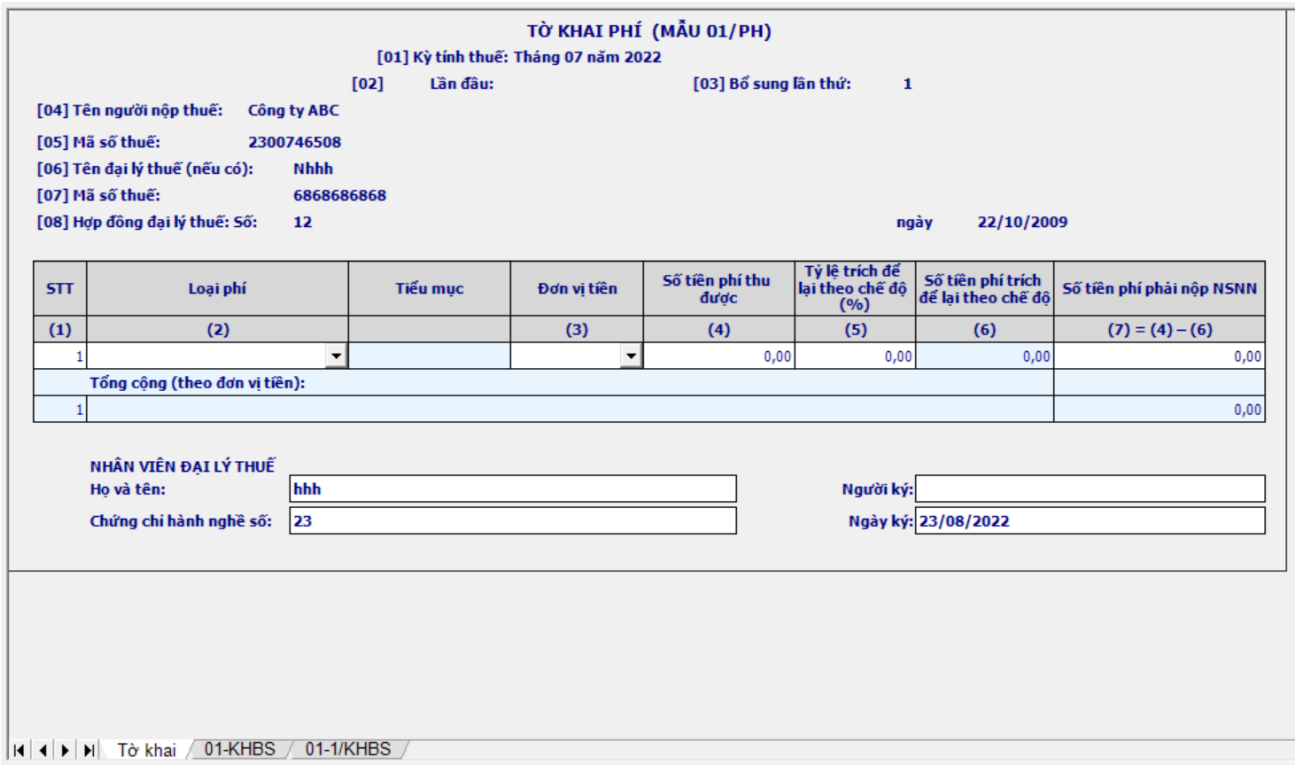

TỜ KHAI PHÍ (MẪU 01/PH)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

STT	Loại phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp NSNN
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) – (6)
1				0,00	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):						
1							0,00

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 23/08/2022

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

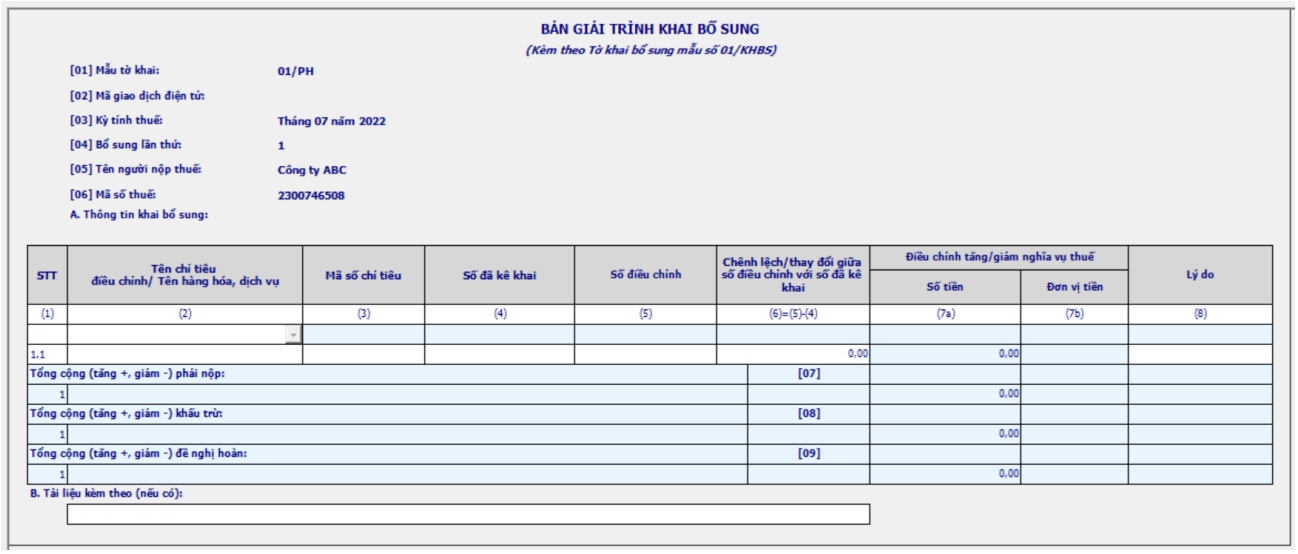

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/PH

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế		Lý do
						Số tiền	Đơn vị tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7a)	(7b)	(8)
1.1					0,00	0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]			
1						0,00		

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.9.4 Tờ khai quyết toán phí, lệ phí mẫu số 02/PH (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai quyết toán phí mẫu số (02/PHLP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

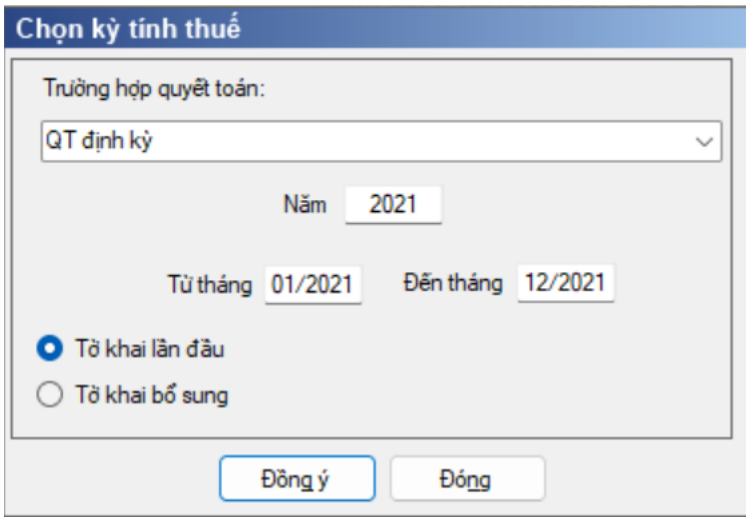

- Trường hợp quyết toán: Chọn 1 trong các trường hợp quyết toán
  + QT định kỳ (Mã 01)
  + Tổ chức lại doanh nghiệp (mã 02)
  + Chuyển đổi loại hình (đối với trường hợp CPH DNNN) (mã 03)
  + Chuyển đổi kỳ tài chính (mã 04)
  + Giải thể, phá sản (mã 05)
  + Chấm dứt hoạt động (mã 06)
- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm
  + Hiệu lực từ 01/01/2022
  + Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến: Kỳ quyết toán từ mặc định là ngày bắt đầu năm tài chính của năm quyết toán. Kỳ quyết toán đến mặc định là ngày kết thúc năm tài chính của năm quyết toán. NSD có thể thay đổi thông tin về kỳ quyết toán theo nguyên tắc sau:
    - Cho phép sửa Kỳ quyết toán đến trừ trường hợp "QT định kỳ"
    - Kỳ quyết toán từ hoặc kỳ quyết toán đến phải thuộc Kỳ tính thuế
    - Khoảng cách từ ngày và đến ngày không vượt quá 15 tháng.
    - Kiểm tra Kỳ quyết toán từ … Kỳ quyết toán đến không được lớn hơn kỳ tính thuế có ngày hiện tại
    - Không giao ngày với Kỳ quyết toán từ/ đến của TK quyết toán kỳ trước
  + CQT nộp tờ khai: Nộp tại CQT quản lý trực tiếp
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán phí mẫu 02/PH
- Hạn nộp tờ khai:

+ Nếu trường hợp quyết toán là "QT định kỳ" hoặc " Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là Ngày cuối cùng của Quý sau Tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

+ Nếu trường hợp quyết toán khác "QT định kỳ" và 'Chuyển đổi kỳ tài chính" thì Hạn nộp là (Kỳ quyết toán đến + 45 ngày – 1), dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

3.9.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

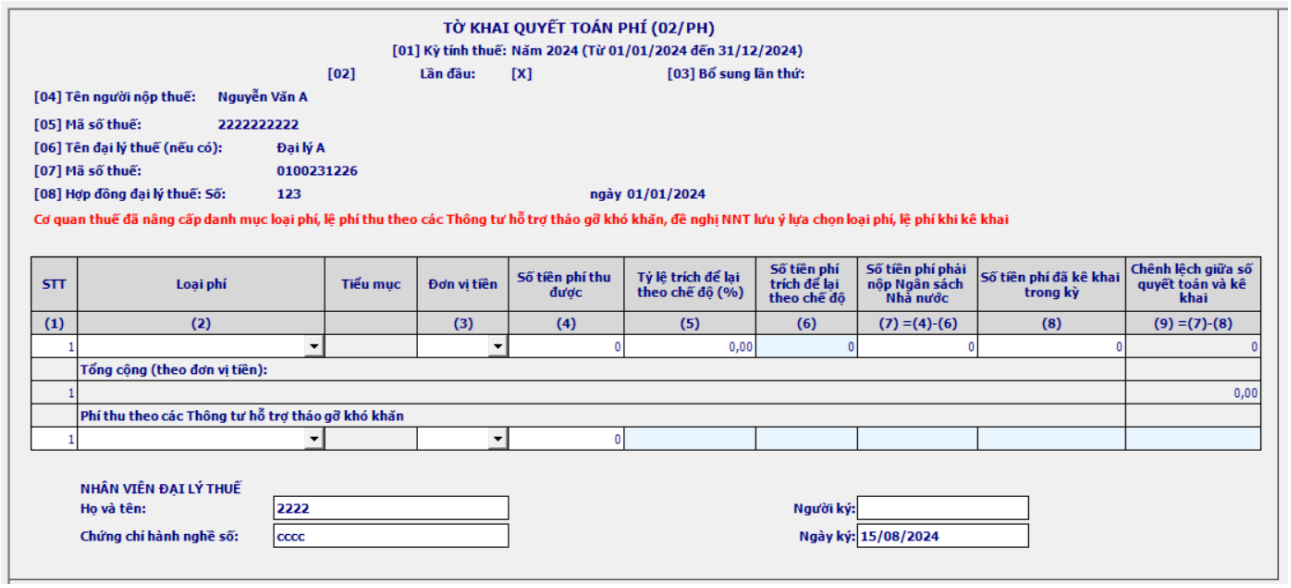

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ (02/PH)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024 (Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024)

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế: 0100231226

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 123 ngày 01/01/2024

Cơ quan thuế đã nâng cấp danh mục loại phí, lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, đề nghị NNT lưu ý lựa chọn loại phí, lệ phí khi kê khai

STT	Loại phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp Ngân sách Nhà nước	Số tiền phí đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7) =(4)-(6)	(8)	(9) =(7)-(8)
1				0	0,00	0	0	0	0
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):								
1									0,00
	Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn								
1				0					

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: 2222 Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: cccc Ngày ký: 15/08/2024

- Chi tiết các chỉ tiêu:

+ Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2) Loại phí, lệ phí: Chọn trong danh mục phí, kiểm tra không được trùng đồng thời cột (2) và (5)

+ Cột (3) Đơn vị tiền: chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền phí thu được : Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Cột (5) Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%): Nhập dạng xx,xx%

+ Cột (6) = (4) * (5), làm tròn đến đồng, không sửa

+ Cột (7) - Số tiền phí, lệ phí đã kê khai trong kỳ = (4) – (6), cho sửa

+ Cột (8) - Số tiền phí, lệ phí đã kê khai trong kỳ: Cho phép nhập dạng số không âm, mặc định là 0

+ Cột (9) – Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai = (7) – (8)

+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (9)

- **Mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn": Cho phép nhập đối với kỳ tính thuế có giao với khoảng thời gian từ 01/12/2023 đến 31/12/2025, chi tiết như sau:**

+ Cột (2) Loại phí: Chọn trong danh mục

+ Cột Tiểu mục: Tự động hiển thị khi chọn (2) Loại phí. Kiểm tra các mã kê khai tại mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" thì phải được kê khai tại mục không theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn

+ Cột (3) Đơn vị tiền: Chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền phí thu được:

- Nếu chọn đơn vị tiền là "VND" thì nhập số >=0, định dạng số nguyên
- Nếu chọn đơn vị tiền khác "VND" thì cho phép nhập số >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) tại mục "Phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" phải <= tổng chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) không thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn.

+ Cột (5), (6), (7), (8), (9): Không nhập dữ liệu

3.9.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

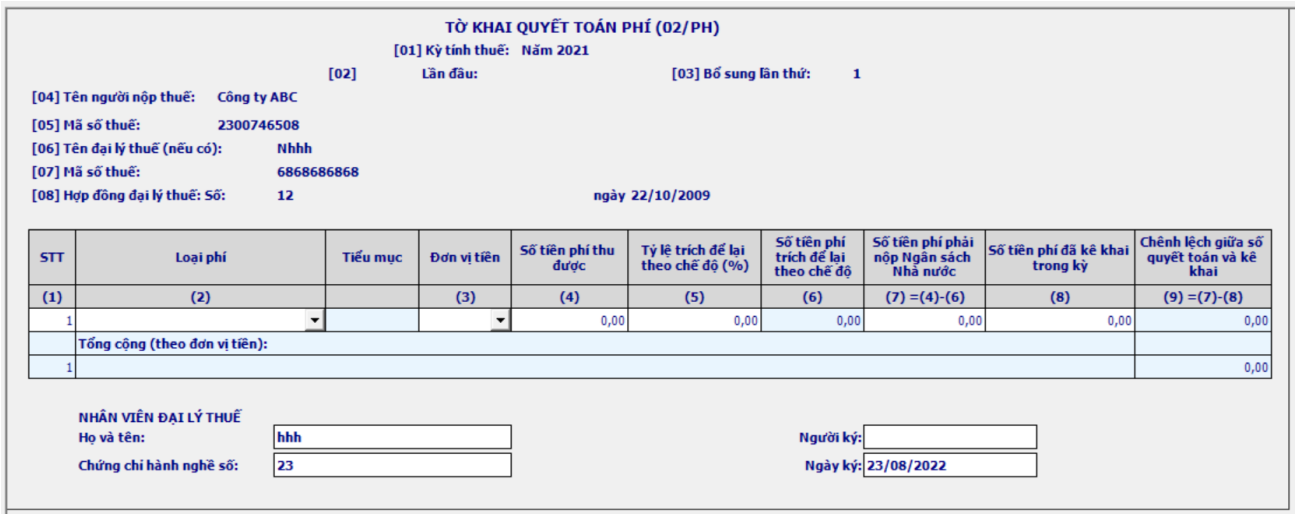

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ (02/PH)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

STT	Loại phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền phí thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền phí trích để lại theo chế độ	Số tiền phí phải nộp Ngân sách Nhà nước	Số tiền phí đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7) =(4)-(6)	(8)	(9) =(7)-(8)
1				0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):								
1									0,00

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh

Chứng chỉ hành nghề số: 23

Người ký:

Ngày ký: 23/08/2022

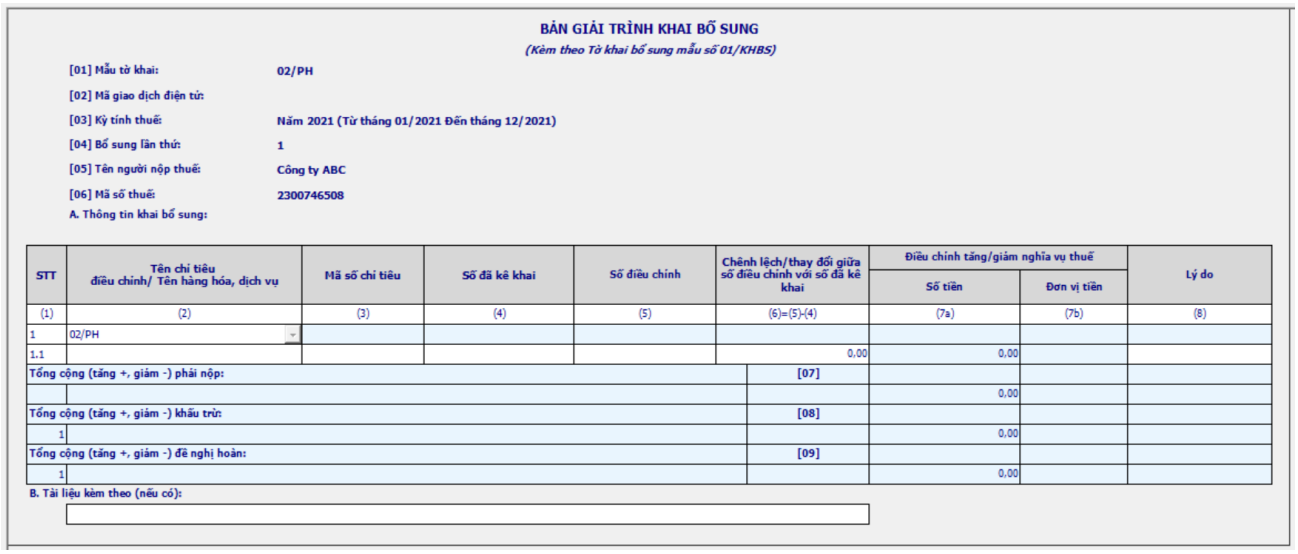

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PH

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế		Lý do
						Số tiền	Đơn vị tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7a)	(7b)	(8)
1	02/PH							
1.1					0,00	0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:		[07]						
						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:		[08]						
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:		[09]						
1						0,00		

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.9.5 Tờ khai lệ phí mẫu số 01/LP (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai lệ phí (01/LP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

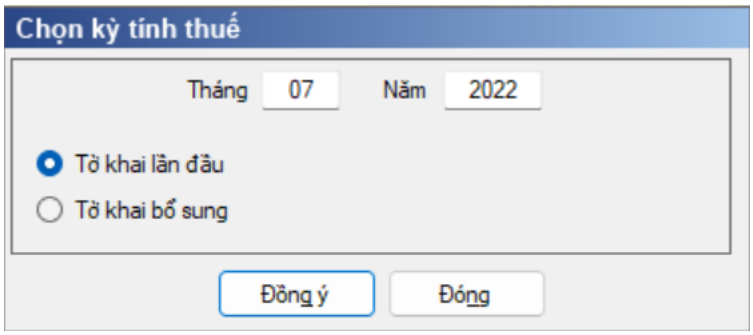

- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm
  + Hiệu lực từ 01/2022
  + Hạn nộp tờ khai:
    - Tờ khai tháng: ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
  + CQT nộp tờ khai: Nộp tại CQT quản lý trực tiếp
- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai lệ phí mẫu 01/LP

3.9.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

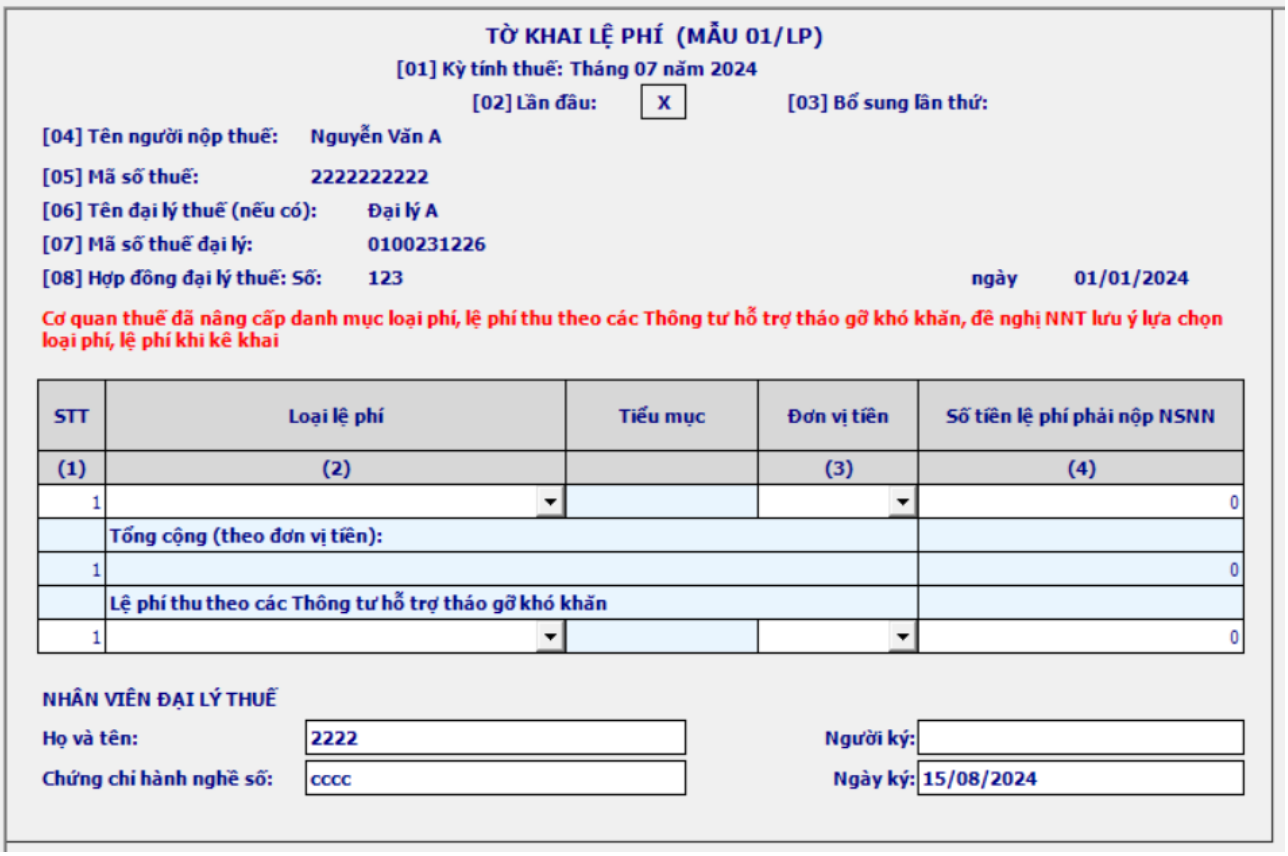

TỜ KHAI LỆ PHÍ (MẪU 01/LP)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2024

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế đại lý: 0100231226

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 123 ngày 01/01/2024

Cơ quan thuế đã nâng cấp danh mục loại phí, lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, đề nghị NNT lưu ý lựa chọn loại phí, lệ phí khi kê khai

STT	Loại lệ phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền lệ phí phải nộp NSNN
(1)	(2)		(3)	(4)
1				0
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):			
1				0
	Lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn			
1				0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: 2222 Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: cccc Ngày ký: 15/08/2024

- Chi tiết các chỉ tiêu:

+ Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2) Loại phí, lệ phí: Chọn trong danh mục phí, kiểm tra không được trùng đồng thời cột (2) và (3)

+ Cột (3) Đơn vị tiền: chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền phí thu được : Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (4) theo đơn vị tiền

- **Mục "Lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn": Cho phép nhập đối với kỳ tính thuế từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2025, chi tiết như sau:**

+ Cột (2) Loại lệ phí: Chọn trong danh mục

+ Cột Tiểu mục: Tự động hiển thị khi chọn (2) Loại lệ phí. Kiểm tra các mã kê khai tại mục "Lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" thì phải được kê khai tại mục không theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn

+ Cột (3) Đơn vị tiền: Chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền lệ phí phải nộp NSNN:

- Nếu chọn đơn vị tiền là "VND" thì nhập số >=0, định dạng số nguyên
- Nếu chọn đơn vị tiền khác "VND" thì cho phép nhập số >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) tại mục "Lệ phí thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn" phải <= tổng chỉ tiêu (4) theo (Tiểu mục và đơn vị tiền) không thu theo các Thông tư hỗ trợ tháo gỡ khó khăn.

- Chỉ tiêu (4) của mã lệ phí 63012853 (Trong đó: Số tiền phí/lệ phí tại Thông tư số 37/2023/TT-BTC thu theo quy định tại Thông tư số 63/2023/TT-BTC vào TM 2853) nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì phải chia hết cho 115.000, sai khác cảnh báo đỏ: "(4) Số tiền lệ phí của TM 2853 tại TT37/2023 phải chia hết cho 115.000 đồng"

3.9.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

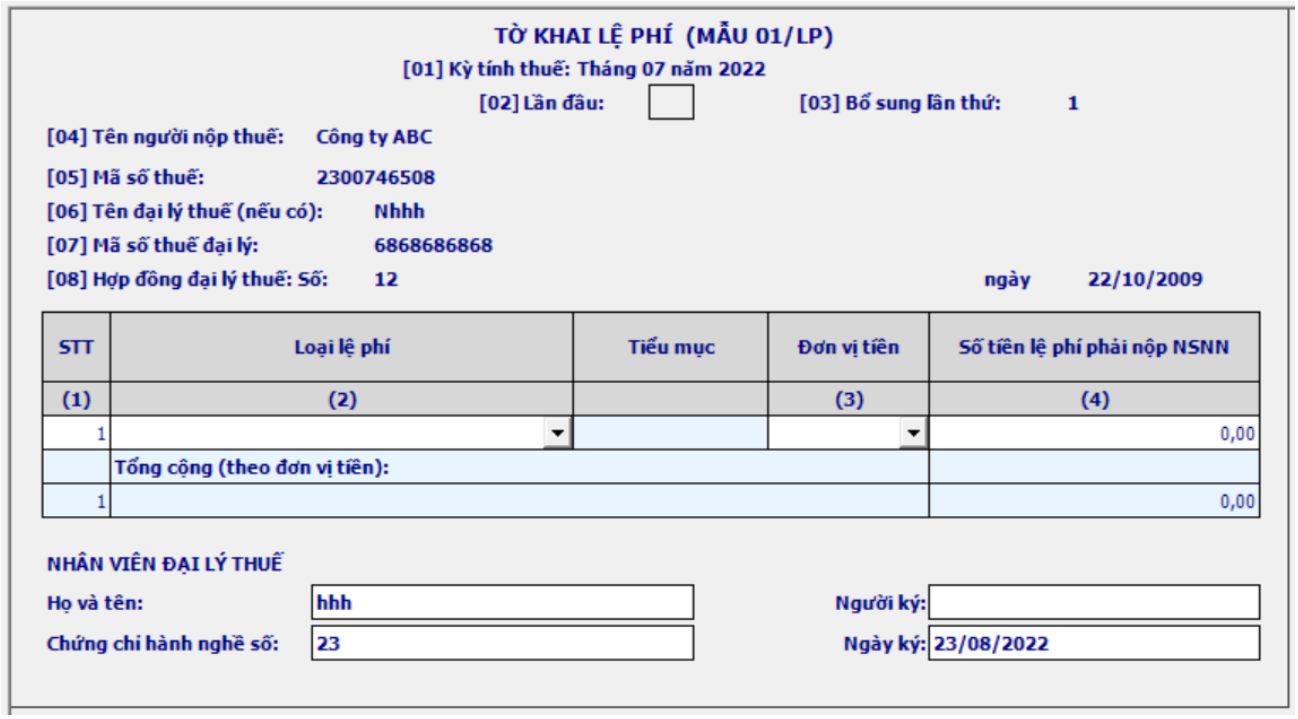

TỜ KHAI LỆ PHÍ (MẪU 01/LP)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

STT	Loại lệ phí	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền lệ phí phải nộp NSNN
(1)	(2)		(3)	(4)
1				0,00
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):			
1				0,00

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 23/08/2022

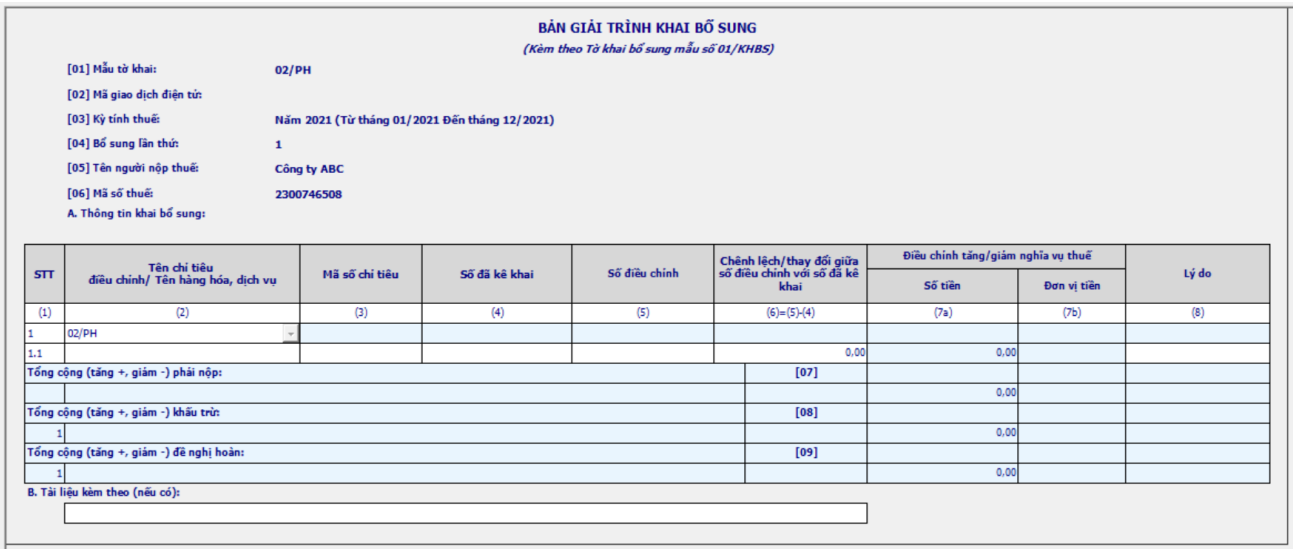

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PH

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế		Lý do
						Số tiền	Đơn vị tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7a)	(7b)	(8)
1	02/PH							
1.1					0,00	0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]			
						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]			
1						0,00		

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.9.6 Tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 01/PHLPNG (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu (01/PHLPNG) (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

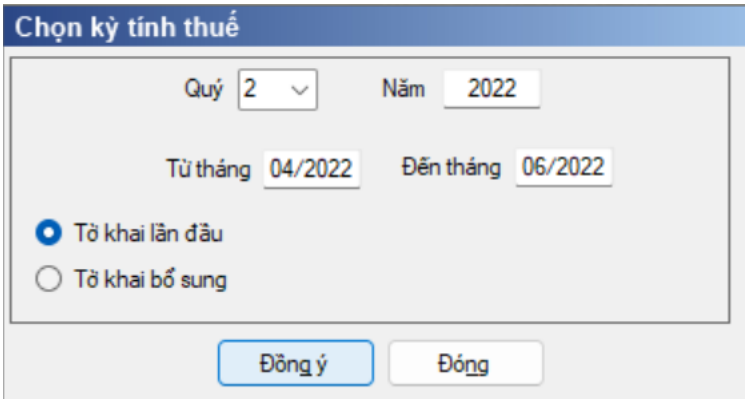

- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm

+ Hiệu lực từ quý 01/2022

+ Hạn nộp tờ khai: Hạn nộp tờ khai: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo; nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

+ CQT nộp tờ khai: Cục thuế Doanh nghiệp lớn

- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 01/PHLPNG.

3.9.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau

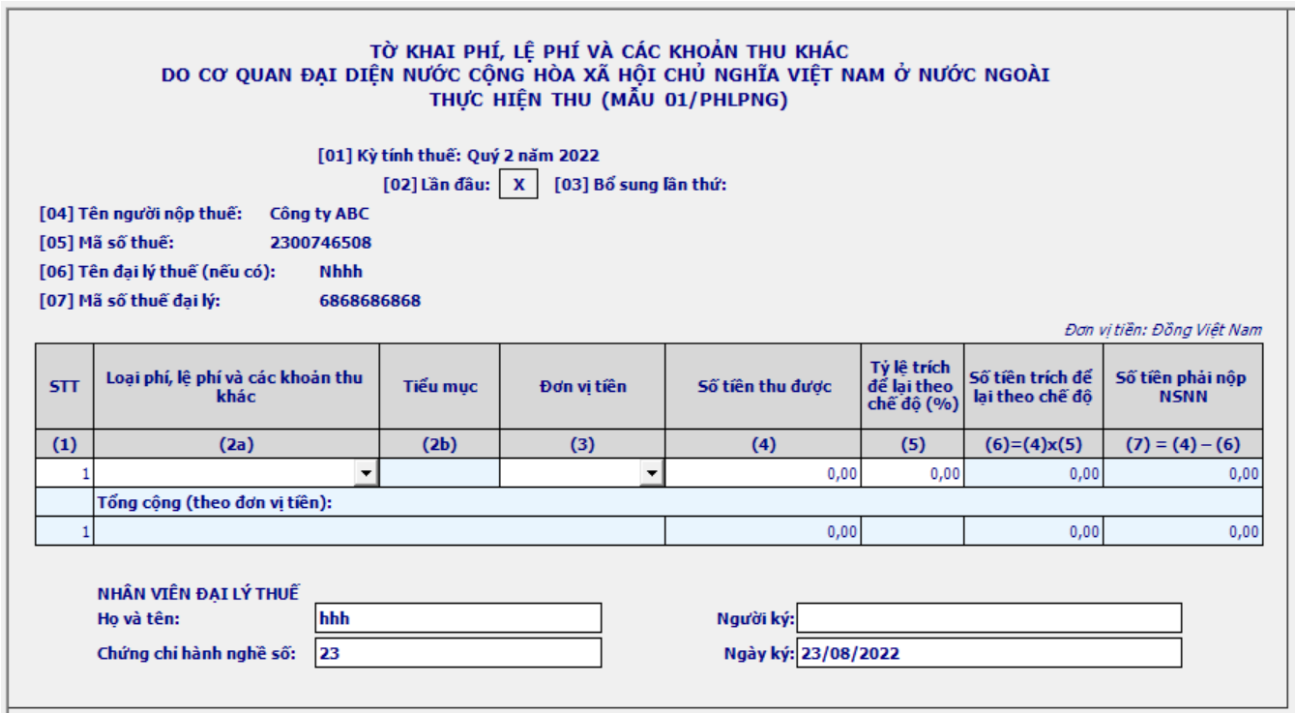

TỜ KHAI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN THU (MẪU 01/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7) = (4) – (6)
1				0,00	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):						
1				0,00		0,00	0,00

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: hhh
Chứng chỉ hành nghề số: 23
Người ký:
Ngày ký: 23/08/2022

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập**

+ Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2a) Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác: Chọn trong danh mục tiểu mục (HTKK làm chức năng đăng ký danh mục tiểu mục cho phí ngoại giao), Ràng buộc Tiểu mục và Đơn vị tiền là duy nhất

+ Cột (2b) Tiểu mục: Tự động hiển thị theo cột (2a), không cho sửa

+ Cột (3) Đơn vị tiền: chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền thu được: Chọn đơn vị tiền là khác VNĐ thì cho phép nhập số tối đa 2 số thập phân sau dấu phẩy, tối đa 16 số. Chọn đơn vị tiền là VNĐ thì cho phép nhập số nguyên dương, tối đa 16 số

+ Cột (5) Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%): Cho phép nhập số dương định dạng x,xx<=100,00

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần tính toán**

+ Cột (6) Số tiền trích để lại theo chế độ: Tự động tính (6)=(4)x(5), không cho sửa

+ Cột (7) Số tiền phải nộp NSNN: Tự động tính (7)=(4)-(6), không cho phép sửa

3.9.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

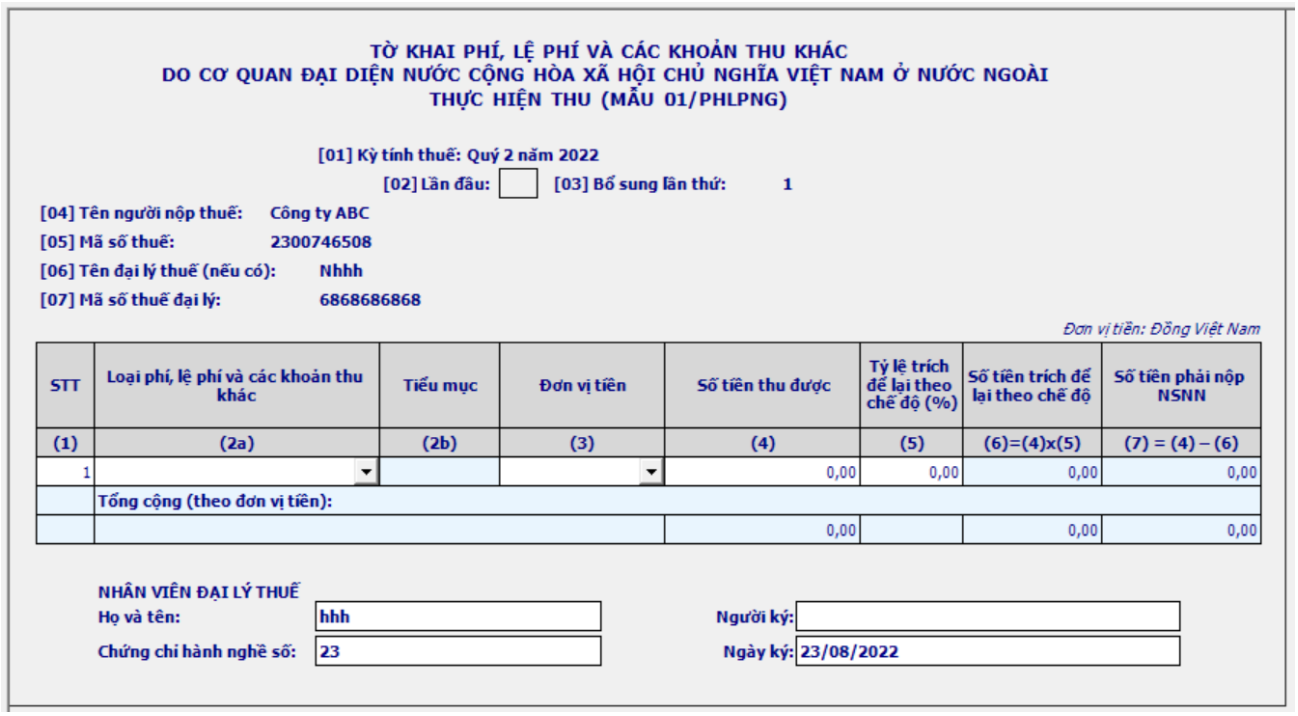

TỜ KHAI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
THỰC HIỆN THU (MẪU 01/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022
[02] Lần đầu: [ ] [03] Bổ sung lần thứ: 1
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7) = (4) – (6)
1				0,00	0,00	0,00	0,00
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):						
				0,00		0,00	0,00

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: hhh
Chứng chỉ hành nghề số: 23
Người ký:
Ngày ký: 23/08/2022

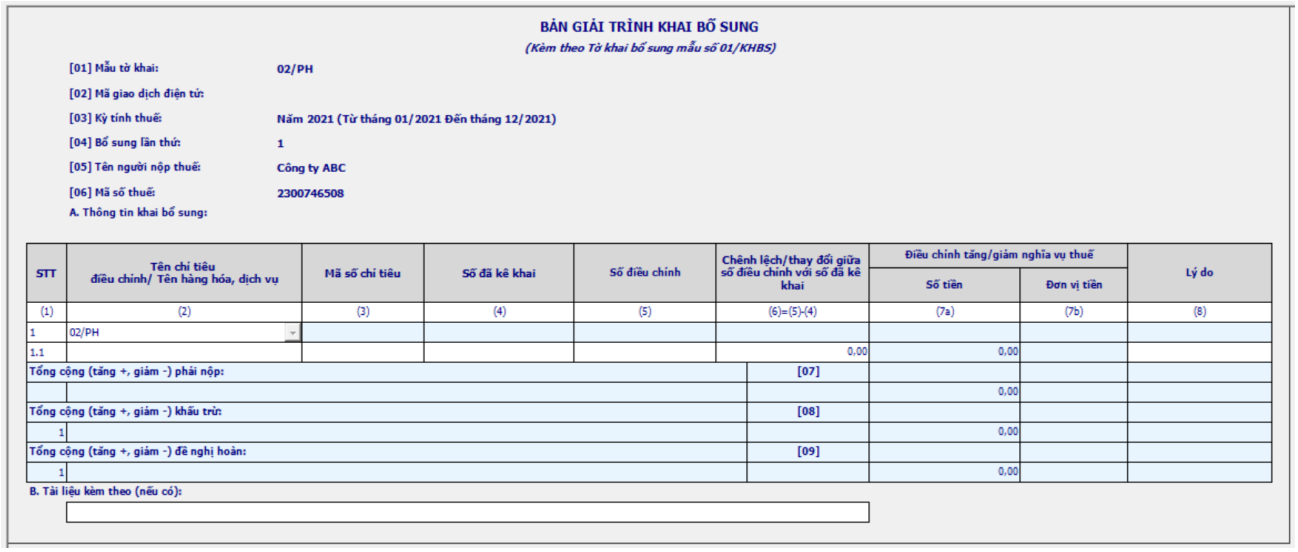

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PH
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
A. Thông tin khai bổ sung:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế		Lý do
						Số tiền	Đơn vị tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7a)	(7b)	(8)
1	02/PH							
1.1					0,00	0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]			
						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]			
1						0,00		

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.9.7 Tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 02/PHLPNG (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu (02/PHLPNG) (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

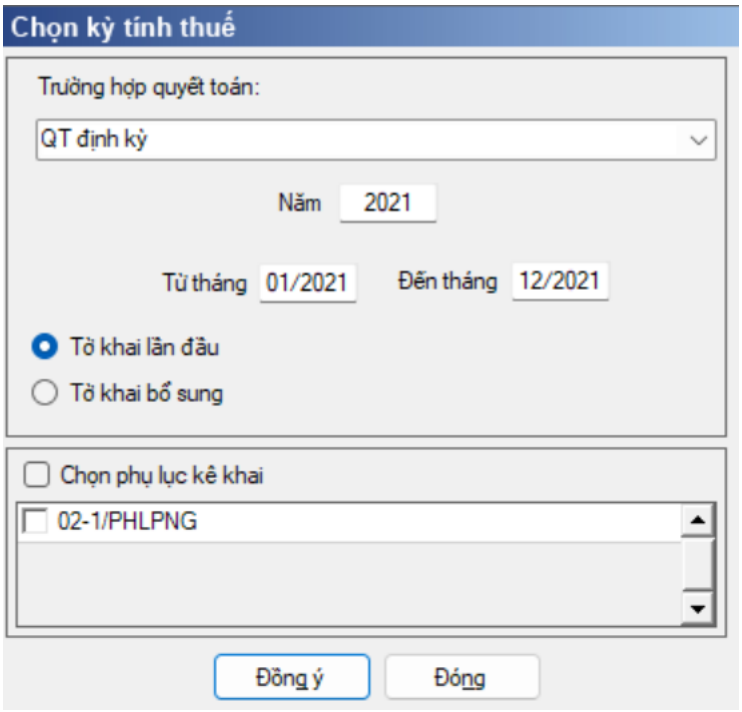

- Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NNT nhập kỳ tính thuế theo năm

+ Hiệu lực từ quý 01/2022

+ Hạn nộp tờ khai: Hạn nộp tờ khai: Ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý tiếp theo; nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo

+ CQT nộp tờ khai: Cục thuế Doanh nghiệp lớn

- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai lệ quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu mẫu 02/PHLPNG.

3.9.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

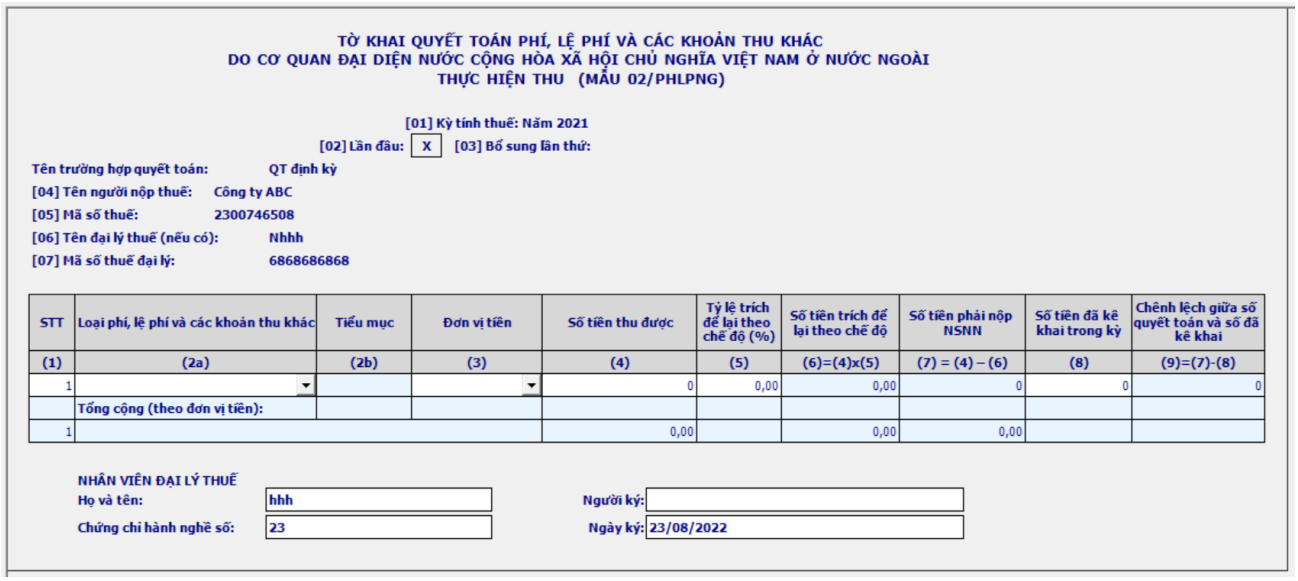

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
THỰC HIỆN THU (MẪU 02/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:
Tên trường hợp quyết toán: QT định kỳ
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN	Số tiền đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7) = (4) – (6)	(8)	(9)=(7)-(8)
1				0	0,00	0,00	0	0	0
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):								
1				0,00		0,00	0,00		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: hhh
Chứng chỉ hành nghề số: 23
Người ký:
Ngày ký: 23/08/2022

- ***Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập***

+ Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng

+ Cột (2a) Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác: Chọn trong danh mục tiểu mục (HTKK làm chức năng đăng ký danh mục tiểu mục cho phí ngoại giao), Ràng buộc Tiểu mục và Đơn vị tiền là duy nhất

+ Cột (2b) Tiểu mục: Tự động hiển thị theo cột (2a), không cho sửa

+ Cột (3) Đơn vị tiền: chọn trong danh mục

+ Cột (4) Số tiền thu được: Chọn đơn vị tiền là khác VNĐ thì cho phép nhập số tối đa 2 số thập phân sau dấu phẩy, tối đa 16 số. Chọn đơn vị tiền là VNĐ thì cho phép nhập số nguyên dương, tối đa 16 số

+ Cột (5) Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%): Cho phép nhập số dương định dạng x,xx<=100,00

+ Cột (8) Số tiền đã kê khai trong kỳ:- Chọn đơn vị tiền là khác VNĐ thì cho phép nhập số tối đa 2 số thập phân sau dấu phẩy, tối đa 16 số. Chọn đơn vị tiền là VNĐ thì cho phép nhập số nguyên dương, tối đa 16 số

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần tính toán**

+ Cột (6) Số tiền trích để lại theo chế độ: Tự động tính (6)=(4)x(5), không cho sửa

+ Cột (7) Số tiền phải nộp NSNN: Tự động tính (7)=(4)-(6), không cho phép sửa

+ Cột (9) Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai:Tự động tính (9)=(7)-(8), không cho sửa

+ Dòng tổng cộng: Tổng cộng cột 4, cột 6, cột 7 theo loại tiền

3.9.7.1.1 Phụ lục 02-1/PHLPNG

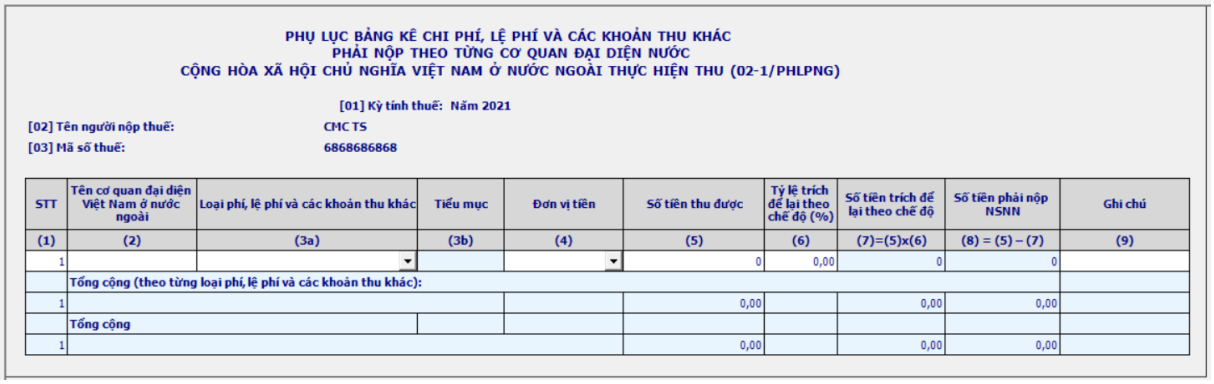

PHỤ LỤC BẢNG KÊ CHI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
PHẢI NỘP THEO TỪNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI THỰC HIỆN THU (02-1/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[02] Tên người nộp thuế: CMC TS
[03] Mã số thuế: 6868686868

STT	Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN	Ghi chú
(1)	(2)	(3a)	(3b)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)x(6)	(8) = (5) – (7)	(9)
1					0	0,00	0	0	
	Tổng cộng (theo từng loại phí, lệ phí và các khoản thu khác):								
1					0,00		0,00	0,00	
	Tổng cộng								
1					0,00		0,00	0,00	

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập**

+ (2) Tên cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:Nhập text

+ (3a) Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác: Chọn trong danh mục tiểu mục (HTKK làm chức năng đăng ký danh mục tiểu mục cho phí ngoại giao)

+ (3b) Tiểu mục: Tự động hiển thị theo cột (3a), không cho sửa

+ (4) Đơn vị tiền: Chọn trong danh mục Đơn vị tiền

+ Ràng buộc tiểu mục và đơn vị tiền là duy nhất

+ (5) Số tiền thu được: Chọn đơn vị tiền là khác VNĐ thì cho phép nhập số tối đa 2 số thập phân sau dấu phẩy, tối đa 16 số.Chọn đơn vị tiền là VNĐ thì cho phép nhập số nguyên dương, tối đa 16 số

+ (6) Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%): Cho phép nhập số dương định dạng x,xx<=100,00

+ (9) Ghi chú: Cho phép nhập

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần tính toán**

+ (7) Số tiền trích để lại theo chế độ: Tự động tính (7)=(5)x(6), không cho sửa

+ (8) Số tiền phải nộp NSNN: Tự động tính (8)=(5)-(7), không cho phép sửa

+ Dòng tổng cộng: Tổng cộng cột (5), cột (7), cột (8) theo loại tiền

3.9.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

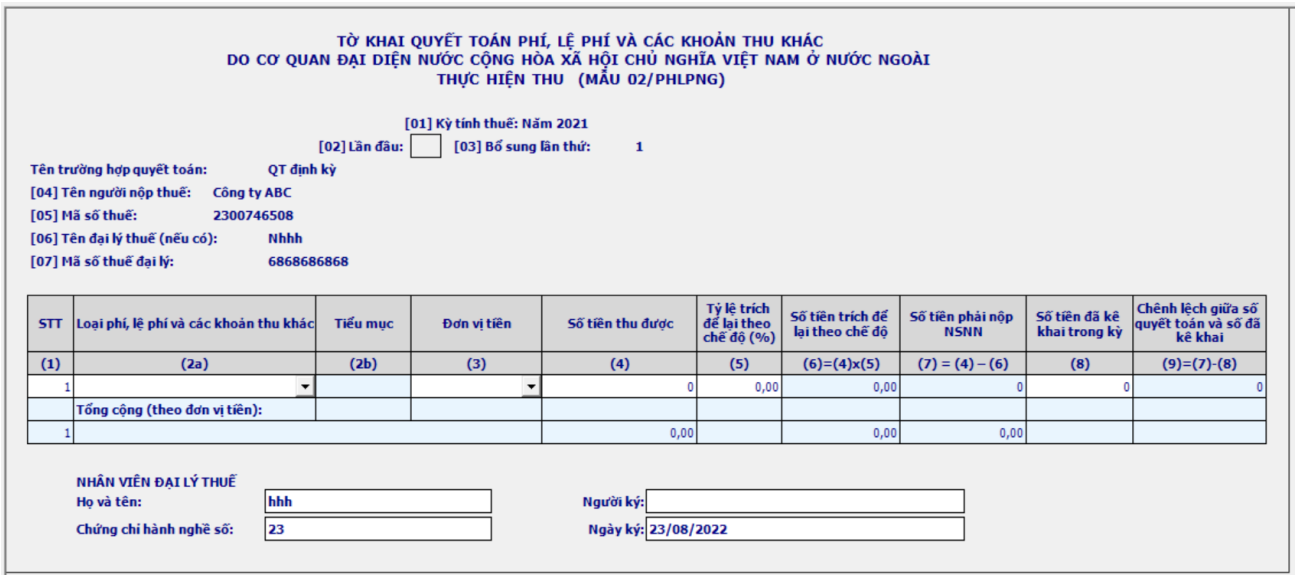

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC
DO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI
THỰC HIỆN THU (MẪU 02/PHLPNG)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[02] Lần đầu: [ ] [03] Bổ sung lần thứ: 1
Tên trường hợp quyết toán: QT định kỳ
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế đại lý: 6868686868

STT	Loại phí, lệ phí và các khoản thu khác	Tiểu mục	Đơn vị tiền	Số tiền thu được	Tỷ lệ trích để lại theo chế độ (%)	Số tiền trích để lại theo chế độ	Số tiền phải nộp NSNN	Số tiền đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và số đã kê khai
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7) = (4) – (6)	(8)	(9)=(7)-(8)
1				0	0,00	0,00	0	0	0
	Tổng cộng (theo đơn vị tiền):								
1				0,00		0,00	0,00		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: hhh
Chứng chỉ hành nghề số: 23
Người ký:
Ngày ký: 23/08/2022

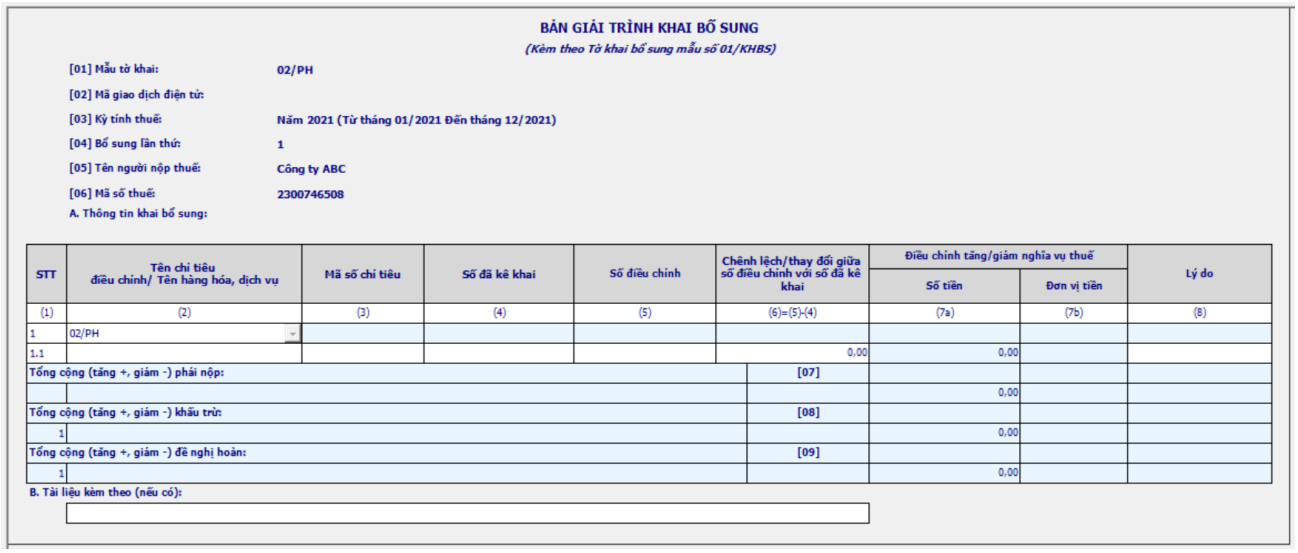

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PH
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
A. Thông tin khai bổ sung:

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế		Lý do
						Số tiền	Đơn vị tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7a)	(7b)	(8)
1	02/PH							
1.1					0,00	0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]			
						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]			
1						0,00		
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]			
1						0,00		

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung có cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.9.8 Tờ khai lệ phí môn bài mẫu 01/LPMB (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Trong cùng một năm kê khai, nếu NNT có phát sinh các địa điểm kinh doanh tại các thời điểm khác nhau thì được phép kê khai nhiều tờ khai 01/LPMB

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/ Phí, lệ phí" chọn "Tờ khai lệ phí môn bài mẫu số (01/LPMB) (TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

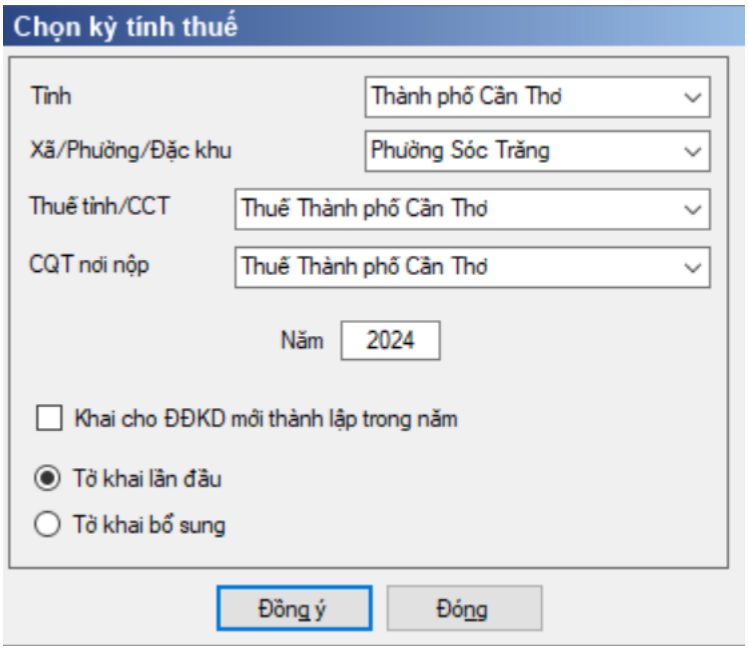

- Nhập kỳ tính lệ phí theo năm: Mặc định là năm hiện tại, cho phép sửa, có hiệu lực từ kỳ tính thuế năm 2022

- Nếu khai cho địa điểm kinh doanh mới thành lập trong năm thì tích chọn nút "Khai cho ĐĐKD mới thành lập trong năm", khi tích chọn nút này thì bắt buộc nhập "Ngày thành lập ĐĐKD"

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" Bạn nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai lệ phí môn bài mẫu 01/LPMB

3.9.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

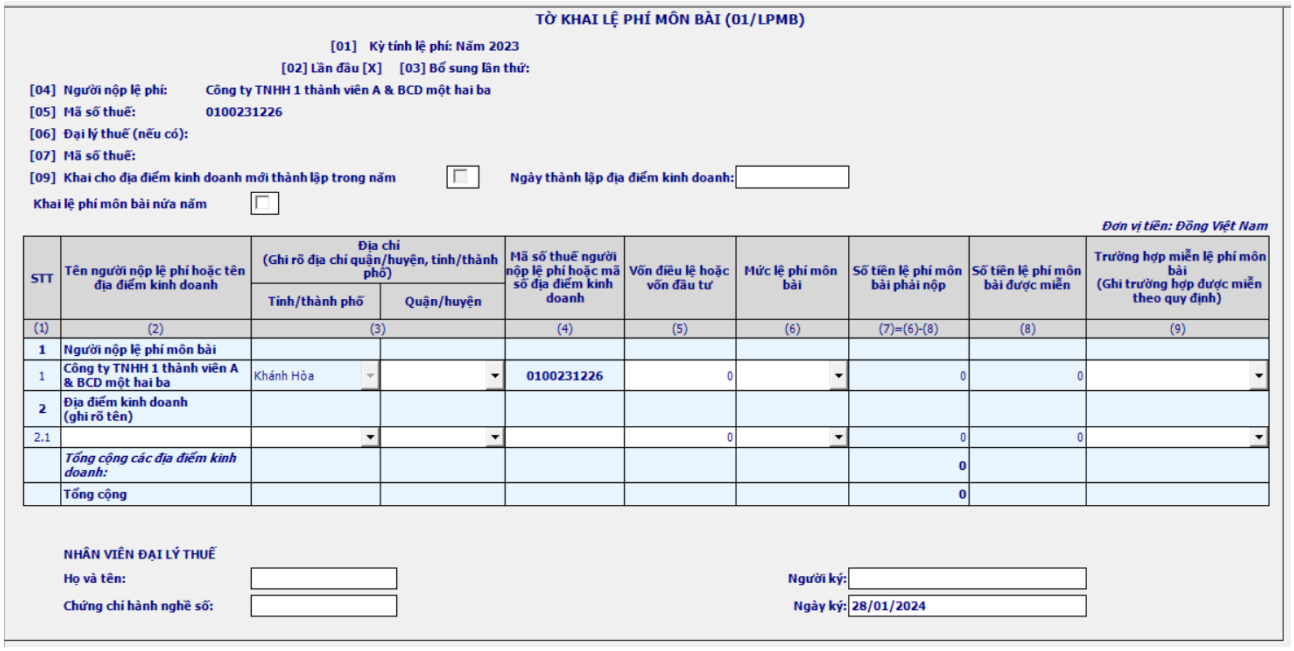

TỜ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI (01/LPMB)

[01] Kỳ tính lệ phí: Năm 2023

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp lệ phí: Công ty TNHH 1 thành viên A & BCD một hai ba

[05] Mã số thuế: 0100231226

[06] Đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế:

[09] Khai cho địa điểm kinh doanh mới thành lập trong năm ☐ Ngày thành lập địa điểm kinh doanh:

Khai lệ phí môn bài nửa năm ☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên người nộp lệ phí hoặc tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ (Ghi rõ địa chỉ quận/huyện, tỉnh/thành phố)		Mã số thuế người nộp lệ phí hoặc mã số địa điểm kinh doanh	Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư	Mức lệ phí môn bài	Số tiền lệ phí môn bài phải nộp	Số tiền lệ phí môn bài được miễn	Trường hợp miễn lệ phí môn bài (Ghi trường hợp được miễn theo quy định)
		Tỉnh/thành phố	Quận/huyện						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(8)	(8)	(9)
1	Người nộp lệ phí môn bài								
1	Công ty TNHH 1 thành viên A & BCD một hai ba	Khánh Hòa		0100231226	0		0	0	
2	Địa điểm kinh doanh (ghi rõ tên)								
2.1					0		0	0	
	Tổng cộng các địa điểm kinh doanh:						0		
	Tổng cộng						0		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 28/01/2024

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Người nộp lệ phí môn bài: Nếu tích chọn chỉ tiêu [09] thì không nhập mục này

- Cột (2): hiển thị theo chỉ tiêu [4] của tờ khai
- Cột (3a): Chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đã chọn
- Cột (3b): Chọn trong danh mục 63 Tỉnh/Thành, Tỉnh phải là Tỉnh của cơ quan thuế nộp tờ khai
- Cột (4): Hiển thị theo chỉ tiêu [5] trên thông tin tờ khai
- Cột (5): Nhập dạng số không âm, mặc định là 0
- Cột (6): UD cho phép chọn trong danh mục gồm: 3.000.000, 2.000.000, 1.500.000, 1.000.000, 500.000, 300.000, 250.000, 150.000
- Cột (9): Chọn trong danh mục

+ Địa điểm kinh doanh

- Cột (2) Cho phép NNT nhập thông tin, tối đa 100 ký tự
- Cột (3a): Chọn trong danh mục Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đã chọn
- Cột (3b): Chọn trong danh mục 63 Tỉnh/Thành, Tỉnh phải là Tỉnh của cơ quan thuế nộp tờ khai
- Cột (4): Cho phép nhập mã địa điểm kinh doanh 5 số
- Cột (5): Cho phép nhập số, không âm
- Cột (9): Chọn trong danh mục trừ 2 lý do 05 và 07

- **Chi tiết các chỉ tiêu UD hỗ trợ tính:**

+ Người nộp lệ phí môn bài:

- Cột (7): UD tính theo công thức: (7) = (6) - (8)
- Cột (8): Nếu NNT tích chọn chỉ tiêu [9] thì ứng dụng tự hiển thị chỉ tiêu (8) = chỉ tiêu (6)

+ Địa điểm kinh doanh:

- Cột (7): UD tính theo công thức: (7) = (6) - (8)
- Cột (8): Nếu NNT tích chọn chỉ tiêu [9] thì ứng dụng tự hiển thị chỉ tiêu (8) = chỉ tiêu (6)

3.9.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

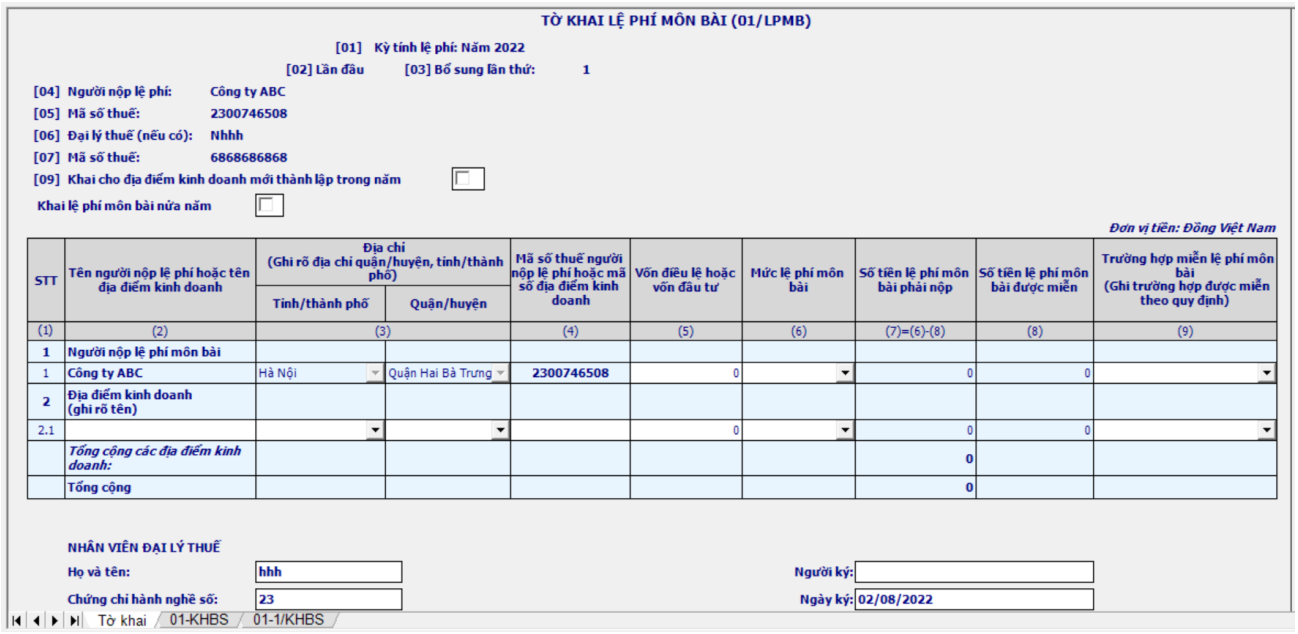

TỜ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI (01/LPMB)

[01] Kỳ tính lệ phí: Năm 2022

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Người nộp lệ phí: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[09] Khai cho địa điểm kinh doanh mới thành lập trong năm

Khai lệ phí môn bài nửa năm

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên người nộp lệ phí hoặc tên địa điểm kinh doanh	Địa chỉ (Ghi rõ địa chỉ quận/huyện, tỉnh/thành phố)		Mã số thuế người nộp lệ phí hoặc mã số địa điểm kinh doanh	Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư	Mức lệ phí môn bài	Số tiền lệ phí môn bài phải nộp	Số tiền lệ phí môn bài được miễn	Trường hợp miễn lệ phí môn bài (Ghi trường hợp được miễn theo quy định)
		Tỉnh/thành phố	Quận/huyện						
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(8)	(8)	(9)
1	Người nộp lệ phí môn bài								
1	Công ty ABC	Hà Nội	Quận Hai Bà Trưng	2300746508	0		0	0	
2	Địa điểm kinh doanh (ghi rõ tên)								
2.1					0		0	0	
	Tổng cộng các địa điểm kinh doanh:						0		
	Tổng cộng						0		

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh

Chứng chỉ hành nghề số: 23

Người ký:

Ngày ký: 02/08/2022

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

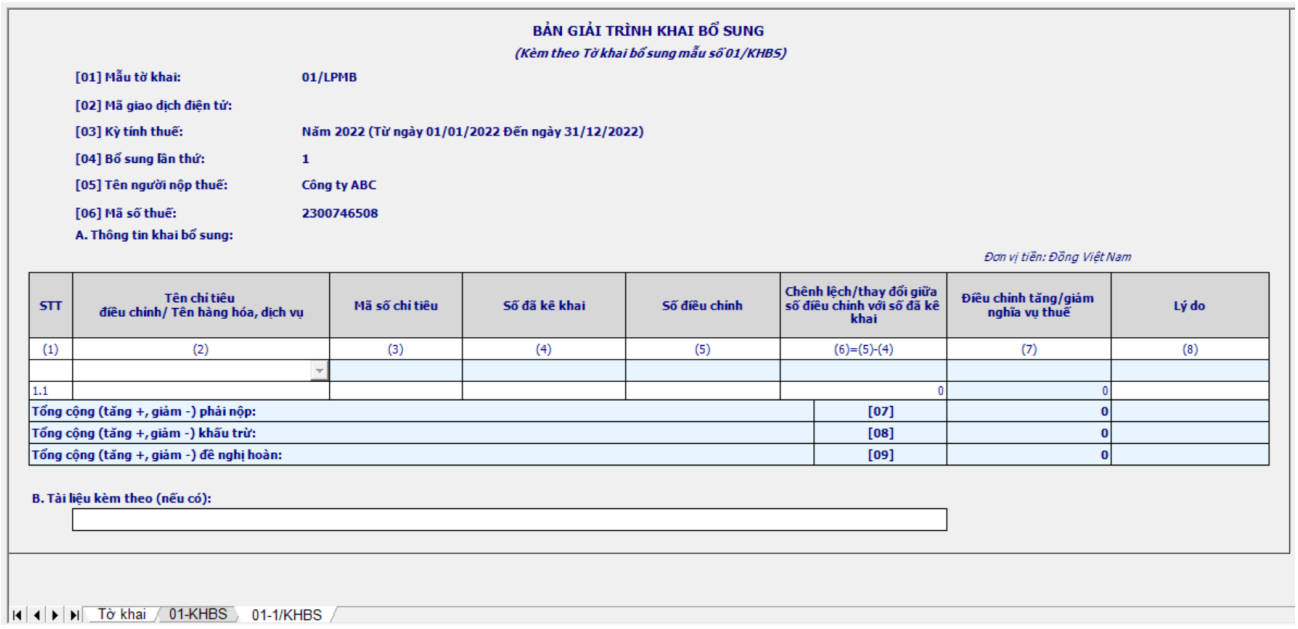

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/LPMB

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2022 (Từ ngày 01/01/2022 Đến ngày 31/12/2022)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.10 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thuế bảo vệ môi trường

3.10.1 Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Thuế bảo vệ môi trường" chọn "Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số (01/TBVMT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.
- Đối với Tờ khai thuế 01/TBVMT, UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh".
- Kỳ tính thuế theo tháng: mặc định là tháng hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn tháng hiện tại. Kỳ tính thuế theo lần phát sinh: Mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn ngày hiện tại.

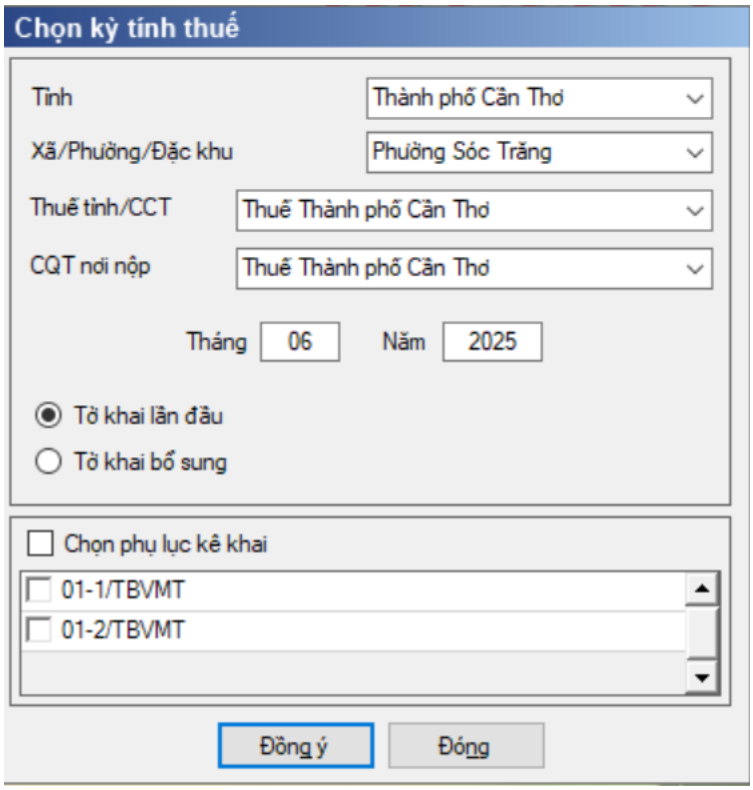

- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu 01/TBVMT.

3.10.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

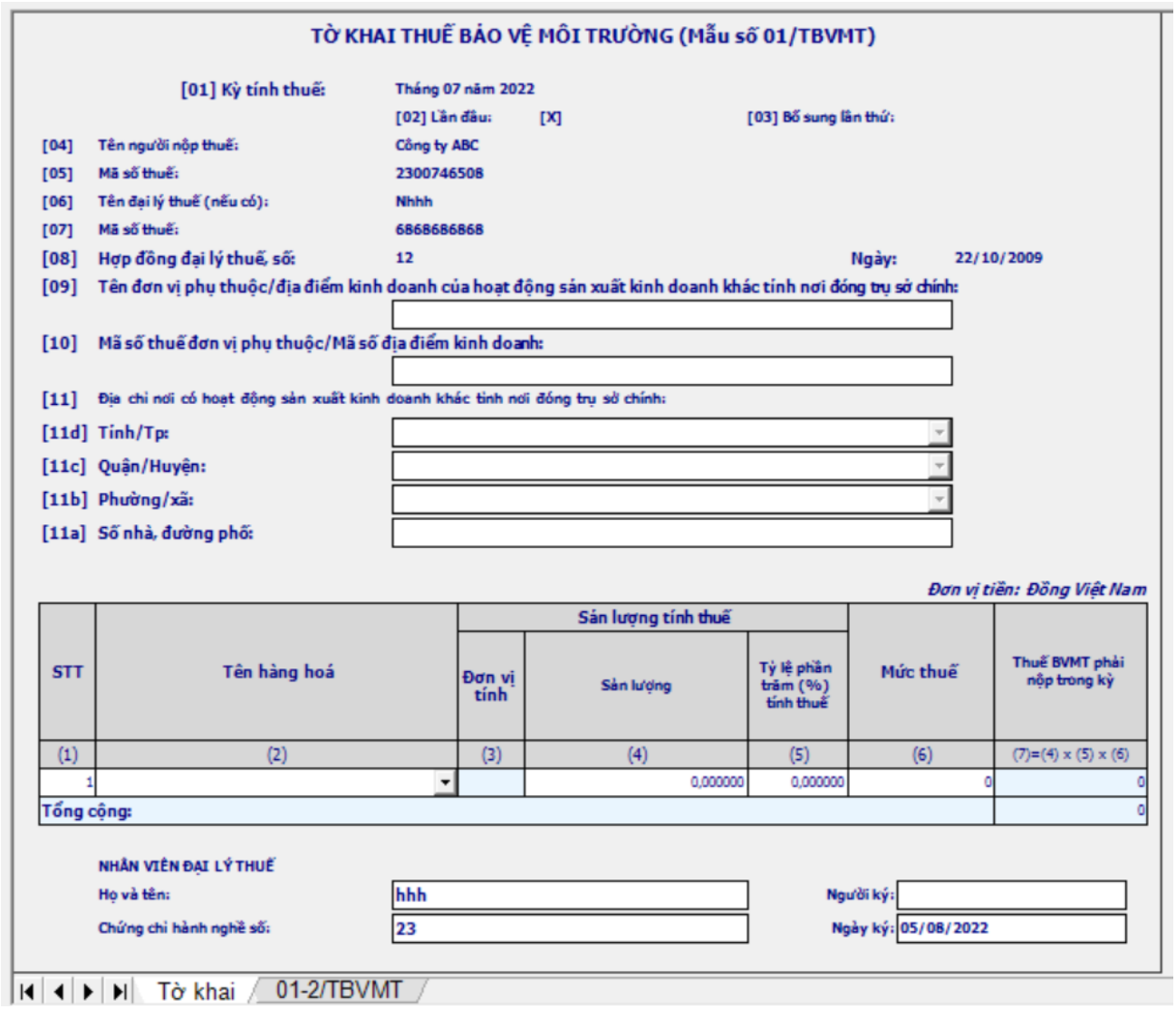

TỜ KHAI THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: 12 Ngày: 22/10/2009

[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:

[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[11d] Tỉnh/Tp:

[11c] Quận/Huyện:

[11b] Phường/xã:

[11a] Số nhà, đường phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Sản lượng tính thuế			Mức thuế	Thuế BVMT phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Sản lượng	Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4) x (5) x (6)
1			0,000000	0,000000	0	0
Tổng cộng:						0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 05/08/2022

Tờ khai 01-2/TBVMT

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tự tăng

+ Cột (2): Tên hàng hóa: Bắt buộc NNT chọn trong Danh mục hàng hóa

+ Cột (3): Đơn vị tính hiện theo theo cột (2)

+ Cột (4) : NSD tự nhập dạng xx,xxx

+ Cột (5): Nếu chọn hàng hóa là "Thuế bảo vệ môi trường mặt hàng xăng E5 RON92 (trừ etanol) bán ra trong nước" thì cho phép nhập số >0, định dạng x,xxxxxx; Đối với các hàng hóa còn lại mặc định là 100%. Không cho sửa

+ Cột (6): Hiển thị mức thuế của hàng hóa đã chọn ở cột (2)

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Cột (7): ứng dụng tự động tính theo công thức: (7) = (4) x (5) x (6), định dạng số nguyên

+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (7)

3.10.1.1.1 Phụ lục 01-1/TBVMT (Bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với than)

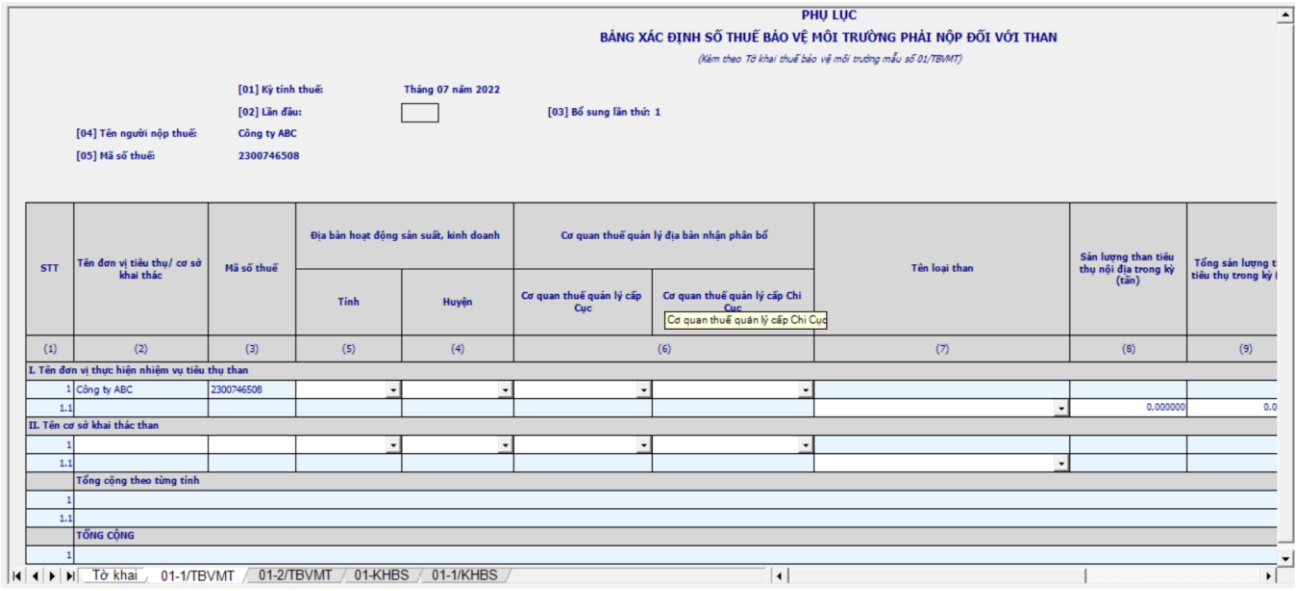
PHỤ LỤC

BẢNG XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHẢI NỘP ĐỐI VỚI THAN

(Kèm theo Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

STT	Tên đơn vị tiêu thụ/ cơ sở khai thác	Mã số thuế	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Tên loại than	Sản lượng than tiêu thụ nội địa trong kỳ (tấn)	Tổng sản lượng t tiêu thụ trong kỳ
			Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế quản lý cấp Cục	Cơ quan thuế quản lý cấp Chi Cục			
(1)	(2)	(3)	(5)	(4)	(6)		(7)	(8)	(9)
I. Tên đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than									
1	Công ty ABC	2300746508							
1.1								0,000000	0,0
II. Tên cơ sở khai thác than									
1									
1.1									
	Tổng cộng theo từng tỉnh								
1									
1.1									
	TỔNG CỘNG								
1									

Tờ khai | 01-1/TBVMT | 01-2/TBVMT | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Dòng là thông tin "Tên đơn vị thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ than" hoặc "Tên cơ sở khai thác" thì nhập thông tin cột (2) -> (6)
- Dòng nhập thông tin "Hàng hóa" thì nhập thông tin cột (7) -> (14)
- (Cột 2) Tên đơn vị tiêu thụ/ cơ sở khai thác:
  + Mục I: Lấy từ chỉ tiêu [4]
  + Mục II: NNT tự nhập
- Cột (3) - Mã số thuế:
  + Mục I: Lấy từ chỉ tiêu [4]
  + Mục II: NNT tự nhập và kiểm tra đúng cấu trúc MST
- Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh: bao gồm cột (4), (5)
  - (Cột 4) Huyện: Chọn trong danh mục huyện thuộc tỉnh
  - (Cột 5) Tỉnh: Chọn trong danh mục 63 tỉnh
  - (Cột 6) Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ: NNT không do Cục Thuế DNL quản lý thì để trống; NNT do Cục Thuế DNL quản lý thì nhận giá trị VP Cục.
  - (Cột 7) Tên loại than : Chọn trong danh mục chỉ bao gồm than, tên loại than phải được kê khai trên tờ khai chính
  - (Cột 8) Sản lượng than tiêu thụ nội địa trong kỳ (tấn:
    - Mục I: Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác, Nhập số >0, định dạng x,xxxxxx
    - Mục II: Lấy giá trị từ I của loại than tương ứng, không cho sửa
  - (Cột 9) Tổng sản lượng than tiêu thụ trong kỳ (tấn):
    - Mục I: Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác, nhập số >0, định dạng x,xxxxxx
    - Mục II: Lấy giá trị từ I của loại than tương ứng, không cho sửa

- (Cột 10) Tỷ lệ % sản lượng than tiêu thụ nội địa trong kỳ (%):
  - Mục I: Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác, UD tự động tính: (10)=(8)/(9), không cho phép sửa
  - Mục II: Lấy giá trị từ I của loại than tương ứng, không cho sửa
- (Cột 11) Sản lượng than mua của các đơn vị tại tỉnh nơi có than khai thác trong kỳ (tấn):
  - Mục I: Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác, nhập số >0, định dạng x,xxxxxx
  - Mục II: Tổng số các dòng cùng loại của mục II = cùng loại mục I
- (Cột 12) Sản lượng tính thuế (tấn): UD tự động tính: (12)=(10)*(11), không cho phép sửa
- (Cột 13) Mức thuế bảo vệ môi trường (đồng/tấn): Hiển thị tự động theo loại than đã hiển thị tại cột (7). Trường hợp không loại than không có giá trị mức thuế BVMT thì cho phép người dùng nhập
- (Cột 14) Số thuế BVMT phải nộp cho từng tỉnh:
  - Tại từng dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác thì UD tự động tính: (14)=(12)*(13)
  - Tại dòng đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác: UD tính bằng tổng cột (14) của các dòng con thuộc đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác.
- Tổng cộng theo từng tỉnh: UD xác định tổng số thuế BVMT của từng hàng hóa theo từng tỉnh
- Tổng cộng: UD xác định sản lượng tính thuế của từng hàng hóa. UD xác định tổng số thuế BVMT phải nộp của từng hàng hóa, xác định tổng số thuế BVMT của tất cả các hàng hóa.

3.10.1.1.2 Phụ lục 01-2/TBVMT (Bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với xăng dầu)

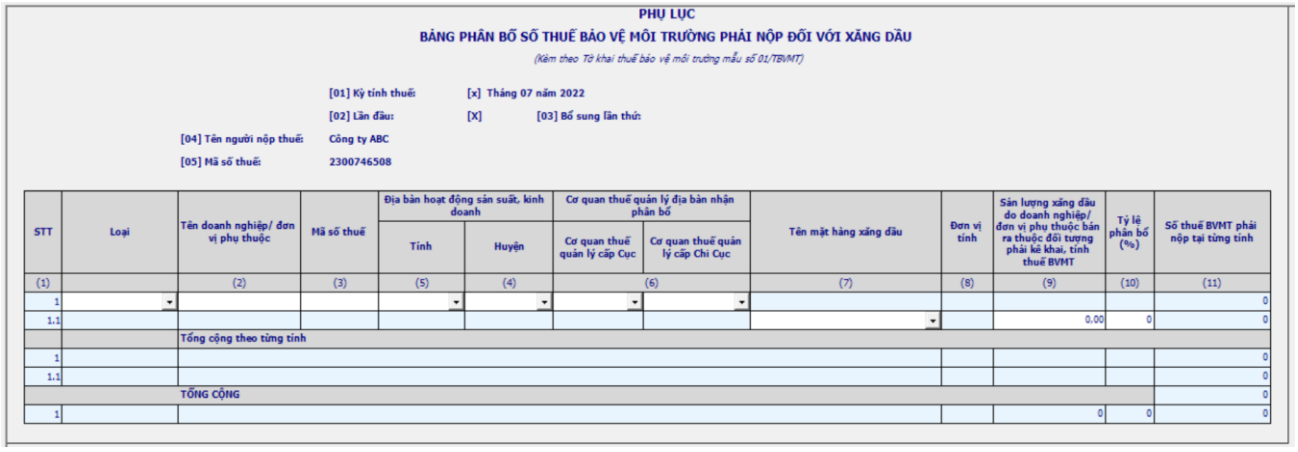

PHỤ LỤC

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHẢI NỘP ĐỐI VỚI XĂNG DẦU

(Kèm theo Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: [x] Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

STT	Loại	Tên doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc	Mã số thuế	Địa bàn hoạt động sản suất, kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Tên mặt hàng xăng dầu	Đơn vị tính	Sản lượng xăng dầu do doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc bán ra thuộc đối tượng phải kê khai, tính thuế BVMT	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế BVMT phải nộp tại từng tỉnh
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế quản lý cấp Cục	Cơ quan thuế quản lý cấp Chi Cục					
(1)		(2)	(3)	(5)	(4)	(6)		(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1												0
1.1										0.00	0	0
		Tổng cộng theo từng tỉnh										
1												0
1.1												0
		TỔNG CỘNG										0
1										0	0	0

+ (Cột 2) Tên doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc:
  - Mục 1: Lấy từ chỉ tiêu [4]
  - Mục 2, 3: NNT tự nhập
+ (Cột 3) Mã số thuế:
  - Mục 1: Lấy từ chỉ tiêu [4]

- Mục 2, 3: NNT tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST

+ (Cột 4) Huyện: Chọn trong danh mục

+ (Cột 5) Tỉnh: Chọn trong danh mục 63 Tỉnh/Thành phố

+ (Cột 6) Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ: NNT không do Cục Thuế DNL quản lý thì để trống. NNT do Cục Thuế DNL quản lý thì nhận giá trị VP Cục.

+ (Cột 7) Tên mặt hàng xăng dầu: Chỉ là xăng dầu và phải kê khai trên tờ khai chính.

- Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác
- Chọn trong danh mục

+ (Cột 8) Đơn vị tính:Hiển thị theo tên mặt hàng tại cột (7)

+ (Cột 9) Sản lượng xăng dầu do doanh nghiệp/ đơn vị phụ thuộc bán ra thuộc đối tượng phải kê khai, tính thuế BVMT:- Chỉ nhập tại các dòng con của đơn vị tiêu thụ/cơ sở khai thác. Nhập số >0, định dạng x,xxxxxx

+ (Cột 10) Tỷ lệ phân bổ (%): UD tính [10] = (ct [9] trên bảng kê)/ (ct [4] trên tờ khai). Kiểm tra tổng tỷ lệ phân bổ của 1 mặt hàng = 100%

+ (Cột 11) Số thuế BVMT phải nộp tại từng tỉnh:

- Tại từng dòng con của trụ sở chính/chi nhánh thì UD tự động tính: [11] = (ct [10] trên bảng kê) * (ct [7]) trên tờ khai
- Tại dòng trụ sở chính/chi nhánh: UD tính bằng tổng cột (11) của các dòng con thuộc trụ sở chính/chi nhánh

+ Tổng cộng theo tỉnh:UD xác định tổng số thuế BVMT của từng hàng hóa theo từng tỉnh

+ Tổng cộng:

- UD xác định tổng sản lượng xăng dầu do doanh nghiệp/đơn vị phụ thuộc bán ra thuộc đối tượng phải kê khai, tính thuế BVMT đối với từng hàng hóa.
- UD xác định tổng số thuế BVMT phải nộp của từng hàng hóa, xác định tổng số thuế BVMT của tất cả các hàng hóa.

3.10.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS"

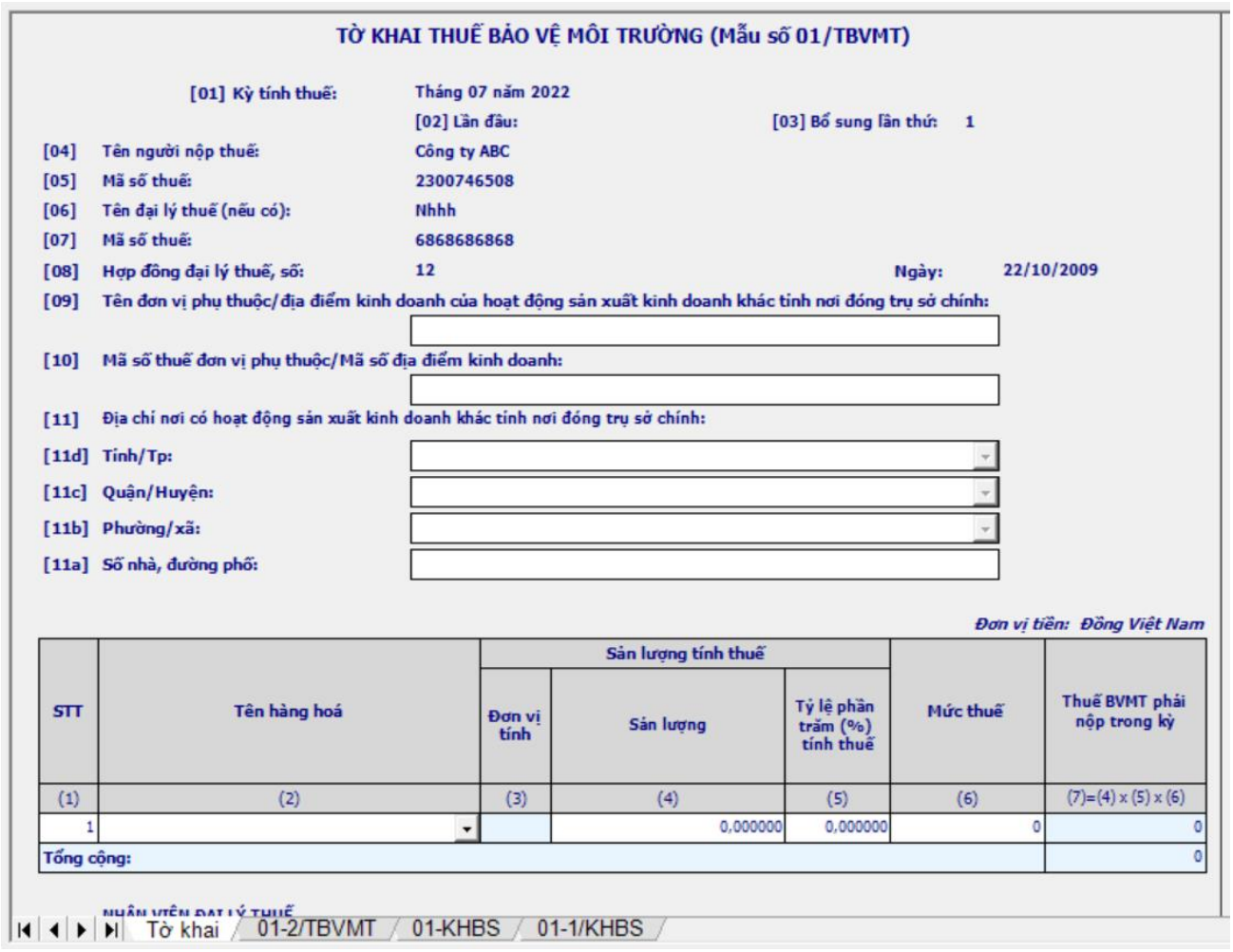

TỜ KHAI THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Mẫu số 01/TBVMT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1
[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[07] Mã số thuế: 6868686868
[08] Hợp đồng đại lý thuế, số: 12 Ngày: 22/10/2009
[09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:
[11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
[11d] Tỉnh/Tp:
[11c] Quận/Huyện:
[11b] Phường/xã:
[11a] Số nhà, đường phố:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Sản lượng tính thuế			Mức thuế	Thuế BVMT phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Sản lượng	Tỷ lệ phần trăm (%) tính thuế		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4) x (5) x (6)
1			0,000000	0,000000	0	0
Tổng cộng:						0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Tờ khai | 01-2/TBVMT | 01-KHBS | 01-1/KHBS

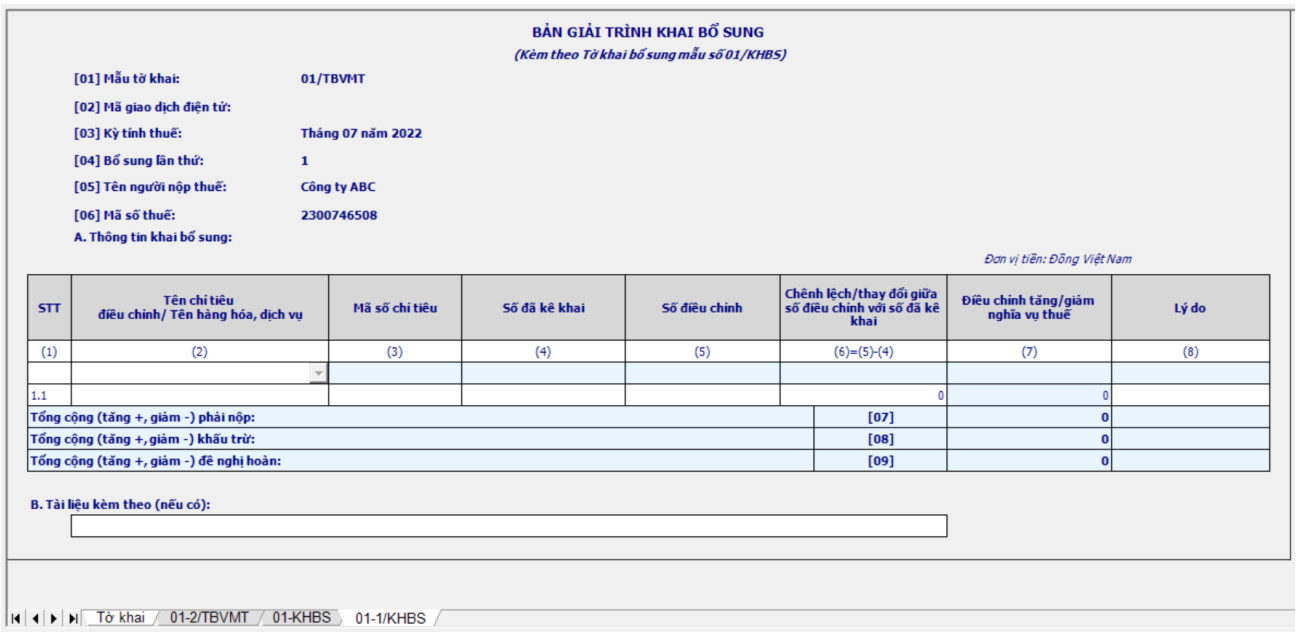

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG
(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/TBVMT
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-2/TBVMT | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai các mẫu tờ khai thuế đối với đơn vị Dầu khí

3.11.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí (01/TNDN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK TNDN tạm tính đối với dầu khí (01/TNDN-DK)(TT80/2021)".

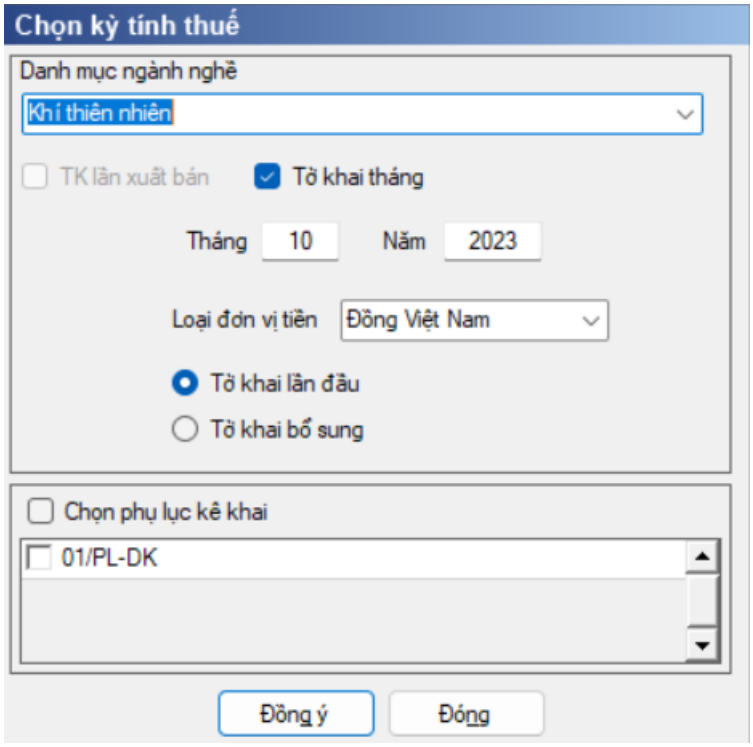

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế:

- Tờ khai lần phát sinh: kê khai đối với loại sản phẩm là "Dầu thô" hoặc "Condensate", hiệu lực từ tháng 01/2022
- Tờ khai tháng: kê khai đối với loại sản phẩm là "Khí thiên nhiên" hiệu lực từ tháng 01/2022

+ Hạn nộp tờ khai:

- Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo
- Tờ khai lần phát sinh: ngày thứ 35 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm

+ Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)

- Đối với MST 0107724012 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)

+ Trong tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí (01/TNDN-DK)

3.11.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

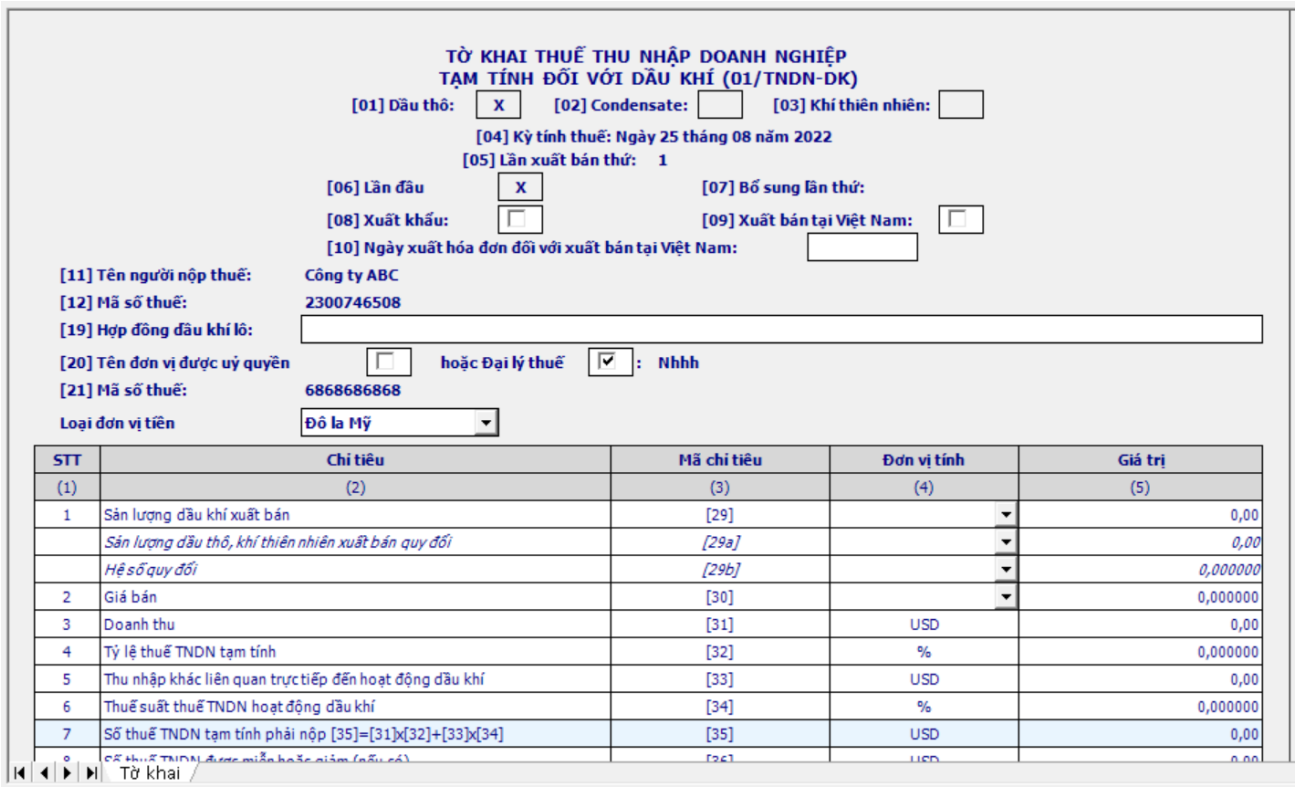

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (01/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bản thứ: 1

[06] Lần đầu X [07] Bổ sung lần thứ:

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[29]		0,00
	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	*[29a]*		*0,00*
	Hệ số quy đổi	*[29b]*		*0,000000*
2	Giá bán	[30]		0,000000
3	Doanh thu	[31]	USD	0,00
4	Tỷ lệ thuế TNDN tạm tính	[32]	%	0,000000
5	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[33]	USD	0,00
6	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	[34]	%	0,000000
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [35]=[31]x[32]+[33]x[34]	[35]	USD	0,00

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:** Các chỉ tiêu [31], [33], [35] đến [37]: Tại màn hình nhập kỳ tính thuế nuế chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [29], [29a]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [29b], [30], [32], [34]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [31], [33], [36]: NNT nhập số, không âm, đối với USD cho phép nhập số thập phân, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, đối với VND thì cho phép nhập số nguyên dương

+ Chỉ tiêu [38]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [35]: Tự tính theo công thức: [35]=[31]x[32]+[33]x[34], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [37]: Tự tính theo công thức: [37]=[35]-[36], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.1.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK

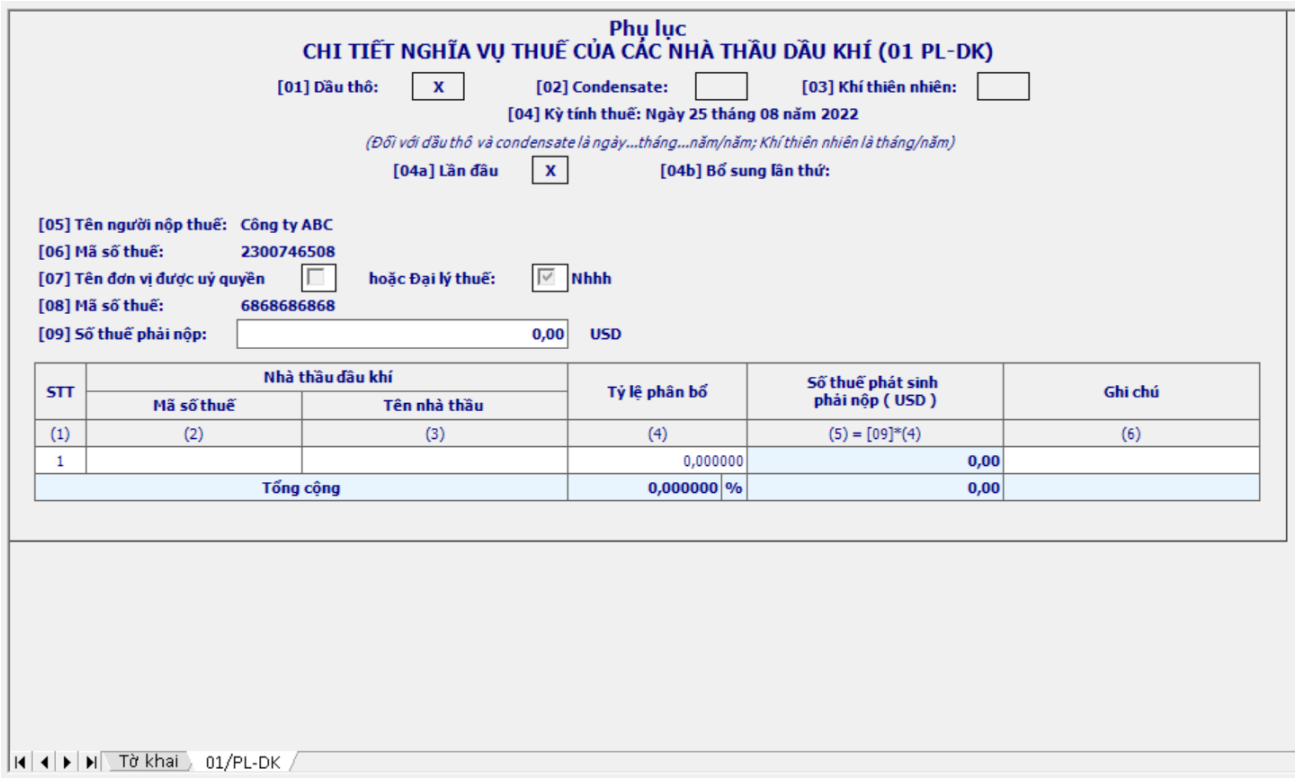

Phụ lục

CHI TIẾT NGHĨA VỤ THUẾ CỦA CÁC NHÀ THẦU DẦU KHÍ (01 PL-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

(Đối với dầu thô và condensate là ngày...tháng...năm/năm; Khí thiên nhiên là tháng/năm)

[04a] Lần đầu X [04b] Bổ sung lần thứ:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh

[08] Mã số thuế: 6868686868

[09] Số thuế phải nộp: 0,00 USD

STT	Nhà thầu dầu khí		Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phát sinh phải nộp (USD)	Ghi chú
	Mã số thuế	Tên nhà thầu			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = [09]*(4)	(6)
1			0,000000	0,00	
Tổng cộng			0,000000 %	0,00	

Tờ khai 01/PL-DK

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu (2): NNT nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST

+ Chỉ tiêu (3): NNT nhập dạng text

+ Chỉ tiêu (4): NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu (6): NNT nhập dạng text

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu (5) = [09]* (4), không cho sửa

+ Dòng Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (4) và cột (5)

- Kiểm tra tổng cộng cột (4) phải = 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ "Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"

- Kiểm tra tổng cộng cột (5) phải = chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

3.11.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

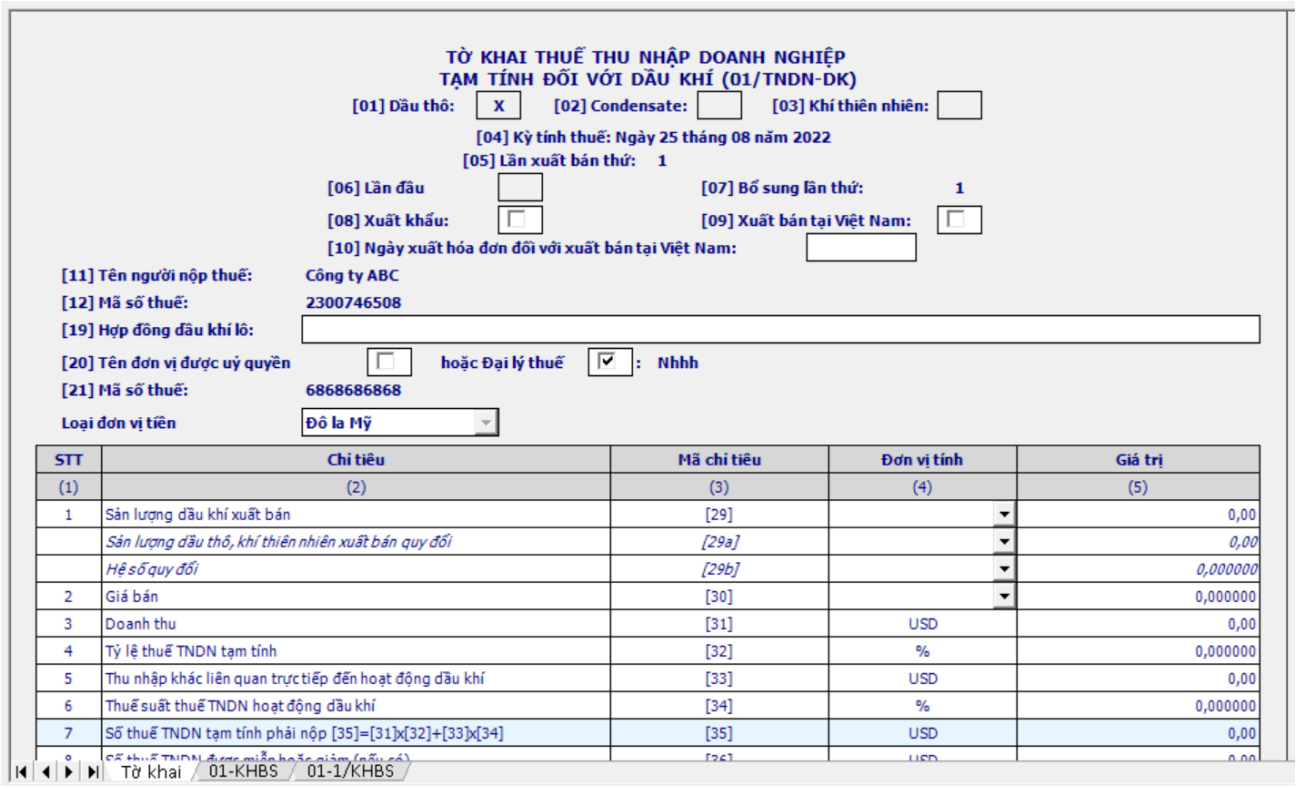

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (01/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bán thứ: 1

[06] Lần đầu [07] Bổ sung lần thứ: 1

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[29]		0,00
	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	*[29a]*		*0,00*
	Hệ số quy đổi	*[29b]*		*0,000000*
2	Giá bán	[30]		0,000000
3	Doanh thu	[31]	USD	0,00
4	Tỷ lệ thuế TNDN tạm tính	[32]	%	0,000000
5	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[33]	USD	0,00
6	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	[34]	%	0,000000
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [35]=[31]x[32]+[33]x[34]	[35]	USD	0,00

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

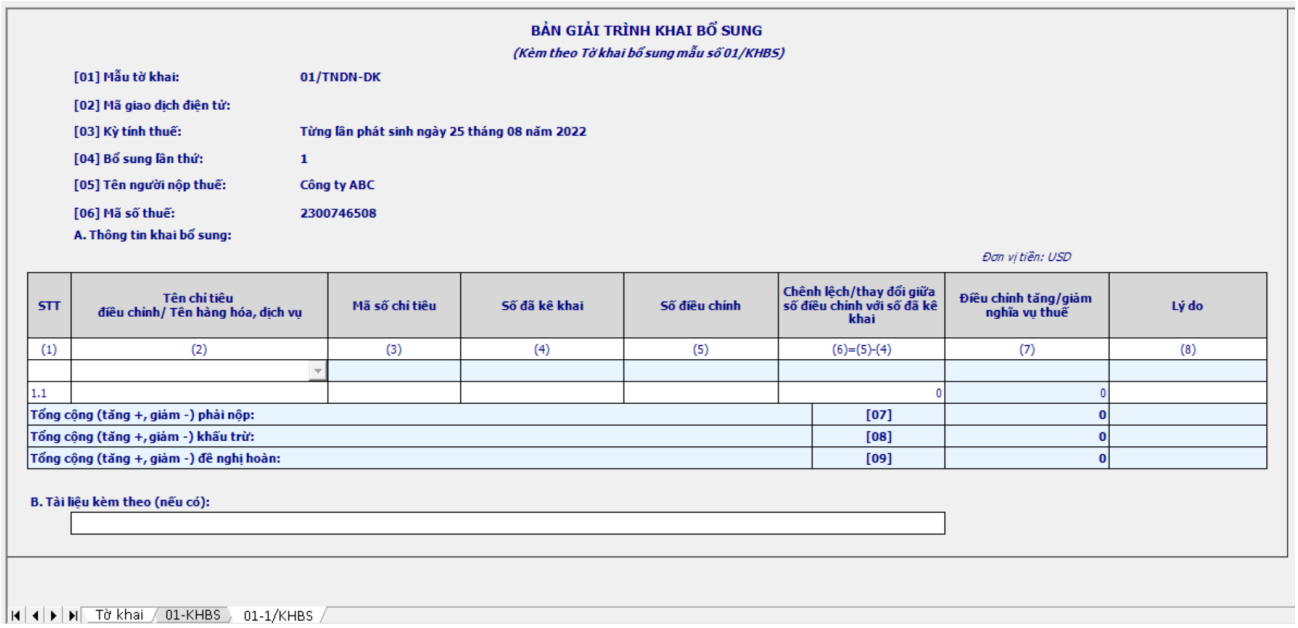

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/TNDN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.2 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí (02/TNDN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK quyết toán TNDN đối với dầu khí (02/TNDN-DK)(TT80/2021)".

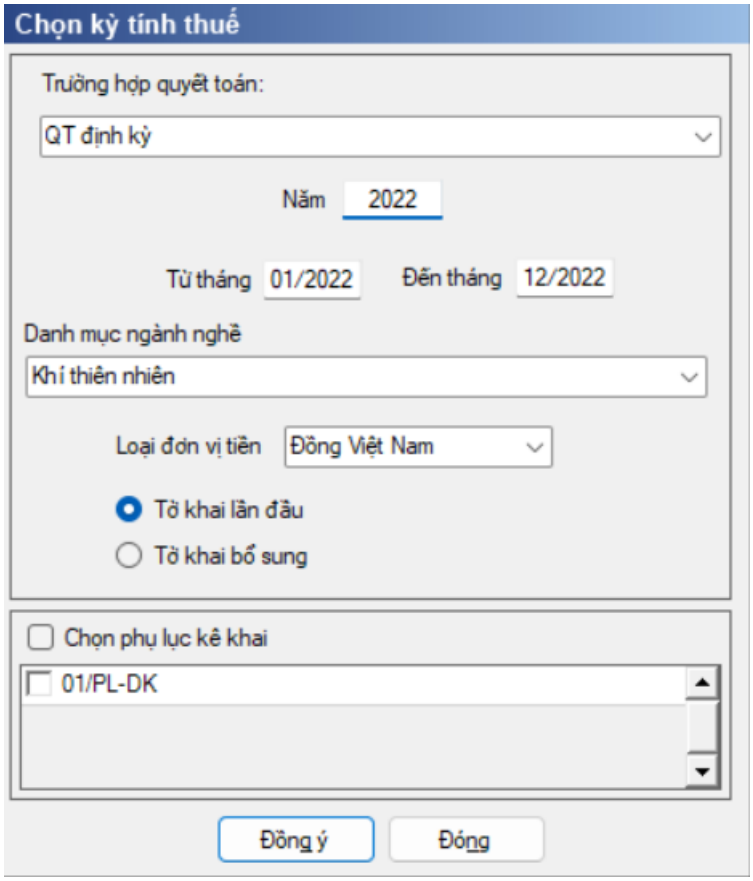

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế: Tờ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác loại sản phẩm

+ Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)

- Đối với MST 0107724012 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)

+ Hạn nộp tờ khai:

- Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp.

- Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán TNDN đối với dầu khí (02/TNDN-DK)

3.11.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

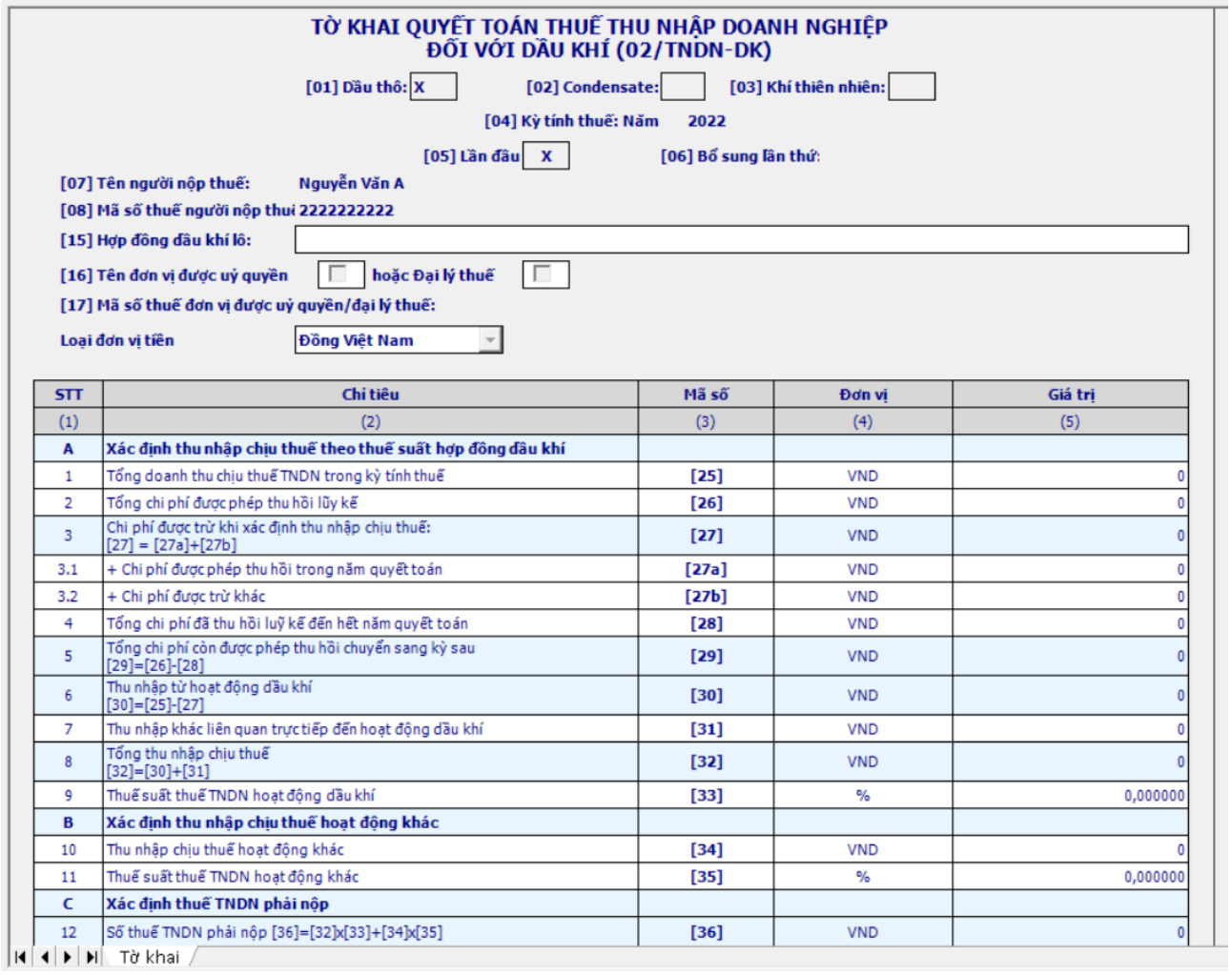

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2022

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[08] Mã số thuế người nộp thuế: 2222222222

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế

[17] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế:

Loại đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	**Xác định thu nhập chịu thuế theo thuế suất hợp đồng dầu khí**			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[25]	VND	0
2	Tổng chi phí được phép thu hồi lũy kế	[26]	VND	0
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: [27] = [27a]+[27b]	[27]	VND	0
3.1	+ Chi phí được phép thu hồi trong năm quyết toán	[27a]	VND	0
3.2	+ Chi phí được trừ khác	[27b]	VND	0
4	Tổng chi phí đã thu hồi luỹ kế đến hết năm quyết toán	[28]	VND	0
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi chuyển sang kỳ sau [29]=[26]-[28]	[29]	VND	0
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [30]=[25]-[27]	[30]	VND	0
7	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[31]	VND	0
8	Tổng thu nhập chịu thuế [32]=[30]+[31]	[32]	VND	0
9	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	[33]	%	0,000000
B	**Xác định thu nhập chịu thuế hoạt động khác**			
10	Thu nhập chịu thuế hoạt động khác	[34]	VND	0
11	Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	[35]	%	0,000000
C	**Xác định thuế TNDN phải nộp**			
12	Số thuế TNDN phải nộp [36]=[32]x[33]+[34]x[35]	[36]	VND	0

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [25], [26], [27a], [27b], [28], [31], [34], [37], [39]: NNT nhập số, không âm, đối với USD cho phép nhập số thập phân, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, đối với VND thì cho phép nhập số nguyên dương

+ Chỉ tiêu [33], [35]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy, phải <= 100%

+ Chỉ tiêu [41]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [27]: Tự tính theo công thức: [27]=[27a]+[27b], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [29]: Tự tính theo công thức: [29]=[26]-[28], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [30]: Tự tính theo công thức: [30]=[25]-[27], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [32]: Tự tính theo công thức: [32]=[30]+[31], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [36]: Tự tính theo công thức: [36] = [32]x[33]+[34]x[35], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [38]: Tự tính theo công thức: [38] = [36] – [37], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [40]: Tự tính theo công thức: [40]=[38]-[39], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, nếu là USD sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ sửa trong ngưỡng +-100.000 hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.2.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK

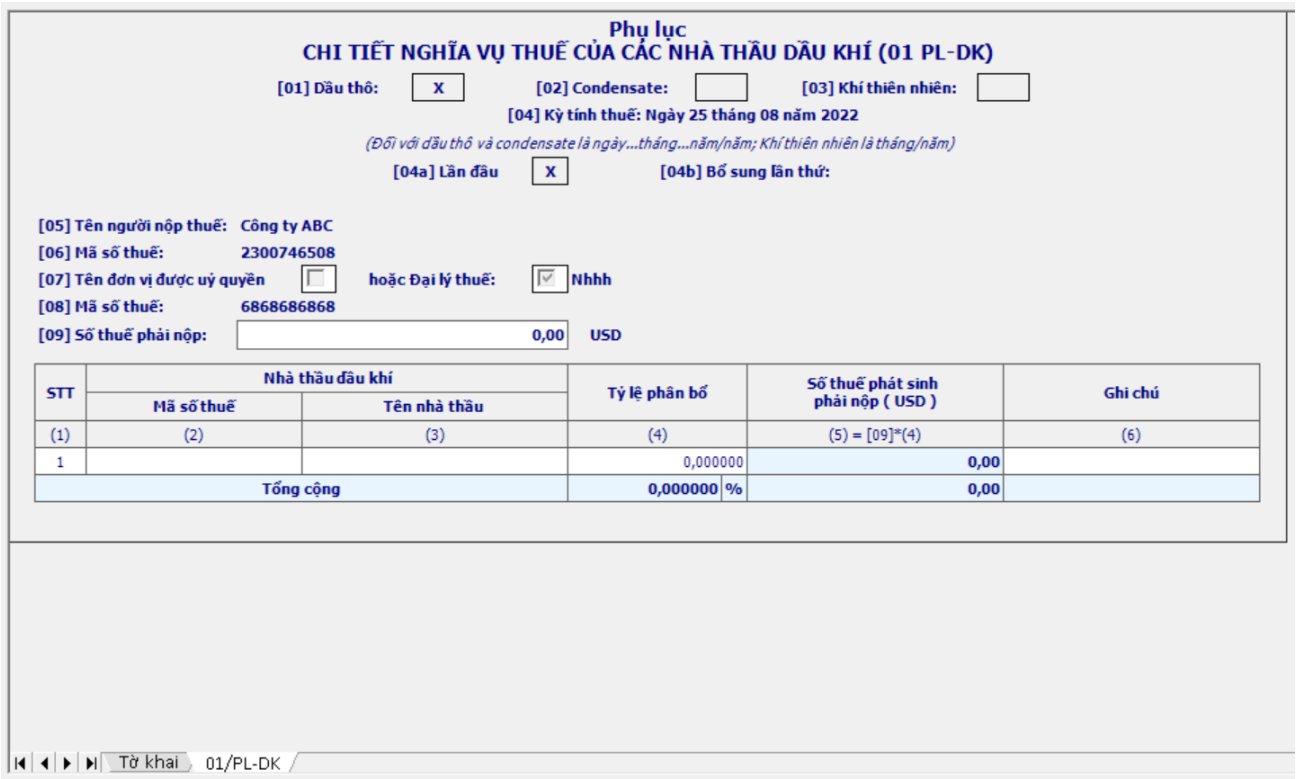

Phụ lục
CHI TIẾT NGHĨA VỤ THUẾ CỦA CÁC NHÀ THẦU DẦU KHÍ (01 PL-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

(Đối với dầu thô và condensate là ngày...tháng...năm/năm; Khí thiên nhiên là tháng/năm)

[04a] Lần đầu X [04b] Bổ sung lần thứ:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868
[09] Số thuế phải nộp: 0,00 USD

STT	Nhà thầu dầu khí		Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phát sinh phải nộp (USD)	Ghi chú
	Mã số thuế	Tên nhà thầu			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = [09]*(4)	(6)
1			0,000000	0,00	
Tổng cộng			0,000000 %	0,00	

Tờ khai 01/PL-DK

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Chỉ tiêu (2): NNT nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu (3): NNT nhập dạng text
  + Chỉ tiêu (4): NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu (6): NNT nhập dạng text
- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**
  + Chỉ tiêu (5) = [09]* (4), không cho sửa
  + Dòng Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (4) và cột (5)
    - Kiểm tra tổng cộng cột (4) phải = 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ "Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
    - Kiểm tra tổng cộng cột (5) phải = chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

3.11.2.1.2 Phụ lục GDLK2_ND132_01: Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Ứng dụng cho phép đính kèm phụ lục này đối với kỳ tính thuế >= 2019

MỤC I: THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT VÀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT (Mẫu số 01)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

STT	Tên bên liên kết	Quốc gia	Mã số thuế	Hình thức quan hệ liên kết										
				(5)										
(1)	(2)	(3)	(4)	A	B	C	D	Đ	E	G	H	I	K	L
1														

- Chỉ tiêu (1) – STT: UD hỗ trợ tự tăng khi thêm dòng
- Chỉ tiêu (2) – Tên bên liên kết: Bắt buộc nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
- Chỉ tiêu (3) – Quốc gia: Bắt buộc nhập, chọn trong danh mục quốc gia.
- Chỉ tiêu (4) – Mã số thuế: bắt buộc nhập
  + Nếu là VN: Kiểm tra cấu trúc mã số thuế
  + Khác VN: không kiểm tra cấu trúc mã số thuế (cho nhập tối đa 200 ký tự)
- Chỉ tiêu (5) – Hình thức quan hệ liên kết: (A,B,C,D,Đ,E,G,H,I,K,L): cho phép NNT tích chọn, chỉ bắt buộc chọn ít nhất 1 loại hình thức quan hệ liên kết và cho phép tích chọn nhiều loại hình thức.

MỤC II: CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

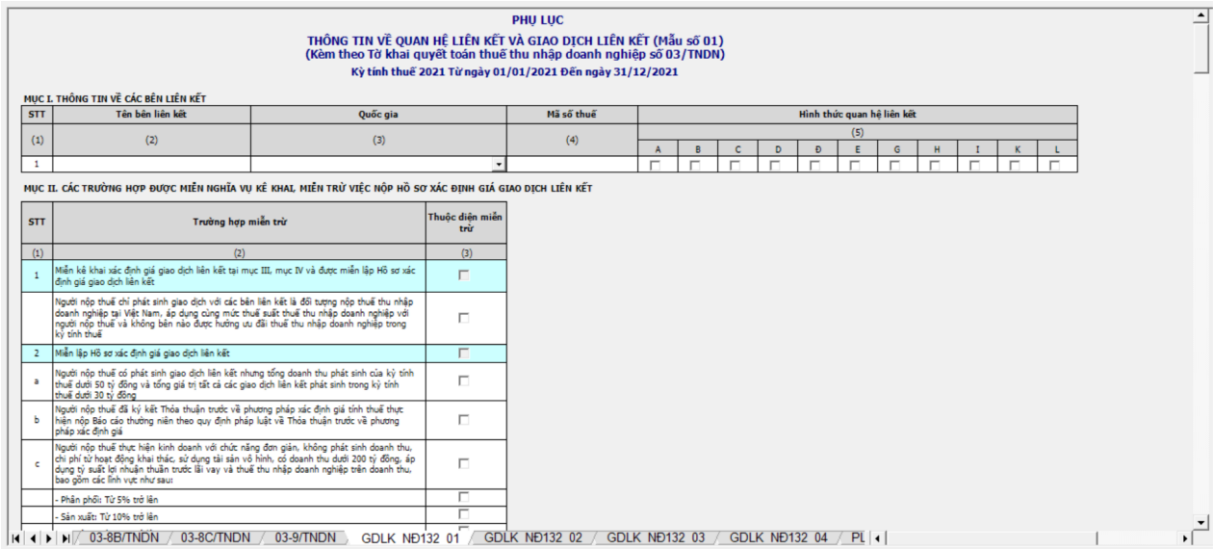
PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ QUAN HỆ LIÊN KẾT VÀ GIAO DỊCH LIÊN KẾT (Mẫu số 01)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)
Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

STT	Tên bên liên kết	Quốc gia	Mã số thuế	Hình thức quan hệ liên kết (5)										
				A	B	C	D	Đ	E	G	H	I	K	L
(1)	(2)	(3)	(4)											
1				☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐

MỤC II. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

STT	Trường hợp miễn trừ	Thuộc diện miễn trừ
(1)	(2)	(3)
1	Miễn kê khai xác định giá giao dịch liên kết tại mục III, mục IV và được miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	☐
	Người nộp thuế chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ tính thuế	☐
2	Miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	☐
a	Người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các giao dịch liên kết phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng	☐
b	Người nộp thuế đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế thực hiện nộp Báo cáo thường niên theo quy định pháp luật về Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá	☐
c	Người nộp thuế thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu, bao gồm các lĩnh vực như sau:	☐
	- Phân phối: Từ 5% trở lên	☐
	- Sản xuất: Từ 10% trở lên	☐

03-8B/TNDN | 03-8C/TNDN | 03-9/TNDN | GDLK NĐ132 01 | GDLK NĐ132 02 | GDLK NĐ132 03 | GDLK NĐ132 04 | PL

- Có thể bỏ qua không tích chọn trường hợp miễn trừ nào, nếu chọn chỉ được chọn 1 hoặc 2a hoặc 2b hoặc 2c. Trường hợp tích chọn 2c thì bắt buộc phải chọn ít nhất 1 trong 3 loại, được phép tích chọn nhiều loại:
  + Phân phối: Từ 5% trở lên
  + Sản xuất: Từ 10% trở lên
  + Gia công: Từ 15% trở

MỤC III: THÔNG TIN XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Nếu 2a hoặc 2c ở mục II được check chọn thì:
  + Cột (3), (7), (12): Cho phép nhập >=0.
  + Cột (13): cho phép check chọn
  + Cột (4), (5), (6), (8), (9), (10) và (11): Khoá, không cho kê khai.
- Nếu 2a và 2c ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
I	**Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động kinh doanh**	Nhập >=0	Để trống	Để trống	Để trống	Nhập >=0	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
II	**Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động liên kết**	Tổng 1+2	Tổng 1+2	(5)=(4)-(3), nếu cột (5) >= 0 thì ghi thành công, nếu cột (5) <0 thì cảnh báo đỏ "Cột 5 = cột (4) – cột (3) phải >= 0	Để trống	Tổng 1+2	Tổng 1+2	(9)=(8)-(7), nếu cột (9) <= 0 thì ghi thành công, nếu cột (9) > 0 thì cảnh báo đỏ "Cột 9 = cột (8) – cột (7) phải <= 0	Để trống	(11)=(5)+(9) (11) = trị tuyệt đối của cột (5)+ trị tuyệt đối của cột (9)	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các cột (3), (4), (7),	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa	Nhập >=0. Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng con, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các cột (3), (4), (7),	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
											như các cột (3), (4), (7), (8)…, cho sửa	(8)…, cho sửa		(8)…, cho sửa	
1	Hàng hóa	Tổng 1.1 + 1.2	Tổng 1.1 + 1.2	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 1.1 + 1.2	Tổng 1.1 + 1.2	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
1.1	Hàng hóa hình thành tài sản cố định	Tổng a+b+…	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục. Cột (6) bắt buộc chọn nếu cột (3) >0, nếu không cảnh báo đỏ	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục. Cột (10) bắt buộc chọn nếu cột (7) > 0, nếu không cảnh	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Checkbox

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
					"Dữ liệu bắt buộc"				báo đỏ "Dữ liệu bắt buộc"						
b															
	...														
1.2	Hàng hóa không hình thành tài sản cố định	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
b															
	…														
2	**Dịch vụ**	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5	Tổng 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
2.1	Nghiên cứu, phát triển	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
b															

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
	…														
2.2	Quảng cáo, tiếp thị	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
b															
	…														
2.3	Quản lý kinh doanh và tư vấn, đào tạo	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
a	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
b															
	...														
2.4	Hoạt động tài chính	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	Tổng 2.4.1 + 2.4.2	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
2.4.1	Phí bản quyền và các khoản tương tự	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B										....					
	…														

STT	Nội dung	Giá trị bán ra cho bên liên kết				Giá trị mua vào từ bên liên kết				Lợi nhuận tăng do xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Thu hộ, chi hộ, phân bổ cơ sở thường trú -> Tách thành 4 cột 12a, 12b, 12c, 12d				Giao dịch thuộc phạm vi áp dụng APA
		Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá	Giá trị ghi nhận của giao dịch liên kết	Giá trị xác định lại theo giá giao dịch độc lập	Chênh lệch	Phương pháp xác định giá		Tổng giá trị thu hộ	Tổng giá trị chi hộ	Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú	Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)	(11)=(5)+(9)	(12a)	(12b)	(12c)	(12d)	(13)
2.4.2	Lãi vay	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B															
	…														
2.5	Dịch vụ khác	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(5)=(4)-(3)	Để trống	Tổng a+b+..	Tổng a+b+..	(9)=(8)-(7)	Để trống	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Để trống
A	Nhập text	Nhập >=0	Nhập >=0	(5)=(4)-(3)	Danh mục	Nhập >=0	Nhập >=0	(9)=(8)-(7)	Danh mục	(11)=(5)+(9)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	checkbox
B															
	…														

MỤC IV. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Nếu check 2b tại Mục II thì bắt buộc chọn Có/ Không tại mục "Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)" tại 1 trong 3 bảng.
- Cột (6) đang bắt buộc nhập tại bảng 1 và bảng 3 khi tích chọn 2a tại Mục II → Chỉ kiểm tra đã nhập cột (6) tại một trong các bảng là được.

1 Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ

- Nếu 2a ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 12:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự, bắt buộc nhập một trong các dòng sau > 0 (dòng 1, 4, 6, 7, 9). Riêng cột (6) dòng 5 cho phép nhập số âm, dương.
  + Dòng từ (13) đến (16): NNT kê khai
  + Dòng (17): Để trống, không cho kê khai
- Nếu 2c ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 12:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự, bắt buộc nhập một trong các dòng sau > 0 (dòng 1, 4, 6, 7, 9). Riêng cột (6) dòng 5 cho phép nhập số âm, dương.
  + Dòng từ (13) đến (16) : NNT kê khai
  + Dòng (17):
    - Cột (2): Bắt buộc nhập, cho phép nhập text và UD cho nhập text, tối đa 200 ký tự, UD cho phép thêm nhiều dòng
    - Cột 6: Nhập dạng x,xxx >= 0 (tối đa 3 số phần nguyên)
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
- Nếu 2a và 2c ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau:

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Nhập >=0, kiểm tra <= mục 1	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=1-2	=1-2	=1-2	=1-2
4	Giá vốn hàng bán	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=3-4	=3-4	=3-4	=3-4
6	Chi phí bán hàng	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
8	Doanh thu hoạt động tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
8.1	Trong đó: Lãi tiền gửi và lãi cho vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 8.1 phải < dòng 8, nếu không cảnh báo đỏ
9	Chi phí tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Cho phép nhập số âm, dương

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
9.1	Trong đó: - Chi phí lãi tiền vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
9.1.a	Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 9.1.a phải < dòng 9.1, nếu không cảnh báo đỏ
9.1.b	Phần chi phí lãi vay trong kỳ không được trừ chuyển sang kỳ sau theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0. Kiểm tra dòng 9.1.b phải < dòng 9.1, nếu không cảnh báo đỏ
10	Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (11)=(5)-(6)-(7)+(8)-(9)	Khoá	Khoá	Khoá	=5-6-7+8-9
12	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính (12)=(11)-(8)+(9)	=11-8+9	=11-8+9	=11-8+9	=11-8+9
13	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (13)=(11)+(9.1)-(8.1)+10)	Khoá	Khoá	Khoá	=11+9.1-8.1+10

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (14)=[(9.1)-(8.1)]/(13)	Khoá	Khoá	Khoá	(9.1-8.1)/13 * 100 (dạng x,xxx)
15	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang, trong đó: (15)=(15.1)+(15.2)+(15.3)+(15.4)+(15.5)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (15)=(15.1)+(15.2)+(15.3)+(15.4)+(15.5)
15.1	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-1) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.2	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-2) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.3	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-3) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
15.4	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-4) chuyển sang kỳ tính thuế (n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
15.5	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-5) chuyển sang kỳ tính thuế (n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
16	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh cộng chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay(sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) trong kỳ cộng chi phí khấu hao trong kỳ (16) =[(9.1)-(8.1)+(15)]/(13)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	(16) =[(9.1)-(8.1)+(15)]/(13) (dạng x,xxx)
17	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
17.1	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khóa
….	……	…	…	…	…

2. Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành ngân hàng, tín dụng

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
2	Chi trả lãi và các chi phí tương tự	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
3	Thu nhập lãi thuần (3)= (1)-(2)	=1-2	=1-2	=1-2	=1-2
4	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
5	Chi phí hoạt động dịch vụ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
6	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (6)=(4)-(5)	=4-5	=4-5	=4-5	=4-5
7	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
8	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
9	Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Nhập âm dương	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
10	Thu nhập từ hoạt động khác	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
11	Chi phí hoạt động khác	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
12	Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác (12) = (10)-(11)	=10-11	=10-11	=10-11	=10-11
13	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
14	Chi phí hoạt động	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
15	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (6)=(3)+(4)+(5)
16	Tổng lợi nhuận trước thuế (16) = (3)+(6)+(7)+(8)+(9)+(12)+(13)-(14)-(15)	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15	= 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15
17	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (17=16-12)	=16-12	=16-12	=16-12	=16-12
18	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết (%)	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
a	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khoá
…	……	…	..	…	…

3. Dành cho người nộp thuế là các công ty chứng khoán

- Nếu 2a ở mục II được check chọn thì:
  + Dòng từ 1 đến 14:

- Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
- Cột (6): Bắt buộc nhập một trong các dòng sau >0 (dòng 1,2), tối đa 15 ký tự (nhập >= 0)

+ Dòng 15: Khoá, không cho kê khai

- Nếu 2a ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau:

Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)	Có □ Checkbox	Không □ Checkbox, nếu check thì khoá, không nhập cột (4)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Doanh thu hoạt động (1)= (1.1)+(1.2)+(1.3)+(1.4)+(1.5)+(1.6)+(1.7)+(1.8)+(1.9)+(1.10)+(1.11)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (1)=(1.1)+(1.2)+(1.3)+(1.4)+(1.5)+(1.6)+(1.7)+(1.8)+(1.9)+(1.10)+(1.11)
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL) (1.1)= (1.1.a)+(1.1.b)+(1.1.c)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (1.1)= (1.1.a)+(1.1.b)+(1.1.c)
1.1.a	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.1.b	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.1.c	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.4	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.5	Lãi từ các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh , đại lý phát hành chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.8	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
1.11	Thu nhập hoạt động khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2	Chi phí hoạt động (2)= (2.1)+(2.2)+(2.3)+(2.4)+(2.5) +(2.6)+(2.7)+(2.8)+(2.9)+(2.10)+(2.11) +(2.12)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (2)= (2.1)+(2.2)+(2.3) +(2.4)+(2.5)+(2.6)+(2.7)+(2.8)+(2. 9)+(2.10)+(2.11) +(2.12)
2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	Khoá	Khoá	Khoá	Công thức (2.1) = (2.1.a)+(2.1.b) +(2.1.c)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
	(2.1) = (2.1.a)+(2.1.b) +(2.1.c)				
2.1.a	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.1.b	Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.1.c	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.2	Lỗ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.3	Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.5	Lỗ từ các tài sản tài chính phái sinh phòng ngừa rủi ro	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
2.9	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
2.12	Chi phí các dịch vụ khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3	Doanh thu hoạt động tài chính (3) = (3.1)+(3.2)+(3.3)+(3.4)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (3) = (3.1)+(3.2)+(3.3) +(3.4)
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.3	Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
3.4	Doanh thu khác về đầu tư	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4	Chi phí tài chính (4) = (4.1)+(4.2)+(4.3)+(4.4)+(4.5)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (4) = (4.1)+(4.2)+(4.3) +(4.4)+(4.5)
4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.2	Chi phí lãi vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
4.3	Lỗi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.4	Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
4.5	Chi phí tài chính khác	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
5	Chi phí bán hàng	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
6	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
7	Kết quả hoạt động (7)= (1)-(2)+(3)-(4)-(5)-(6)	Để trống	Để trống	Để trống	Công thức (7)= (1)-(2)+(3)-(4)-(5)-(6)
8	Tổng lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9	Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9.1	Chi phí lãi vay được trừ trong kỳ	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
9.2	Phần chi phí lãi vay trong kỳ không được trừ chuyển sang kỳ sau theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
10	Chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0
11	Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi	Khoá	Khoá	Khoá	11= 7+9-8+10

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
	trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ (11)= (7)+(9)-(8)+(10)				
12	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ (12) =[(9)-(8)]/(11)	Khoá	Khoá	Khoá	12= ((9-8)/ 11)*100 (dạng x,xxx)
13	Chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang (13)=(13.1)+(13.2)+(13.3)+(13.4)+(13.5) Trong đó:	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Công thức (13)=(13.1)+(13.2)+(13.3)+(13.4)+(13.5)
13.1	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-1) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.2	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-2) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.3	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-3) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
13.4	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-4) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
13.5	- Phần chi phí lãi vay không được trừ từ năm(n-5) chuyển sang kỳ tính thuế(n)	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0	Nhập >=0
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh được trừ trong kỳ cộng chi phí lãi vay của các kỳ trước chuyển sang kỳ tính thuế(n) trên tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay thuần phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế (14) = [(9)-(8)+(13)]/(11)	Khoá	Khoá	Khoá	14 = ((9-8+13)/11)*100 (dạng x,xxx)
15	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết	Để trống	Để trống	Để trống	Để trống
15.1	Nhập text	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Nhập x,xxx (tối đa 3 số phần nguyên)	Khoá	Khoá
	……				

3.11.2.1.3 Phụ lục GDLK2_ND132_02: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Cột "Đã lập và lưu": cho phép NNT tích chọn, được phép tích chọn nhiều tài liệu
- Ghi chú: cho phép NNT nhập text, tối đa 200 ký tự.

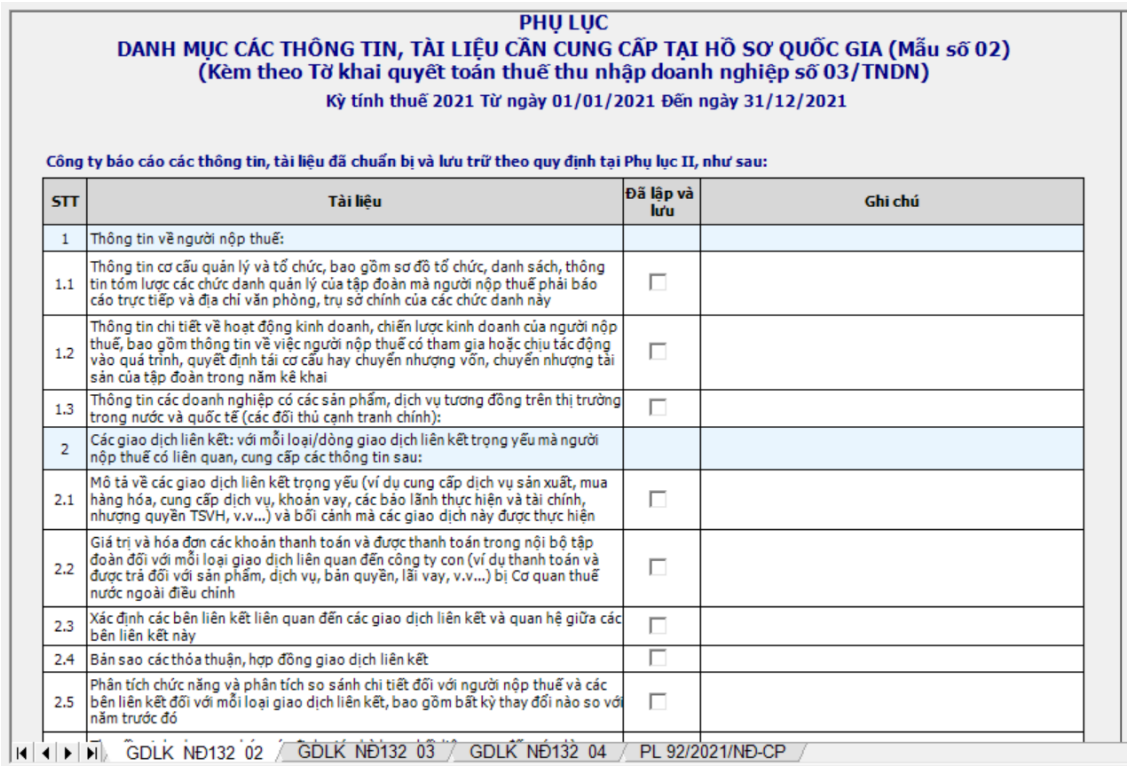

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP TẠI HỒ SƠ QUỐC GIA (Mẫu số 02)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

Công ty báo cáo các thông tin, tài liệu đã chuẩn bị và lưu trữ theo quy định tại Phụ lục II, như sau:

STT	Tài liệu	Đã lập và lưu	Ghi chú
1	Thông tin về người nộp thuế:		
1.1	Thông tin cơ cấu quản lý và tổ chức, bao gồm sơ đồ tổ chức, danh sách, thông tin tóm lược các chức danh quản lý của tập đoàn mà người nộp thuế phải báo cáo trực tiếp và địa chỉ văn phòng, trụ sở chính của các chức danh này	☐	
1.2	Thông tin chi tiết về hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh của người nộp thuế, bao gồm thông tin về việc người nộp thuế có tham gia hoặc chịu tác động vào quá trình, quyết định tái cơ cấu hay chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng tài sản của tập đoàn trong năm kê khai	☐	
1.3	Thông tin các doanh nghiệp có các sản phẩm, dịch vụ tương đồng trên thị trường trong nước và quốc tế (các đối thủ cạnh tranh chính):	☐	
2	Các giao dịch liên kết: với mỗi loại/dòng giao dịch liên kết trọng yếu mà người nộp thuế có liên quan, cung cấp các thông tin sau:		
2.1	Mô tả về các giao dịch liên kết trọng yếu (ví dụ cung cấp dịch vụ sản xuất, mua hàng hóa, cung cấp dịch vụ, khoản vay, các bảo lãnh thực hiện và tài chính, nhượng quyền TSVH, v.v...) và bối cảnh mà các giao dịch này được thực hiện	☐	
2.2	Giá trị và hóa đơn các khoản thanh toán và được thanh toán trong nội bộ tập đoàn đối với mỗi loại giao dịch liên quan đến công ty con (ví dụ thanh toán và được trả đối với sản phẩm, dịch vụ, bản quyền, lãi vay, v.v...) bị Cơ quan thuế nước ngoài điều chỉnh	☐	
2.3	Xác định các bên liên kết liên quan đến các giao dịch liên kết và quan hệ giữa các bên liên kết này	☐	
2.4	Bản sao các thỏa thuận, hợp đồng giao dịch liên kết	☐	
2.5	Phân tích chức năng và phân tích so sánh chi tiết đối với người nộp thuế và các bên liên kết đối với mỗi loại giao dịch liên kết, bao gồm bất kỳ thay đổi nào so với năm trước đó	☐	

GDLK_NĐ132_02 | GDLK_NĐ132_03 | GDLK_NĐ132_04 | PL 92/2021/NĐ-CP

3.11.2.1.4 Phụ lục GDLK_ND132_03: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

- Cột "Đã lập và lưu": cho phép NNT tích chọn, được phép tích chọn nhiều tài liệu
- Ghi chú: cho phép NNT nhập text, tối đa 200 ký tự.

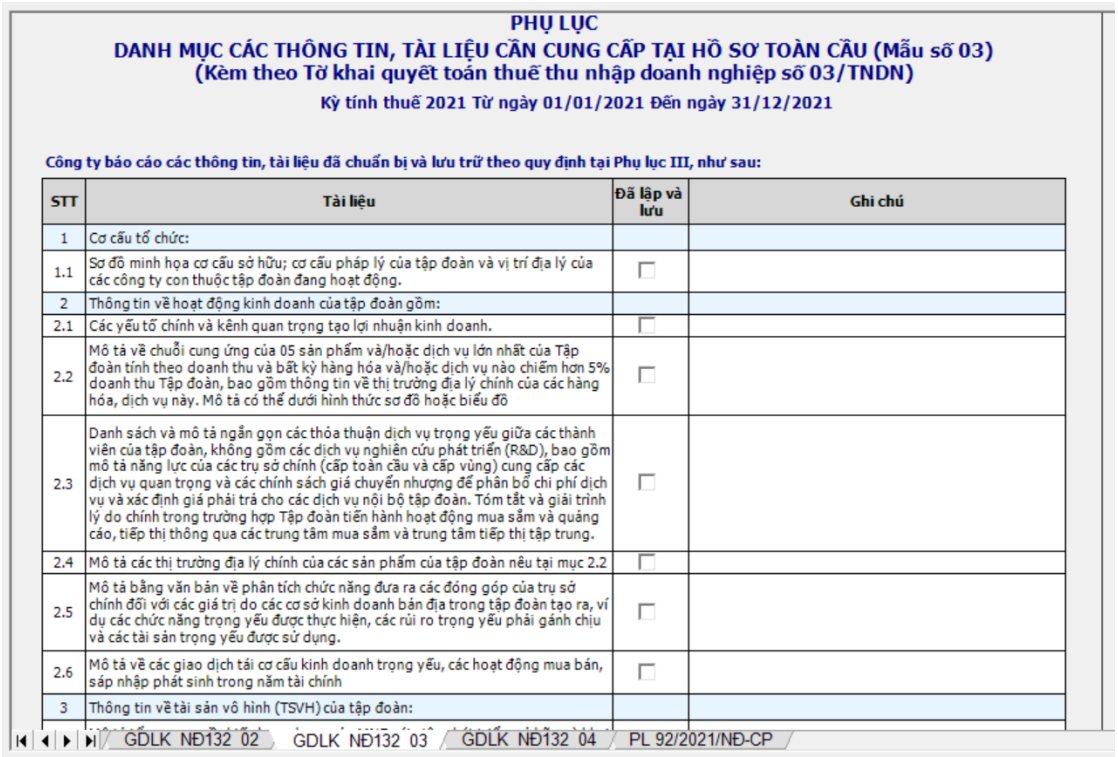

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC THÔNG TIN, TÀI LIỆU CẦN CUNG CẤP TẠI HỒ SƠ TOÀN CẦU (Mẫu số 03)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

Công ty báo cáo các thông tin, tài liệu đã chuẩn bị và lưu trữ theo quy định tại Phụ lục III, như sau:

STT	Tài liệu	Đã lập và lưu	Ghi chú
1	Cơ cấu tổ chức:		
1.1	Sơ đồ minh họa cơ cấu sở hữu; cơ cấu pháp lý của tập đoàn và vị trí địa lý của các công ty con thuộc tập đoàn đang hoạt động.	☐	
2	Thông tin về hoạt động kinh doanh của tập đoàn gồm:		
2.1	Các yếu tố chính và kênh quan trọng tạo lợi nhuận kinh doanh.	☐	
2.2	Mô tả về chuỗi cung ứng của 05 sản phẩm và/hoặc dịch vụ lớn nhất của Tập đoàn tính theo doanh thu và bất kỳ hàng hóa và/hoặc dịch vụ nào chiếm hơn 5% doanh thu Tập đoàn, bao gồm thông tin về thị trường địa lý chính của các hàng hóa, dịch vụ này. Mô tả có thể dưới hình thức sơ đồ hoặc biểu đồ	☐	
2.3	Danh sách và mô tả ngắn gọn các thỏa thuận dịch vụ trọng yếu giữa các thành viên của tập đoàn, không gồm các dịch vụ nghiên cứu phát triển (R&D), bao gồm mô tả năng lực của các trụ sở chính (cấp toàn cầu và cấp vùng) cung cấp các dịch vụ quan trọng và các chính sách giá chuyển nhượng để phân bổ chi phí dịch vụ và xác định giá phải trả cho các dịch vụ nội bộ tập đoàn. Tóm tắt và giải trình lý do chính trong trường hợp Tập đoàn tiến hành hoạt động mua sắm và quảng cáo, tiếp thị thông qua các trung tâm mua sắm và trung tâm tiếp thị tập trung.	☐	
2.4	Mô tả các thị trường địa lý chính của các sản phẩm của tập đoàn nêu tại mục 2.2	☐	
2.5	Mô tả bằng văn bản về phân tích chức năng đưa ra các đóng góp của trụ sở chính đối với các giá trị do các cơ sở kinh doanh bản địa trong tập đoàn tạo ra, ví dụ các chức năng trọng yếu được thực hiện, các rủi ro trọng yếu phải gánh chịu và các tài sản trọng yếu được sử dụng.	☐	
2.6	Mô tả về các giao dịch tái cơ cấu kinh doanh trọng yếu, các hoạt động mua bán, sáp nhập phát sinh trong năm tài chính	☐	
3	Thông tin về tài sản vô hình (TSVH) của tập đoàn:		

GDLK_NĐ132_02 | GDLK_NĐ132_03 | GDLK_NĐ132_04 | PL 92/2021/NĐ-CP

3.11.2.1.5 Phụ lục GDLK_ND132_04: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên Quốc gia theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP

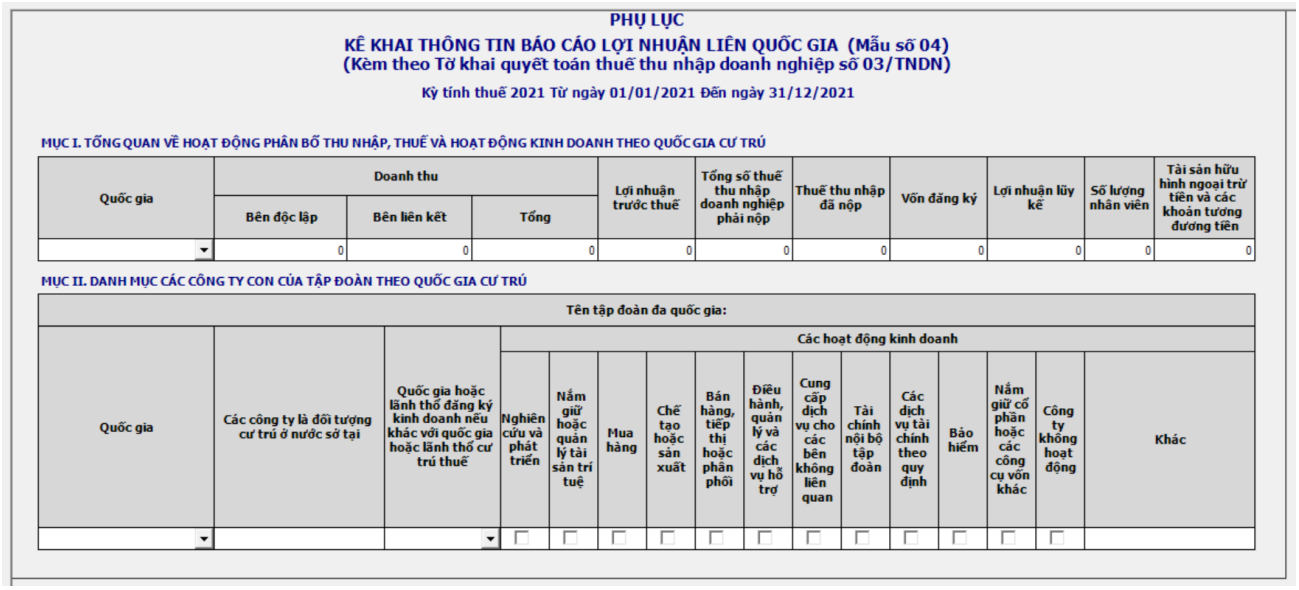

PHỤ LỤC

KÊ KHAI THÔNG TIN BÁO CÁO LỢI NHUẬN LIÊN QUỐC GIA (Mẫu số 04)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế 2021 Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021

MỤC I. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÂN BỔ THU NHẬP, THUẾ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

Quốc gia	Doanh thu			Lợi nhuận trước thuế	Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Thuế thu nhập đã nộp	Vốn đăng ký	Lợi nhuận lũy kế	Số lượng nhân viên	Tài sản hữu hình ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền
	Bên độc lập	Bên liên kết	Tổng							
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

MỤC II. DANH MỤC CÁC CÔNG TY CON CỦA TẬP ĐOÀN THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

Tên tập đoàn đa quốc gia:															
Quốc gia	Các công ty là đối tượng cư trú ở nước sở tại	Quốc gia hoặc lãnh thổ đăng ký kinh doanh nếu khác với quốc gia hoặc lãnh thổ cư trú thuế	Các hoạt động kinh doanh												
			Nghiên cứu và phát triển	Nắm giữ hoặc quản lý tài sản trí tuệ	Mua hàng	Chế tạo hoặc sản xuất	Bán hàng, tiếp thị hoặc phân phối	Điều hành, quản lý và các dịch vụ hỗ trợ	Cung cấp dịch vụ cho các bên không liên quan	Tài chính nội bộ tập đoàn	Các dịch vụ tài chính theo quy định	Bảo hiểm	Nắm giữ cổ phần hoặc các công cụ vốn khác	Công ty không hoạt động	Khác
			☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	

MỤC I: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG PHÂN BỔ THU NHẬP, THUẾ VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

- UD cho phép thêm dòng (F5) và xóa dòng (F6)
- Các chỉ tiêu NSD tự nhập:
  + Quốc gia: cho phép chọn trong danh mục quốc gia
  + Doanh thu "Bên độc lập", "Bên liên kết": Nhập số >= 0
  + Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận lũy kế: Nhập âm dương, tối đa 15 ký tự
  + Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Thuế thu nhập đã nộp, Vốn đăng ký, Số lượng nhân viên, Tài sản hữu hình ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền: Nhập >=0, tối đa 15 ký tự
- Các chi tiêu UD hỗ trợ tự động tính:
  + Doanh thu "Tổng" = bên độc lập + bên liên kết

MỤC II: DANH MỤC CÁC CÔNG TY CON CỦA TẬP ĐOÀN THEO QUỐC GIA CƯ TRÚ

- UD cho phép thêm dòng (F5) và xóa dòng (F6)
- Cho phép check chọn nhiều hoạt động kinh doanh
- Nhập chi tiết:
  + Quốc gia: cho phép chọn trong danh mục
  + Các công ty là đối tượng cư trú ở nước sở tại: Nhập text, tối đa 200 ký tự
  + Quốc gia hoặc lãnh thổ đăng ký kinh doanh nếu khác với quốc gia hoặc lãnh thổ cư trú thuế: cho phép chọn trong danh mục
  + Các hoạt động kinh doanh: cho phép check chọn nhiều hoạt động kinh doanh dưới đây:
    - Nghiên cứu và phát triển

- Nắm giữ hoặc quản lý tài sản trí tuệ
- Mua hàng: checkbox
- Chế tạo hoặc sản xuất
- Bán hàng, tiếp thị hoặc phân phối
- Điều hành, quản lý và các dịch vụ hỗ trợ
- Cung cấp dịch vụ cho các bên không liên quan
- Tài chính nội bộ tập đoàn
- Các dịch vụ tài chính theo quy định
- Bảo hiểm: checkbox
- Nắm giữ cổ phần hoặc các công cụ vốn khác
- Công ty không hoạt động

+ Khác: Nhập text, tối đa 200 ký tự

3.11.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

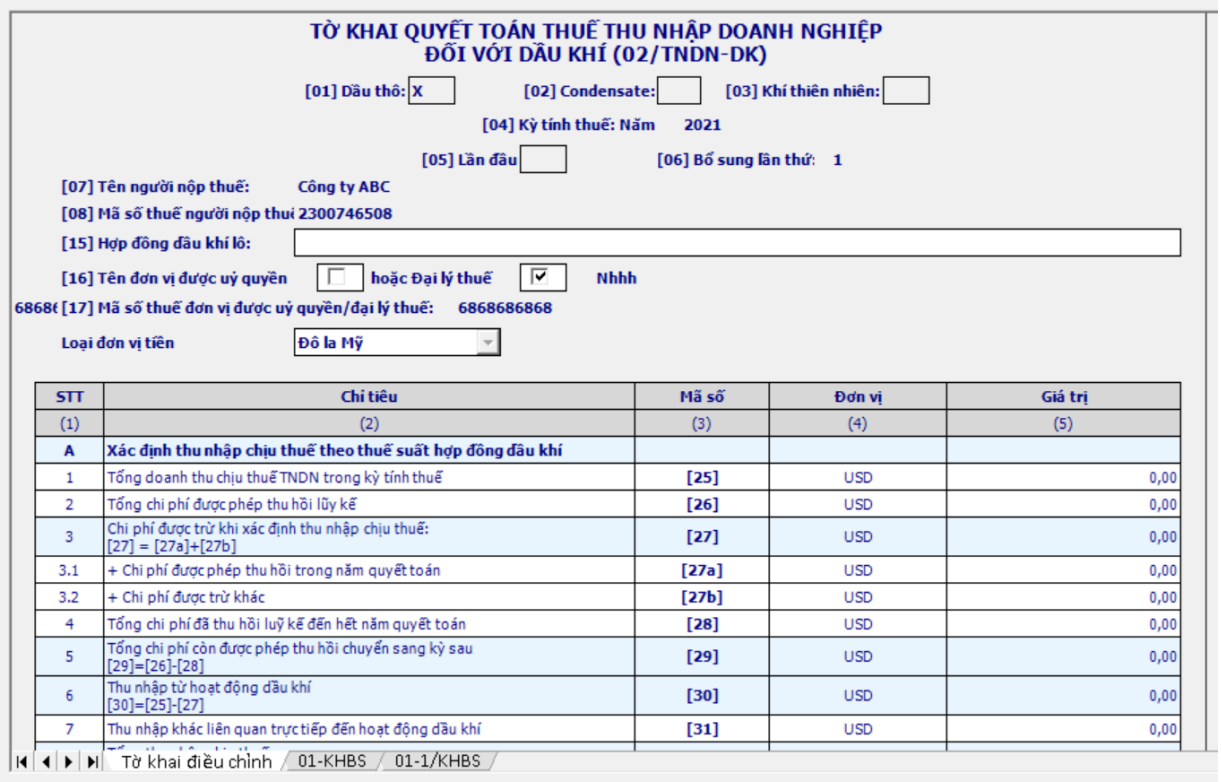

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	Xác định thu nhập chịu thuế theo thuế suất hợp đồng dầu khí			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[25]	USD	0,00
2	Tổng chi phí được phép thu hồi lũy kế	[26]	USD	0,00
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: [27] = [27a]+[27b]	[27]	USD	0,00
3.1	+ Chi phí được phép thu hồi trong năm quyết toán	[27a]	USD	0,00
3.2	+ Chi phí được trừ khác	[27b]	USD	0,00
4	Tổng chi phí đã thu hồi luỹ kế đến hết năm quyết toán	[28]	USD	0,00
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi chuyển sang kỳ sau [29]=[26]-[28]	[29]	USD	0,00
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [30]=[25]-[27]	[30]	USD	0,00
7	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[31]	USD	0,00

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

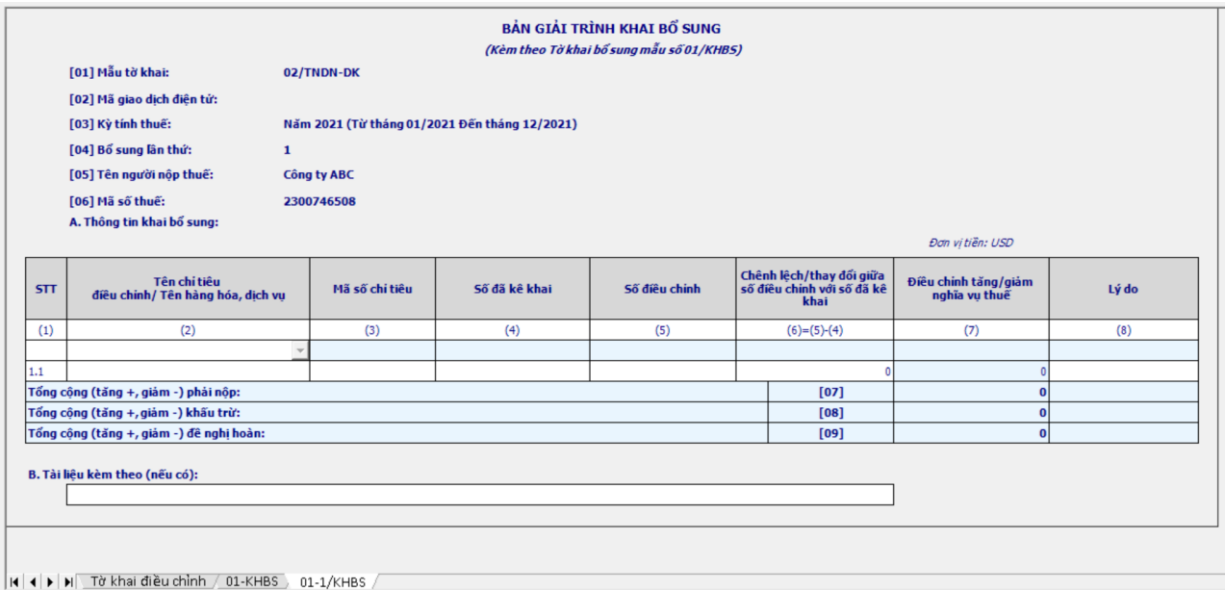

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/TNDN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.3 Tờ khai các khoản thu về hoa hồng dầu khí, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí (01/TNS-DK) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu Kê khai chọn chức năng "Tờ khai dầu khí" chọn "Tờ khai các khoản thu về hoa hồng dầu khí, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí (01/TNS-DK)".

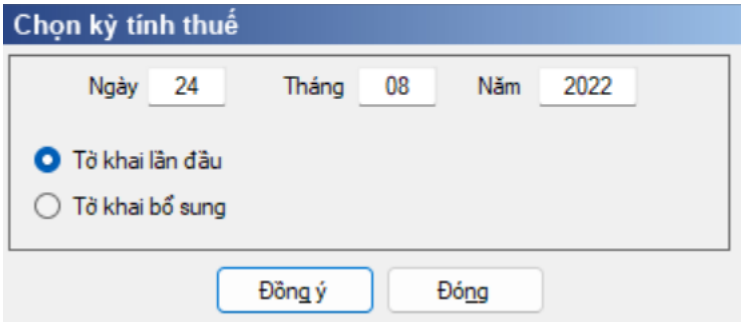

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Cơ quan thuế nộp tơ khai: là CQT quản lý
+ Loại kỳ tính thuế:
  - Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022
+ Hạn nộp tờ khai:
  - 10 ngày kể từ ngày phát sinh – chỉ tiêu [01] NNT kê khai. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo
+ Tờ khai chỉ khai theo đơn vị tiền là USD

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai các khoản thu về hoa hồng dầu khí, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí mẫu 01/TNS- DK

3.11.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

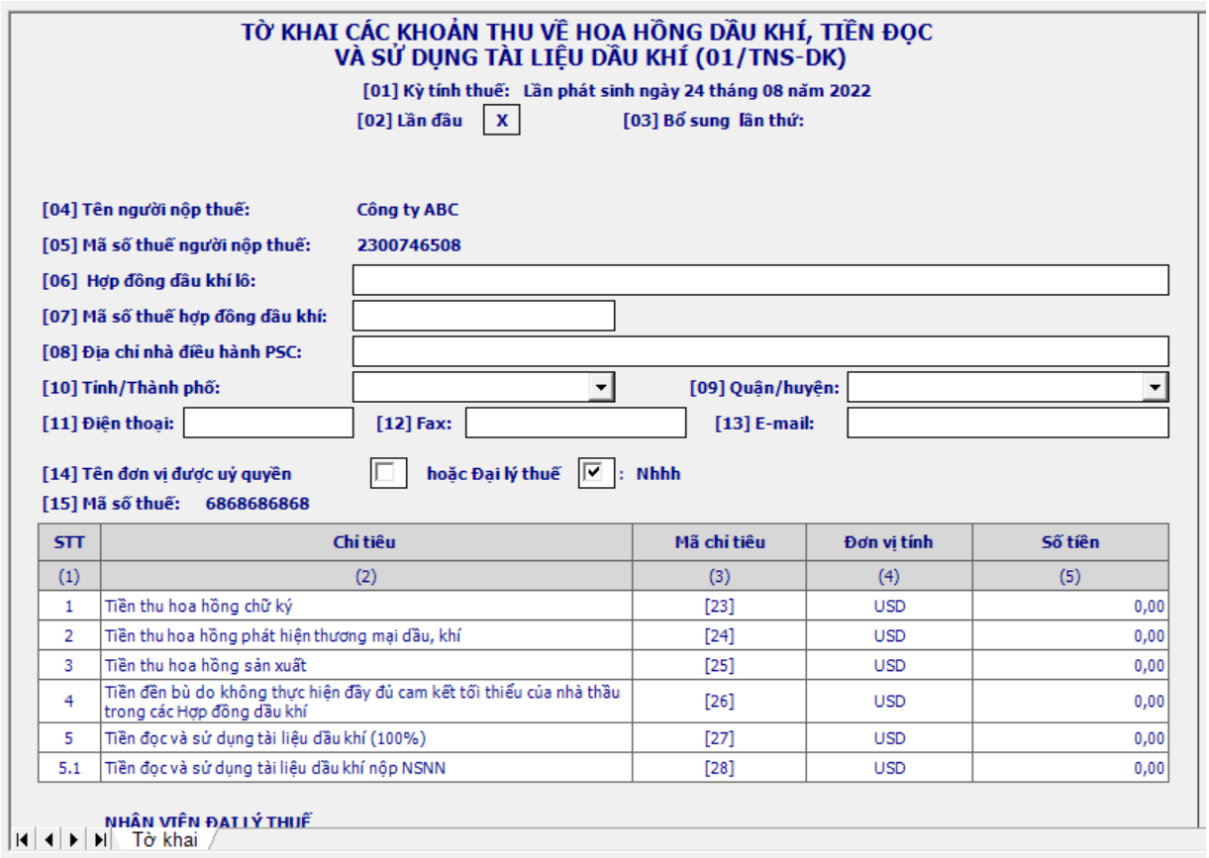

TỜ KHAI CÁC KHOẢN THU VỀ HOA HỒNG DẦU KHÍ, TIỀN ĐỌC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU DẦU KHÍ (01/TNS-DK)

[01] Kỳ tính thuế: Lần phát sinh ngày 24 tháng 08 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[06] Hợp đồng dầu khí lô:

[07] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[08] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[10] Tỉnh/Thành phố: [09] Quận/huyện:

[11] Điện thoại: [12] Fax: [13] E-mail:

[14] Tên đơn vị được uỷ quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [x] : Nhhh

[15] Mã số thuế: 6868686868

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tiền thu hoa hồng chữ ký	[23]	USD	0,00
2	Tiền thu hoa hồng phát hiện thương mại dầu, khí	[24]	USD	0,00
3	Tiền thu hoa hồng sản xuất	[25]	USD	0,00
4	Tiền đền bù do không thực hiện đầy đủ cam kết tối thiểu của nhà thầu trong các Hợp đồng dầu khí	[26]	USD	0,00
5	Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí (100%)	[27]	USD	0,00
5.1	Tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí nộp NSNN	[28]	USD	0,00

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  - Chỉ tiêu [23], [24], [25], [26], [27], [28]: Nhập giá trị >=0, số tiền định dạng 13 số phần nguyên, 2 số thập phân sau dấu phẩy
  - Chỉ tiêu [28] < = chỉ tiêu [27], nếu sai thì UD cảnh báo

3.11.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

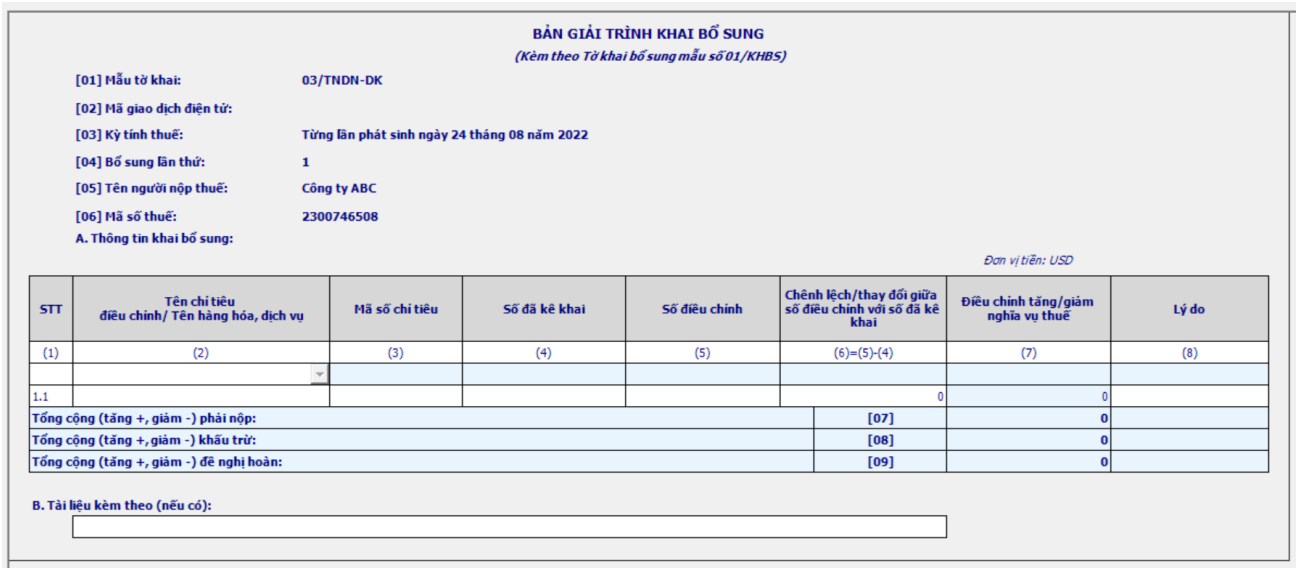

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/TNDN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 24 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.4 Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 01/LNCN- PSC (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu Kê khai chọn chức năng "Tờ khai dầu khí" chọn "Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 01/LNCN-PSC.

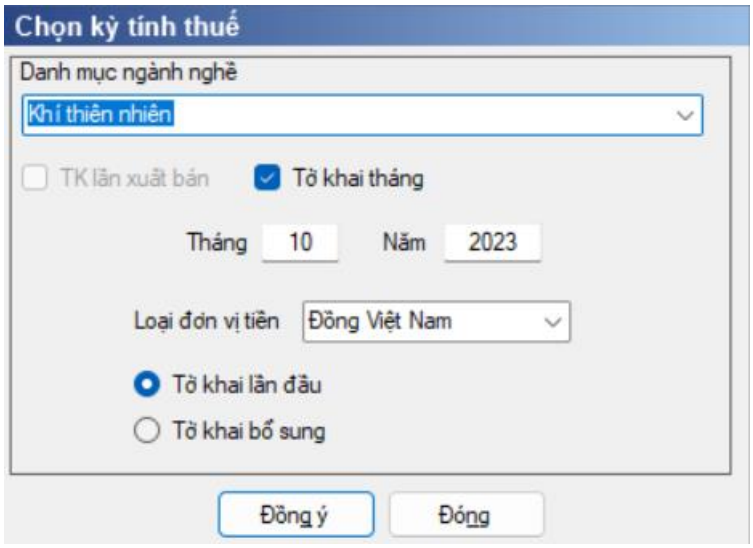

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế:

• Tờ khai tháng: Kê khai đối với loại sản phẩm là "Khí thiên nhiên", hiệu lực từ tháng 01/2022

• Tờ khai lần phát sinh: Kê khai đối với loại sản phẩm "Dầu thô" hoặc "Condensate", hiệu lực từ ngày 01/01/2022

+ Hạn nộp tờ khai:

• Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

• Tờ khai lần phát sinh: ngày thứ 35 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm

+ Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)

• Đối với MST 0107724012-001 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)

+ Tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 01/LNCN-PSC.

3.11.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

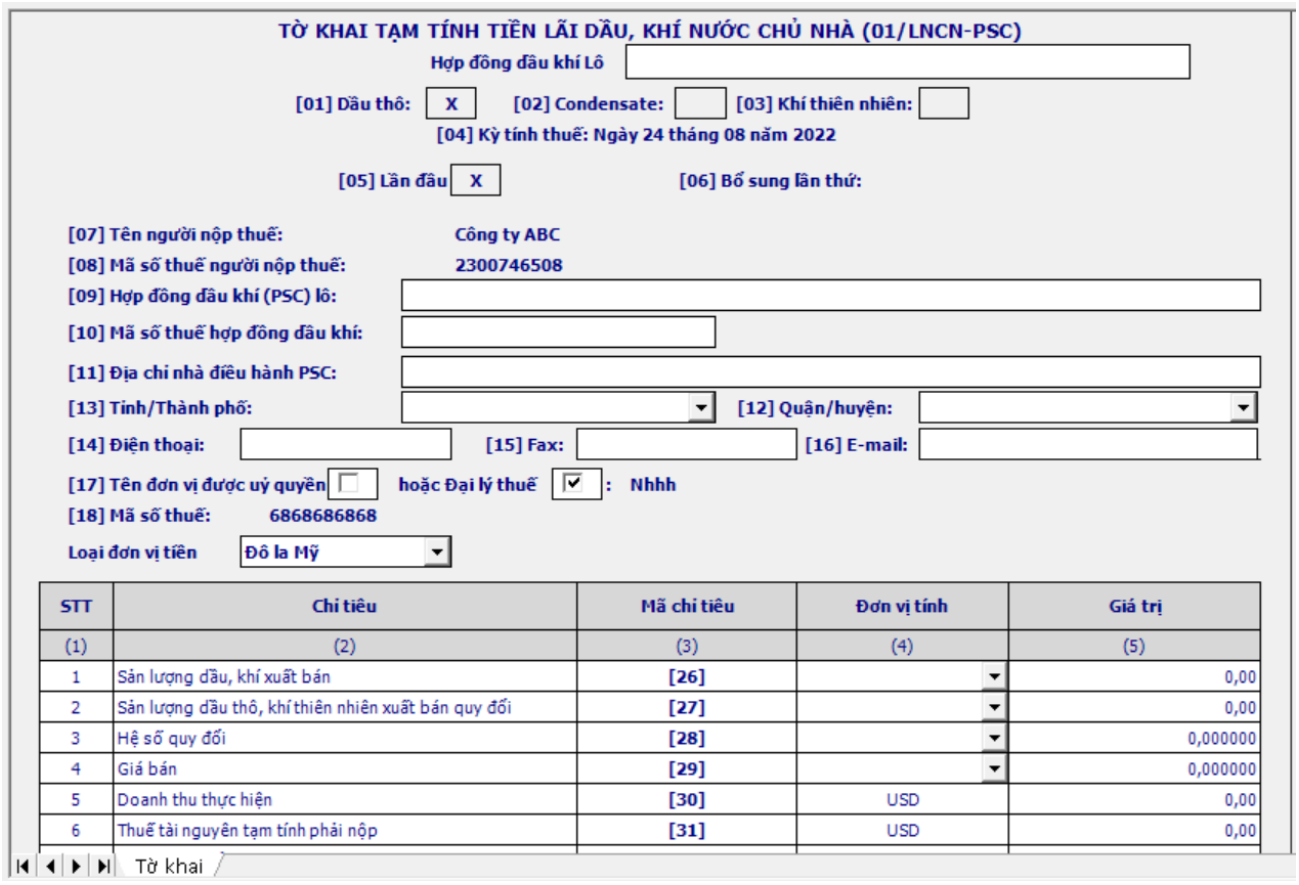

TỜ KHAI TẠM TÍNH TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ (01/LNCN-PSC)

Hợp đồng dầu khí Lô

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 24 tháng 08 năm 2022

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[09] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[11] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[13] Tỉnh/Thành phố: [12] Quận/huyện:

[14] Điện thoại: [15] Fax: [16] E-mail:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán	[26]		0,00
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	[27]		0,00
3	Hệ số quy đổi	[28]		0,000000
4	Giá bán	[29]		0,000000
5	Doanh thu thực hiện	[30]	USD	0,00
6	Thuế tài nguyên tạm tính phải nộp	[31]	USD	0,00

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu:**

+ Từ chỉ tiêu [30] đến [48]: Tại màn hình nhập kỳ tính thuế nếu chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [26], [27], [30], [31], [32], [33], [34], [35]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [28], [29], [37], [40], [44], [45]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [48]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [36] = [30] – [31] – …- [35], định dang định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [38] = [36] x [37], định dang định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [39], [41], [42], [43], [46], [47]: Tự tính theo công thức, cho phép sửa, định dang thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

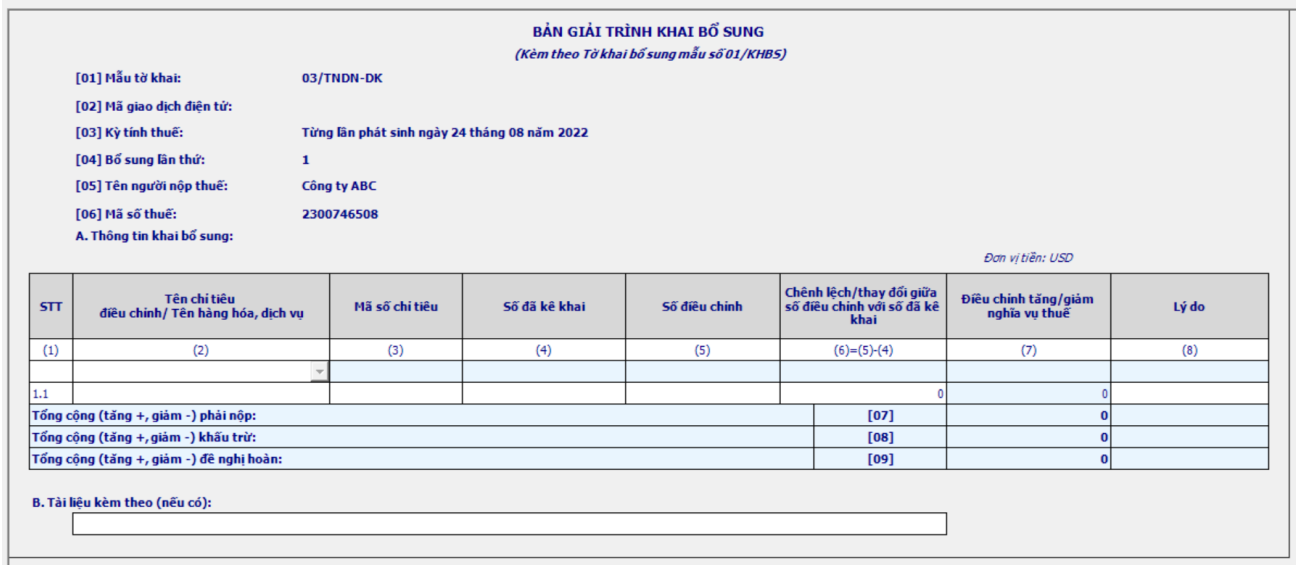

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/TNDN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 24 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.5 Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 02/LNCN- PSC (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu Kê khai chọn chức năng "Tờ khai dầu khí" chọn "Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 02/LNCN-PSC.

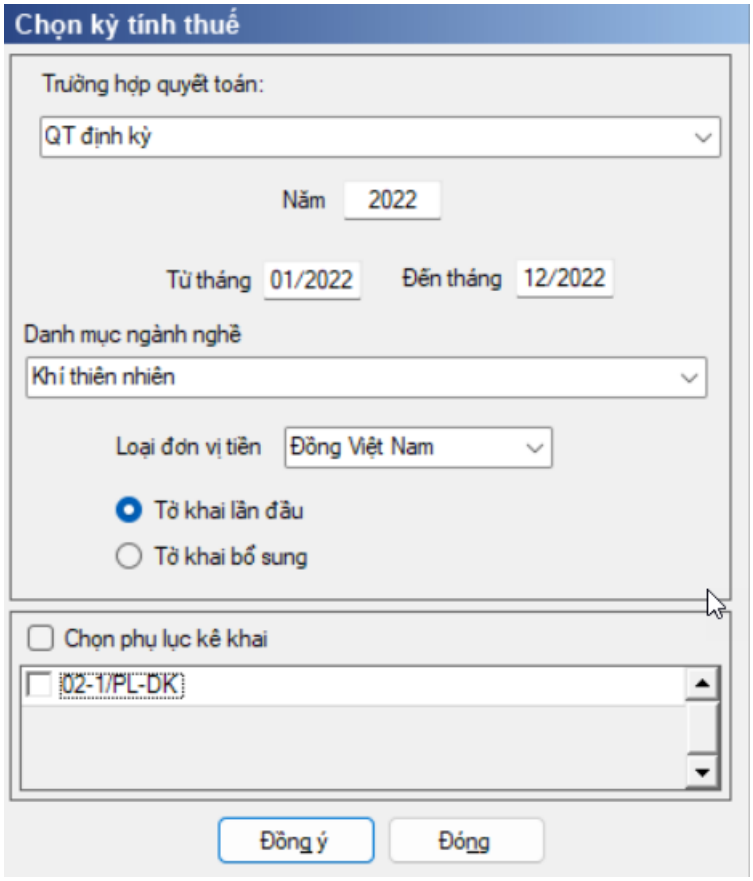

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm

+ Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)

- Đối với MST 0107724012 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà 02/LNCN-PSC.

3.11.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

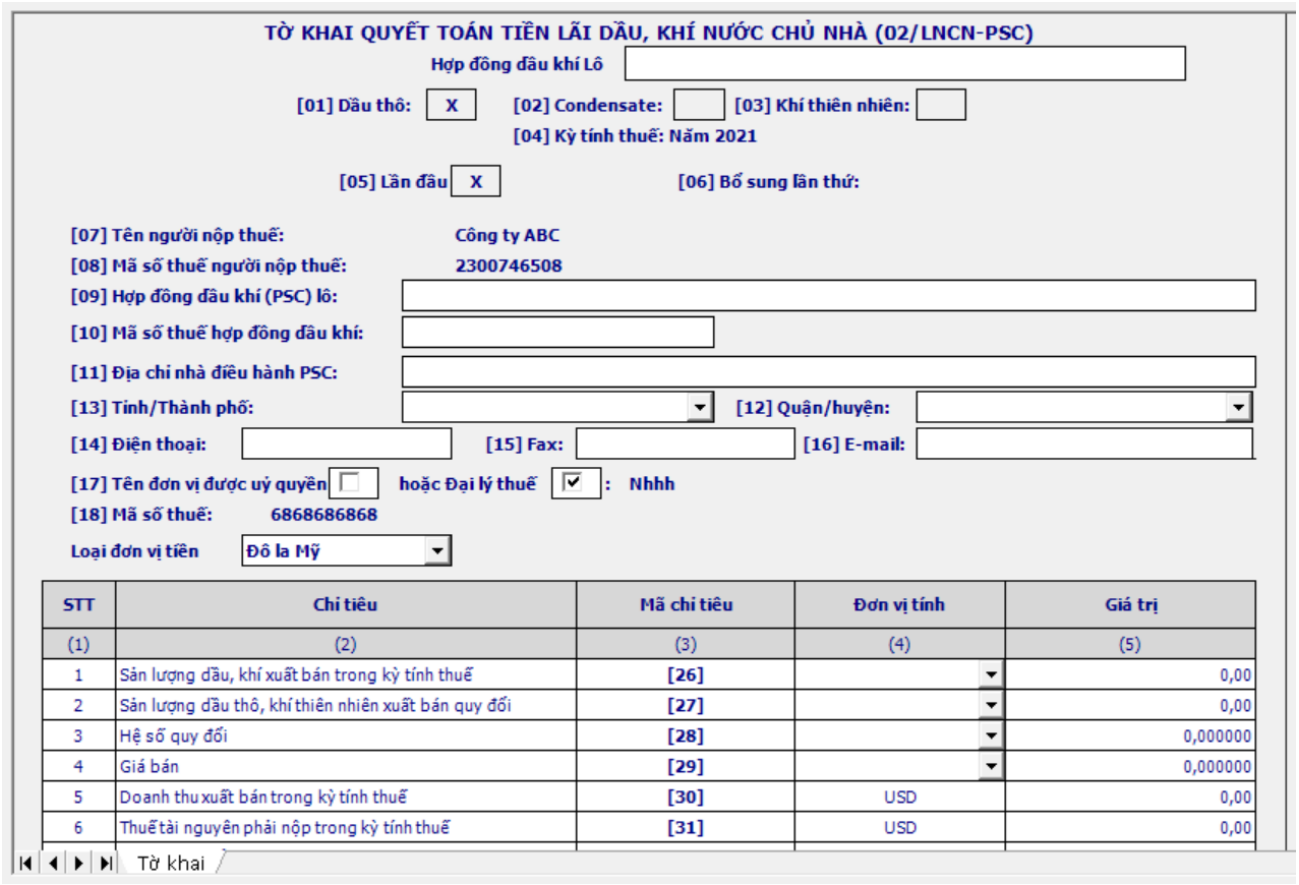

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ (02/LNCN-PSC)

Hợp đồng dầu khí Lô

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[09] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[11] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[13] Tỉnh/Thành phố: [12] Quận/huyện:

[14] Điện thoại: [15] Fax: [16] E-mail:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán trong kỳ tính thuế	[26]		0,00
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	[27]		0,00
3	Hệ số quy đổi	[28]		0,000000
4	Giá bán	[29]		0,000000
5	Doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[30]	USD	0,00
6	Thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế	[31]	USD	0,00

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu:**

+ Chỉ tiêu [26], [27], [30], [31], [32], [33], [34], [35], [48], [49]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [28], [29], [37], [40], [44], [45]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy, 0 <= Tỷ lệ <=100

+ Chỉ tiêu [50]: NNT Nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [36] = [30] – [31] – …- [35], định dang định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [38] = [36] x [37], định dang định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [39], [41], [42], [43], [46], [47]: Tự tính theo công thức, cho phép sửa, định dang thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.5.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK

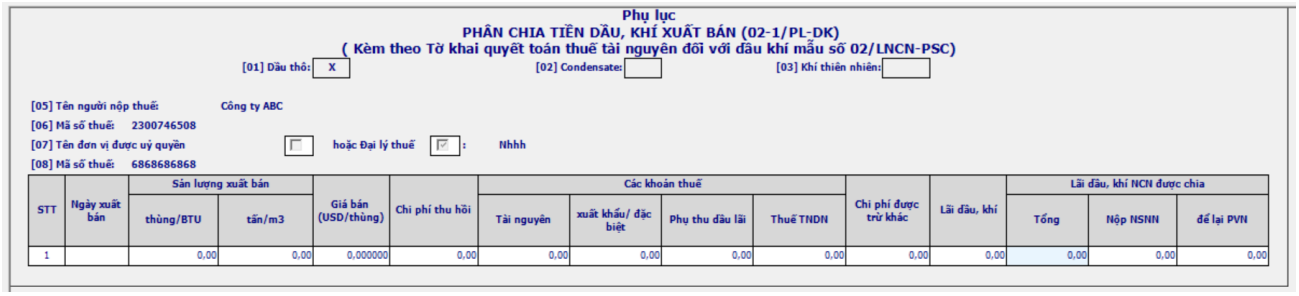

Phụ lục
PHÂN CHIA TIỀN DẦU, KHÍ XUẤT BÁN (02-1/PL-DK)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu số 02/LNCN-PSC)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868

STT	Ngày xuất bán	Sản lượng xuất bán		Giá bán (USD/thùng)	Chi phí thu hồi	Các khoản thuế				Chi phí được trừ khác	Lãi dầu, khí	Lãi dầu, khí NCN được chia		
		thùng/BTU	tấn/m3			Tài nguyên	xuất khẩu/ đặc biệt	Phụ thu dầu lãi	Thuế TNDN			Tổng	Nộp NSNN	để lại PVN
1		0,00	0,00	0,000000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

- **Chi tiết các chỉ tiêu:**

+ Ngày xuất bán: Ngày xuất bán <= Ngày hiện tại
+ Số lượng xuất bán:
  - thùng/ BTU: Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số
  - tấn/ m3: Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số
+ Giá bán (USD/ thùng): Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 6 số
+ Chi phí thu hồi: NNT nhập số, không âm
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
+ Tài nguyên: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [31] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
+ Xuất khẩu/ đặc biệt: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [32] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
+ Phụ thu dầu lãi: NNT nhập số, không âm
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
+ Thuế TNDN: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [38] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
+ Chi phí được trừ khác: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [35] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên
+ Lãi dầu, khí: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [41] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Tổng: UD tính tổng = Nộp NSNN + Để lại PVN

+ Lãi dầu, khí: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [46] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ

- Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
- Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Để lại PVN: Kiểm tra tổng các dòng phải = [47] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ

3.11.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

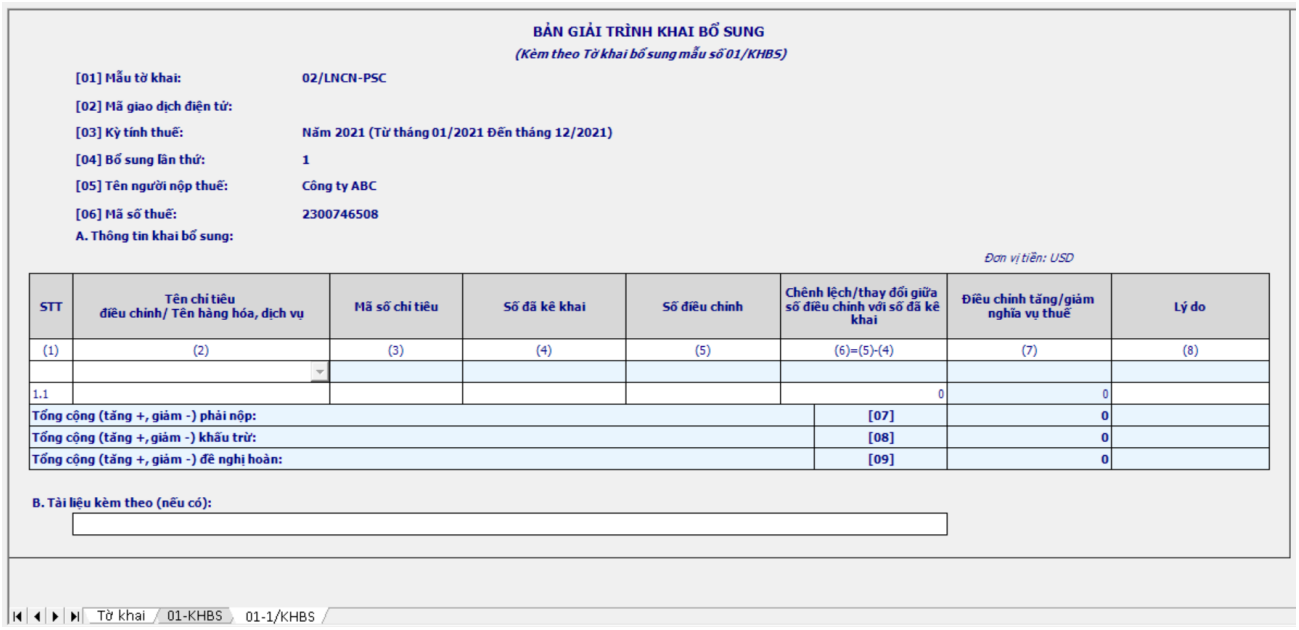

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/LNCN-PSC

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.6 Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga "Vietsoypetro" (01/LNCN-VSP) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu Kê khai chọn chức năng Tờ khai dầu khí/Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (01/LNCN-VSP)

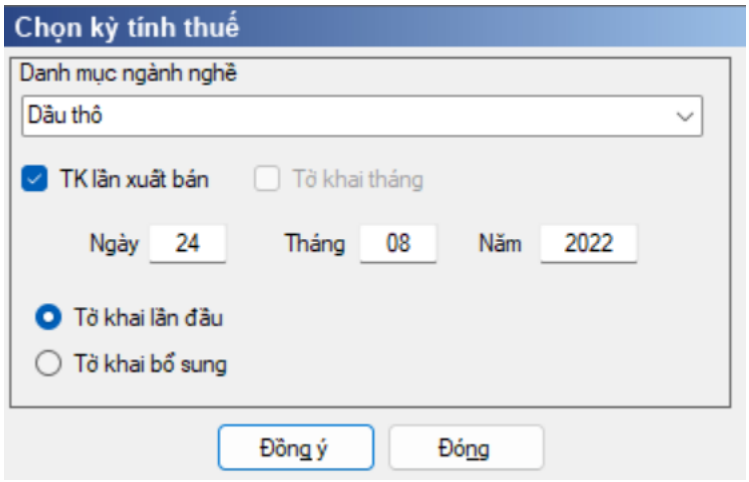

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế:

• Tờ khai tháng: Kê khai đối với loại sản phẩm là "Khí thiên nhiên", hiệu lực từ tháng 01/2022

• Tờ khai lần phát sinh: Kê khai đối với loại sản phẩm "Dầu thô", "Kết dư dầu", "Kết dư condensate", "Kết dư khí", "Condensate", hiệu lực từ ngày 01/01/2022

+ Hạn nộp tờ khai:

• Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

• Tờ khai lần phát sinh:

o Đối với "Dầu thô", "Condensate": hạn nộp ngày thứ 35 kể từ ngày phát sinh,ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

o Đối với "Kết dư dầu", "Kết dư condensate", "Kết dư khí": hạn nộp là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh, ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo. Tuy nhiên hạn nộp chỉ lớn nhất là ngày 31/12 của năm chứa ngày kê khai phát sinh

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm

+ Trong 1 tờ khai chỉ kê khai theo 1 loại tiền (VNĐ hoặc USD)

+ Tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga "Vietsoypetro" mẫu 01/LNCN-VSP

3.11.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

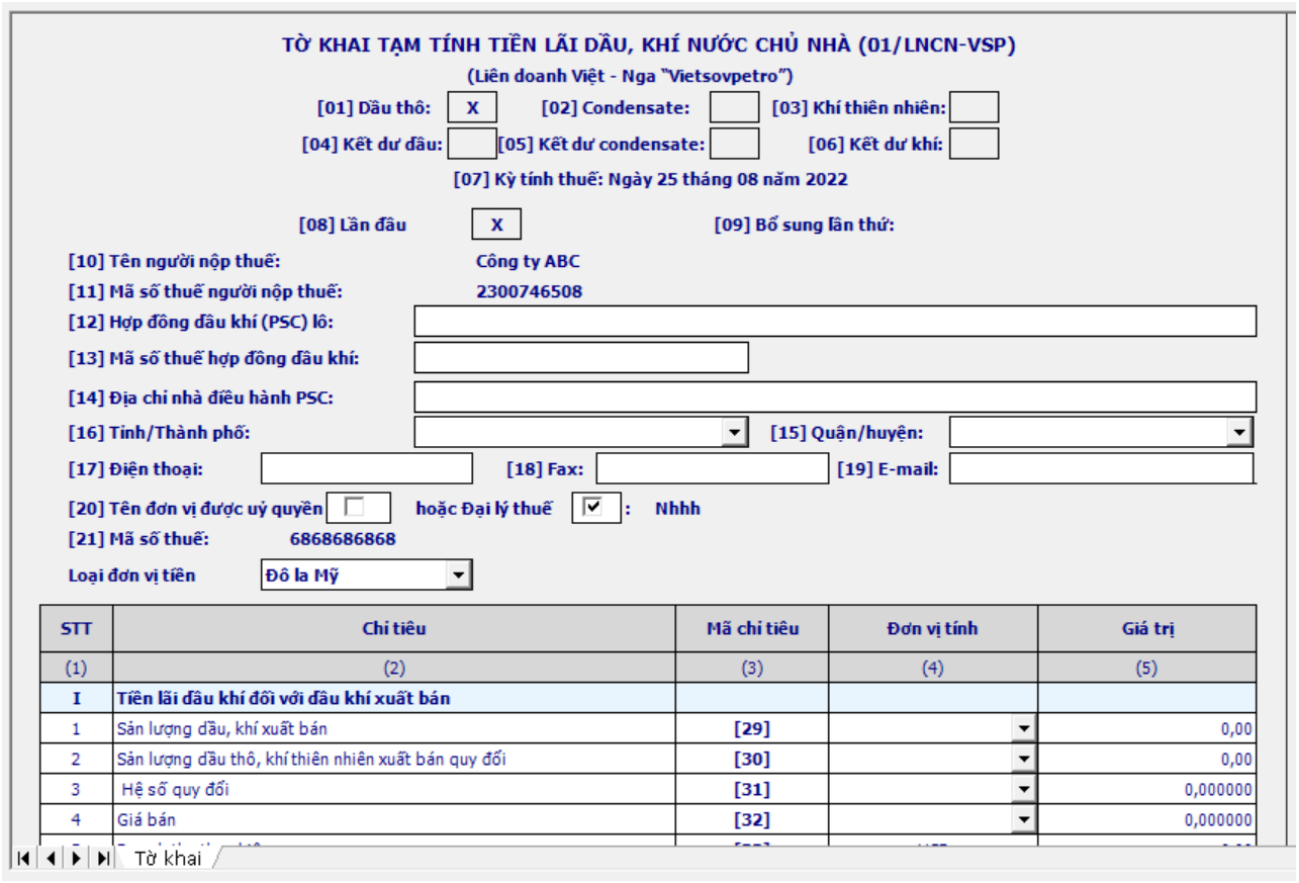

TỜ KHAI TẠM TÍNH TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ (01/LNCN-VSP)

(Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro")

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kết dư dầu: [05] Kết dư condensate: [06] Kết dư khí:

[07] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[08] Lần đầu X [09] Bổ sung lần thứ:

[10] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[11] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

[13] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[14] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[16] Tỉnh/Thành phố: [15] Quận/huyện:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] E-mail:

[20] Tên đơn vị được uỷ quyền ☐ hoặc Đại lý thuế ☑ : Nhhh

[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán			
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán	[29]		0,00
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	[30]		0,00
3	Hệ số quy đổi	[31]		0,000000
4	Giá bán	[32]		0,000000

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ **I. Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán**

- Chỉ tiêu [29], [30]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu [31], [32], [41], [44], [46], [47]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu [33], [34], [35], [36], [37], [38], [39]:
  - Nếu USD: Nhập >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
  - Nếu là VNĐ nhập >=0, định dạng số nguyên
- Chỉ tiêu [50]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

+ II. Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư

- Chỉ tiêu [51], [51a], [51b], [52], [53], [38], [39]:
  - Nếu USD: Nhập >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
  - Nếu là VNĐ nhập >=0, định dạng số nguyên
- Chỉ tiêu [55], [57], [58]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu [61]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Các chỉ tiêu tính toán:**

+ I. Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán

- Chỉ tiêu [40] = [33]-[34]-…-[39], định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [42] = [40] * [41] làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [43] = [40] – [42], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [45] = [43] * [44], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [48] = [45] * [46], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [49] = [45] * [47], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ II. Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư

- Chỉ tiêu [54] = [51] - [52] – [53], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [56] = [54] * [55], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

- Chỉ tiêu [59] = [56] * [57], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

- Chỉ tiêu [60] = [56] * [58], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, cho phép sửa
  - Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

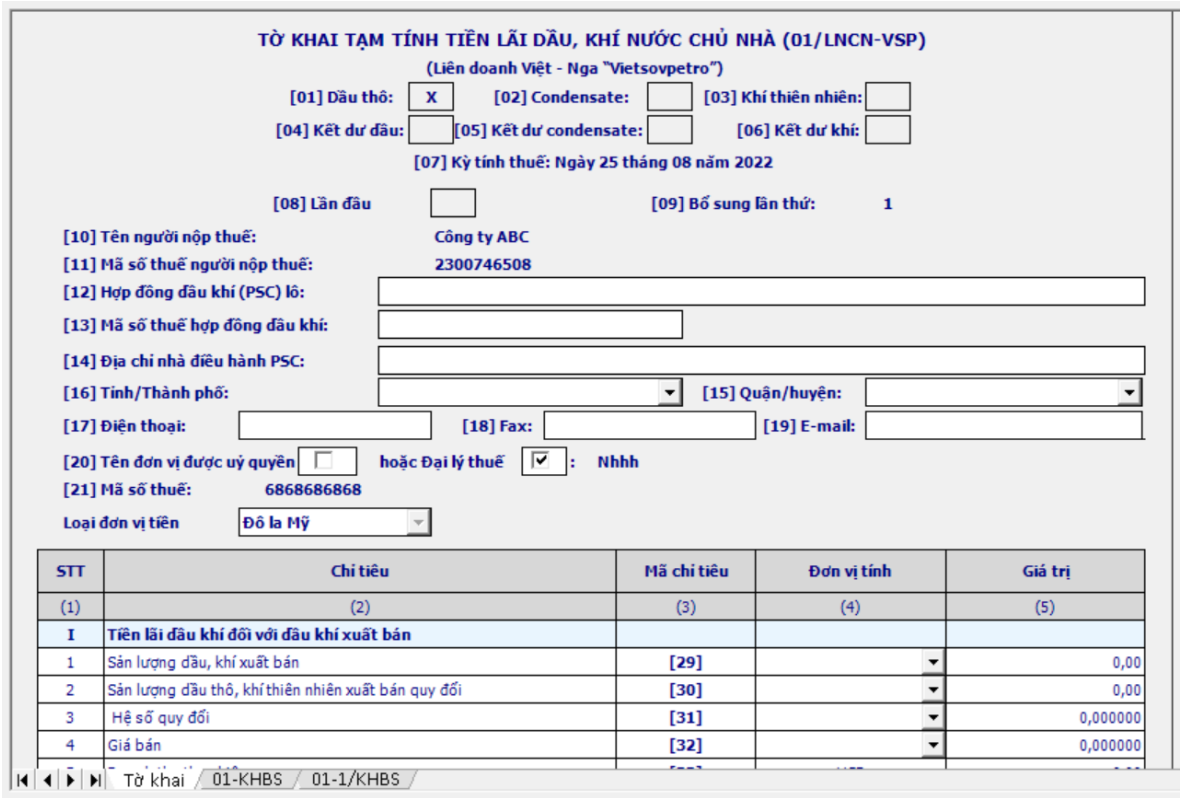

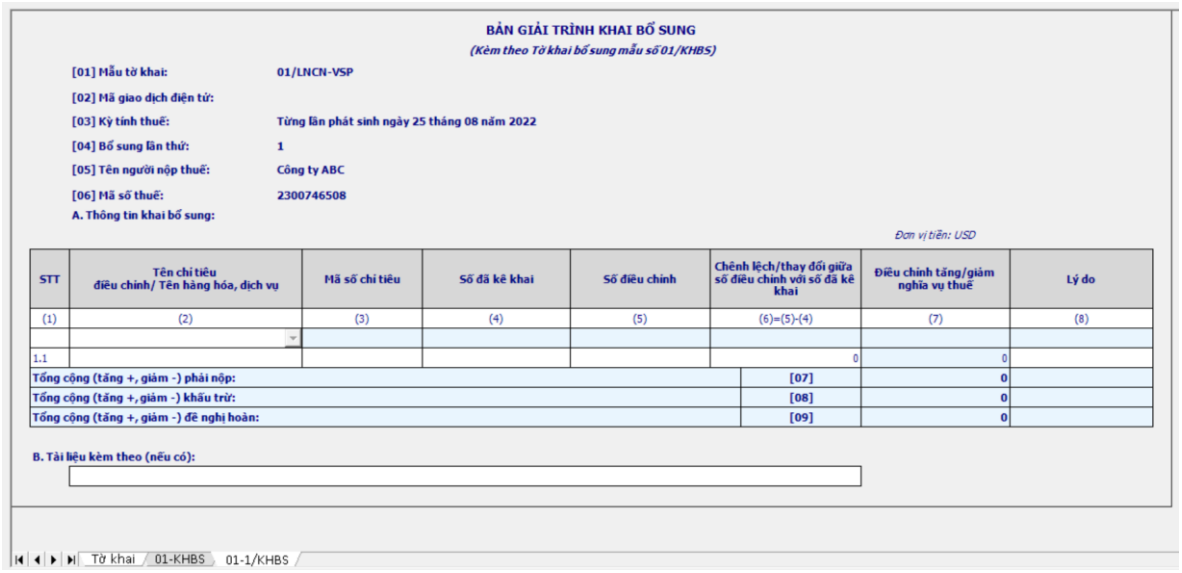

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/LNCN-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.7 Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (02/LNCN-VSP) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu Kê khai chọn chức năng Tờ khai dầu khí/Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (02/LNCN-VSP)

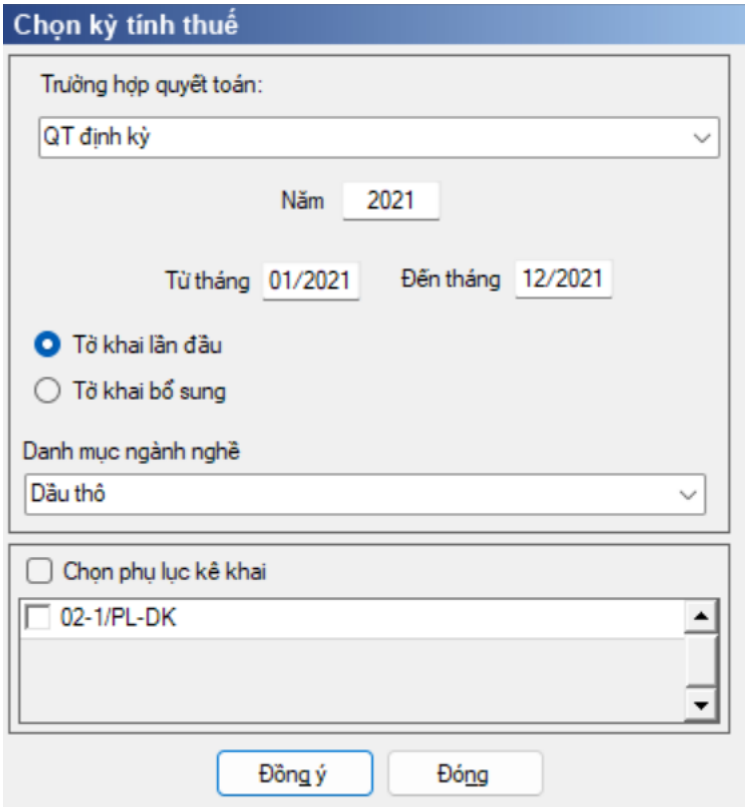

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm
+ Trong 1 tờ khai chỉ kê khai theo 1 loại tiền (VNĐ hoặc USD)

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà mẫu 02/LNCN-VSP

3.11.7.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

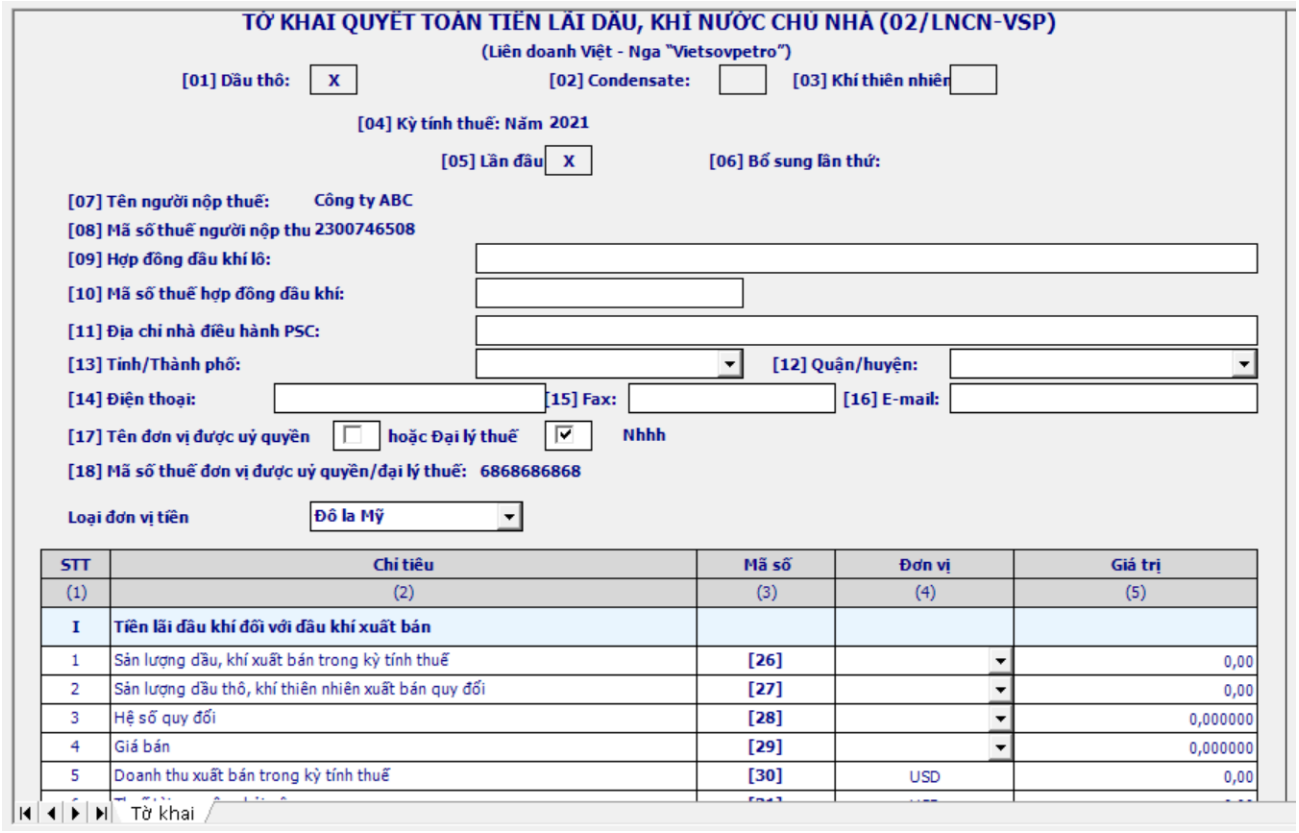

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ I. Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán

- Chỉ tiêu [26], [27]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu [28], [29]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu [30], [31], [32], [33], [34], [35], [36]:
- Nếu USD: Nhập >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Nếu là VNĐ nhập >=0, định dạng số nguyên
- Chỉ tiêu [38], [41], [43], [44]: NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy, 0<= tỷ lệ <=100

+ II. Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư

- Chỉ tiêu [47a], [47b], [48], [49], [58]: Nhập >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

- Chỉ tiêu [51], [53], [54]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy, 0 <= tỷ lệ <=100
- Chỉ tiêu [60]: NNT tự nhập dạng số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Các chỉ tiêu tính toán:**

+ I. Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán

- Chỉ tiêu [37] = [30] - [31] –…- [36], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [39] = [37] * [38], cho phép sửa
  - Nếu là USD: Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [40] = [37] - [39], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [42] = [40] * [41], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [45] = [42] * [43], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [46] = [42] * [44], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ II. Tiền lãi dầu khí đối với tiền kết dư

- Chỉ tiêu [47] = [47a]+[47b], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

- Chỉ tiêu [50] = [47] - [48] – [49], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

- Chỉ tiêu [52] = [50] * [51], cho phép sửa
  - Nếu là USD: Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

- Chỉ tiêu [55] = [52] * [53], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

- Chỉ tiêu [57] = [45] + [55], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

- Chỉ tiêu [59] = [57] - [58], cho phép sửa
  - Nếu là USD: định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
  - Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.7.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK

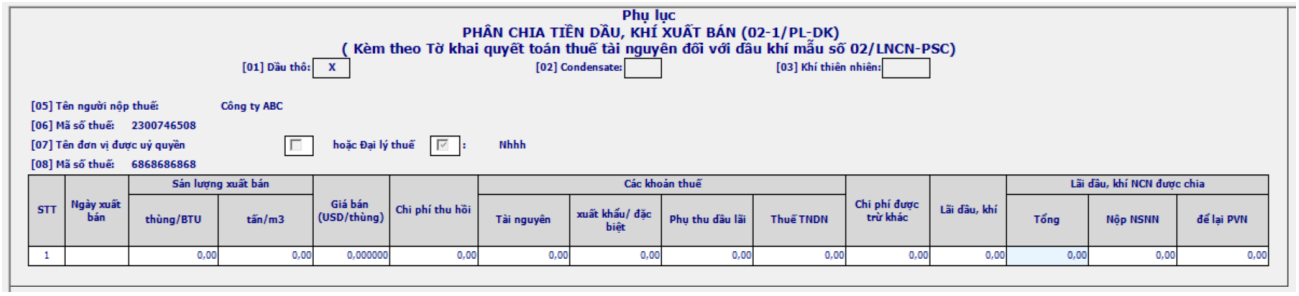

Phụ lục
PHÂN CHIA TIỀN DẦU, KHÍ XUẤT BÁN (02-1/PL-DK)
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu số 02/LNCN-PSC)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền: hoặc Đại lý thuế : Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868

STT	Ngày xuất bán	Sản lượng xuất bán		Giá bán (USD/thùng)	Chi phí thu hồi	Các khoản thuế				Chi phí được trừ khác	Lãi dầu, khí	Lãi dầu, khí NCN được chia		
		thùng/BTU	tấn/m3			Tài nguyên	xuất khẩu/ đặc biệt	Phụ thu dầu lãi	Thuế TNDN			Tổng	Nộp NSNN	để lại PVN
1		0,00	0,00	0,000000	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

- **Chi tiết các chỉ tiêu:**

+ Ngày xuất bán: Ngày xuất bán <= Ngày hiện tại
+ Số lượng xuất bán:
  - thùng/ BTU: Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số
  - tấn/ m3: Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số
+ Giá bán (USD/ thùng): Nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 6 số

+ Chi phí thu hồi: NNT nhập số, không âm
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Tài nguyên: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [31] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Xuất khẩu/ đặc biệt: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [32] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Phụ thu dầu lãi: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [33] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Thuế TNDN: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [39] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Chi phí được trừ khác: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [36] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Lãi dầu, khí: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [42] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Tổng: UD tính tổng = Nộp NSNN + Để lại PVN

+ Nộp NSNN: NNT nhập số, không âm, kiểm tra tổng các dòng phải = [45] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ
  - Nếu tờ khai chọn "USD" thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số
  - Nếu tờ khai chọn "VNĐ" thì định dạng số nguyên

+ Để lại PVN: Kiểm tra tổng các dòng phải = [46] trên tờ khai, sai khác cảnh báo đỏ

3.11.7.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

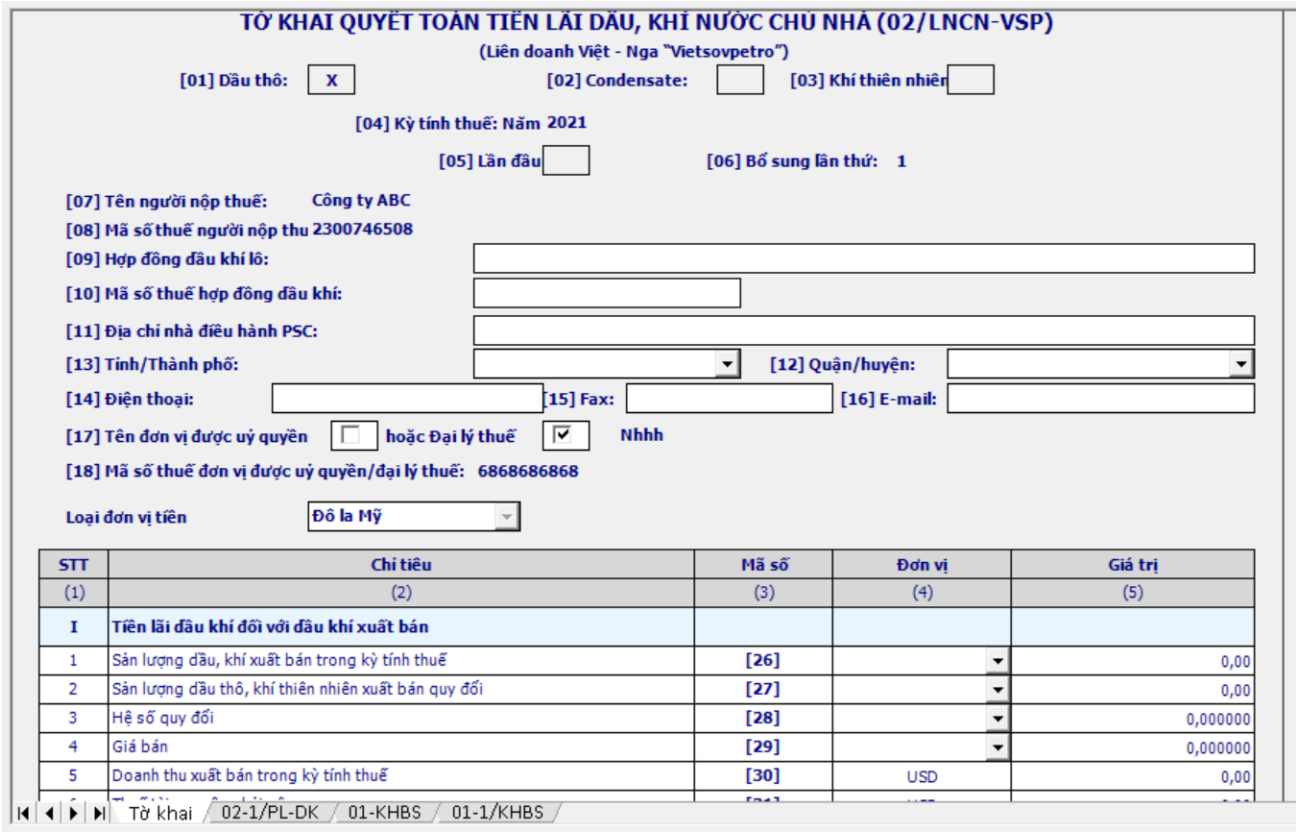

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN TIỀN LÃI DẦU, KHÍ NƯỚC CHỦ NHÀ (02/LNCN-VSP)

(Liên doanh Việt - Nga "Vietsovpetro")

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế người nộp thu 2300746508

[09] Hợp đồng dầu khí lô:

[10] Mã số thuế hợp đồng dầu khí:

[11] Địa chỉ nhà điều hành PSC:

[13] Tỉnh/Thành phố: [12] Quận/huyện:

[14] Điện thoại: [15] Fax: [16] E-mail:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[18] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tiền lãi dầu khí đối với dầu khí xuất bán			
1	Sản lượng dầu, khí xuất bán trong kỳ tính thuế	[26]		0,00
2	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	[27]		0,00
3	Hệ số quy đổi	[28]		0,000000
4	Giá bán	[29]		0,000000
5	Doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[30]	USD	0,00

Tờ khai | 02-1/PL-DK | 01-KHBS | 01-1/KHBS

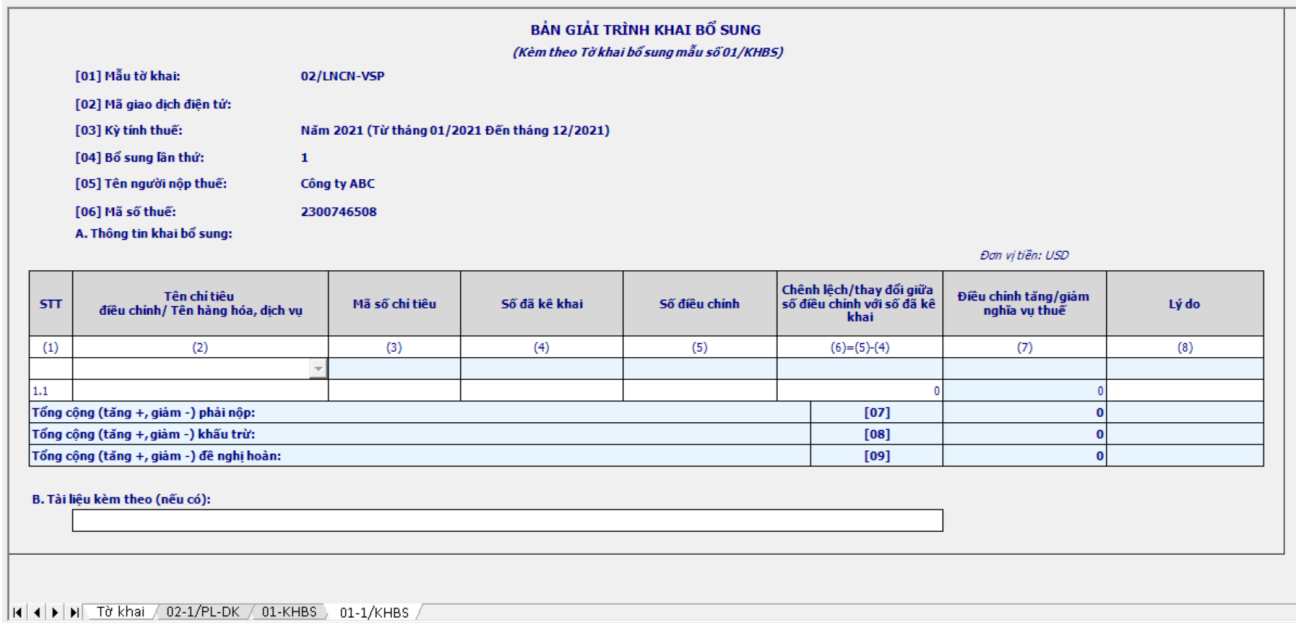

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/LNCN-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 02-1/PL-DK | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.8 Tờ khai thuế tạm tính áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga Vietsoypetro mẫu 01/TK-VSP (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai thuế tạm tính (01/TK-VSP)".

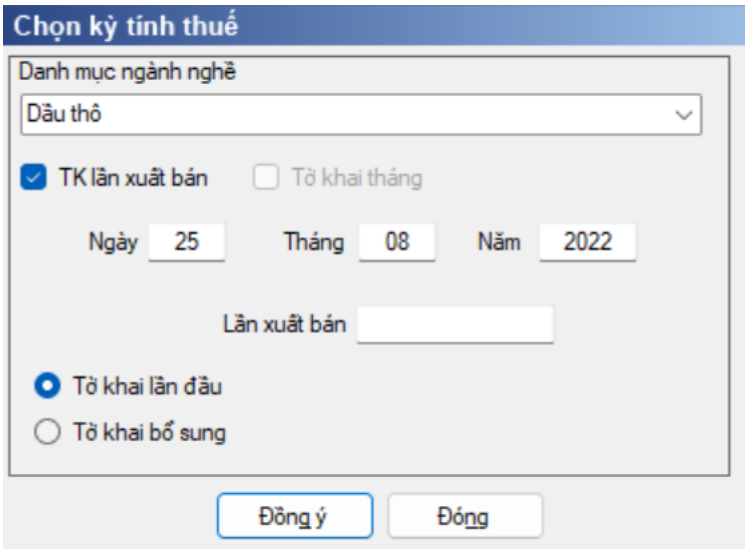

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế:

• Tờ khai tháng: Kê khai đối với loại sản phẩm là "Khí thiên nhiên", hiệu lực từ tháng 01/2022

• Tờ khai lần phát sinh: Kê khai đối với loại sản phẩm "Dầu thô", "Condensate", hiệu lực từ ngày 01/01/2022

+ Hạn nộp tờ khai:

• Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

• Tờ khai lần phát sinh: ngày thứ 35 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm

+ Trong 1 tờ khai chỉ kê khai theo 1 loại tiền (VNĐ hoặc USD)

+ Tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tạm tính áp dụng cho Liên doanh Việt – Nga "Vietsoypetro" mẫu 01/TK-VSP

3.11.8.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

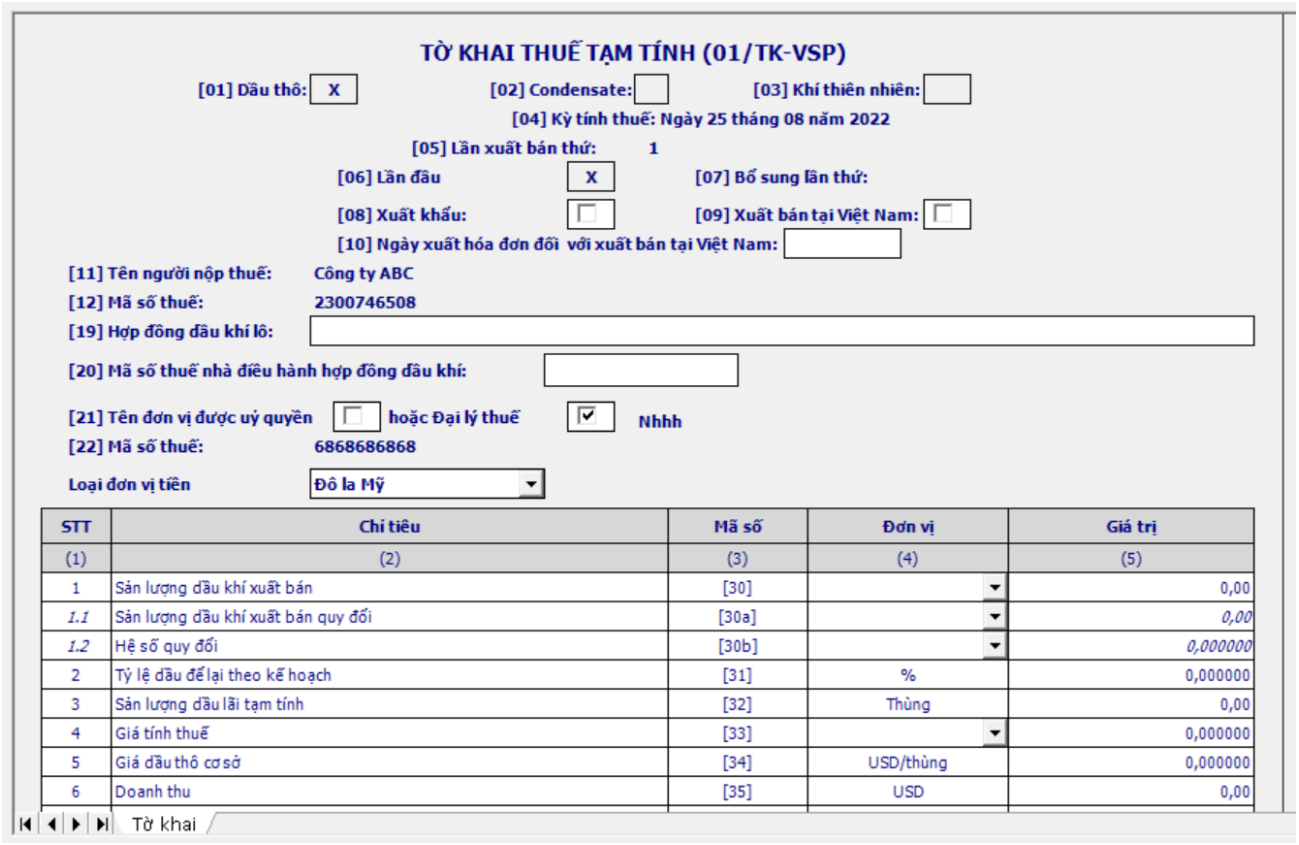

TỜ KHAI THUẾ TẠM TÍNH (01/TK-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bản thứ: 1

[06] Lần đầu X [07] Bổ sung lần thứ:

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[21] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[22] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[30]		0,00
1.1	Sản lượng dầu khí xuất bán quy đổi	[30a]		*0,00*
1.2	Hệ số quy đổi	[30b]		*0,000000*
2	Tỷ lệ dầu để lại theo kế hoạch	[31]	%	0,000000
3	Sản lượng dầu lãi tạm tính	[32]	Thùng	0,00
4	Giá tính thuế	[33]		0,000000
5	Giá dầu thô cơ sở	[34]	USD/thùng	0,000000
6	Doanh thu	[35]	USD	0,00

Tờ khai

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Từ chỉ tiêu [35] đến [43]: nếu header chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [30], [30a], [32], [35], [36], [37]: Cho phép nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [30b], [31], [33], [34]: Cho phép nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [43]: NNT tự nhập, kiểu số

+ Nếu USD: Nhập >=0, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Nếu là VNĐ nhập >=0, định dạng số nguyên

+ Chỉ tiêu [44]: Cho phép nhập dạng số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tự tính:**

+ Chỉ tiêu [38] = [39] hoặc = [40], cho phép sửa, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [39], [40], [41], [42]: Tự tính theo công thức, cho phép sửa, định dang 2 số thập phân sau dấu phẩy

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.8.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

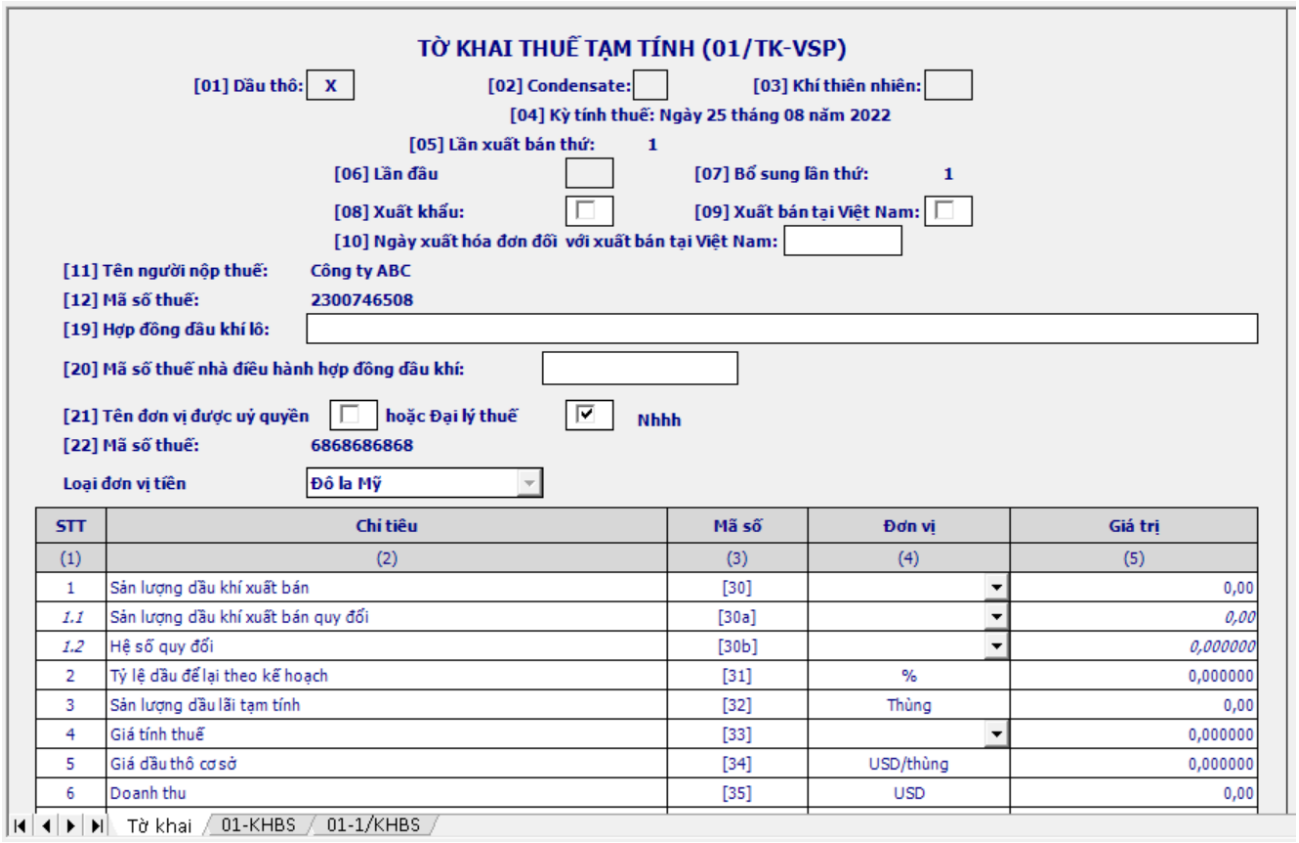

TỜ KHAI THUẾ TẠM TÍNH (01/TK-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bán thứ: 1

[06] Lần đầu [07] Bổ sung lần thứ: 1

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[21] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[22] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[30]		0,00
1.1	Sản lượng dầu khí xuất bán quy đổi	[30a]		*0,00*
1.2	Hệ số quy đổi	[30b]		*0,000000*
2	Tỷ lệ dầu để lại theo kế hoạch	[31]	%	0,000000
3	Sản lượng dầu lãi tạm tính	[32]	Thùng	0,00
4	Giá tính thuế	[33]		0,000000
5	Giá dầu thô cơ sở	[34]	USD/thùng	0,000000
6	Doanh thu	[35]	USD	0,00

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

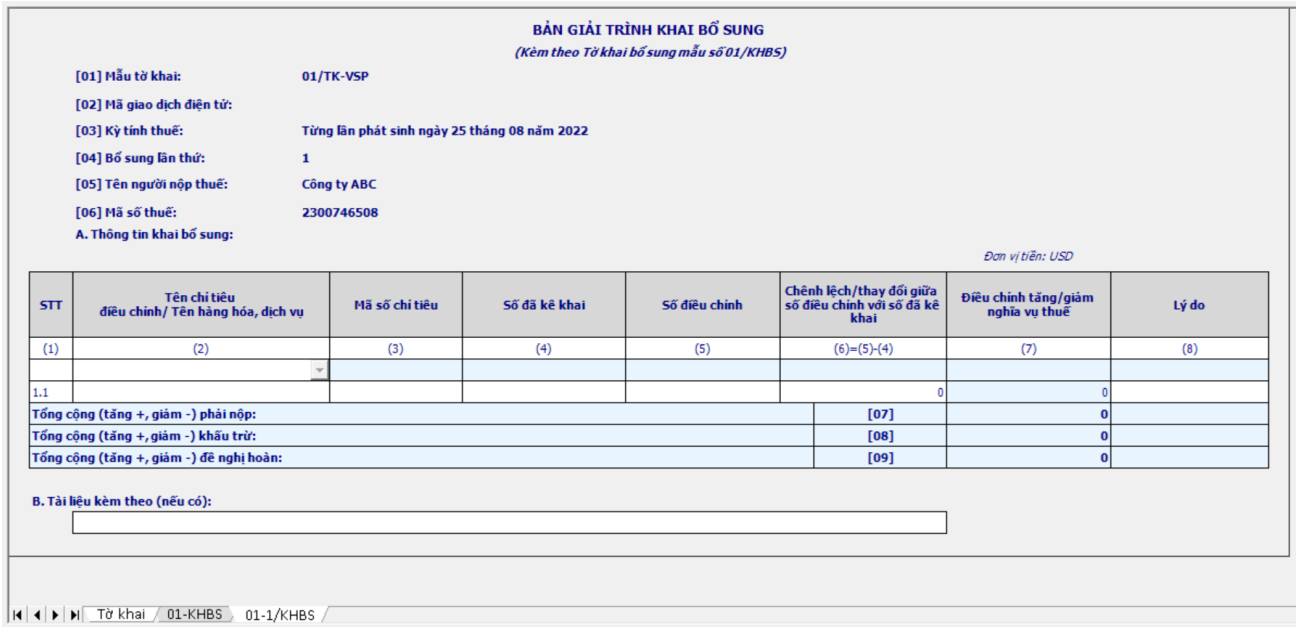

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/TK-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.9 Tờ khai phụ thu tạm tính áp dụng cho dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại (01-1/PTHU-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK phụ thu tạm tính (01-1/PTHU-VSP)".

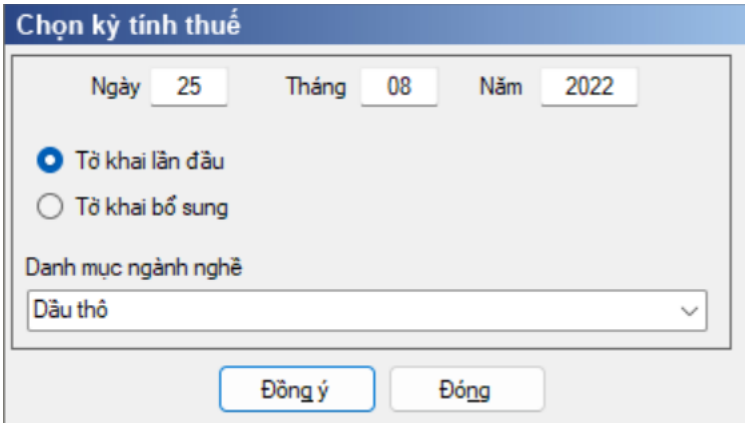

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
+ Loại kỳ tính thuế:
  - Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022
+ Hạn nộp tờ khai:
  - Ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo, hạn nộp không quá ngày 31/12 năm chứa ngày phát sinh

+ Trong cùng 1 kỳ tính thuế được phép kê khai 2 tờ khai tương ứng với 2 loại sản phẩm
+ Trong tờ khai chỉ khai theo đơn vị tiền là USD

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phụ thu tạm tính áp dụng cho dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại mẫu 01-1/PTHU-VSP

3.11.9.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

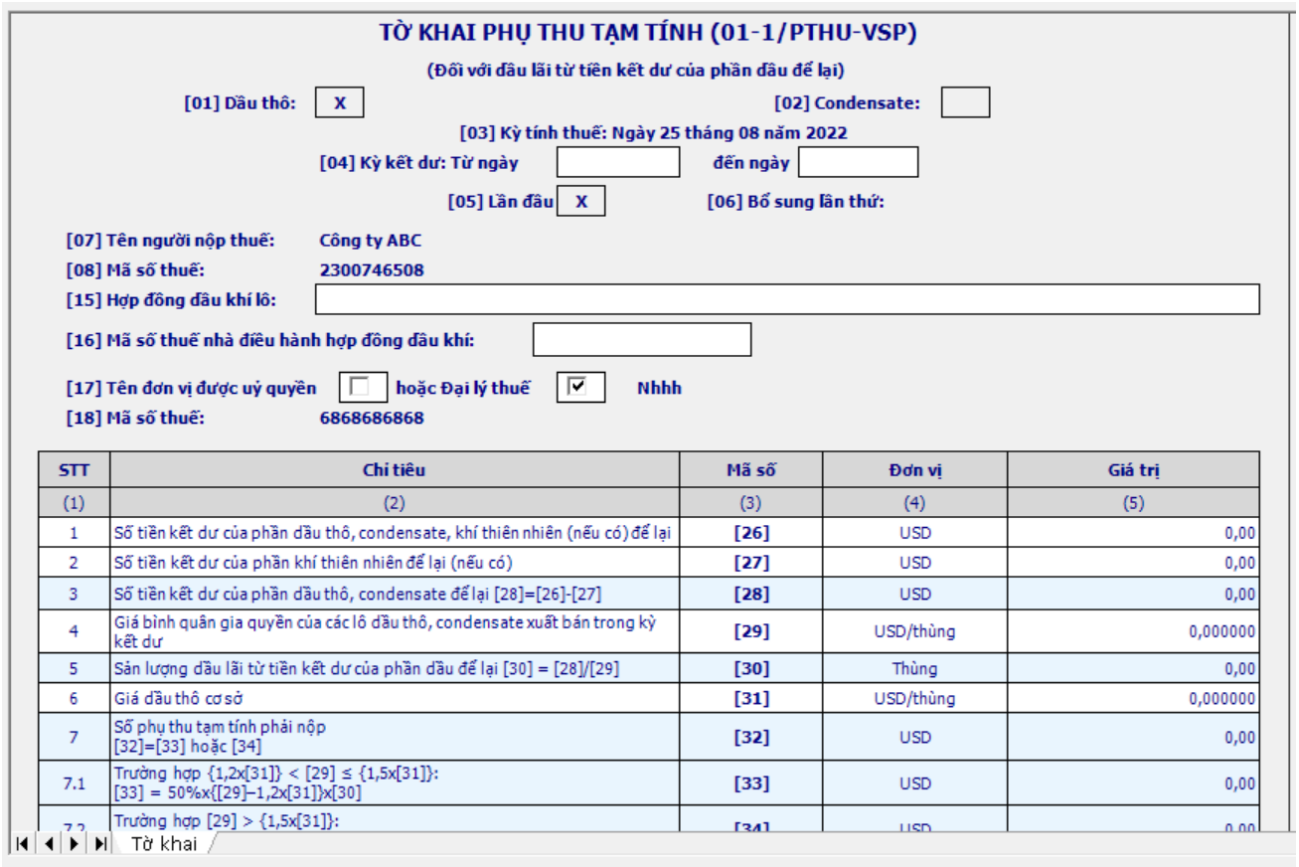

TỜ KHAI PHỤ THU TẠM TÍNH (01-1/PTHU-VSP)

(Đối với dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Kỳ kết dư: Từ ngày đến ngày

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate, khí thiên nhiên (nếu có) để lại	[26]	USD	0,00
2	Số tiền kết dư của phần khí thiên nhiên để lại (nếu có)	[27]	USD	0,00
3	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate để lại [28]=[26]-[27]	[28]	USD	0,00
4	Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô, condensate xuất bán trong kỳ kết dư	[29]	USD/thùng	0,000000
5	Sản lượng dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại [30] = [28]/[29]	[30]	Thùng	0,00
6	Giá dầu thô cơ sở	[31]	USD/thùng	0,000000
7	Số phụ thu tạm tính phải nộp [32]=[33] hoặc [34]	[32]	USD	0,00
7.1	Trường hợp {1,2x[31]} < [29] ≤ {1,5x[31]}: [33] = 50%x{[29]-1,2x[31]}x[30]	[33]	USD	0,00
7.2	Trường hợp [29] > {1,5x[31]}:	[34]	USD	0,00

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [26], [27]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [29], [31]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [37]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [28]: Tự tính theo công thức: [28]=[26]-[27], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [30]: Tự tính theo công thức: [30] = [28]/[29], định dang thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [32]: Tự tính theo công thức: [32]=[33] hoặc [34], định dang thập phân sau phẩy 2 số cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [33], [34], [35], [36]: Tự tính theo công thức, định dang thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.9.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

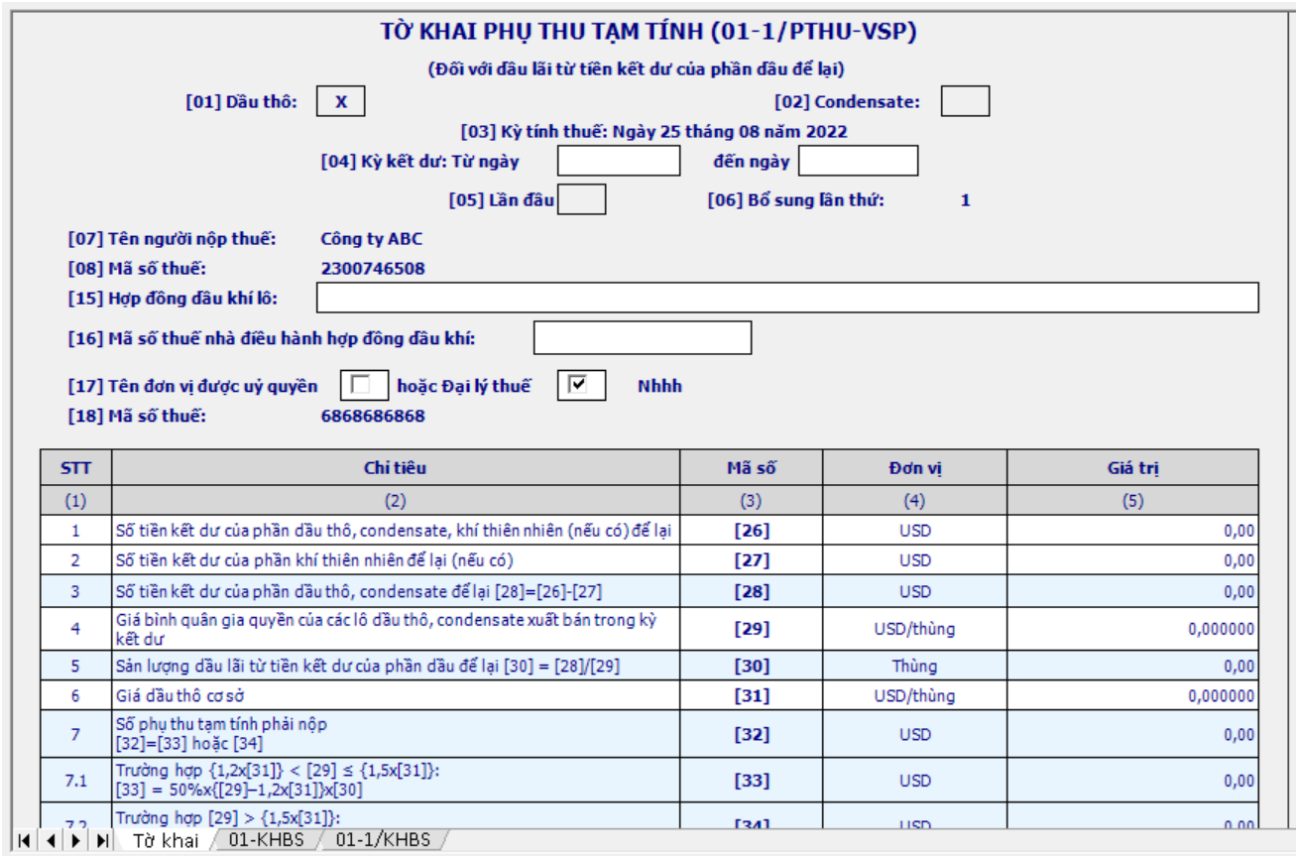

TỜ KHAI PHỤ THU TẠM TÍNH (01-1/PTHU-VSP)

(Đối với dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Kỳ kết dư: Từ ngày đến ngày

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền ☐ hoặc Đại lý thuế ☑ Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate, khí thiên nhiên (nếu có) để lại	[26]	USD	0,00
2	Số tiền kết dư của phần khí thiên nhiên để lại (nếu có)	[27]	USD	0,00
3	Số tiền kết dư của phần dầu thô, condensate để lại [28]=[26]-[27]	[28]	USD	0,00
4	Giá bình quân gia quyền của các lô dầu thô, condensate xuất bán trong kỳ kết dư	[29]	USD/thùng	0,000000
5	Sản lượng dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại [30] = [28]/[29]	[30]	Thùng	0,00
6	Giá dầu thô cơ sở	[31]	USD/thùng	0,000000
7	Số phụ thu tạm tính phải nộp [32]=[33] hoặc [34]	[32]	USD	0,00
7.1	Trường hợp {1,2x[31]} < [29] ≤ {1,5x[31]}: [33] = 50%x{[29]-1,2x[31]}x[30]	[33]	USD	0,00
7.2	Trường hợp [29] > {1,5x[31]}:	[34]	USD	0,00

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

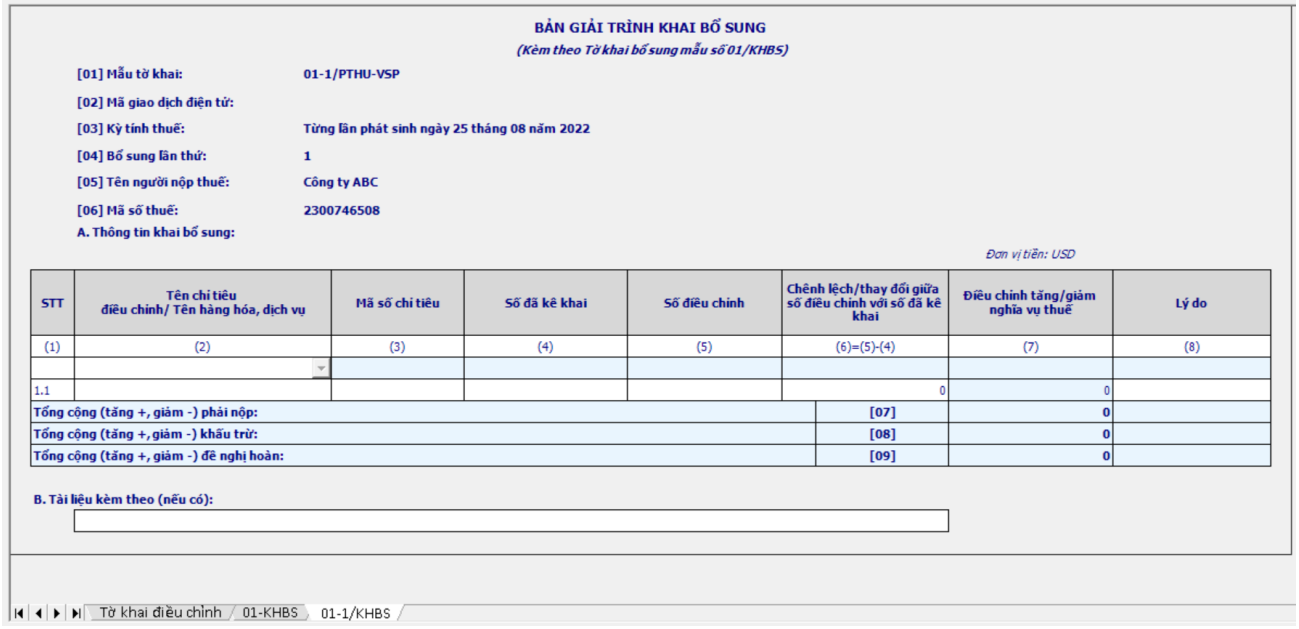

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01-1/PTHU-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.10 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính áp dụng cho thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại (01-1/TNDN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK thuế TNDN tạm tính (01-1/TNDN-VSP)".

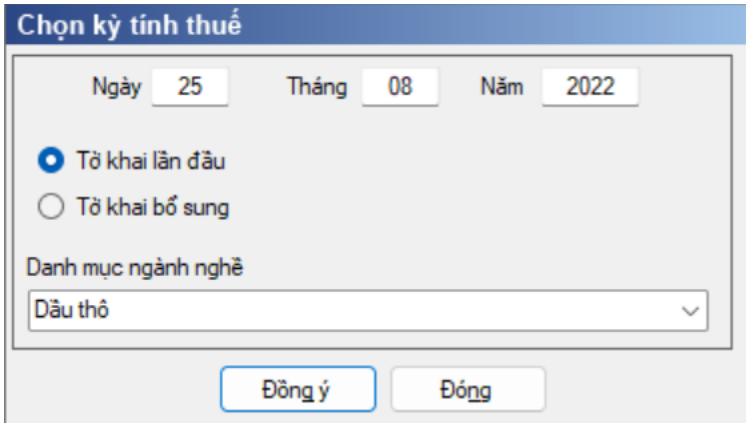

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
+ Loại kỳ tính thuế:
  - Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022
+ Hạn nộp tờ khai:
  - Ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo, hạn nộp không quá ngày 31/12 năm chứa ngày phát sinh

+ Trong cùng 1 kỳ tính thuế được phép kê khai 3 tờ khai tương ứng với 3 loại sản phẩm
+ Trong tờ khai chỉ kê khai theo 1 loại tiền (VNĐ hoặc USD)
+ Tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phụ thu tạm tính áp dụng cho dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại mẫu 01-1/TNDN-VSP

3.11.10.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

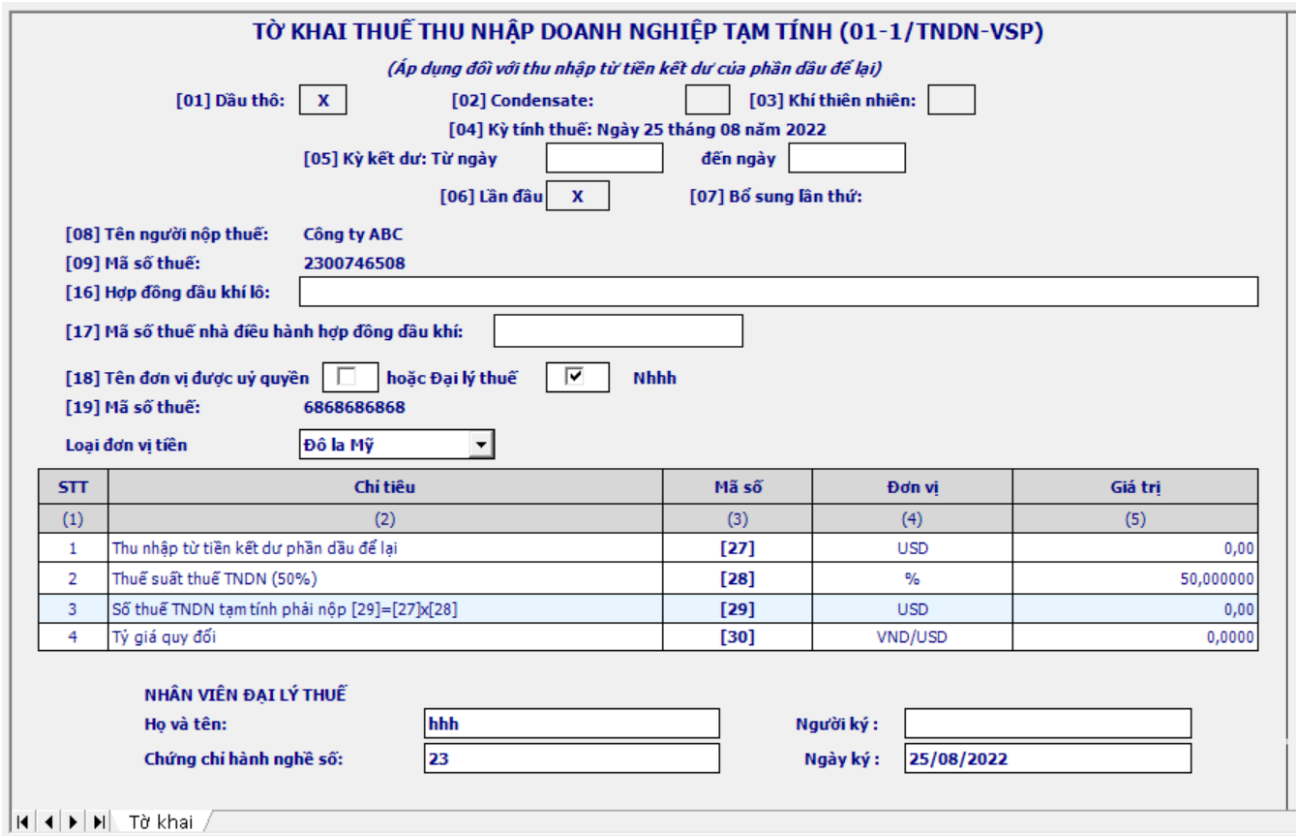

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH (01-1/TNDN-VSP)

(Áp dụng đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Kỳ kết dư: Từ ngày đến ngày

[06] Lần đầu X [07] Bổ sung lần thứ:

[08] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[09] Mã số thuế: 2300746508

[16] Hợp đồng dầu khí lô:

[17] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[18] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[19] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thu nhập từ tiền kết dư phần dầu để lại	[27]	USD	0,00
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[28]	%	50,000000
3	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [29]=[27]x[28]	[29]	USD	0,00
4	Tỷ giá quy đổi	[30]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 25/08/2022

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:** Từ chỉ tiêu [27] đến [29]: nếu header chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [27]: NNT nhập số, nếu là USD nhập >=0 định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, nếu là VND thì nhập >=0, định dạng số nguyên

+ Chỉ tiêu [28]: Mặc định là 50

+ Chỉ tiêu [30]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [29]: Tự tính theo công thức: [29]=[27]x[28], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.10.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

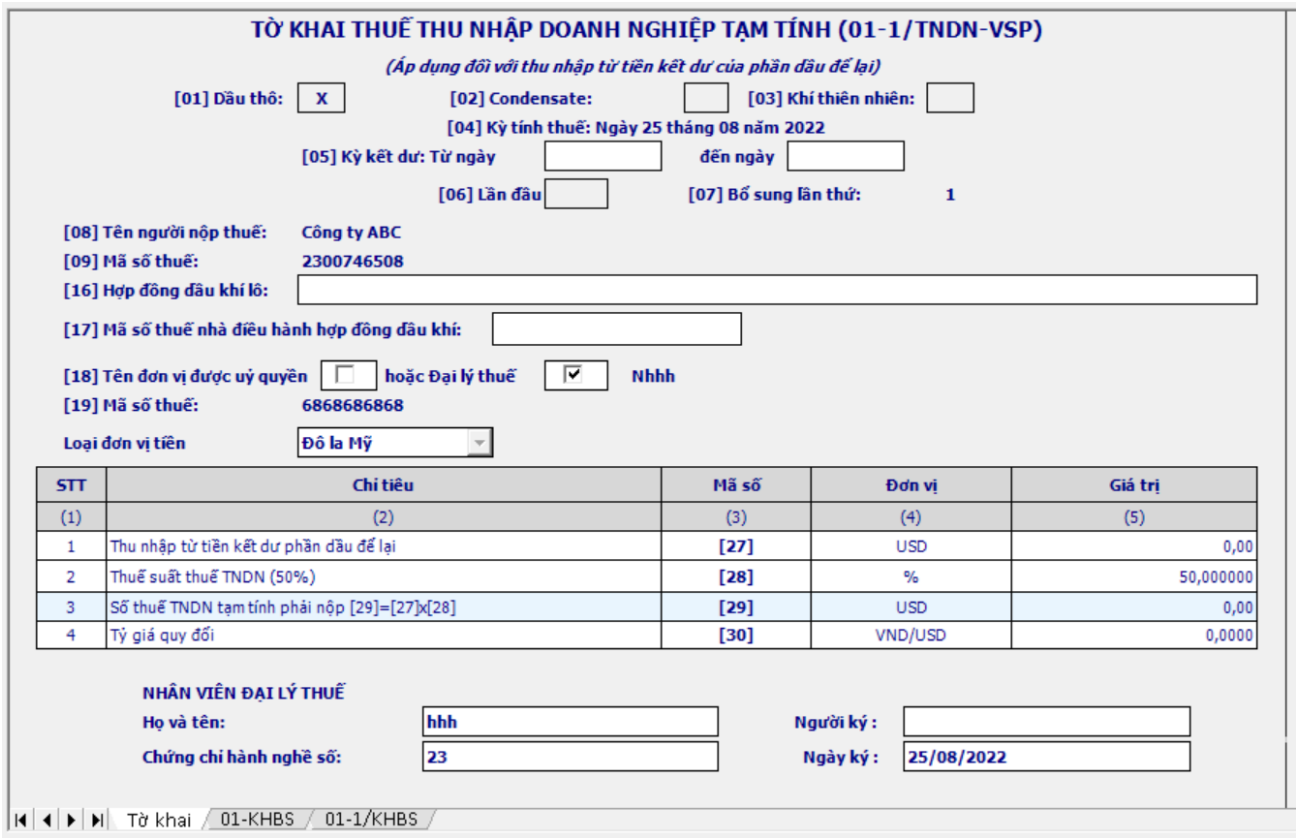

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH (01-1/TNDN-VSP)

(Áp dụng đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Kỳ kết dư: Từ ngày đến ngày

[06] Lần đầu [07] Bổ sung lần thứ: 1

[08] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[09] Mã số thuế: 2300746508

[16] Hợp đồng dầu khí lô:

[17] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[18] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[19] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thu nhập từ tiền kết dư phần dầu để lại	[27]	USD	0,00
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[28]	%	50,000000
3	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [29]=[27]x[28]	[29]	USD	0,00
4	Tỷ giá quy đổi	[30]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 25/08/2022

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

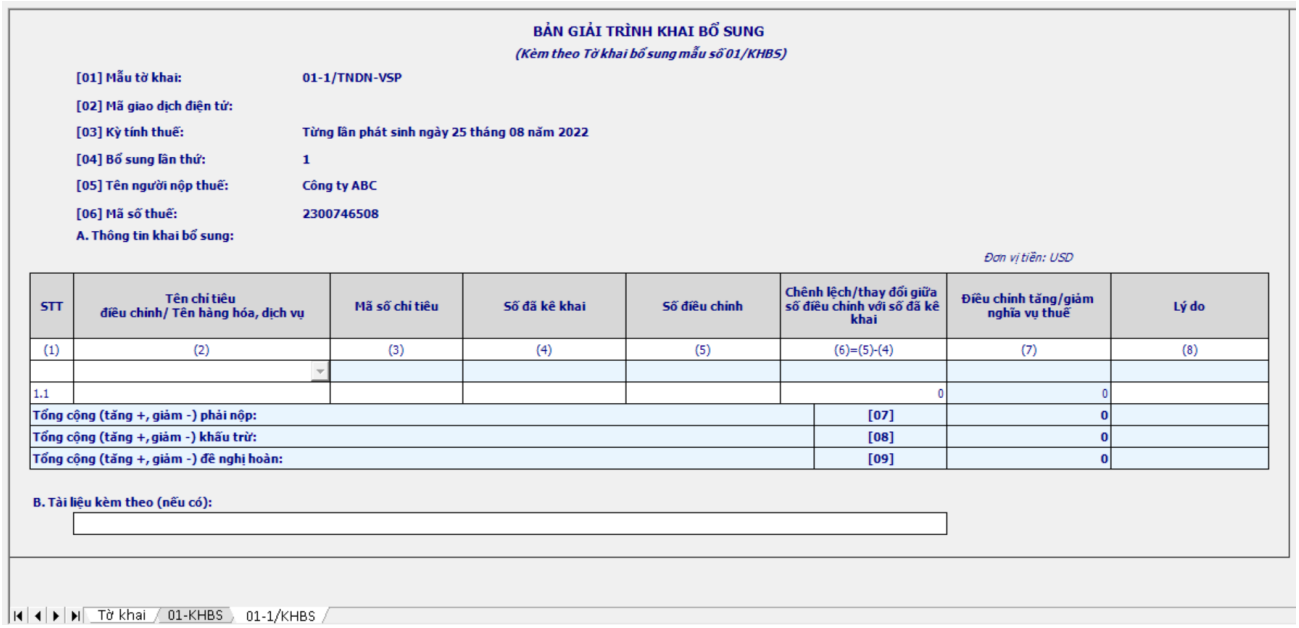

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01-1/TNDN-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.11 Tờ khai quyết toán phụ thu (02/PTHU-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK quyết toán phụ thu (02/PTHU-VSP)".

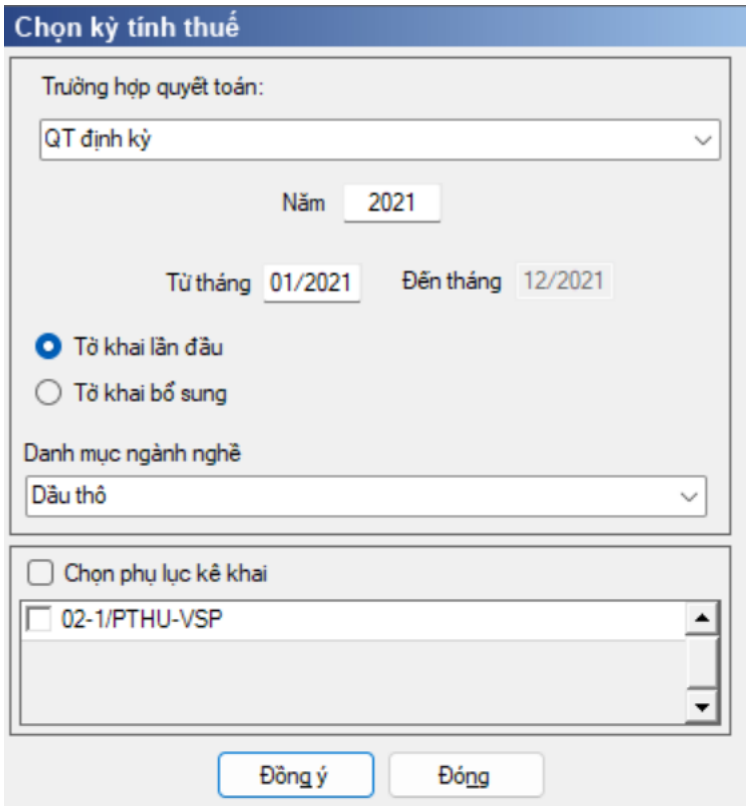

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
+ Loại kỳ tính thuế: Tờ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)
+ Hạn nộp tờ khai:

• Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ

• Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

• Nếu chỉ tiêu 25 hoặc 26 trên tờ khai chính có giá trị thì bắt buộc kê khai PL (trên PL phải có ít nhất 1 dòng có giá trị). Nếu tờ khai chính không có giá trị thì không cho kê khai PL

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phụ thu tạm tính áp dụng cho dầu lãi từ tiền kết dư của phần dầu để lại mẫu 02/PTHU-VSP

3.11.11.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

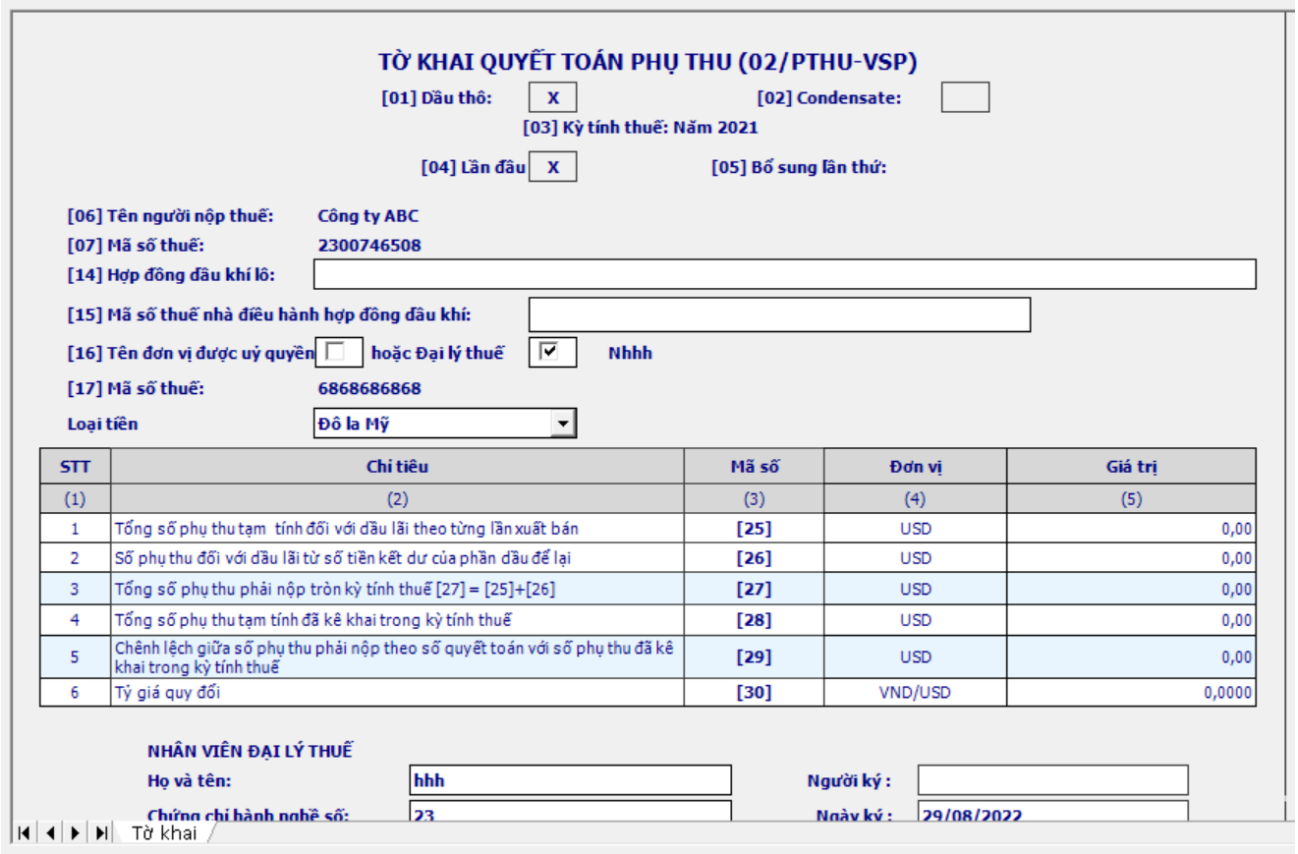

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (02/PTHU-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[04] Lần đầu X [05] Bổ sung lần thứ:

[06] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[07] Mã số thuế: 2300746508

[14] Hợp đồng dầu khí lô:

[15] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế: 6868686868

Loại tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán	[25]	USD	0,00
2	Số phụ thu đối với dầu lãi từ số tiền kết dư của phần dầu để lại	[26]	USD	0,00
3	Tổng số phụ thu phải nộp trong kỳ tính thuế [27] = [25]+[26]	[27]	USD	0,00
4	Tổng số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[28]	USD	0,00
5	Chênh lệch giữa số phụ thu phải nộp theo số quyết toán với số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế	[29]	USD	0,00
6	Tỷ giá quy đổi	[30]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 29/08/2022

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [25], [26]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [28]: NNT nhập số, không âm, nếu là VND nhập >=0, định dạng số nguyên; nếu là USD nhập >=0, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số, kiểm tra 28= tổng cột 5 hoặc tổng cột 6 trên phụ lục (Tùy vào 28 chọn loại tiền gì), sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [30]: Bắt buộc nhập nếu [27] -> [29] là VNĐ, nhập số >=0, định dạng x,xxxx

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [27]: Tự tính theo công thức, chỉ tiêu [27] -> [29] phải cùng 1 đơn vị tiền, UD tính theo công thức, nếu là USD: [27] = [25]+[26], nếu là VNĐ: [27] = ([25]+[26]) * [30], cho phép sửa

- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [29]: Tự tính theo công thức, chỉ tiêu [27] -> [29] phải cùng 1 đơn vị tiền, UD tính theo công thức, nếu là USD: [29] = [27]-[28], nếu là VNĐ: [29] = ([27]-[28]) * [30], cho phép sửa

- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.11.1.1 Phụ lục 02-1/PTHU-VSP

- Nếu tờ khai có số liệu ở chỉ tiêu 25 hoặc 26 thì bắt buộc kê khai phụ lục và trên Phụ lục có ít nhất 1 dòng nhập đầy đủ các chỉ tiêu từ chỉ tiêu 4 đến chỉ tiêu 7, nếu vi phạm hiển thị lỗi đỏ.

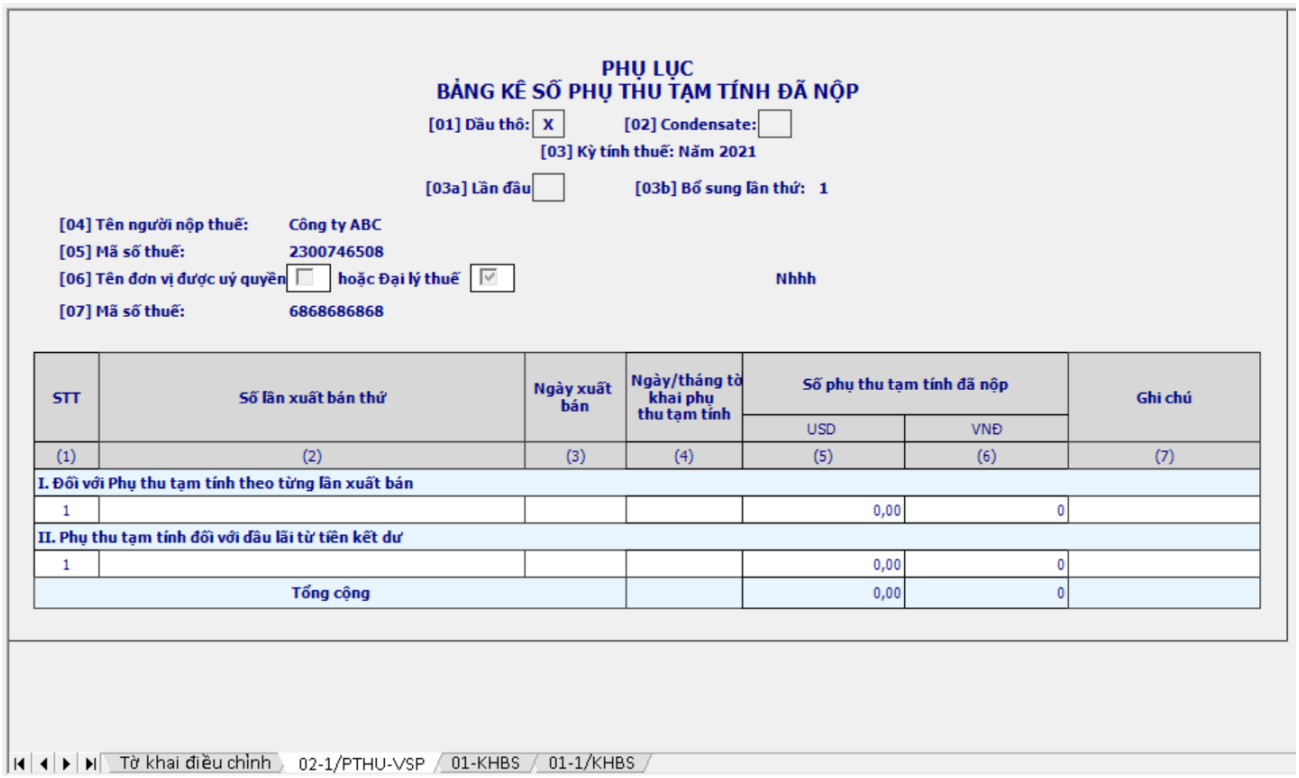

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ SỐ PHỤ THU TẠM TÍNH ĐÃ NỘP

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:
[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[03a] Lần đầu [03b] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[05] Mã số thuế: 2300746508
[06] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh
[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Số lần xuất bản thứ	Ngày xuất bản	Ngày/tháng tờ khai phụ thu tạm tính	Số phụ thu tạm tính đã nộp		Ghi chú
				USD	VNĐ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
I. Đối với Phụ thu tạm tính theo từng lần xuất bản						
1				0,00	0	
II. Phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ tiền kết dư						
1				0,00	0	
Tổng cộng				0,00	0	

Tờ khai điều chỉnh | 02-1/PTHU-VSP | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**
  + I. Đối với Phụ thu tạm tính theo từng lần xuất bản
    - Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập dạng text
    - Chỉ tiêu (3): NNT nhập Dd/mm/yyyy, phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại
    - Chỉ tiêu (4): NNT tự nhập
    - Chỉ tiêu (5): Nhập dạng số, không âm, định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Chỉ tiêu (6): NNT nhập dạng số, không âm
    - Chỉ tiêu (7): NNT tự nhập dạng text
  + II. Phụ thu tạm tính đối với dầu lãi từ tiền kết dư
    - Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập dạng text
    - Chỉ tiêu (3): NNT nhập Dd/mm/yyyy
    - Chỉ tiêu (4): NNT tự nhập
    - Chỉ tiêu (5): Nhập dạng số, không âm, định dạng thập phân sau phẩy 2 số
    - Chỉ tiêu (6): NNT nhập dạng số, không âm
    - Chỉ tiêu (7): NNT tự nhập dạng text

3.11.11.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

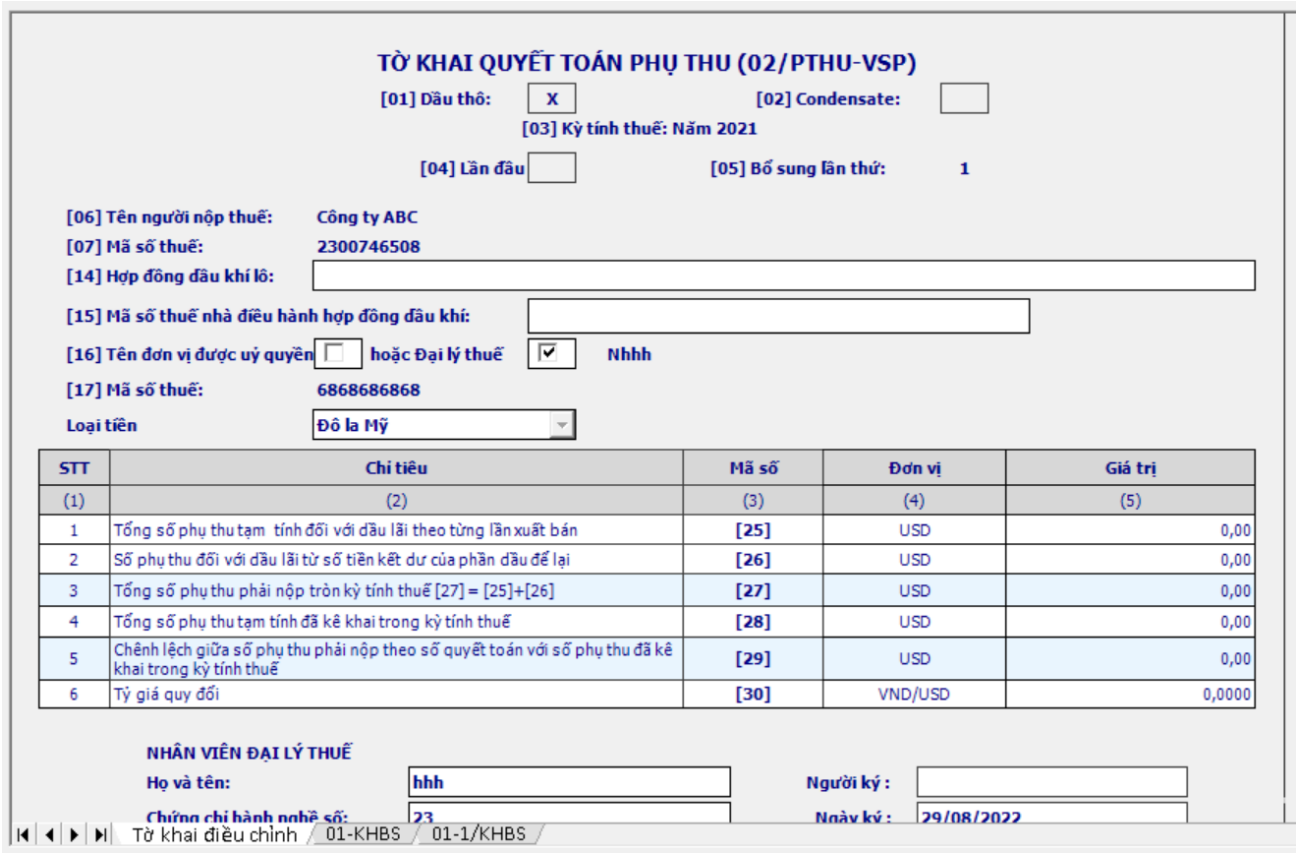

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (02/PTHU-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[04] Lần đầu [05] Bổ sung lần thứ: 1

[06] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[07] Mã số thuế: 2300746508

[14] Hợp đồng dầu khí lô:

[15] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế: 6868686868

Loại tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán	[25]	USD	0,00
2	Số phụ thu đối với dầu lãi từ số tiền kết dư của phần dầu để lại	[26]	USD	0,00
3	Tổng số phụ thu phải nộp tròn kỳ tính thuế [27] = [25]+[26]	[27]	USD	0,00
4	Tổng số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[28]	USD	0,00
5	Chênh lệch giữa số phụ thu phải nộp theo số quyết toán với số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế	[29]	USD	0,00
6	Tỷ giá quy đổi	[30]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 29/08/2022

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

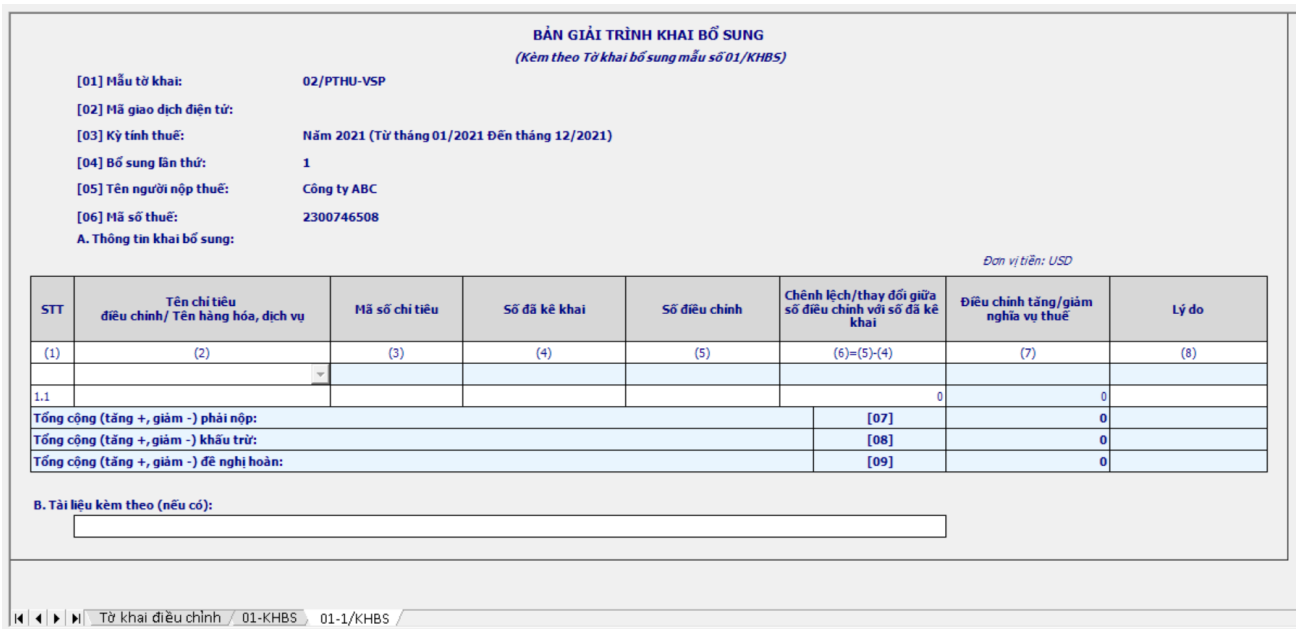

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PTHU-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:				[07]		0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:				[08]		0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:				[09]		0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.12 Tờ khai Quyết toán phụ thu (02/PTHU-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK Quyết toán phụ thu (02/PTHU-DK)".

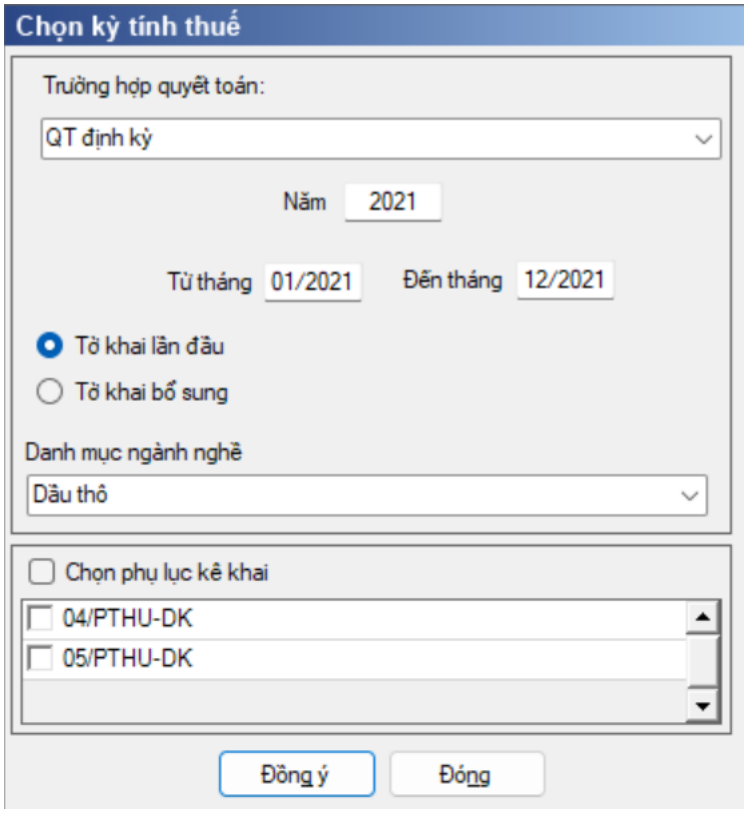

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế: Tờ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN) mẫu biểu theo TT80

+ Hạn nộp tờ khai:

- Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp
- Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán phụ thu mẫu 02/PTHU-DK

3.11.12.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

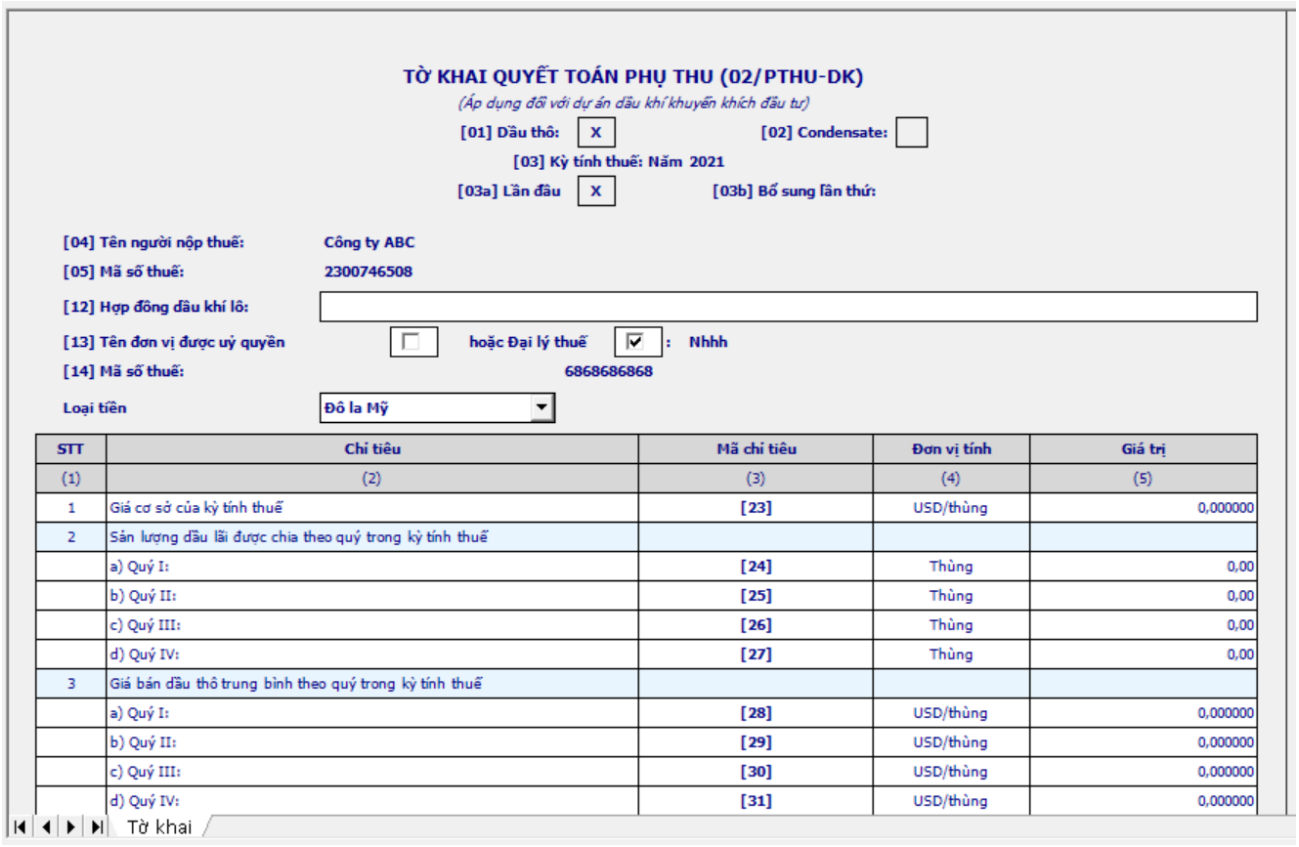

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (02/PTHU-DK)

(Áp dụng đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[14] Mã số thuế: 6868686868

Loại tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giá cơ sở của kỳ tính thuế	[23]	USD/thùng	0,000000
2	Sản lượng dầu lãi được chia theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[24]	Thùng	0,00
	b) Quý II:	[25]	Thùng	0,00
	c) Quý III:	[26]	Thùng	0,00
	d) Quý IV:	[27]	Thùng	0,00
3	Giá bán dầu thô trung bình theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[28]	USD/thùng	0,000000
	b) Quý II:	[29]	USD/thùng	0,000000
	c) Quý III:	[30]	USD/thùng	0,000000
	d) Quý IV:	[31]	USD/thùng	0,000000

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [23]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [24], [25], [26], [27], [38], [39], [40], [41]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [28], [29], [30], [31]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [42]: Cho phép nhập >=0, tối đa 15 số nguyên, 2 số thập phân sau phẩy

+ Chỉ tiêu [44]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [32] = [33]+[34]+[35]+[36]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [44]

+ Chỉ tiêu [33]: Tự tính theo công thức [33] = 30%*{[28]–1,2*[23]}*[24], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [34]: Tự tính theo công thức [34] = 30%*{[29]–1,2*[23]}*[25], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [35]: Tự tính theo công thức [35] = 30%*{[30]–1,2*[23]}*[26], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [36]: Tự tính theo công thức [36] = 30%*{[31]–1,2*[23]}*[27], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [37]: Tự tính theo công thức [37] = [38]+[39]+[40]+[41], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [41a]: Tự tính theo công thức [41a]=[32]-[37], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [43]: Tự tính theo công thức [43] = [32] - [37] - [42], cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.12.1.1 Phụ lục 04-PTHU-DK

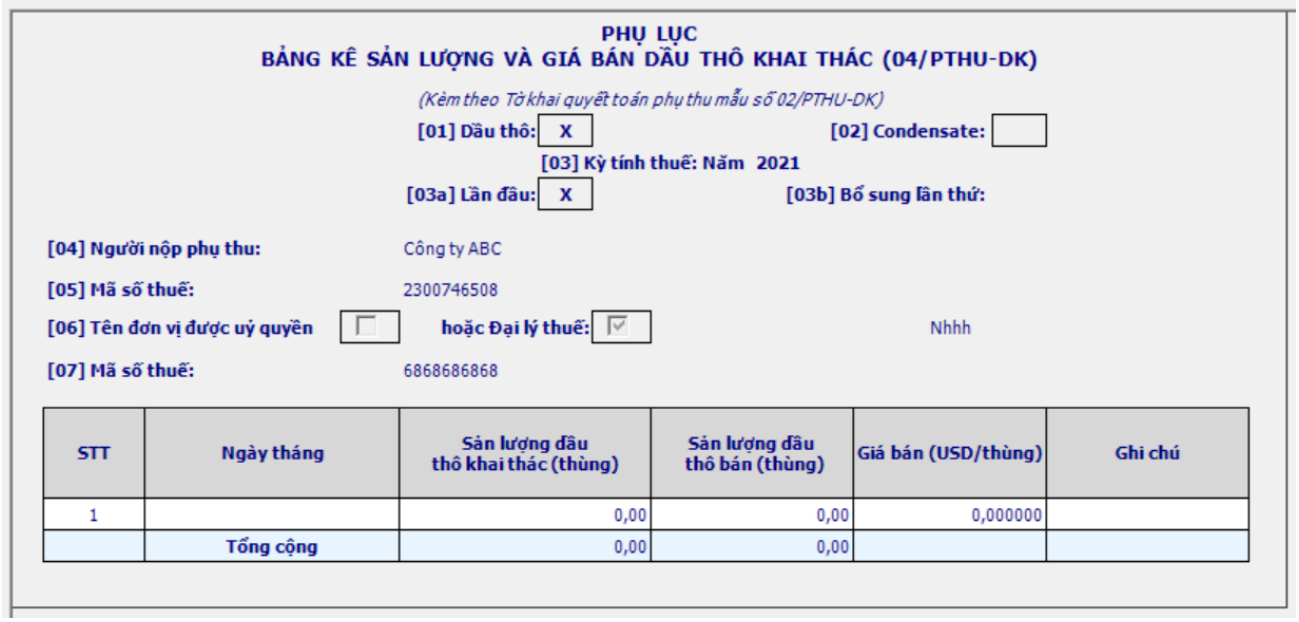

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ BÁN DẦU THÔ KHAI THÁC (04/PTHU-DK)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu: X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp phụ thu: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Ngày tháng	Sản lượng dầu thô khai thác (thùng)	Sản lượng dầu thô bán (thùng)	Giá bán (USD/thùng)	Ghi chú
1		0,00	0,00	0,000000	
	Tổng cộng	0,00	0,00		

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Ngày tháng: Nhập định dạng ngày/tháng, không bắt buộc

+ Sản lượng dầu thô khai thác (thùng): Nhập thập phân 2 số sau dấu phẩy, mặc định là 0

+ Sản lượng dầu thô bán (thùng): Nhập thập phân 2 số sau dấu phẩy, mặc định là 0

+ Giá bán (USD/thùng): Nhập số thập phân 6 số sau dấu phẩy, mặc định là 0

+ Ghi chú: Nhập dạng text, không bắt buộc

3.11.12.1.2 Phụ lục 05-PTHU-DK

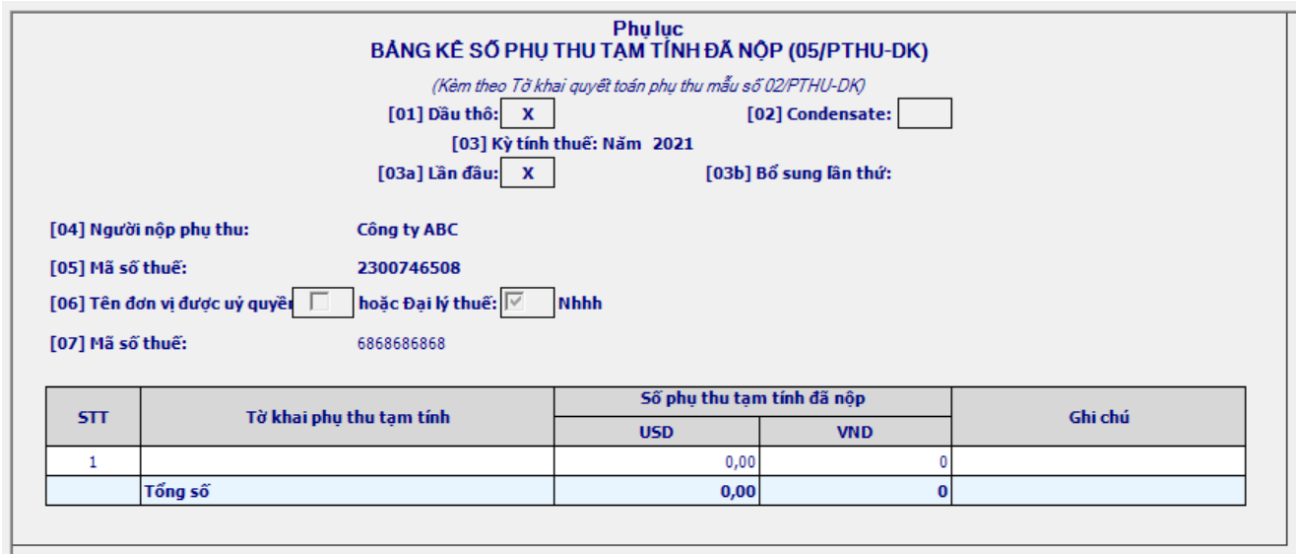

Phụ lục
BẢNG KÊ SỐ PHỤ THU TẠM TÍNH ĐÃ NỘP (05/PTHU-DK)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu: X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp phụ thu: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đơn vị được uỷ quyền: hoặc Đại lý thuế: Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Tờ khai phụ thu tạm tính	Số phụ thu tạm tính đã nộp		Ghi chú
		USD	VND	
1		0,00	0	
	Tổng số	0,00	0	

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập dạng text, tối đa 250 ký tự
  + Chỉ tiêu (3): USD: nhập >=0, thập phân 2 số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu (4): VND: Nhập số nguyên >=0 tối đa 15 số
  + Chỉ tiêu (5): NNT tự nhập dạng text, tối đa 250 ký tự
  + Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cột (3), (4). Không cho sửa

3.11.12.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

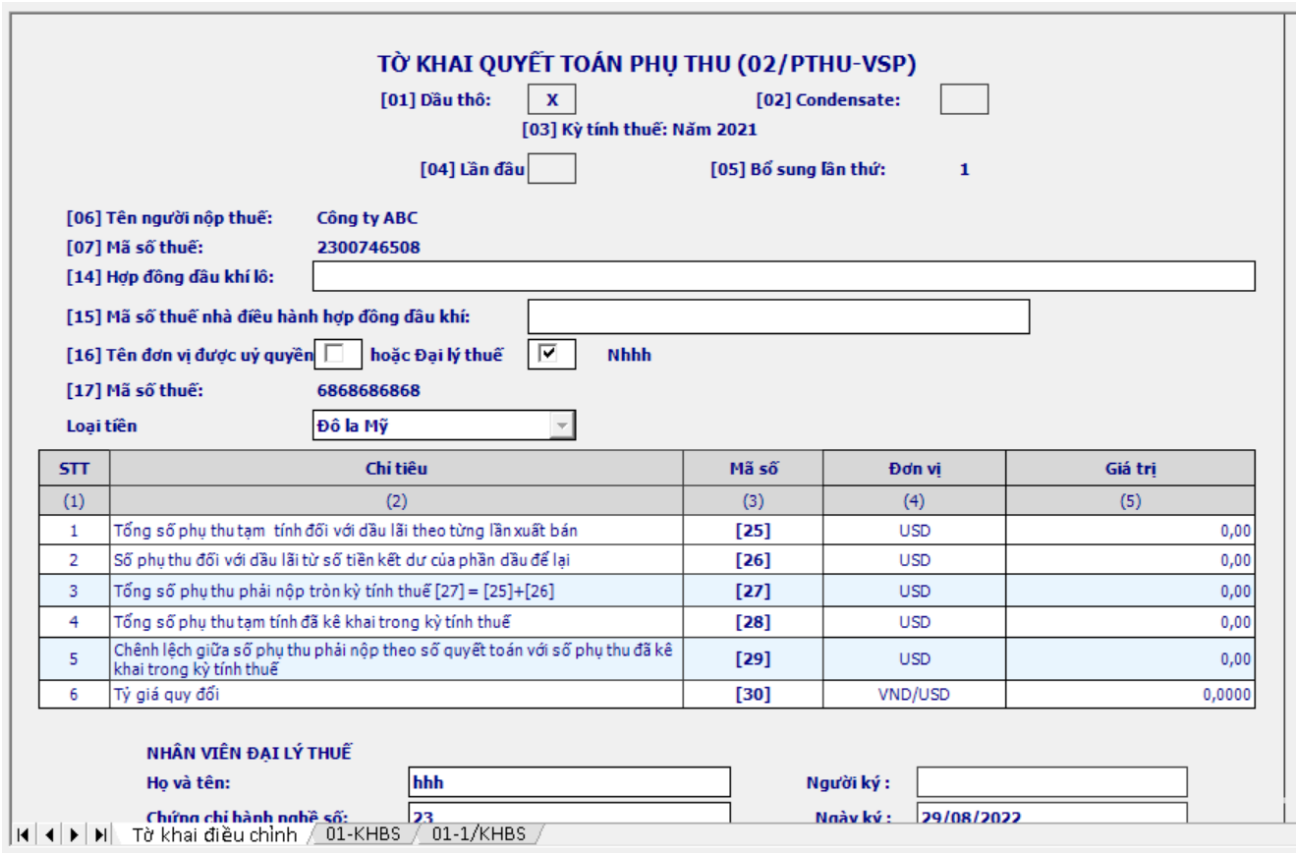

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (02/PTHU-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[04] Lần đầu [05] Bổ sung lần thứ: 1

[06] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[07] Mã số thuế: 2300746508

[14] Hợp đồng dầu khí lô:

[15] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế: 6868686868

Loại tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng số phụ thu tạm tính đối với dầu lãi theo từng lần xuất bán	[25]	USD	0,00
2	Số phụ thu đối với dầu lãi từ số tiền kết dư của phần dầu để lại	[26]	USD	0,00
3	Tổng số phụ thu phải nộp tròn kỳ tính thuế [27] = [25]+[26]	[27]	USD	0,00
4	Tổng số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[28]	USD	0,00
5	Chênh lệch giữa số phụ thu phải nộp theo số quyết toán với số phụ thu đã kê khai trong kỳ tính thuế	[29]	USD	0,00
6	Tỷ giá quy đổi	[30]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 29/08/2022

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

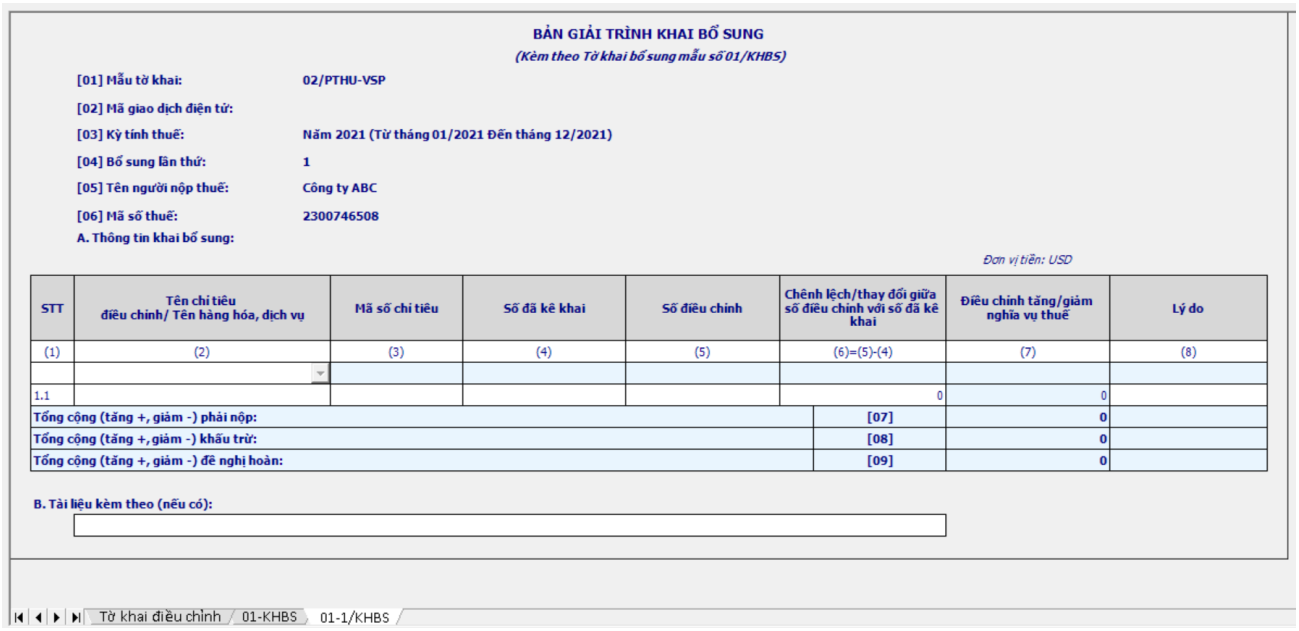

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/PTHU-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.13 Tờ khai Quyết toán phụ thu (03/PTHU-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK Quyết toán phụ thu (03/PTHU-DK)".

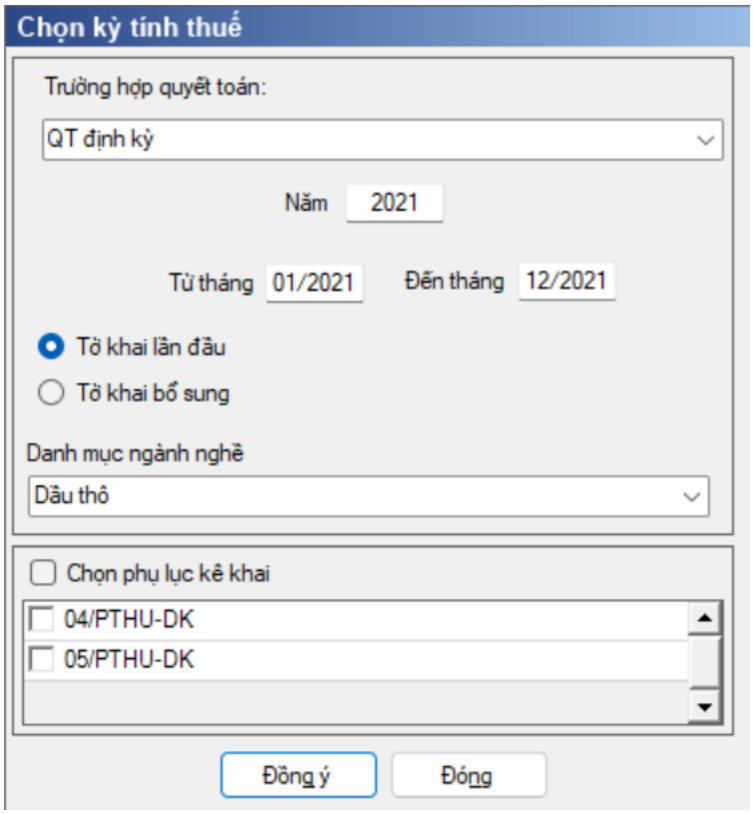

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế: Tờ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN) mẫu biểu theo TT80

+ Hạn nộp tờ khai:

• Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp

• Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán phụ thu mẫu 03/PTHU-DK

3.11.13.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

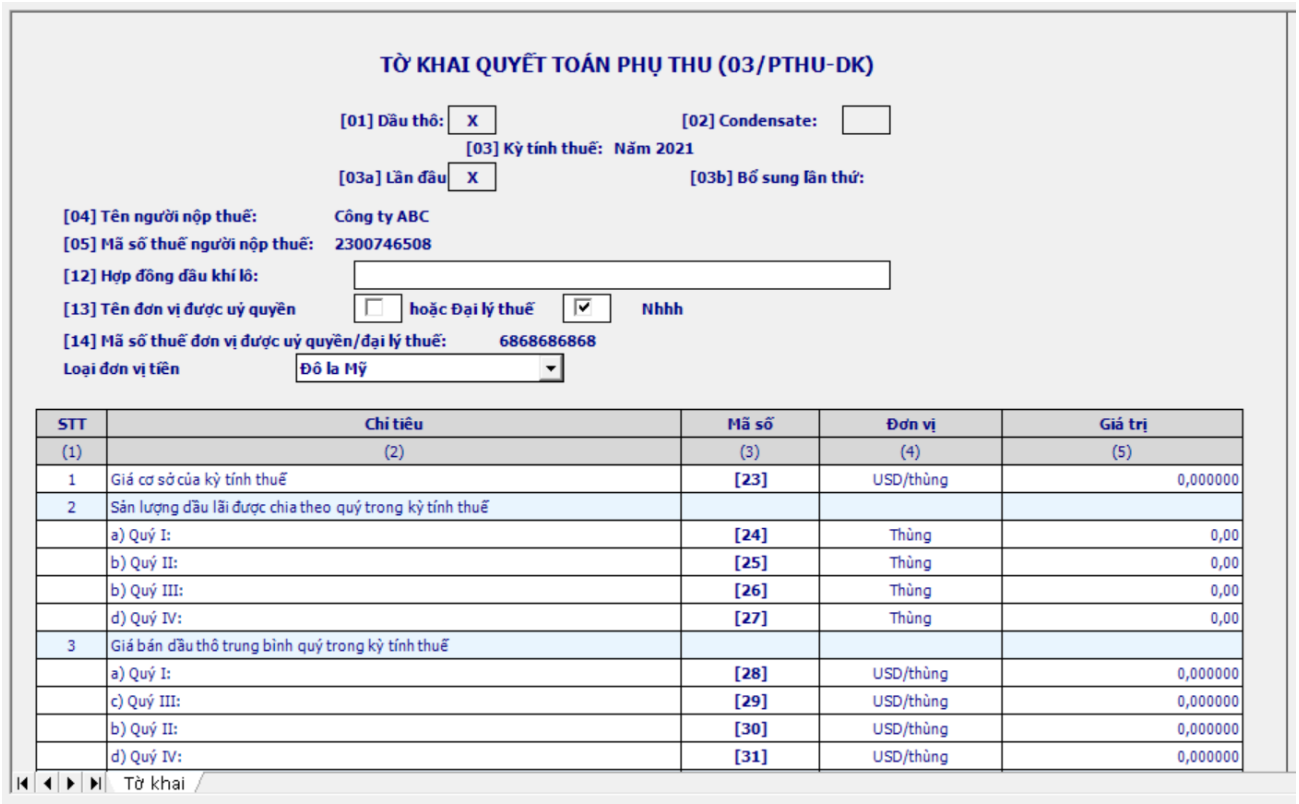

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (03/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[14] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giá cơ sở của kỳ tính thuế	[23]	USD/thùng	0,000000
2	Sản lượng dầu lãi được chia theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[24]	Thùng	0,00
	b) Quý II:	[25]	Thùng	0,00
	b) Quý III:	[26]	Thùng	0,00
	d) Quý IV:	[27]	Thùng	0,00
3	Giá bán dầu thô trung bình quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[28]	USD/thùng	0,000000
	c) Quý III:	[29]	USD/thùng	0,000000
	b) Quý II:	[30]	USD/thùng	0,000000
	d) Quý IV:	[31]	USD/thùng	0,000000

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [23], [28], [29], [30], [31]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [24], [25], [26], [27]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [54], [55], [56], [57], [58]: NNT nhập số, không âm

- Nếu là VND: Định dạng số nguyên
- Nếu là USD: Định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:** Chỉ tiêu [32] -> [59] phải cùng 1 đơn vị tiền, tính theo công thức và cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [32] = [33]+[34]+[35]+[36]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [33] = [34] hoặc [37]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [34] = 50%*{[28]–1,2*[23]}*[24]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [35] = 50%*{1,5*[23]–1,2*[23]}*[24]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [36] = 60%*{[28]–1,5*[23]}*[24]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [37] = [35]+[36]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [38] = [39] hoặc [42]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [39] = 50%*{[29]–1,2*[23]}*[25]: NNT nhập số, không âm, nếu là VND: Định dạng số nguyên, nếu là USD: Định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số, có thể âm

+ Chỉ tiêu [40] = 50%*{1,5*[23]–1,2*[23]}*[25]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [41] = 60%*{[29]–1,5*[23]}*[25]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [42] = [40] + [41]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [43] = [44] hoặc [47]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [44] = 50%*{[30]–1,2*[23]}*[26]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [45] = 50%*{1,5*[23]–1,2*[23]}*[26]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [46] = 60%*{[30]–1,5*[23]}*[26]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [47] = [45]+[46]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [48] = [49] hoặc [52]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [49] = 50%*{[31]–1,2*[23]}*[27]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [50] = 50%*{1,5*[23]–1,2*[23]}*[27]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [51] = 60%*{[31]–1,5*[23]}*[27]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [52] = [50]+[51]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [53]=[54]+[55]+[56]+[57]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [58a]=[32]-[53]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [59]=[32]-[53]-[58]

- Nếu chọn USD, tự động tính theo công thức và cho phép sửa: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu chọn VND: thì lấy giá trị tính theo công thức * tỷ giá chỉ tiêu [60] và cho phép sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.13.1.1 Phụ lục 04-PTHU-DK

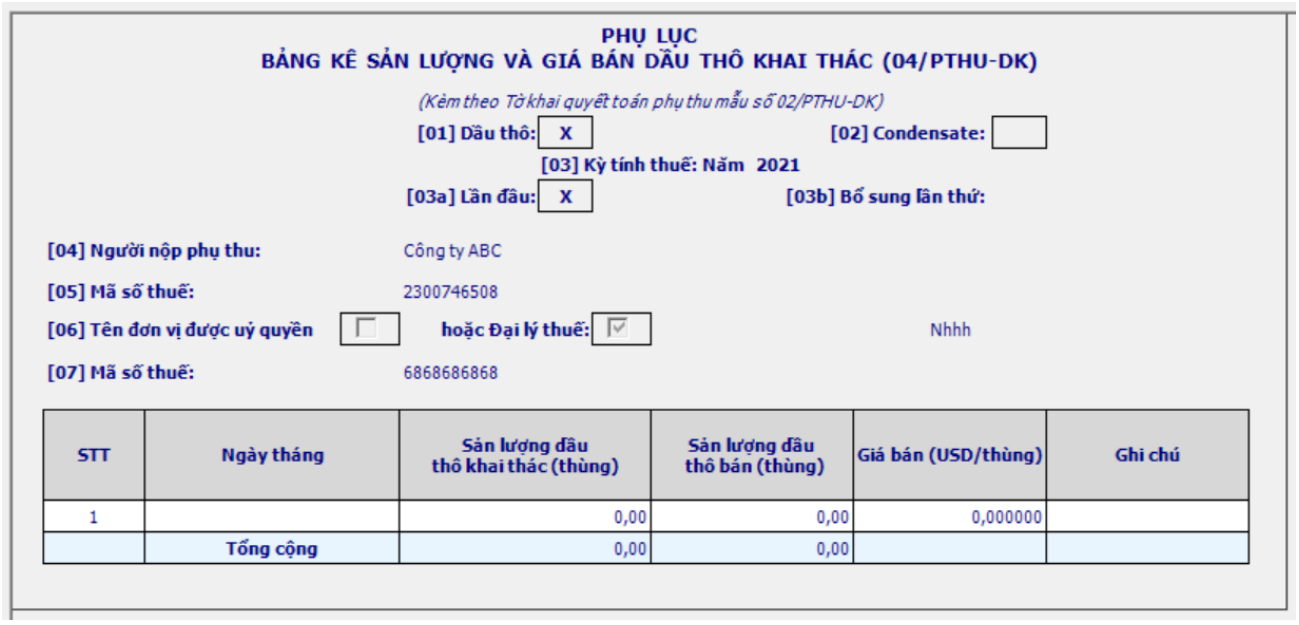

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG VÀ GIÁ BÁN DẦU THÔ KHAI THÁC (04/PTHU-DK)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu: X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp phụ thu: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Ngày tháng	Sản lượng đầu thô khai thác (thùng)	Sản lượng đầu thô bán (thùng)	Giá bán (USD/thùng)	Ghi chú
1		0,00	0,00	0,000000	
	Tổng cộng	0,00	0,00		

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Ngày tháng: Nhập định dạng ngày/tháng, không bắt buộc

+ Sản lượng dầu thô khai thác (thùng): Nhập thập phân 2 số sau dấu phẩy, mặc định là 0

+ Sản lượng dầu thô bán (thùng): Nhập thập phân 2 số sau dấu phẩy, mặc định là 0

+ Giá bán (USD/thùng): Nhập số thập phân 6 số sau dấu phẩy, mặc định là 0

+ Ghi chú: Nhập dạng text, không bắt buộc

3.11.13.1.2 Phụ lục 05-PTHU-DK

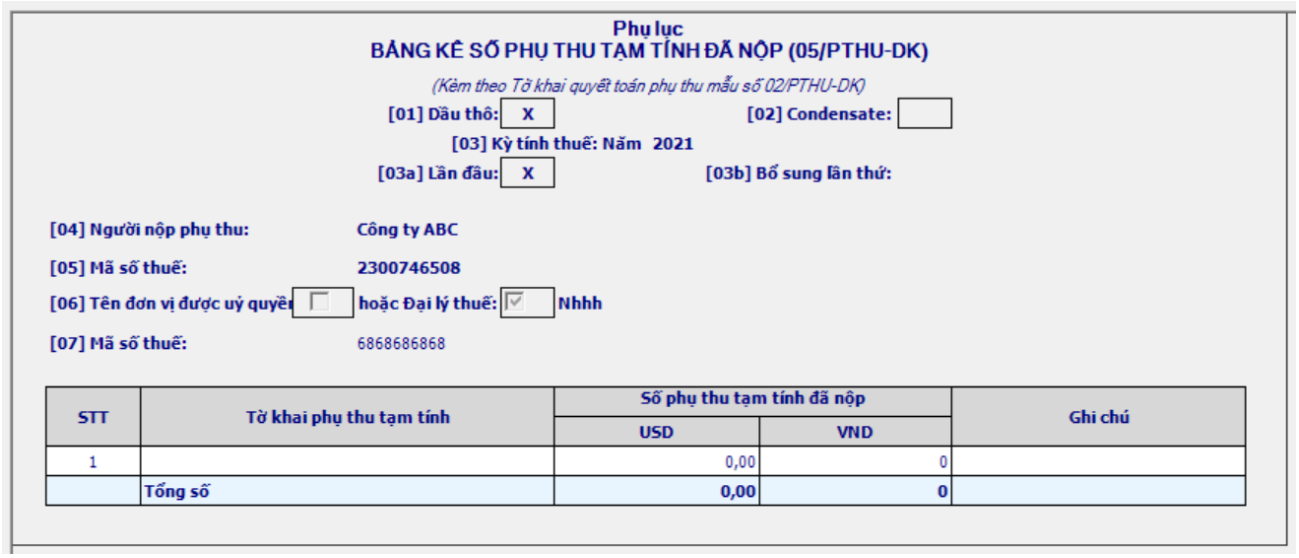

Phụ lục

BẢNG KÊ SỐ PHỤ THU TẠM TÍNH ĐÃ NỘP (05/PTHU-DK)

(Kèm theo Tờ khai quyết toán phụ thu mẫu số 02/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu: X [03b] Bổ sung lần thứ:

[04] Người nộp phụ thu: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

STT	Tờ khai phụ thu tạm tính	Số phụ thu tạm tính đã nộp		Ghi chú
		USD	VND	
1		0,00	0	
	Tổng số	0,00	0	

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu (2): NNT tự nhập dạng text, tối đa 250 ký tự

+ Chỉ tiêu (3): USD: nhập >=0, thập phân 2 số sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu (4): VND: Nhập số nguyên >=0 tối đa 15 số

+ Chỉ tiêu (5): NNT tự nhập dạng text, tối đa 250 ký tự

+ Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cột (3), (4). Không cho sửa

3.11.13.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

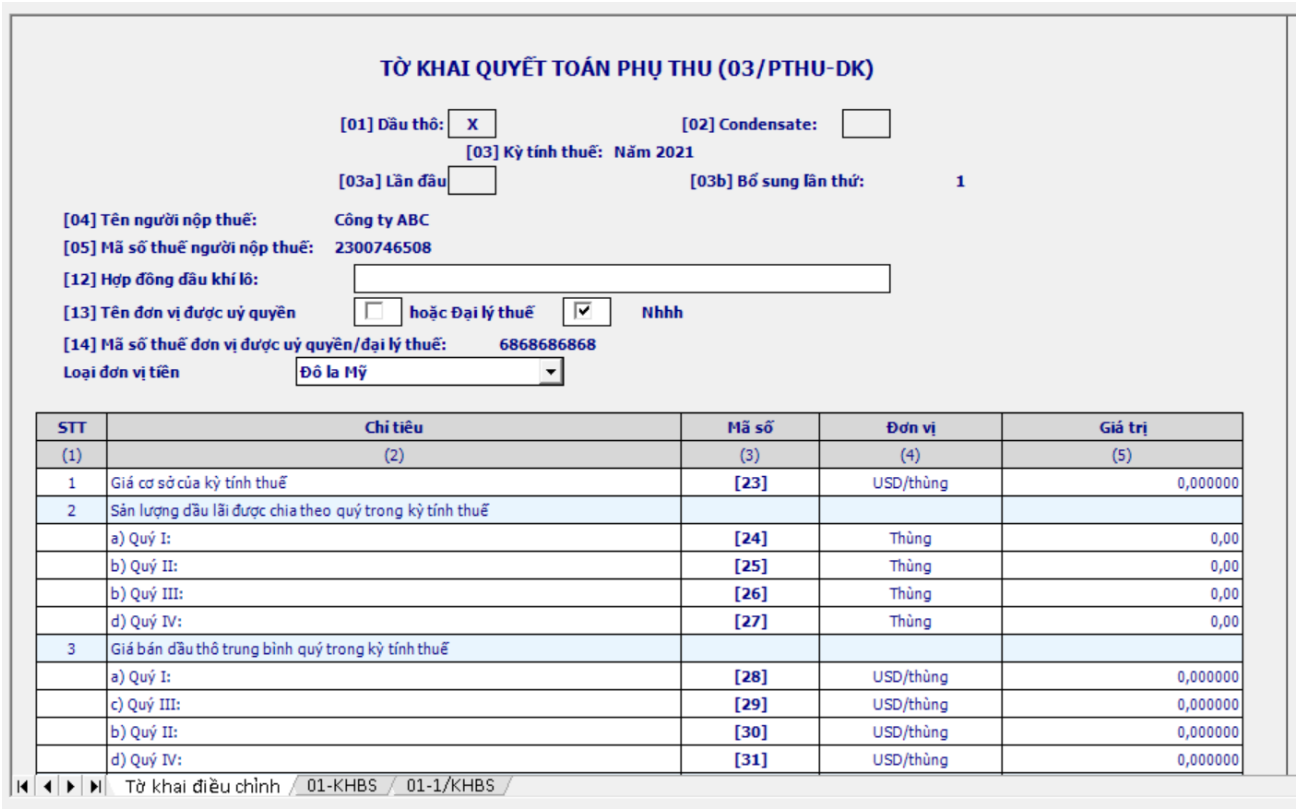

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU (03/PTHU-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[03a] Lần đầu [03b] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế người nộp thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[14] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giá cơ sở của kỳ tính thuế	[23]	USD/thùng	0,000000
2	Sản lượng dầu lãi được chia theo quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[24]	Thùng	0,00
	b) Quý II:	[25]	Thùng	0,00
	b) Quý III:	[26]	Thùng	0,00
	d) Quý IV:	[27]	Thùng	0,00
3	Giá bán dầu thô trung bình quý trong kỳ tính thuế			
	a) Quý I:	[28]	USD/thùng	0,000000
	c) Quý III:	[29]	USD/thùng	0,000000
	b) Quý II:	[30]	USD/thùng	0,000000
	d) Quý IV:	[31]	USD/thùng	0,000000

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

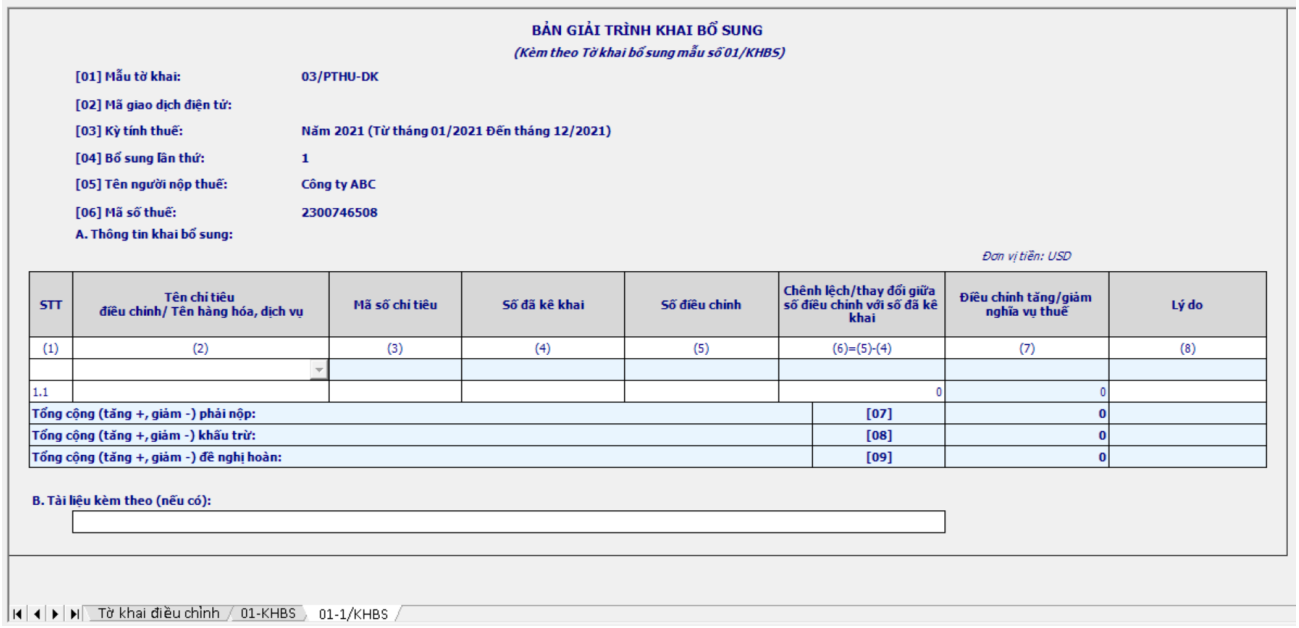

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/PTHU-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.14 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài (02/TNDN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK Quyết toán thuế TNDN (02/TNDN-VSP)(TT80/2021)".

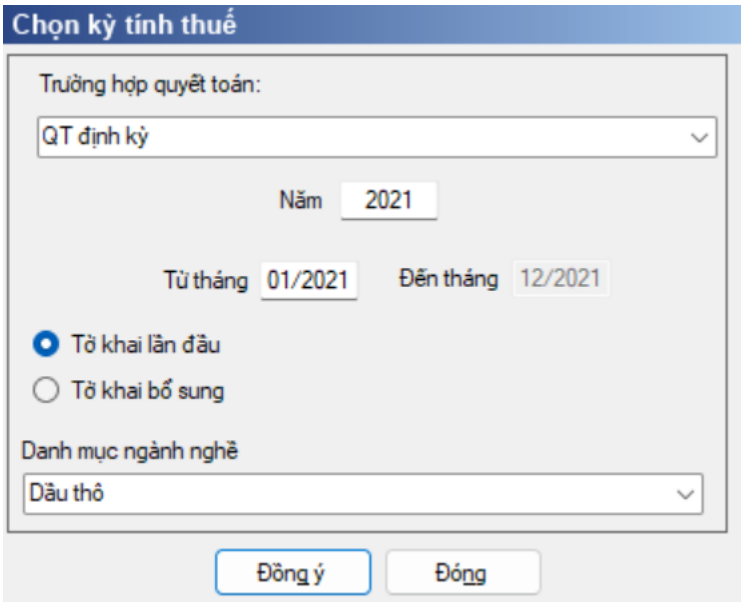

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau: nhập kỳ tính thuế theo Quý hoặc Năm

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
+ Loại kỳ tính thuế: Tơ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)
+ Hạn nộp tờ khai:

• Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp.

• Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNDN mẫu 02/TNDN-VSP

3.11.14.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

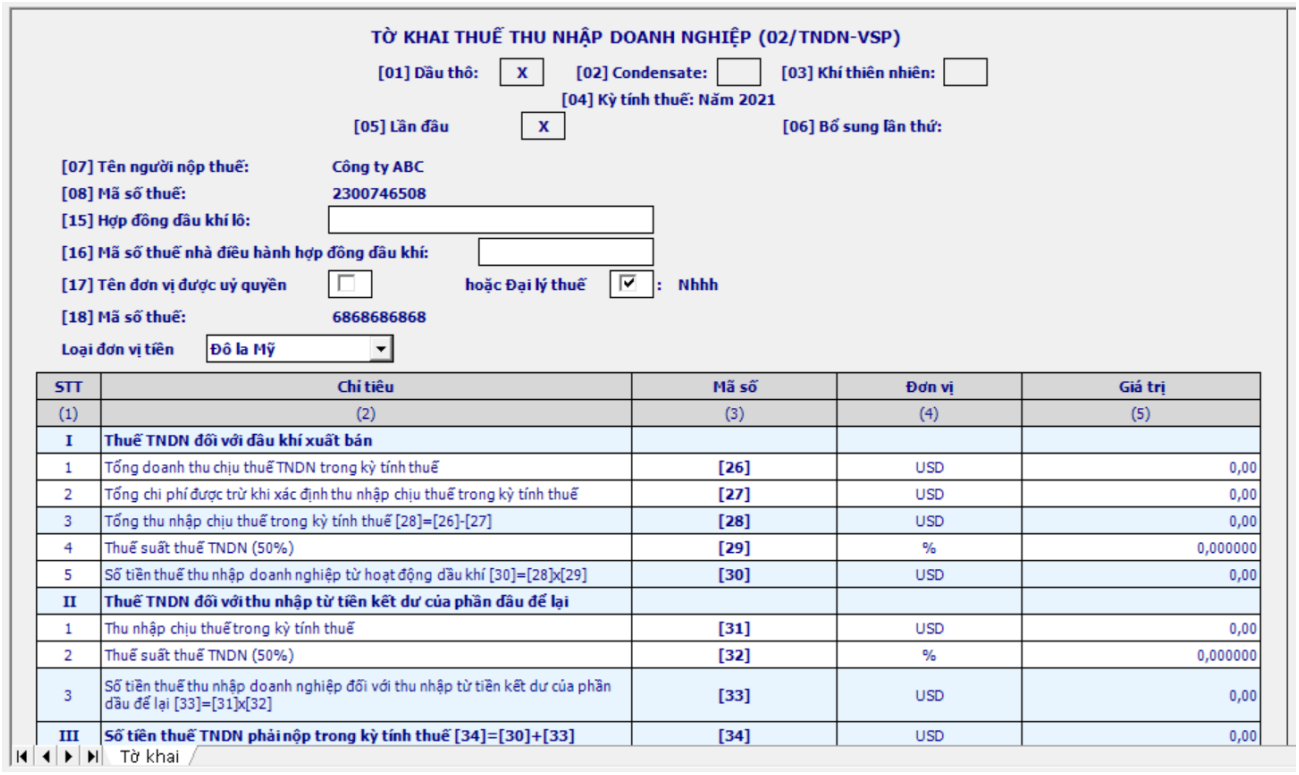

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (02/TNDN-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Thuế TNDN đối với dầu khí xuất bán**			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[26]	USD	0,00
2	Tổng chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	[27]	USD	0,00
3	Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế [28]=[26]-[27]	[28]	USD	0,00
4	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[29]	%	0,000000
5	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động dầu khí [30]=[28]x[29]	[30]	USD	0,00
II	**Thuế TNDN đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại**			
1	Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	[31]	USD	0,00
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[32]	%	0,000000
3	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại [33]=[31]x[32]	[33]	USD	0,00
III	**Số tiền thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế [34]=[30]+[33]**	[34]	USD	0,00

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [26], [27], [31], [35]: NNT nhập số, nếu là USD nhập >=0 định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy, nếu là VND thì nhập >=0, định dạng số nguyên, tối đa 15 số

+ Chỉ tiêu [29], [32]: Nhập định dạng thập phân sau phẩy 6 số , kiểm tra <=100%

+ Chỉ tiêu [37]: Nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán**:

+ Chỉ tiêu [28]: Tự tính theo công thức: [28]=[26]-[27], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [30]: Tự tính theo công thức: [30]=[28]x[29], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [33]: Tự tính theo công thức: [33]=[31]x[32], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [34]: Tự tính theo công thức: [34]=[30]+[33], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [36]: Tự tính theo công thức: [36]=[34]-[35], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.14.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

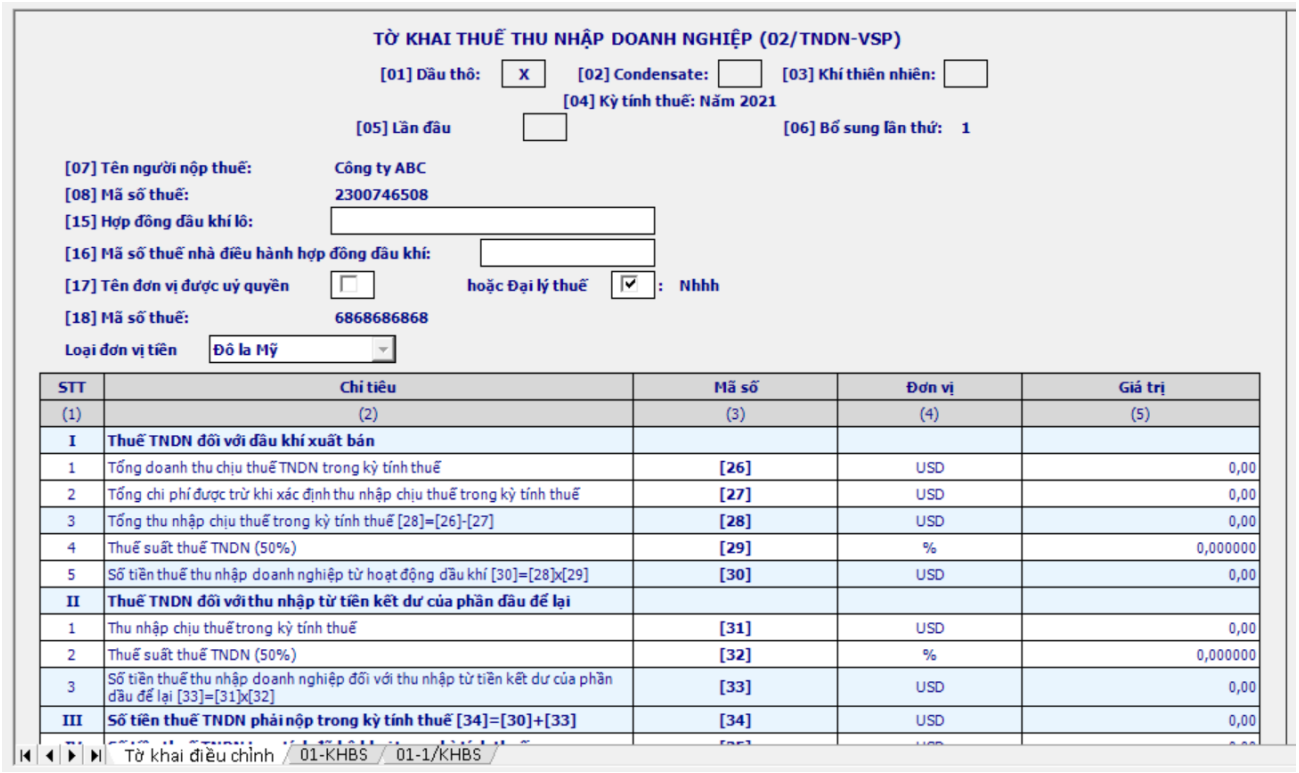

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (02/TNDN-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Thuế TNDN đối với dầu khí xuất bán**			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[26]	USD	0,00
2	Tổng chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	[27]	USD	0,00
3	Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế [28]=[26]-[27]	[28]	USD	0,00
4	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[29]	%	0,000000
5	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động dầu khí [30]=[28]x[29]	[30]	USD	0,00
II	**Thuế TNDN đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại**			
1	Thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	[31]	USD	0,00
2	Thuế suất thuế TNDN (50%)	[32]	%	0,000000
3	Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ tiền kết dư của phần dầu để lại [33]=[31]x[32]	[33]	USD	0,00
III	**Số tiền thuế TNDN phải nộp trong kỳ tính thuế [34]=[30]+[33]**	[34]	USD	0,00

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

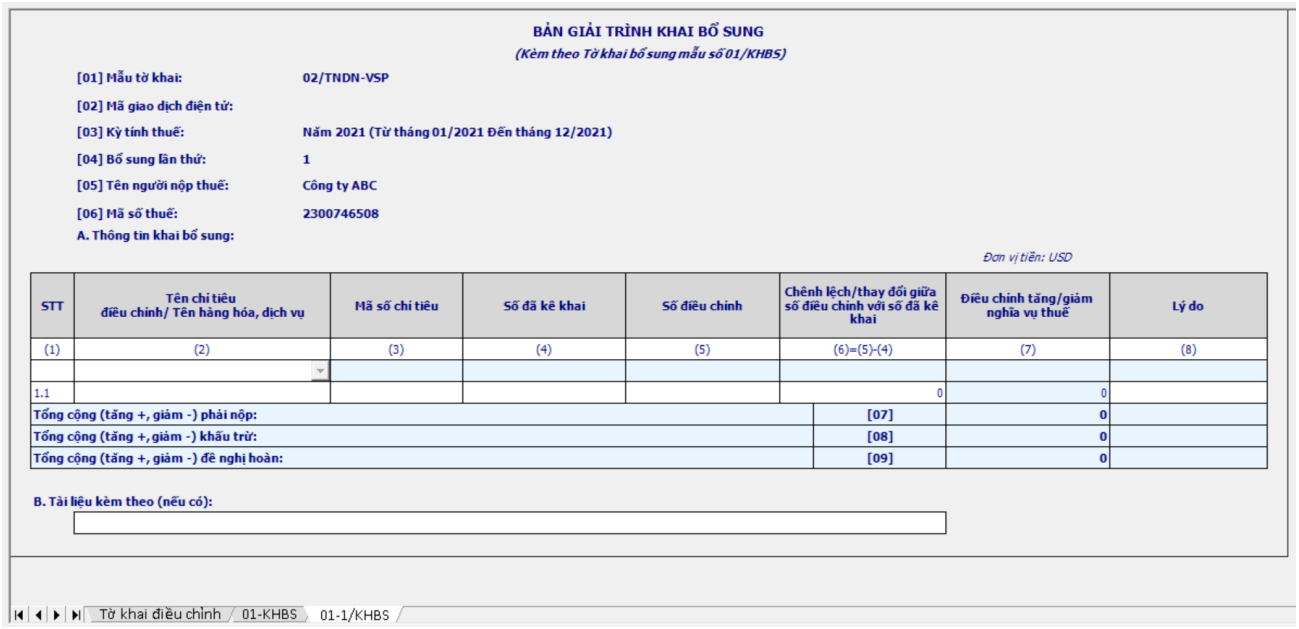

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/TNDN-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.15 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dầu khí mẫu 03/TNDN- DK (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu Kê khai chọn chức năng Tờ khai dầu khí/ Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dầu khí (03/TNDN -DK) (TT80/2021)

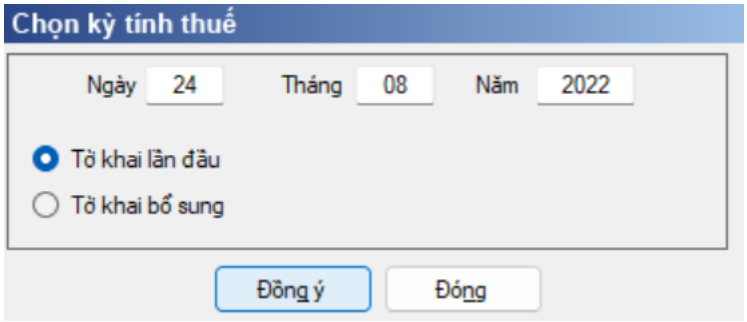

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Cơ quan thuế nộp tơ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế:

- Tờ khai lần phát sinh: hiệu lực từ ngày 01/01/2022

+ Hạn nộp tờ khai:

- 10 ngày kể từ ngày phát sinh – chỉ tiêu [01] NNT kê khai. Nếu rơi vào ngày nghỉ/lễ, chuyển sang ngày tiếp theo

+ Trong cùng 1 tờ khai chỉ cho phép kê khai theo 1 đơn vị tiền là VNĐ hoặc USD

+ Tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp dầu khí mẫu 03/TNDN- DK

3.11.15.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

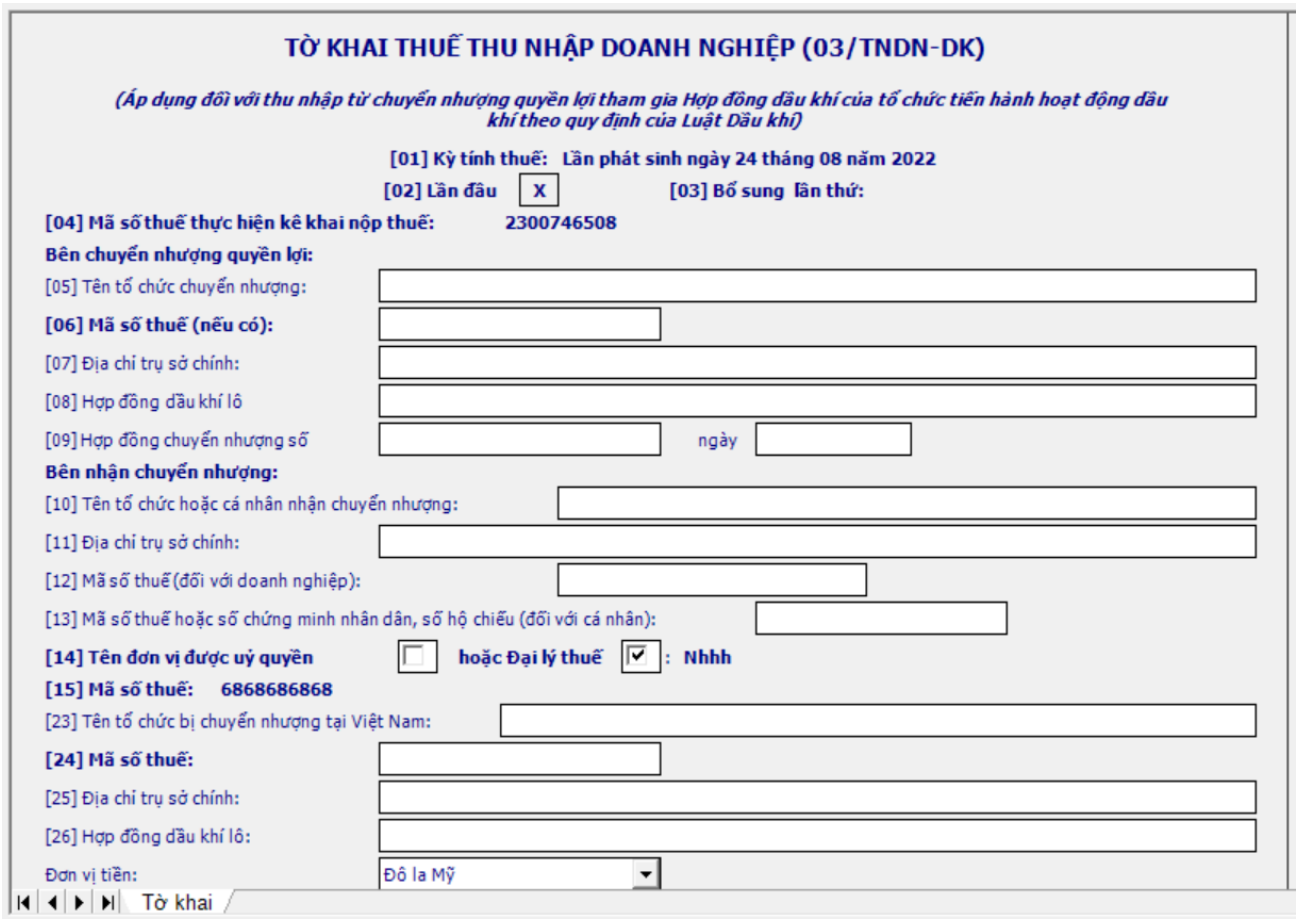

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Các chỉ tiêu [27] đến [30], [32]: nếu header chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [27], [28], [29]: Cho phép nhập số không âm

- Đối với USD cho phép nhập số thập phân, sau dấu phẩy 2 số
- Đối với VND thì cho phép nhập số nguyên

+ Chỉ tiêu [31]: Cho phép nhập số thập phân, sau dấu phẩy 6 số. kiểm tra thuế suất <=100,000000

- **Các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [30] = [27] - [28] – [29], nếu [30] < 0 thì [30] = 0, cho phép sửa, kiểm tra trong ngưỡng

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [32] = [30] * [31], cho phép sửa

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.15.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

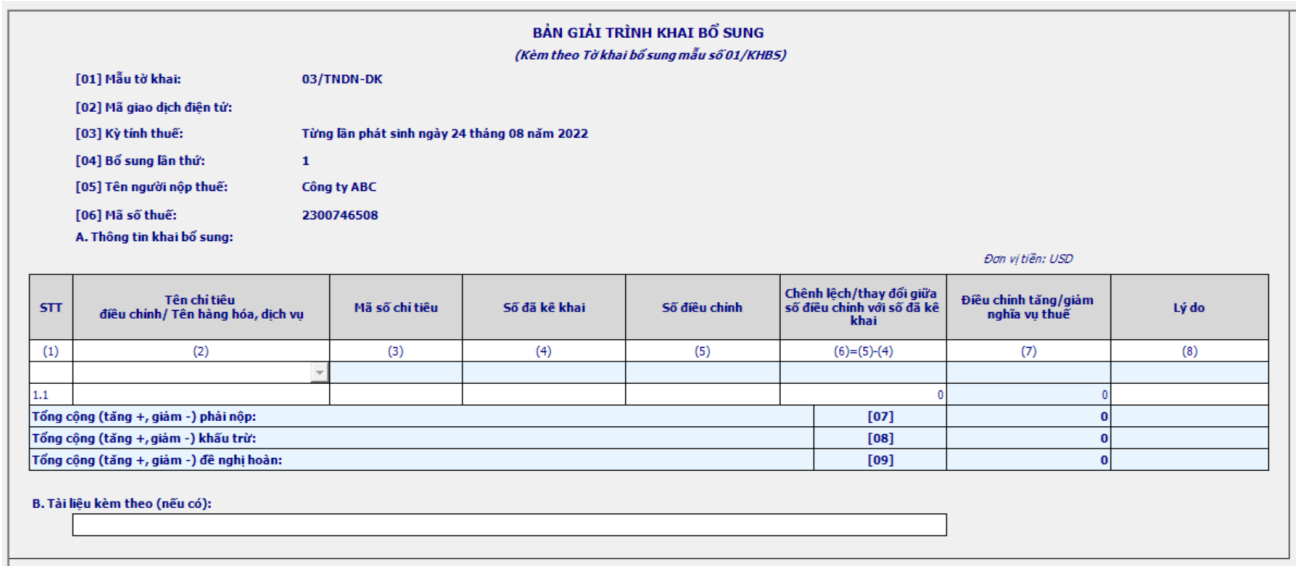

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/TNDN-DK
[02] Mã giao dịch điện tử:
[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 24 tháng 08 năm 2022
[04] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho các chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.16 Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí (01/TAIN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK TK thuế TN tạm tính với dầu khí (01/TAIN-DK)(TT80/2021)".

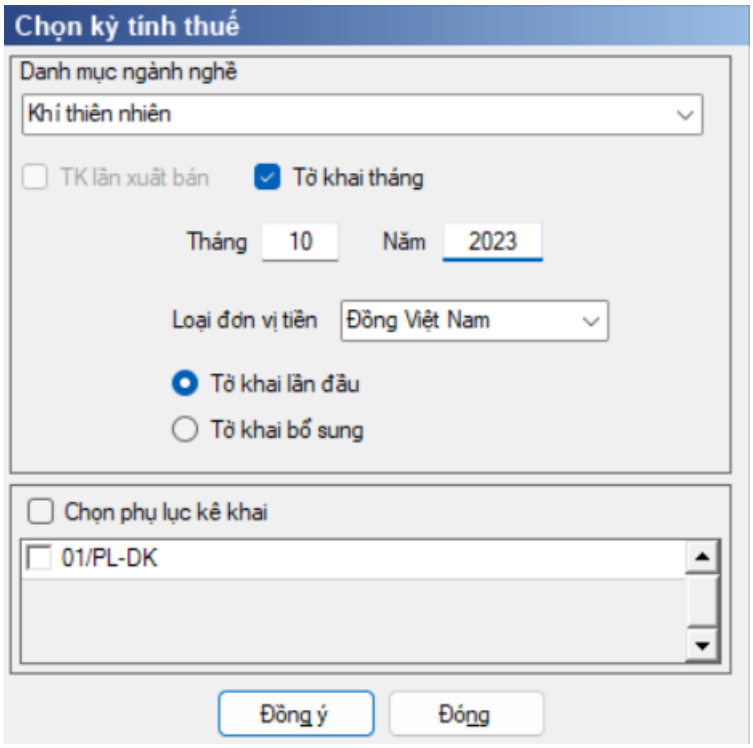

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế:

• Tờ khai lần phát sinh: kê khai đối với loại sản phẩm là "Dầu thô" hoặc "Condensate", hiệu lực từ tháng 01/2022

• Tờ khai tháng: kê khai đối với loại sản phẩm là "Khí thiên nhiên" hiệu lực từ tháng 01/2022

+ Hạn nộp tờ khai:

• Tờ khai tháng: Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

• Tờ khai lần phát sinh: ngày thứ 35 kể từ ngày phát sinh, nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ chuyển sang ngày tiếp theo

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác sản phẩm.

+ Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)

• Đối với MST 0107724012 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)

+ Trong tờ khai chính thức khai bằng loại tiền nào thì tờ khai bổ sung phải khai bằng loại tiền đó

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí (01/TAIN-DK)

3.11.16.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

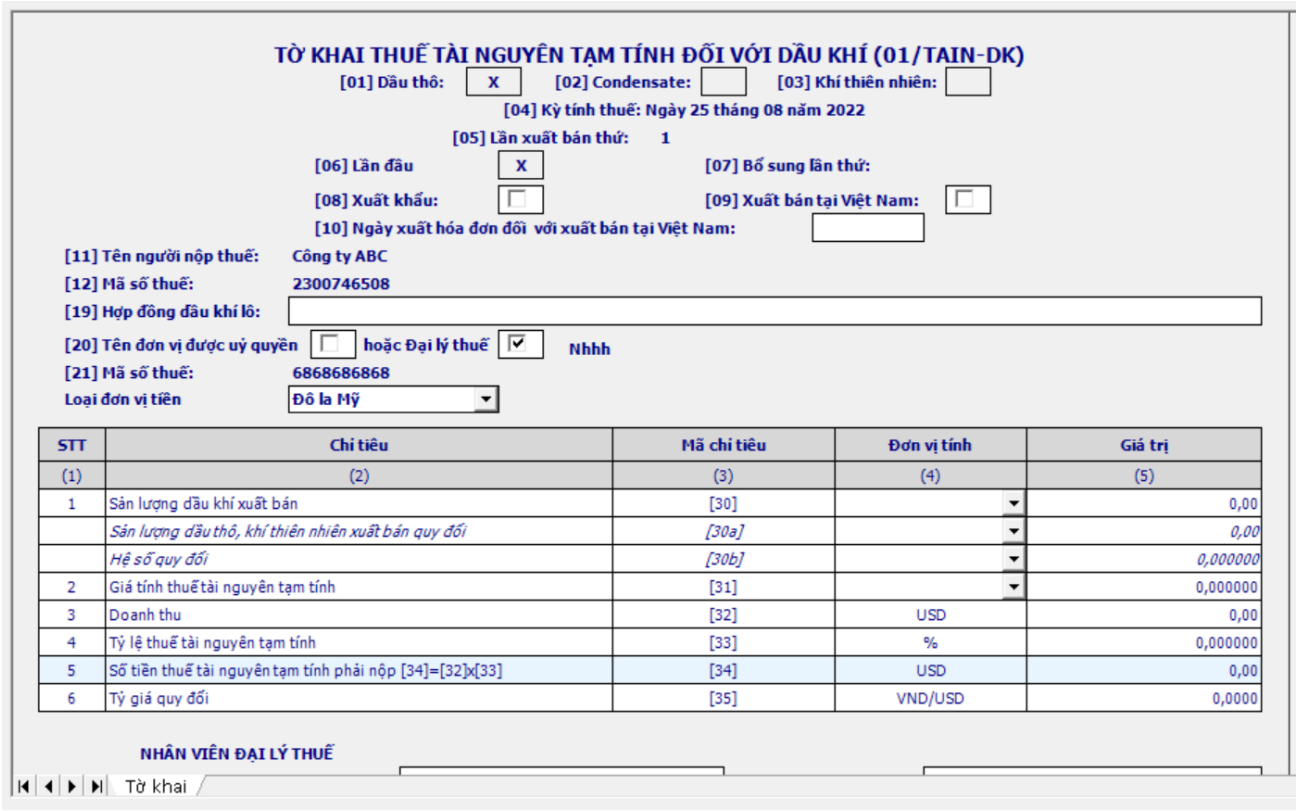

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (01/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bản thứ: 1

[06] Lần đầu X [07] Bổ sung lần thứ:

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[30]		0,00
	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	*[30a]*		*0,00*
	Hệ số quy đổi	*[30b]*		*0,000000*
2	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	[31]		0,000000
3	Doanh thu	[32]	USD	0,00
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính	[33]	%	0,000000
5	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp [34]=[32]x[33]	[34]	USD	0,00
6	Tỷ giá quy đổi	[35]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:** Các chỉ tiêu [32], [34]: Tại màn hình nhập kỳ tính thuế nếu chọn Đơn vị tiền là USD thì là USD, nếu chọn đơn vị tiền là VNĐ thì là VNĐ

+ Chỉ tiêu [30], [30a]: NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [30b], [31], [33]: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Chỉ tiêu [32]: NNT nhập dạng số, không âm, đối với USD cho phép nhập số thập phân, tối đa 2 số sau dấu phẩy, đối với VND thì cho phép nhập số nguyên dương

+ Chỉ tiêu [35]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [34]: Tự tính theo công thức: [34]=[32]x[33], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.16.1.1 Phụ lục 01-1/PL-DK

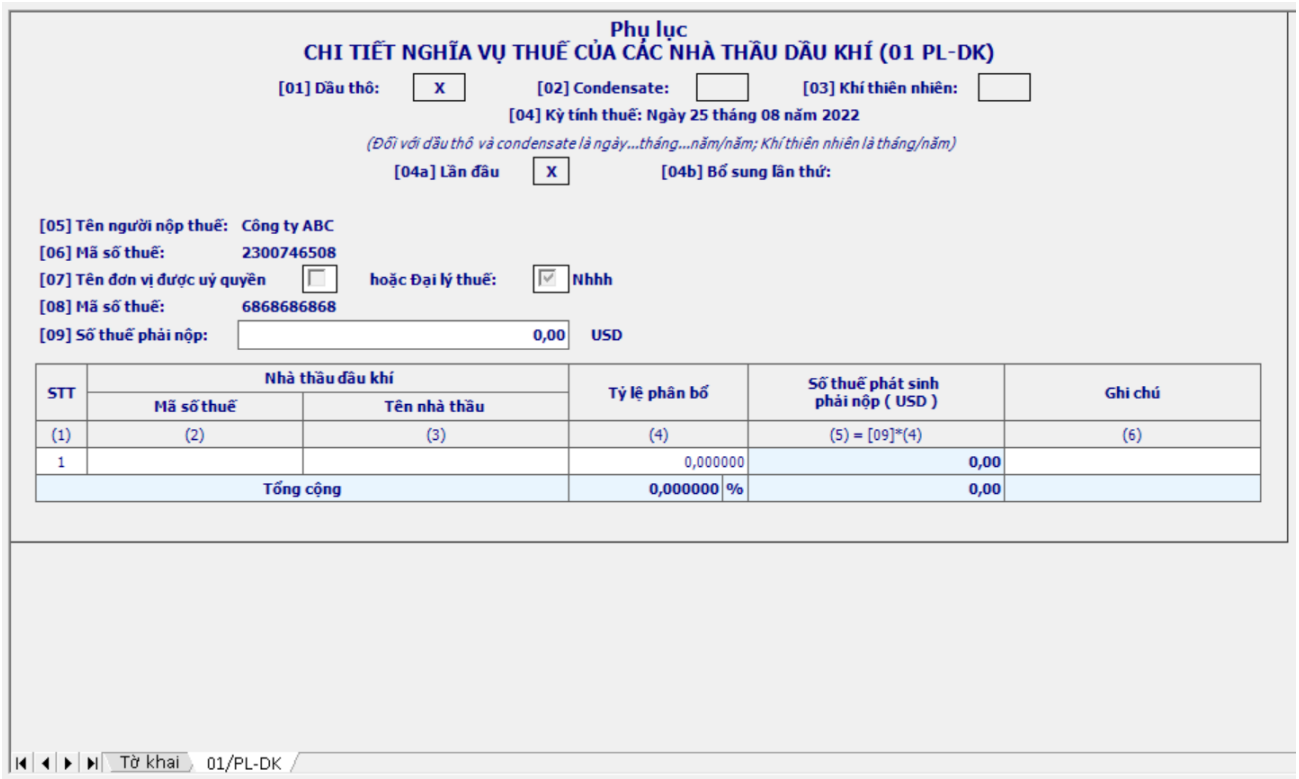

Phụ lục
CHI TIẾT NGHĨA VỤ THUẾ CỦA CÁC NHÀ THẦU DẦU KHÍ (01 PL-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

(Đối với dầu thô và condensate là ngày...tháng...năm/năm; Khí thiên nhiên là tháng/năm)

[04a] Lần đầu X [04b] Bổ sung lần thứ:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868
[09] Số thuế phải nộp: 0,00 USD

STT	Nhà thầu dầu khí		Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phát sinh phải nộp (USD)	Ghi chú
	Mã số thuế	Tên nhà thầu			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = [09]*(4)	(6)
1			0,000000	0,00	
Tổng cộng			0,000000 %	0,00	

Tờ khai 01/PL-DK

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Chỉ tiêu (2): NNT nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu (3): NNT nhập dạng text
  + Chỉ tiêu (4): NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu (6): NNT nhập dạng text
- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**
  + Chỉ tiêu (5) = [09]* (4), không cho sửa
  + Dòng Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (4) và cột (5)
    - Kiểm tra tổng cộng cột (4) phải = 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ "Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
    - Kiểm tra tổng cộng cột (5) phải = chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

3.11.16.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

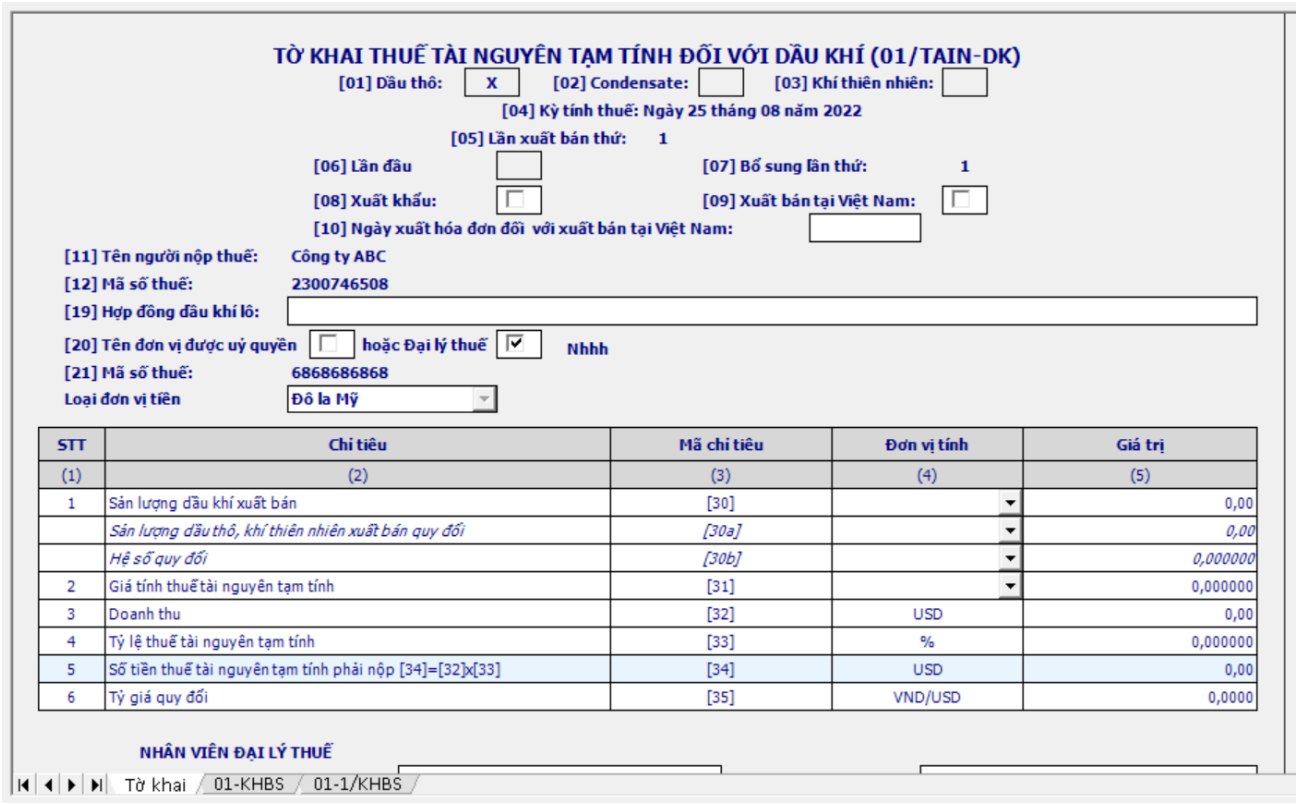

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (01/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Ngày 25 tháng 08 năm 2022

[05] Lần xuất bản thứ: 1

[06] Lần đầu [07] Bổ sung lần thứ: 1

[08] Xuất khẩu: [09] Xuất bán tại Việt Nam:

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:

[11] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[12] Mã số thuế: 2300746508

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[21] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[30]		0,00
	Sản lượng dầu thô, khí thiên nhiên xuất bán quy đổi	*[30a]*		*0,00*
	Hệ số quy đổi	*[30b]*		*0,000000*
2	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	[31]		0,000000
3	Doanh thu	[32]	USD	0,00
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính	[33]	%	0,000000
5	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp [34]=[32]x[33]	[34]	USD	0,00
6	Tỷ giá quy đổi	[35]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Tờ khai 01-KHBS 01-1/KHBS

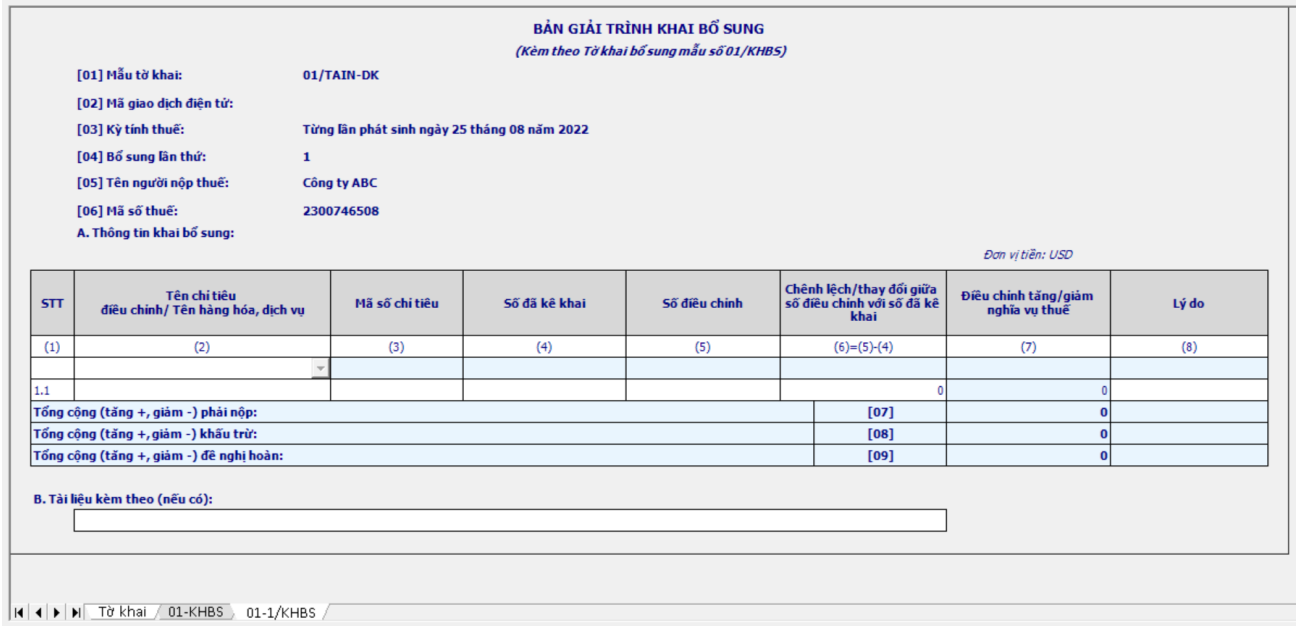

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/TAIN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 25 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:		[07]				0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:		[08]				0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:		[09]				0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai 01-KHBS 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.17 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK thuế TN tạm tính với dầu khí (02/TAIN-DK)(TT80/2021)".

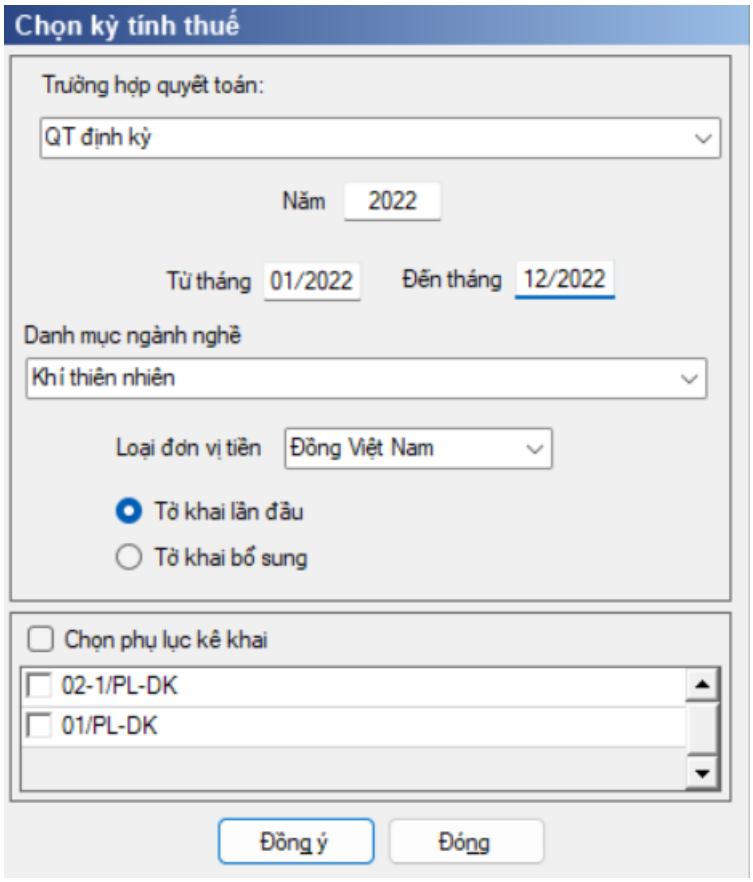

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý

+ Loại kỳ tính thuế: Tơ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)

+ Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai nhiều tờ khai khác loại sản phẩm

+ Đơn vị tiền: Chọn "Việt Nam Đồng" hoặc "Đô la Mỹ". Trong cùng 1 kỳ cho phép kê khai 2 tờ khai cùng sản phẩm khác đơn vị tiền (1 tờ khai theo VNĐ, 1 tờ khai theo USD)

• Đối với MST 0107724012 thì mới được phép kê khai 2 tờ khai khác đơn vị tiền trong cùng 1 kỳ (điều kiện được kiểm tra tại UD TMS)

+ Hạn nộp tờ khai:

• Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp.

• Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-DK)

3.11.17.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

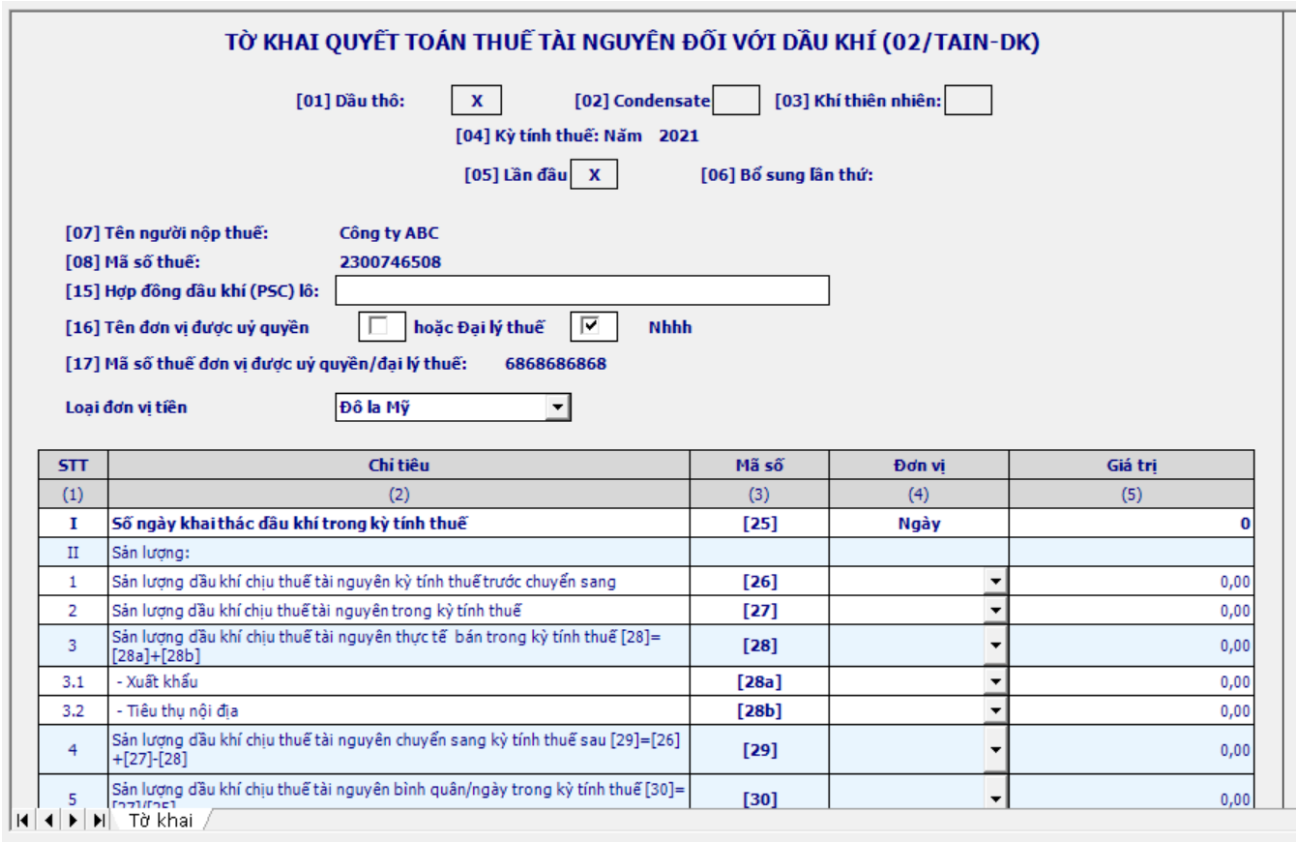

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	[25]	Ngày	0
II	Sản lượng:			
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên kỳ tính thuế trước chuyển sang	[26]		0,00
2	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	[27]		0,00
3	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên thực tế bán trong kỳ tính thuế [28]=[28a]+[28b]	[28]		0,00
3.1	- Xuất khẩu	[28a]		0,00
3.2	- Tiêu thụ nội địa	[28b]		0,00
4	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên chuyển sang kỳ tính thuế sau [29]=[26]+[27]-[28]	[29]		0,00
5	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế [30]=	[30]		0,00

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [25]: NNT nhập số, không âm

+ Chỉ tiêu [26], [27], [28a], [28b], [33]: NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [31]: Nếu là USD thì nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số, nếu là VND thì nhập số, không âm. Kiểm tra [31] = tổng cột [8] bên bảng kê 02-1, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [32]: NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân sau dấu phẩy 6 số, kiểm tra phải <= 100%

+ Chỉ tiêu [43]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [28]: Tự tính theo công thức: [28]=[28a]+[28b], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, cho phép sửa, sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, kiểm tra [28]= tổng cột (6) trên bảng kê 02-1/PL-DK, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [29]: Tự tính theo công thức [29]=[26]+[27]-[28], cho phép sửa, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [34]: Tự tính theo công thức [34]=[27]x[32], cho phép sửa, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [35]: Tự tính theo công thức [35]=[33]+([28]-[26])x[32], cho phép sửa, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [36]: Tự tính theo công thức [36]=[33]+[34]-[35], cho phép sửa, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [37]: Tự tính theo công thức [37] = [31]/[28], nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 6 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Kiểm tra=tổng cột [8]/ tổng cột [6] trên bảng kê 02-1, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [38]: Tự tính theo công thức [38] = [39] + [40], cho phép sửa, nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 6 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [39]: Tự tính theo công thức [39] = [33] * [37], cho phép sửa, nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [40]: Tự tính theo công thức [40]=([35]-[33])x [37], cho phép sửa, nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [42]: Tự tính theo công thức [42]=[38]-[41], cho phép sửa, nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.17.1.1 Phụ lục 02-1/PL-DK

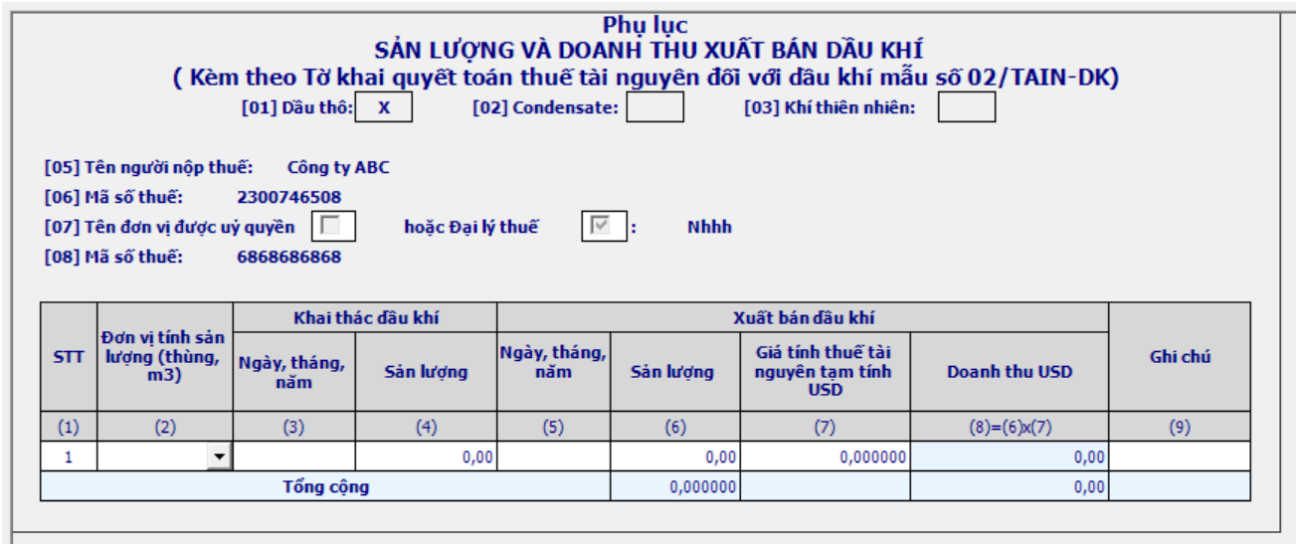

Phụ lục
SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU KHÍ
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu số 02/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868

STT	Đơn vị tính sản lượng (thùng, m3)	Khai thác dầu khí		Xuất bán dầu khí				Ghi chú
		Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính USD	Doanh thu USD	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)x(7)	(9)
1			0,00		0,00	0,000000	0,00	
Tổng cộng					0,000000		0,00	

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu Đơn vị tính sản lượng: chọn trong danh mục

+ Khai thác dầu khí:

- Chỉ tiêu Ngày, tháng, năm: NNT nhập định dạng dd/mm/yyyy, phải <= ngày hiện tại

• Chỉ tiêu Sản lượng: NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Xuất bán dầu khí:

• Chỉ tiêu Ngày, tháng, năm: NNT nhập định dạng dd/mm/yyyy, phải <= ngày hiện tại

• Chỉ tiêu Sản lượng: NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

• Giá tính thuế tài nguyên tạm tính (USD): Nếu là VND nhập >=0 định dạng số nguyên, nếu là USD nhập >=0 định dạng thập phân sau phẩy 6 số

• Doanh thu (USD, VND): Tự động tính theo công thức, nếu là USD thì sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ thì sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

• Ghi chú: NNT nhập dạng text

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Dòng Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (6) và cột (8)

3.11.17.1.2 Phụ lục 01/PL-DK

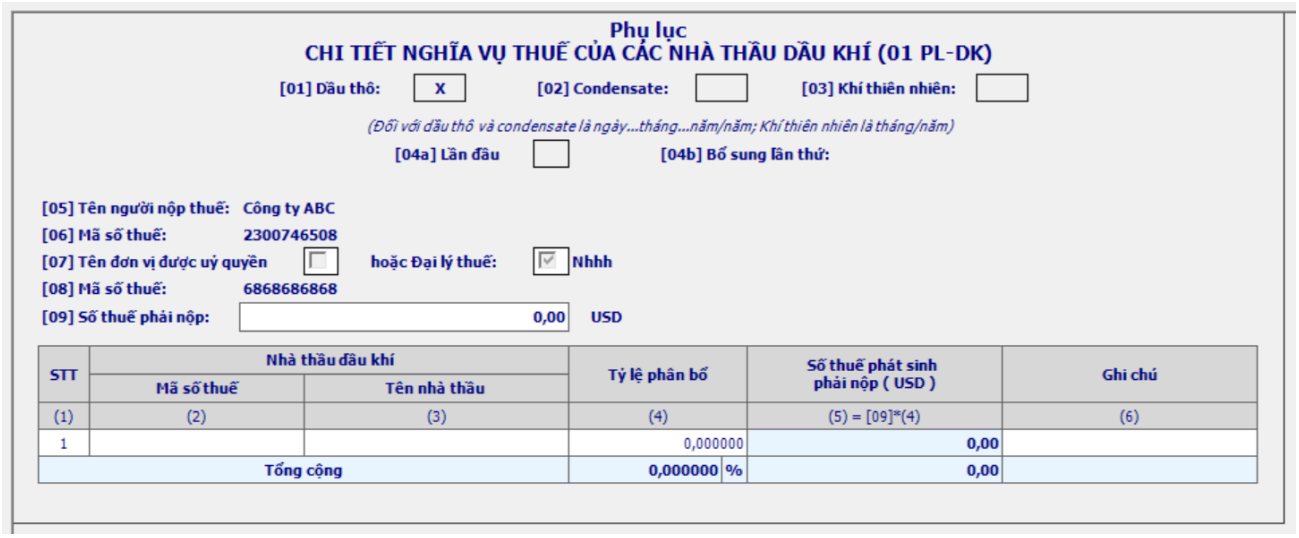

Phụ lục

CHI TIẾT NGHĨA VỤ THUẾ CỦA CÁC NHÀ THẦU DẦU KHÍ (01 PL-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

(Đối với dầu thô và condensate là ngày...tháng...năm/năm; Khí thiên nhiên là tháng/năm)

[04a] Lần đầu [04b] Bổ sung lần thứ:

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Nhhh

[08] Mã số thuế: 6868686868

[09] Số thuế phải nộp: 0,00 USD

STT	Nhà thầu dầu khí		Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phát sinh phải nộp (USD)	Ghi chú
	Mã số thuế	Tên nhà thầu			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = [09]*(4)	(6)
1			0,000000	0,00	
Tổng cộng			0,000000 %	0,00	

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Mã số thuế: NNT nhập MST, kiểm tra cấu trúc MST

+ Số thuế phải nộp: Tự động hiển thị = Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [38] trên tờ khai chính, không cho sửa

+ Tên nhà thầu: Tự động hiển thị tên theo MST nhập ct (2).Nếu không có MST thì nhập text

+ Tỷ lệ phân bổ: NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy

+ Ghi chú: NNT nhập dạng text

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Số thuế phát sinh phải nộp (USD, VND): Tự tính theo công thức, cho phép sửa, Nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Tổng cộng: tổng cộng cột (4) phải = 100,xxxxxx (sai số sau dấu phẩy 6 số), tổng cộng cột (5) = ct 9 trên PL, sai khác cảnh báo vàng

3.11.17.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

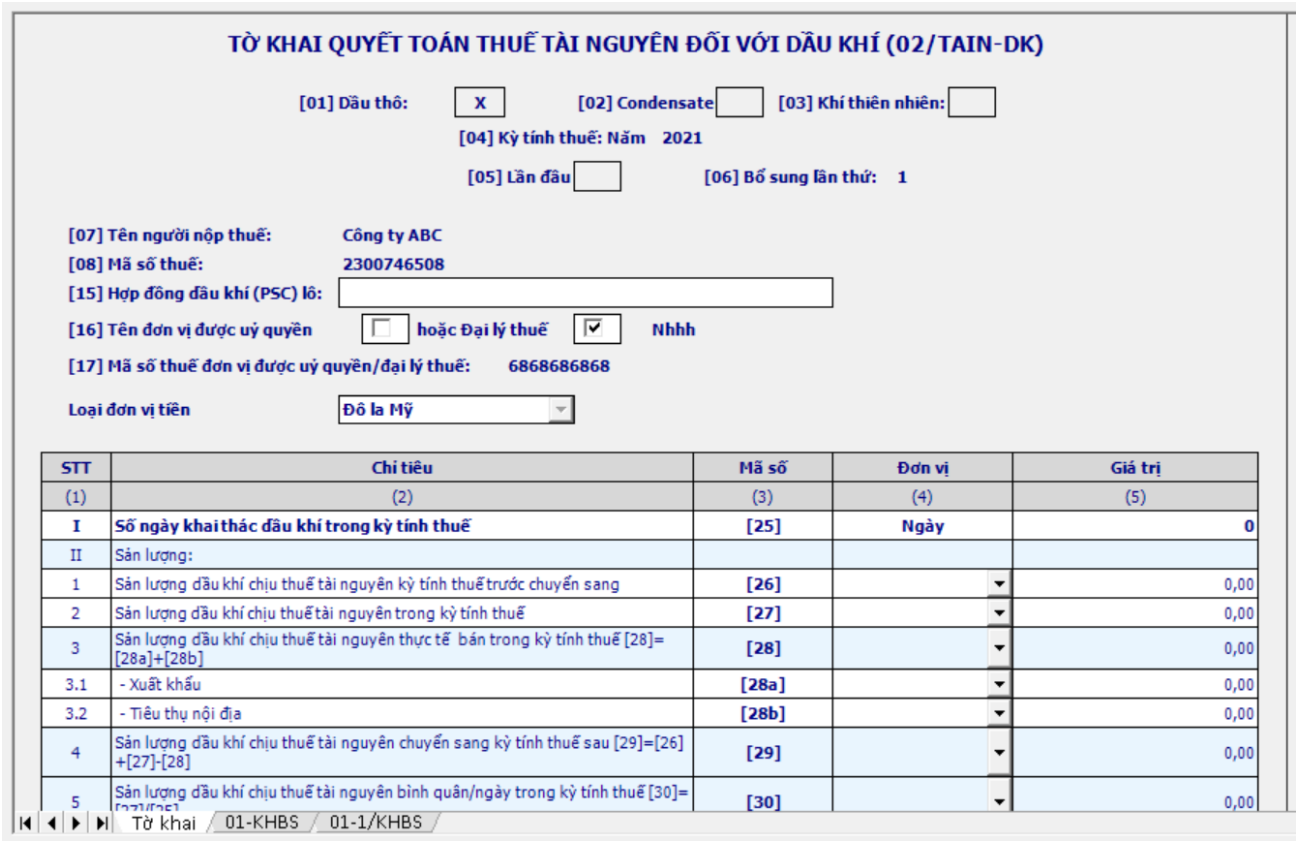

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí (PSC) lô:

[16] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[17] Mã số thuế đơn vị được uỷ quyền/đại lý thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	[25]	Ngày	0
II	Sản lượng:			
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên kỳ tính thuế trước chuyển sang	[26]		0,00
2	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	[27]		0,00
3	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên thực tế bán trong kỳ tính thuế [28]=[28a]+[28b]	[28]		0,00
3.1	- Xuất khẩu	[28a]		0,00
3.2	- Tiêu thụ nội địa	[28b]		0,00
4	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên chuyển sang kỳ tính thuế sau [29]=[26]+[27]-[28]	[29]		0,00
5	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế [30]=	[30]		0,00

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

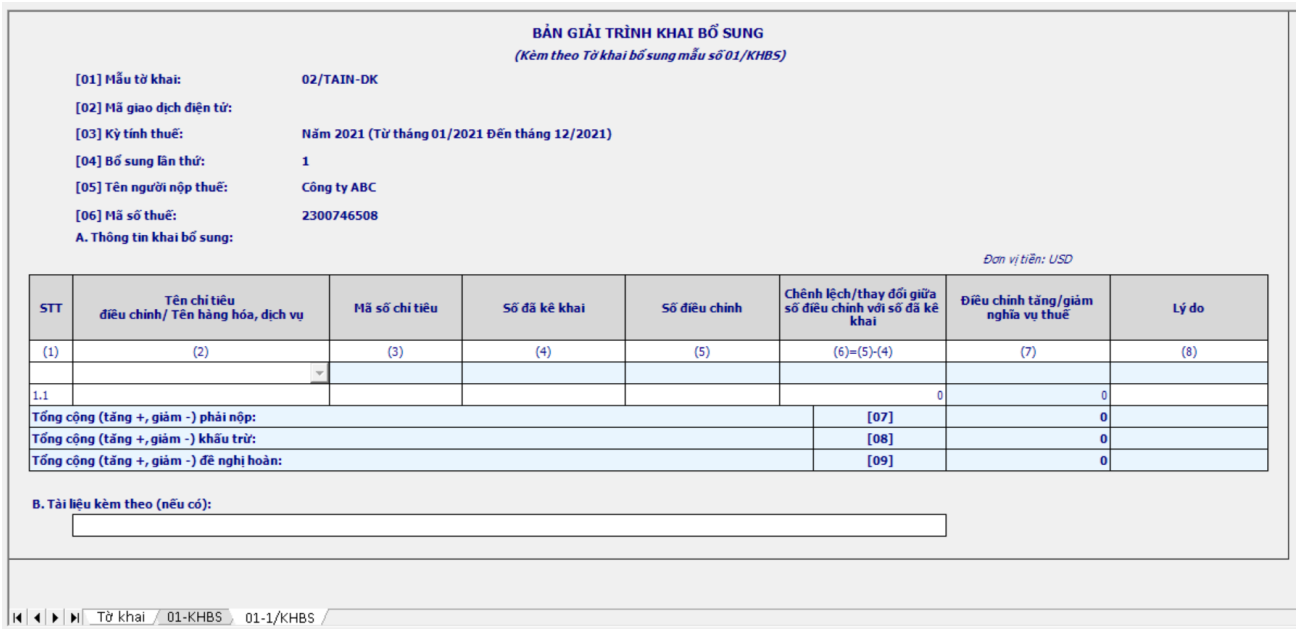

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/TAIN-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.18 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-VSP)(TT80/2021)".

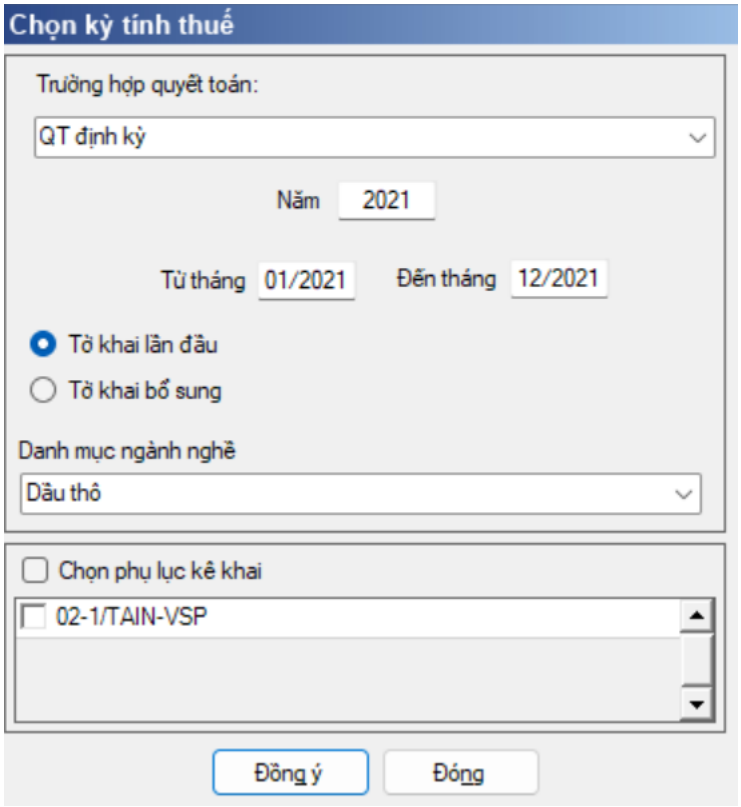

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào, sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tài nguyên đối với dầu khí (02/TAIN-VSP)

3.11.18.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

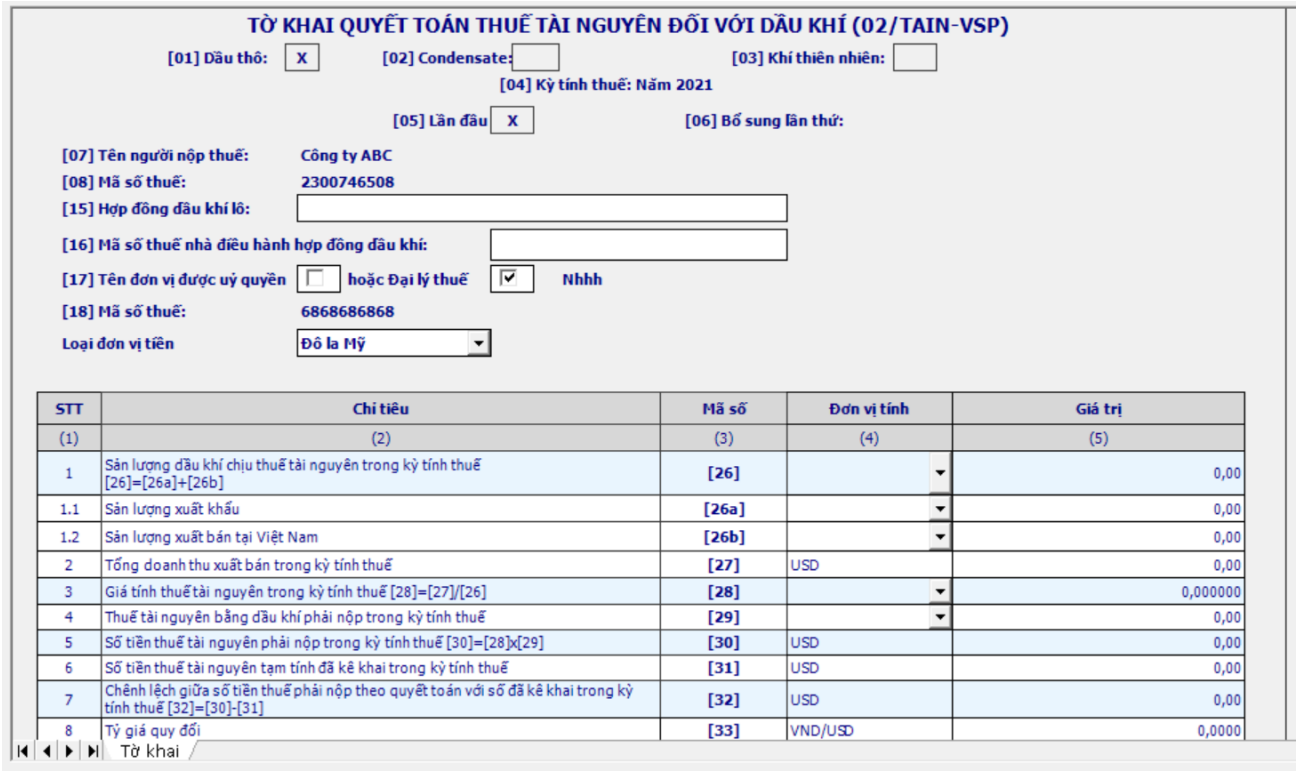

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TAIN-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu X [06] Bổ sung lần thứ:

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [26]=[26a]+[26b]	[26]		0,00
1.1	Sản lượng xuất khẩu	[26a]		0,00
1.2	Sản lượng xuất bán tại Việt Nam	[26b]		0,00
2	Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[27]	USD	0,00
3	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [28]=[27]/[26]	[28]		0,000000
4	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế	[29]		0,00
5	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [30]=[28]x[29]	[30]	USD	0,00
6	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[31]	USD	0,00
7	Chênh lệch giữa số tiền thuế phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [32]=[30]-[31]	[32]	USD	0,00
8	Tỷ giá quy đổi	[33]	VND/USD	0,0000

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [26a], [26b]: NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [27]: Nếu là USD thì nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số, nếu là VND thì nhập số, không âm. Kiểm tra [27] = tổng cột [7] bên bảng kê, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [29]: NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [31]: Nếu là USD thì nhập >=0 định dạng Thập phân sau phẩy 2 số, nếu là VND thì nhập số, không âm

+ Chỉ tiêu [33]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [26]: Tự tính theo công thức: [26]=[26a]+[26b], định dạng thập phân sau phẩy 2 số, kiểm tra [26]= tổng cột (5) trên bảng kê, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [28]: Tự tính theo công thức [28]=[27]/[26], cho phép sửa, Nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 6 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ

- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Kiểm tra=tổng cột 7/ tổng cột 5, sai khác cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [30]: Tự tính theo công thức: [30] = [28]*[29], cho phép nhập
- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [32]: Tự tính theo công thức: [32] = [30]-[31], có thể âm
- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ: sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.18.1.1 Phụ lục 02-1/TAIN-VSP

- Nếu tờ khai có số liệu ở ct27 (chỉ tiêu doanh thu) thì bắt buộc kê khai PL và trên PL có ít nhất 1 dòng nhập đầy đủ các chỉ tiêu (từ ct4 đến ct7). Tờ khai không kê khai dữ liệu thì không cho kê khai PL

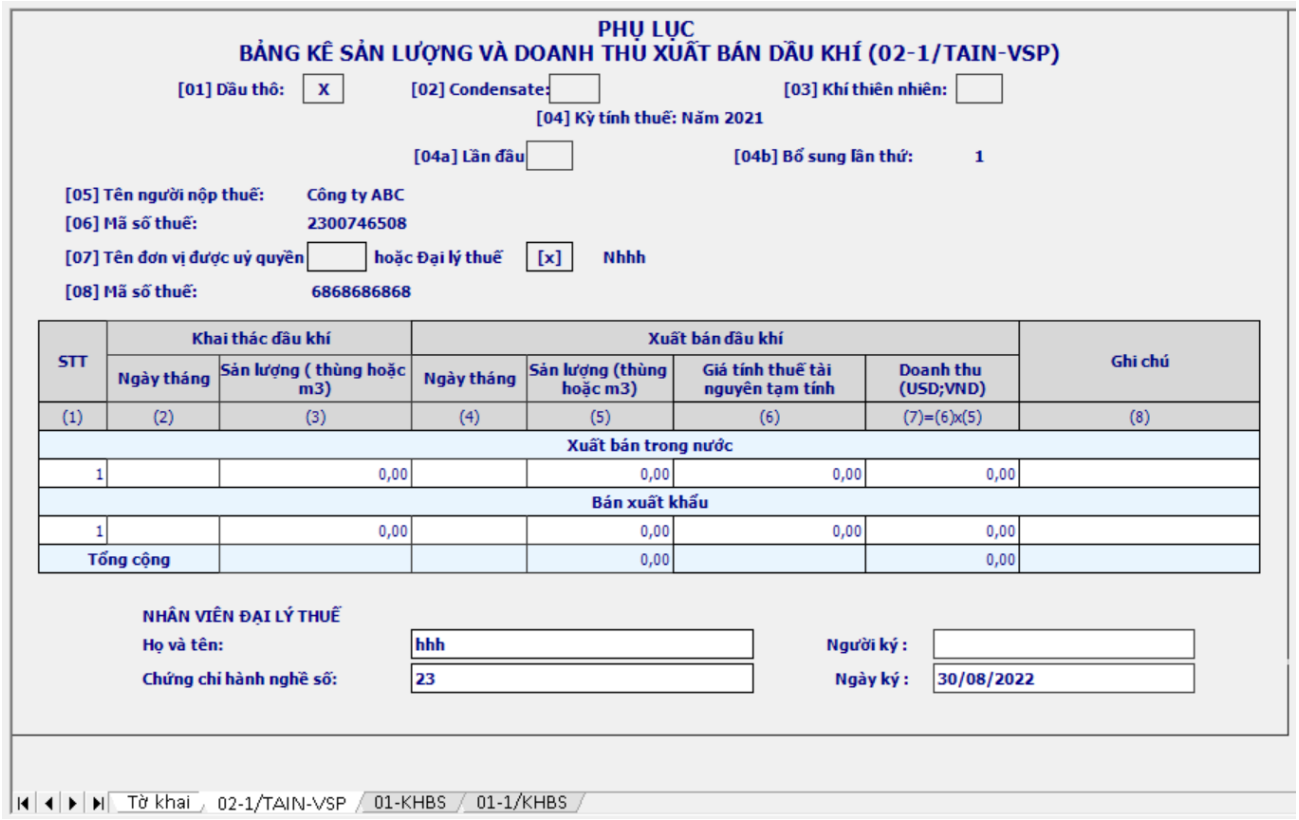

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU KHÍ (02-1/TAIN-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:
[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021
[04a] Lần đầu [04b] Bổ sung lần thứ: 1
[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[06] Mã số thuế: 2300746508
[07] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế [x] Nhhh
[08] Mã số thuế: 6868686868

STT	Khai thác dầu khí		Xuất bán dầu khí				Ghi chú
	Ngày tháng	Sản lượng (thùng hoặc m3)	Ngày tháng	Sản lượng (thùng hoặc m3)	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	Doanh thu (USD;VND)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)x(5)	(8)
Xuất bán trong nước							
1		0,00		0,00	0,00	0,00	
Bán xuất khẩu							
1		0,00		0,00	0,00	0,00	
Tổng cộng				0,00		0,00	

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên: hhh Người ký :
Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký : 30/08/2022

Tờ khai | 02-1/TAIN-VSP | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu Đơn vị tính sản lượng: chọn trong danh mục
+ Khai thác dầu khí:
- Chỉ tiêu Ngày, tháng, năm: NNT nhập định dạng dd/mm/yyyy, phải <= ngày hiện tại
- Chỉ tiêu Sản lượng: NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy

+ Xuất bán dầu khí:

- Chỉ tiêu Ngày, tháng, năm: NNT nhập định dạng dd/mm/yyyy, phải <= ngày hiện tại
- Chỉ tiêu Sản lượng: NNT nhập dạng số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Giá tính thuế tài nguyên tạm tính (USD): Nếu là VND nhập >=0 định dạng số nguyên, nếu là USD nhập >=0 định dạng thập phân sau phẩy 6 số
- Doanh thu (USD, VND): Tự động tính theo công thức, nếu là USD thì sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ, nếu là VNĐ thì sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ
- Ghi chú: NNT nhập dạng text

3.11.18.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

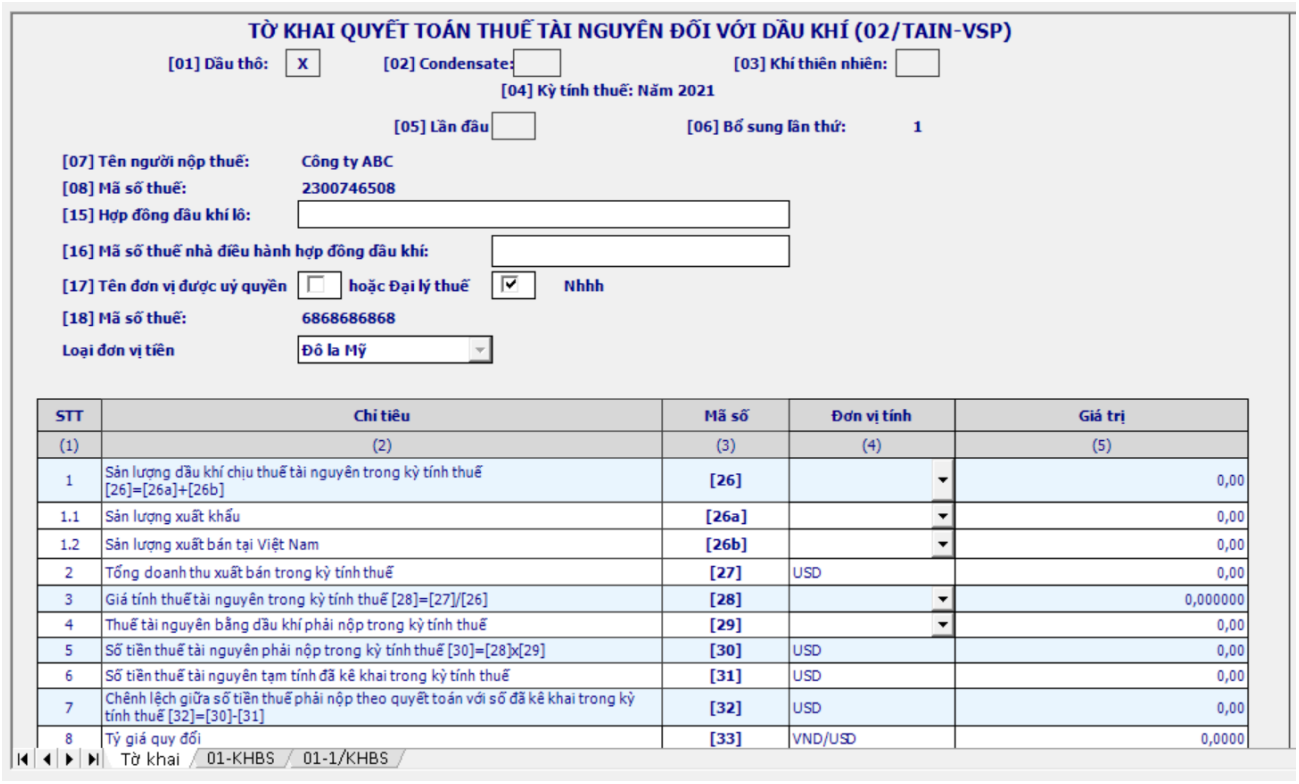

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TAIN-VSP)

[01] Dầu thô: X [02] Condensate: [03] Khí thiên nhiên:

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[05] Lần đầu [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[17] Tên đơn vị được uỷ quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [x] Nhhh

[18] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [26]=[26a]+[26b]	[26]		0,00
1.1	Sản lượng xuất khẩu	[26a]		0,00
1.2	Sản lượng xuất bán tại Việt Nam	[26b]		0,00
2	Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế	[27]	USD	0,00
3	Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [28]=[27]/[26]	[28]		0,000000
4	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế	[29]		0,00
5	Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [30]=[28]x[29]	[30]	USD	0,00
6	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[31]	USD	0,00
7	Chênh lệch giữa số tiền thuế phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [32]=[30]-[31]	[32]	USD	0,00
8	Tỷ giá quy đổi	[33]	VND/USD	0,0000

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

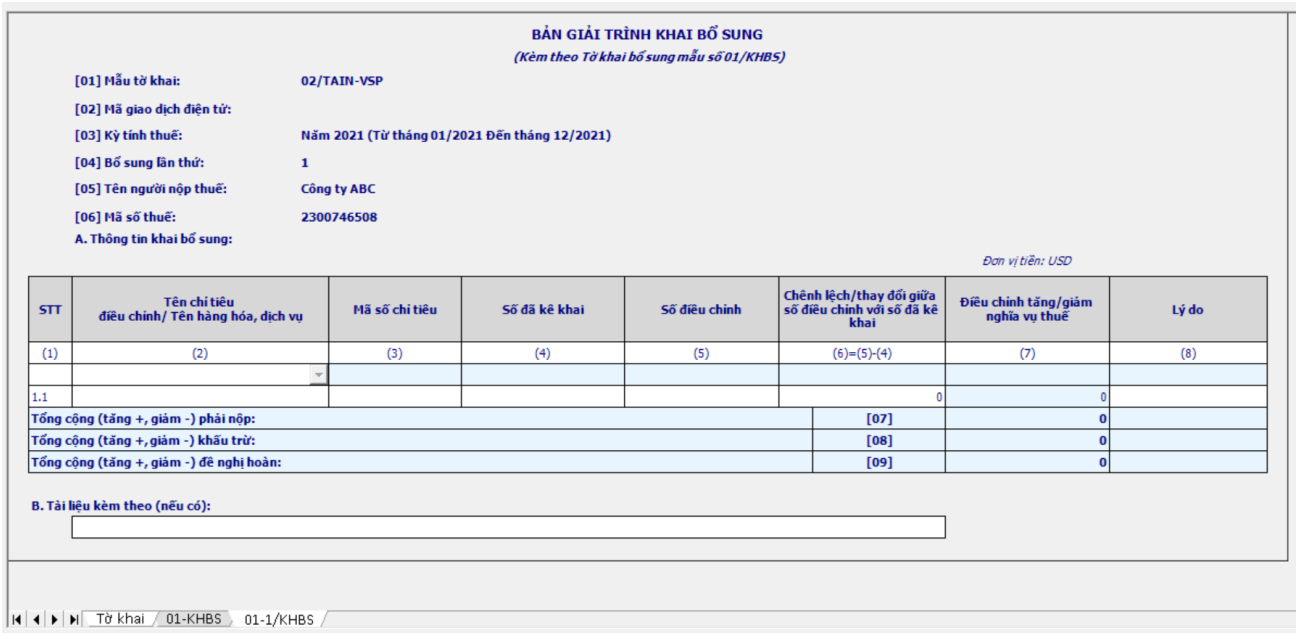

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 02/TAIN-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.19 Báo cáp dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế (01/BCTL-DK) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "BC DKSL dầu khí khai thác (01/BCTL-DK)(TT80/2021)".

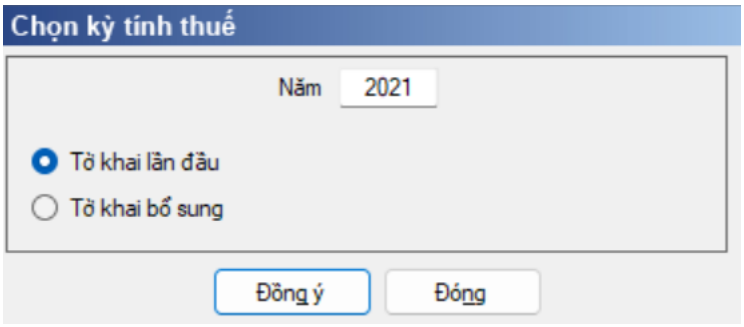

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
+ Loại kỳ tính thuế: Tờ khai năm: từ năm 2022
+ Hạn nộp tờ khai:

• Ngày 1/12 của năm trước năm kê khai. (Theo điều 8 nghị định 126 - Khai tạm tính sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế chậm nhất là ngày 01 tháng 12 của kỳ tính thuế năm trước

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế (01/BCTL-DK)

3.11.19.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

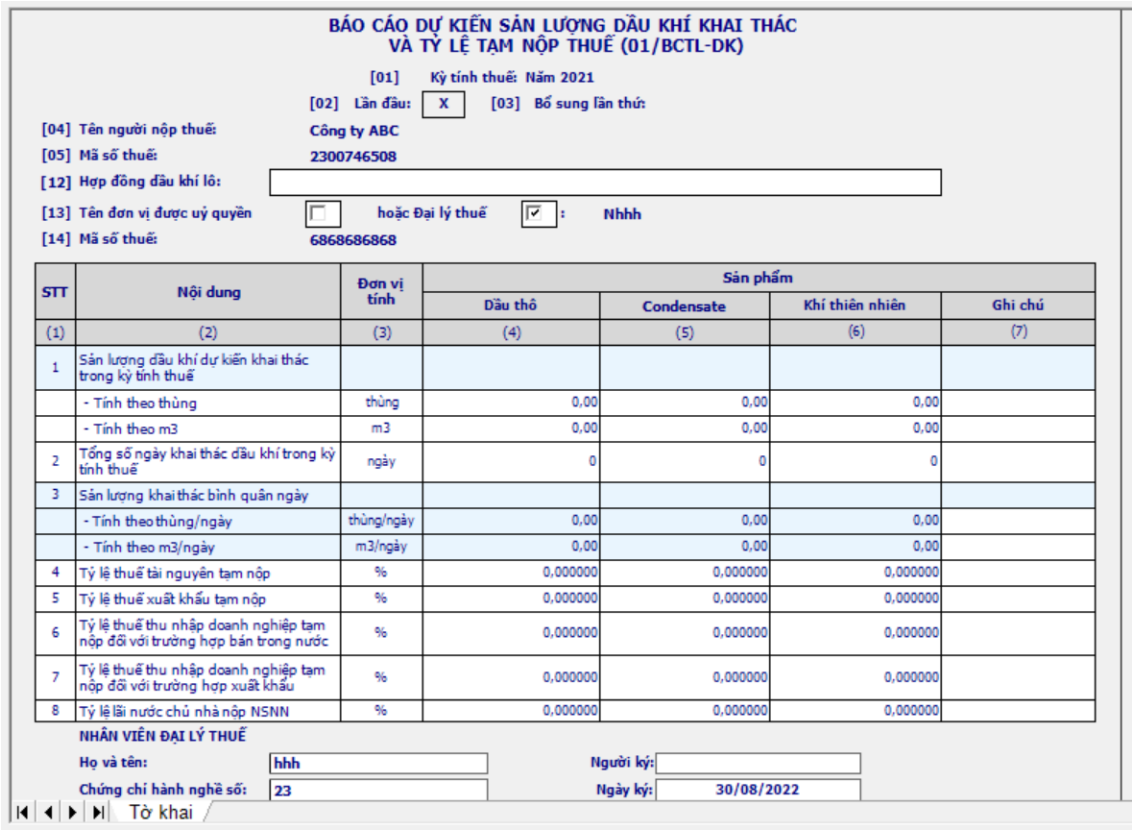

BÁO CÁO DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG DẦU KHÍ KHAI THÁC VÀ TỶ LỆ TẠM NỘP THUẾ (01/BCTL-DK)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được uỷ quyền: ☐ hoặc Đại lý thuế ☑ : Nhhh

[14] Mã số thuế: 6868686868

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Sản phẩm			
			Dầu thô	Condensate	Khí thiên nhiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sản lượng dầu khí dự kiến khai thác trong kỳ tính thuế					
	- Tính theo thùng	thùng	0,00	0,00	0,00	
	- Tính theo m3	m3	0,00	0,00	0,00	
2	Tổng số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	ngày	0	0	0	
3	Sản lượng khai thác bình quân ngày					
	- Tính theo thùng/ngày	thùng/ngày	0,00	0,00	0,00	
	- Tính theo m3/ngày	m3/ngày	0,00	0,00	0,00	
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm nộp	%	0,000000	0,000000	0,000000	
5	Tỷ lệ thuế xuất khẩu tạm nộp	%	0,000000	0,000000	0,000000	
6	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp bán trong nước	%	0,000000	0,000000	0,000000	
7	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp xuất khẩu	%	0,000000	0,000000	0,000000	
8	Tỷ lệ lãi nước chủ nhà nộp NSNN	%	0,000000	0,000000	0,000000	

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 30/08/2022

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ **1. Sản lượng dầu khí dự kiến khai thác trong kỳ tính thuế:** Bắt buộc nhập 1 trong 3 cột (4), (5), (6) của dòng "Tính theo thùng" hoặc "Tính theo m3"

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ 2. Tổng số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế: Bắt buộc nhập 1 trong 3 cột (4), (5), (6)

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ **3. Sản lượng khai thác bình quân ngày:** Bắt buộc nhập 1 trong 3 cột (4), (5), (6) của dòng "Tính theo thùng" hoặc "Tính theo m3"

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 2 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ 4. Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm nộp:

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ 5. Tỷ lệ thuế xuất khẩu tạm nộp:

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ 6. Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp bán trong nước:

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ 7. Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp xuất khẩu:

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

+ 8. Tỷ lệ lãi nước chủ nhà nộp NSNN:

- Chỉ tiêu (4), (5), (6): NNT nhập số, không âm, định dạng 6 số thập phân sau dấu phẩy
- Chỉ tiêu (7): Cho phép NNT nhập dạng text

3.11.19.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

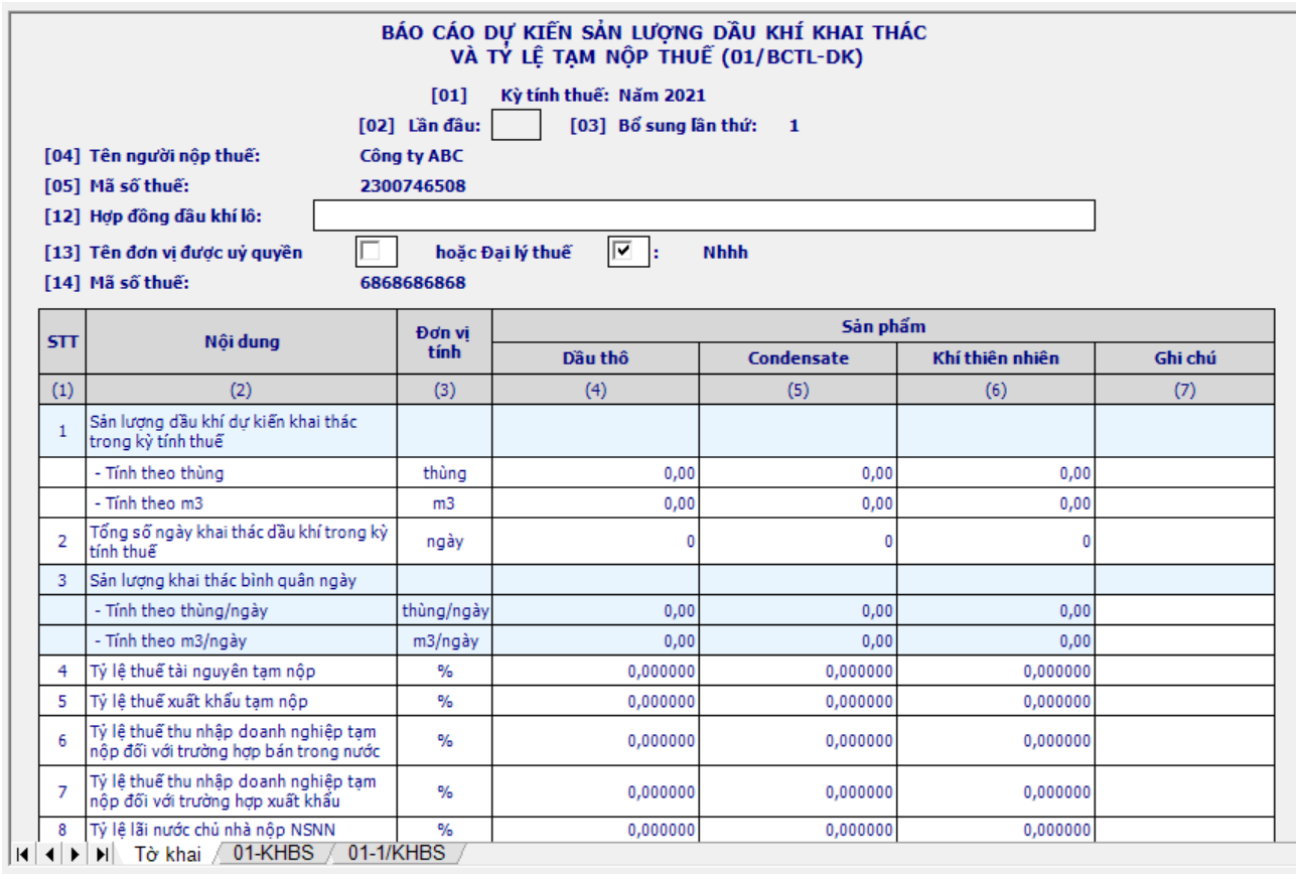

BÁO CÁO DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG DẦU KHÍ KHAI THÁC VÀ TỶ LỆ TẠM NỘP THUẾ (01/BCTL-DK)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: [ ] [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được uỷ quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [x]: Nhhh

[14] Mã số thuế: 6868686868

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Sản phẩm			
			Dầu thô	Condensate	Khí thiên nhiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sản lượng dầu khí dự kiến khai thác trong kỳ tính thuế					
	- Tính theo thùng	thùng	0,00	0,00	0,00	
	- Tính theo m3	m3	0,00	0,00	0,00	
2	Tổng số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	ngày	0	0	0	
3	Sản lượng khai thác bình quân ngày					
	- Tính theo thùng/ngày	thùng/ngày	0,00	0,00	0,00	
	- Tính theo m3/ngày	m3/ngày	0,00	0,00	0,00	
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm nộp	%	0,000000	0,000000	0,000000	
5	Tỷ lệ thuế xuất khẩu tạm nộp	%	0,000000	0,000000	0,000000	
6	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp bán trong nước	%	0,000000	0,000000	0,000000	
7	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp xuất khẩu	%	0,000000	0,000000	0,000000	
8	Tỷ lệ lãi nước chủ nhà nộp NSNN	%	0,000000	0,000000	0,000000	

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

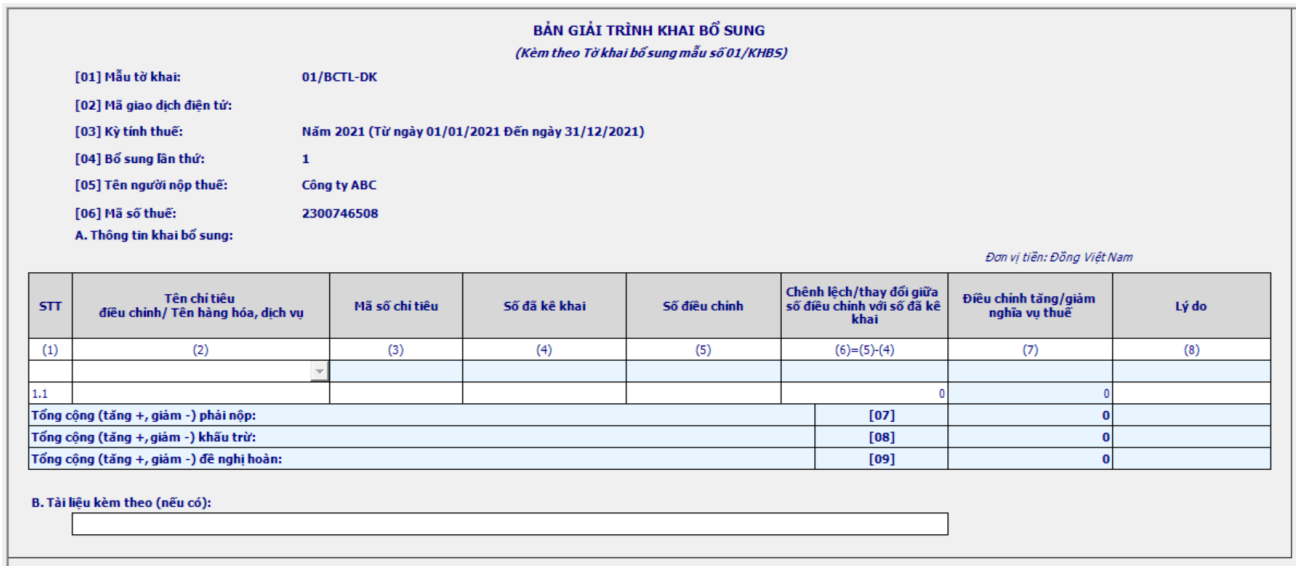

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/BCTL-DK

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:		[07]				0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:		[08]				0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:		[09]				0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11.20 Tờ khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên (01/ĐCĐB-VSP) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "TK điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên (01/ĐCĐB-VSP)".

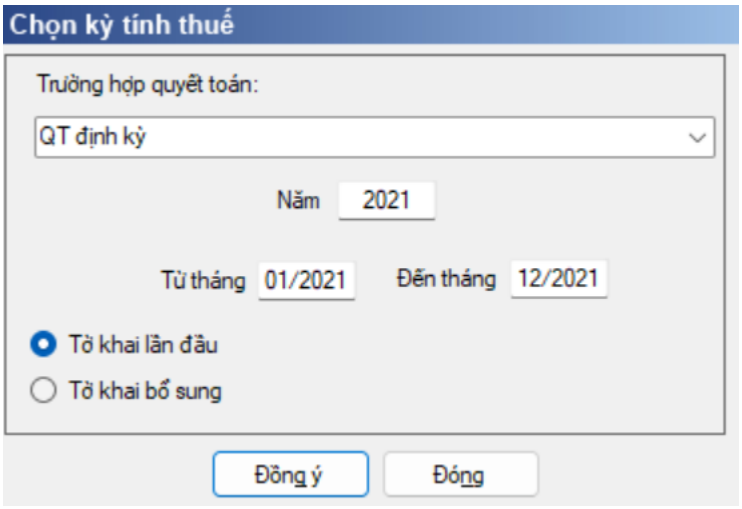

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
+ Loại kỳ tính thuế: Tơ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)
+ Hạn nộp tờ khai:

• Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp.

• Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên (01/ĐCĐB-VSP)

3.11.20.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

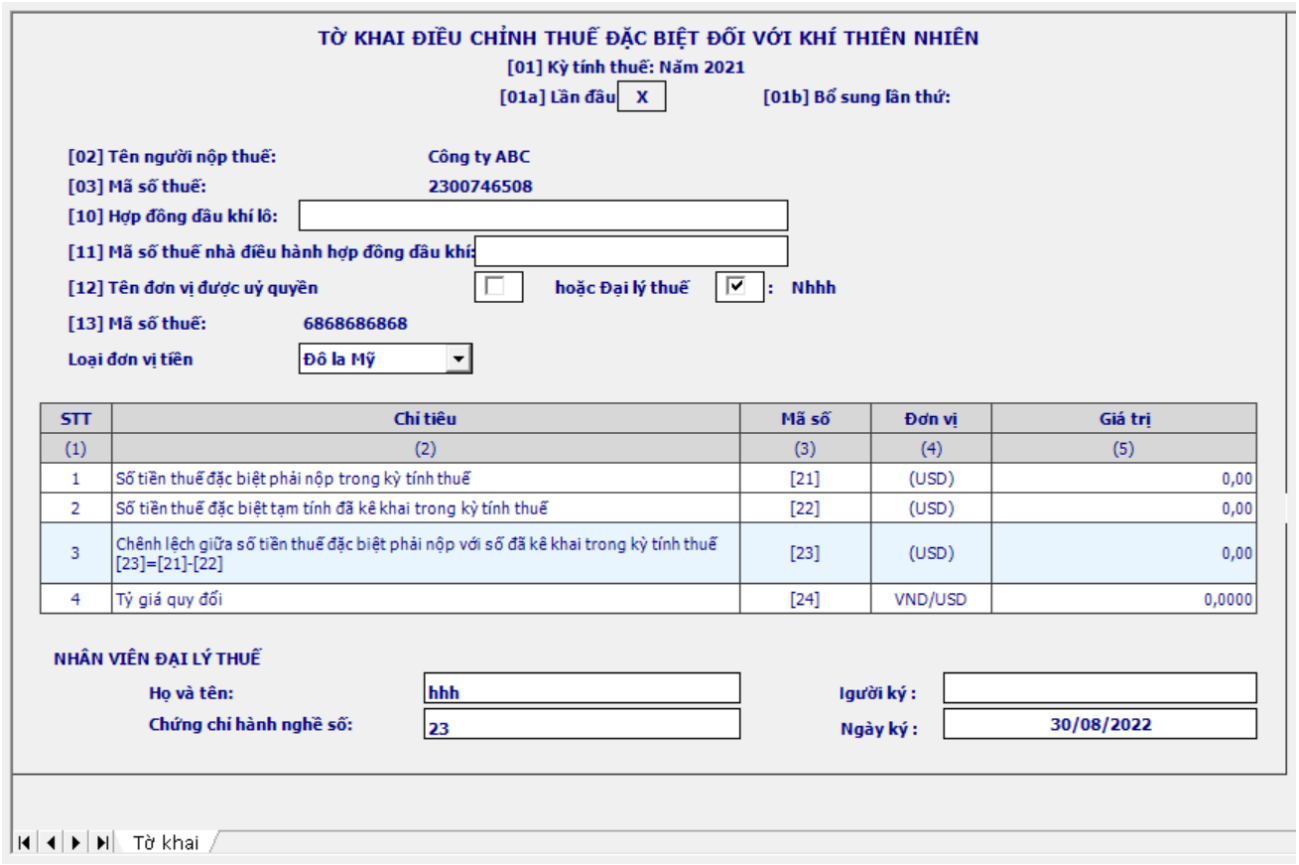

TỜ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI KHÍ THIÊN NHIÊN

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[01a] Lần đầu: X [01b] Bổ sung lần thứ:

[02] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[03] Mã số thuế: 2300746508

[10] Hợp đồng dầu khí lô:

[11] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[12] Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế : Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền thuế đặc biệt phải nộp trong kỳ tính thuế	[21]	(USD)	0,00
2	Số tiền thuế đặc biệt tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[22]	(USD)	0,00
3	Chênh lệch giữa số tiền thuế đặc biệt phải nộp với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [23]=[21]-[22]	[23]	(USD)	0,00
4	Tỷ giá quy đổi	[24]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 23 Ngày ký: 30/08/2022

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:** 1 tờ khkai chỉ cho khai theo 1 loại tiền

+ Chỉ tiêu [21]: Nếu là VND NNT nhập số, không âm, định dạng số nguyên; nếu là USD NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân

+ Chỉ tiêu [22]: Nếu là VND NNT nhập số, không âm, định dạng số nguyên; nếu là USD NNT nhập số, không âm, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số

+ Chỉ tiêu [24]: NNT nhập số, không âm, định dạng 4 số thập phân sau dấu phẩy

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [23]: Tự tính theo công thức [23]=[21]-[22], có thể âm, cho phép sửa, Nếu là VND thì số nguyên, nếu là USD thì định dạng thập phân sau phẩy 2 số

- Nếu là USD: sửa trong ngưỡng +-5USD hoặc 0. 1% vượt quá cảnh báo đỏ
- Nếu là VNĐ : sửa trong ngưỡng 100.000 hoặc 0. 1%, vượt quá cảnh báo đỏ

3.11.20.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

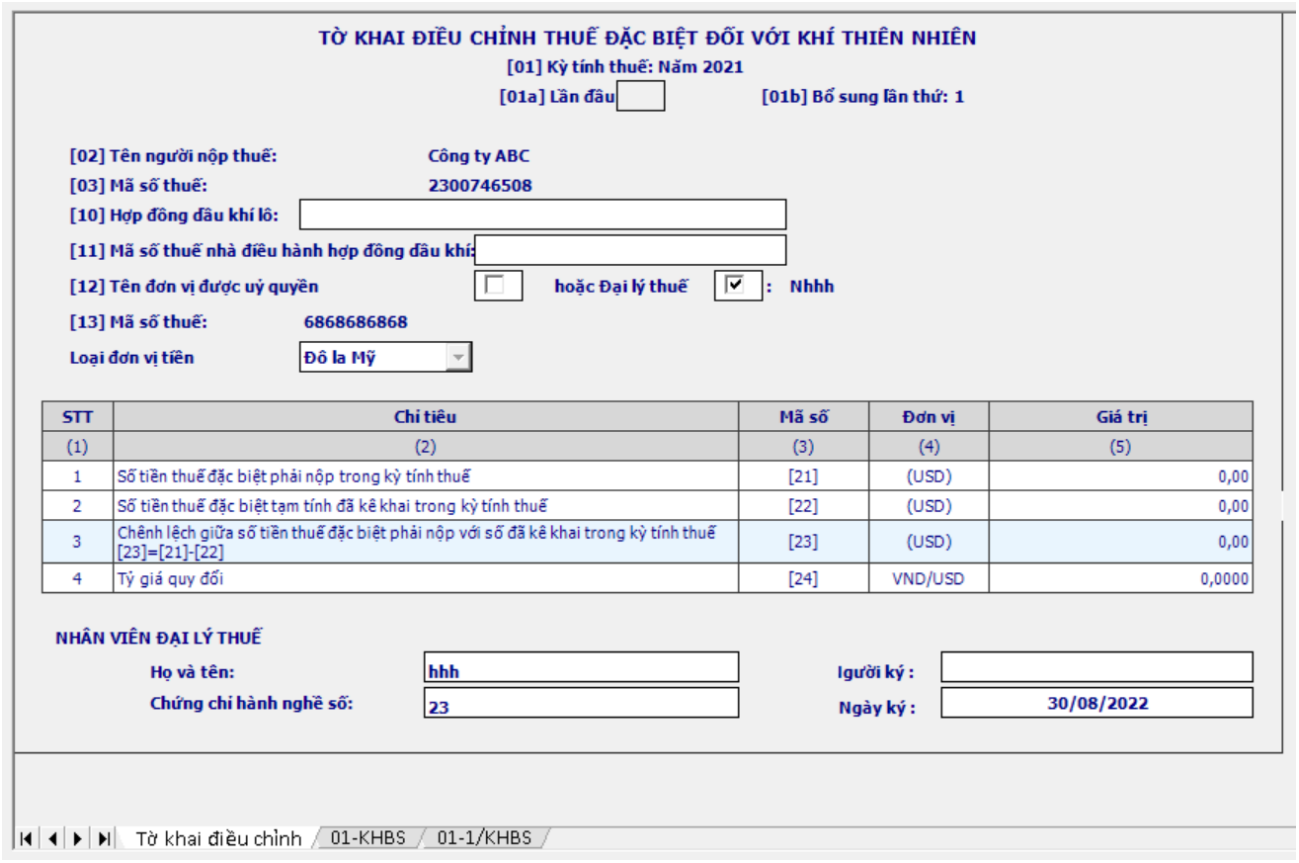

TỜ KHAI ĐIỀU CHỈNH THUẾ ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI KHÍ THIÊN NHIÊN

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[01a] Lần đầu ☐ [01b] Bổ sung lần thứ: 1

[02] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[03] Mã số thuế: 2300746508

[10] Hợp đồng dầu khí lô:

[11] Mã số thuế nhà điều hành hợp đồng dầu khí:

[12] Tên đơn vị được uỷ quyền ☐ hoặc Đại lý thuế ☑ : Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

Loại đơn vị tiền: Đô la Mỹ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Số tiền thuế đặc biệt phải nộp trong kỳ tính thuế	[21]	(USD)	0,00
2	Số tiền thuế đặc biệt tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế	[22]	(USD)	0,00
3	Chênh lệch giữa số tiền thuế đặc biệt phải nộp với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [23]=[21]-[22]	[23]	(USD)	0,00
4	Tỷ giá quy đổi	[24]	VND/USD	0,0000

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh

Chứng chỉ hành nghề số: 23

Người ký:

Ngày ký: 30/08/2022

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

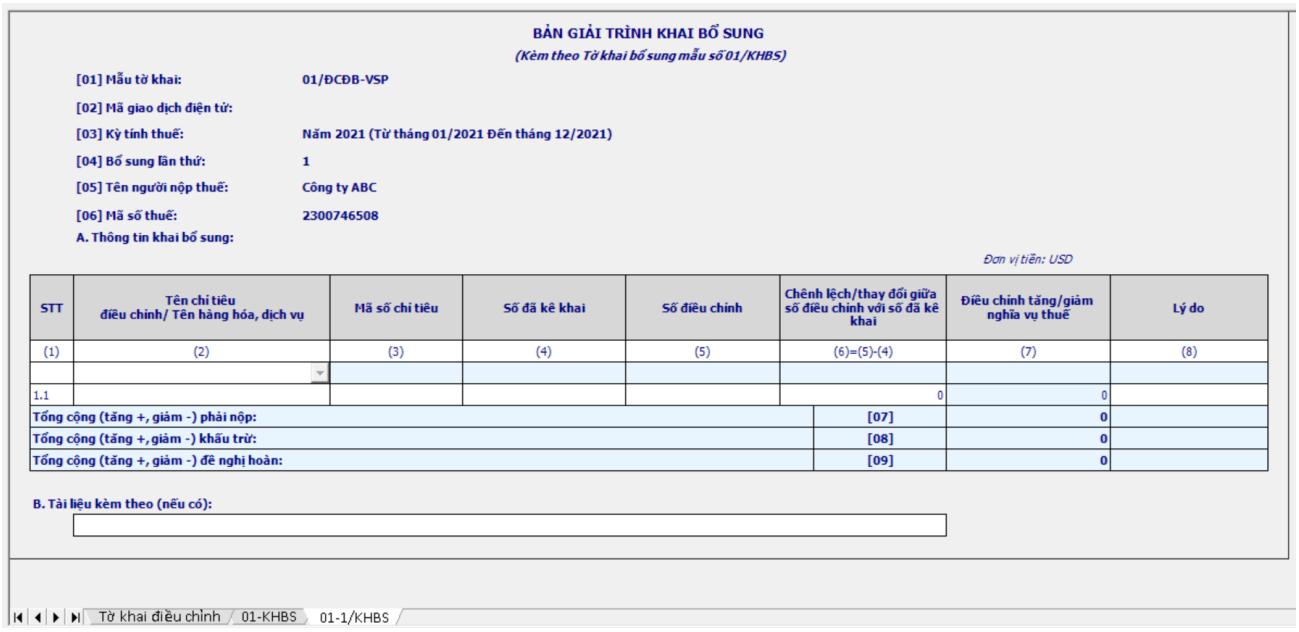

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/ĐCĐB-VSP

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ tháng 01/2021 Đến tháng 12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: USD

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Cổ tức, lợi nhuận được chia

3.12.1 Tờ khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên (01/CTLNĐC) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Cổ tức, lợi nhuận được chia" chọn "Tờ khai cổ tức, LNDC cho phần vốn NN" mẫu (01/CTLNĐC)(TT80/2021). Khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

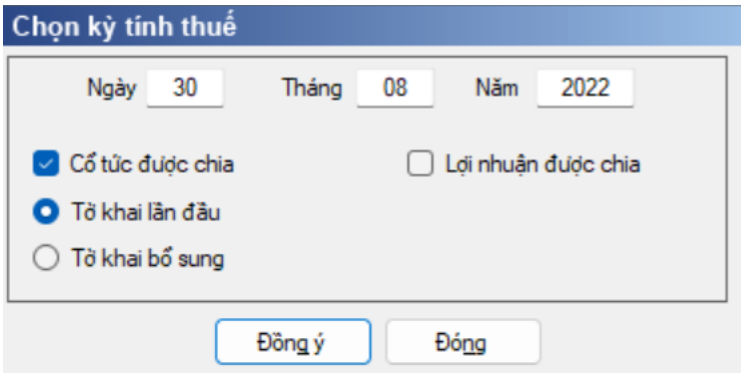

- Hiệu lực tờ khai từ tháng 01/01/2022 trở đi.
- Cơ quan thuế nộp tờ khai: Cơ quan thuế quản lý trực tiếp
- Hạn nộp tờ khai: 10 ngày kể từ "Ngày được nhận cổ tức, lợi nhuận" – chỉ tiêu [01] trên tờ khai; nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì chuyển sang ngày tiếp theo
- 1 ngày có thể có 2 tờ khai tương ứng với 2 hình thức "Cổ tức được chia", "Lợi nhuận được chia"
- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn NN (01/CTLNĐC)

3.12.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế", nhập ngày tháng năm, chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, nhấn núy [Đồng ý] màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

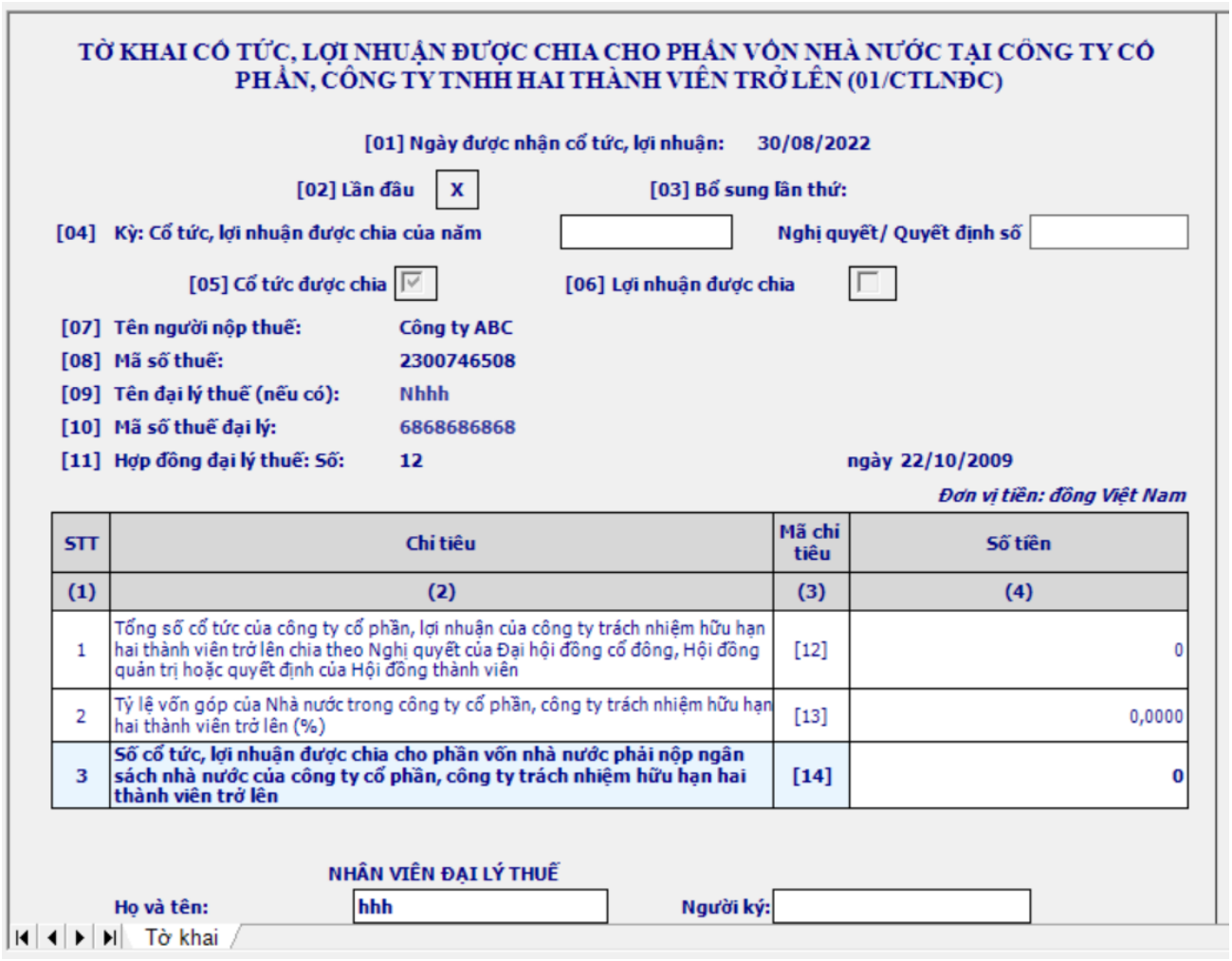

TỜ KHAI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA CHO PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN (01/CTLNĐC)

[01] Ngày được nhận cổ tức, lợi nhuận: 30/08/2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Kỳ: Cổ tức, lợi nhuận được chia của năm [ ] Nghị quyết/ Quyết định số [ ]

[05] Cổ tức được chia [ ] [06] Lợi nhuận được chia [ ]

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[09] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[10] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng số cổ tức của công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Hội đồng thành viên	[12]	0
2	Tỷ lệ vốn góp của Nhà nước trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (%)	[13]	0,0000
3	**Số cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**	**[14]**	**0**

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Tờ khai

- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  + Chỉ tiêu [12]: NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
  + Chỉ tiêu [13]: NNT nhập số thập phân, 4 số sau dấu phẩy, từ 0-100
  + Chỉ tiêu [14]: UD tính theo công thức [14]=[12]x[13]

3.12.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

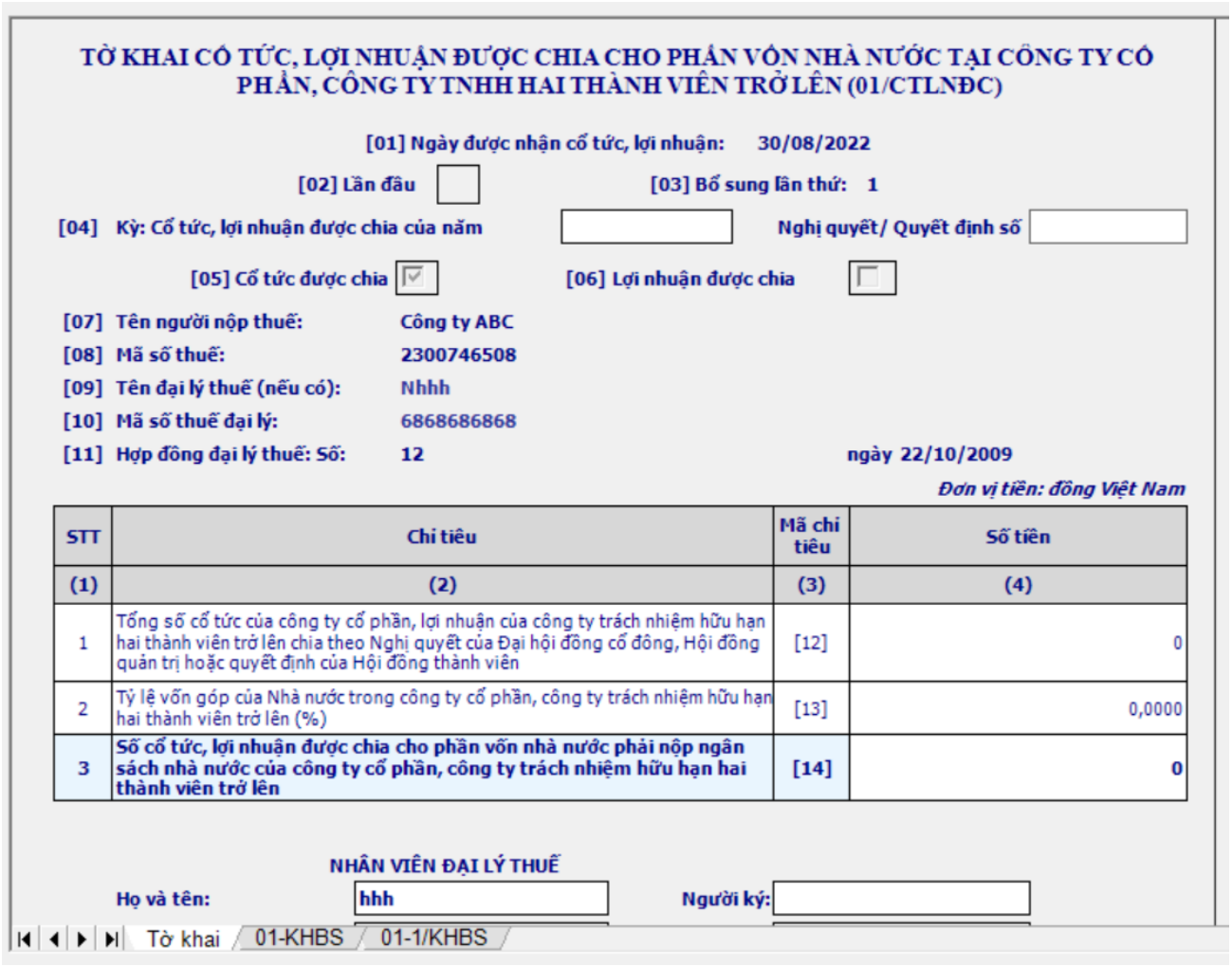

TỜ KHAI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA CHO PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN (01/CTLNĐC)

[01] Ngày được nhận cổ tức, lợi nhuận: 30/08/2022

[02] Lần đầu [ ] [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Kỳ: Cổ tức, lợi nhuận được chia của năm [ ] Nghị quyết/ Quyết định số [ ]

[05] Cổ tức được chia [x] [06] Lợi nhuận được chia [ ]

[07] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[08] Mã số thuế: 2300746508

[09] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[10] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng số cổ tức của công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Hội đồng thành viên	[12]	0
2	Tỷ lệ vốn góp của Nhà nước trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (%)	[13]	0,0000
3	**Số cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**	**[14]**	**0**

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: hhh Người ký:

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

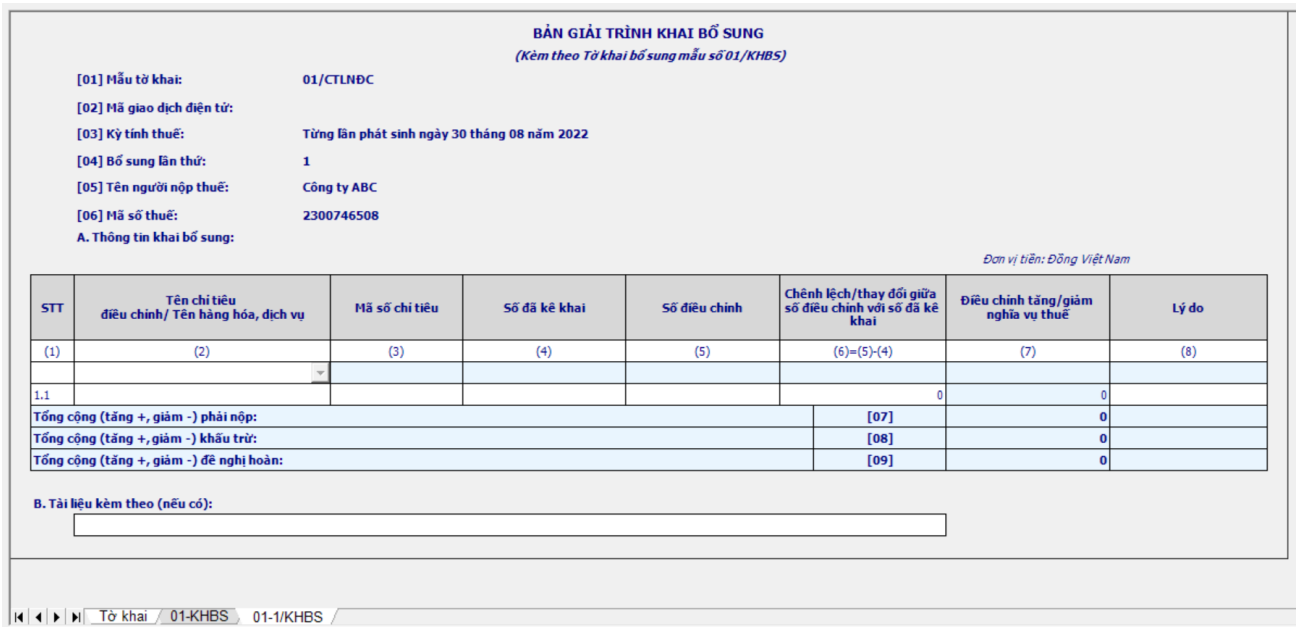

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/CTLNĐC

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Từng lần phát sinh ngày 30 tháng 08 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.12.2 Tờ khai quyết toán lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (01/QT-LNCL) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Cổ tức lợi nhuận được chia" chọn "TK QT LNST trích lập các quỹ phải nộp NSNN (01/QT-LNCL)(TT80/2021)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

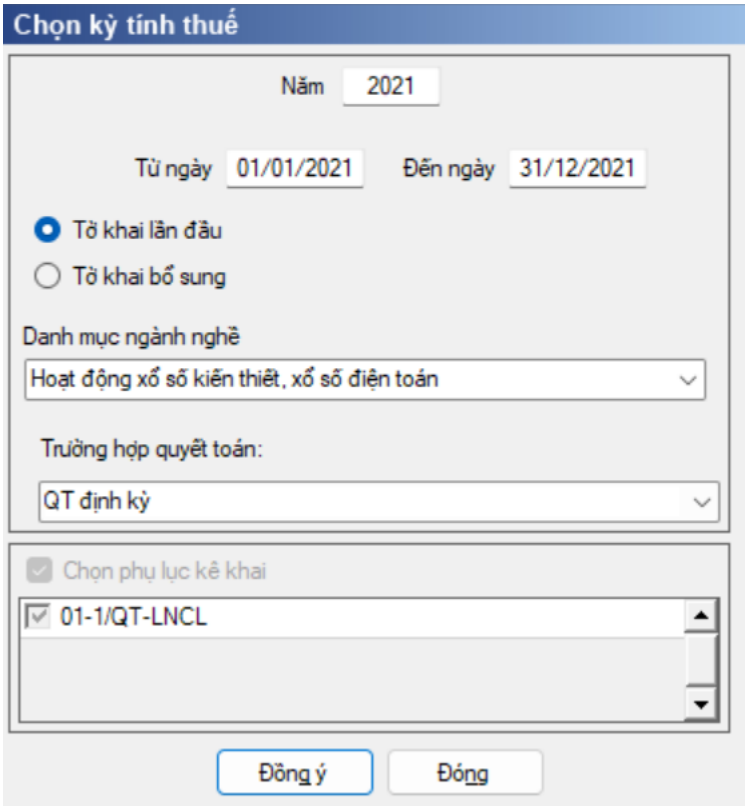

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý
+ Loại kỳ tính thuế: Tơ khai năm: từ năm 2021 (kỳ >=21CN)
+ Hạn nộp tờ khai:

• Đối với trường hợp quyết toán đủ 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ tháng quyết toán đến, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ. Không cho phép sửa hạn nộp.

• Đối với trường hợp quyết toán < 12 tháng: hạn nộp = ngày cuối cùng của kỳ quyết toán đến + 45 ngày, dịch sang ngày tiếp theo nếu rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (01/QT-LNCL)

3.12.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

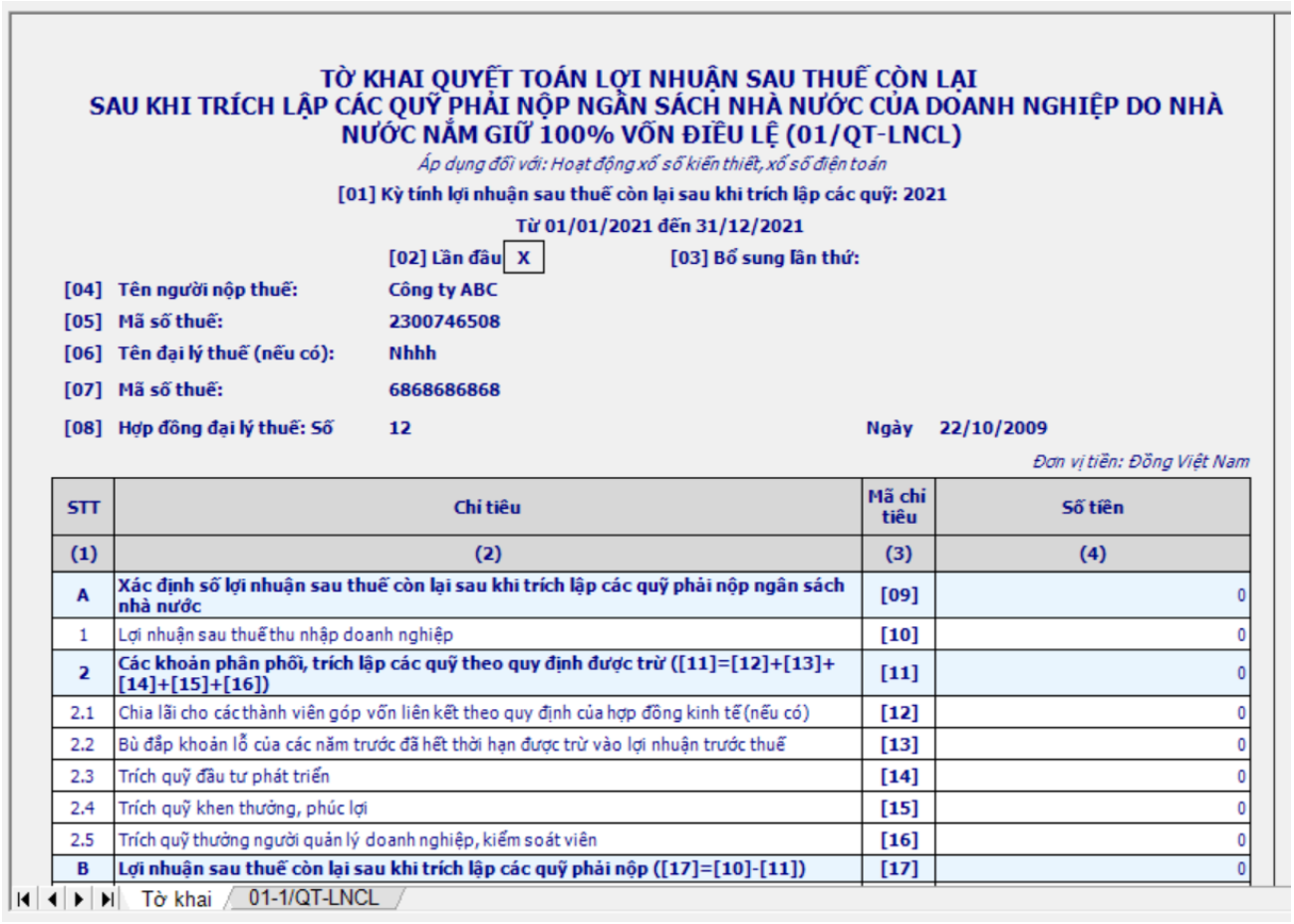

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI SAU KHI TRÍCH LẬP CÁC QUỸ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ (01/QT-LNCL)

Áp dụng đối với: Hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán

[01] Kỳ tính lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ: 2021

Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 Ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Xác định số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước**	[09]	0
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	[10]	0
2	**Các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ ([11]=[12]+[13]+[14]+[15]+[16])**	[11]	0
2.1	Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế (nếu có)	[12]	0
2.2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế	[13]	0
2.3	Trích quỹ đầu tư phát triển	[14]	0
2.4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	[15]	0
2.5	Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	[16]	0
B	**Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ([17]=[10]-[11])**	[17]	0

Tờ khai | 01-1/QT-LNCL

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

  + Chỉ tiêu [09]: Khóa

  + Chỉ tiêu [10]: NNT nhập số âm dương, tối đa 15 số. Nếu là âm thì các chỉ tiêu từ 11 đến 21 = 0

  + Chỉ tiêu [12], [13], [14], [15], [16], [18], [19]: NNT nhập số nguyên, không âm, tối đa 15 số

- **Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:**

  + Chỉ tiêu [11] = [12] + [13] + [14] + [15] + [16]

  + Chỉ tiêu [17] = [10] – [11], không cho sửa, nếu âm thì hiển thị = 0

  + Chỉ tiêu [20] = [17] – [19]

  + Chỉ tiêu [21] = [17] – [18] – [19], không cho sửa, có thể âm

3.12.2.1.1 Phụ lục 01-1/QT-LNCL

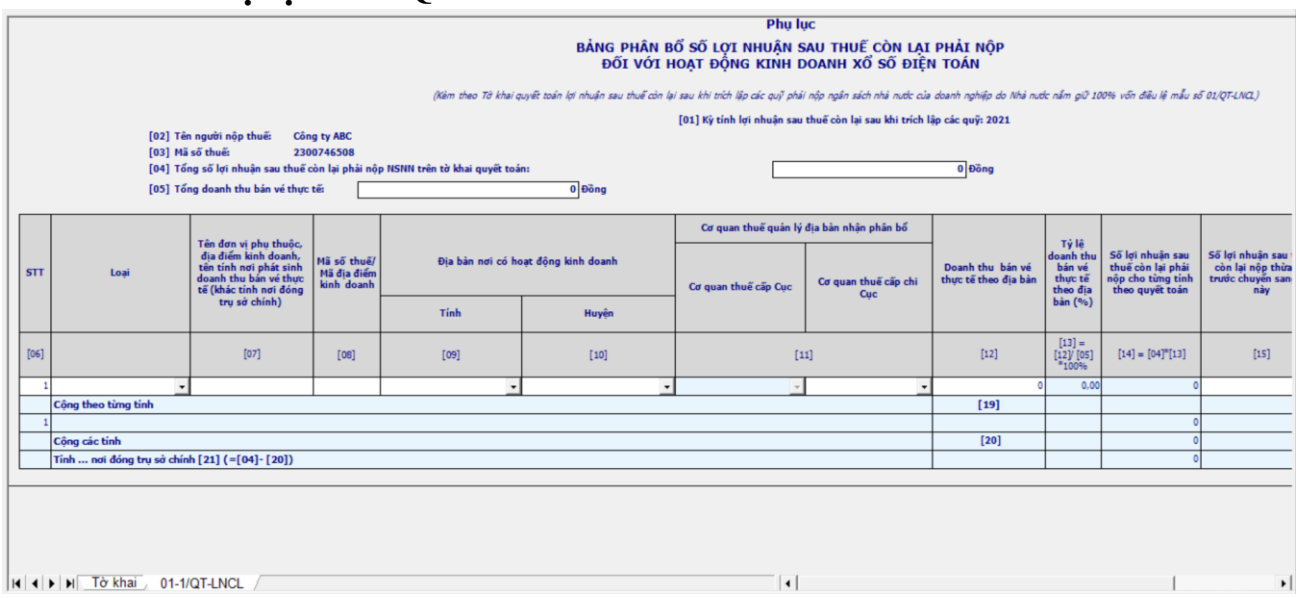

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỔ SỐ LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI PHẢI NỘP
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ ĐIỆN TOÁN

(Kèm theo Tờ khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mẫu số 01/QT-LNCL)

[01] Kỳ tính lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ: 2021

[02] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[03] Mã số thuế: 2300746508
[04] Tổng số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp NSNN trên tờ khai quyết toán: 0 Đồng
[05] Tổng doanh thu bán vé thực tế: 0 Đồng

STT	Loại	Tên đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, tên tỉnh nơi phát sinh doanh thu bán vé thực tế (khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính)	Mã số thuế/ Mã địa điểm kinh doanh	Địa bàn nơi có hoạt động kinh doanh		Cơ quan thuế quản lý địa bàn nhận phân bổ		Doanh thu bán vé thực tế theo địa bàn	Tỷ lệ doanh thu bán vé thực tế theo địa bàn (%)	Số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp cho từng tỉnh theo quyết toán	Số lợi nhuận sau còn lại nộp thừa trước chuyển sang này
				Tỉnh	Huyện	Cơ quan thuế cấp Cục	Cơ quan thuế cấp chi Cục				
[06]		[07]	[08]	[09]	[10]	[11]		[12]	[13] = [12]/ [05] *100%	[14] = [04]*[13]	[15]
1								0	0.00	0	
	Cộng theo từng tỉnh							[19]			
1										0	
	Cộng các tỉnh							[20]		0	
	Tỉnh ... nơi đóng trụ sở chính [21] (=[04]- [20])									0	

Tờ khai 01-1/QT-LNCL

- **Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Chỉ tiêu [05]: NNT nhập số nguyên, không âm, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu [07]: NNT nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [08]: NNT nhập mã 13 số hoặc mà DDKD 5 số, hệ thống kiểm tra MST NSD nhập không được trùng

+ Chỉ tiêu [09], [10]: Chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [12]: Nhập số nguyên, không âm, kiểm tra tổng cộng [12] <= [5]

+ Chỉ tiêu [15], [16]: Nhập số nguyên, không âm, mặc định là 0

- **Các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [13] = [12]/[05]*100%, định dạng thập phân sau dấu phẩy 2 số, tổng cộng (13)<=100%

+ Chỉ tiêu [14] = [04] * [13], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [17] = [14] – [16], không cho sửa, có thể âm

+ Chỉ tiêu [18] = [14] – [15] – [16], không cho sửa, nếu âm thì hiển thị = 0

+ Chỉ tiêu [19]: Tổng cộng theo từng tỉnh

+ Chỉ tiêu [20] = Tổng [19]

+ Chỉ tiêu [21] = [04] – [20], không cho sửa, nếu âm hiển thị = 0

3.12.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.

- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

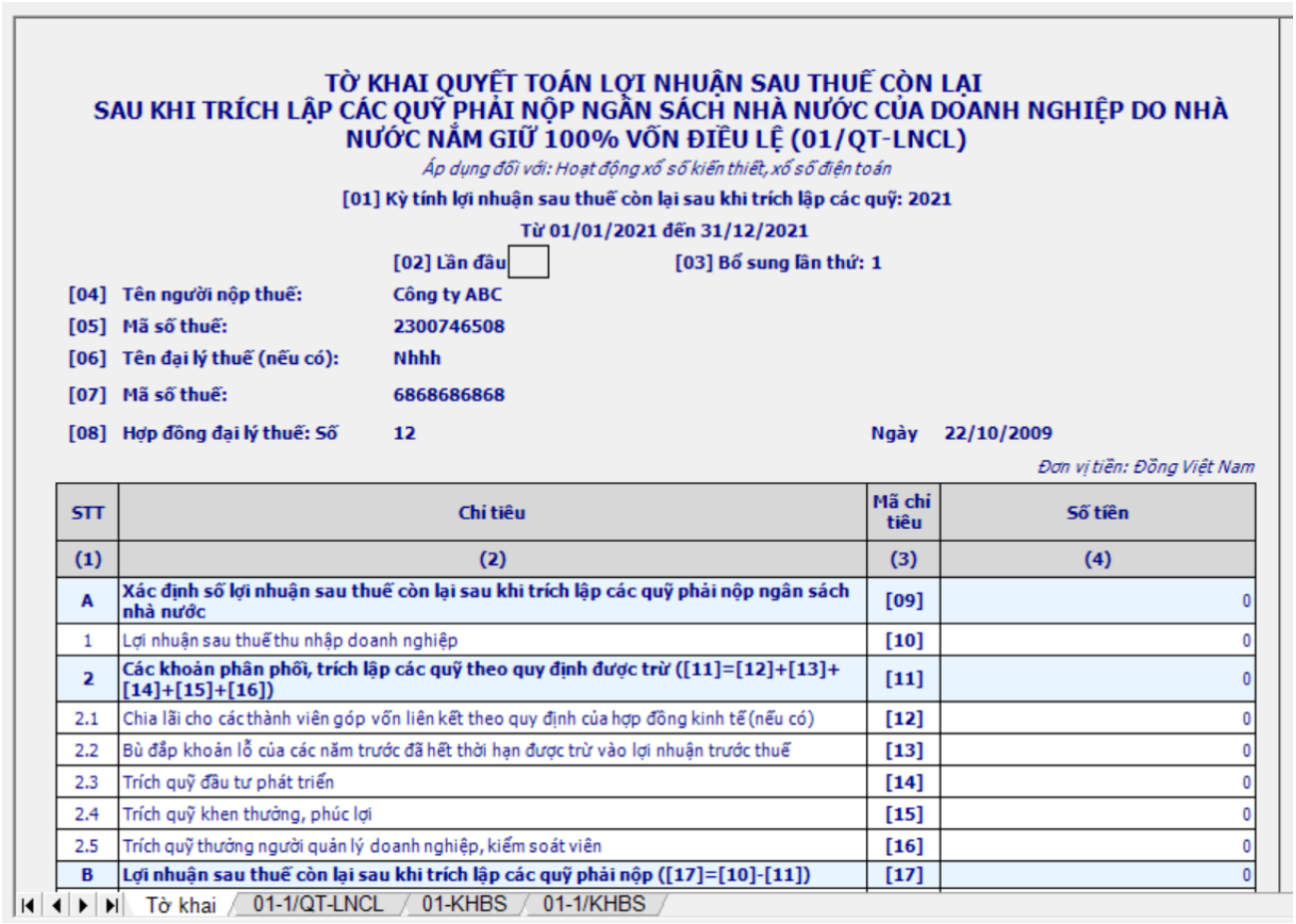

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN LỢI NHUẬN SAU THUẾ CÒN LẠI SAU KHI TRÍCH LẬP CÁC QUỸ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ (01/QT-LNCL)

Áp dụng đối với: Hoạt động xổ số kiến thiết, xổ số điện toán

[01] Kỳ tính lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ: 2021

Từ 01/01/2021 đến 31/12/2021

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[07] Mã số thuế: 6868686868

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số 12 Ngày 22/10/2009

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	**Xác định số lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước**	[09]	0
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	[10]	0
2	**Các khoản phân phối, trích lập các quỹ theo quy định được trừ ([11]=[12]+[13]+[14]+[15]+[16])**	[11]	0
2.1	Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế (nếu có)	[12]	0
2.2	Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế	[13]	0
2.3	Trích quỹ đầu tư phát triển	[14]	0
2.4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	[15]	0
2.5	Trích quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	[16]	0
B	**Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ([17]=[10]-[11])**	[17]	0

Tờ khai | 01-1/QT-LNCL | 01-KHBS | 01-1/KHBS

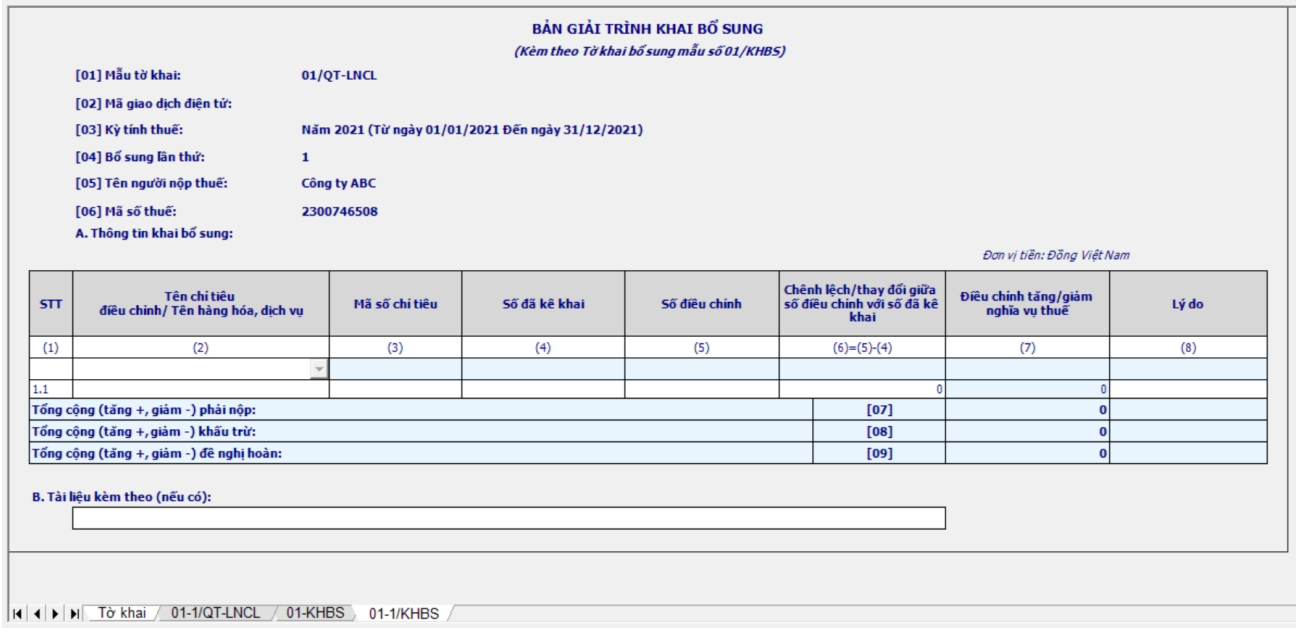

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/QT-LNCL

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-1/QT-LNCL | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.13 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Hoàn thuế

3.13.1 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (mẫu 01/HT) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoàn thuế" chọn "Giấy ĐN hoàn trả khoản thu NSNN (01/HT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

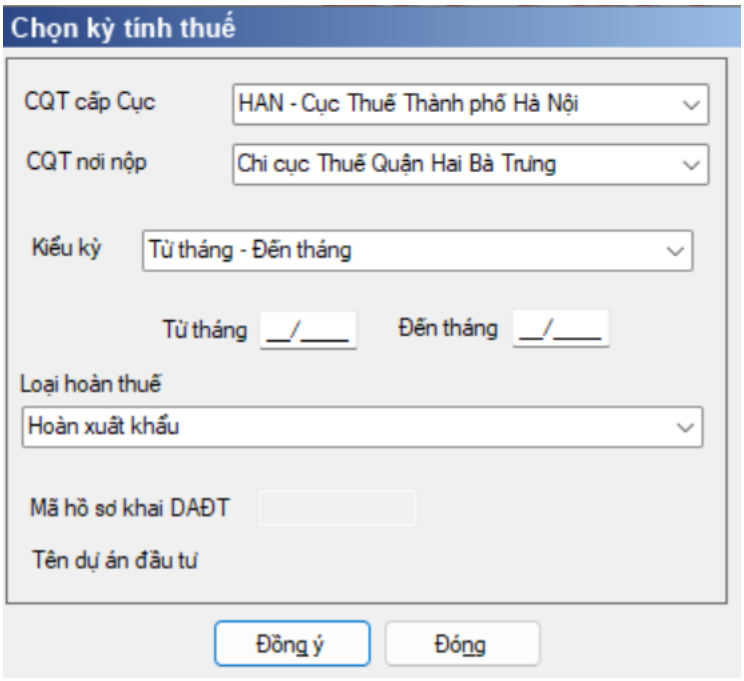

- Kỳ đề nghị hoàn: Cho phép kê khai đề nghị hoàn theo tháng, quý
  + Kỳ tháng: UD hiển thị Từ tháng đến tháng: mm/yyyy
  + Kỳ quý: UD hiển thị Từ quý đến quý: Qx/yyyy
  + Từ kỳ, đến kỳ có thể khác loại kỳ (ví dụ: Từ kỳ là tháng, đến kỳ là quý)
- Chỉ tiêu [Loại hoàn thuế]: Chọn trong danh mục:
  + Hoàn xuất khẩu
  + Hoàn dự án đầu tư
  + Hoàn ODA
  + Hoàn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức
  + Hoàn viện trợ quốc tế khẩn cấp
  + Hoàn thuế cho đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao
  + Hoàn thuế đối với NHTM là đại lý hoàn thuế GTGT cho khách xuất cảnh
  + Hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền
  + Hoàn khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt HĐ
- Mã hồ sơ khai DAĐT:
  + Bắt buộc chọn trong danh mục (danh mục các mã DADT được tích chọn tại chức năng Kê khai thông tin DADT cho tờ khai 02/GTGT và 01/HT) nếu chọn Loại hoàn thuế là "Hoàn dự án đầu tư" có kỳ đề nghị hoàn "đến kỳ" >= tháng 1/2021 hoặc >=quý 1/2021
  + Các trường hợp còn lại không nhập "Mã hồ sơ khai DAĐT"
- Cơ quan thuế nộp tờ khai:

+ Nếu NNT chọn loại hoàn thuế là "Hoàn dự án đầu tư": Cơ quan thuế phải cùng với Cơ quan thuế quản lý nơi có dự án đầu tư (tại chức năng kê khai thông tin dự án đầu tư cho tờ 02/GTGT và 01/HT)

+ Nếu NNT chọn loại hoàn thuế khác "Hoàn dự án đầu tư": Cơ quan thuế nộp tờ khai là CQT quản lý trực tiếp

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

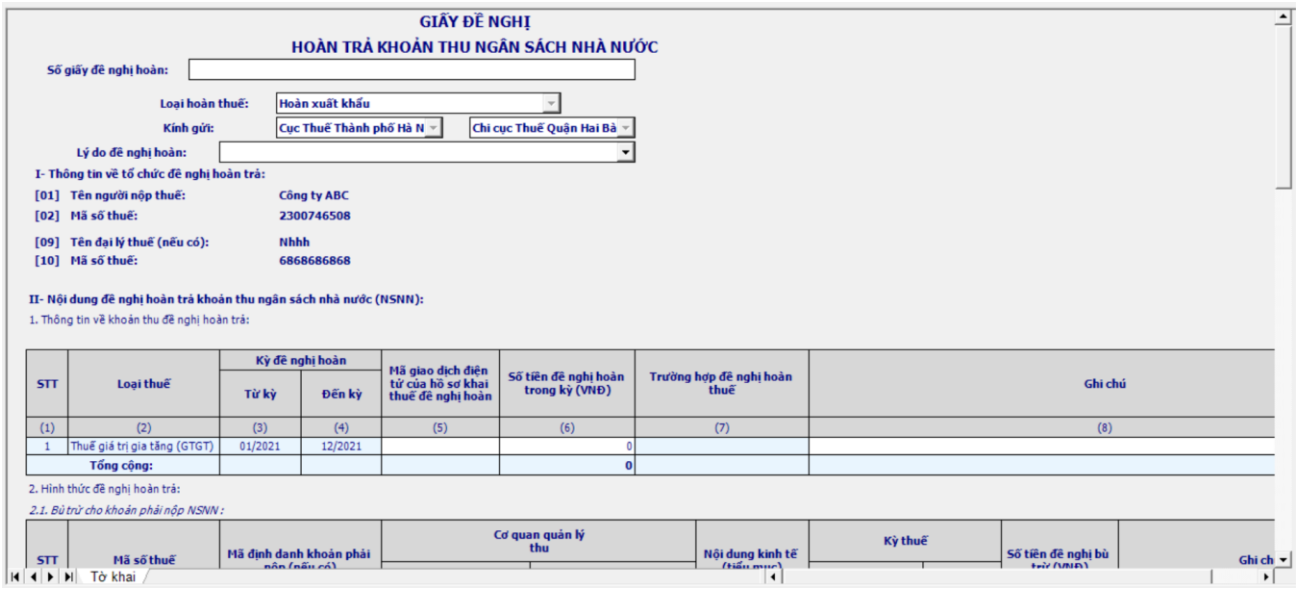

- **Chi tiết các chỉ tiêu sau:**

+ Chỉ tiêu [Số giấy đề nghị hoàn]: Nhập text, bắt buộc nhập.

+ Loại hoàn thuế: Hiển thị theo loại hoàn thuế đã chọn

+ Kính gửi: Mặc định là CQT đã chọn tại màn hình nhập ngày lập Giấy đề nghị

+ Lý do đề nghị hoàn trả: Chọn trong danh mục, căn cứ theo [Loại hoàn thuế] để hiển thị đúng loại Lý do đề nghị hoàn trả.

- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn xuất khẩu thì [Lý do đề nghị hoàn trả] hiển thị danh mục:
  - Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu của CSKD thương mại
  - Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu của CSKD khác
  - Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu của CSKD trực tiếp sản xuất
- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn dự án đầu tư thì [Lý do đề nghị hoàn trả] hiển thị danh mục:
  - Hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư khác
  - Hoàn thuế GTGT đối với CSKD mới thành lập từ dự án đầu tư
  - Hoàn thuế GTGT đối với CSKD đang hoạt động có dự án đầu tư khác tỉnh/TP
  - Hoàn thuế GTGT đối với CSKD đang hoạt động có dự án đầu tư cùng tỉnh/TP
- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn ODA thì [Lý do đề nghị hoàn trả] hiển thị danh mục:

o Hoàn thuế GTGT ODA do chủ chương trình, dự án trực tiếp quản lý và chủ chương trình, dự án nộp hồ sơ hoàn

o Hoàn thuế GTGT ODA do chủ chương trình, dự án trực tiếp quản lý và nhà thầu chính nộp hồ sơ hoàn

o Hoàn thuế GTGT ODA do chủ chương trình, dự án trực tiếp quản lý và đơn vị khác nộp hồ sơ hoàn

o Hoàn thuế GTGT ODA do nhà tài trợ trực tiếp quản lý và nhà tài trợ/VP đại diện nhà tài trợ/Tổ chức khác nộp hồ sơ hoàn

o Hoàn thuế GTGT ODA do nhà tài trợ trực tiếp quản lý và nhà thầu chính nộp hồ sơ hoàn

- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn tiền viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức
- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn viện trợ quốc tế khẩn cấp thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua trong nước bằng nguồn tiền viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam
- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn thuế cho đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao
- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn thuế đối với NHTM là đại lý hoàn thuế GTGT cho khách xuất cảnh thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT đối với NHTM là đại lý hoàn thuế cho khách xuất cảnh
- Nếu chọn loại hoàn thuế là Hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT đối với cơ sở kinh doanh có quyết định xử lý hoàn thuế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật
- Nếu chọn loại hoàn thuế là Hoàn khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt HĐ thì [Lý do đề nghị hoàn trả] là Hoàn thuế GTGT không thuộc diện kiểm tra tại trụ sở NNT khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi DN, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động

I- Thông tin về tổ chức đề nghị hoàn trả:

+ Các chỉ tiêu [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08], [09], [10], [11]: Lấy từ thông tin chung.

+ Thông tin về dự án đầu tư: UD hiển thị theo thông tin mã dự án đầu tư đã nhập trong chức năng kê khai thông tin dự án đầu tư

II- Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN)

1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả

+ Cột (1) STT: Tự động tăng

+ Cột (2) Loại thuế: Mặc định là: Loại thuế giá trị gia tăng (GTGT), không cho sửa.

+ (3) Kỳ đề nghị hoàn thuế - Từ kỳ: Tự động lấy thông tin Từ kỳ đề nghị hoàn ở phần header, không cho phép sửa

+ (4) Kỳ đề nghị hoàn thuế - Đến kỳ: Tự động lấy thông tin Đến kỳ đề nghị hoàn ở phần header, không cho phép sửa

+ (5) Mã giao dịch điện tử của hồ sơ khai thuế đề nghị hoàn: NNT tự nhập dạng text, cấu trúc mã giao dịch điện tử là 17 ký tự

+ (6) Số tiền đề nghị hoàn trong kỳ (VNĐ): Nhập số, không âm, kiểm tra không nhỏ hơn 300 triệu

+ (7) Trường hợp đề nghị hoàn: Tự động hiển thị theo lý do đề nghị hoàn thuế đã chọn, không cho sửa

+ (8) Ghi chú: NNT tự nhập dạng text

+ Tổng cộng: Tự động tính tổng Số tiền đề nghị hoàn trong kỳ (VNĐ), không cho sửa

2. Hình thức đề nghị hoàn trả: Nếu có nhập thì phải nhập các chỉ tiêu bắt buộc nhập

2.1. Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN

+ (1) STT: Tự động tăng giảm khi thêm hoặc bớt dòng.

+ (2) Mã số thuế: Cho phép NNT nhập, kiểm tra cấu trúc mã số thuế

+ (3) Mã định danh khoản phải nộp (nếu có): Cho phép nhập, NNT không có mã định dạng thì để trống

+ (4) Cơ quan quản lý thu: Chọn trong danh mục CQT

+ (5) Nội dung kinh tế (tiểu mục): Chọn trong danh mục tiểu mục

+ (6) Kỳ thuế: Chọn trong danh mục 4 kiểu kỳ: tháng, quý, năm, LPS

- Tháng: Nhập định dạng mm/yyyy
- Quý: Nhập định dạng Qx/yyyy
- Năm: Nhập định dạng yyyy
- LPS: Nhập định dạng dd/mm/yyyy

+ (7) Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ): NNT nhập dạng số, không âm

+ (8) Ghi chú: Chọn trong danh mục

- Kiểm toán nhà nước
- Thanh tra tài chính
- Thanh tra chính phủ
- Cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có)
- Khác: Nếu chọn khác thì cho nhập text

+ TỔNG CỘNG: Tự động tính tổng cộng cột Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ). Kiểm tra tổng (7)<= Số tiền đề nghị hoàn tổng cột (6) phần 1

2.2. Hoàn trả trực tiếp

+ Chuyển khoản: Tài khoản số:.....Tại Ngân hàng (KBNN).....: NNT nhập dạng text

- Chuyển khoản: checkbox, mặc định là tích chọn
- Chủ tài khoản: nhập text, tối đa 200 ký tự, bắt buộc nhập nếu tích chọn "Chuyển khoản"
- Tài khoản số: Nhập text, bắt buộc nhập nếu tích chọn "Chuyển khoản"
- Ngân hàng: Nhập text, bắt buộc nhập nếu tích chọn "Chuyển khoản"

+ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước: Khóa không cho chọn

III- Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao): Nhập Text, cho phép nhập nhiều dòng.

- Nếu chọn Loại "Hoàn dự án đầu tư" và "đến kỳ" >= tháng 1/2021 hoặc >=quý 1/2021 thì bắt buộc nhập thêm các thông tin sau:

+ Mã hồ sơ khai DAĐT: Là giá trị duy nhất tính theo mã số thuế của chủ đầu tư trên ứng dụng, không phụ thuộc vào kỳ tính thuế; định dạng số tự nhiên, bắt buộc nhập, tối đa 12 số, cho phép kê khai nhiều tờ khai có mã hồ sơ khai dự án đầu tư khác nhau trong cùng 1 kỳ tính thuế.

+ Cơ quan thuế quản lý nơi có DAĐT: Mặc định hiển thị theo CQT của NNT (CQT của NNT trên trường Cơ quan thuế ở màn hình chọn tờ khai), không cho sửa

+ Tên dự án, Địa chỉ thực hiện dự án, Tên chủ đầu tư dự án: NNT tự nhập dạng text, tối đa 200 ký tự

+ MST chủ dự án đầu tư: Bắt buộc nhập. Hỗ trợ tự động hiển thị MST đăng nhập, cho phép sửa, kiểm tra đúng định dạng MST

+ Văn bản phê duyệt DAĐT:

- Số: Cho phép nhập, tối đa 200 ký tự
- Ngày: Cho phép nhập, định dạng dd/mm/yyyy
- Cơ quan ban hành: Cơ quan ban hành văn bản phê duyệt dự án đầu tư: Cho phép nhập, tối đa 200 ký tự

3.13.2 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước đối với xăng sinh học (mẫu 01a/ĐNHT) ban hành theo Nghị định số 14/2019/NĐ-CP đáp ứng quy định hoàn thuế theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoàn thuế" chọn "Giấy ĐN hoàn trả khoản thu NSNN (01a/ĐNHT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

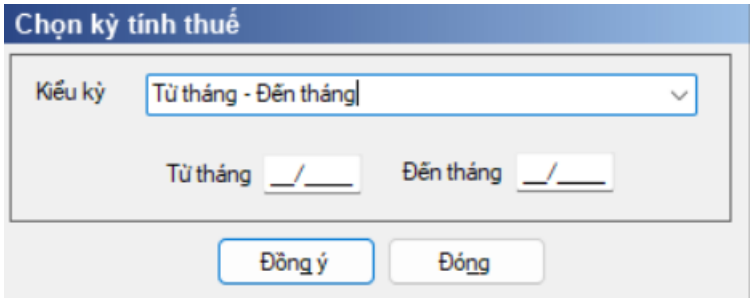

- Sau đó nhập kỳ đề nghị hoàn, từ tháng phải >= tháng 01/2022, Đến tháng phải >= Từ tháng, nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

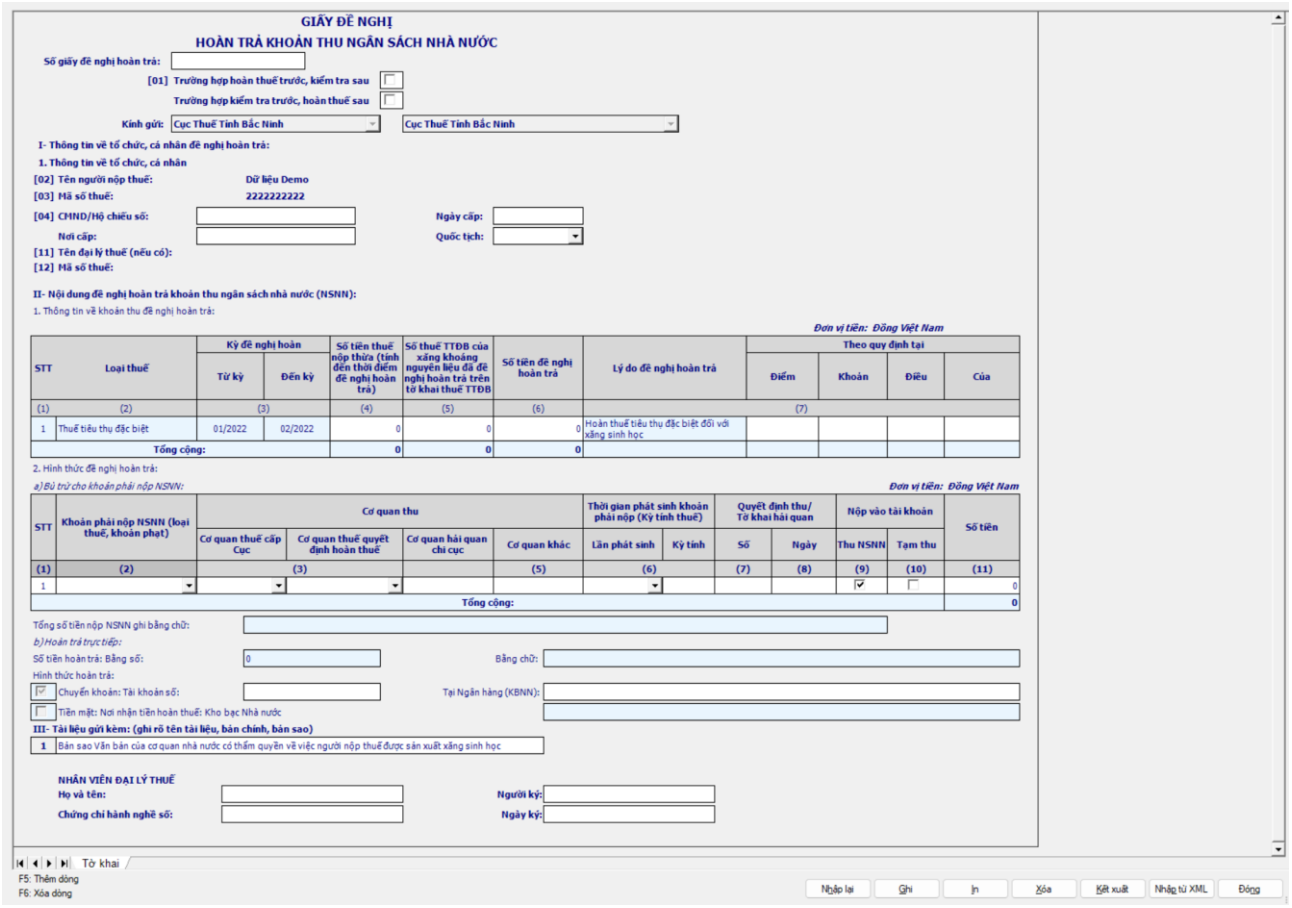

- **Chi tiết các chỉ tiêu như sau:**

+ Số: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự

+ [01]: Bắt buộc tích chọn 1 trong 2 trường hợp [Trường hợp hoàn trả thuế trước, kiểm tra sau] hoặc [Trường hợp kiểm tra trước, hoàn trả thuế sau]

+ Kính gửi: Hiển thị là Cục Thuế của CQT quản lý trực tiếp NNT, Cục Thuế DNL

+ I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn trả:

- [02] Tên người nộp thuế, [03] Mã số thuế: Hiển thị theo thông tin NNT trong chức năng Thông tin doanh nghiệp/NNT
- [04] CMND/Hộ chiếu số: Cho phép nhập, kiểu ký tự
- [04] Ngày cấp: nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, ngày phải <= ngày hiện tại
- [04] Nơi cấp: Cho phép nhập, kiểu ký tự
- [04] Quốc tịch: Chọn trong danh mục
- [05] -> [19]: Hiển thị theo thông tin NNT trong chức năng Thông tin doanh nghiệp/NNT. Không cho sửa

+ II. Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN)

- 1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả: Chỉ nhập 1 dòng ở mục này
  - (2) Loại thuế: Mặc định là "Thuế tiêu thụ đặc biệt"
  - (3) Kỳ tính thuế (Từ kỳ): Tự động lấy theo thông tin Kỳ hoàn đã nhập. Không sửa

- (3) Kỳ tính thuế (Đến kỳ): Tự động lấy theo thông tin Kỳ hoàn đã nhập. Không sửa
- (4) Số tiền thuế nộp thừa (tính đến thời điểm đề nghị hoàn trả): Nhập số >= 0
- (5) Số thuế TTĐB của xăng khoáng nguyên liệu đã đề nghị hoàn trả trên tờ khai thuế TTĐB: Nhập số >= 0
- (6) Số tiền đề nghị hoàn trả: Bắt buộc nhập số >= 0 và (6) phải <= (5)
- (7) Lý do đề nghị hoàn trả: Mặc định là Hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với xăng sinh học
- Theo quy định tại - Điểm: Cho phép nhập, kiểu ký tự
- Khoản: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
- Điều: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự
- Của: Bắt buộc nhập, kiểu ký tự

- 2. Hình thức đề nghị hoàn trả
  - a) Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN: Cho phép thêm/bớt dòng
    - (1) STT: UD tự động tăng/giảm khi thêm/bớt dòng, kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1
    - (2) Khoản phải nộp NSNN (loại thuế, khoản phạt): Chọn trong danh mục, nếu có chọn (2) thì bắt buộc nhập (11) > 0 và ngược lại
    - (3) Cơ quan thu – Cơ quan thuế: Chọn trong danh mục CQT
    - (4) Cơ quan thu – Cơ quan hải quan: Nhập kiểu ký tự
    - (5) Cơ quan thu – Cơ quan khác: Nhập kiểu ký tự
    - (6) Thời gian phát sinh khoản phải nộp (Kỳ tính thuế) – Kiểu kỳ: Chọn 1 trong các kiểu kỳ sau: tháng, quý, năm, lần phát sinh
    - (6) Thời gian phát sinh khoản phải nộp (Kỳ tính thuế) – Kỳ tính thuế: Nhập kỳ, định dạng nhập tương ứng với kiểu kỳ đã chọn. Không được lớn hơn ngày/tháng/quý/ năm hiện tại
    - (7) Quyết định thu/Tờ khai hải quan – Số: Nhập kiểu ký tự
    - (8) Quyết định thu/Tờ khai hải quan – Ngày: Nhập ngày định dạng dd/mm/yyyy, không được lớn hơn ngày hiện tại
    - (9) Nộp vào tài khoản - Thu NSNN: Cho phép tích chọn (9) hoặc (10)
    - (10) Nộp vào tài khoản - Tạm thu: Cho phép tích chọn (9) hoặc (10)
    - (11) Số tiền: Nhập số nguyên >0, tổng cột (11) phải <= tổng cột (6) mục 1
  - b) Hoàn trả trực tiếp:
    - Số tiền hoàn trả - Bằng số: UD tính = tổng cột (6) mục 1 – tổng cột (11) mục 2.a, ko cho sửa
    - Bằng chữ: Tự động hiển thị theo số tiền bằng số
    - Hình thức hoàn trả: Mặc định tích "Chuyển khoản", không cho sửa, khóa không cho chọn tích "Tiền mặt"
    - Chuyển khoản - Tài khoản số: bắt buộc nhập
    - Chuyển khoản – Tại Ngân hàng (KBNN): bắt buộc nhập

➢ Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn trả thuế: Kho bạc nhà nước: Khóa không cho chọn

+ **III. Tài liệu gửi kèm:** Hiển thị mặc định là Bản sao văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc được sản xuất xăng sinh học (đối với hồ sơ hoàn lần đầu)

3.13.3 Mẫu biểu Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (01/ĐNXLNT) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoàn thuế" chọn "VB đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (01/ĐNXLNT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

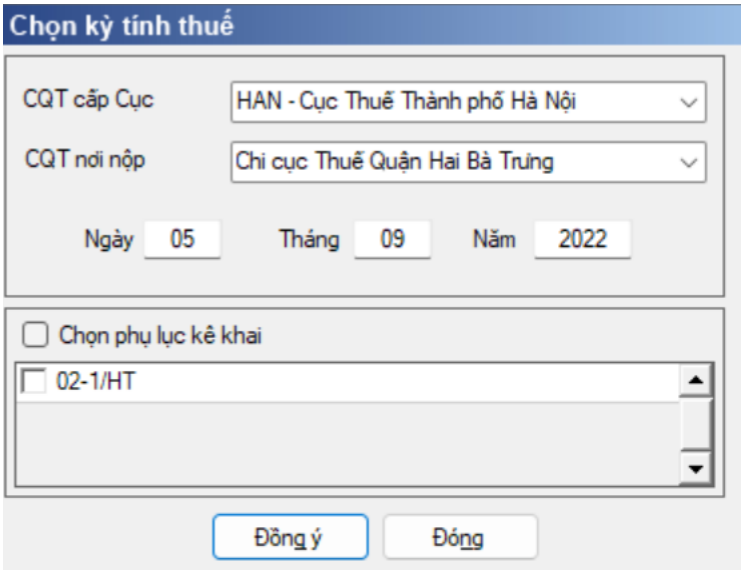

- CQT nộp tờ khai: là CQT quản lý trực tiếp
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

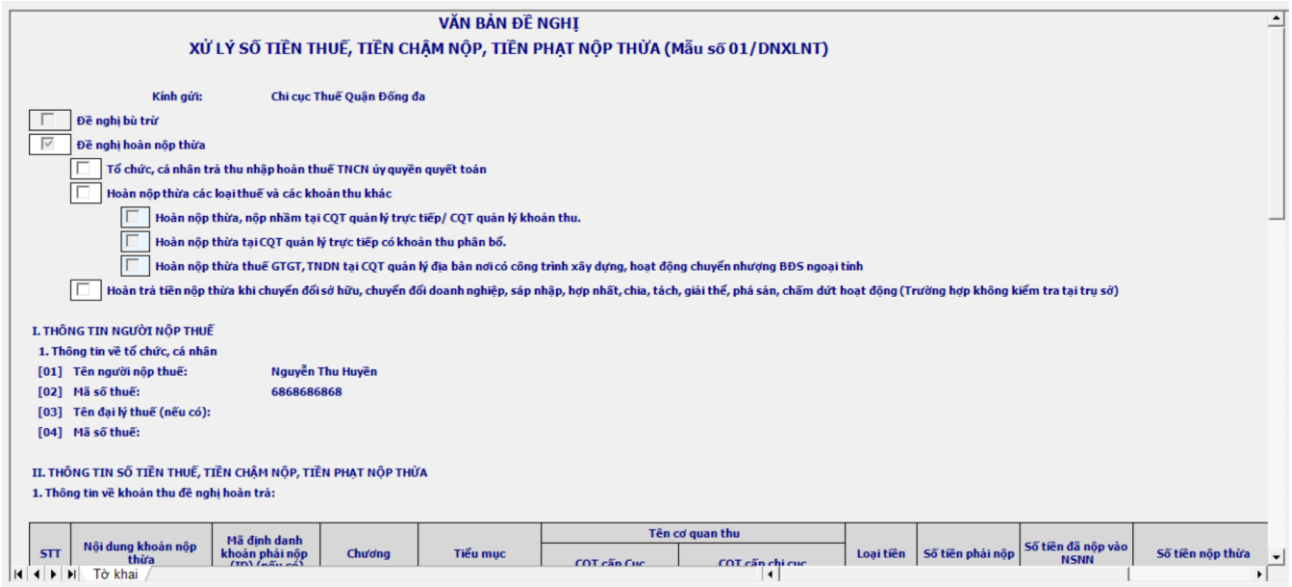

- **Chi tiết các chỉ tiêu như sau:**

+ Kính gửi: Mặc định là CQT quản lý trực tiếp

+ Đề nghị hoàn nộp thừa: NNT tích chọn vào các nút tích lý do đề nghị xử lý nộp thừa hiển thị trên màn hình kê khai:

- Tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoàn thuế TNCN ủy quyền quyết toán
- Hoàn nộp thừa các loại thuế và các khoản thu khác:
  - (1) Hoàn nộp thừa, nộp nhầm tại CQT quản lý trực tiếp/ CQT quản lý khoản thu.
  - (2) Hoàn nộp thừa tại CQT quản lý trực tiếp có khoản thu phân bổ.
  - (3) Hoàn nộp thừa thuế GTGT, TNDN tại CQT quản lý địa bàn nơi có công trình xây dựng, hoạt động chuyển nhượng BĐS ngoại tỉnh. => Không cho phép nộp tại CQT quản lý trực tiếp
- Hoàn trả tiền nộp thừa khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động (Trường hợp không kiểm tra tại trụ sở).

I- Thông tin người nộp thuế:

+ Các chỉ tiêu [01], [02], [03], [04], [05]: Lấy từ thông tin chung.

II- Thông tin số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

+ (2) Nội dung khoản nộp thừa: hiển thị theo cột (5)
+ (3) Mã định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có): NNT tự nhập dạng text
+ (4) Chương: NNT tự nhập dạng text
+ (5) Tiểu mục: Chọn từ danh mục
+ (6) Tên cơ quan thu:

- Trường hợp tích "Hoàn nộp thừa các loại thuế và các khoản thu khác" thì:
  - Nếu tích chọn (1) Hoàn nộp thừa, nộp nhầm tại CQT quản lý trực tiếp/ CQT quản lý khoản thu và (3) Hoàn nộp thừa thuế GTGT, TNDN tại CQT quản lý địa bàn nơi có công trình xây dựng, hoạt động chuyển nhượng BĐS ngoại tỉnh => Cơ quan thu mặc định là CQT nộp tờ khai, không cho sửa
  - Nếu tích chọn (2) Hoàn nộp thừa tại CQT quản lý trực tiếp có khoản thu phân bổ => Mặc định là CQT nộp tờ khai, cho phép chọn trong danh mục CQT trên toàn quốc
- Trường hợp tích "Tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoàn thuế TNCN ủy quyền quyết toán", hoặc tích "Hoàn trả tiền nộp thừa khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động" thì:
  - Nếu nộp tại CQT quản lý trực tiếp => Mặc định là CQT nộp tờ khai, cho phép chọn trong danh mục CQT trên toàn quốc
  - Nếu nộp tại CQT vãng lai => Cơ quan thu mặc định là CQT nộp tờ khai, không cho sửa

+ (7) Loại tiền: NNT kê khai là VND
+ (8) Số tiền phải nộp: NNT nhập dạng số, không âm
+ (9) Số tiền đã nộp vào NSNN: NNT nhập dạng số, không âm, kiểm tra phải >= (8), sai khác cảnh báo đỏ
+ (10) Số tiền nộp thừa: Tính theo công thức (10) = (9) – (8) > 0

III- Đề nghị xử lý khoản nộp thừa

1. Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nộp thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước:

+ (2) Mã số thuế: Cho phép NNT nhập, kiểm tra cấu trúc mã số thuế
+ (3) Tên người nộp thuế khác (nếu có): Cho phép NNT nhập dạng text
+ (4) Nội dung khoản nợ/phát sinh: Hiển thị tên tiểu mục theo cột (7)
+ (5) Mã định danh khoản phải nộp (nếu có): Cho phép nhập
+ (6) Chương: Cho phép NNT nhập
+ (7), (8), (9): Chọn từ danh mục
+ (10) Hạn nộp: Nhập dạng dd/mm/yyyy
+ (11) Loại tiền: NNT kê khai là VND
+ (12) Số tiền còn phải nộp: NNT nhập dạng số, không âm
+ (13) Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp: NNT nhập dạng số, không âm, Kiểm tra 13 <= 12. Nếu không thỏa mãn thì cảnh báo đỏ
+ (14) Số tiền còn phải nộp sau bù trừ: Tính theo công thức (14) = (12) – (13)
+ TỔNG CỘNG: Tự động tính tổng cộng theo tiểu mục và theo cả bảng

2. Thông tin người nộp thuế đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước

+ Số tiền hoàn trả: Tính theo công thức Tổng cột (10) mục II – Tổng cột (13) mục III
+ Hình thức hoàn trả: Chọn 1 trong 2 hình thức: Chuyển khoản hoặc tiền mặt
+ Tên chủ tài khoản: Cho phép NNT nhập
+ Tài khoản số: Cho phép NNT nhập
+ Tại ngân hàng/KBNN: Cho phép NNT nhập
+ CMND/CCCD/HC số: Cho phép NNT nhập
+ Ngày cấp: NNT nhập dạng dd/mm/yyyy
+ Nơi cấp: Cho phép NNT nhập
+ Kho bạc Nhà nước: Cho phép NNT nhập

III- Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao): Nhập Text, cho phép nhập nhiều dòng.

3.13.3.1 Phụ lục 02-1/HT

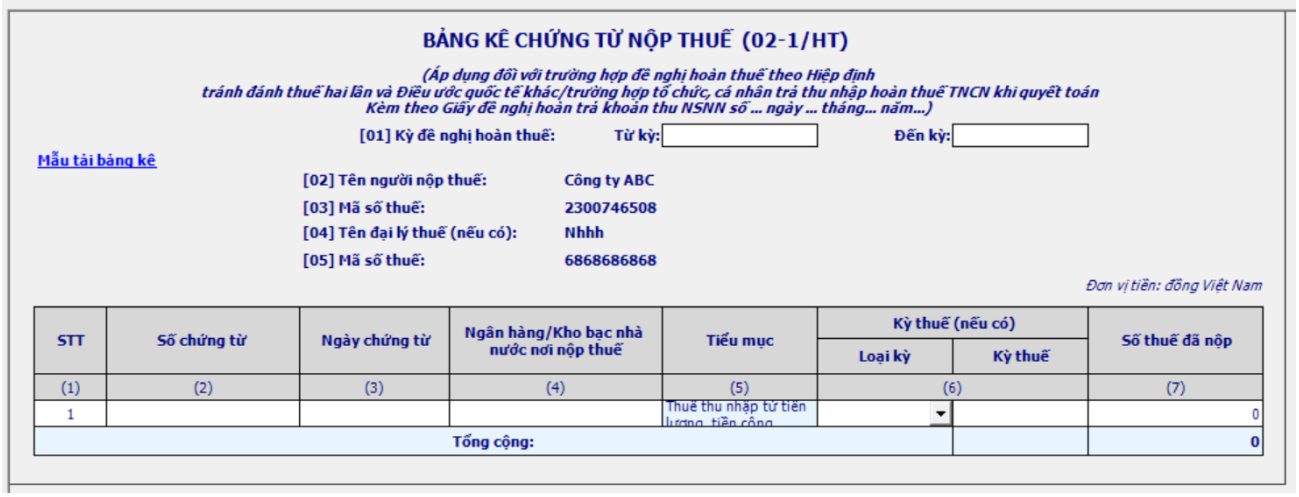

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP THUẾ (02-1/HT)

(Áp dụng đối với trường hợp đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác/trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoàn thuế TNCN khi quyết toán Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số ... ngày ... tháng... năm...)

[01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ: Đến kỳ:

Mẫu tải bảng kê

[02] Tên người nộp thuế: Công ty ABC
[03] Mã số thuế: 2300746508
[04] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh
[05] Mã số thuế: 6868686868

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Ngân hàng/Kho bạc nhà nước nơi nộp thuế	Tiểu mục	Kỳ thuế (nếu có)		Số thuế đã nộp
					Loại kỳ	Kỳ thuế	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)		(7)
1				Thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công			0
Tổng cộng:							0

- **Chi tiết các chỉ tiêu như sau:**
  + (1) STT: Tự động tăng, giảm khi thêm, xóa dòng
  + (2) Số chứng từ: Hiển thị theo cột (5)
  + (3) Ngày chứng từ: Nhập dạng dd/mm/yyyy
  + (4) Ngân hàng/Kho bạc nhà nước nơi nộp thuế: Cho phép NNT nhập
  + (5) Tiểu mục: Cho phép NNT nhập
  + (6) Kỳ thuế (nếu có): Chọn loại kỳ, nhập kỳ tính thuế
  + (7) Số thuế đã nộp: Nhập dạng số, không âm

3.13.4 Mẫu biểu Văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế (01/ĐNHUY) (đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC)

Cách gọi:

– Từ menu chức năng "Kê khai/Hoàn thuế" chọn "Văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế (01/ĐNHUY)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

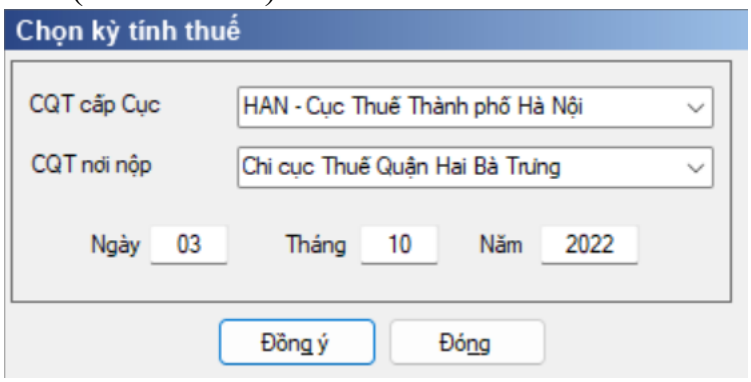

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỦY HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ - MẪU 01/ĐNHUY

Số: Ngày:

Kính gửi: Chi cục Thuế Quận Hai Bà Trưng

I. THÔNG TIN CHUNG:

Tên người nộp thuế: Công ty ABC

Mã số thuế: 2300746508

Địa chỉ: 123 Lò Đúc Hai Bà Trưng Hà Nội

Đề nghị cơ quan thuế: Chi cục Thuế Quận Hai Bà Trưng

II. THÔNG TIN CHI TIẾT:

1. Tên hồ sơ đề nghị hủy

- Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa mẫu số 01/ĐNXLNT
- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước mẫu số 01/HT
- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước mẫu số 01a/ĐNHT
- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/HT

2. Thông tin hồ sơ đề nghị hủy

Tên người nộp thuế đề nghị hoàn: Công ty ABC Mã số thuế: 2300746508

Văn bản đề nghị hoàn thuế số: Ngày:

Mã giao dịch điện tử (nếu có):

Được cơ quan thuế tiếp nhận theo Thông báo số: Ngày:

Lý do đề nghị hủy:

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số:

Tờ khai

- **Chi tiết các chỉ tiêu như sau:**

+ Chỉ tiêu [Số]: Nhập text, bắt buộc nhập.

+ Ngày: Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập

+ Kính gửi: Mặc định là CQT đã chọn tại màn hình nhập ngày lập Văn bản đề nghị

I. Thông tin chung:

+ Tên người nộp thuế: Hiển thị theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ Mã số thuế: Hiển thị theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ Địa chỉ: Hiển thị theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ Đề nghị cơ quan thuế:...thực hiện huỷ hồ sơ đề nghị hoàn thuế có các thông tin như sau: Mặc định là CQT đã chọn tại màn hình nhập ngày lập Văn bản đề nghị.

II. Thông tin chi tiết

1. Tên hồ sơ đề nghị hủy: Cho phép NNT tích chọn tên hồ sơ đề nghị hủy, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa mẫu số 01/ĐNXLNT

+ Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước mẫu số 01/HT

2. Thông tin hồ sơ đề nghị hủy:

+ Tên người nộp thuế đề nghị hoàn: UD tự động hiển thị theo MST đã đăng nhập

+ Mã số thuế: UD tự động hiển thị theo MST đã đăng nhập

+ Văn bản đề nghị hoàn thuế số:…ngày…: NNT tự nhập

+ Mã giao dịch điện tử (nếu có): Bắt buộc NNT nhập

+ Được cơ quan thuế tiếp nhận theo Thông báo số … ngày... về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế:

- Số: NNT nhập dạng ký tự
- Ngày: NNT nhập dạng dd/mm/yyyy

+ Lý do đề nghị hủy: NNT nhập dạng text, bắt buộc nhập

3.14 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai gia hạn nộp thuế

3.14.1 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 34/2022/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Gia hạn nộp thuế" chọn "Giấy đề gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (NĐ34/2022/NĐ-CP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

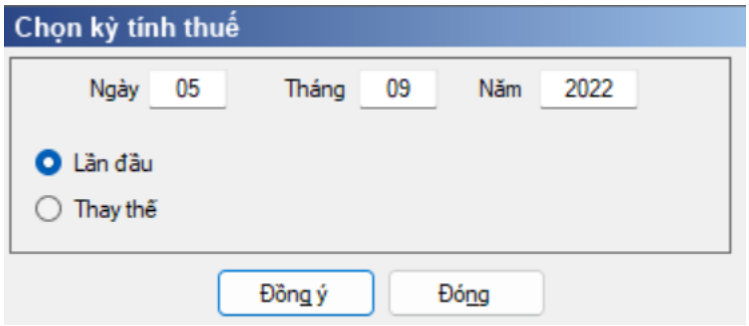

- Kỳ tính thuế: nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, cho phép kê khai từ ngày 01/01/2022 đến 30/09/2022
- Loại tờ khai: Tích chọn 1 trong 2 loại tờ khai là "Lần đầu" hoặc "Thay thế"
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

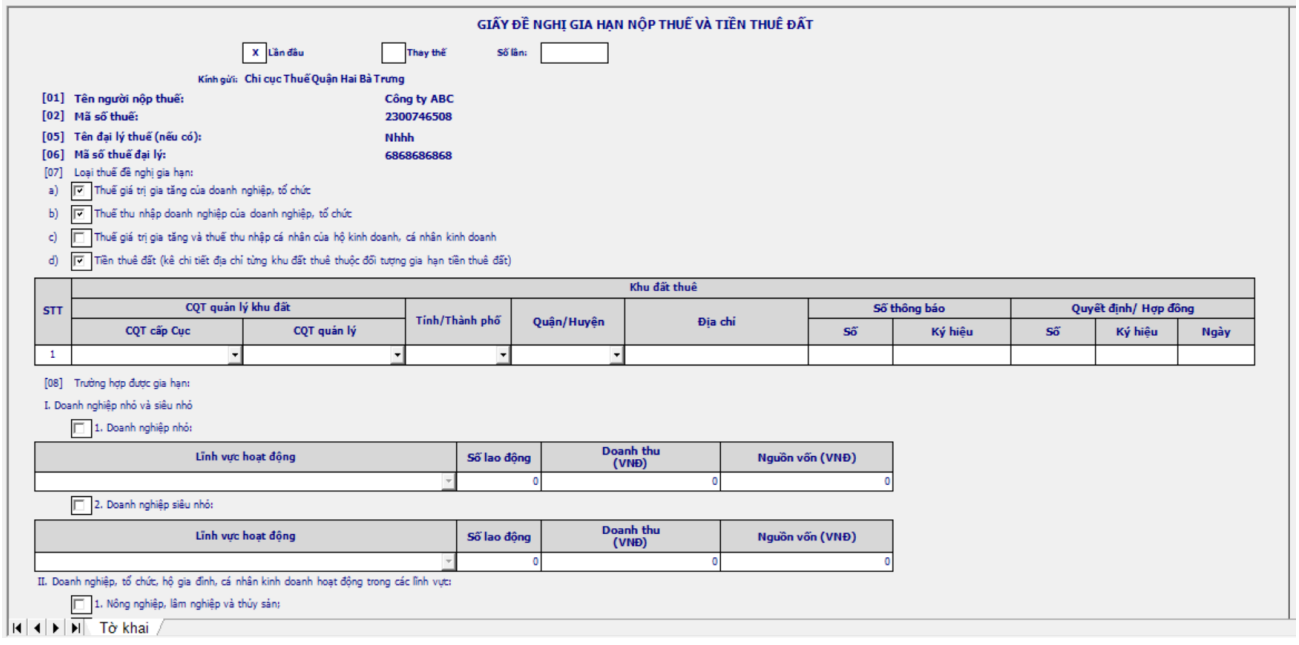

Chi tiết các chỉ tiêu sau:

- Thông tin chung của tờ khai: UD hỗ trợ tự động hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống

+ Kính gửi: Hiển thị theo CQT quản lý
+ [01]Tên người nộp thuế
+ [02] Mã số thuế
+ [03] Địa chỉ
+ [04] Điện thoại
+ [05] Tên đại lý thuế (nếu có)
+ [06] Mã số thuế (đại lý thuế)

– Các chỉ tiêu cần nhập:

+ [07] Loại thuế đề nghị gia hạn:

- UD mặc định tích chọn 3 mục a, b, d, cho phép NNT sửa bỏ tích chọn, nếu NNT không tích chọn đồng thời cả a) và b) (trường hợp chỉ tích chọn a, không tích chọn b hoặc chỉ tích chọn b, không tích chọn a) thì hiển thị cảnh báo vàng "NNT được quyền đề nghị gia hạn đồng thời thuế GTGT và thuế TNDN. NNT vui lòng kiểm tra kỹ thông tin này", bắt buộc phải tích chọn 1 trong các chỉ tiêu:
    - a) Thuế GTTT của doanh nghiệp, tổ chức
    - b) Thuế TNDN của doann nghiệp, tổ chức
    - d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)
- Nhập thông tin **"Khu đất thuê"**: bắt buộc nhập khi tích chọn mục d, nếu không tích chọn mục d thì khóa không cho nhập. Cho phép nhập nhiều dòng (thêm dòng, xóa dòng)
    - Nhập CQT quản lý khu đất:
        - CQT cấp cục: chọn trong danh mục
        - CQT quản lý: chọn trong danh mục
    - Tỉnh/Thành phố: Tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
    - Quận/Huyện:
        - Nếu CQT quản lý là Cục Thuế: cho phép NNT chọn Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành Phố
        - Nếu CQT quản lý là Chi cục Thuế: UD tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
    - Nhập địa chỉ: nhập dạng text
    - Quyết định/Hợp đồng:
        - Số: Nhập kiểu số nguyên > 0
        - Ký hiệu: Nhập dạng text
        - Ngày: Nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy. Ngày <= Ngày hiện tại

+ **[08] Trường hợp được gia hạn**: Bắt buộc tích chọn ở mục I hoặc II, không được để trống cả 2

- Nhập thông tin vào **mục I** nếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tích chọn 1 trong 2 mục a hoặc b, không được tích chọn đồng thời cả 2. Tích chọn mục nào thì UD mở cho phép nhập dữ liệu bảng thuộc mục đó

o Tích chọn **mục 1** nếu là **doanh nghiệp nhỏ**: nhập các thông tin trong bảng thuộc mục a, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:

▪ Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực trong danh mục, bao gồm:

➢ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
➢ Công nghiệp, xây dựng
➢ Thương mại, dịch vụ

▪ Số lao động: nhập số >=0, tối đa 15 chữ số:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì nhập số lao động <= 100, sai khác UD hiển thị cảnh báo

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập số lao động <= 50, sai khác UD hiển thị cảnh báo

▪ Doanh thu (VNĐ), Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 50 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 20 tỷ

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 100 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 50 tỷ

o Tích chọn **mục 2** nếu là **Doanh nghiệp siêu nhỏ:** nhập các thông tin trong bảng thuộc mục 2, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:

▪ Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực hoạt động trong danh mục, bao gồm:

➢ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
➢ Công nghiệp, xây dựng
➢ Thương mại, dịch vụ

▪ Số lao động: nhập số lao động >=0 và <= 10, nếu nhập >10 thì UD cảnh báo.

▪ Doanh thu (VNĐ) Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 3 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 10 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ

o Tích chọn tại **mục II** nếu là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực: tích chọn 1 hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động.

3.14.2 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 12/2023/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Gia hạn nộp thuế" chọn "Giấy đề gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (NĐ12/2023/NĐ-CP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

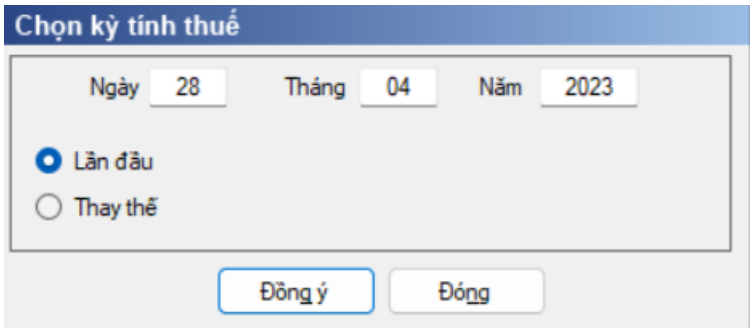

- Kỳ tính thuế: nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, cho phép kê khai từ ngày 14/04/2023 đến ngày 30/09/2023
- Loại tờ khai: Tích chọn 1 trong 2 loại tờ khai là "Lần đầu" hoặc "Thay thế"
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

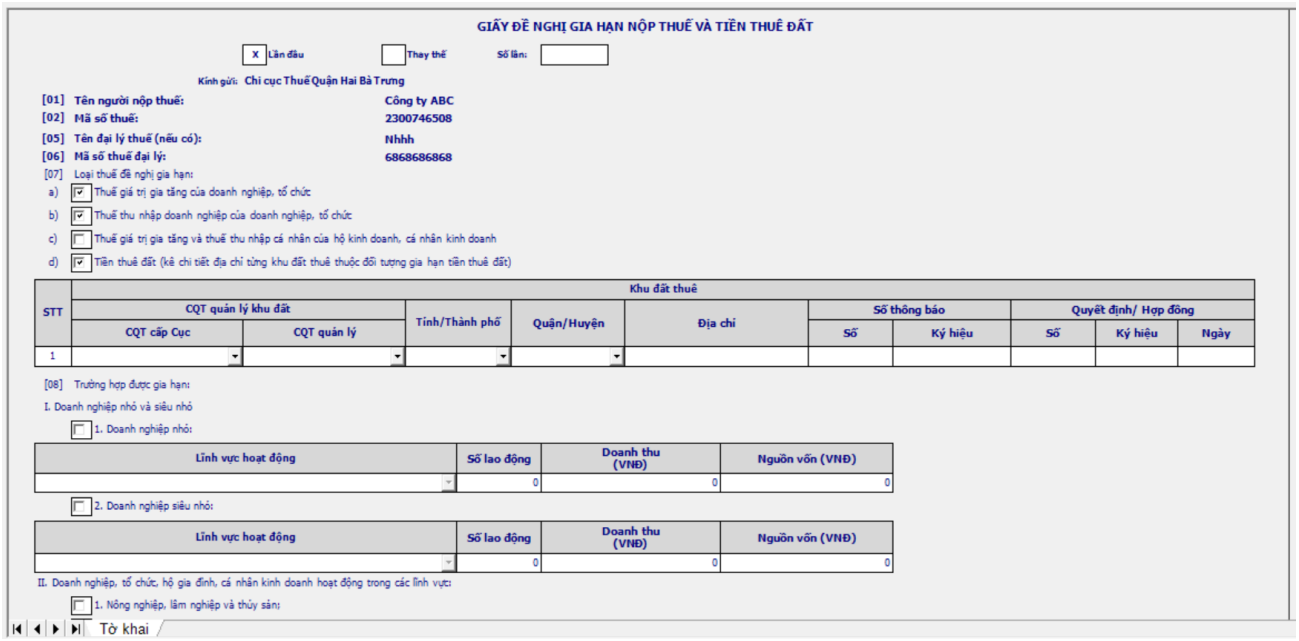

Chi tiết các chỉ tiêu sau:

- Thông tin chung của tờ khai: UD hỗ trợ tự động hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống
  + Kính gửi: Hiển thị theo CQT quản lý
  + [01]Tên người nộp thuế
  + [02] Mã số thuế
  + [03] Địa chỉ
  + [04] Điện thoại
  + [05] Tên đại lý thuế (nếu có)
  + [06] Mã số thuế (đại lý thuế)
- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ [07] Loại thuế đề nghị gia hạn:

- UD mặc định tích chọn 3 mục a, b, d, cho phép NNT sửa bỏ tích chọn, nếu NNT không tích chọn đồng thời cả a) và b) (trường hợp chỉ tích chọn a, không tích chọn b hoặc chỉ tích chọn b, không tích chọn a) thì hiển thị cảnh báo vàng "NNT được quyền đề nghị gia hạn đồng thời thuế GTGT và thuế TNDN. NNT vui lòng kiểm tra kỹ thông tin này", bắt buộc phải tích chọn 1 trong các chỉ tiêu:
  - a) Thuế GTTT của doanh nghiệp, tổ chức
  - b) Thuế TNDN của doann nghiệp, tổ chức
  - c) Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
  - d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)
- Nhập thông tin **"Khu đất thuê"**: bắt buộc nhập khi tích chọn mục d, nếu không tích chọn mục d thì khóa không cho nhập. Cho phép nhập nhiều dòng (thêm dòng, xóa dòng)
  - Nhập CQT quản lý khu đất:
    - CQT cấp cục: chọn trong danh mục
    - CQT quản lý: chọn trong danh mục
  - Tỉnh/Thành phố: Tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
  - Quận/Huyện:
    - Nếu CQT quản lý là Cục Thuế: cho phép NNT chọn Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành Phố
    - Nếu CQT quản lý là Chi cục Thuế: UD tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
  - Nhập địa chỉ: nhập dạng text
  - Số thông báo:
    - Số: Nhập text
    - Ký hiệu: Nhập text
  - Quyết định/Hợp đồng:
    - Số: Nhập kiểu số nguyên > 0
    - Ký hiệu: Nhập dạng text
    - Ngày: Nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy. Ngày <= Ngày hiện tại

+ **[08] Trường hợp được gia hạn**: Bắt buộc tích chọn ở mục I hoặc II, không được để trống cả 2

- Nhập thông tin vào **mục I** nếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tích chọn 1 trong 2 mục a hoặc b, không được tích chọn đồng thời cả 2. Tích chọn mục nào thì UD mở cho phép nhập dữ liệu bảng thuộc mục đó
  - Tích chọn **mục 1** nếu là **doanh nghiệp nhỏ**: nhập các thông tin trong bảng thuộc mục a, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:

▪ Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực trong danh mục, bao gồm:

➢ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
➢ Công nghiệp, xây dựng
➢ Thương mại, dịch vụ

▪ Số lao động: nhập số >=0, tối đa 15 chữ số:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì nhập số lao động <= 100, sai khác UD hiển thị cảnh báo

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập số lao động <= 50, sai khác UD hiển thị cảnh báo

▪ Doanh thu (VNĐ), Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 50 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 20 tỷ

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 100 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 50 tỷ

o Tích chọn **mục 2** nếu là **Doanh nghiệp siêu nhỏ:** nhập các thông tin trong bảng thuộc mục 2, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:

▪ Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực hoạt động trong danh mục, bao gồm:

➢ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
➢ Công nghiệp, xây dựng
➢ Thương mại, dịch vụ

▪ Số lao động: nhập số lao động >=0 và <= 10, nếu nhập >10 thì UD cảnh báo.

▪ Doanh thu (VNĐ) Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 3 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 10 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ

o Tích chọn tại **mục II** nếu là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực: tích chọn 1 hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động.

3.14.3 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 64/2024/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Gia hạn nộp thuế" chọn "Giấy đề gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (NĐ64/2024/NĐ-CP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

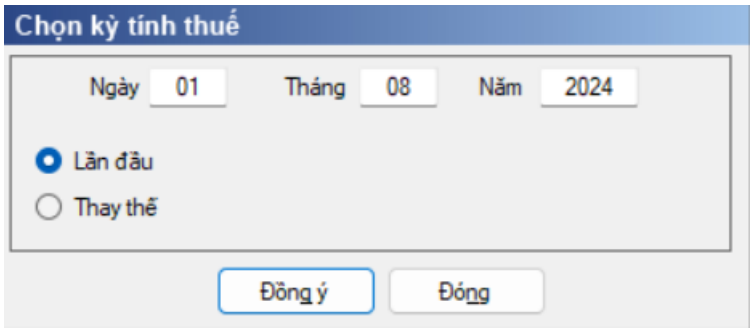

- Kỳ tính thuế: nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, cho phép kê khai từ ngày 17/06/2024 đến ngày 30/09/2024
- Loại tờ khai: Tích chọn 1 trong 2 loại tờ khai là "Lần đầu" hoặc "Thay thế"
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

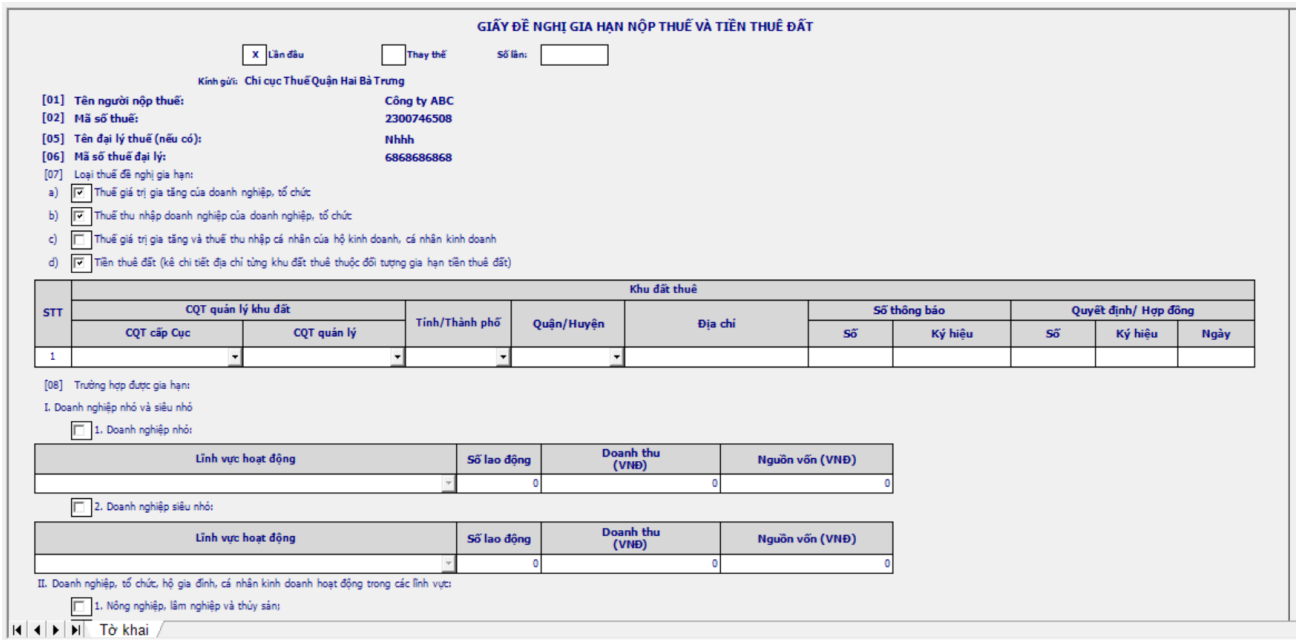

Chi tiết các chỉ tiêu sau:

- Thông tin chung của tờ khai: UD hỗ trợ tự động hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống
  + Kính gửi: Hiển thị theo CQT quản lý
  + [01]Tên người nộp thuế
  + [02] Mã số thuế
  + [03] Địa chỉ
  + [04] Điện thoại
  + [05] Tên đại lý thuế (nếu có)
  + [06] Mã số thuế (đại lý thuế)
- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + [07] Loại thuế đề nghị gia hạn:
    - UD mặc định tích chọn 3 mục a, b, d, cho phép NNT sửa bỏ tích chọn, nếu NNT không tích chọn đồng thời cả a) và b) (trường hợp chỉ tích chọn a, không tích chọn b hoặc chỉ tích chọn b, không tích chọn a) thì hiển thị cảnh báo vàng "NNT được

quyền đề nghị gia hạn đồng thời thuế GTGT và thuế TNDN. NNT vui lòng kiểm tra kỹ thông tin này", bắt buộc phải tích chọn 1 trong các chỉ tiêu:

- a) Thuế GTTT của doanh nghiệp, tổ chức
- b) Thuế TNDN của doann nghiệp, tổ chức
- c) Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
- d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)

- Nhập thông tin **"Khu đất thuê"**: bắt buộc nhập khi tích chọn mục d, nếu không tích chọn mục d thì khóa không cho nhập. Cho phép nhập nhiều dòng (thêm dòng, xóa dòng)
  - Nhập CQT quản lý khu đất:
    - CQT cấp cục: chọn trong danh mục
    - CQT quản lý: chọn trong danh mục
  - Tỉnh/Thành phố: Tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
  - Quận/Huyện:
    - Nếu CQT quản lý là Cục Thuế: cho phép NNT chọn Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành Phố
    - Nếu CQT quản lý là Chi cục Thuế: UD tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
  - Nhập địa chỉ: nhập dạng text
  - Số thông báo:
    - Số: Nhập text
    - Ký hiệu: Nhập text
  - Quyết định/Hợp đồng:
    - Số: Nhập kiểu số nguyên > 0
    - Ký hiệu: Nhập dạng text
    - Ngày: Nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy. Ngày <= Ngày hiện tại

+ **[08] Trường hợp được gia hạn**: Bắt buộc tích chọn ở mục I hoặc II, không được để trống cả 2

- Nhập thông tin vào **mục I** nếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tích chọn 1 trong 2 mục a hoặc b, không được tích chọn đồng thời cả 2. Tích chọn mục nào thì UD mở cho phép nhập dữ liệu bảng thuộc mục đó

  - Tích chọn **mục 1** nếu là **doanh nghiệp nhỏ**: nhập các thông tin trong bảng thuộc mục a, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:
    - Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực trong danh mục, bao gồm:
      - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
      - Công nghiệp, xây dựng
      - Thương mại, dịch vụ

- Số lao động: nhập số >=0, tối đa 15 chữ số:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì nhập số lao động <= 100, sai khác UD hiển thị cảnh báo

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập số lao động <= 50, sai khác UD hiển thị cảnh báo

- Doanh thu (VNĐ), Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 50 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 20 tỷ

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 100 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 50 tỷ

o Tích chọn **mục 2** nếu là **Doanh nghiệp siêu nhỏ:** nhập các thông tin trong bảng thuộc mục 2, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:

- Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực hoạt động trong danh mục, bao gồm:

➢ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

➢ Công nghiệp, xây dựng

➢ Thương mại, dịch vụ

- Số lao động: nhập số lao động >=0 và <= 10, nếu nhập >10 thì UD cảnh báo.

- Doanh thu (VNĐ) Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 3 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 10 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ

o Tích chọn tại **mục II** nếu là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực: tích chọn 1 hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động.

3.14.4 Tờ khai giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất đáp ứng Nghị định số 82/2025/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Gia hạn nộp thuế" chọn "Giấy đề gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (NĐ82/2025/NĐ-CP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

- Kỳ tính thuế: nhập theo định dạng dd/mm/yyyy, cho phép kê khai từ ngày 02/04/2025 đến ngày 30/05/2025
- Loại tờ khai: Tích chọn 1 trong 2 loại tờ khai là "Lần đầu" hoặc "Thay thế"
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

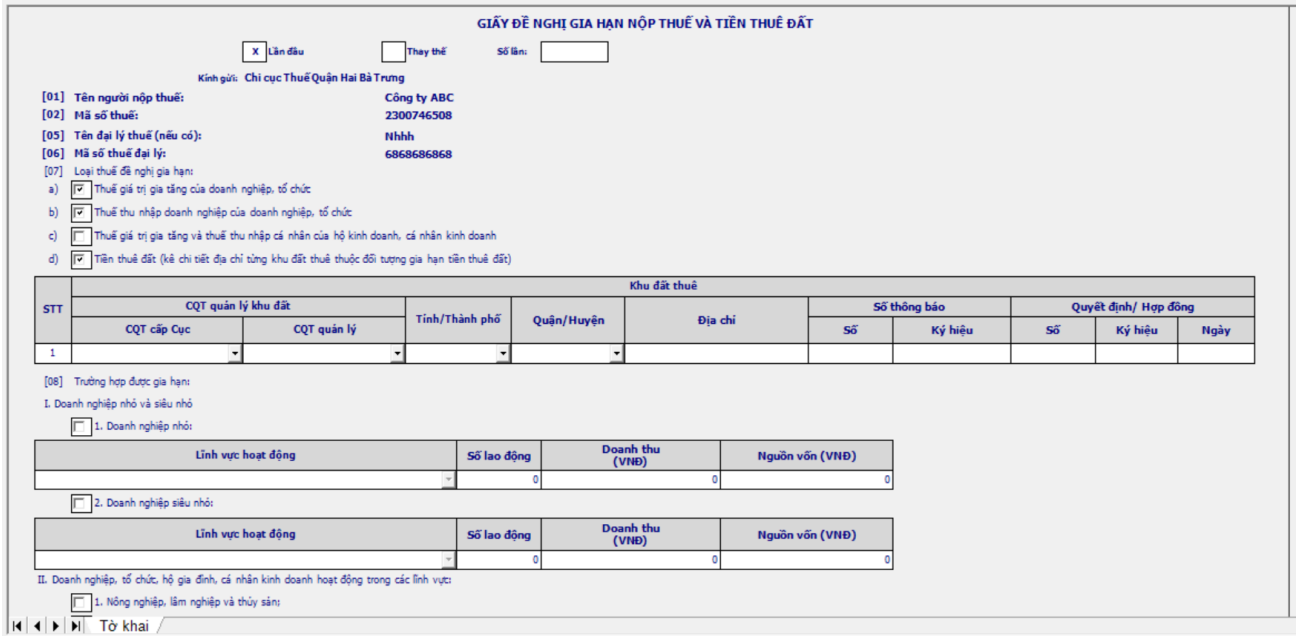

Chi tiết các chỉ tiêu sau:

- Thông tin chung của tờ khai: UD hỗ trợ tự động hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống
  + Kính gửi: Hiển thị theo CQT quản lý
  + [01]Tên người nộp thuế
  + [02] Mã số thuế
  + [03] Địa chỉ
  + [04] Điện thoại
  + [05] Tên đại lý thuế (nếu có)
  + [06] Mã số thuế (đại lý thuế)
- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + [07] Loại thuế đề nghị gia hạn:
    - UD mặc định tích chọn 3 mục a, b, d, cho phép NNT sửa bỏ tích chọn, nếu NNT không tích chọn đồng thời cả a) và b) (trường hợp chỉ tích chọn a, không tích chọn b hoặc chỉ tích chọn b, không tích chọn a) thì hiển thị cảnh báo vàng "NNT được

quyền đề nghị gia hạn đồng thời thuế GTGT và thuế TNDN. NNT vui lòng kiểm tra kỹ thông tin này", bắt buộc phải tích chọn 1 trong các chỉ tiêu:

- a) Thuế GTTT của doanh nghiệp, tổ chức
- b) Thuế TNDN của doann nghiệp, tổ chức
- c) Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh
- d) Tiền thuê đất (kê chi tiết địa chỉ từng khu đất thuê thuộc đối tượng gia hạn tiền thuê đất)

• Nhập thông tin **"Khu đất thuê"**: bắt buộc nhập khi tích chọn mục d, nếu không tích chọn mục d thì khóa không cho nhập. Cho phép nhập nhiều dòng (thêm dòng, xóa dòng)

- Nhập CQT quản lý khu đất:
  - CQT cấp cục: chọn trong danh mục
  - CQT quản lý: chọn trong danh mục
- Tỉnh/Thành phố: Tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
- Quận/Huyện:
  - Nếu CQT quản lý là Cục Thuế: cho phép NNT chọn Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành Phố
  - Nếu CQT quản lý là Chi cục Thuế: UD tự động hiển thị theo CQT quản lý, không cho sửa
- Nhập địa chỉ: nhập dạng text
- Số thông báo:
  - Số: Nhập text
  - Ký hiệu: Nhập text
- Quyết định/Hợp đồng:
  - Số: Nhập kiểu số nguyên > 0
  - Ký hiệu: Nhập dạng text
  - Ngày: Nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy. Ngày <= Ngày hiện tại

+ **[08] Trường hợp được gia hạn**: Bắt buộc tích chọn ở mục I hoặc II, không được để trống cả 2

• Nhập thông tin vào **mục I** nếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tích chọn 1 trong 2 mục a hoặc b, không được tích chọn đồng thời cả 2. Tích chọn mục nào thì UD mở cho phép nhập dữ liệu bảng thuộc mục đó

- Tích chọn **mục 1** nếu là **doanh nghiệp nhỏ**: nhập các thông tin trong bảng thuộc mục a, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:
  - Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực trong danh mục, bao gồm:
    - Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản
    - Công nghiệp, xây dựng
    - Thương mại, dịch vụ

- Số lao động: nhập số >=0, tối đa 15 chữ số:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì nhập số lao động <= 100, sai khác UD hiển thị cảnh báo

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập số lao động <= 50, sai khác UD hiển thị cảnh báo

- Doanh thu (VNĐ), Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 50 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 20 tỷ

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 100 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 50 tỷ

o Tích chọn **mục 2** nếu là **Doanh nghiệp siêu nhỏ:** nhập các thông tin trong bảng thuộc mục 2, NSD có thể thêm/bớt dòng trong bảng, các thông tin cần nhập bao gồm:

- Lĩnh vực hoạt động: chỉ cho phép kê khai 1 lĩnh vực hoạt động trong danh mục, bao gồm:

➢ Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản

➢ Công nghiệp, xây dựng

➢ Thương mại, dịch vụ

- Số lao động: nhập số lao động >=0 và <= 10, nếu nhập >10 thì UD cảnh báo.

- Doanh thu (VNĐ) Nguồn vốn (VNĐ): nhập số >=0, tối đa 15 chữ số, nhập Doanh thu và Nguồn vốn thỏa mãn điều kiện sau:

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là 2 nhóm ngành Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; Công nghiệp, xây dựng thì Doanh thu <= 3 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ

➢ Đối với lĩnh vực hoạt động được chọn là nhóm ngành Thương mại, dịch vụ thì nhập Doanh thu <= 10 tỷ hoặc Nguồn vốn <= 3 tỷ

o Tích chọn tại **mục II** nếu là doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực: tích chọn 1 hoặc nhiều lĩnh vực hoạt động.

3.15 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Nhà cung cấp nước ngoài

3.15.1 Tờ khai thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử tại Việt Nam (Mẫu số 03/NCCNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Nhà cung cấp nước ngoài" chọn "TK thuế đối với hoạt động kinh doanh TMĐT tại VN (03/NCCNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

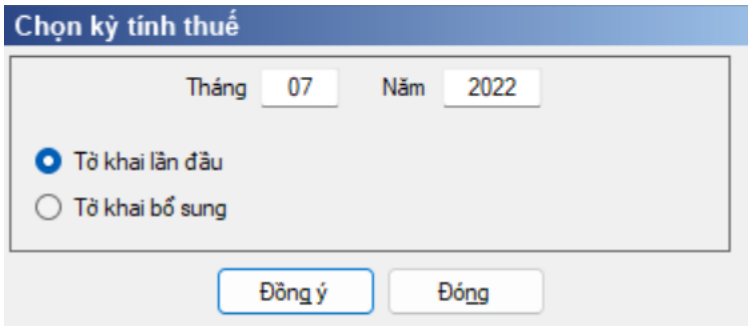

- Nhập ngày lập: nhập theo định dạng mm/yyyy
- Chọn "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

3.15.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

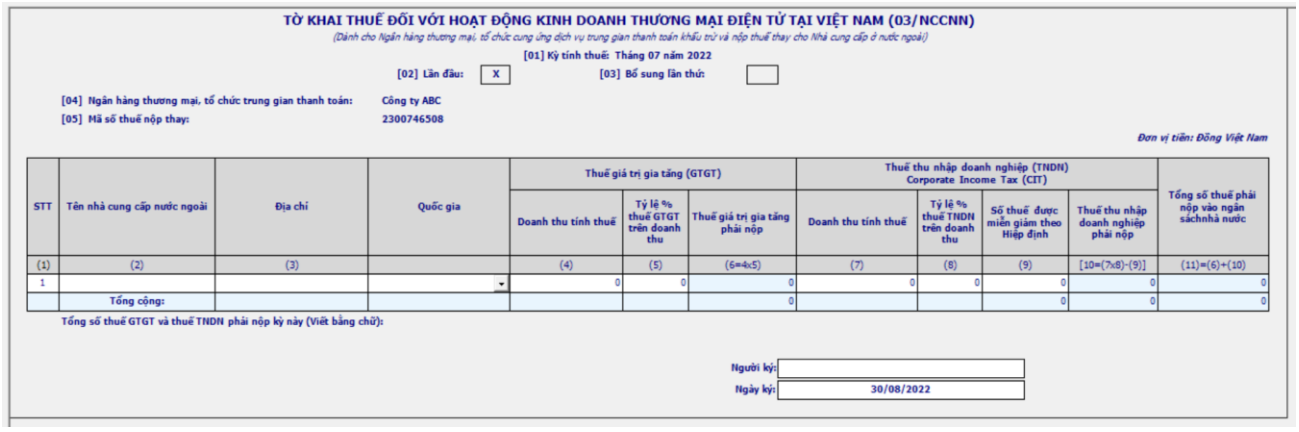

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM (03/NCCNN)

(Dành cho ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà cung cấp ở nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Ngân hàng thương mại, tổ chức trung gian thanh toán: Công ty ABC

[05] Mã số thuế nộp thay: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên nhà cung cấp nước ngoài	Địa chỉ	Quốc gia	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) Corporate Income Tax (CIT)				Tổng số thuế phải nộp vào ngân sáchnhà nước
				Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % thuế GTGT trên doanh thu	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6=4x5)	(7)	(8)	(9)	[10=(7x8)-(9)]	(11)=(6)+(10)
1				0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng:					0			0	0	0

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này (Viết bằng chữ):

Người ký:

Ngày ký: 30/08/2022

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + Các chỉ tiêu lấy từ thông tin chung: [04], [05], [06], [07], [08], [09], [10], [11]
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Cột (2), cột (3): Cho phép nhập dạng text
    - Cột (4), (7), (9): NNT nhập dạng số, không âm
    - Cột (5), (8): NNT nhập dạng số, không âm, không lớn hơn 100
  + Các chỉ tiêu tính toán:
    - Cột (6): UD tự động tính theo công thức (6) = (4) * (5), không cho sửa
    - Cột (10): UD tự động tính theo công thức (10) = (7) * (8) – (9), không cho sửa
    - Cột (11): UD tự động tính theo công thức (11) = (6) + (10), không cho sửa
    - Tổng cộng: Chỉ tiêu [12] = Tổng cộng cột (6), chỉ tiêu [13] = Tổng cột (10), chỉ tiêu [14] = Tổng cột (11)
    - Tự động hiển thị theo tổng cộng cột (11)

3.15.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

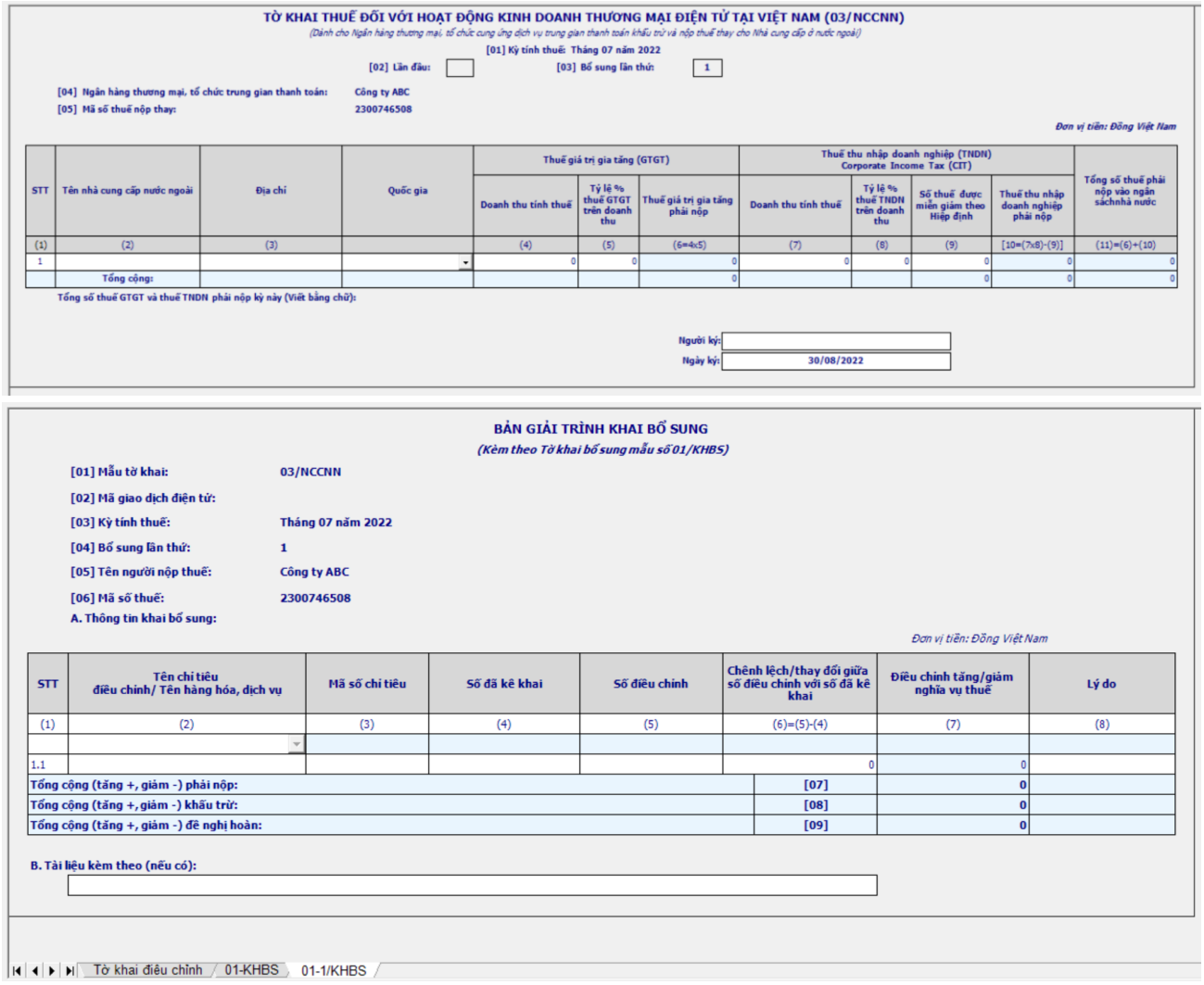

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM (03/NCCNN)

(Dành cho Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà cung cấp ở nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Ngân hàng thương mại, tổ chức trung gian thanh toán: Công ty ABC

[05] Mã số thuế nộp thay: 2300746508

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên nhà cung cấp nước ngoài	Địa chỉ	Quốc gia	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)			Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) Corporate Income Tax (CIT)				Tổng số thuế phải nộp vào ngân sáchnhà nước
				Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % thuế GTGT trên doanh thu	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ % thuế TNDN trên doanh thu	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6=4x5)	(7)	(8)	(9)	[10=(7x8)-(9)]	(11)=(6)+(10)
1				0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng:					0			0	0	0

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này (Viết bằng chữ):

Người ký:

Ngày ký: 30/08/2022

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/NCCNN

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai điều chỉnh | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.15.2 Mẫu biểu Danh sách theo dõi số tiền chuyển cho các nhà cung cấp ở nước ngoài (Mẫu số 04/NCCNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Nhà cung cấp nước ngoài" chọn "Danh sách theo dõi số tiền chuyển cho NCCNN (04/NCCNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

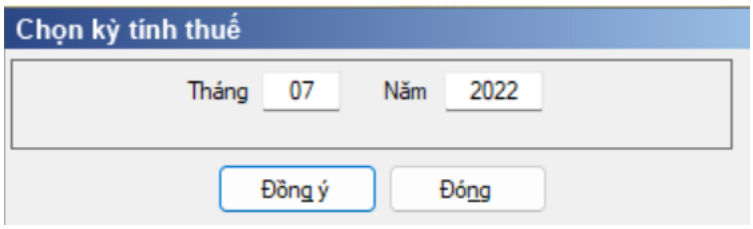

- Nhập thời gian lập: nhập theo định dạng mm/yyyy
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

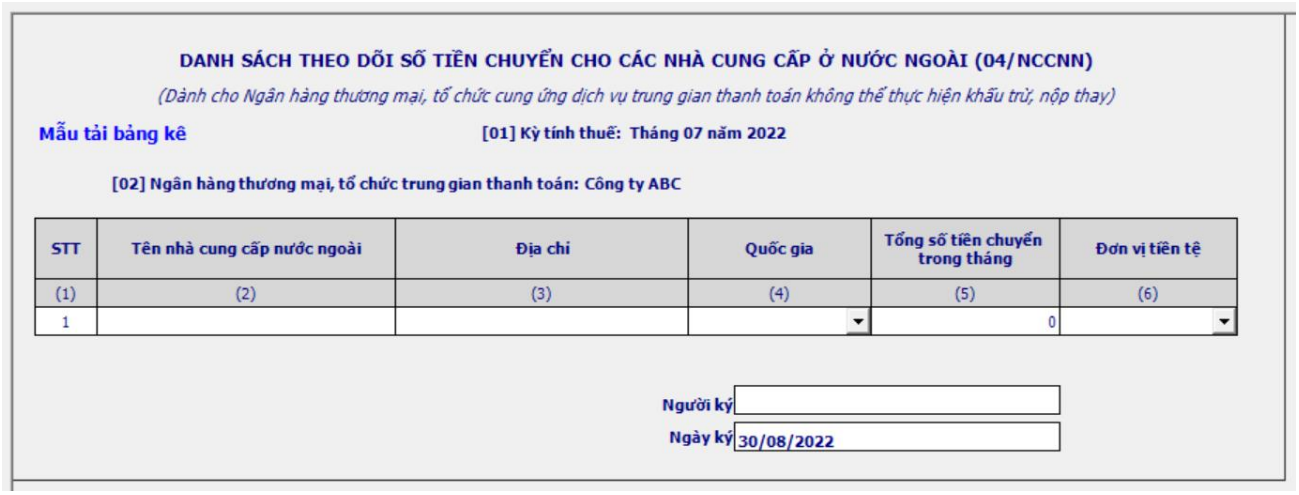

DANH SÁCH THEO DÕI SỐ TIỀN CHUYỂN CHO CÁC NHÀ CUNG CẤP Ở NƯỚC NGOÀI (04/NCCNN)

(Dành cho Ngân hàng thương mại, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không thể thực hiện khấu trừ, nộp thay)

Mẫu tải bảng kê [01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2022

[02] Ngân hàng thương mại, tổ chức trung gian thanh toán: Công ty ABC

STT	Tên nhà cung cấp nước ngoài	Địa chỉ	Quốc gia	Tổng số tiền chuyển trong tháng	Đơn vị tiền tệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1				0	

Người ký

Ngày ký 30/08/2022

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + Các chỉ tiêu lấy từ thông tin chung: [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08]
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Cột (2), cột (3): Cho phép nhập dạng text
    - Cột (4): Chọn trong danh mục Quốc gia
    - Cột (5): NNT nhập dạng số, không âm
    - Cột (6): Cho phép chọn trong danh mục

3.16 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Danh sách số hiệu tài khoản thanh toán

3.16.1 Danh sách số hiệu tài khoản thanh toán đáp ứng yêu cầu tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Danh sách số hiệu tài khoản thanh toán" chọn "DS số hiệu tài khoản thanh toán (NĐ 126/2020/NĐ-CP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

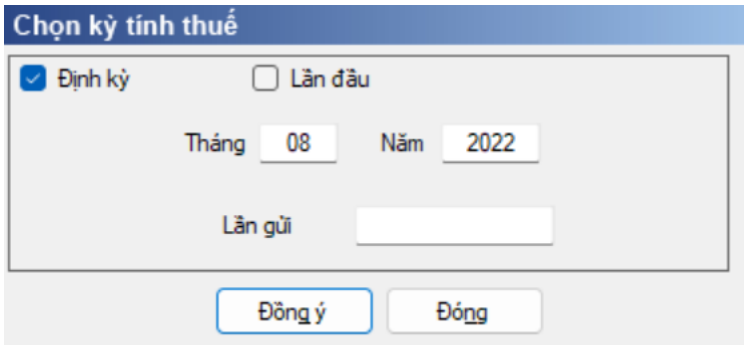

- Kiểu kỳ: NNT bắt buộc chọn 1 trong 2 loại kỳ: Lần đầu và Định kỳ
- Kỳ kê khai: Đối với kỳ khai "Lần đầu": nhập theo định dạng DD/MM/YYYY; Đối với kỳ khai "Định kỳ": nhập theo định dạng MM/YYYY
- Lần gửi: NNT nhập dạng số nguyên dương
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

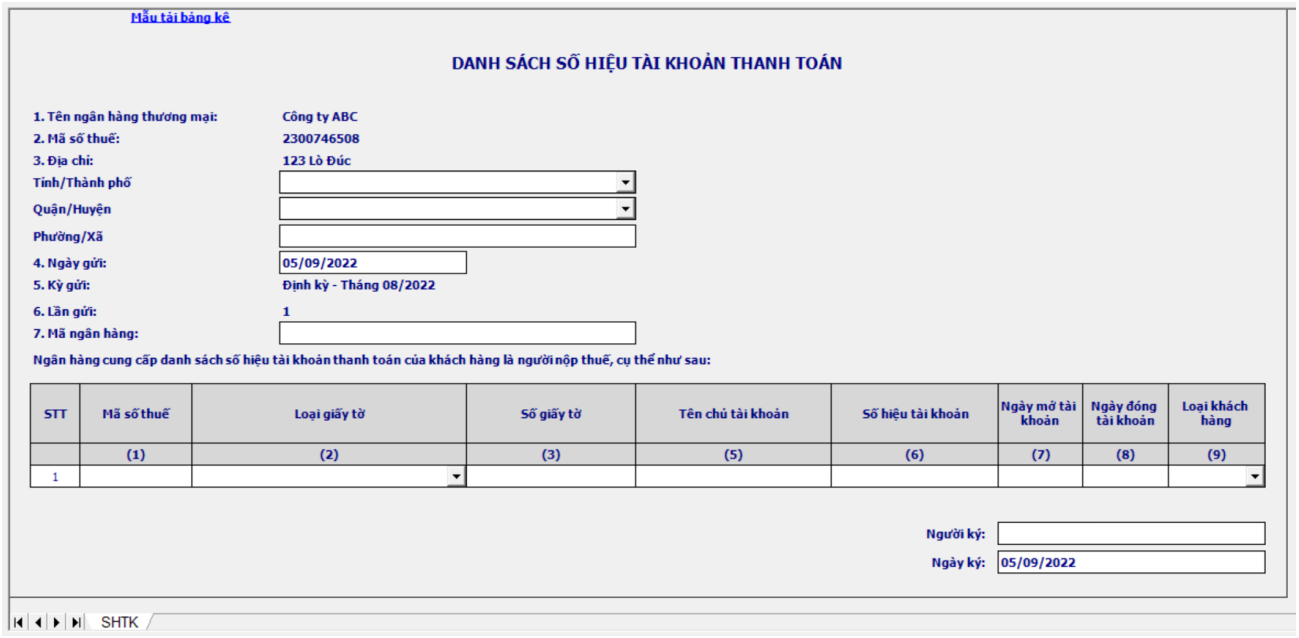

- Cho phép Ngân hàng nộp tờ khai trắng
- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + Các chỉ tiêu lấy từ thông tin chung: 1, 2, 3, 5, 6
  + Mã ngân hàng: Bắt buộc nhập, kiểm tra đúng cấu trúc 8 số
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Cột (1): Kiểm tra đúng cấu trúc MST
    - Cột (2): Nếu chọn loại khách hàng là "Tổ chức" thì cho phép chọn "Loại giấy tờ" bao gồm: *Mã số doanh nghiệp- 1, Số của giấy tờ chứng minh việc tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật -2;* Nếu chọn loại khách hàng là "Cá nhân" thì cho phép chọn "Loại giấy tờ" bao gồm: *CMT – 3, Thẻ căn cước – 4, Hộ chiếu – 5.*
    - Cột (3): Kiểm tra số CMND/ CCCD phải thỏa mãn: Đối với cá nhân là Số CMT (9 hoặc 12 ký tự) hoặc số thẻ căn cước(12 ký tự) hoặc số hộ chiếu (6 ký tự)
    - Cột (4), (5): NNT nhập dạng text

- Cột (6): Cho phép nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy, Kiểm tra không được lớn hơn ngày hiện tại
- Cột (7): Cho phép nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy, Kiểm tra không được lớn hơn ngày hiện tại và phải lớn hơn ngày mở
- Cột (8): Chọn trong danh mục "Loại khách hàng" gồm: Tổ chức – 01, Cá nhân – 02

3.17 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Đất đai

3.17.1 Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng với tổ chức có đất chịu thuế (Mẫu số 01/SDDNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Đất đai" chọn "Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (01/SDDNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

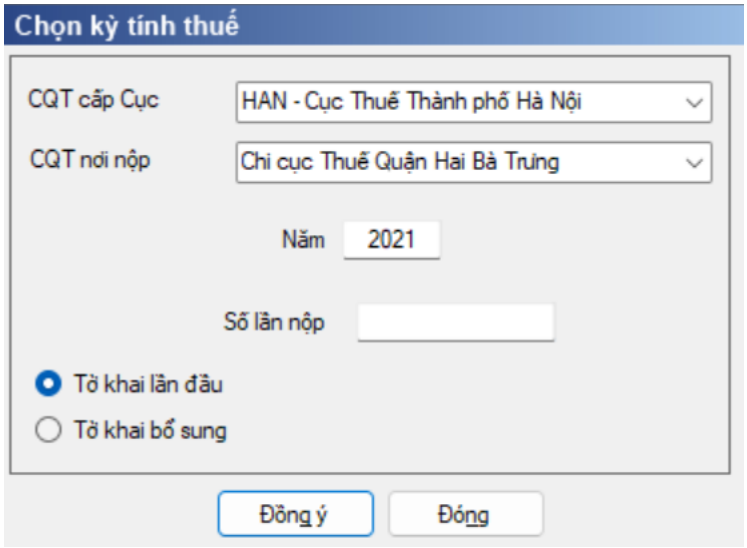

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: tại nơi phát sinh đất
+ Hiệu lực: Tờ khai có hiệu lực từ năm 2022
+ Hạn nộp tờ khai: Căn cứ theo chỉ tiêu [18] - Thời điểm bắt đầu sử dụng đất để xác định

- Nếu chỉ tiêu [18] thuộc kỳ tính thuế thì là thửa đất phát sinh mới hạn nộp tờ khai là 30 ngày kể từ ngày phát sinh
- Nếu chỉ tiêu [18] trước kỳ tính thuế hoặc trống thì là tờ khai hàng năm, hạn nộp tờ khai là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên năm dương lịch

+ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung:

- Có kê khai chỉ tiêu [19] thuộc kỳ tính thuế, hạn nộp tờ khai =chỉ tiêu [19] + 29 ngày (lùi ngày nghỉ, lễ)
- Không có chỉ tiêu [19] thì không có hạn nộp tờ khai

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai như sau:

3.17.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

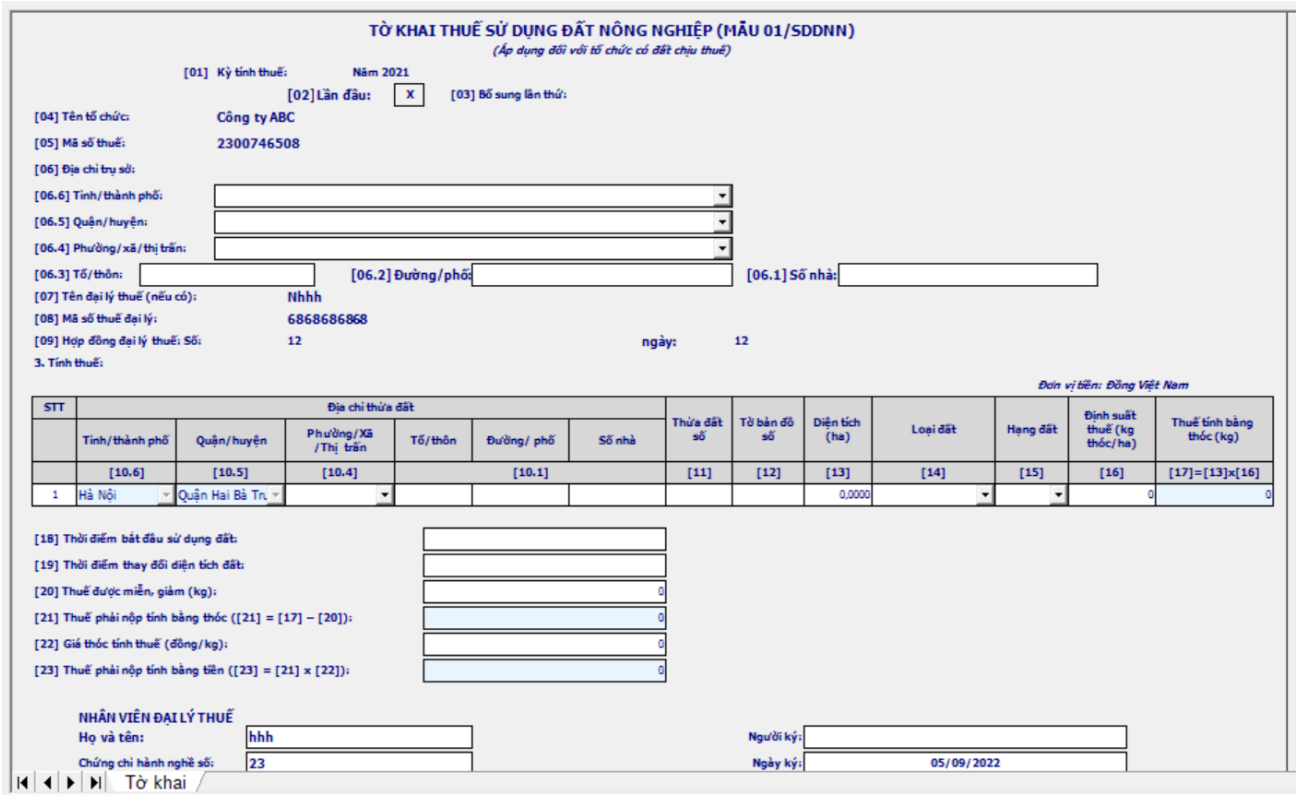

- **Chi tiết các chỉ tiêu như sau:**

+ Chỉ tiêu [10], [10.1], [10.2], [10.3], [10.4], [10.5], [10.6]: NNT nhập định dạng text, khi thêm dòng thì các chỉ tiêu [10.1] đến [10.6] là giống nhau

+ Chỉ tiêu [11], [12]: NTT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [13]: NNT nhập dạng số, có thập phân 4 chữ số, tối đa 16 chữ số

+ Chỉ tiêu [14], [15]: Cho phép chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [16]: Hiển thị giá trị theo loại đất và hạng đất theo luật 23-L/CTN và cho phép sửa, trường hợp không có định suất thuế trong danh mục thì NSD tự nhập

+ Chỉ tiêu [18]: Với tờ khai tích chọn lần đầu bắt buộc nhập chỉ tiêu [18], chỉ tiêu [18] phải <= ngày hiện tại

+ Chỉ tiêu [19]: Cho phép NSD nhập, phải <= ngày hiện tại

+ Chỉ tiêu [20]: Cho phép NNT nhập dạng số, mặc định là 0, tối đa 12 chữ số nguyên, chỉ tiêu [20] <= tổng cột 17

+ Chỉ tiêu [22]: Cho phép NNT nhập dạng số, mặc định là 0, tối đa 12 chữ số nguyên

+ Các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [17]: Hỗ trợ tính toán theo công thức: **[17]=[13]* [16]** và không cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [17a]: Hệ thống hỗ trợ tính toán theo công thức: [17a] = [17] * [22] và cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [21]: UD tính theo công thức: [21] = [17] – [20]
+ Chỉ tiêu [23]: UD tính theo công thức [23] = [21] * [22], không cho phép sửa

3.17.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

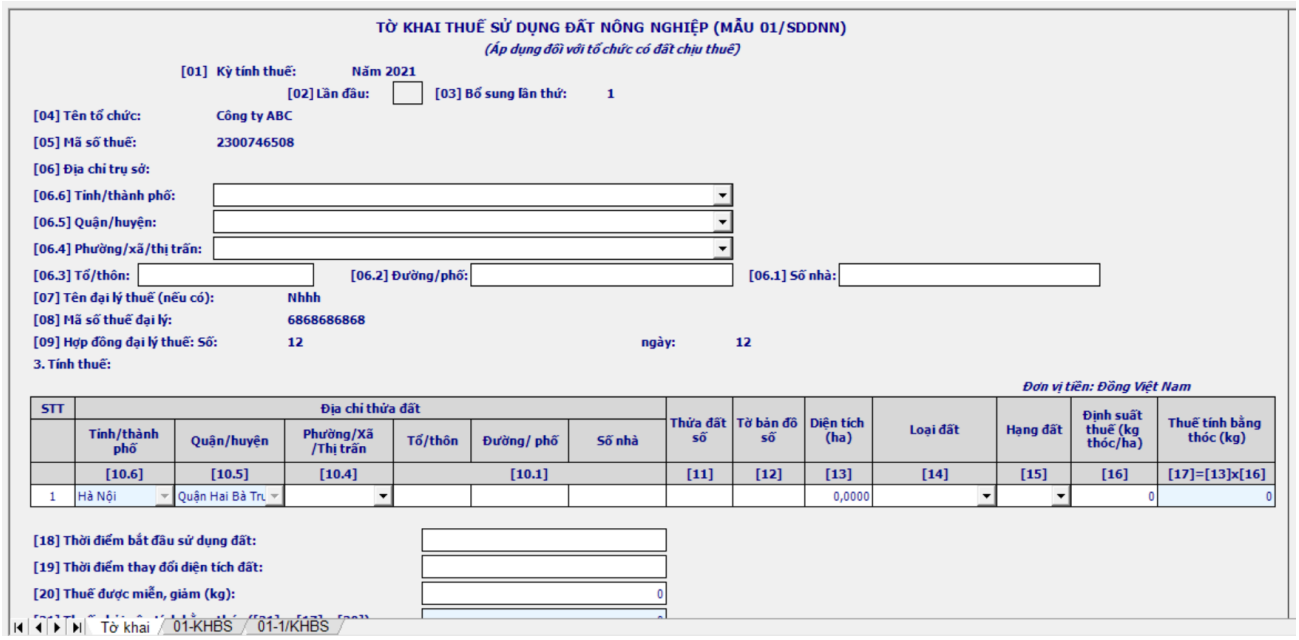

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP (MẪU 01/SDDNN)

(Áp dụng đối với tổ chức có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2021

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên tổ chức: Công ty ABC

[05] Mã số thuế: 2300746508

[06] Địa chỉ trụ sở:

[06.6] Tỉnh/thành phố:

[06.5] Quận/huyện:

[06.4] Phường/xã/thị trấn:

[06.3] Tổ/thôn: [06.2] Đường/phố: [06.1] Số nhà:

[07] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[08] Mã số thuế đại lý: 6868686868

[09] Hợp đồng đại lý thuế: Số: 12 ngày: 12

3. Tính thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Địa chỉ thửa đất						Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (ha)	Loại đất	Hạng đất	Định suất thuế (kg thóc/ha)	Thuế tính bằng thóc (kg)
	Tỉnh/thành phố	Quận/huyện	Phường/Xã /Thị trấn	Tổ/thôn	Đường/ phố	Số nhà							
	[10.6]	[10.5]	[10.4]		[10.1]		[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]=[13]x[16]
1	Hà Nội	Quận Hai Bà Trư							0,0000			0	0

[18] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

[19] Thời điểm thay đổi diện tích đất:

[20] Thuế được miễn, giảm (kg): 0

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

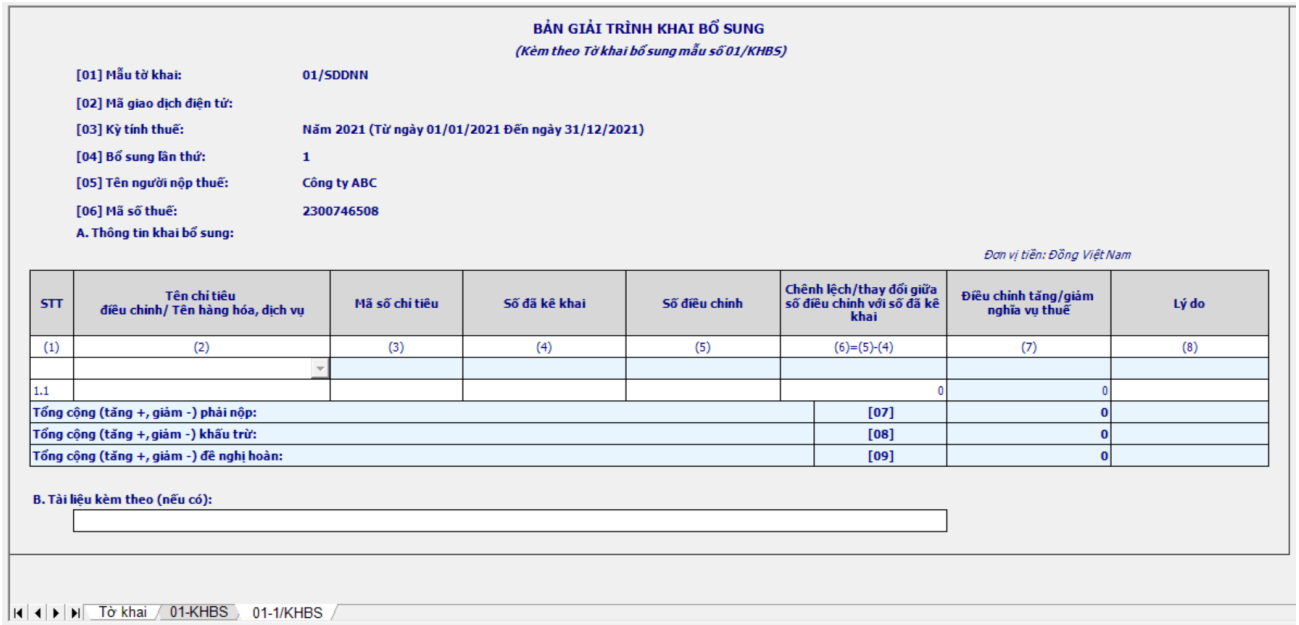

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/SDDNN

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.17.2 Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp áp dụng cho đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần (Mẫu số 03/SDDNN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Đất đai" chọn "Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (03/SDDNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

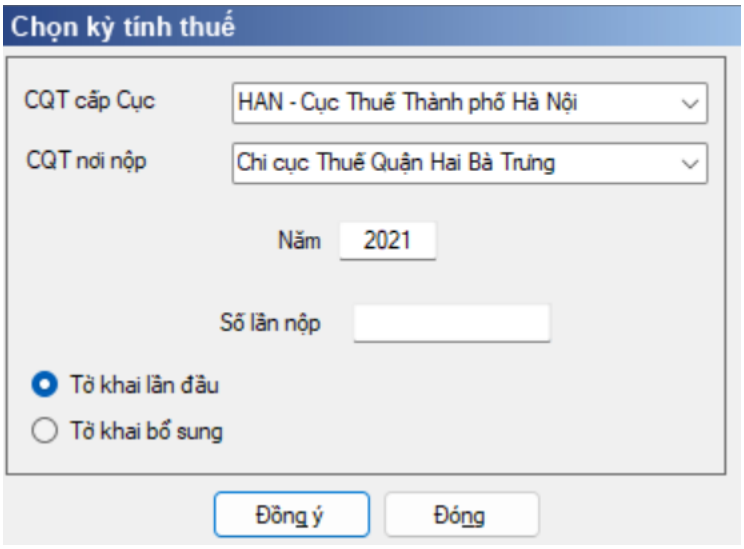

+ Hiệu lực: Tờ khai có hiệu lực từ năm 2022
+ Cơ quan thuế nộp tờ khai: tại nơi phát sinh đất thửa đất
+ Hạn nộp tờ khai: Căn cứ theo chỉ tiêu [18] - Thời điểm bắt đầu sử dụng đất để xác định
  - (Ngày khai thác sản lượng [1a] + 9 ngày (lùi ngày nghỉ, lễ)

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

3.17.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

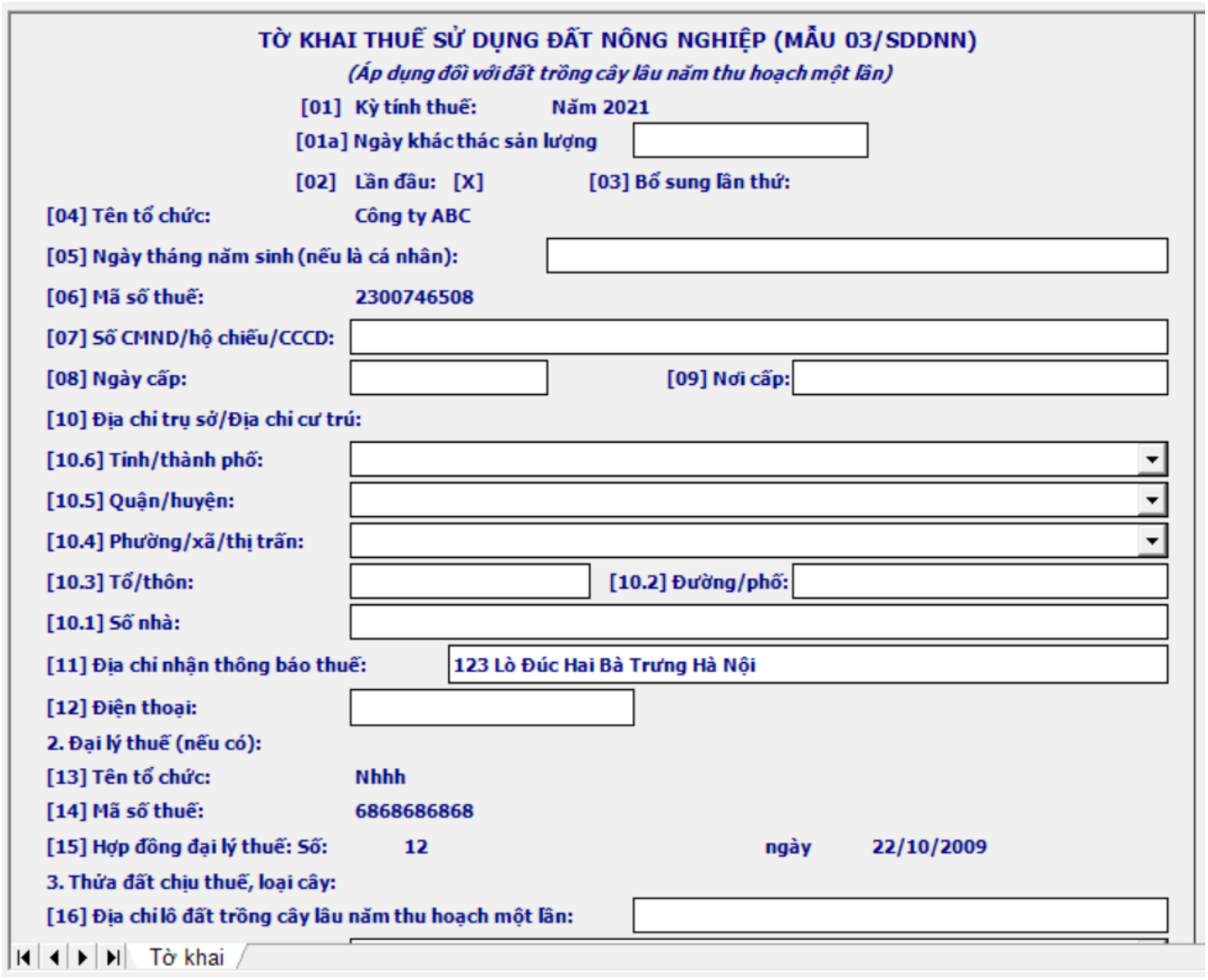

- **Chi tiết các chỉ tiêu như sau:**

+ Chỉ tiêu [1a]: Cho phép nhập định dạng dd/mm/yyyy

+ Chỉ tiêu [02], [03]: Hiển thị theo thông tin NNT chọn, chỉ có [02] hoặc [03]

+ Chỉ tiêu [04], [06]: Hiển thị theo thông tin đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [05], [07], [08], [09], [10.1], [10.2], [10.3]: Cho phép NNT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [10.4], [10.5], [10.6]: Cho phép NNT chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [11], [12]: Hiển thị theo thông tin NNT trong thông tin chung

+ Chỉ tiêu [13], [14], [15]: Hiển thị theo thông tin ĐLT của MST đăng nhập, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [16], [16.1], [17], [18], [20], [21], [22]: Cho phép NNT tự nhập dạng text\

+ Chỉ tiêu [16.2], [16.3], [16.4]: Chọn trong danh mục, kiểm tra Quận/huyện tương ứng với CQT nộp tờ khai; tỉnh tương ứng với CQT nộp tờ khai

+ Chỉ tiêu [19], [23], [24]: NNT tự nhập dạng số, có thập phân 4 chữ số

+ Chỉ tiêu [25], [27]: NNT nhập số nguyên, tối đa 12 chữ số

- **Các chỉ tiêu tính toán:**

+ Chỉ tiêu [26]: Hỗ trợ tính toán theo công thức: [26] = [23] x [24] x [25], không cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [26a]: Hỗ trợ tính toán theo công thức:[26a] = [26] x [4%], không cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [28]: Hỗ trợ tính toán theo công thức [28] = ([26] x 4%) - [27], cho phép sửa

3.17.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

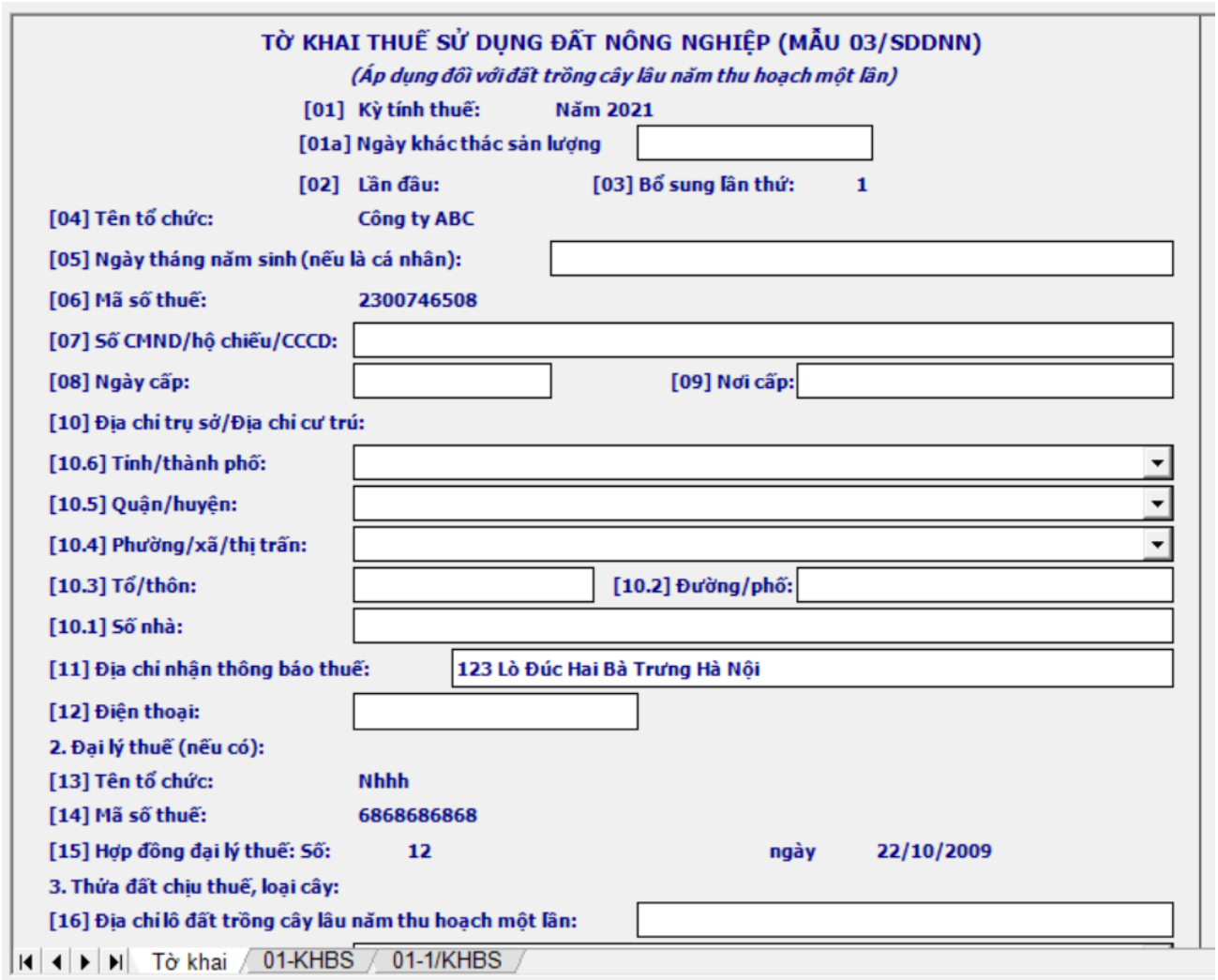

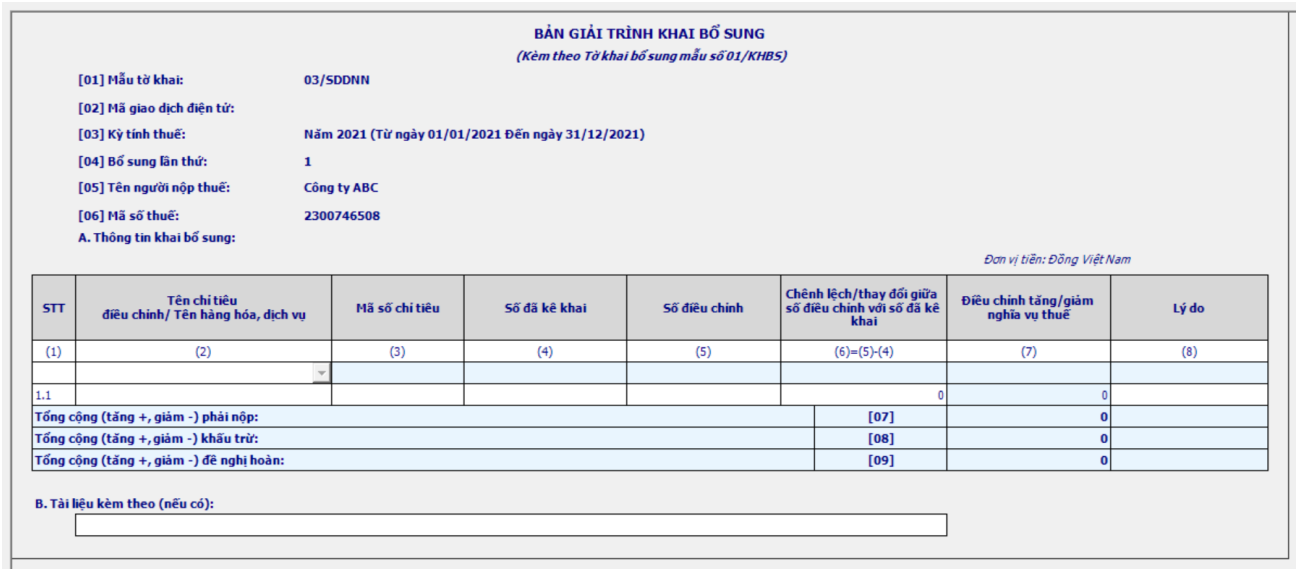

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 03/SDDNN

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.17.3 Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước (01/TMĐN) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Đất đai" chọn "Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước (01/TMĐN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

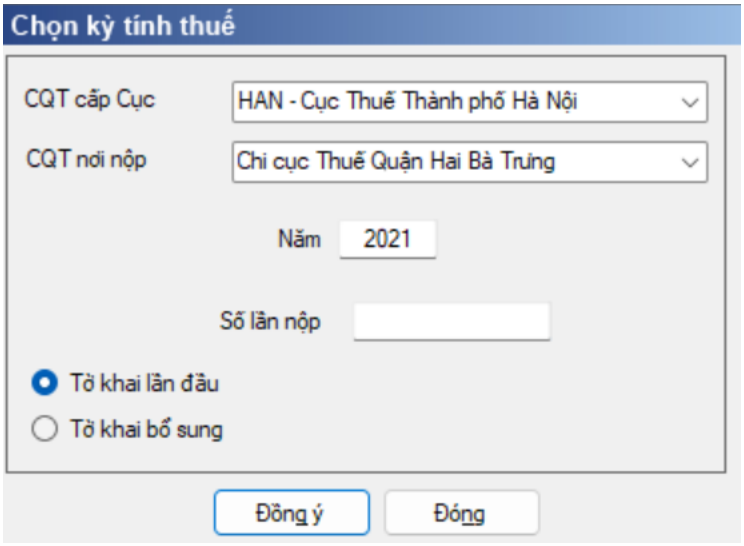

+ Hiệu lực: Tờ khai có hiệu lực từ năm 2022

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

3.17.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

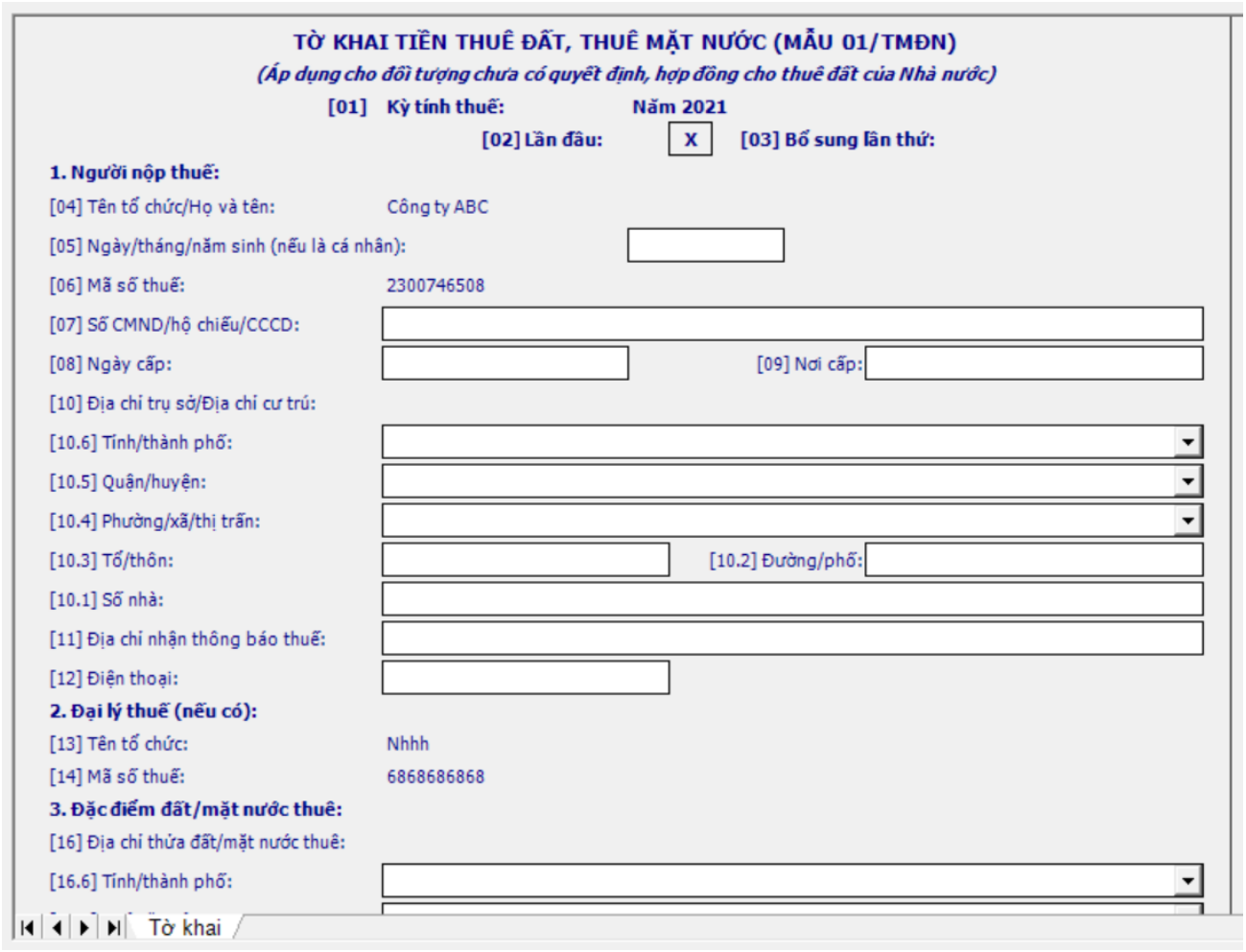

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Chỉ tiêu [04], [06]: Hiển thị theo thông tin đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [05], [07], [08], [09], [10.1], [10.2], [10.3]: Cho phép NNT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [10.4], [10.5], [10.6]: Cho phép NNT chọn trong danh mục

+ Chỉ tiêu [11], [12]: Hiển thị theo thông tin NNT trong thông tin chung

+ Chỉ tiêu [13], [14], [15]: Hiển thị theo thông tin ĐLT của MST đăng nhập, không cho sửa

+ Chỉ tiêu [16.1], [16.2], [16.3], [17], [18]: Cho phép NNT tự nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [16.4], [16.5], [16.6]: Chọn trong danh mục, kiểm tra Quận/huyện tương ứng với CQT nộp tờ khai; tỉnh tương ứng với CQT nộp tờ khai

+ Chỉ tiêu [19]: NNT tự nhập dạng số, có thập phân 4 chữ số, Chỉ tiêu 19 >= tổng chỉ tiêu (21+22+23+ 24+25), sai khác cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [20]: Cho phép NNT nhập, chỉ tiêu [20] phải <= ngày hiện tại

+ Chỉ tiêu [21], [22], [23], [24], [25]: Định dạng số, có thập phân 4 chữ số, Bắt buộc phải có ít nhất 1 trong các chỉ tiêu từ [21] đến [25]

+ Thời gian sử dụng đất vào mục đích thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai: Cho phép nhập định dạng số…. (tháng)

3.17.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

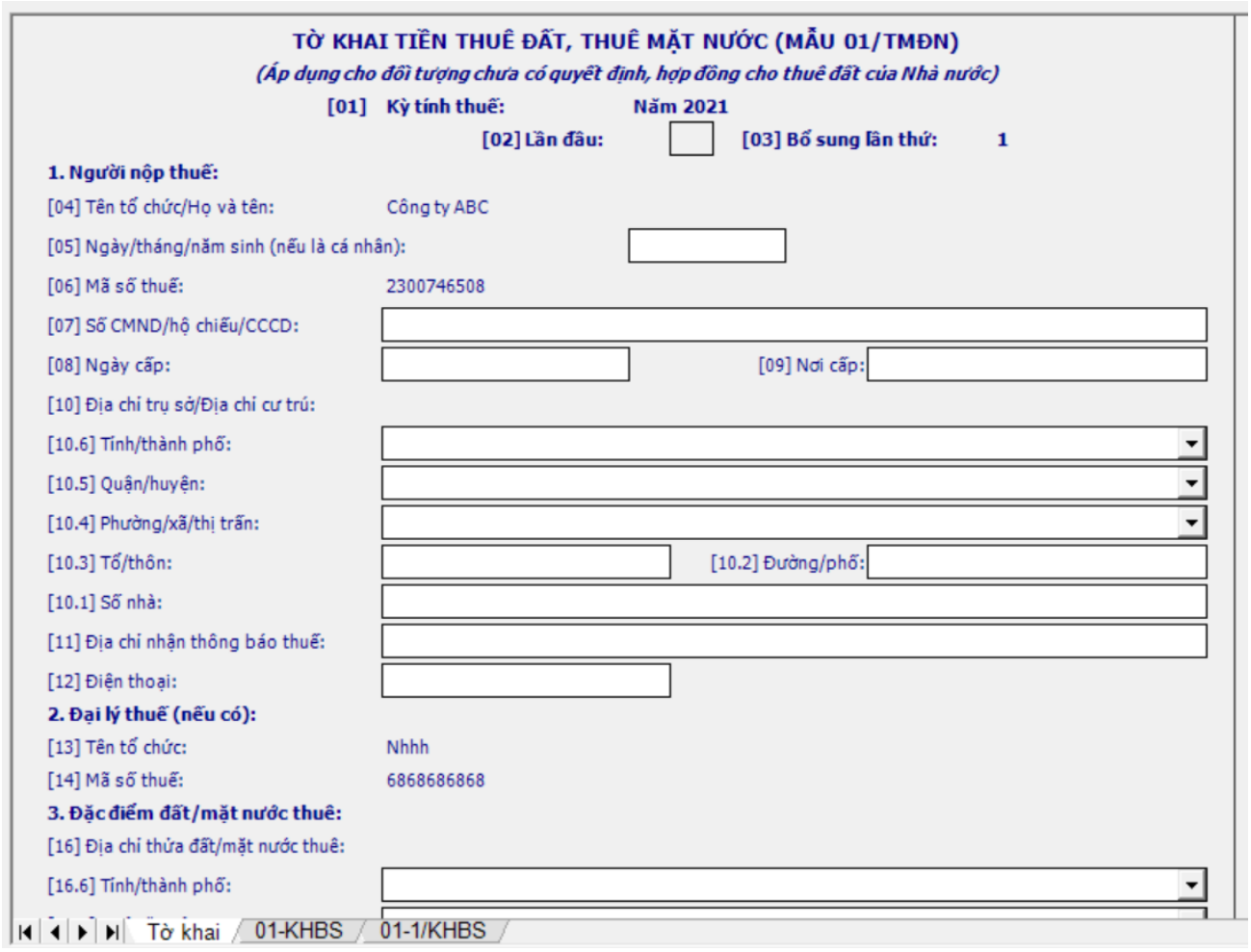

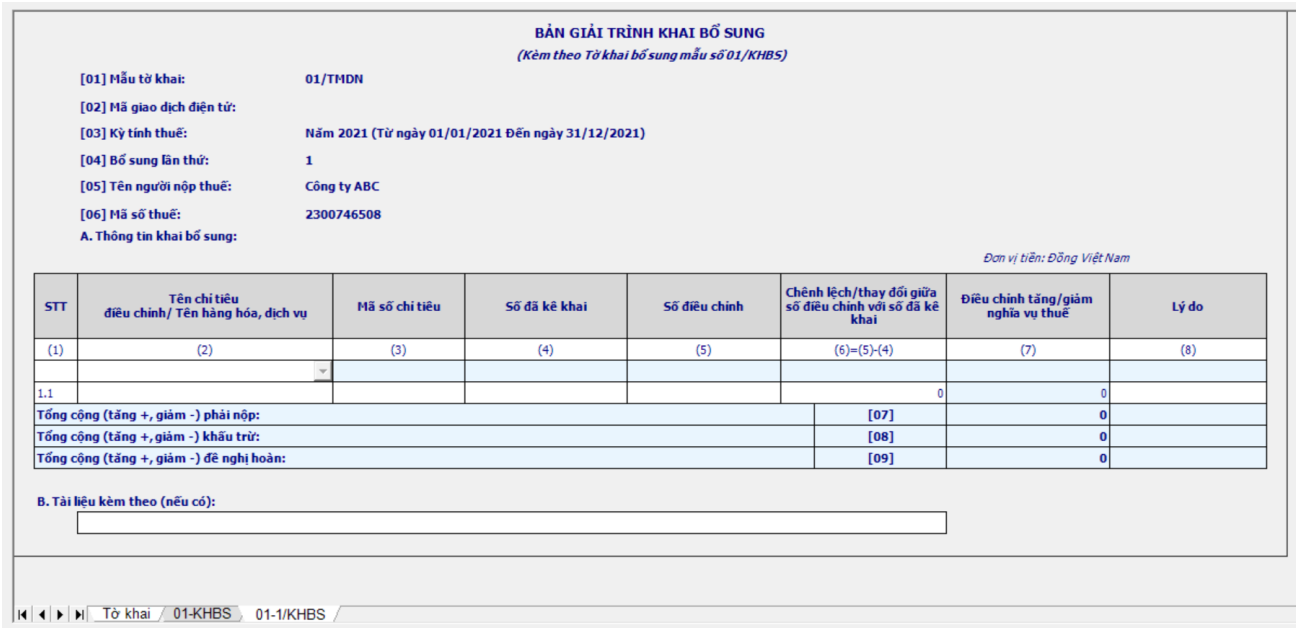

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/TMDN

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Năm 2021 (Từ ngày 01/01/2021 Đến ngày 31/12/2021)

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Tài sản đảm bảo

3.18.1 Tờ khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý (01/KTTSBĐ) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tài sản đảm bảo" chọn "Tờ khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm (01/KTTSBD)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

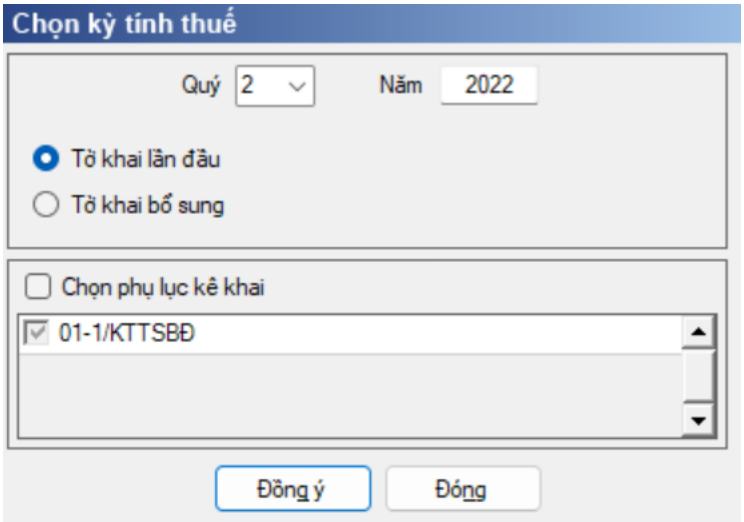

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

3.18.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

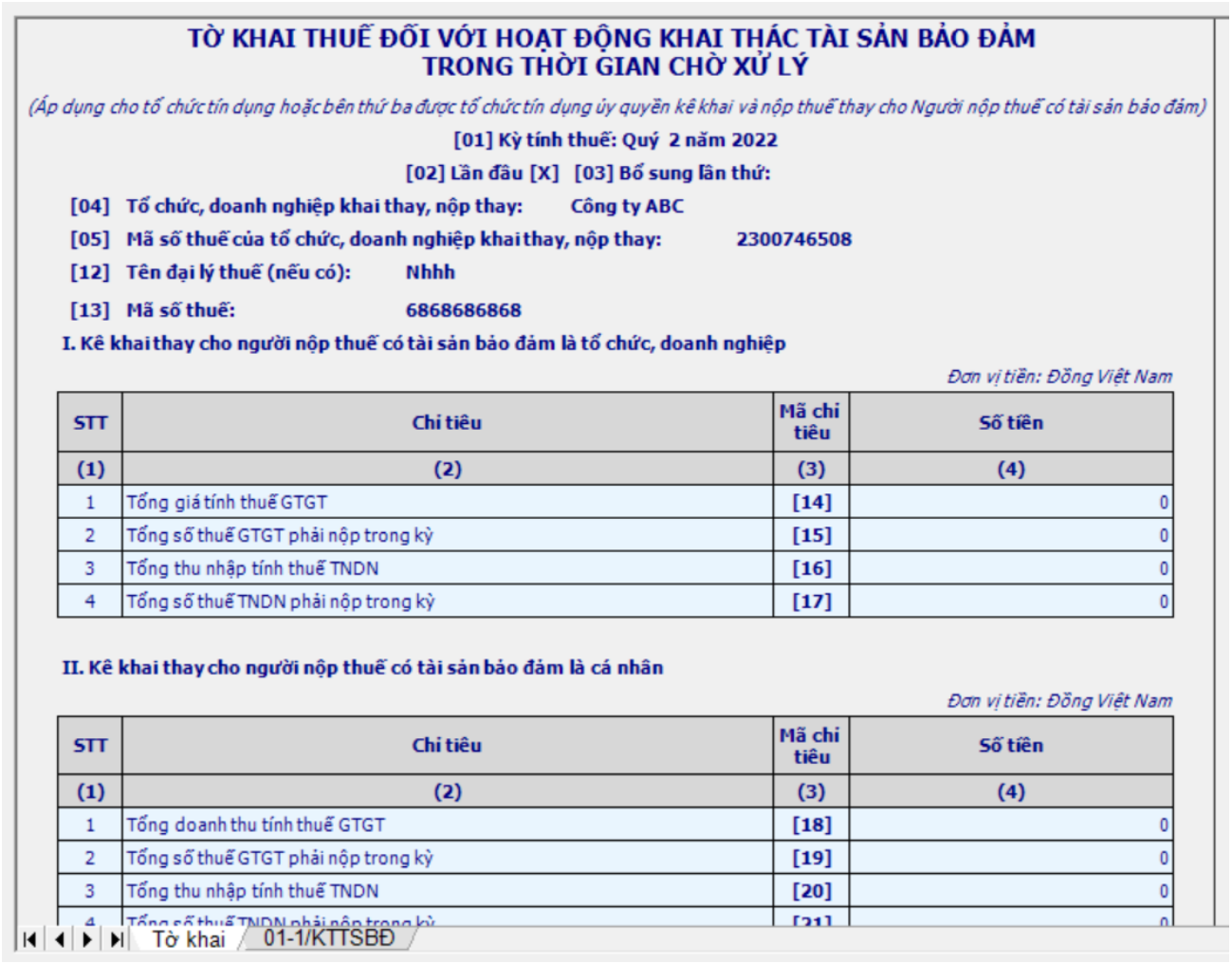

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN BẢO ĐẢM TRONG THỜI GIAN CHỜ XỬ LÝ

(Áp dụng cho tổ chức tín dụng hoặc bên thứ ba được tổ chức tín dụng ủy quyền kê khai và nộp thuế thay cho Người nộp thuế có tài sản bảo đảm)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế của tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: 2300746508

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

I. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng giá tính thuế GTGT	[14]	0
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	[15]	0
3	Tổng thu nhập tính thuế TNDN	[16]	0
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	[17]	0

II. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	[18]	0
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	[19]	0
3	Tổng thu nhập tính thuế TNDN	[20]	0
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	[21]	0

Tờ khai | 01-1/KTTSBĐ

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau: Bắt buộc nhập mục 1 trong 2 mục (I hoặc II), có thể nhập cả 2 mục

I. <u>Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp</u>

+ Chỉ tiêu [14]: Tổng cột 8 ở mục I của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [15]: Tổng cột 9 ở mục I của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [16]: Tổng cột 10 ở mục I của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [17]: Tổng cột 11 ở mục I của PL, không cho sửa

II. <u>Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân</u>

+ Chỉ tiêu [18]: Tổng cột 9 ở mục II của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [19]: Tổng cột 10 ở mục II của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [20]: Tổng cột 11 ở mục II của PL, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [21]: Tổng cột 12 ở mục II của PL, không cho sửa

3.18.1.1.1 Phụ lục 01-1/KTTSBD

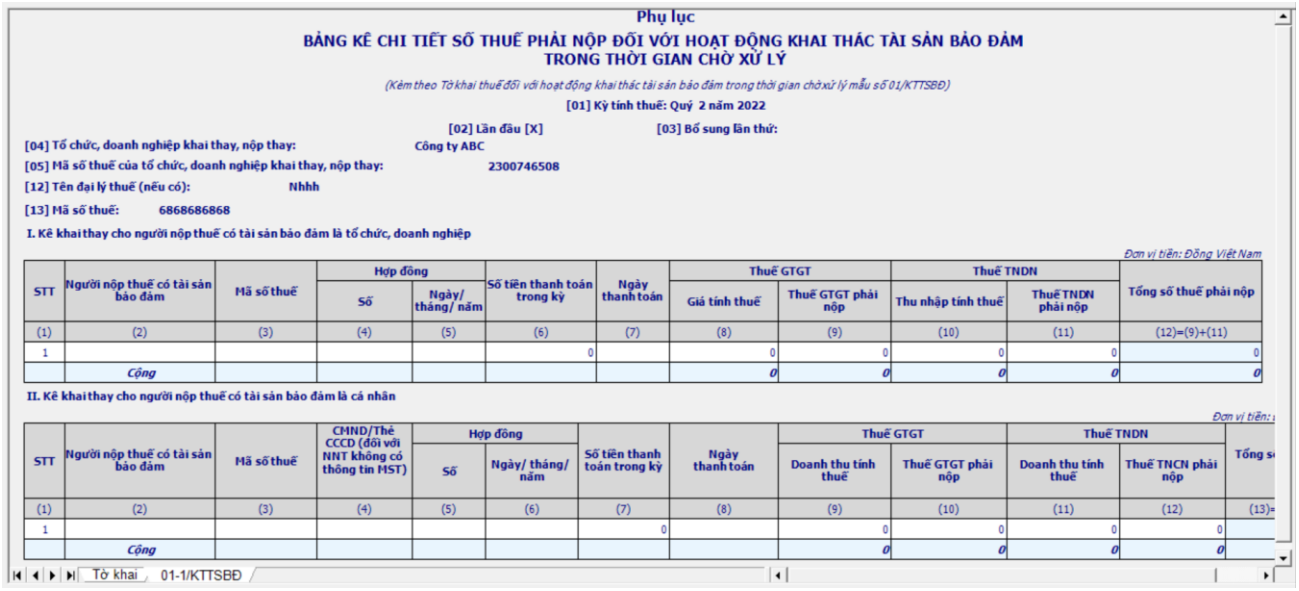

Phụ lục

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ PHẢI NỘP ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN BẢO ĐẢM TRONG THỜI GIAN CHỜ XỬ LÝ

(Kèm theo Tờ khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý mẫu số 01/KTTSBĐ)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế của tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: 2300746508

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

I. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Người nộp thuế có tài sản bảo đảm	Mã số thuế	Hợp đồng		Số tiền thanh toán trong kỳ	Ngày thanh toán	Thuế GTGT		Thuế TNDN		Tổng số thuế phải nộp
			Số	Ngày/ tháng/ năm			Giá tính thuế	Thuế GTGT phải nộp	Thu nhập tính thuế	Thuế TNDN phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(9)+(11)
1					0		0	0	0	0	0
	Cộng						0	0	0	0	0

II. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân

Đơn vị tiền:

STT	Người nộp thuế có tài sản bảo đảm	Mã số thuế	CMND/Thẻ CCCD (đối với NNT không có thông tin MST)	Hợp đồng		Số tiền thanh toán trong kỳ	Ngày thanh toán	Thuế GTGT		Thuế TNDN		Tổng s
				Số	Ngày/ tháng/ năm			Doanh thu tính thuế	Thuế GTGT phải nộp	Doanh thu tính thuế	Thuế TNCN phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=
1						0		0	0	0	0	
	Cộng							0	0	0	0	

Tờ khai 01-1/KTTSBĐ

- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

I. <u>Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp</u>

+ Chỉ tiêu (2), (4): NNT tự nhập dạng text
+ Chỉ tiêu (3): Cho phép NNT nhập, kiểm tra cấu trúc MST
+ Chỉ tiêu (5), (7): Cho phép NNT nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy
+ Chỉ tiêu (6), (8), (9), (10), (11): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Chỉ tiêu (12): UD hỗ trợ tính theo công thức: (12)=(9)+(11), không cho sửa

II. <u>Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân</u>

+ Chỉ tiêu (2), (5): NNT tự nhập dạng text
+ Chỉ tiêu (3): Cho phép NNT nhập, kiểm tra cấu trúc MST, bắt buộc nhập (3) hoặc (4)
+ Chỉ tiêu (4): Cho phép NNT nhập, kiểm tra phải là 9 số hoặc 12 số, bắt buộc nhập (3) hoặc (4)
+ Chỉ tiêu (6), (8): Cho phép NNT nhập đúng định dạng dd/mm/yyyy
+ Chỉ tiêu (7), (9), (10), (11), (12): NNT nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Chỉ tiêu (13): UD hỗ trợ tính theo công thức: (13)=(10)+(12), không cho sửa

3.18.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD.
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm.
- Nhấn nút [Đồng ý], khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 3 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "01-KHBS" và "01-1/KHBS".

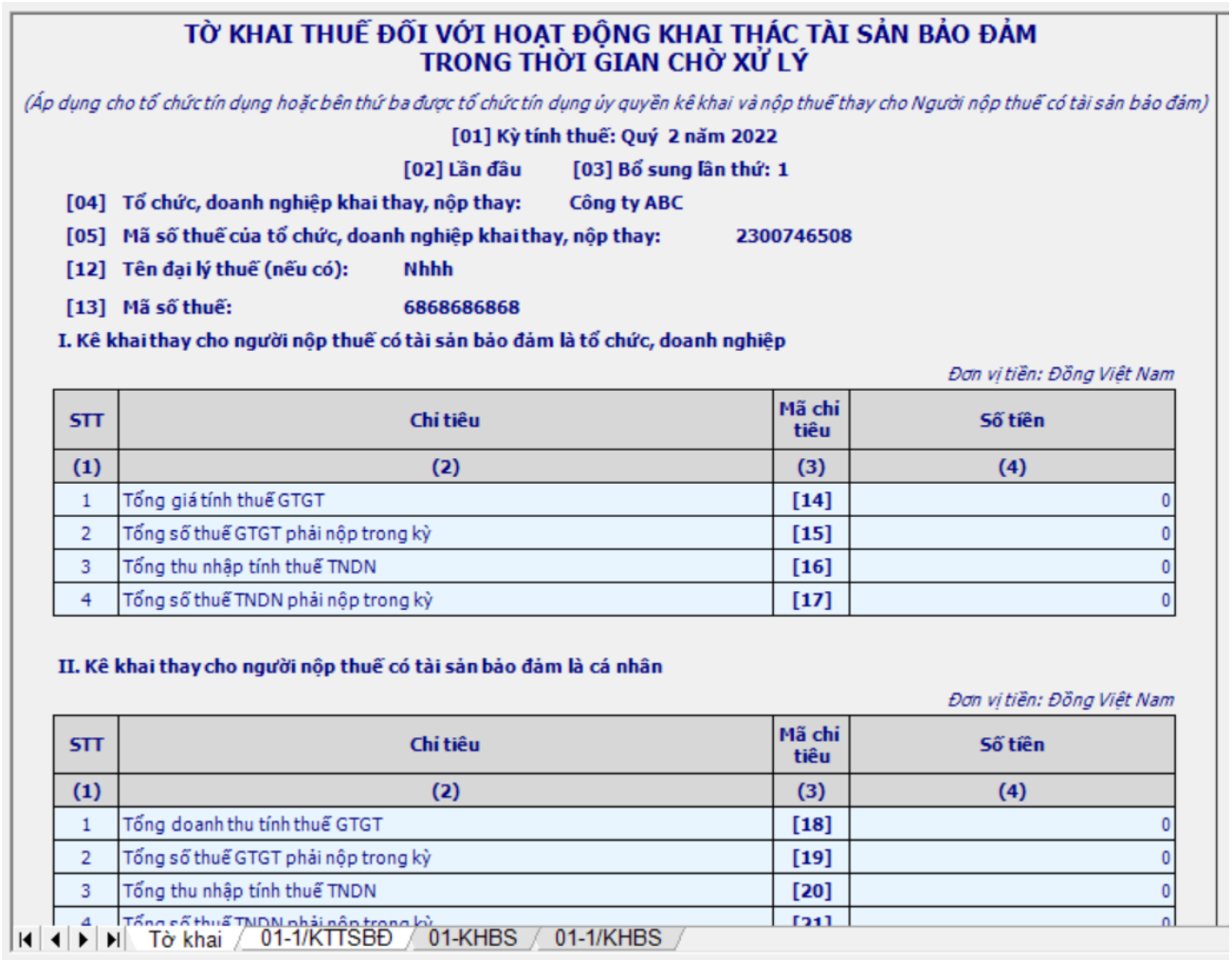

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TÀI SẢN BẢO ĐẢM TRONG THỜI GIAN CHỜ XỬ LÝ

(Áp dụng cho tổ chức tín dụng hoặc bên thứ ba được tổ chức tín dụng ủy quyền kê khai và nộp thuế thay cho Người nộp thuế có tài sản bảo đảm)

[01] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[02] Lần đầu [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: Công ty ABC

[05] Mã số thuế của tổ chức, doanh nghiệp khai thay, nộp thay: 2300746508

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Nhhh

[13] Mã số thuế: 6868686868

I. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là tổ chức, doanh nghiệp

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng giá tính thuế GTGT	[14]	0
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	[15]	0
3	Tổng thu nhập tính thuế TNDN	[16]	0
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	[17]	0

II. Kê khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm là cá nhân

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng doanh thu tính thuế GTGT	[18]	0
2	Tổng số thuế GTGT phải nộp trong kỳ	[19]	0
3	Tổng thu nhập tính thuế TNDN	[20]	0
4	Tổng số thuế TNDN phải nộp trong kỳ	[21]	0

Tờ khai | 01-1/KTTSBĐ | 01-KHBS | 01-1/KHBS

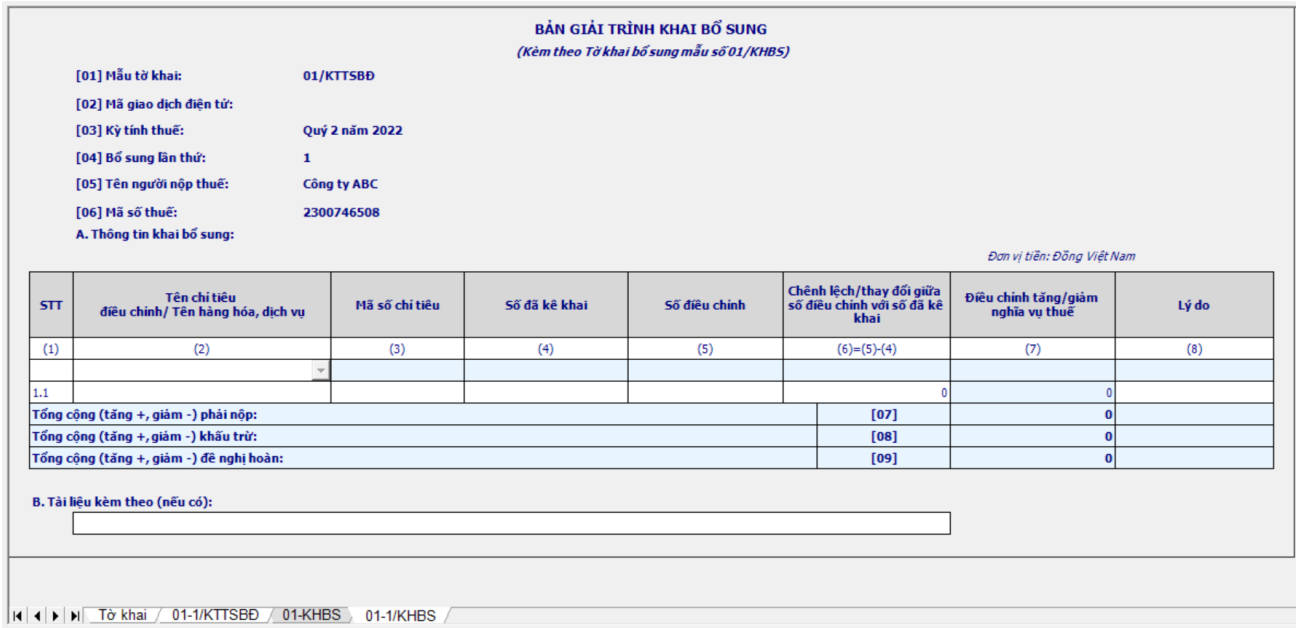

BẢN GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ khai bổ sung mẫu số 01/KHBS)

[01] Mẫu tờ khai: 01/KTTSBĐ

[02] Mã giao dịch điện tử:

[03] Kỳ tính thuế: Quý 2 năm 2022

[04] Bổ sung lần thứ: 1

[05] Tên người nộp thuế: Công ty ABC

[06] Mã số thuế: 2300746508

A. Thông tin khai bổ sung:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu điều chỉnh/ Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch/thay đổi giữa số điều chỉnh với số đã kê khai	Điều chỉnh tăng/giảm nghĩa vụ thuế	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)
1.1					0	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) phải nộp:					[07]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) khấu trừ:					[08]	0	
Tổng cộng (tăng +, giảm -) đề nghị hoàn:					[09]	0	

B. Tài liệu kèm theo (nếu có):

Tờ khai | 01-1/KTTSBĐ | 01-KHBS | 01-1/KHBS

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.19 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thay đổi kỳ tính thuế GTGT/TNCN từ tháng sang quý

3.19.1 Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý (01/DK-TĐKTT) đáp ứng Thông tư số 80/2021/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/ Thay đổi kỳ tính thuế GTGT/TNCN từ tháng sang quý" chọn "VB đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý (01/DK-TĐKTT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

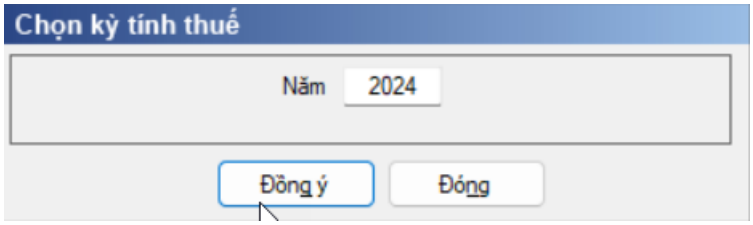

+ Chỉ được phép kê khai văn bản này trong khoảng thời gian từ 01/01 đến 31/01 của năm.

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

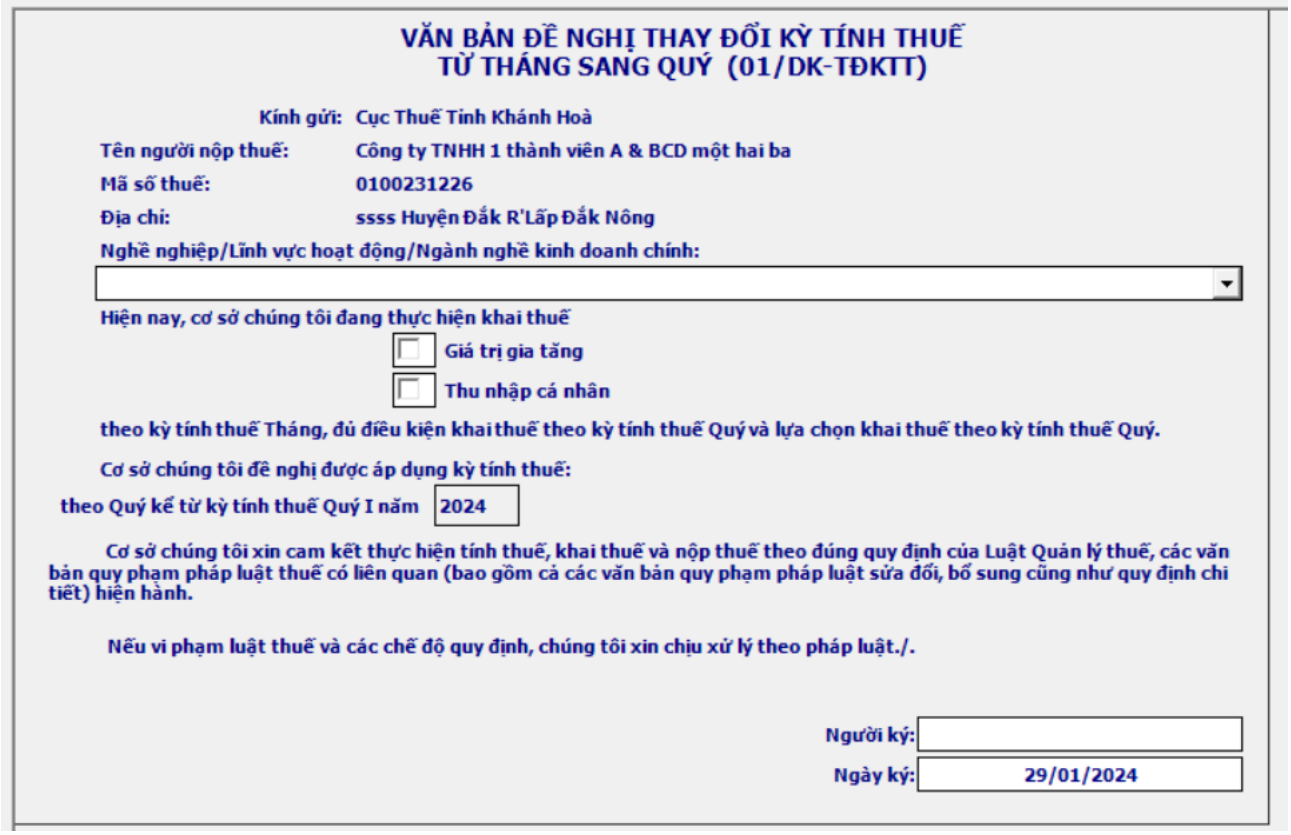

- Các chỉ tiêu trong tờ khai:

+ Tên người nộp thuế/ mã số Thuế/ Địa chỉ: Hiển thị theo thông tin MST đăng nhập hệ thống

+ Ngành nghề/Lĩnh vực hoạt động/Ngành nghề kinh doanh chính: Bắt buộc chọn trong danh mục

+ Hiện nay, cơ sở chúng tôi đang thực hiện khai thuế ..... theo kỳ tính thuế Tháng, đủ điều kiện khai thuế theo kỳ tính thuế Quý và lựa chọn khai thuế theo kỳ tính thuế Quý: Tích chọn 1 trong 2 giá trị là "Giá trị gia tăng" hoặc "Thu nhập cá nhân" hoặc tích cả 2

- Chỉ tích chọn "Thu nhập cá nhân" nếu NNT đã đăng ký khai thuế GTGT theo kỳ quý; hoặc không thuộc trường hợp phải khai thuế GTGT
- Tích chọn đồng thời "Thu nhập cá nhân" và "Giá trị gia tăng" nếu NNT chưa đăng ký khai thuế GTGT theo kỳ quý; hoặc NNT là HKD, CNKD nộp thuế theo phương pháp kê khai

+ Cơ sở chúng tôi đề nghị được áp dụng kỳ tính thuế ... theo Quý: Hiển thị theo loại thuế mà NNT đã chọn ở trên

+ Kể từ kỳ tính thuế Quý I năm....: Hiển thị năm kê khai tại màn hình nhập kỳ tính thuế

3.20 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thương mại điện tử

3.20.1 Biểu tổng hợp thông tin của thương nhân, tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, dịch vụ trên sàn giao dịch Thương mại điện tử (01/CCTT-TMĐT)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thương mại điện tử" chọn "Biểu tổng hợp TT bán HH, DV trên sàn TMĐT (01/CCTT_TMDT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

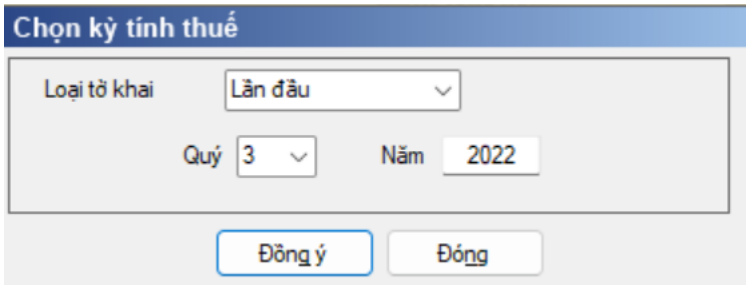

+ Chọn loại tờ khai: Lần đầu hoặc Thay thế, nếu chọn "Thay thế" thì nhập số lần thay thế

+ Nhập quý cung cấp thông tin

- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:

3.20.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

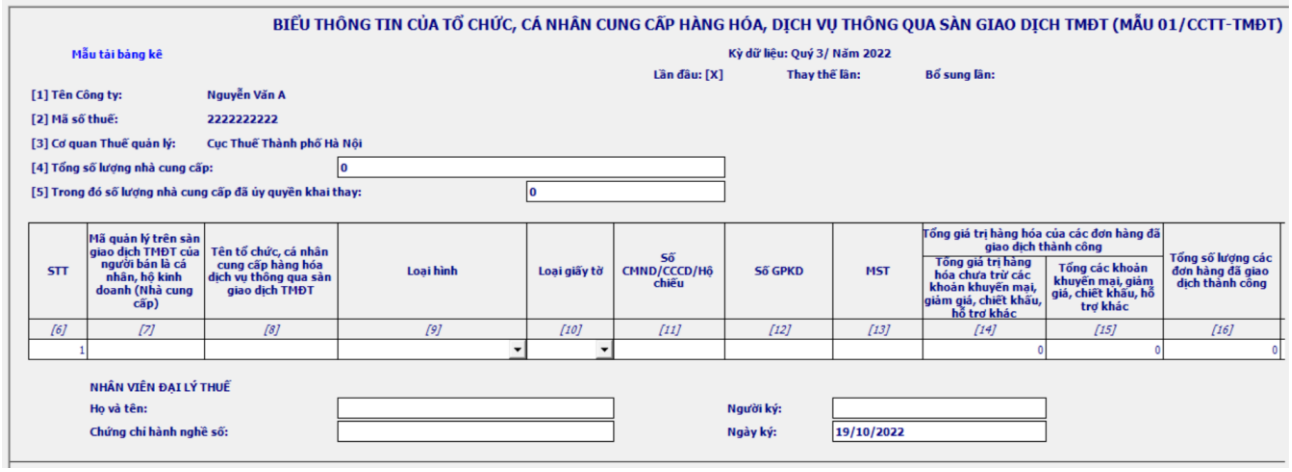

BIỂU THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CUNG CẤP HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THÔNG QUA SÀN GIAO DỊCH TMĐT (MẪU 01/CCTT-TMĐT)

Mẫu tài bảng kê

Kỳ dữ liệu: Quý 3/ Năm 2022

Lần đầu: [X] Thay thế lần: Bổ sung lần:

[1] Tên Công ty: Nguyễn Văn A

[2] Mã số thuế: 2222222222

[3] Cơ quan Thuế quản lý: Cục Thuế Thành phố Hà Nội

[4] Tổng số lượng nhà cung cấp: 0

[5] Trong đó số lượng nhà cung cấp đã ủy quyền khai thay: 0

STT	Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của người bán là cá nhân, hộ kinh doanh (Nhà cung cấp)	Tên tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua sàn giao dịch TMĐT	Loại hình	Loại giấy tờ	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu	Số GPKD	MST	Tổng giá trị hàng hóa của các đơn hàng đã giao dịch thành công		Tổng số lượng các đơn hàng đã giao dịch thành công
								Tổng giá trị hàng hóa chưa trừ các khoản khuyến mại, giảm giá, chiết khấu, hỗ trợ khác	Tổng các khoản khuyến mại, giảm giá, chiết khấu, hỗ trợ khác	
[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1								0	0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 19/10/2022

+ Các chỉ tiêu chung:

- [1] Tên Công ty: Mặc định theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
- [2] Mã số thuế: Mặc định là MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa
- [3] Cơ quan Thuế quản lý: Mặc định là CQT quản lý MST đăng nhập, không cho sửa
- [4] Tổng số lượng nhà cung cấp: NNT nhập kiểu số, không âm
- [5] Trong đó số lượng nhà cung cấp đã ủy quyền khai thay: NNT nhập kiểu số, không âm

+ Các chỉ tiêu chi tiết:

- [6] STT: Tự động hiển thị khi thêm/bớt dòng, không cho sửa
- [7] Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
- [8] Tên nhà cung cấp: Bắt buộc nhập dạng text
- [9] Loại hình: Chọn trong danh mục bao gồm các giá trị: Tổ chức VN (01); Cá nhân/hộ kinh doanh VN (02); Tổ chức nước ngoài (03); Cá nhân/hộ kinh doanh nước ngoài (không cư trú) (04)
- [10] Loại giấy tờ: Bắt buộc chọn
  - Nếu chọn loại hình là "Tổ chức VN" hoặc "Tổ chức nước ngoài": chọn trong danh mục, không bắt buộc nhập
  - Nếu chọn loại hình là "Cá nhân/hộ kinh doanh VN (02)" thì chọn 1 trong 2 giá trị là "CMND" hoặc "CCCD"
  - Nếu chọn loại hình là "Cá nhân/hộ kinh doanh nước ngoài (không cư trú)" thì chọn loại giấy tờ là "Hộ chiếu"
- [11] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
  - Nếu loại giấy tờ là "CMND" thì bắt buộc nhập 9 số hoặc 12 số
  - Nếu loại giấy tờ là "CCCD" thì bắt buộc nhập 12 số
  - Nếu loại giấy tờ là "Hộ chiếu" thì bắt buộc nhập kiểu ký tự

- [12] Số GPKD: Nếu chọn loại hình là "Tổ chức VN" thì bắt buộc nhập [12] hoặc [13]; Nếu chọn các loại hình khác thì không bắt buộc nhập
- [13] MST: Nếu chọn loại hình là "Tổ chức VN" thì bắt buộc nhập [12] hoặc [13]; Nếu chọn các loại hình khác thì không bắt buộc nhập
- [14] Tổng giá trị hàng hóa của các đơn hàng đã giao dịch thành công (chưa trừ các khoản khuyến mại, giảm giá, chiết khấu, hỗ trợ khác): NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
- [15] Các khoản giảm trừ: NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
- [16] Tổng số lượng các đơn hàng đã giao dịch thành công: NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
- [17] Tổng số lượng các đơn hàng đã giao dịch không thành công: NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
- [18] Từ ngày: NNT tự nhập dạng dd/mm/yyyy, mặc định là ngày đầu tiên của quý kê khai, cho phép sửa, kiểm tra ngày phải thuộc quý kê khai và [18] <= [19], sai khác cảnh báo vàng
- [19] Đến ngày: NNT tự nhập dạng dd/mm/yyyy, mặc định là ngày cuối cùng của quý kê khai, cho phép sửa, kiểm tra ngày phải thuộc quý kê khai và [18] <= [19], sai khác cảnh báo vàng
- [20] Trạng thái
  - Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
  - Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

3.20.1.1.1 Bảng kê 01-1/CCTT-TMĐT

- **Các chỉ tiêu chung:**

+ [1] Tên Công ty: Mặc định theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
+ [2] Mã số thuế: Mặc định là MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa
+ [3] Cơ quan Thuế quản lý: Mặc định là CQT quản lý MST đăng nhập, không cho sửa

- **Các chỉ tiêu chi tiết:**

I. Thông tin chung nhà cung cấp trong nước:

+ [4] STT: tự động hiển thị khi thêm/ bớt dòng, không cho sửa
+ [5] Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
+ Trong cùng 1 tờ khai, đối với 1 mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT thì <Loại hình> giữa tờ khai và phụ lục 01-1/CCTT-TMĐT phải giống nhau, sai khác cảnh báo vàng
+ [6] Loại hình: Bắt buộc chọn trong danh mục bao gồm các giá trị: Tổ chức VN (01), Cá nhân/hộ kinh doanh VN (02)
+ [7] Email liên hệ: NNT tự nhập dạng text, bắt buộc nhập [7] hoặc [8], sai khác báo vàng

+ [8] Số điện thoại liên hệ đăng ký trên Sàn: NNT tự nhập dạng text, bắt buộc nhập [7] hoặc [8], sai khác báo vàng

+ Thông tin địa chỉ trụ sở của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua Sàn (bao gồm cột [9] -> [13]): Nếu "Loại hình" là "Tổ chức trong nước" thì bắt buộc nhập; Nếu "Loại hình" là "Cá nhân/hộ kinh doanh VN" thì bắt buộc nhập ([9] -> [13]) hoặc ([14] -> [18])

- [9] Quốc gia: khóa không cho nhập
  - Nếu có nhập thông tin mục nhà cung cấp trong nước thì mặc định là "Việt Nam"
  - Nếu không nhập thông tin mục nhà cung cấp trong nước thì để trống
- [10] Tỉnh/thành phố: chọn trong danh mục 63 tỉnh của Việt Nam
- [11] Quận/huyện: Chọn trong danh mục Quận/huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đã chọn ở chỉ tiêu [10]
- [12] Phường/xã/thị trấn: Chọn trong danh mục Phường/ xã/thị trấn thuộc Quận/huyện đã chọn ở chỉ tiêu [11]
- [13] Số nhà, đường phố: Cho phép NNT nhập dạng text

+ Thông tin địa chỉ nơi thường trú của cá nhân, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua Sàn (bao gồm cột [14] đến [18]): Nếu "Loại hình" là "Cá nhân/hộ kinh doanh VN" thì bắt buộc nhập ([9] -> [13]) hoặc ([14] -> [18])

- [14] Quốc gia: khóa không cho nhập
  - Nếu có nhập thông tin mục nhà cung cấp trong nước thì mặc định là "Việt Nam"
  - Nếu không nhập thông tin mục nhà cung cấp trong nước thì để trống
- [15] Tỉnh/thành phố: chọn trong danh mục 63 tỉnh của Việt Nam
- [16] Quận/huyện: Chọn trong danh mục Quận/huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đã chọn ở chỉ tiêu [10]
- [17] Phường/xã/thị trấn: Chọn trong danh mục Phường/ xã/thị trấn thuộc Quận/huyện đã chọn ở chỉ tiêu [11]
- [18] Số nhà, đường phố: Cho phép NNT nhập dạng text

+ [19] Trạng thái

- Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
- Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

II. Thông tin chung nhà cung cấp nước ngoài:

- [4] STT: tự động hiển thị khi thêm/ bớt dòng, không cho sửa
- [5] Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
- Trong cùng 1 tờ khai, đối với 1 mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT thì <Loại hình> giữa tờ khai và phụ lục 01-1/CCTT-TMĐT phải giống nhau, sai khác cảnh báo vàng

- [6] Loại hình: Chọn trong danh mục bao gồm các giá trị: Tổ chức nước ngoài (03), Cá nhân/hộ kinh doanh nước ngoài (không cư trú) (04)
- [7] Email liên hệ: NNT tự nhập dạng text, bắt buộc nhập [7] hoặc [8], sai khác báo vàng
- [8] Số điện thoại liên hệ đăng ký trên Sàn: NNT tự nhập dạng text, bắt buộc nhập [7] hoặc [8], sai khác báo vàng
- Thông tin địa chỉ trụ sở của tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua Sàn (bao gồm cột [9] -> [13]): Nếu "Loại hình" là "Tổ chức nước ngoài" thì bắt buộc nhập; Nếu "Loại hình" là "Cá nhân kinh doanh nước ngoài" thì bắt buộc nhập ([9] -> [13]) hoặc ([14] -> [18])
- [9] Quốc gia: Chọn trong danh mục quốc gia
- [10] Tỉnh/thành phố: Cho phép NNT nhập dạng text
- [11] Quận/huyện: Cho phép NNT nhập dạng text
- [12] Phường/xã/thị trấn: Cho phép NNT nhập dạng text
- [13] Số nhà, đường phố: Cho phép NNT nhập dạng text
- Thông tin địa chỉ nơi thường trú của cá nhân, hộ kinh doanh cung cấp hàng hóa dịch vụ thông qua Sàn (bao gồm cột [14] đến [18]): Nếu "Loại hình" là "Cá nhân/hộ kinh doanh nước ngoài (không cư trú)" thì bắt buộc nhập ([9] -> [13]) hoặc ([14] -> [18])
- [14] Quốc gia: Chọn trong danh mục quốc gia
- [15] Tỉnh/thành phố: Cho phép NNT nhập dạng text
- [16] Quận/huyện: Cho phép NNT nhập dạng text
- [17] Phường/xã/thị trấn: Cho phép NNT nhập dạng text
- [18] Số nhà, đường phố: Cho phép NNT nhập dạng text
- [19] Trạng thái:
  - Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
  - Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

Bảng kê 01-2/CCTT-TMĐT

+ Các chỉ tiêu chung:

- [1] Tên Công ty: Mặc định theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
- [2] Mã số thuế: Mặc định là MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa
- [3] Cơ quan Thuế quản lý: Mặc định là CQT quản lý MST đăng nhập, không cho sửa

+ Các chỉ tiêu chi tiết:

- STT: Tự động hiển thị khi thêm/bớt dòng, không cho sửa
- Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
- Mã ngành hàng, dịch vụ kinh doanh theo Sàn: NNT tự nhập dạng text

- Loại hàng hóa tương ứng với mã ngành hàng, dịch vụ của Sàn: NNT tự nhập dạng text
- Trạng thái:
  - Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
  - Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

Bảng kê 01-3/CCTT-TMĐT

+ Các chỉ tiêu chung:

- [1] Tên Công ty: Mặc định theo tên NNT đăng nhập hệ thống, không cho sửa
- [2] Mã số thuế: Mặc định là MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa
- [3] Cơ quan Thuế quản lý: Mặc định là CQT quản lý MST đăng nhập, không cho sửa

+ Các chỉ tiêu chi tiết:

I. Thông tin tài khoản nhà cung cấp trong nước:

- STT: Tự động hiển thị khi thêm/bớt dòng, không cho sửa
- Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
- Số tài khoản: Cho phép nhập. Kiểm tra cùng 1 Mã quản lý không nhập trùng số tài khoản giữa các dòng
- Chủ tài khoản: Cho phép nhập dạng text
- Mã ngân hàng: Tự động hiển thị theo tên ngân hàng đã chọn, không cho sửa
- Tên ngân hàng: Chọn trong danh mục ngân hàng
- Trạng thái:
  - Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
  - Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

II. Thông tin tài khoản nhà cung cấp nước ngoài:

- STT: Tự động hiển thị khi thêm/bớt dòng, không cho sửa
- Mã quản lý trên sàn giao dịch TMĐT của nhà cung cấp: Bắt buộc nhập mỗi NCC là 1 mã khác nhau, trường hợp sàn TMĐT chưa quản lý theo mã thì sàn phải tự sinh mã để nhập vào UD
- Số tài khoản: Cho phép nhập. Kiểm tra cùng 1 Mã quản lý không nhập trùng số tài khoản giữa các dòng
- Chủ tài khoản: Cho phép nhập dạng text
- Mã ngân hàng: Cho phép nhập dạng text
- Tên ngân hàng: Cho phép nhập dạng text
- Trạng thái:
  - Nếu loại tờ khai là "Lần đầu" thì trạng thái mặc định "Thêm mới"
  - Nếu loại tờ khai là "Thay thế" thì trạng thái mặc định "Thay thế"

3.20.1.2 Trường hợp khai tờ khai thay thế

- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai thay thế", ứng dụng cho phép NNT nhập lần thay thế.

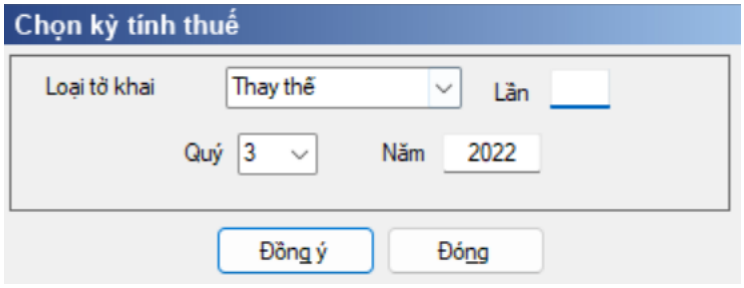

- Tờ khai bổ sung và tờ khai thay thế có cách nhập dữ liệu tương tự như tờ khai chính thức.

3.20.2 Tờ khai thuế khấu trừ trên doanh thu đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử (mẫu 01/CNKD-TMĐT) đáp ứng Nghị định số 117/2025/NĐ-CP

Cách gọi:

- Sàn TMĐT sử dụng MST khai thay để đăng nhập ứng HTKK và kê khai
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thương mại điện tử/01/CNKD-TMĐT Tờ khai khấu trừ trên doanh thu TMĐT".

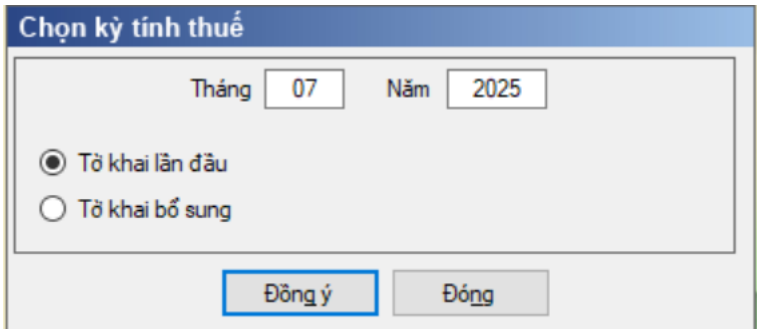

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ kê khai: Kê khai theo tháng, cho phép kê khai từ tháng 07/2025
  + Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 01/CNKD-TMĐT

3.20.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

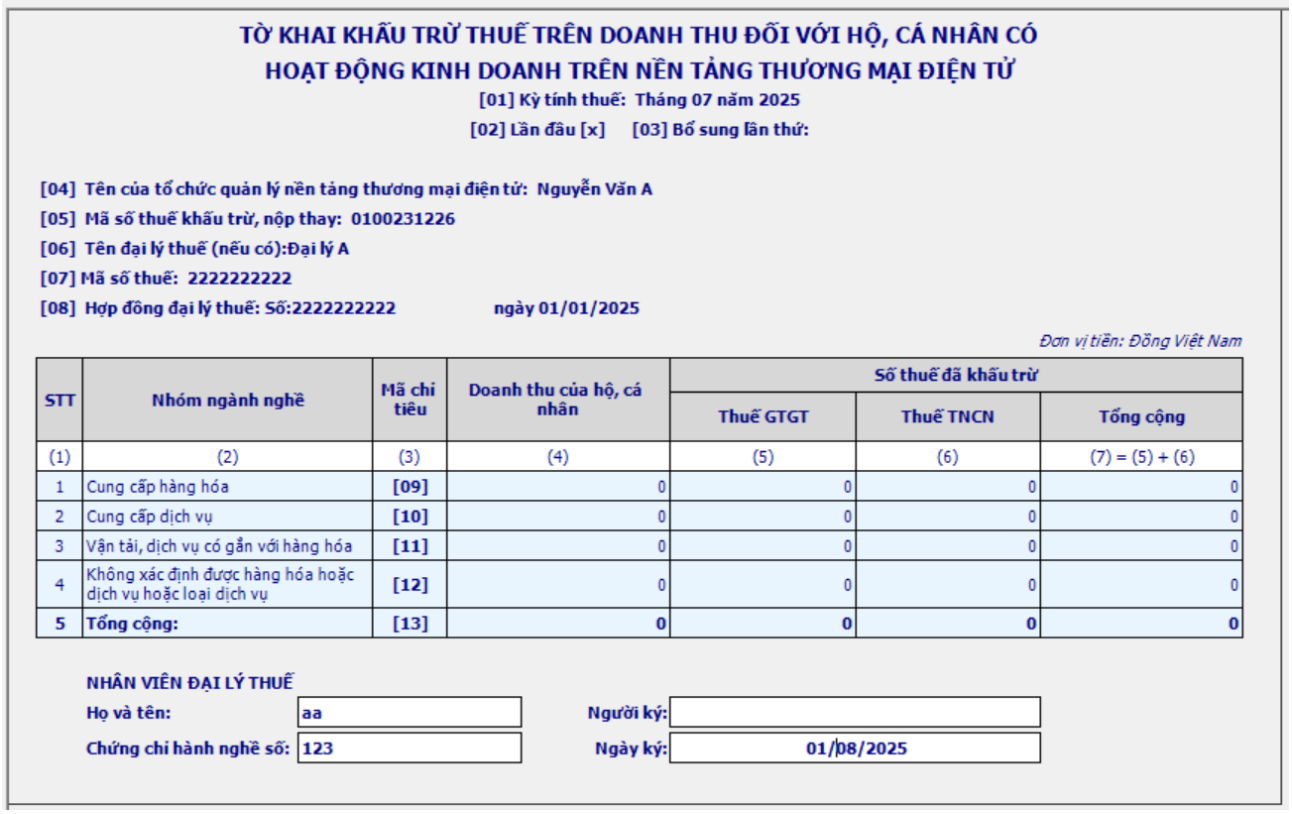

TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ TRÊN DOANH THU ĐỐI VỚI HỘ, CÁ NHÂN CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2025

[02] Lần đầu [x] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: 0100231226

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):Đại lý A

[07] Mã số thuế: 2222222222

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:2222222222 ngày 01/01/2025

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành nghề	Mã chỉ tiêu	Doanh thu của hộ, cá nhân	Số thuế đã khấu trừ		
				Thuế GTGT	Thuế TNCN	Tổng cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (5) + (6)
1	Cung cấp hàng hóa	[09]	0	0	0	0
2	Cung cấp dịch vụ	[10]	0	0	0	0
3	Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa	[11]	0	0	0	0
4	Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ	[12]	0	0	0	0
5	Tổng cộng:	[13]	0	0	0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: aa Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: 123 Ngày ký: 01/08/2025

- **Thông tin chung của tờ khai:**

+ [04] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử: Hiển thị theo tên MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ [05] Mã số thuế Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: Hiển thị theo MST đăng nhập hệ thống, không cho sửa

+ [06], [07], [08]: Để trống, không có dữ liệu (không cho phép kê khai qua đại lý thuế)

- **Thông tin chi tiết của tờ khai:** Ứng dụng hỗ trợ tổng hợp từ PL 01-1/CNKD-TMĐT lên tờ khai

+ **[09] Cung cấp hàng hóa:**

- (4) Doanh thu của hộ, cá nhân: = Tổng cột (9) "Doanh thu của hộ, cá nhân" của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (5) Số thuế đã khấu trừ - Thuế GTGT: = Tổng cột (10) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (6) Số thuế đã khấu trừ - Thuế TNCN: = Tổng cột (11) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (7) Số thuế đã khấu trừ - Tổng cộng: = (7) = (5) + (6)

+ **[10] Cung cấp dịch vụ:**

- (4) Doanh thu của hộ, cá nhân: = Tổng cột (9) "Doanh thu của hộ, cá nhân" của các dòng có nhóm ngành nghề là "Dịch vụ" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (5) Số thuế đã khấu trừ - Thuế GTGT: = Tổng cột (10) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Dịch vụ" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT

- (6) Số thuế đã khấu trừ - Thuế TNCN: = Tổng cột (11) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Dịch vụ" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (7) Số thuế đã khấu trừ - Tổng cộng: (7) = (5) + (6)

+ **[11] Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa**

- (4) Doanh thu của hộ, cá nhân: = Tổng cột (9) "Doanh thu của hộ, cá nhân" của các dòng có nhóm ngành nghề là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (5) Số thuế đã khấu trừ - Thuế GTGT: = Tổng cột (10) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (6) Số thuế đã khấu trừ - Thuế TNCN: = Tổng cột (11) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (7) Số thuế đã khấu trừ - Tổng cộng: (7) = (5) + (6)

+ **[12] Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ:**

- (4) Doanh thu của hộ, cá nhân: = Tổng cột (9) "Doanh thu của hộ, cá nhân" của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hoạt động kinh doanh khác" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (5) Số thuế đã khấu trừ - Thuế GTGT: = Tổng cột (10) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hoạt động kinh doanh khác" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (6) Số thuế đã khấu trừ - Thuế TNCN: = Tổng cột (11) của các dòng có nhóm ngành nghề là "Hoạt động kinh doanh khác" trên PL 01-1/BK-CNKD-TMĐT
- (7) Số thuế đã khấu trừ - Tổng cộng: (7) = (5) + (6)

+ **[13] Tổng cộng:** UD hỗ trợ tính tổng cộng cột (4), (5), (6), (7)

3.20.2.1.1 Phụ lục 01-1/BK-CNKD-TMĐT

- Bắt buộc đính kèm tờ khai 01/CNKD

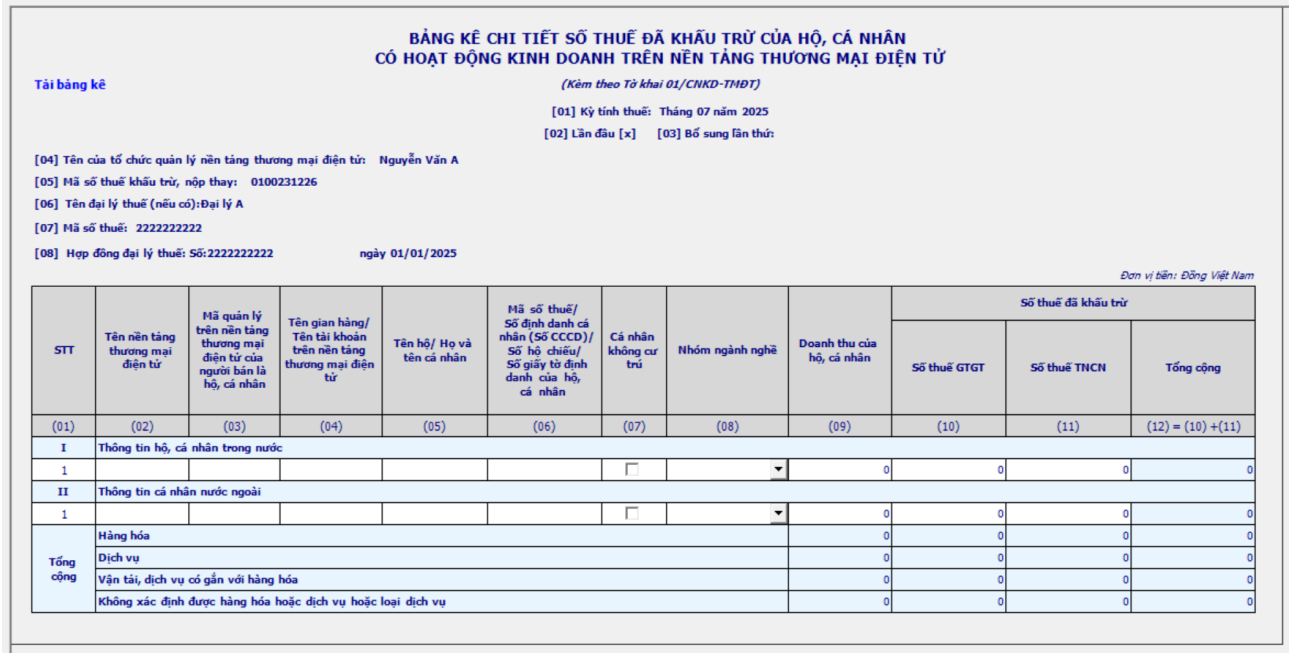

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ THUẾ ĐÃ KHẤU TRỪ CỦA HỘ, CÁ NHÂN
CÓ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Tài bảng kê

(Kèm theo Tờ khai 01/CNKD-TMĐT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng 07 năm 2025

[02] Lần đầu [x] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: 0100231226

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):Đại lý A

[07] Mã số thuế: 2222222222

[08] Hợp đồng đại lý thuế: Số:2222222222 ngày 01/01/2025

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên nền tảng thương mại điện tử	Mã quản lý trên nền tảng thương mại điện tử của người bán là hộ, cá nhân	Tên gian hàng/ Tên tài khoản trên nền tảng thương mại điện tử	Tên hộ/ Họ và tên cá nhân	Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Số hộ chiếu/ Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân	Cá nhân không cư trú	Nhóm ngành nghề	Doanh thu của hộ, cá nhân	Số thuế đã khấu trừ		
									Số thuế GTGT	Số thuế TNCN	Tổng cộng
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12) = (10) +(11)
I	Thông tin hộ, cá nhân trong nước										
1						☐		0	0	0	0
II	Thông tin cá nhân nước ngoài										
1						☐		0	0	0	0
Tổng cộng	Hàng hóa							0	0	0	0
	Dịch vụ							0	0	0	0
	Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa							0	0	0	0
	Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ							0	0	0	0

- **Thông tin chung của phụ lục**: Giống thông tin chung của tờ khai
- **Thông tin chi tiết của phụ lục**:
  + **I. Thông tin hộ, cá nhân trong nước**
    - (01) STT: Kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1
    - (02) Tên nền tảng thương mại điện tử: Bắt buộc nhập
    - (03) Mã quản lý trên nền tảng thương mại điện tử của người bán hàng là hộ, cá nhân: Nhập text
    - (04) Tên gian hàng trên/ Tên tài khoản trên nền tảng thương mại điện tử: Bắt buộc nhập
    - (05) Tên hộ/ Họ và tên cá nhân: Bắt buộc nhập
    - Loại giấy tờ: Bắt buộc chọn
    - (06) Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Hộ chiếu /Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân: Bắt buộc nhập
    - (07) Cá nhân không cư trú: Cho phép tích chọn
    - (08) Nhóm ngành nghề: Bắt buộc chọn 1 trong 4 nhóm ngành nghề: (01) Hàng hóa, (02) Dịch vụ, (03) Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, (04) Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ
    - (09) Doanh thu của hộ, cá nhân: Nhập số âm, dương (Nhập số âm trong trường hợp doanh thu của các đơn hàng bị hoàn trả trong kỳ > doanh thu của các đơn hàng mới bán ra)
    - (10) Số thuế đã khấu trừ - Số thuế GTGT:
      - Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (10) = (09) x 1%
      - Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (10) = (09) x 5%
      - Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (10) = (09) x 3%
      - Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (10) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 5%
      - Cho phép sửa (vì doanh thu có thể bao gồm cả các mặt hàng không chịu thuế và số thuế đã khấu trừ của sàn theo từng giao dịch khác với số UD tính)
    - (11) Số thuế đã khấu trừ - Số thuế TNCN:
      - Trường hợp không tích vào (07):
        - Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (11) = (09) x 0,5%
        - Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (11) = (09) x 2%
        - Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (11) = (09) x 1,5%
        - Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (11) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 2%
      - Trường hợp tích vào (07):
        - Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (11) = (09) x 1%
        - Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (11) = (09) x 5%
        - Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (11) = (09) x

2%

➢ Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (11) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 5%

➢ Cho phép sửa (vì có cá nhân trong diện được miễn thuế TNCN và số thuế đã khấu trừ của sàn theo từng giao dịch khác với số UD tính)

- (12) Tổng cộng số thuế đã khấu trừ: (12) = (10) + (11)

+ **II. Thông tin cá nhân nước ngoài**

- (01) STT: Kiểu số tự nhiên, bắt đầu từ 1
- (02) Tên nền tảng thương mại điện tử: Bắt buộc nhập
- (03) Mã quản lý trên nền tảng thương mại điện tử của người bán hàng là hộ, cá nhân: Nhập text
- (04) Tên gian hàng trên/ Tên tài khoản trên nền tảng thương mại điện tử: Bắt buộc nhập
- (05) Tên hộ/ Họ và tên cá nhân: Bắt buộc nhập
- Loại giấy tờ: Bắt buộc nhập
- (06) Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Hộ chiếu /Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân: Bắt buộc nhập
- (07) Cá nhân không cư trú: Cho phép tích chọn
- (08) Nhóm ngành nghề: Bắt buộc chọn 1 trong 4 nhóm ngành nghề: (01) Hàng hóa, (02) Dịch vụ, (03) Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, (04) Không xác định được hàng hóa hoặc dịch vụ hoặc loại dịch vụ
- (09) Doanh thu của hộ, cá nhân: Nhập số âm, dương (Nhập số âm trong trường hợp doanh thu của các đơn hàng bị hoàn trả trong kỳ > doanh thu của các đơn hàng mới bán ra)
- (10) Số thuế đã khấu trừ - Số thuế GTGT:
  - Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (10) = (09) x 1%
  - Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (10) = (09) x 5%
  - Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (10) = (09) x 3%
  - Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (10) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 5%
  - Cho phép sửa (vì doanh thu có thể bao gồm cả các mặt hàng không chịu thuế và số thuế đã khấu trừ của sàn theo từng giao dịch khác với số UD tính)
- (11) Số thuế đã khấu trừ - Số thuế TNCN:
  - Trường hợp không tích vào (07):
    - ➢ Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (11) = (09) x 0,5%
    - ➢ Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (11) = (09) x 2%
    - ➢ Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (11) = (09) x 1,5%
    - ➢ Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (11) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 2%
  - Trường hợp tích vào (07):

➢ Nếu (08) là "Hàng hóa" thì: (11) = (09) x 1%

➢ Nếu (08) là "Dịch vụ" thì: (11) = (09) x 5%

➢ Nếu (08) là "Vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa" thì: (11) = (09) x 2%

➢ Nếu (08) là "Hoạt động kinh doanh khác" thì: (11) = (09) x mức tỷ lệ cao nhất = (09) x 5%

➢ Cho phép sửa (vì có cá nhân trong diện được miễn thuế TNCN và số thuế đã khấu trừ của sàn theo từng giao dịch khác với số UD tính)

- (12) Tổng cộng số thuế đã khấu trừ: (12) = (10) + (11)

3.20.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Khai như tờ khai thay thế, không đính kèm PL 01-1/KHBS và 01/KHBS

3.20.3 Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thương mại điện tử/Bảng kê chi tiết số tiền nộp thuế TMĐT.

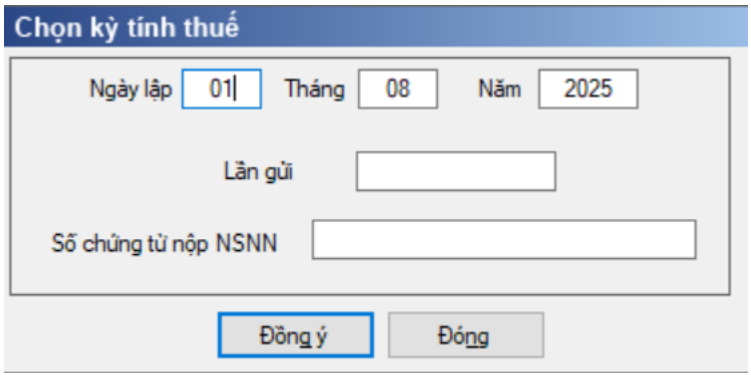

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Ngày lập: Nhập định dạng ngày dd/mm/yyyy

+ Số chứng từ nộp NSNN: Nhập số chứng từ nộp NSNN

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai chi tiết

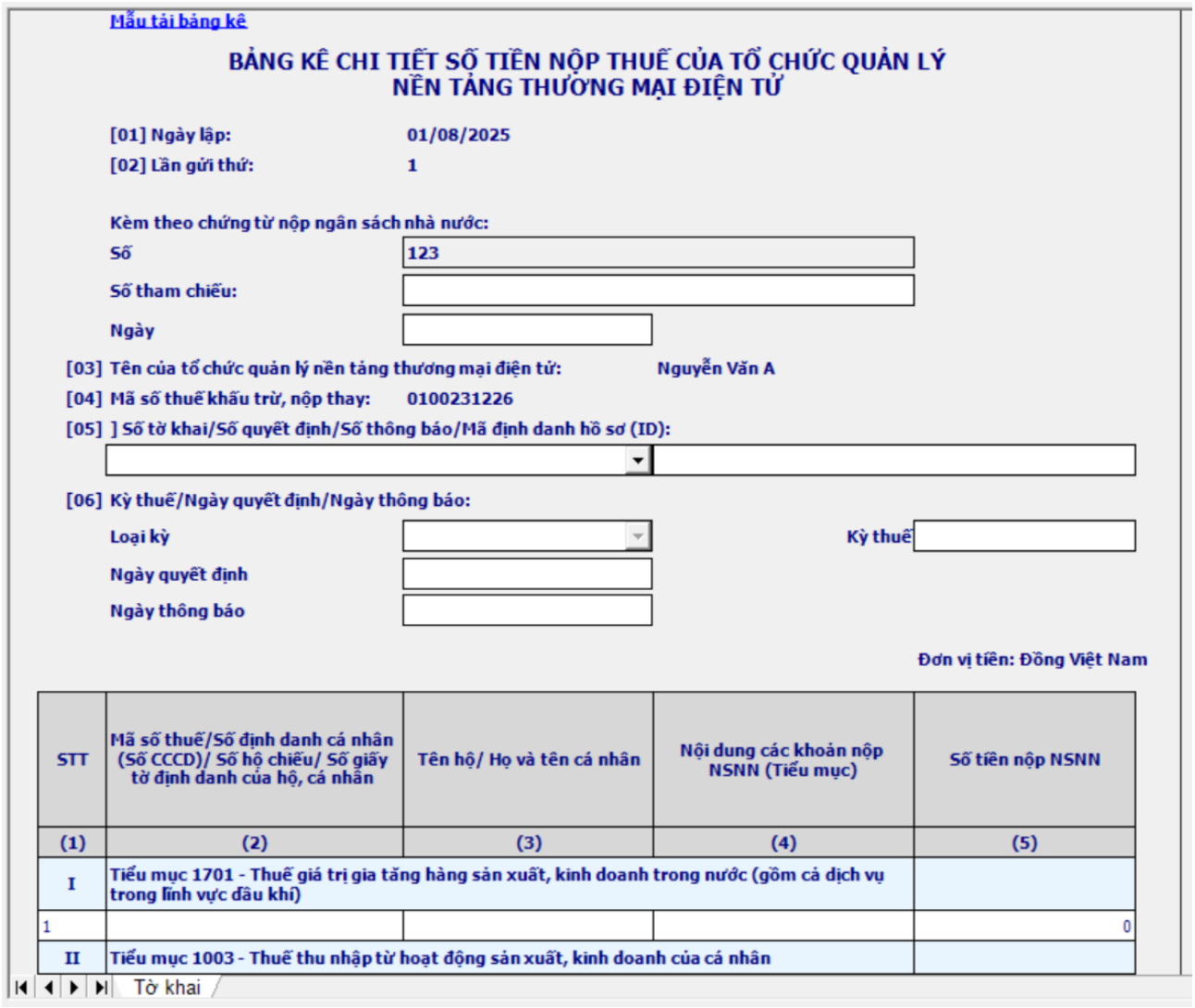

Mẫu tải bảng kê

BẢNG KÊ CHI TIẾT SỐ TIỀN NỘP THUẾ CỦA TỔ CHỨC QUẢN LÝ NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

[01] Ngày lập: 01/08/2025
[02] Lần gửi thứ: 1

Kèm theo chứng từ nộp ngân sách nhà nước:
Số: 123
Số tham chiếu:
Ngày:

[03] Tên của tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử: Nguyễn Văn A
[04] Mã số thuế khấu trừ, nộp thay: 0100231226
[05]] Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):
[06] Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo:
Loại kỳ: Kỳ thuế:
Ngày quyết định:
Ngày thông báo:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã số thuế/Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Số hộ chiếu/ Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân	Tên hộ/ Họ và tên cá nhân	Nội dung các khoản nộp NSNN (Tiểu mục)	Số tiền nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Tiểu mục 1701 - Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất, kinh doanh trong nước (gồm cả dịch vụ trong lĩnh vực dầu khí)			
1				0
II	Tiểu mục 1003 - Thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân			

Tờ khai

+ Các chỉ tiêu cần nhập:

- *Kèm theo chứng từ nộp NSNN:*
  - *Số:* Hiển thị theo giá trị số chứng từ đã nhập tại màn hình nhập ngày lập
  - *Số tham chiếu:* Nhập định dạng text
  - *Ngày:* Nhập định dạng dd/mm/yyyy và ngày phải <= ngày hiện tại
- Chỉ tiêu [05] Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID):
  - Bắt buộc chọn 1 trong 4 giá trị sau đó nhập thông tin chi tiết
- Chỉ tiêu [06] Kỳ thuế/ Ngày quyết định/Ngày thông báo:
  - Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số tờ khai" thì "Loại kỳ" mặc định là tháng và bắt buộc nhập kỳ thuế theo định dạng mm/yyyy
  - Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số quyết định" thì bắt buộc nhập "Ngày quyết định" theo định dạng dd/mm/yyyy
  - Nếu chỉ tiêu [05] chọn "Số thông báo" thì bắt buộc nhập "Ngày thông báo" theo định dạng dd/mm/yyyy
- Loại giấy tờ: Bắt buộc chọn

- (2) Mã số thuế/ Số định danh cá nhân (Số CCCD)/ Số Hộ chiếu/ Số giấy tờ định danh của hộ, cá nhân: Cho phép nhập, nếu là MST thì nhập đúng cấu trúc MST
- Cột (3) Tên Hộ/ Họ và tên cá nhân: Bắt nhập nhập, định dạng text
- Cột (4) Nội dung các khoản nộp NSNN (Tiểu mục): Tại mục I mặc định là 1701, tại mục II mặc định là 1003
- Cột (5) Số tiền nộp NSNN: Nhập số nguyên âm, dương

3.21 Hướng dẫn thực hiện chức năng Kê khai Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn

3.21.1 Tờ khai số thu từ cổ phần hóa (Mẫu 01/CPH) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK số thu từ cổ phần hóa (01/CPH) (TT57/2022)".

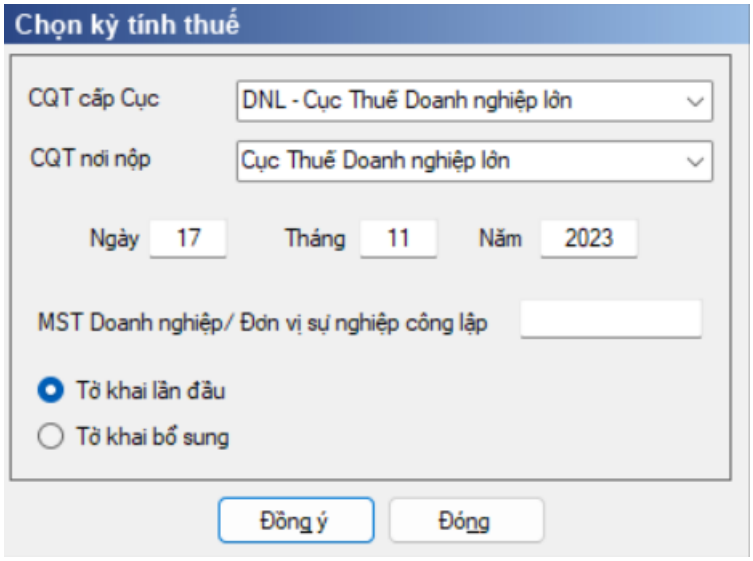

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập

+ Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022

+ Trên 1 tờ khai chỉ cho phép kê khai 1 chỉ tiêu duy nhất (dựa vào đó để xác định hạn nộp tờ khai)

+ Hạn nộp tờ khai:

- Nếu đối tượng kê khai là "*Tổ chức thực hiện bán đấu giá*" (kê khai chỉ tiêu [09]) thì phải nộp *Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là "*Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập*" (kê khai chỉ tiêu [10]) thì phải nộp *Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là *"Tổ chức bảo lãnh phát hành"* (kê khai chỉ tiêu [11]) thì phải nộp *Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai*

- Nếu đối tượng kê khai là *"Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập"* (kê khai chỉ tiêu [12]) thì phải nộp *Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là *"Tổ chức quản lý số lệnh"* (kê khai chỉ tiêu [13]) thì phải nộp *Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là *"Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa"* (kê khai chỉ tiêu [14]) thì phải nộp *Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là *"DATC"* (kê khai chỉ tiêu [16]) thì phải nộp *Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là *"DATC"* (kê khai chỉ tiêu [16]) thì phải nộp *Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai*
- Nếu đối tượng kê khai là *"Các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông"* (kê khai chỉ tiêu [18]) thì phải nộp *Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*

+ Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 01/CPH

3.21.1.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

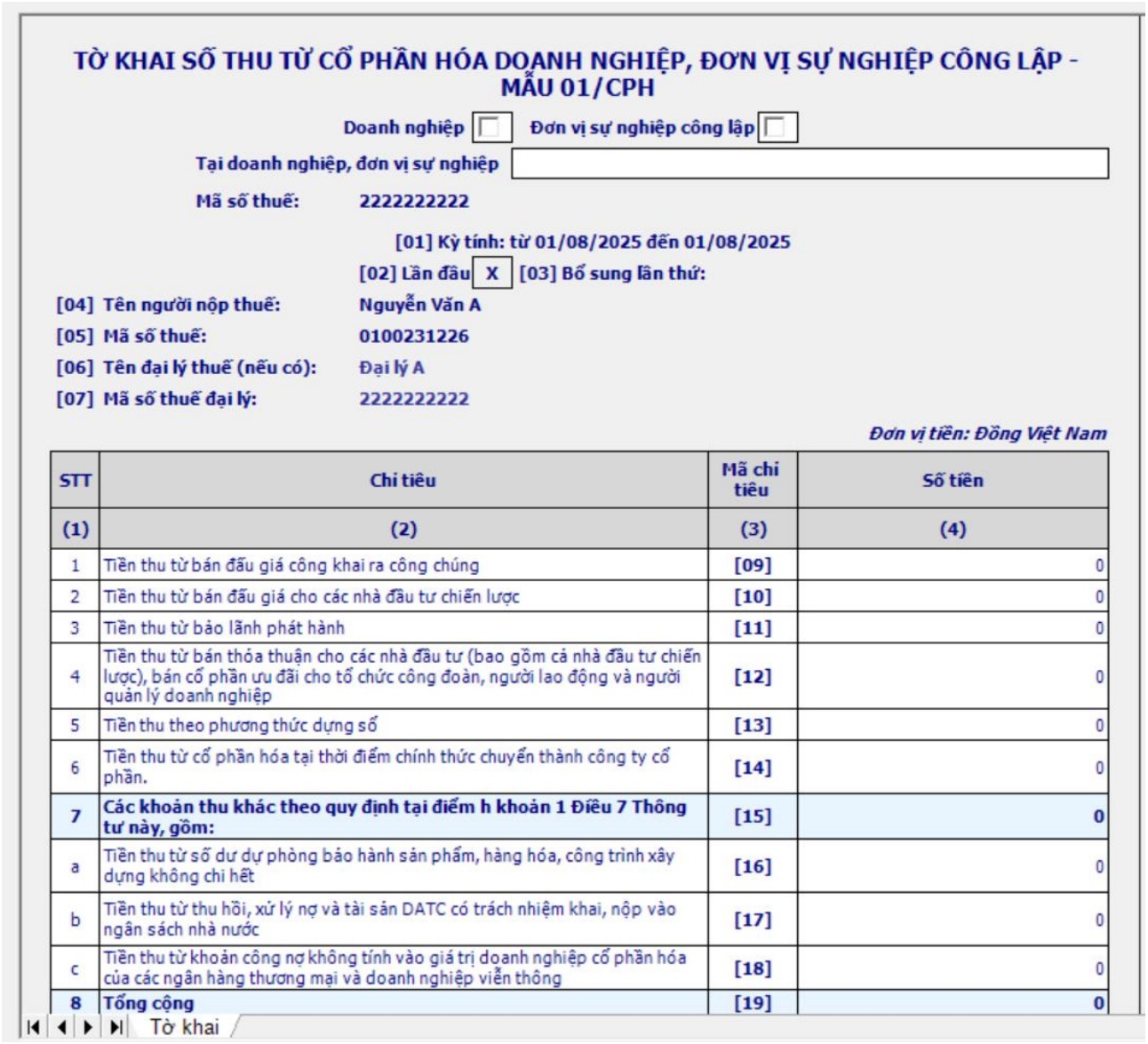

TỜ KHAI SỐ THU TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP - MẪU 01/CPH

Doanh nghiệp ☐ Đơn vị sự nghiệp công lập ☐

Tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp

Mã số thuế: 2222222222

[01] Kỳ tính: từ 01/08/2025 đến 01/08/2025

[02] Lần đầu X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 0100231226

[06] Tên đại lý thuế (nếu có): Đại lý A

[07] Mã số thuế đại lý: 2222222222

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng	[09]	0
2	Tiền thu từ bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược	[10]	0
3	Tiền thu từ bảo lãnh phát hành	[11]	0
4	Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư chiến lược), bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp	[12]	0
5	Tiền thu theo phương thức dựng sổ	[13]	0
6	Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.	[14]	0
7	**Các khoản thu khác theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7 Thông tư này, gồm:**	[15]	**0**
a	Tiền thu từ số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng không chi hết	[16]	0
b	Tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản DATC có trách nhiệm khai, nộp vào ngân sách nhà nước	[17]	0
c	Tiền thu từ khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp viễn thông	[18]	0
8	**Tổng cộng**	[19]	**0**

Tờ khai

- **Thông tin chung của tờ khai:**
  + Các chỉ tiêu cần nhập:
    - Doanh nghiệp/Đơn vị sự nghiệp công lập: Bắt buộc tích chọn 1 trong 2
    - Tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp: Nhập text
- **Thông tin chi tiết tờ khai:**
  + Các chỉ tiêu cần nhập: 1 tờ khai chỉ nhập 1 chỉ tiêu
    - [09] Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng: Nhập số >=0
    - [10] Tiền thu từ bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược: Nhập số >=0
    - [11] Tiền thu từ bảo lãnh phát hành: Nhập số >=0
    - [12] Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư chiến lược), bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp: Nhập số >=0
    - [13] Tiền thu theo phương thức dựng sổ: Nhập số >=0
    - [14] Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần: Nhập số >=0

- [16] Tiền thu từ số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng không chi hết: Nhập số >=0
- [17] Tiền thu từ thu hồi, xử lý nợ và tài sản DATC có trách nhiệm khai, nộp vào ngân sách nhà nước: Nhập số >=0
- [18] Tiền thu từ khoản công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp viễn thông: Nhập số >=0

+ Các chỉ tiêu tính toán

- [15] Các khoản thu khác theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 7 Thông tư này, gồm: UD tính theo công thức: [15] = [16] + [17] + [18]
- [19] Tổng cộng: UD tính theo công thức: [19] = [09] + [10] + … + [15]

3.21.1.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

+ 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [19] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

+ Đối với tờ 01/CPH chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Tiểu mục hạch toán: 3653 - Thu hồi vốn của nhà nước từ cổ phần hóa

3.21.2 Tờ khai quyết toán số thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (mẫu 02/QT-CPH) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK QT số thu từ cổ phần hóa (02/CPH) (TT57/2022)".

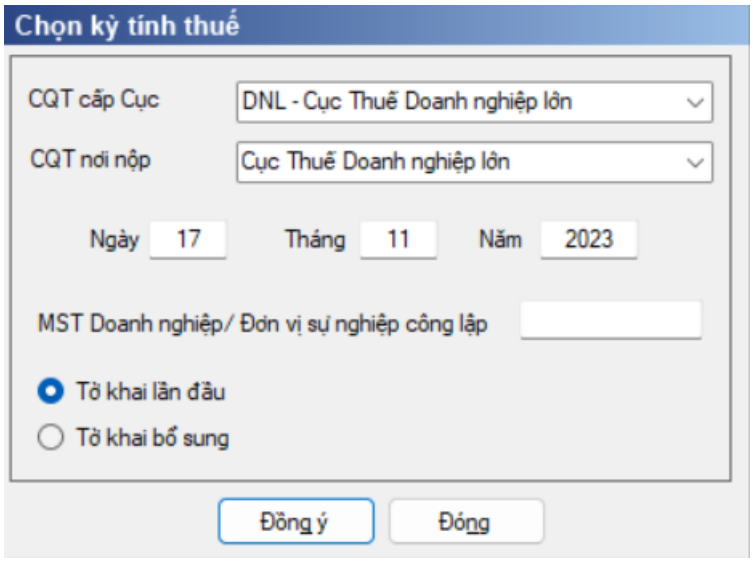

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập

+ Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022

+ Hạn nộp: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai

+ Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 02/CPH

3.21.2.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

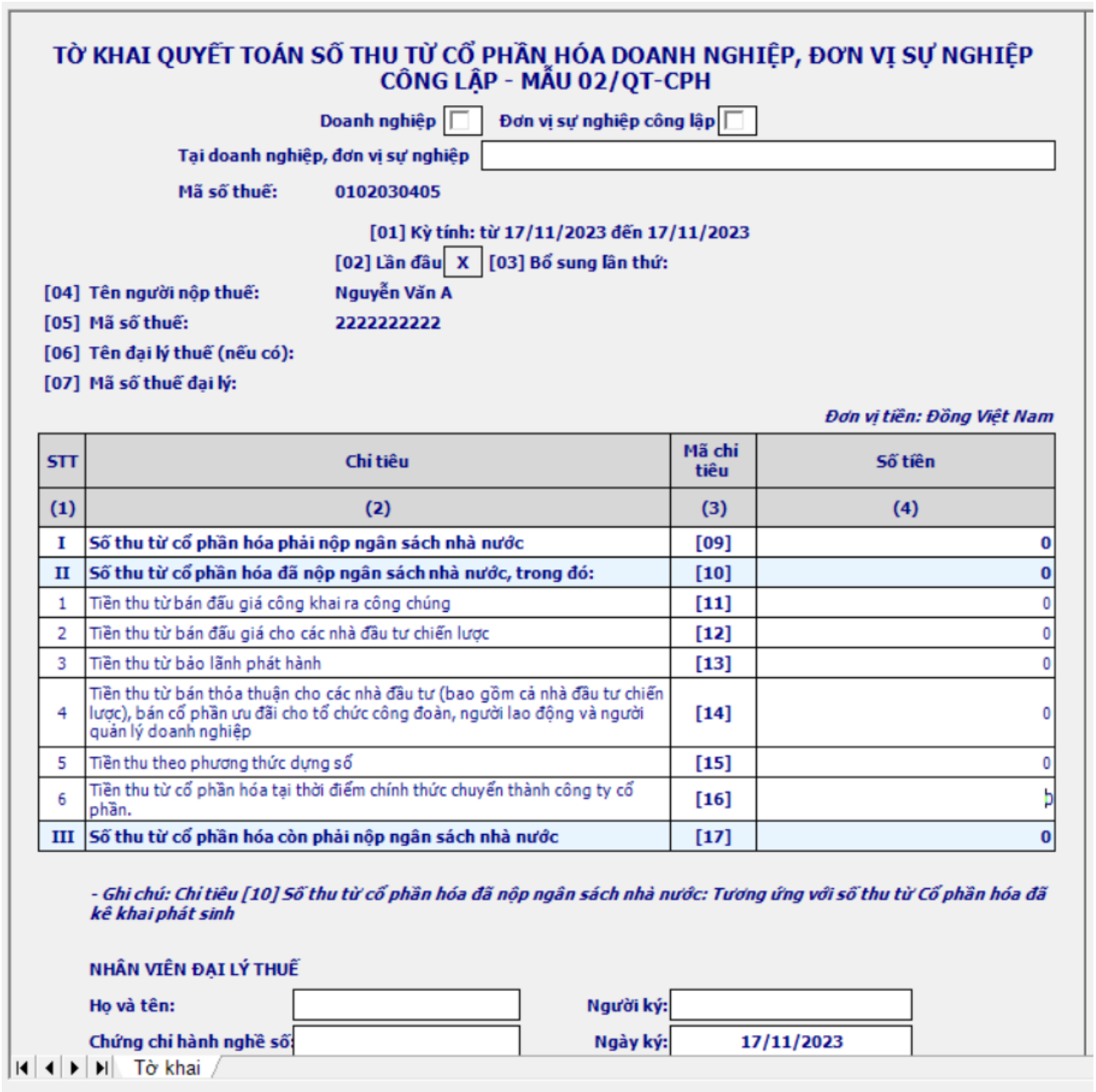

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP - MẪU 02/QT-CPH

Doanh nghiệp ☐ Đơn vị sự nghiệp công lập ☐

Tại doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp

Mã số thuế: 0102030405

[01] Kỳ tính: từ 17/11/2023 đến 17/11/2023

[02] Lần đầu X [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế đại lý:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số thu từ cổ phần hóa phải nộp ngân sách nhà nước	[09]	0
II	Số thu từ cổ phần hóa đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó:	[10]	0
1	Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng	[11]	0
2	Tiền thu từ bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược	[12]	0
3	Tiền thu từ bảo lãnh phát hành	[13]	0
4	Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư chiến lược), bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp	[14]	0
5	Tiền thu theo phương thức dựng sổ	[15]	0
6	Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.	[16]	0
III	Số thu từ cổ phần hóa còn phải nộp ngân sách nhà nước	[17]	0

- Ghi chú: Chỉ tiêu [10] Số thu từ cổ phần hóa đã nộp ngân sách nhà nước: Tương ứng với số thu từ Cổ phần hóa đã kê khai phát sinh

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 17/11/2023

Tờ khai

- **Thông tin chung của tờ khai:**

+ Các chỉ tiêu cần nhập:

• Doanh nghiệp/ Đơn vị sự nghiệp công lập: Bắt buộc tích chọn Doanh nghiệp" hoặc "Đơn vị sự nghiệp công lập"

• Tại doanh nghiệp/ Đơn vị sự nghiệp công lập: Bắt buộc nhập tên doanh nghiệp/ Đơn vị sự nghiệp công lập

- **Thông tin chi tiết tờ khai:**

+ Các chỉ tiêu cần nhập:

• [09] Số thu từ cổ phần hóa phải nộp ngân sách nhà nước: Nhập số >=0

• [11] Tiền thu từ bán đấu giá công khai ra công chúng: Nhập số >=0

• [12] Tiền thu từ bán đấu giá cho các nhà đầu tư chiến lược: Nhập số >=0

• [13] Tiền thu từ bảo lãnh phát hành: Nhập số >=0

- [14] Tiền thu từ bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư (bao gồm cả nhà đầu tư chiến lược), bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn, người lao động và người quản lý doanh nghiệp: Nhập số >=0
- [15] Tiền thu theo phương thức dựng sổ: Nhập số >=0
- [16] Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần: Nhập số >=0

+ Các chỉ tiêu tính toán

- [10] Số thu từ cổ phần hóa đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó: UD tính theo công thức [10] = [11] + [12] + …. + [16]
- [17] Số thu từ cổ phần hóa còn phải nộp ngân sách nhà nước: UD tính theo công thức: [17] = [09] – [10], [17] phải >=0

3.21.2.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

+ 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [17] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

+ Đối với tờ 02/CPH chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Tiểu mục hạch toán: 3653 - Thu hồi vốn của nhà nước từ cổ phần hóa

3.21.3 Tờ khai số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp (mẫu 01/CNV) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK số thu từ chuyển nhượng vốn (01/CNV) (TT57/2022)".

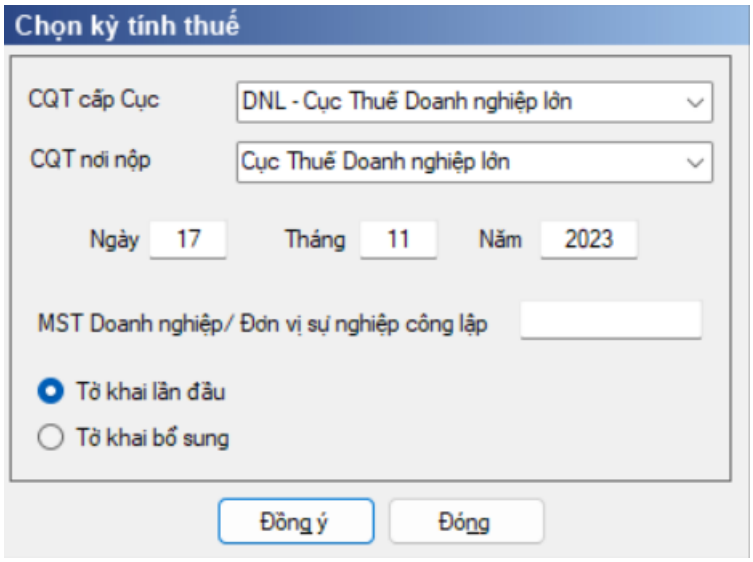

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của doanh nghiệp

+ Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022

+ Hạn nộp:

• Nếu chọn phương thức chuyển nhượng vốn là *"Theo phương thức thỏa thuận"* thì phải nộp *Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai*

• Nếu chọn phương thức chuyển nhượng vốn là *"Khác phương thức thỏa thuận"* thì phải nộp *Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*

• Nếu chọn *"Chuyển nhượng mua cổ phần, chuyển nhượng quyền góp vốn"* thì phải nộp *Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai*

+ Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 01/CNV

3.21.3.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

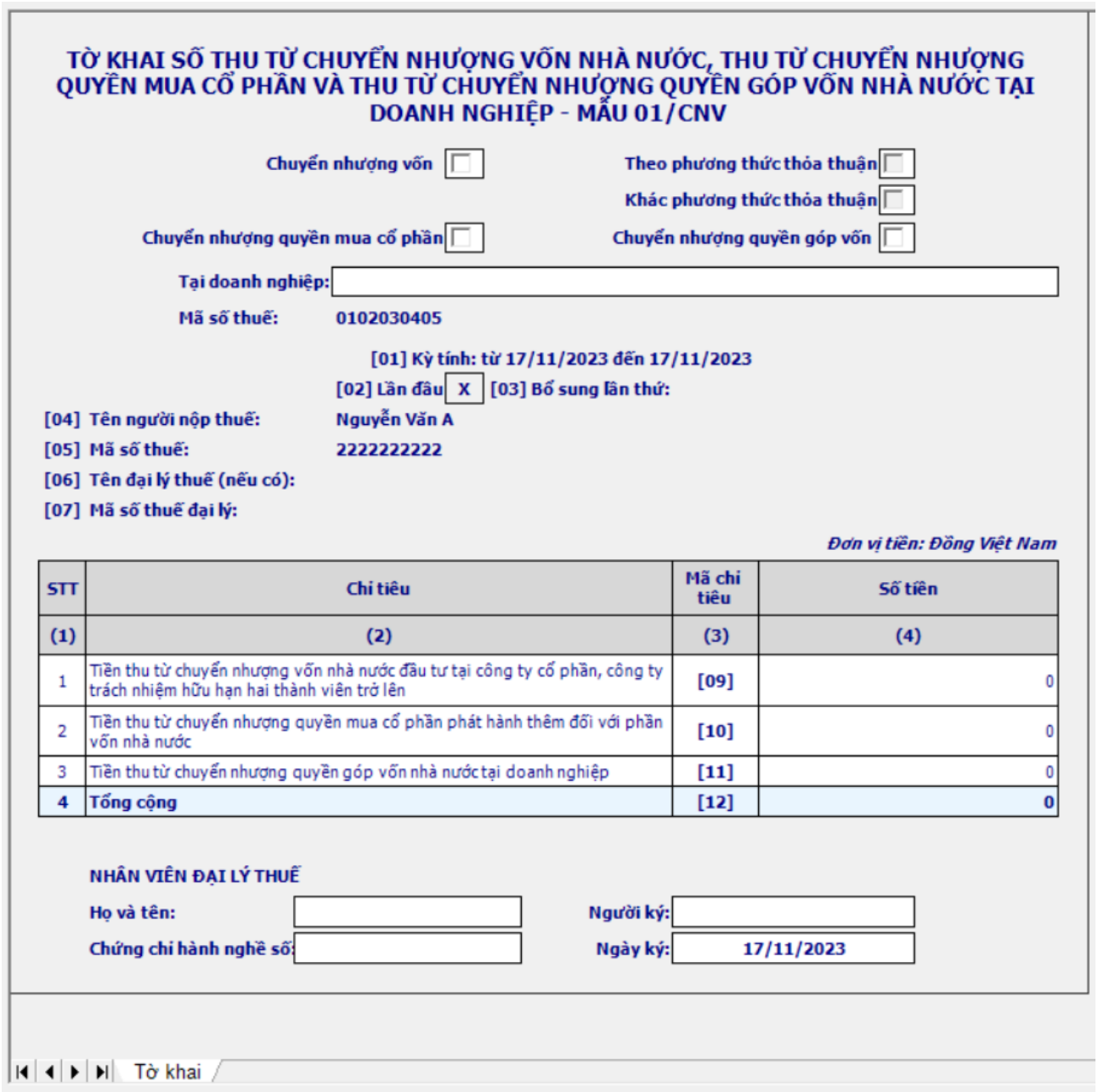

TỜ KHAI SỐ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC, THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CỔ PHẦN VÀ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP - MẪU 01/CNV

Chuyển nhượng vốn ☐ Theo phương thức thỏa thuận ☐
Khác phương thức thỏa thuận ☐
Chuyển nhượng quyền mua cổ phần ☐ Chuyển nhượng quyền góp vốn ☐

Tại doanh nghiệp:
Mã số thuế: 0102030405

[01] Kỳ tính: từ 17/11/2023 đến 17/11/2023
[02] Lần đầu X [03] Bổ sung lần thứ:
[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A
[05] Mã số thuế: 2222222222
[06] Tên đại lý thuế (nếu có):
[07] Mã số thuế đại lý:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	[09]	0
2	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước	[10]	0
3	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp	[11]	0
4	Tổng cộng	[12]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:
Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 17/11/2023

Tờ khai

- **Thông tin chung của tờ khai:**

+ Các chỉ tiêu cần nhập:

- Chuyển nhượng vốn/ Chuyển nhượng quyền mua cổ phần/ chuyển nhượng quyền góp vốn: Bắt buộc tích chọn 1 trong 3.

o Nếu tích chọn "Chuyển nhượng vốn" thì bắt buộc tích chọn 1 trong 2 giá trị: "Theo phương thức thỏa thuận" hoặc "Khác phương thức thỏa thuận"

o Nếu tích chọn Chuyển nhượng quyền mua cổ phần/ chuyển nhượng quyền góp vốn thì khóa không cho tích chọn

- Tại doanh nghiệp: Bắt buộc nhập tên doanh nghiệp

- **Thông tin chi tiết tờ khai:**

+ Các chỉ tiêu cần nhập:

- [09] Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng vốn thì được nhập chỉ tiêu này
- [10] Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng quyền mua cổ phần thì được nhập chỉ tiêu này
- [11] Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng quyền vốn góp thì được nhập chỉ tiêu này

+ Các chỉ tiêu tính toán

- [12] Tổng cộng: UD tính theo công thức [12] = [09] + [10] + [11]

3.21.3.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

+ 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [12] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

+ Đối với tờ 01/CNV chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Tiểu mục hạch toán: 3655 - Thu hồi vốn của Nhà nước từ chuyển nhượng vốn nhà nước

3.21.4 Tờ khai quyết toán số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần và thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp (mẫu 02/QT-CNV) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK QT số thu từ chuyển nhượng vốn (02/CNV) (TT57/2022)".

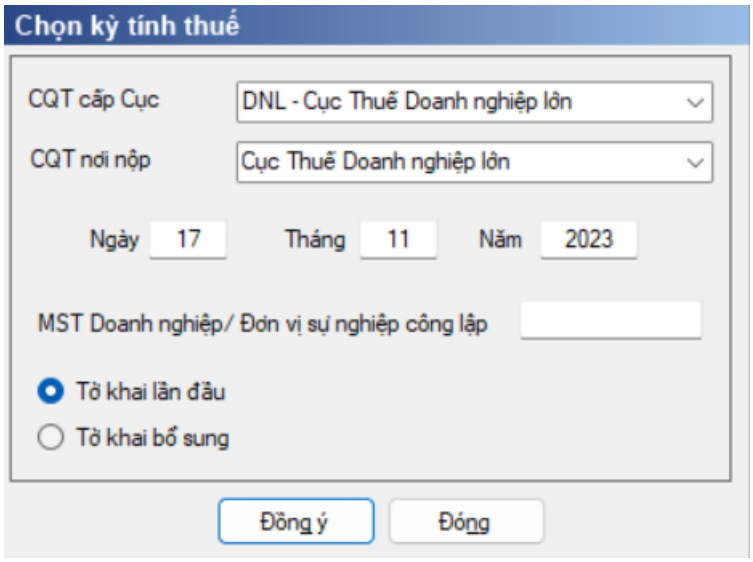

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của doanh nghiệp
  + Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022
  + Hạn nộp: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai
  + Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 02/QT-CNV

3.21.4.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

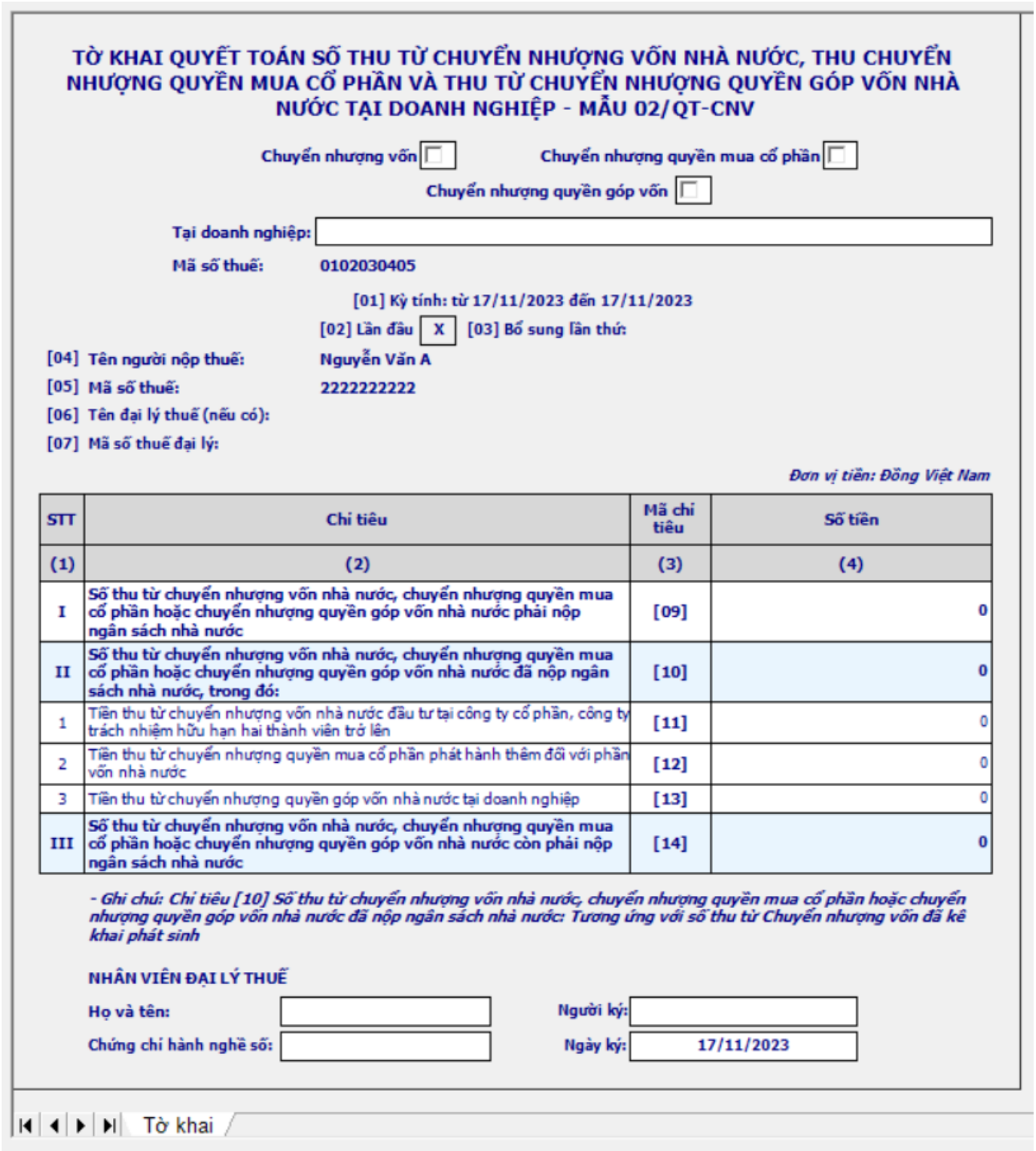

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC, THU CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN MUA CỔ PHẦN VÀ THU TỪ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN GÓP VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP - MẪU 02/QT-CNV

Chuyển nhượng vốn ☐ Chuyển nhượng quyền mua cổ phần ☐

Chuyển nhượng quyền góp vốn ☐

Tại doanh nghiệp:

Mã số thuế: 0102030405

[01] Kỳ tính: từ 17/11/2023 đến 17/11/2023

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế đại lý:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước	[09]	0
II	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó:	[10]	0
1	Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	[11]	0
2	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước	[12]	0
3	Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp	[13]	0
III	Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước còn phải nộp ngân sách nhà nước	[14]	0

- Ghi chú: Chỉ tiêu [10] Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước đã nộp ngân sách nhà nước: Tương ứng với số thu từ Chuyển nhượng vốn đã kê khai phát sinh

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 17/11/2023

Tờ khai

- **Thông tin chung của tờ khai:**

  + Các chỉ tiêu cần nhập:

    - Chuyển nhượng vốn/ Chuyển nhượng quyền mua cổ phần/ chuyển nhượng quyền góp vốn: Bắt buộc tích chọn 1 trong 3.
    - Tại doanh nghiệp: Bắt buộc nhập tên doanh nghiệp

- **Thông tin chi tiết tờ khai:**

  + Các chỉ tiêu cần nhập:

- [09] Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước: Nhập số >=0.
- [11] Tiền thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng vốn thì được nhập chỉ tiêu này
- [12] Tiền thu từ chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng quyền mua cổ phần thì được nhập chỉ tiêu này
- [13] Tiền thu từ chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp: Nhập số >=0. Nếu tích Chuyển nhượng quyền vốn góp thì được nhập chỉ tiêu này

+ Các chỉ tiêu tính toán

- [10] Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước đã nộp ngân sách nhà nước, trong đó: UD tính theo công thức [10] = [11] + [12] + [13]
- [14] Số thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần hoặc chuyển nhượng quyền góp vốn nhà nước còn phải nộp ngân sách nhà nước: UD tính theo công thức [14] = [09] – [10], [14] phải >=0

3.21.4.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

+ 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [14] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

+ Đối với tờ 02/QT-CNV chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Tiểu mục hạch toán: 3655 - Thu hồi vốn của Nhà nước từ chuyển nhượng vốn nhà nước

3.21.5 Tờ khai quyết toán số thu từ các hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác (mẫu 02/QT-SXCDK) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK QT số thu từ hình thức SX, CĐ khác (02/QT-SXCDK) (TT57/2022)".

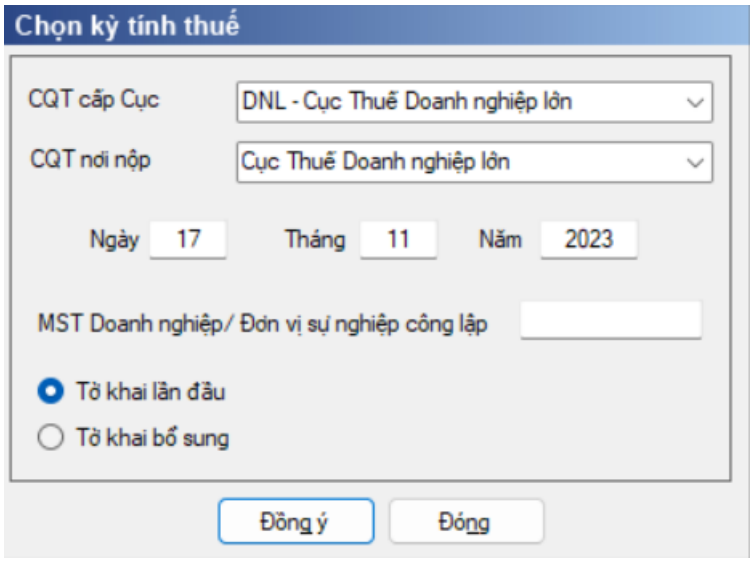

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của doanh nghiệp
  + Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022
  + Hạn nộp: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tờ khai
  + Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 02/QT-SXCDK

3.21.5.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

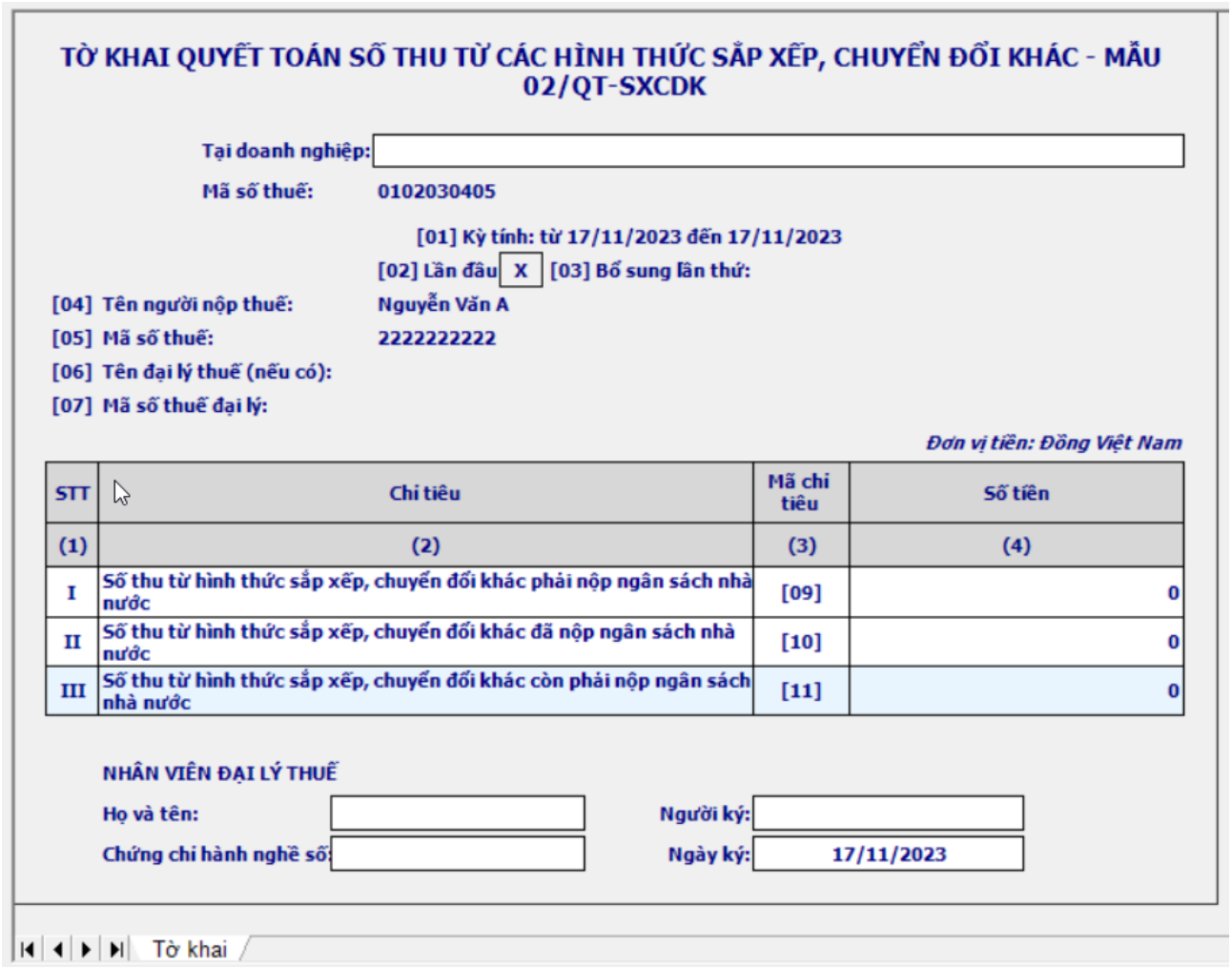

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN SỐ THU TỪ CÁC HÌNH THỨC SẮP XẾP, CHUYỂN ĐỔI KHÁC - MẪU 02/QT-SXCDK

Tại doanh nghiệp:

Mã số thuế: 0102030405

[01] Kỳ tính: từ 17/11/2023 đến 17/11/2023

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế đại lý:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác phải nộp ngân sách nhà nước	[09]	0
II	Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác đã nộp ngân sách nhà nước	[10]	0
III	Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác còn phải nộp ngân sách nhà nước	[11]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 17/11/2023

Tờ khai

- **Thông tin chung của tờ khai:**

+ Các chỉ tiêu cần nhập:

- Tại doanh nghiệp: Bắt buộc nhập tên doanh nghiệp

- **Thông tin chi tiết tờ khai:**

+ Các chỉ tiêu cần nhập:

- [09] Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác phải nộp ngân sách nhà nước: Nhập số >=0.
- [10] Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác đã nộp ngân sách nhà nước: Nhập số >=0.

+ Các chỉ tiêu tính toán

- [11] Số thu từ hình thức sắp xếp, chuyển đổi khác còn phải nộp ngân sách nhà nước: UD tính theo công thức [11] = [09] – [10], [11] phải >=0

3.21.5.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung

- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

+ 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT
  - Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [09] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

+ Đối với tờ 02/QT-SXCDK chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT
  - Tiểu mục hạch toán: 3656 - Thu hồi vốn của Nhà nước từ sắp xếp lại doanh nghiệp theo hình thức khác

3.21.6 Tờ khai số thu từ chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp (mẫu 01/CLVCSH-VDL) đáp ứng Thông tư số 57/2022/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển nhượng vốn" chọn "TK số thu chênh lệch VCSH lớn hơn VĐL (01/CLVCSH-VDL) (TT57/2022)".

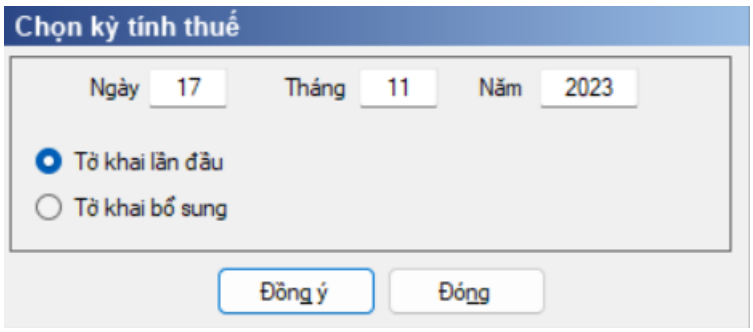

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ CQT nộp tờ khai: CQT quản lý trực tiếp của MST kê khai tờ khai
+ Kỳ kê khai: Kê khai theo lần phát sinh, cho phép kê khai từ ngày 31/10/2022
+ Hạn nộp: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát sinh tờ khai
+ Loại tờ khai: Chọn 1 trong 2 loại "Tờ khai lần đầu" hoặc "Tờ khai bổ sung"

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 01/CLVCSH-VDL

3.21.6.1 Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

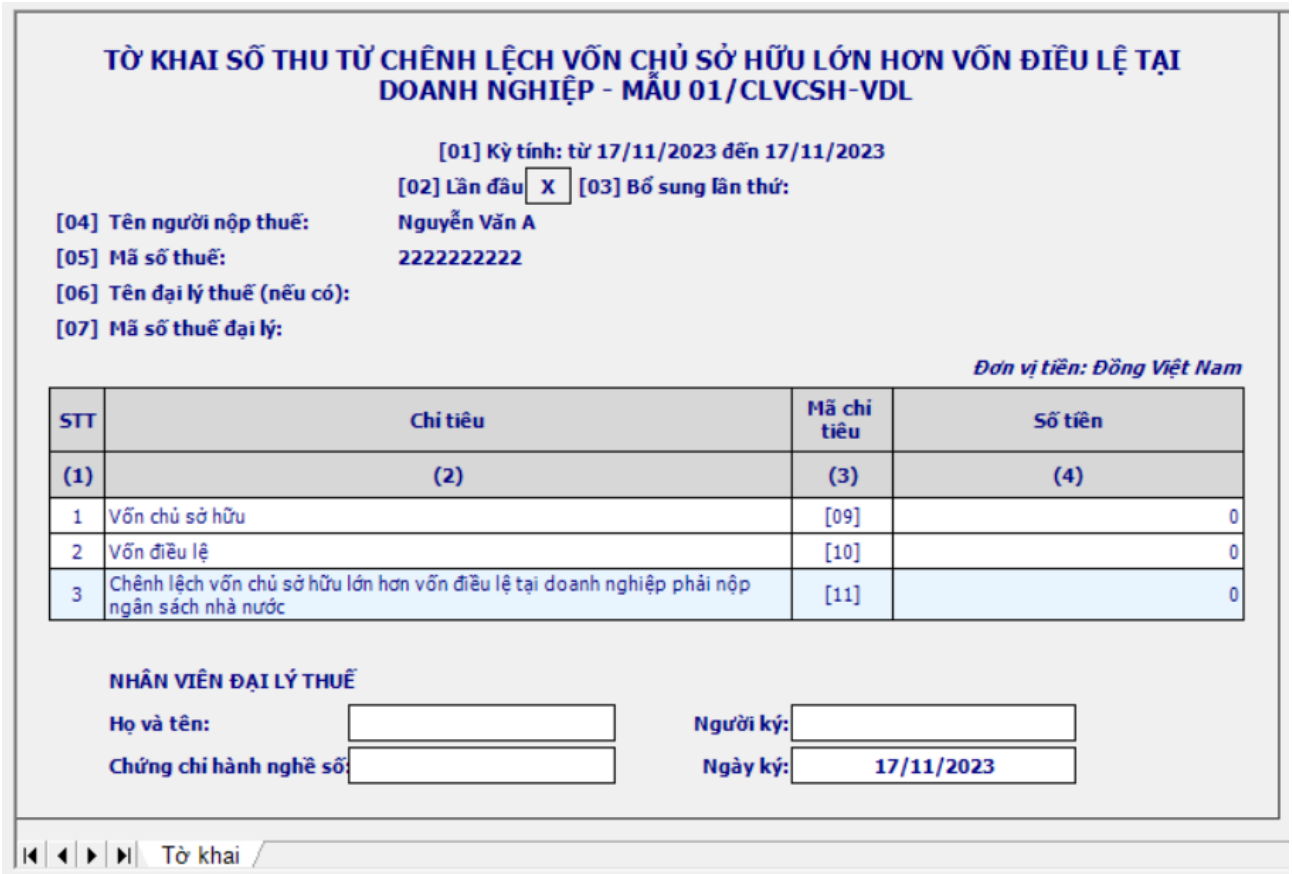

TỜ KHAI SỐ THU TỪ CHÊNH LỆCH VỐN CHỦ SỞ HỮU LỚN HƠN VỐN ĐIỀU LỆ TẠI DOANH NGHIỆP - MẪU 01/CLVCSH-VDL

[01] Kỳ tính: từ 17/11/2023 đến 17/11/2023

[02] Lần đầu [X] [03] Bổ sung lần thứ:

[04] Tên người nộp thuế: Nguyễn Văn A

[05] Mã số thuế: 2222222222

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):

[07] Mã số thuế đại lý:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Vốn chủ sở hữu	[09]	0
2	Vốn điều lệ	[10]	0
3	Chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước	[11]	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký:

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 17/11/2023

Tờ khai

- **Thông tin chi tiết tờ khai:**

  + Các chỉ tiêu cần nhập:

    - [09] Vốn chủ sở hữu: Nhập số >=0.
    - [10] Vốn điều lệ: Nhập số >=0.

  + Các chỉ tiêu tính toán

    - [11] Chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước: UD tính theo công thức [11] = [09] – [10], [11] phải >=0

3.21.6.2 Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- NNT phải kê khai tờ khai chính thức trước khi lập tờ khai bổ sung. Để lập tờ khai bổ sung lần N thì NNT phải kê khai tờ khai bổ sung lần (N-1) và tờ khai này được ghi vào UD
- Trên màn hình nhập kỳ tính thuế, chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung", ứng dụng cho phép NNT nhập lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung
- Ngày lập tờ khai bổ sung phải <= Hạn nộp tờ khai chính thức + 10 năm
- Trên màn hình nhập "Kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai bổ sung, nhập lần bổ sung và ngày bổ sung, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị "Tờ khai điều chỉnh" , PL "01-1/KHBS" và 01/KHBS
- Kê khai các chỉ tiêu trên tờ khai điều chỉnh giống tờ khai lần đầu, sau đó nhấn <Ghi>, ứng dụng hỗ trợ tự động tổng hợp dữ liệu lên 01-1/KHBS và 01/KHBS

  + 01-1/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

    - Chỉ tiêu hạch toán là chỉ tiêu [11] (Loại chỉ tiêu: Phải nộp)

+ Đối với tờ 01/CLVCSH-VDL chỉ tổng hợp lên mục Số thuế phải nộp trên tờ khai điều chỉnh tăng/giảm trên 01/KHBS: Tổng hợp theo nguyên tắc giống tờ khai 01/GTGT

- Tiểu mục hạch toán: 3656 - Thu hồi vốn của Nhà nước từ sắp xếp lại doanh nghiệp theo hình thức khác

4 Thông tin hỗ trợ

Khi cần giải đáp vướng mắc trong quá trình kê khai thuế, các Doanh nghiệp xin vui lòng liên hệ với Phòng Tuyên truyền/Hỗ trợ NNT của Cục Thuế/Chi cục Thuế địa phương để được giải đáp.

4.1 Phụ lục 01: Danh mục tiền tệ

STT	Mẫu số
1	VNĐ
2	EUR
3	GBP
4	USD
5	CHF
6	JPY
7	CAD
8	SGD
9	VND
10	HKD
11	THB
12	SEK
13	NOK
14	DKK
15	AUD